А. С. МАКАРЕНКО

ПЕДАГОГИЧЕСКАЯ ПОЭМА



Tác Phẩm: BÀI CA SƯ PHẠM

Tập 1

Tác giả: A. X. MAKARENKÔ

NHÀ XUẤT BẢN: VĂN HÓA - VIỆN VĂN HỌC

Năm xuất bản: 1962

Người dịch: HƯỚNG MINH dịch

Scan sách: Chợ Sách Cũ

Đánh máy: kaoaye, sao truc,

haiauLucky, lilypham, tmrquan, annie_tuongminh, lathanhvien, Lynk_xu, picicrazy, huynhnhukim, lemontree123

Soát lỗi & Tạo prc: lemontree123

Nguồn: tve-4u.org

Ebook: Đào Tiểu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com

Dịch theo bản dịch tiếng Pháp POEME PEDAGOGIQUE của Jean Chamenois (Nhà xuất bản Ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1953), có tham khảo bản dịch tiếng Trung-quốc của Hứa Lỗi Nhiên (Nhân dân văn học xuất bản xã, Bắc Kinh, 1959).

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU

LỜI NGƯỜI DỊCH

A. MAKARENKÔ (1888 – 1939)

1. NÓI CHUYỆN VỚI ÔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC

2. NHỮNG BƯỚC ĐẦU KHÔNG VINH QUANG CỦA TRẠI GORKI

3. ĐẶC ĐIỂM CỦA NHỮNG NHU CẦU CẦN THIẾT NHẤT

4. ĐẤU TRANH NỘI BỘ

5. VIỆC QUỐC GIA

6. CHIẾM ĐƯỢC CÁI THÙNG SẮT

7. XÂY DỰNG MỘT THẾ GIỚI THÌ CŨNG PHẢI CÓ ĐỦ MỌI THỨ”

8. TÍNH CÁCH VÀ VĂN HÓA

9. ”Ở ĐẤT UKREN VẪN CÒN CÓ

NHỮNG TAY HẢO HÁN"

10. NHỮNG "CHIẾN SĨ GIÁO DỤC XÃ HỘI"

11. THẮNG LỢI VỀ CÁI MÁY GIEO HẠT

12. BRATSENKÔ VÀ ÔNG ỦY VIÊN CUNG CẤP LƯƠNG THỰC

13. ÔTXATSI

14. NHỮNG LỌ MỰC "TỎ TÌNH LÂN MỤC"

15. "ĐỨA CỦA CHÚNG TA ĐẸP NHẤT"

16. "CHÁO YẾN MẠCH"

17. SARIN ĐƯỢC TRẢ NỢ

18. "LIÊN MINH" VỚI NÔNG DÂN

19. RÚT THĂM

20. SINH SÚC VÀ NÔNG CỤ

21. NHỮNG LÃO GIÀ TAI HẠI

22. CHẶT CHÂN TAY

23. NHỮNG HẠT GIỐNG CHỌN LỌC.

24. CON ĐƯỜNG ĐAU KHỔ CỦA XÊMIÔN

25. MỘT LỐI SƯ PHẠM THẦY QUYỀN

26. NHỮNG QUÁI VẬT CỦA TRẠI THỨ HAI

27. CHINH PHỤC ĐOÀN KÔMXÔMÔN

28. MỞ ĐẦU TIẾN HÀNH KHÚC THẮNG LỢI

PHỤ LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

Antôn Xêmiônôvich Makarenkô, nhà giáo dục học vĩ đại của Liên-xô, xuất thân từ một gia đình công nhân. Cha mẹ ông đã phải chịu mọi sự thiếu thốn để cho ông theo học. Thầy giáo của ông, Kaminxki, một nhà giáo dục tiến bộ, khuyến khích ông theo nghề dạy học. Năm 17 tuổi, ông vào ngành giáo dục, dạy học ngay ở xưởng làm việc của cha. Học trò là con công nhân. Cuộc thí nghiệm giáo dục đầu tiên trong một tập thể công nhân - ở đó sau này xuất hiện khá nhiều chiến sĩ bônsêvích - đã đóng một vai trò quan

*trọng trong những quan niệm sư phạm của Makarenkô. Lúc đó là năm 1905. Năm 1905, ông viết, một tiếng sấm làm rung chuyển đất nước Nga. Ông đã tham gia những cuộc mít tinh biểu tình của công nhân, thường xuyên đọc tờ báo bônsêvích "*Cuộc sống mới*", được biết Maxim Gorki, mê say những tác phẩm của Lênin, nhất là cuốn "*Tổ chức Đảng và văn học của Đảng". *Năm 1914, Makarenkô vào học ở học viên sư phạm Pôntava và bắt đầu viết văn, làm thơ. Năm 1917, tốt nghiệp sư phạm, ông trở về thành phố quê hương dạy học.*

Năm 1920, vì tình hình phản cách mạng và sự can thiệp của nước ngoài, nước Nga bị tàn phá, đói rét, hàng

ngàn trẻ lang thang trên các đường phố, bám vào các toa tàu, phá phách các chợ búa, nạn mãi dâm nghiêm trọng. Nhà tù đầy thanh thiếu niên phạm pháp. Làm thế nào cải tạo chúng, đưa chúng trở lại cuộc sống bình thường, tham gia vào xã hội mới? Makarenkô là một trong những nhà giáo dục được cử ra đảm nhiệm công tác nặng nề đó. Và ông là nhà giáo dục đầu tiên đã đặt vấn đề và giải quyết vấn đề theo những phương hướng độc đáo.

Mùa thu năm 1920, Ty Giáo dục tỉnh Bôntapski ủy nhiệm Makarenkô thành lập một công xã lao động gồm các em phạm pháp chưa đến tuổi

*trưởng thành, mang tên công xã Maxim Gorki. Công xã này được mô tả lại trong tác phẩm "*Bài ca sư phạm*". Năm 1927, Makarenkô xây dựng một công xã lao động thứ hai, mô tả trong tác phẩm "Những ngọn cờ trên tháp".*

Năm 1934, Makarenkô trúng cử hội viên Hội nhà văn Xô Viết và năm 1938, tham gia lãnh đạo Ủy ban phụ trách các công xã lao động ở Ukren. Ông là một nhà văn có biệt tài, đại biểu cho chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Tháng 2 năm 1939, ông được tặng thưởng huân chương Lao động Cờ đỏ vì thành tích rực rỡ và thành quả trong việc phát triển văn học xô-viết.

Những tác phẩm chính của

Makarenkô gồm: Bài ca sư phạm, Những ngọn cờ trên tháp, Tiến hành khúc năm 1930, Cuốn sách của những người làm cha mẹ, *và rất nhiều bài diễn giảng, những bài báo về giáo dục.*

Có thể nói trong nền giáo dục học thế giới, ngoài Usinxki ra, không có một nhà lý luận và một nhà hoạt động thực tiễn nào xuất sắc như Makarenkô. Những tác phẩm của ông được dịch ra hàng chục thứ tiếng trên thế giới.

Hiện nay ở Liên-xô, toàn bộ tác phẩm của ông được ghi trong chương trình học của tất cả các học viện sư phạm, và có ảnh hưởng sâu sắc đối với toàn bộ hệ thống giáo dục của Liên-xô.

Những tác phẩm của ông có tính tư tưởng và tính nghệ thuật cao chính vì ông đã miêu tả sâu sắc cuộc sống và chính ông đã tham gia tích cực vào cuộc sống đó.

"Bài ca sư phạm" *là một trong những tác phẩm của Makarenkô được người đọc ham thích nhất. Tác phẩm này cũng đã được dựng thành phim.*

Bài ca sư phạm *là gì?*

Đó là bài ca chiến thắng của những quan điểm giáo dục macxi - Lêninit.

Đó là thành công rực rỡ của Makarenkô trong việc cải tạo hàng ngàn trẻ lưu manh, tội lỗi, biến chúng từ chỗ là "cặn bã" của xã hội trở thành

những công dân tích cực của xã hội xô-viết: những người công nhân, những nhà sử học, nhà địa chất, nhà giáo dục, những kỹ sư, bác học, thầy thuốc, nghệ sĩ; nhiều người được thưởng huân chương, có người trở thành anh hùng xô-viết.

Bài ca sư phạm *thể hiện những quan điểm cơ bản nhất về giáo dục của chủ nghĩa Mác - Lênin. Có thể tóm tắt những quan điểm cơ bản đó như sau:*

Quan điểm thứ nhất, quan điểm quan trọng nhất của Makarenkô, là "ý niệm về con người, thái độ macxit đối với con người". *Có thể coi quan điểm này là quan điểm xuất phát, tư tưởng giáo dục chỉ đạo của ông. Đó là lòng*

nhân đạo xã hội chủ nghĩa đối với con người. Makarenkô nói: "Tất cả hệ thống giáo dục xô-viết nhằm thực hiện khẩu hiệu của Xtalin về sự săn sóc thương yêu đối với con người". Theo ông, khái niệm "trẻ hư hỏng" là một điều vô nghĩa. Ông không công nhận có trẻ xấu từ lúc lọt lòng mẹ, có trẻ phạm tội mà không thể cứu chữa được."... Khoa sư phạm bình thường, hoạt động hướng theo một mục đích, sẽ biến đổi tập thể trẻ con thành một tập thể rất bình thường. Không có trẻ tội lỗi từ lúc lọt lòng, không có trẻ mới sinh đã mang tính xấu. Đối với tôi, theo kinh nghiệm bản thân, điều nhận định này được kiểm nghiệm đúng trăm phần trăm.".

Thái độ của ông là một thái độ lạc quan cách mạng. Chính những nhân vật của Maxim Gorki đã giúp ông có được thái độ lạc quan ấy. "Gorki lạc quan không những vì thấy trước một nhân loại sung sướng, không những vì thấy hạnh phúc trong dông tố, mà còn vì đối với Gorki mọi người đều đẹp. Đẹp không những theo ý nghĩa luân lý và xã hội, mà đẹp cả về mặt thẩm mỹ và sức mạnh".

Vì vậy, theo Makarenkô, "nhà sư phạm phải đi đến với từng người với một giữ thuyết lạc quan, dù có phải lầm lẫn chăng nữa". Cũng như Gorki, ông từ chối không dựa trên những khía cạnh tiêu cực và ốm yếu của con người.

Ông tìm ra ở mỗi trẻ, mặc dầu cảnh ngộ bi đát tuyệt vọng đến thể nào, một niềm hy vọng, một khía cạnh tích cực để phát huy lên, làm nảy nở ra mọi tiến bộ. Chính vì thương yêu con người, tôn trọng con người nên phải yêu cầu ở đứa trẻ càng nhiều càng tốt."Càng tôn trọng con người bao nhiêu, càng yêu cầu bấy nhiêu". Yêu cầu đối với đứa trẻ biểu thị sự tôn trọng đối với sức lực và khả năng của nó. Và ngược lại, tôn trọng bao hàm ý nghĩa phải đòi hỏi, phải yêu cầu. Yêu cầu càng nhiều, đứa trẻ càng tin ở khả năng của nó, càng thấy tự hào. Bài ca sư phạm *là một bức tranh tuyệt đẹp, một bài thơ tuyệt diệu về niềm tin tưởng ở bản chất tốt đẹp*

của con người. Có đứa trẻ, trước kia đã từng ăn cắp giết người, nay được Makarenkô trao cho giữ súng, ủy nhiệm cho đi lĩnh những món tiền rất lớn. Một lần, vì thái độ hỗn láo quá đáng, Makarenkô đánh Zađôrôp, một trong những đứa cầm đầu. Về sau, nhiều lần ông nhắc lại việc đó, cho đấy là dấu hiệu về sự hoang mang và tuyệt vọng cực độ của nhà giáo dục. Suốt đời, ông chống lại chủ trương trừng phạt về thể xác. Vì thế, ta không nên hiểu lầm sự việc đó mà cho rằng khi cần thiết cũng phải đánh trẻ.

Công xã lao động trong Bài ca sư phạm *mang tên Maxim Gorki và cuốn tiểu thuyết kết thúc với cuộc đến thăm*

công xã của Maxim Gorki nói lên ảnh hưởng sâu sắc của Gorki đối với những quan điểm sư phạm của Makarenkô.

Quan điểm thứ hai là "giáo dục trong lao động". *Đây là nguyên lý cơ bản nhất của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, một nền giáo dục dựa trên học thuyết Mác - Lênin. Trong thực tế cũng như trong lý luận, Makarenkô chỉ rõ rằng: lao động không những là mục đích giáo dục mà còn là phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động của trẻ trong công xã Gorki chiếm một vị trí hết sức quan trọng, lao động tự phục vụ và lao động sản xuất. Chính vì nắm vững nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về giáo dục, chính vì thực hiện*

sự kết hợp giữa học lập và lao động sản xuất trong các công xã lao động nên Makarenkô ngay từ đầu đã thấy rõ được những nét lớn về giáo dục kỹ thuật tổng hợp. Phần cuối tác phẩm Bài ca sư phạm *cho biết Makarenkô lãnh đạo một trại lao động thứ hai ở Ukren, ông lập một trường phổ thông 10 năm, một xưởng chế tạo máy ảnh Lâyka và một xưởng chế tạo dụng cụ điện. Các xưởng này giúp trại tự lập hoàn toàn. Từ sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp đến sản xuất công nghiệp, đó là bước tiến mới về mặt giáo dục kỹ thuật tổng hợp.*

Trước khi chết, ngày 9 tháng 3 năm 1939, phát biểu trong một cuộc dạ hội,

Makarenkô nói: "Tôi là người đứng về phía các quá trình sản xuất trong nhà trường, thậm chí quá trình sản xuất đơn giản nhất, dễ tiến hành nhất, buồn tẻ nhất. Tôi nghĩ rằng loại trường học sản xuất như vậy, một thời gian nữa chúng ta sẽ có,..". Thí nghiệm của Makarenkô trong các công xã lao động giúp ích cho sự phát triển phương hướng giáo dục kỹ thuật tổng hợp. Đến đại hội 19, rồi 20, 21 của Đảng Cộng sản Liên-xô, nguyên lý giáo dục kỹ thuật tổng hợp được phát triển thành một hệ thống lý luận rất phong phú. Nhưng Makarenkô là nhà giáo dục học đầu tiên đã tìm ra cách áp dụng cụ thể nguyên lý giáo dục kỹ thuật tổng hợp.

Trẻ ở trong công xã lao động đã làm quen dần với những nguyên lý chung về kỹ thuật, về tổ chức sản xuất, về những động tác đơn giản và cơ bản về sản xuất nông nghiệp, về cơ khí và về điện lực. Qua giáo dục lao động, nhiều trẻ "tội lỗi" đã được cải tạo về tư tưởng và về sau trở nên những nhà chuyên môn giỏi, công nhân lành nghề, bác sĩ, kỹ sư, phi công, bác học.

Không những trẻ hư hỏng cần được cải tạo trong lao động mà trẻ bình thường cũng cần được giáo dục trong lao động, Không những nhà trường mà cả gia đình cũng cần giáo dục thanh thiếu niên qua công tác lao động từ thấp lên cao, từ đơn giản đến phức tạp.

Quan điểm lao động là đức tính tốt đẹp nhất là cơ sở của nền đạo đức xã hội chủ nghĩa. Theo Makarenkô, trên đất nước xô-viết, lao động phải là Lao động sáng tạo, lao động tự giác, lao động phải là hình thức biểu hiện chủ yếu của cá tính và tài năng. Chính quá trình tham giữ lao động sẽ rèn luyện đạo đức xã hội chủ nghĩa, đoàn kết chặt chẽ những người lao động, xây dựng tình bạn chân chính. Cần giáo dục trẻ chống tâm lý ỷ lại, đòi hỏi, ăn sẵn. Người giáo viên xã hội chủ nghĩa phải giáo dục những con người hăng hái lao động, động viên thái độ sáng tạo trong lao động, phát triển thể lực và trí lực, phát huy khả năng tổ chức,

biết "điều khiển, chú ý, tính toán, xem xét, sáng tạo, cần mẫn và vị tha ".

Quan điểm cơ bản thứ ba của Makarenkô là "giáo dục trong tập thể, bằng tập thể". *Đây là tư tưởng giáo dục trung tâm của ông. Quan điểm này thể hiện rất rõ trong hoạt động của các công xã lao động, trong* Bài ca sư phạm *cũng như trong Những ngọn cờ trên tháp. Xuất phát từ lời dạy của Lênin về những quan hệ giữa cá nhân và tập thể trong xã hội xã hội chủ nghĩa, Makarenkô đã nghiên cứu những mối quan hệ đó và rút ra những ứng dụng thực tế vào công tác giáo dục. Makarenkô đã sớm thấy cùng với Krupxkaia và Kalinin, một nguyên tắc*

quan trọng: tập thể là biện pháp giáo dục tốt nhất. "Chính tập thể là người giáo dục tốt nhất". Vì thế "tác động sư phạm có tổ chức phải hướng vào tập thể": tập thể công xã lao động, tập thể trường học, tập thể gia đình, tập thể Đoàn Thanh niên Đội Thiếu niên. Rút kinh nghiệm từ thực tế, Makarenkô đã xây dựng hẳn một lý luận về sự phát triển của tập thể, phong cách của tập thể.

Tác phẩm Bài ca sư phạm *là dẫn chứng cụ thể về quá trình hình thành tập thể. Lúc đầu, tập thể chưa hình thành, kỷ luật tự giác chưa có, nhà giáo dục phải đề ra yêu cầu, có khi phải độc đoán đề ra yên cầu. Khi chung quanh*

nhà giáo dục đã có một nhóm cốt cán, một cái nhân sẵn sàng bênh vực kỷ luật trật tự chung một cách có ý thức, đó là giai đoạn thứ hai. Giai đoạn thứ ba là giai đoạn mà tự tập thể đề ra yêu cầu. Lúc đó, nhà giáo dục chỉ còn đóng vai trò điều chỉnh lại một số yêu cầu nào đó đi hơi xa. Trình độ yêu cầu tới mức cao nhất khi mỗi đứa trẻ tự mình đề ra được yêu cầu cho bản thân và biết tự kiểm tra thái độ của mình. "... Từ yêu cầu độc đoán của nhà tổ chức đến yêu cầu tự do của mỗi đứa trẻ đối với bản thân nó trên cơ sở yêu cầu của tập thể, tôi cho đó là con đường cơ bản của quá trình tiến hóa của một tập thể trẻ xô-viết.

Trong một bức thư gửi Maxim Gorki, Makarenkô viết: "Tôi đã đạt được kết quả vì xuất phát từ nguyên tắc cơ bản sau đây: tập thể phải hoạt động, tập thể có thể xây dựng được bởi những con người hoạt động và chính trong sự hoạt động đó họ tự biến đổi.". Nói về nguyên tắc giáo dục trong tập thể và bằng tập thể của Makarenkô, Zađôrôp, một đứa trẻ rất khó thích ứng, sau trở nên kỹ sư, đã viết: ". dần dà, quá trình giáo dục biến thành một quá trình tự giáo dục của tập thể. Thật là đặc sắc và không ngờ!".

Trên đây, tôi chỉ nêu lên những quan điểm cơ bản nhất của Makarenkô về giáo dục. Nội dung tác phẩm Bài ca

sư phạm *còn chứa đựng nhiều bài học khác, phong phú và sinh động. Đọc kỹ tác phẩm, ta có thể rút ra nhiều bài học về quan điểm giáo dục, về kỹ thuật sư phạm.*

Tóm lại, tư tưởng chủ đề của Makarenkô trong Bài ca sư phạm *là giáo dục những trẻ lưu manh, phạm pháp, sản phẩm của xã hội bóc lột, thành những công nhân yêu nước, giác ngộ, trung thành với chế độ xã hội chủ nghĩa, những chiến sĩ tích cực xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để đạt được mục đích đó, nhà giáo dục phải tin tưởng sâu sắc ở bản chất tốt đẹp của con người, tôn trọng con người, phải nắm vững quan điểm giáo dục trong lao*

động, bằng lao động, và giáo dục trong tập thể, bằng tập thể. Đó là những quan điểm, những phương pháp giáo dục có tính vạn năng hiệu quả nhất, nó thể hiện căn bản nhất sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, nó là bản chất của giai cấp công nhân.

Nội dung tác phẩm Bài ca sư phạm *diễn ra ở Liên-xô trong hoàn cảnh nội chiến, trong thời kỳ khôi phục kinh tế và bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Hoàn cảnh miền Bắc nước ta hiện nay có khác hoàn cảnh của Liên-xô lúc đó. Đặc điểm trẻ em nước ta - kể cả một số trẻ em hư hỏng - có khác đặc điểm những đối tượng giáo dục của Makarenkô trong* Bài ca sư phạm

Nhưng những nguyên lý, những quan điểm cơ bản về giáo dục xã hội chủ nghĩa không thay đổi. Tôi tin chắc rằng những quan điểm giáo dục tiên tiến của Makarenkô sẽ rất có ích cho chúng ta, các giáo viên cũng như các cha mẹ học sinh.

Ở nước ta, các tác phẩm của Makarenkô chưa được phiên dịch đầy đủ. Nay Nhà xuất bản Văn hóa, lần đầu tiên, dịch tác phẩm Bài ca sư phạm, *tác phẩm nổi tiếng nhất của Makarenkô. Tôi tin rằng bản* Bài ca sư phạm *sẽ được bạn đọc hoan nghênh, nhất là các bạn giáo viên. Đọc nó, nghiền ngẫm, suy nghĩ, chắc chắn chúng ta rút ra được nhiều bài học quí báu, không*

những để giáo dục trẻ em hư mà cả những trẻ em bình thường trong mỗi gia đình, trong mỗi trường học.

Tháng 6 năm 1962

NGUYỄN SĨ TỲ

Viện phó *Viện nghiên cứu*

Khoa học giáo dục

Bộ Giáo dục

LỜI NGƯỜI DỊCH

Đề cập tới vấn đề cải tạo những con người xấu của chế độ cũ để lại, chủ tịch N. X. Khrutsôp, trong bài nói chuyện ở Đại hội các nhà văn lần thứ ba, ngày 22-5-1959, đã xác định rằng:

Muốn đưa một con người như vậy vào con đường ngay thẳng, cần có một thái độ khác (*với thái độ nghi kỵ, ruồng bỏ - H. M.)* cần phải tin ở con người, tin vào những đức tính tốt nhất của con người. Người đó có thể tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa cộng sản được không? Có thể được các đồng

chí ạ!

Trong việc miêu tả những trường hợp như thế, tôi khó lòng mà thi đua được với tác giả quyển *Bài ca sư phạm*, Antôn Xêmiônôvich Makarenkô, nhà văn nổi tiếng và được mọi người đều kính trọng. Ông đã cho ta thấy cái cao quý của con người, cái sức mạnh lớn lao của lòng tin ở con người. Và tất cả chúng đều biết rõ những người, trước kia là trộm cắp và giết người đã được săn sóc và tin tưởng đã đền đáp lại lòng tin ấy gấp trăm ngàn lần như thế nào[1].

Tên tuổi Makarenkô vang dội tới chúng ta từ lâu.

Tác phẩm *Bài ca sư phạm* đã được

giới thiệu với nhân dân Việt Nam ngay từ năm 1956 qua cuốn phim cùng tên và chỉ ít lâu sau, một cuốn phim khác, cũng mang tên một tác phẩm lớn khác của ông *Những ngọn cờ trên tháp*, lại được chiếu trên các màn ảnh Việt Nam. Gần đây, Nhà xuất bản Giáo dục cũng đã xuất bản các bản dịch những cuốn *Lời khuyên các vị phụ huynh*[2] và *Cuốn sách của những người làm cha mẹ*[3] của ông. Tất cả những phim và sách ấy đều được quảng đại quần chúng nước ta hết sức hoan nghênh. Đặc biệt phim *Bài ca sư phạm* đã gây một xúc động mạnh mẽ trong các tầng lớp thanh niên nam nữ và khiến các nhà giáo dục cũng như những

người làm cha mẹ phải quan tâm suy nghĩ rất nhiều.

Ở Liên Xô, sau khi cuộc cách mạng vô sản thành công và bắt đầu xây dựng cơ sở về mọi mặt cho chủ nghĩa xã hội, thì vấn đề giáo dục thanh niên, nhất là các thanh niên hư hỏng, nạn nhân của chế độ cũ và của thời kỳ tao loạn, lập tức được đặt ra với tất cả tầm quan trọng to lớn và cấp thiết của nó.

Năm 1920 được giao cho cái trọng trách cải tạo những trẻ vị thành niên "phạm pháp ", những trẻ con vô thừa nhận kéo lê cuộc sống bi thảm, đói rách trên những bờ hố của trụy lạc, bên cống rãnh của những thành phố chưa hẳn hết bị đe dọa vì nạn thổ phỉ, sau cuộc Cách

mạng tháng Mười, Makarenkô đã làm thế nào để biến những thanh niên tưởng chừng không tài nào cảm hóa được ấy thành những người công dân tốt của tổ quốc Xô Viết, những người phải có cái nhiệm vụ tích cực xây dựng chủ nghĩa cộng sản?

Marakenkô không phải là một nhà lý luận phòng giấy. Ông không dựa vào những nguyên tắc trừu tượng nào để tìm phương pháp sư phạm. Là một người hoạt động, và thấm nhuần sâu sắc nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, ông đã nhìn thẳng vào thực tế biện chứng của đời sống với những cá tính vô cùng phức tạp và sinh động của các trẻ nuôi giao phó cho ông. Một lòng tin mãnh liệt ở những

khả năng tốt đẹp của con người hướng dẫn mọi hành động của ông, đem cho ông sức mạnh vượt qua mọi trở ngại trong những giờ đen tối nhất. Thêm vào đấy, một đức tính nhẫn nại vô song, không bao giờ biết nản, một tình yêu sâu sắc đối với con người mà ông luôn luôn tôn trọng ở mỗi đứa trẻ, một nhiệt tình nghệ sĩ lúc nào cũng tỉnh táo để phát hiện ở nó những ánh lửa thiêng, những bông hoa chớm nở mà ông hết sức bồi dưỡng, nâng niu, một tinh thần vì người cao cả, quên mình và hy sinh hết thảy để chăm lo săn sóc từng li từng tí đến đời sống của các trẻ nuôi, khiến ông dần dần đi sâu vào tận cùng các ngõ ngách tâm hồn chúng, được chúng kính trọng và nhất là yêu

mến. *Bài ca sư phạm* cũng là một bài ca chủ nghĩa nhân đạo của con người cộng sản.

Cuốn sách đó kết tinh những kinh nghiệm sống của Marakenkô trong việc xây dựng trại Gorki, trại lao động cải tạo đầu tiên cho thiếu nhi ở Liên Xô. Bị đặt trước những tình trạng khó khăn, có khi nguy hiểm, hầu như tuyệt vọng, ông thuật lại chuyện những nghi ngờ, những sai lầm, những lo âu, những tức giận và sau cùng là những thành công đã đền đáp lại cái nghị lực không thể khuất phục được của ông[4].

Nhưng không nên tưởng đây là một câu chuyện khắc khổ, với những hình

thức khô khan, đóng chắc trong khuôn khổ một bản báo cáo. Trong *Bài ca sư phạm*, Marakenkô tỏ ra là một nhà nghệ thuật có tài, trên cơ sở những tài liệu cụ thể của cuộc sống đã tái hiện quá trình hình thành con người mới… Ông đã biết đem vào quyển tiểu thuyết của mình những yếu tố nói lên tiền đồ tương lai, sự tiến triển của đất nước, của xã hội, tức là thể hiện cuộc sống trong sự vận động đi lên của nó[5].

Những sự việc được miêu tả trong truyện là tất cả cuộc sống vô cùng phong phú của cải xã hội thiếu nhi không ngừng biến chuyển – cũng như cái xã hội lớn nói chung- cuộc sống có những khía cạnh ngây thơ nhất định nhưng cũng đầy rẫy

những nét khiến người ta phải ngạc nhiên và nghi ngờ. Mấy trăm nhân vật, kể cả trẻ con và người lớn, xuất hiện trên những trang sách, là cả một thế giới rộng lớn vì quy mô diễn biến của nó trong không gian và thời gian, một thế giới phồn tạp, trong đó mỗi người mỗi vẻ đều được ghi rất nhanh bằng vài lời sắc gọn, chắc như một nhát dao, một nhát búa làm nổi bật ngay tính cách điển hình. Nếu có những trang đượm một ý vị thơ đầm ấm, tả sự vui sống một buổi chiều đông chung quanh lò sưởi, mà các cây củi trong lò tự kể chuyện mình (phần II, chương 3), thì cũng có những trang đầy sự náo nức của chú trại viên đi chân đất nhưng thực sự làm chủ nhân ông, đem hết sức mình ra

lao động xây dựng trại, chế ngự và sửa chữa cả những thiếu sót của thiên nhiên (phần II, chương 10). Và liền ngay sau đó, ta được nghe giọng trữ tình kỳ thú của con người đứng chỉ đạo tất cả những công cuộc ấy:

Mỗi đứa trẻ đó có đường đi của nó, cũng như trại Gorki có đường đi của trại. Tôi cảm thấy tôi nắm trong tay rất nhiều đường xuất phát của cuộc đời ấy, song nhận cho ra những phương hướng, triển vọng và điểm kết thúc của những con đường đó trong đám sương mù của tương lai gần gũi thật khó khăn biết nhường nào. Giữa đám sương mù ấy hiện đang quay lộn trong lốc bão những yếu tố mà người ta chưa chi phối được, mà các kế

hoạch và các khoa toán học chưa đặt được cho chúng một tên gì. Cuộc hành quân của chúng tôi xuyên qua những lực lượng không cân lường được ấy có cái vẻ mỹ quan của nó, cho nên vẻ mỹ quan của những thửa vườn hoa, vườn quả kia đã hết làm cho tôi cảm động.

Thảng hoặc ở đây, ở đó, đôi khi cũng có một chút âm thầm chua chát không thể nào tránh được, trong những giờ phút ngờ vực cái kết quả công việc mình làm, nghĩ đến sự bạc bẽo của cuộc đời mình, dệt toàn bằng những vất vả và hy sinh trong bóng tối, nhưng cái đó chỉ là thoáng qua và hãn hữu, còn thường thì tác giả để lộ trên mỗi trang, hầu như trên mỗi dòng, một nụ cười vô cùng tinh tế và

tế nhị. Nói là "để lộ" có lẽ không đúng lắm, và nụ cười cũng không hẳn là luôn luôn rõ rệt. Đúng hơn, nhiều khi đó chỉ là một cái nhếch môi, hoặc ta tưởng tượng ra như vậy, một cái gì rất kín đáo nhưng vô cùng sâu sắc và thấm thía, nó chính là một nét đặc biệt Marakenkô. Là dấu hiệu không thể lẫn được của bản chất trào tiếu, phúng thích, cái gọi là "uy mua" (humour) riêng của ông vậy. Đọc *Bài ca sư phạm* ta luôn luôn tưởng được thấy nét mặt ông cũng có phần nào giống nét mặt Lapô mà ông tả cứ "tỉnh khô "đi, kiểu "cù không cười ", trong khi hắn làm cho những người nghe hắn phải bò lăn ra cười vì những câu hóm hỉnh của hắn. Cái duyên ấy chỉ có thể có được ở những

người mang sẵn trong lòng một tình yêu đời bất trị, nó phản ánh một niềm tin vững chắc ở mình, ở sức mạnh thuyết phục của mình, biết mình nắm được lẽ phải, nắm được chân lý.

Nét mặt Marakenkô mà ta tưởng tượng ra đó có lẽ không sai lạc lắm, nếu đem so sánh với cách nhìn của đại văn hào Maxim Gorki trong buổi gặp gỡ đầu tiên của người với Marakenkô, bấy giờ đã gần bốn mươi tuổi:

Người miêu tả cho ta thấy ông mới thoạt trông khá tầm thường, tóc cắt ngắn kiểu bàn chải, một cái mũi khá lớn, một bộ ria mép ngắn, đôi mắt màu lam xám đột nhiên ánh lên vẻ tinh quái, một kiểu ăn mặc giản dị, hầu như kiểu quân nhân,

dáng điệu vừa là của một nhà giáo thôn quê vừa là của một người lính. Thoạt mới gặp, Marakenkô cho người ta cái ấn tượng là hơi lạnh lùng, hơi kín đáo, bởi vì ông ưa lặng lẽ nghe hơn, đầu hơi nghiêng nghiêng tựa hồ ông đang in lấy một dấu hữu hình nào đó của người nói chuyện với mình (ông ta biết nắm ngay tức khắc được những nét đặc thù chủ yếu của một người mới đến, đóng nó vào một câu đầy ý nghĩa thấm thía và trào lộng), thế rồi một nụ cười hiền hậu bỗng làm biến dạng cái bộ mặt hơi buồn ấy và đến lượt Makarenkô bắt đầu nói bằng một giọng hơi ồm ồm, hơi khàn khàn, nhưng vô cùng giàu tiết điệu ý nhị[6].

Tác giả của những dòng trên đây còn

cho ta biết thêm:

* Bản chất nghệ sĩ rất sâu sắc, say mê hết thảy mọi cảnh sắc thiên nhiên cũng như say mê sân khấu, âm nhạc và thi ca, Makarenkô biết tạo ra cái đẹp ở quanh mình, và bọn trẻ cảm thấy ngay tức khắc những cố gắng của ông để làm cho cuộc sống của chúng đẹp đẽ hơn lên.

* Dậy từ 5 giờ sáng, ít khi ngủ trước 1 giờ, Makarenkô khiến những người xung quanh phải ngạc nhiên vì sức làm việc không thể nào tin được của ông: ông có cái tài ở bất cứ chỗ nào cũng có mặt cùng một lúc mà không bao giờ có vẻ gì là hối hả cả. Là một nhà tổ chức giỏi bậc nhất, ông có thể đồng thời làm nhiều công việc song song mà không hề rối trí

vì sự những đứa trẻ nuôi của ông cứ đi đi lại lại[7].

Chính cái sức làm việc không biết mệt ấy và cái tổ chức lạ lùng ấy đã khiến Makarenkô, "nhà sư phạm lớn nhất của thời đại chúng ta "(S. O. M. Nubarôp) đồng thời là nhà văn lỗi lạc mà Chủ tịch, N. X. Khrutsôp ca ngợi một cách rất xứng đáng ấy, đã có những địa bàn hoạt động rất khác nhau (xem lược kê những tác phẩm của ông ở phần phụ lục, tập 3) và đã kể lại cho chúng ta một di sản văn học và sư phạm vô cùng quý báu.

Chúng ta cần phải khai thác cái di sản ấy. Nếu Makarenkô đã tìm những gương sống trong các nhân vật của

Maxim Gorki để lần ra con đường đi vào tâm tư của con người, phát hiện ở nó những giá trị, những khả năng thiện mỹ, dù chỉ là một mầm mống rất non yếu, một liều lượng rất ít ỏi của cái bản chất tốt ẩn giấu dưới những hiện tượng thảm hại nhất của sự cùng khốn và sự hư hỏng đồi bại, thì đến lượt chúng ta, chúng ta há không thấy sự bổ ích tìm trong những gương sống ngay trong các nhân vật của chính Makarenkô? Những Zađôrôp, Burun, Bratsenkô, Karabanôp, Gut, Galatenkô, Fêđôrenkô, Kutlaty, Ôpriskô, Taranet, Tsôbô, Vecsơnep, Vetkôpxki, là chỉ kể những tên tình cờ nhớ tới, và những nữ trại viên Ôlia Vôrônôva, Natasa Pêtrenkô, Naxchia Nôtsêvnaia,

Raitxa Xôkôlôva, v.v… Bao nhiêu tiêu bản của một cái nhân loại phức tạp mà giản dị, kỳ quái mà dễ hiểu, ô hợp mà đồng nhất, từ vẻ ngoài: y phục, tư thế, đến những nét chủ đạo của tâm hồn: tình vui sống, lòng tin yêu chế độ, quyết tâm bảo vệ nó đến cùng. Đồng nhất nhưng không phải rập khuôn, vì ai nấy vẫn mỗi người mỗi vẻ, không ai giống ai, như trên một bức khảm sà cừ mà mầu sắc lung linh thay đổi không cùng, tùy theo góc của người đứng ngắm. Có nhà sư phạm nào không thèm muốn được nói như tác giả:

- Cuộc sống ở trại bây giờ tốt đẹp và có trật tự, trông thấy vậy tôi tự hào về phần đóng góp của mình làm cho

đất nước này thêm đẹp đẽ. Song về phương diện thẩm mỹ tôi cũng có những ý thích riêng của tôi: các thứ hoa, các đường nhỏ đi dạo mát và các gốc cây cối um tùm đều không làm cho tôi một phút nào mất hút được những đứa trẻ mặc quần cụt màu lam và sơ mi trắng nọ. Các chú bé đó hiện thời đang chạy lăng xăng hay bình tĩnh đi lại giữa các tân khách, bận rộn chung quanh những bàn tiệc, hoặc đứng vững ở nơi phận sự, ngăn không cho ùa vào trại bằng mấy trăm kẻ ngốc nghếch đến xem một đám cưới xưa nay chưa từng có[8]: đó là các trại viên Gorki. Thon mảnh và chỉnh chện, mình lẳn chắc và mềm mại, gân guốc và lành mạnh, thân thể không biết đến thuốc men

là gì và gương mặt nào cũng môi đỏ hồng hào. Những gương mặt như thế được tạo nên ở trại: khi ở ngoài phố vào đây chúng không như vậy?

Kết quả thật nức lòng, tuy nó chỉ mới đánh dấu một chặng đầu tiên trên đường đi tới đích của trại. Nhưng đạt được tới được kết quả đầu tiên ấy cũng đã phải tốn biết bao tâm tư, trải qua biết bao giờ lo âu phiền muộn, mỗi lúc có thể chỉ muốn "tung hê" tất cả, bỏ đấy mà đi, như một vài giáo viên của trại đã có lần thoái chí thốt ra lời. Bởi vì mỗi "chú bé" kia là cả một thế giới riêng, mỗi hành động tội lỗi của chú đều bắt nguồn từ những động cơ ích kỷ và những ý nghĩ sai lầm mà quãng đời quá khứ của chú, trước khi

vào trại, đã đeo nặng vào tâm hồn trẻ thơ của chú, như một cái nợ tiền kiếp. Phải có một trí óc thực sáng suốt để nhìn thấy thủ phạm chính của những tội lỗi ấy thực ra không phải là chú, mà là cái xã hội cũ với nền trật tự bất công của nó đã gây nên bao sự đắng cay phi lý. Phải có một độ lượng rộng rãi để nhất thiết xóa bỏ, cố tình quên hẳn cái quá khứ đau đớn kia của chú, tự đặt cho mình thành một nguyên tắc bất di bất dịch là không bao giờ nhắc đến nó, trước mặt cũng như sau lưng chú, và cái đó không phải do một quan niệm mỹ cảm nào về phép "lịch sự", cũng không phải do một thủ đoạn khôn khéo, có tính toán và cân nhắc kỹ, mà thực chỉ là do lòng nhân đạo vô cùng

sâu sắc, hết sức tôn trọng con người đương hình thành ở đứa trẻ.

Makarenkô, dưới giọng phúng thích nhẹ nhàng, đã chế giễu những lý thuyết giả ngụy với những bản "chứng nghiệm" đội lốt khoa học nhưng thực chất là phản khoa học của cái gọi là khoa "nhi đồng học" tư sản. Nụ cười cương nghị của ông tàng ẩn biết bao nhiêu dũng cảm trong khi chỉ có một mình ông, hay hầu như vậy, chống lại cả cái giới "Ôlanhpơ sư phạm"[9] đương thời, gồm những nhà giáo sư, bác học đạo mạo, mà thế lực phản động, đã gây cho ông nhiều trở ngại trong công tác giáo dục.

Độc lực ở trong góc rừng hiu quạnh

của ông, hằng ngày ông phải đương đầu với những khó khăn dấy lên từ những vấn đề nhỏ nhặt, liên quan tới đời sống vật chất của các trẻ nuôi, bánh mì, bơ, mỡ, củi, quần áo, chăn màn, giầy mũ, thuốc men… đến trăm nghìn chuyện eo óc, rắc rối, xảy ra không phải chỉ giữa các trại viên mà còn giữa các giáo viên và cả đến giữa các nhà đương cục địa phương trại nữa. Mỗi trường hợp ông trình bày lại là một kinh nghiệm thiết thực, mỗi vấn đề được giải quyết là một bài học gắn liền với thực tế khách quan. Nhưng tựu trung bài học quý giá nhất vẫn là cái tình yêu sâu sắc của ông đối với mỗi trẻ em mà ông chính là người cha tái tạo nó thực sự, tình yêu thắm đượm mỗi trang

sách của ông, phổ vào giọng ông như một khúc nhạc trầm trầm, êm dịu, với những thanh âm, tiết điệu gợi cho ta thấy những màu sắc bất ngờ, những khả năng vô tận trong tâm hồn đứa trẻ. Lòng tin của ông có thừa sức mạnh để làm cho một cô gái "tính khí không thể nào chịu được" và hết sức ít tin tưởng ở chính mình đến như Marutxia Leptsenkô, sau cũng trở thành nữ cốt cán trại và ứng thí thắng lợi vào trường Trung học công nông, một việc mà trước đó cô đã không bao giờ dám ngờ rằng mình có thể làm được. Cũng vẫn sự lạc quan cố định ấy, căn cứ trên cái khả năng cải tạo không thể nào ngờ vực được của tập thể, của chế độ xô-viết tốt đẹp đối với trẻ em hư hỏng, đã khiến

Makarenkô thành công rực rỡ ngay ở trong những trường hợp tưởng là ít hi vọng nhất.

Còn bao nhiêu điều nữa, không thể nào nêu hết trong khuôn khổ vài trang sách, mà ngày nay chúng ta phải rút ra, nghiền ngẫm, học tập ở những tác phẩm của Makarenkô nói chung và *Bài ca sư phạm* nói riêng. Giá trị của *Bài ca sư phạm*, "một trong những tác phẩm xuất sắc của nền văn học xô-viết", theo lời của Maxim Gorki, được giáo sư E. Mêdynxki nhắc lại trong bài giới thiệu sau đây, sẽ không được nhận thức đầy đủ nếu người đọc chỉ xem nó như một cuốn tiểu thuyết hấp dẫn, bố cục chặt chẽ, khéo léo mà thôi. Muốn thấy rõ, như

chính giáo sư nói:" Kể là một tác phẩm vừa văn học vừa sư phạm, thì *Bài ca sư phạm* là một tác phẩm vô song trên thế giới", chúng ta còn cần phải coi nó như một cuốn sách giáo dục chỉ nam, đọc rồi, đọc lại nữa, suy nghĩ, đối chiếu những phát hiện phong phú của nó với cái thực tế sinh động của đời sống hiện tại ở xã hội ta, rút ra một cách sáng tạo những chỉ dẫn hữu ích cho công tác giáo dục các thanh niên ở gia đình, cũng như ở nhà trường và ở tất cả các đoàn thể, tập thể có trách nhiệm.

Giữa lúc phong trào giáo dục đức dục đang được đẩy mạnh nhằm đào tạo những thanh niên mới, cần cho công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc

nước ta, ngày nay chúng tôi đem cống hiến bạn đọc bản dịch tiếng Việt đầu tiên của *Bài ca sư phạm*, tác phẩm tiêu biểu nhất của Makarenkô, với ý muốn được góp một phần nhỏ vào công việc tìm hiểu nhà văn và nhà sư phạm xô-viết lớn ấy.

Chúng tôi sẽ rất sung sướng nếu bản dịch này có thể giúp ích một phần nào cho các nhà sư phạm, các bậc làm cha mẹ, các cán bộ phụ trách thanh niên, nhi đồng, và nói chung tất cả các bạn làm công tác giáo dục, đôi khi tìm thấy được ở trong trang sách một vài lời giải đáp về những vấn đề mà các vị vẫn hàng ngày suy nghĩ trong khi lo làm nhiệm vụ bồi dưỡng những "mầm non" của đất nước.

Chúng tôi dịch theo bản dịch tiếng Pháp *Poème pédagogique* của Jăng Sămpơnoa (Jean Champenois) – Nhà xuất bản ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1953 - , có tham khảo bản dịch tiếng Trung-quốc *Giáo dục thi* của ông Hứa Lỗi Nhiên – Nhân dân Văn học xuất bản xã, Bắc-kinh, 1959 – mà ở đây chúng tôi xin trân trọng cảm tạ tấm thịnh tình anh em đã khiến ông gửi cho chúng tôi sách với những lời khuyến khích nồng nhiệt, đồng thời cho phép chúng tôi được sử dụng một số những lời chú thích của ông trong tập truyện.

Chúng tôi cũng xin thành thực cảm ơn ông Nguyễn Khánh Toàn, Chủ tịch Ủy ban Thiếu niên Nhi đồng, và ông Võ

Thuần Nho, Thứ trưởng bộ Giáo dục, đã khuyến khích chúng tôi nhiều trong dịp đưa in bản dịch này.

Chúng tôi rất mong được các bạn đọc chỉ bảo cho những chỗ còn thiếu sót để sau đây sửa chữa cho bản dịch được tốt hơn.

Hà-nội, ngày kỷ niệm Quốc tế lao động

1962

HƯỚNG MINH



A. MAKARENKÔ (1888 – 1939)

Antôn Xêmiônôvich Makarenkô sinh ngày 13 tháng 3[10] năm 1888 ở Biêlôpôliê, thị trấn thuộc tỉnh Khackôp (Ukren). Cha của ông Xêmion Grigôriêvich, làm đốc công thợ sơn ở công xưởng ngành đường sắt.

"... Một người cao lớn, gầy còm và nghiêm khắc, suốt đời chỉ biết có làm việc ", đó là lời Makarenkô miêu tả về cha, trong cuốn tiểu thuyết Danh dự của ông. Ông cụ thọ sáu mươi sáu tuổi, mất năm 1916, trước khi Antôn ra khỏi

Trường Sư phạm ít lâu.

Bà mẹ của Antôn Makarenkô, Tatiana Mikhailôpna, khó tính đối với chính mình và đối với những người khác, là một người vợ và một người mẹ tốt và âu yếm.

Gia đình Makarenkô sống nghèo khổ. Nhưng mối quan hệ điều hòa, kín đáo và đượm một tình yêu thương lớn đoàn kết mọi thành viên trong gia đình, người nào người nấy đều có những nhiệm vụ phân định rõ rệt. Sự ngay thẳng, ý thức bổn phận, cảm quan về phẩm cách con người, là những đức tính mà Antôn Makarenkô tiếp thụ được ngay từ hồi thơ ấu trong lòng gia đình.

Antôn Makarenkô lên năm tuổi đã biết đọc. Năm mười hai tuổi ông vào trường cao đẳng tiểu học ở thị trấn. Theo học trường đó đã là con cái của những thương gia và công chức nhỏ; khi đưa con đến trường, ông bố bảo Antôn:

"Họ xây dựng cái trường này lên không phải là cho bọn mình, nhưng mà con, con hãy tỏ ra cho họ biết! Những điểm bốn… thì đừng có mất công đem về nhà mà làm gì! Phải là những điểm năm, con đã hiểu chưa!"

Và người con đã không khiếm khuyết trong việc làm toại ý muốn của ông bố. Suốt thời gian ở trường, cũng như sau này lên trường Sư phạm, Makarenkô chỉ có toàn những điểm năm (điểm cao nhất).

Sau khi học hết sáu năm ở trường cao đẳng tiểu học, Makarenkô chuyên về ngành giáo dục. Được bổ làm giáo viên, ông nhậm chức lần đầu ở trường hỏa xa Kriukôvô, nơi gia đình ông sinh sống (ở đấy, năm 1951, đã khánh thành nhà bảo tàng Makarenkô).

Những năm hoạt động sư phạm đầu tiên của Makarenkô là vào hồi cách mạng Nga lần thứ nhất.

"Trong khoảng ba năm cách mạng (1905 – 1907), giai cấp công nhân và nông dân đã tiếp thụ được một nền giáo dục chính trị phong phú mà ba mươi năm phát triển bình thường trong hòa bình cũng không thể nào đem tới cho họ. Vài năm cách mạng đã làm cho thành hiển

nhiên những sự việc mà hàng mấy chục năm phát triển hòa bình cũng không đủ để làm cho thành hiển nhiên được[11]".

Những tư tưởng của Makarenkô đã được hình thành vào những năm đó. Chính ông về sau này nhắc lại rằng: "Sự am hiểu lịch sử đã đến với chúng tôi do con đường tuyên truyền bônsêvich và do những biến cố cách mạng... Ở trường hoả xa là nơi tôi làm việc, bầu không khí thật là trong trẻo hơn những nơi khác, không thể nào so sánh được: một xã hội công nhân, chân chính vô sản, nắm chắc nhà trường trong tay mình".

Cái xã hội công nhân, nơi Makarenkô xuất thân và làm việc, đã góp một phần

lớn vào sự phát triển những tư tưởng và quan điểm chính trị của ông theo chủ nghĩa Mác.

Maxim Gorki, vào hồi đó và sau này nữa, đã có một ảnh hưởng lớn trong việc tu dưỡng tinh thần của Makarenkô. Về sau ông viết: "Gorki dạy cho chúng tôi biết cảm thấy cái lịch sử ấy, biết làm cho lòng mình chứa chất căm thù và nhiệt tình, và ngoài ra còn thêm một sự lạc quan tin tưởng lớn, thêm sự đòi hỏi lớn lao và vui vẻ này: Bão táp hãy nổi lên dữ dội gấp đôi đi!"

Năm 1914, Makarenkô vào Trường Sư phạm Pontava, là trường đào tạo thầy giáo cho các trường cao đẳng tiểu học. Ông là một trong những học viên ưu tú

nhất, đọc sách nhiều và trình bày những bản thuyết trình vừa chắc chắn vừa xuất sắc về các vấn đề sư phạm. Trong các giáo sư của trường ấy, "*có một số lớn đã trở thành những người bônsêvich, mà nhiều người đã hi sinh tính mạng trên các mặt trận của cuộc nội chiến*". Makarenkô đã nhắc lại với một tình cảm biết ơn đối với các thầy dạy của mình… "*đó là những con người chân chính và họ đã giáo dục ở chúng tôi những nguyện vọng ưu tú nhất của con người. Và ngay trong sự phát triển của bản thân tôi về mặt sư phạm, họ cũng đã tạo nên những cơ sở chủ yếu nhất cho bất cứ một tin tưởng sư phạm nào: đòi hỏi ở con người nhiều hết sức và kính*

trọng nó hết sức”.

Ở Trường Sư phạm ra, Makarenkô được nhận một huy chương vàng.

Từ mồng 1 tháng 9 năm 1917, Makarenkô phụ trách những nhiệm vụ làm hiệu trưởng một trường cao đẳng tiểu học, ông đang giữ chức vụ ấy khi xảy ra cuộc Cách mạng tháng Mười.”*Sau tháng Mười, ông viết, những viết cảnh bao la mở ra trước mặt tôi. Đối với bọn chúng tôi trong ngành giáo dục, những viễn cảnh ấy làm cho chúng tôi say sưa đến nỗi chính bản thân mình cũng không tự biết mình nữa”.*

Ngay từ hồi đó, Makarenkô đã nhiệt thành tìm tòi những hình thức và phương

pháp giáo dục mới, những con đường mới trong phạm vi sư phạm. Ngay từ lúc đó, hồi 1918 – 1919, ông đã không quan niệm được một nền giáo dục xô-viết chân chính mà không có sự tổ chức một tập thể nhi đồng mạnh mẽ. Những công cuộc tìm tòi các hình thức tổ chức đó là hết sức táo bạo đối với thời ấy: nhiều người làm công tác giáo dục và công tác sư phạm bấy giờ tán thành cái thuyết mà người ta gọi là "giáo dục tự do" và là kẻ thù của một kỷ luật chặt chẽ.

Mùa thu năm 1920, Sở Giáo dục của tỉnh Pontava giao cho Makarenkô tổ chức một trại cho những trẻ vị thành niên phạm pháp, về sau này lấy tên là: "Trại lao động Gorki". Người ta đã dành cho

trại đó, cách Pontava sáu cây số, một công sản rộng bốn chục éc-ta, với một số tòa nhà đã hủy nát đến một nửa. Từ trước cho đến Cách mạng tháng Mười, một trại thanh niên hình tội đã được thiết lập ở nơi ấy. Mọi vật liệu của cái trại ngày trước đó đã bị lấy trộm đi hết thảy: các kính cửa bị nạy, các cánh cửa tháo khỏi chốt, các lò sưởi phá hủy để lấy gạch. Ngay đến các cây ăn quả cũng bị đánh đi với cả rễ, và dĩ nhiên là được đem trồng ở nơi khác.

Trong hai tháng làm việc cật lực người ta đã tạm sửa sang cho có thể ở được một trong những ngôi nhà của trại cũ và thu hồi về được một phần vật liệu.

Những trẻ nuôi thứ nhất đến vào

tháng chạp. Makarenkô biết rằng không thể nào đưa ngay ra cho các trại viên những đòi hỏi rộng lớn được. Ông mở rộng những đòi hỏi ấy dần dần nhưng cương quyết. Để tạo nên tập thể, ông bắt đầu thành lập một hội hạt nhân trại viên tích cực. Cùng với chúng ông tổ chức việc canh phòng đường cái chống lại bọn trộm cướp, và cái món ấy không phải là thiếu gì trong thời buổi khó khăn đó, cũng như việc bảo vệ rừng chống lại những người đốn trộm cây". *Việc canh gác rừng, tài sản quốc gia, Makarenkô nói, nâng cao giá trị của chúng tôi lên rất nhiều ngay trong con mắt của chính chúng tôi, nó cũng cho chúng tôi một công tác vô cùng lý thú và sau cùng*

đem lại cho chúng tôi những thuận lợi lớn".

"Cái cá tính trở thành man rợ do sự cô lánh" của các trẻ nuôi gây nên cho Makarenkô nhiều giây phút cay đắng trong những năm đầu ấy, mặc dầu, như về sau này ông viết "những mầm mống tinh thần tập thể, nảy sinh ra trong những mùa đông đầu tiên, vẫn dần dà xanh tươi êm thắm trong tập đoàn chúng tôi".

Ông không tin ở những phép lạ sư phạm. Do kinh nghiệm lâu năm, ông biết rõ hơn ai hết những cố gắng lớn lao mà nhà sư phạm phải vận dụng để bảo vệ và biến thành ngọn lửa phấn khích, những tia cảm tính về bổn phận và danh dự, về kỷ luật và lao động, đang chập chờn

trong ý thức các trẻ nuôi. Làm cho chúng nảy sinh ra hẳn là dễ dàng, nhưng thường là chúng tắt đi rất mau, dù là sau một cơn bùng cháy mạnh. Thức tỉnh được ý thức là việc nhỏ, nhưng làm nảy nở và điều khiển ý chí của đứa trẻ nuôi lại càng khó khăn hơn, đặc biệt là khi tất cả những quãng đời trước kia của nó đã cho nó cái thói quen buông thả.

Trong *Bài ca sư phạm* của ông, Makarenkô thuật lại chi tiết những "mầm non" của chủ nghĩa tập thể đã lớn lên và có sức mạnh như thế nào và sự chín chắn về tinh thần của những đứa trẻ vị thành niên phạm pháp cũ, di sản của chiến tranh thế giới lần thứ nhất để lại cho chế độ xô-viết, đã được hoàn thành như thế

nào.

Năm 1926, trại Gorki, đã có 120 trẻ nuôi, tự nguyện dời bỏ cái dinh nghiệp đẹp đẽ mà các trại viên đã tạo nên do chính lực lượng của họ, ở gần Pontava, để di cư sang Kurijê, gần Khackôp, trong những tòa nhà đã bị tàn phá một nửa mà một trại nhi đồng vô thừa nhận đang ở. Ở Kuriajê có 280 trẻ nuôi. Do sự bất lực trong công tác giáo dục, chúng hoàn toàn hư hỏng và chỉ trở về trại để ăn với ngủ mà thôi. Ruộng đất rộng lớn của trại không được cày cấy. Khi quyết định cứu vớt những đứa trẻ ở Kuriajê, Makarenô và các trẻ nuôi của ông không chỉ có hi sinh cái sản nghiệp đã được tổ chức rất chu đáo của họ ở tỉnh Pontava: họ còn

nhận lấy một mối nguy cơ lớn, vì phải sợ rằng số 10 trại viên Gorki – mà trong số đó lại có chừng 40 đứa mới – bị chìm ngập vào cái khối hoàn toàn hư hỏng 280 trẻ nuôi ở Kuriajê. Song nhờ một sách lược sư phạm khôn khéo, dựa vào tập thể những trại viên Gorki, và do một hành động nhanh chóng và cương quyết, chỉ trong một thời gian rất ngắn, Makarenkô đã thắng được sự buông thả lười biếng của bọn trẻ Kuriajê và biến chúng thành những thành viên của một tập thể cũng có kỷ luật như các trại viên "kỳ cựu" của Gorki trước kia. Công cuộc "chinh phục" Kuriajê đó là một thử thách chói lọi chứng tỏ sự đúng đắn của phương pháp sư phạm của A. Makarenkô.

Mùa đông năm 1926-27, số trẻ nuôi của trại Gorki lên tới 450. Một dinh nghiệp mới và rộng lớn về nông nghiệp đã được tạo nên, nuôi sống gần 500 người (trẻ nuôi, thầy giáo và nhân viên phục vụ): các công xưởng được tổ chức, đáp ứng những nhu cầu của các trại viên. Một trường học đã mở ra, tất cả các trẻ bắt buộc phải theo học. Lại còn có một câu lạc bộ và nhà chiếu bóng, không những các trại viên mà cả nhân dân các làng lân cận cũng đều vui thích đến xem.

Trong công tác giáo dục Makarenkô đặt tập thể lên vị trí hàng đầu. Ông đã lấy phương châm: giáo dục trong tập thể, do tập thể và cho tập thể. Về mặt công tác các trại viên đã được tổ chức thành

những đội, mỗi đội gồm một số không nhất định những trẻ nuôi nam nữ, khác tuổi nhau, chịu trách nhiệm về một phần công tác của trại. Đứng đầu mỗi đội là một tổ trưởng, chọn trong các trẻ nuôi "Hội đồng đội trưởng" trở thành cơ quan điều khiển trại. Dưới sự lãnh đạo của Makarenkô, nó bàn luận và quyết định những vấn đề quan trọng nhất liên quan đến việc tổ chức dinh nghiệp, công tác và đời sống ở trại, xét xử và trừng phạt những lỗi lầm của các trại viên. Với một sự khéo léo lớn và một tài sản mẫn cảm lớn về sư phạm, Makarenô đã biết dung hòa quyền hành của giáo viên với những quyền rộng rãi của tập thể, những đòi hỏi lớn với một tình yêu mến lớn đối với các

trại viên, sự tự do với sự cần thiết, những nhiệm vụ với những quyền lợi của các trẻ nuôi, hoạt động thực tiễn với trò chơi. Makarenkô đặt sự giáo dục đời sống tập thể, lao động, giáo dục kỷ luật, tình cảm về bổn phận và danh dự, làm cơ sở cho công tác của ông ở trại.

Gorki, sau khi đến thăm trại năm 1928, đã viết trong một bài nhan đề "Xuyên qua Liên bang Xô-viết": Người nào đã có thể, bằng một cách không tài nào nhận ra như vậy, biến đổi, giáo dục lại hàng trăm đứa trẻ, bị cuộc đời chà đạp tàn bạo đến thế và nhục nhã đến thế? Makarenkô là người tổ chức và giám đốc của trại. Không thể nào chối cãi được, đó là một nhà sư phạm có tài". Trong

một bức thư ông viết cho Makarenkô, Gorki viết: "Ông hoàn thành một sự nghiệp tốt đẹp, nó phải đem lại những kết quả rực rỡ… Ông là một người kỳ lạ, đúng là một trong số những người mà nước Nga đang cần tới."

Trước đó, năm 1927, Makarenkô đã được giao cho kiêm nhiệm việc lãnh đạo Công xã lao động Dzecjinxki, vừa mới thành lập ở cửa ngõ tỉnh Khackôp. Đó là một trại giáo dục cho những thiếu nhi và thanh niên vô thừa nhận. Năm 1928, Makarenkô, được rảnh những nhiệm vụ ở trại Gorki, tập trung hết tinh lực của ông vào công xã Dzecjinxki, mà ông điều khiển trong tám năm (từ năm 1927 đến 19350. Số trẻ nuôi của trại này lên tới

600.

Trong quá trình phát triển công tác giáo dục ở trại Gorki (1920-1928), phương pháp sư phạm của Makarenkô được hình thành và chứng tỏ những ưu điểm của nó. Trại Gorki là một mảnh đất cho những cuộc tìm tòi nghiên cứu sư phạm. Ở công xã Dzecjinxki, người ta vững lòng đem ra áp dụng thực tiễn một phương pháp sư phạm đã hoàn toàn cấu thành. Nguyên tắc dung hòa công tác sản xuất với việc học, thống nhất sự giáo dục về các mặt trí, đức, thể, mỹ, và đào tạo một học vấn bách khoa được đẩy mạnh lên tới mức độ hoàn thiện cao nhất.

Sự giáo dục bằng lao động ở công xã đó được quan niệm trên một cơ sở khác

với trại Gorki. Ở trại này, hoạt động chăm chỉ của các trại viên tập trung vào nông nghiệp và các công xưởng cung ứng cho những nhu cầu của trại (khâu may, đóng giày, nghề mộc, v.v…). Ở công xã Dzecjinxki lại có thêm một lao động công nghiệp phẩm chất cao. Ở đấy người ta xây dựng một nhà máy làm máy ảnh và một xưởng chế tạo đồ điện khí (máy mài giũa lòng ống, v.v.). Tất cả các trẻ nuôi làm việc ở các nhà máy ấy mỗi ngày làm việc bốn tiếng đồng hồ, chia làm hai toán, thì giờ còn lại để chuyên vào việc học tập ở các lớp trường trung cấp. Sự lựa chọn những công việc chế tạo ấy dựa vào những lý do kinh tế và sư phạm. Hồi bấy giờ đó là những chế tạo phẩm đầu

tiên thuộc loại ấy ở Liên-xô; về mặt sư phạm, chúng có điểm hay là phát triển được tính chính xác và tính chuẩn xác (có những bộ phận đòi hỏi một mức chuẩn xác đến một phần nghìn ly). Về mặt kinh tế thì chúng hoàn toàn là chính đáng: chỉ trong vài năm những lợi tức của chúng ta đã bù lại các phí tổn xây dựng và thiết bị, thêm vào đấy còn phải kể những chi phí thông thường cung dưỡng cho tất cả các giáo chức nhân viên và 600 trẻ nuôi. Như vậy là kể năm thứ hai sau khi thành lập, công xã Dzecjinxki đã sống hoàn toàn tự tác.

Các trẻ nuôi của công xã vừa làm các công tác công tác công nghiệp, vừa tiếp thụ một nền học vấn trung học và ứng thí

có kết quả trong các kỳ thi tuyển sinh vào các trường đại học.

Ở công xã Dzecjinxki, có đầy đủ các mặt hoạt động ngoại khóa: các nhóm học tập văn hóa chung, chuyên môn và nghệ thuật, một câu lạc bộ, một nhà hát, một nhà chiếu bóng, một thư viện. Đội nhạc khí thổi của các công xã viên, gồm 60 nhạc sĩ, được coi là đội nhạc nghiệp dư ưu tú nhất của tỉnh Khackôp. Thể dục và thể thao chiêm một vị trí lớn trong đời sống của công xã: điền kinh, các trò chơi, trượt tuyết, trượt băng, ten-nít, v.v.

Trong mười sáu năm hoạt động sư phạm ở trại Gorki và công xã Dzecjinxki, Makarenkô đã giáo dục vào khoảng ba nghìn công nhân Liên-xô có

tinh thần kỷ luật và tận tụy đối với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của họ, họ công tác thắng lợi trong tất cả mọi ngành xây dựng xã hội chủ nghĩa: kỹ sư, sĩ quan trong quân đội xô-viết, thày thuốc, những người công tác giáo dục, nghệ sĩ, v.v.

Trong ngành sư phạm, Makarenkô không những là một nhà thực hành lỗi lạc, mà còn một nhà lý luận sâu sắc, đã đem lại một cống hiến lớn lao cho nền sư phạm xô-viết.

Trung thành với học thuyết của Lê-nin và Xtalin về nền giáo dục cộng sản, Makarenkô tinh luyện phương pháp sư phạm của mình trong một cuộc đấu tranh quyết liệt chống những lý thuyết tư sản và tiểu tư sản thù địch với chủ nghĩa

Mác-Lênin. Ông phủ nhận và chế giễu cái lý thuyết vô chính phủ chủ trương "giáo dục tự do", chứng minh rằng một nền giáo dục dựa vào lý thuyết ấy gây nên sự buông thả, sự thiếu óc sáng kiến, sự bất lực chống lại những khó khăn, v.v... Ông kiên quyết đả phá cái khoa học giả mạo nhi đồng học. Vốn nhận làm định lý chủ yếu một định mệnh luận theo thuyết vận mệnh, coi như là theo đuổi những đứa trẻ do tính di truyền và do tác động của môi trường được kể là bất di bất dịch, khoa nhi đồng học chú ý đặc biệt không những đến kết quá khứ của những đứa trẻ mà cả đến quá khứ của tổ tiên chúng nữa. Makarenkô không quan tâm đến quá khứ mà quan tâm đến tương

lai của bọn trẻ. Chống lại "định lý" nhi đồng học về cái định mệnh luận theo thuyết vận mệnh của tuổi trẻ do tính di truyền, Makarenkô chứng minh bằng lý luận và bày tỏ bằng kinh nghiệm trực tiếp sự quan trọng không bờ bến của nền giáo dục được quan niệm đúng đắn. Ông gạt bỏ những phương pháp giả tạo và sai lầm của những cuộc điều tra nhi đồng học (những chứng nghiệm hiện tượng, những tập chất vấn đến tận kẽ tóc chân tơ) và ông biết dùng sự quan sát sư phạm để nghiên cứu sâu tâm hồn của những đứa trẻ. Ông chỉ trích xác đáng những khuynh hướng sinh lý học của khoa sư phạm hồi đầu thế kỷ thứ 20. Makarenkô cũng đấu tranh chống lại các lý thuyết thuần lý và

siêu hình của những người dựng nên những quy luật "sư phạm" một cách hoàn toàn trừu tượng, giữa bốn bức tường của phong giấy họ. Tỉ như, nói riêng, phương pháp sư phạm phản động của nhà nhi đồng học Đức Hecbac (Herbart).

Đi ngược lại tất cả những lý thuyết đó, Makarenkô tạo nên một phương pháp sư phạm macxit-Lêninit chân chính. Trong khi nói đến "lý luận sư phạm", ông đã cho ta thấy một cách áp dụng những nguyên lý triết học và phương pháp học của khoa duy vật biện chứng vào các vấn đề sư phạm.

Lý luận sư phạm, ông nói, được quyết định do mục đích của sự giáo dục, nó không phải là bất di bất dịch, mà thay

đối với sự phát triển của xã hội. Ở thời đại chúng ta, Makarenkô viết sau năm 1930 ít lâu, cần phải tạo ra những tính cách, những đức tính cá nhân "cần thiết cho Nhà nước xô-viết, vào thời kỳ chuyên chính vô sản, giữa lúc thành lập một xã hội không giai cấp", Makarenkô tuyên bố rằng không làm gì có một phương pháp xô-viết mà thôi. Và quả thực, phương pháp ấy bắt nguồn từ giáo lý của Mác, Engen, Lênin và Xtalin về xã hội, về mục đích và vai trò của nền giáo dục cộng sản, về tinh túy của đạo đức cộng sản. Một trong những nguyên tắc căn bản của Makarenkô là như sau: đòi hỏi ở con người nhiều hết sức, nhưng đồng thời cũng kính trọng nó nhiều hết

sức. Tất cả khoa sư phạm của Makarenkô rất là sinh động vì lòng tin vào những khả năng vô tận của con người, sự tin tưởng ở những lực lượng sáng tạo được tổ chức trong một tập thể nhân loại, và một niềm vui sống lớn lao. Phương pháp sư phạm của Makarenkô chỉ có thể nẩy sinh ra được khi mà nhờ có cuộc cách mạng vĩ đại tháng Mười, vấn đề những quan hệ giữa xã hội và cá nhân đã được giải quyết một cách thỏa đáng.

Makarenkô là một nhà sư phạm cách tân. Ông đã lên tiếng phản đối thuyết giáo dục "tự do", giữa khi đa số nhà sư phạm xô-viết chịu ảnh hưởng của nó. Ông đã khai chiến với cái khoa học giả

mạo gọi là nhi đồng học, trong khi không có một nhà sư phạm xô-viết nào dám ho he chống lại nó. Ông đã khởi thảo, một cách độc đáo và mới mẻ, vấn đề những cơ sở phương pháp học của khoa sư phạm. Ông đã tỏ bày một quan niệm mới về kỷ luật, coi là "kỷ luật của chiến đấu và của sự nỗ lực thắng lợi", đã sáng tạo ra một lề lối công tác giáo dục, đã rất quan tâm đến vấn đề giáo dục gia đình, và chúng ta được ông chỉ giáo cho rất nhiều điều quý báu về phương diện đó. Ông là người đầu tiên xác nhận tầm quan trọng của tập thể về phương diện giáo dục, Makarenkô là người đầu tiên đưa vào khoa sư phạm cái hệ thống "những viễn cảnh", đặc sắc do tính cách sâu sắc

của nó, mà ông định nghĩa như sau: "Con người không thể nào sống được ở cõi đời này nếu nó không nhìn thấy ở trước mắt một cái gì tươi vui. Động cơ chân chính của đời người là cái vui của ngày mai. Cái vui của ngày mai ấy là một trong những đối tượng tác động chính của kỹ thuật sư phạm. Trước hết phải tổ chức ngay bản thân cái vui ấy, làm cho nó nảy sinh ra và đặt nó thành một hiện thực. Rồi sau phải biến những hình thức vui đơn giản nhất thành những hình thức phức tạp hơn và giàu ý nghĩa con người hơn... Giáo dục con người là cấu thành ở nó những viễn cảnh theo đó sẽ sắp xếp cái vui ngày mai của nó". Hệ thống những đường viễn cảnh, được nhà sư

phạm áp dụng một cách tinh xác, duy trì một ý tưởng linh lợi vui vẻ ở trong tập thể, đem lại một mục đích cho hoạt động của những đứa trẻ, củng cố ở chúng lòng tin tưởng ở sức lực của mình và khuyến khích chúng luôn luôn tiến tới những thắng lợi mới.

Makarenkô, nhà giáo dục và nhà văn, cho ra đời nhiều tác phẩm có tính cách vừa sư phạm vừa văn học (*Bài ca sư phạm, Những ngọn cờ trên tháp, Tiến hành khúc năm 1930, Cuốn sách của những người làm cha mẹ*). Ông để lại một di sản văn học quan trọng. Ông viết có đến hơn một trăm tác phẩm.

Bài ca sư phạm, tả cuộc sống (hay đúng hơn là hướng tiến triển) của trại

Gorki, được bắt đầu viết năm 1925, và Makarenkô vẫn tiếp tục làm cho mãi đến năm 1933. Cuốn sách được đưa cho Gorki xem, khi còn là bản thảo, Gorki đánh giá nó rất cao và nói rằng đó là một trong những tác phẩm xuất sắc của nền văn học xô-viết.

Nó ra mắt trong Niên lịch sử 1933 đến 1935, rồi được xuất bản riêng năm 1935 và 1935, để sau đó còn tái bản nhiều lần nữa.

Trước khi *Bài ca sư phạm* ra đời, năm 1932 đã xuất bản tác phẩm Tiến hành khúc năm 1930, một cuốn sách nhỏ mà Makarenkô dành riêng cho cuộc sống ở công xã Dzejcinxki.

Để là một tác phẩm vừa văn học vừa sư phạm thì *Bài ca sư phạm* là một tác phẩm vô song trên thế giới. Cuốn sách đó, trong khi để lộ ra những sức mạnh và những khả năng bao la của con người đang chiến đấu, cuốn sách của tình yêu không bờ bến đối với con người, đã trở thành cuốn sách ưa thích hơn hết của độc giả xô-viết. Và điều đó không đáng ngạc nhiên: các nhân vật do Makarenkô sáng tạo thức tỉnh cái ý chí muốn sống và hoạt động, họ tỏ cho ta thấy làm thế nào "con người ngỗ nghịch tiến lên phía trước, và tự nâng mình lên, càng ngày càng lên trước nữa và cao hơn nữa". Họ khiến độc giả cảm thấy lòng tràn ngập niềm vui bao la của đời sống lao động cần cù.

Bằng rất nhiều tỉ dụ trau dồi đạo đức của trại viên, tính cách hết sức khác nhau, cuốn sách cho ta nhìn thấy cái ý niệm giáo dục cộng sản được thực hiện như thế nào.

Trong *Bài ca sư phạm*, Makarenkô vạch rõ bằng tính cách nào con người, đeo nặng những di sản của cái thế giới cũ, được giáo dục lại trong những điều kiện của đời sống xô-viết, nó đã tạo ra lần đầu tiên cho mỗi cá tính con người cái khả năng hưởng thụ hạnh phúc cùng với những người khác, trong sự nhất trí vui tươi của lao động chung phục vụ lợi ích của Tổ quốc.

Viết bằng một bút pháp vô cùng sinh động, thú vị và tràn ngập tinh thần trào

lộng, cuốn sách đó vạch lại một cách rất tế nhị những đặc điểm tâm lý của các trẻ nuôi và các giáo viên của trại. Mỗi bức chân dung, mỗi đoạn truyện đều thấm nhuần một sức mạnh thuyết phục đặc biệt. Maxim Gorki đã nói rằng Makarenkô "biết về mỗi trại viên bằng năm chữ, khác nào một tấm ảnh chụp lấy tính cách của hắn". Trước mắt bạn đọc sống linh hoạt biết bao những trại viên Burun, Zađôrôp, Karabanôp, Khôvrak: viên chủ nhiệm Kalina Ivanôvich, các giáo viên Sêrê, vợ chồng Ôtxipôp, những vị đại diện của giới "Ôlanhpơ sư phạm", giáo sư Tsaikin "nhà lý luận trong phòng giấy", những "nữ đồng chí Zôia" nanh nọc, Brêgen và nhiều tính cách khác nữa.

Trong cái phòng triển lãm vô cùng phong phú những chân dung và nhân vật ấy, mỗi người trong bọn đều có cá tính riêng của mình, vẽ rất rõ nét.

Makarenkô biết tìm ra những giọng điệu trữ tình sâu sắc để nói tới các trẻ nuôi của ông, mà ông đã dành cho cả một tấm lòng yêu thương cao cả và đẹp đẽ.

"Các trại viên Gorki của tôi lớn lên và tản tác trên khắp đất nước xô-viết, và bây giờ tôi thực khó mà tụ tập lại được họ dù chỉ là trong tưởng tượng. Không thể nào nắm được kỹ sư Zađôrôp, vùi lấp ở trong những công trường lớn ở Tuyêcmêni, hẹn hò được với Vecsơnep, y sĩ Quân đội Đặc biệt Viễn-đông, hoặc với bác sĩ Burun ở Iarôxlap. Cho đến cả

Nitxinôp và Zoren, thực ra là những nhãi con, cũng đã bay đi xa tôi rồi, không còn phải như ngày xưa được mang trên cánh đầm ấm của mối thiện cảm sư phạm của tôi nữa, mà là trên cánh thép của những máy bay xô-viết".

Makarenkô diễn tả mạnh mẽ những tình cảm sâu sắc của mình bằng những lời gọn gàng vô cùng ý vị.

Trong *Bài ca sư phạm*, không làm gì có giọng đơn điệu, những đối thoại giả tạo, những cái tầm thường nhạt nhẽo. Từ đầu chí cuối, cuốn sách xán lạn một tinh thần trào lộng về niềm vui sống, sự khác biệt giữa những tính cách và cái thú vị của từng chương đoạn; nó làm cho ta say sưa vì lời văn đẹp, xúc động lòng ta,

khiến ta rung cảm mạnh mẽ cùng với nhân vật.

Năm 1938, tạp chí *Tin đỏ* đăng *Những ngọn cờ trên tháp*, một cuốn tiểu thuyết gồm ba phần của Makarenkô, có thể coi như là phần kết luận của *Bài ca sư phạm*. Nó miêu tả cuộc sống và những thành công của cái tập thể đã vững vàng và đắc thắng là công xã Dzecjinxki. Trong tác phẩm này Makarenkô đã tự đóng một vai trò, dưới cái tên là Zakhôrôp.

Một năm trước, năm 1937, đã ra đời *Cuốn sách của những người làm cha mẹ*, tác phẩm có tính cách văn học và sư phạm, dành riêng cho những vấn đề giáo dục gia đình.

Cuốn sách của những người làm cha mẹ đáng lẽ phải gồm bốn quyển, song Makarenkô mới chỉ có thì giờ viết xong quyển thứ nhất, trong đó ông phân tích rất tinh tế về mặt tâm lý các phương pháp giáo dục gia đình khác nhau, những cha mẹ và những con cái điển hình.

Năm 1935, Makarankô đến ở Mạc-tư-khoa, ở đấy ông tích cực chuyên làm công tác văn học, theo lời Gorki đã khuyên ông từ năm 1933. Ông cũng làm nhiều bài diễn giảng và thuyết trình cho các bậc cha mẹ và các nhà giáo dục.

Trong những năm 1937-1939, Makarenkô viết rất nhiều truyện ký và bài báo. Hoạt động văn học sôi nổi của ông không những đặc biệt ở chỗ các đề

tài biến hóa và những tình cảm phong phú lạ lùng khiến ông nhiệt liệt phản ứng lại hết thảy mọi sự việc và cảnh tượng của đời sống trong Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của ông; sự hoạt động ấy làm ta ngạc nhiên không những vì một khả năng làm việc hiếm có, mà còn vì những loại thể văn học khác nhau mà ông viết: ông sử dụng ngòi bút đồng thời với tư cách là nhà tiểu thuyết gia, nhà văn của nhi đồng, nhà phê bình văn học, nhà báo và cũng là nhà khoa học, nhà lý luận về khoa sư phạm. Năm 1940, sau khi Makarenkô tạ thế, đã ra đời cuốn sách của ông nhan đề Những bài nói chuyện về vấn đề giáo dục nhi đồng, trong đó đã được trình bày những cơ sở lý luận của vấn đề giáo dục

ở gia đình.

Makarenkô rất khó tính với tài năng của mình. Năm 1939, ông nhiệt tình trình bày tín điều văn học của ông, trong Báo Văn nghệ:

"Tôi xin đảm bảo rằng trong công tác văn học tôi sẽ chu đáo và xác thực, để cho trong tác phẩm văn học của tôi không có sự sai lệch về viễn cảnh cũng như không có sự lừa dối. Nơi nào mà tôi thấy có thắng lợi, tôi phải là người đầu tiên nêu cao cờ chiến thắng, để làm nức lòng các chiến sĩ và làm vững dạ những người nhút nhát và những kẻ tụt lại đằng sau. Nơi nào mà tôi thấy có một đột phá khẩu, tôi phải là người đầu tiên thổi kèn báo động, để cho nhân dân dũng cảm của

nước tôi thanh toán ngay lỗ hổng đó. Nơi nào mà tôi thấy có kẻ thù, tôi phải là người đầu tiên vẽ một bức họa tượng tố cáo nó ra, để cho kẻ thù bị tiêu diệt càng sớm càng hay… Cho nên công việc của nhà văn không phải là một việc ôn hoà chút nào hết, và phạm vi hoạt động của nhà văn là toàn thể trận tuyến của cuộc tấn công xã hội chủ nghĩa."

Để tỏ dấu ghi ơn những công việc vĩ đại của Makarenkô đã phụng sự cho văn học, ngày mồng một tháng hai năm 1939 Chính phủ xô-viết đã tặng ông huân chương Lao động Cờ đỏ.

Cuộc đời đẹp đẽ và làm việc không biết mệt của Makarrenkô chấm dứt bất ngờ ngày mồng một tháng tư năm 1939.

Ông mất đột ngột, trên toa xe lửa, khi ông từ Nhà nghỉ của các nhà văn ở gần thủ đô, trở về Mạc-tư-khoa. Hoàn toàn hiến mình cho hoạt động văn học và xã hội, Makarenkô không gượng nhẹ bản thân và không chăm nom gìn giữ cái cơ thể của ông đã hao mòn và bao nhiêu năm trường hăng say công tác. Từ khắp mọi nơi trong nước, chung quanh quan tài của Makarenkô, con người và người công dân lỗi lạc ấy, đã về tụ tập những trẻ nuôi đông đúc của ông, sĩ quan Hồng quân, kỹ sư, y sĩ, giáo sư chuẩn bị thi thạc sĩ, nhà giáo dục, nhà báo, học viên các trường quân sự. Họp thành một đai gia đình đoàn kết và tang tóc, họ đã làm đội danh dự túc trực bên quan tài…

Ở Liên-xô, việc nghiên cứu cái di sản sư phạm hết sức phong phú của Makarenkô để lại, và việc xuất bản những bài báo, bài ghi tốc ký những cuộc nói chuyện với những bài thuyết trình của ông đã làm, có rất nhiều và chưa được in khi ông còn sống, đã bắt đầu từ năm 1940. Ngoài việc tái bản những tác phẩm văn học đề tài sư phạm và cuốn Những bài nói chuyện về vấn đề giáo dục nhi đồng của ông, Viện Hàn lâm Khoa học Sư phạm của nước Cộng hoà Xã hội Liên bang Xô viết Nga đã xuất bản hai tuyển tập những tác phẩm sư phạm của ông, và một văn tập gồm bảy quyển những tác phẩm của Makarenkô đang được phát hành (1953- Người dịch chú thích).

Những vấn đề liên quan đến hoạt động sư phạm của Makarenkô đã nhiều lần được chọn làm đề mục, trong các cuộc trình bày luận án. Nhiều nhà giáo và hiệu trưởng các trường và các trại nhi đồng cố gắng áp dụng những ý kiến của ông trong công tác giảng dạy và công tác sư phạm của họ.

Giáo sư E. MÊĐYNXKI

Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Sư phạm

nước Cộng hoà Xã hội Liên bang Xô-viết Nga

.

Để tỏ lòng trung thành và kính mến đối với người cha đỡ đầu, người bạn và người thày của chúng tôi

MAXIM GORKI

1. NÓI CHUYỆN VỚI ÔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC

Tháng chín năm 1920, ông giám đốc sở Giáo dục tỉnh cho gọi tôi đến và bảo:

- À anh bạn, tôi nghe nói rằng anh kêu ca ghê lắm... về cái kiểu bọn anh em… bên ban "Kinh dân" (Ủy ban Kinh tế nhân dân tỉnh)… xếp chỗ cho trường lao động của anh.

- Tôi không kêu ca sao được? Ở đấy chẳng những có chuyện đáng kêu, mà còn phải hét nữa: trường lao động gì mà lại như thế? Một cái phòng hút thuốc,

một cái chuồng ngựa! Có được vẻ gì giống một cái trường không?

- Phải…. tôi biết anh sắp nói gì rồi: phải xây cho anh một toà nhà riêng, bố trí cho anh những bàn học mới, có thế rồi anh mới bắt tay vào việc. Đây không phải là chuyện trường sở, anh bạn ạ, điều cốt yếu là giáo dục con người mới, nhưng bọn sư phạm nhà các anh cứ phá mọi chuyện: nào là trường sở không tiện, nào là bàn ghế không tốt. Cái mà các anh thiếu… là ngọn lửa, anh có thấy không…. phải, ngọn lửa cách mạng. Các anh giữ gìn nếp quần của các anh.

- Được cái quần tôi may sao lại không có nếp.

- Anh thì không nói làm gì. Chà, các ông trí thức mới đáng ghét chứ! Thế mà tôi, tôi lại cứ hoài công tìm, tìm cho ra người, vì đây là một việc lớn: không biết ở đâu mọc ra lắm cái thứ hạt giống ấy thế, cái giống nhóc con cầu bơ cầu bất ấy. Thực không còn có thể chen chân đi ngoài phố được nữa, và của đó len lỏi vào đến tận các nhà. Người ta bảo tôi: đó là việc của các anh, vì các anh là sở Giáo dục mà... Thế rồi sao?

- Sao cái gì?

- Đúng là thế này: chẳng ma nào chịu nhận việc ấy cả. Tất cả những người mà tôi đề nghị đều cứ giẫy lên như đỉa phải vôi. Họ bảo: chúng nó sẽ cứa cổ chúng tôi mất thôi. Một buồng giấy nhỏ

ấm cúng, một mớ sách nát, thế thì hợp với các anh đấy. Kìa, ông ấy đã lại lên mục kỉnh!

Tôi phì cười:

- Đấy, lại cả đến mục kỉnh cũng thành ra thừa!

- Tôi nói cho các anh biết, các anh không muốn rời mũi khỏi đống sách nát, nhưng khi người ta muốn đặt vào tay các anh một con người bằng xương thịt, thì thôi đấy, các anh kêu tướng lên: "Cái con người bằng xương bằng thịt của các ông, nó sắp sửa cứa cổ tôi đây này!". Hừ, đồ trí thức!

Nói xong ông giám đốc nhìn xoáy vào tôi bằng cái nhìn giận dữ của đôi

mắt đen nhỏ, nó như muốn xiên qua người tôi, và từ dưới đám ria mép để theo kiểu Nitsơ[12], ông phẫn nộ tuôn ra một tràng mạt sát tất cả giới sư phạm chúng tôi. Về điểm này, cố nhiên là cái ông giám đốc sở Giáo dục đó không đúng rồi.

- Xin phép ông.

- "Xin phép ông", "xin phép ông", rồi sao nữa? Anh có cái gì thì cho ra đi xem nào? Anh sắp bảo tôi thế này: giá như ở nước ta mà.... đại khái như ở bên Mỹ đi! Mới rồi tôi có đọc một quyển sách về vấn đề ấy, người ta đưa cho tôi xem. Về chuyện cải cách.... không, đợi tôi nhớ cái đã, họ gọi nó là gì nhỉ? À,

những viện cải tạo. Nhưng mà cái đó chưa có ở nước ta.

- Thì ông cứ hẵng nghe tôi nói đã nào!

- Được rồi, tôi nghe đây.

- Trước Cách mạng, người ta cũng đã tính xong chuyện những của cầu bơ cầu bất ấy. Đã có những trại nuôi trẻ vị thành niên phạm pháp.

- Anh thừa biết cái đó không hợp với ta…. trước Cách mạng, không phải thế đâu.

- Đúng lắm. Vấn đề bây giờ là tạo con người mới.

- Tạo con người mới, anh nói

đúng.

- Nhưng không ai biết cách làm ra sao cả.

- Thế còn anh?

- Tôi cũng vậy, tôi cũng không biết.

- Ở sở tôi, đúng là thế này... trong khu vực của tôi, có những người biết đấy.

- Nhưng họ không muốn đảm nhận việc chứ gì?

- Đúng, họ chối đây đẩy, bọn xỏ lá thế!

- Và nếu tôi ôm lấy việc này thì họ sẽ làm cho tôi hết đường sống. Tôi có

làm gì đi nữa, họ cũng sẽ cứ bảo là không tốt.

- Tất nhiên họ sẽ bảo thế, những đồ chó đẻ.

- Và ông sẽ tin lời họ, chứ không tin tôi.

- Đời nào, tôi sẽ bảo họ: thì sao các anh không tự bắt tay vào việc thử xem!

- Nhưng nhỡ tôi làm bét việc thì sao?

- Anh nói cái gì vậy: làm bét, nát bét!. Thì được, anh sẽ làm nát bét. Anh đòi hỏi gì tôi? Có lẽ tôi không hiểu sự việc chăng? Làm vụng, được, nhưng hãy cứ làm đi. Rồi sau sẽ liệu. Điều cốt yếu

là thế đấy... không phải trại nuôi trẻ vị thành niên phạm pháp, mà là giáo dục xã hội, anh hiểu chưa. Chúng ta muốn có những con người… những con người xô-viết, thế đó! Nhiệm vụ của anh là tạo nên những con người ấy. Vả chăng, ai thì cũng cần phải học. Anh cũng sẽ học. Anh đã nói thẳng với tôi rằng anh không biết, thế là tốt. Thôi, được rồi.

- Thế còn địa điểm? Dù sao cũng cần phải có trường sở.

- Có rồi, bạn ạ. Một nơi cừ lắm. Đúng là một trại nuôi trẻ phạm pháp cũ. Không xa, cách đây sáu dặm[13] thôi: ở đấy thú tuyệt: rừng rú, đồng nội. Anh sẽ có bò cái.

- Còn nhân viên?

- Tôi móc túi lấy ra ngay cho anh bây giờ. Có lẽ anh muốn một cái ô tô nữa chăng?

- Còn tiền?

- Có. Này đây, cầm lấy.

Ông lấy một gói ở ngăn kéo bàn giấy.

- Một trăm năm mươi triệu. Đủ chi phí về việc tổ chức. Có những chỗ phải tu sửa, cần có một ít đồ đạc.

- Còn bò cái thì sao?

- Món đó thì anh hãy đợi. Nhà không có kính cửa đâu. Và anh sẽ làm bản dự trù cho cả một năm.

- Nhập cuộc như thế này phiền

thật. Giá được ngó qua một tí cũng tốt.

- Tôi đã đến rồi. Anh còn xem thêm được cái gì nữa? Thôi đủ rồi đấy, lên đường đi.

- Thì vâng, đồng ý, tôi đáp và thấy nhẹ nhõm cả người, vì lúc đó tôi không thấy gì tệ hại hơn là các bàn giấy của ủy ban "Kinh dân".

- Hoan hô chú nó! ông giám đốc kết luận. Hãy bắt tay vào việc đi! Không có sự nghiệp nào thiêng liêng hơn đâu đấy nhé!

2. NHỮNG BƯỚC ĐẦU KHÔNG VINH QUANG CỦA TRẠI GORKI

Cách thành phố Pontava sáu cây số, bên cạnh đường cái đi Khackôp, mặt đường sạch trơn và láng bóng một cách ảm đạm, có một khu rừng thông rộng hai trăm éc-ta bao phủ những đồi cát.

Trong khu ấy có một khoảng rừng thưa gần bốn chục éc-ta. Ở một góc khoảng đó, năm khối nhà gạch vuông hình hộp, kích thước kỷ hà học rất chi ly, bố trí thành một hình vuông bốn mặt đều chằn chặn. Đó là cái trại mới cho trẻ vị thành niên phạm pháp.

Sân cát dốc thoai thoải xuống một khoảng rừng thưa rộng rãi, tới đám lau sậy của một cái hồ nhỏ. Ở bờ hồ bên kia thấp thoáng thấy những hàng giậu và nhà tranh của một trang trại kulắc[14]. Xa hơn nữa, một rặng phong già cỗi và dăm ba mái rạ vẽ hình lên nền trời. Thế là hết.

Trước Cách mạng, ở đấy đặt một cái trại trừng giới cho trẻ vị thành niên. Trại ấy giải tán năm 1917, chỉ để lại những dấu vết rất mờ nhạt về hoạt động giáo dục của nó. Căn cứ vào những di tích còn lại trong các sổ sách mục nát, thì có thể luận ra rằng các viên giám thị, hẳn là chọn trong số các hạ sĩ quan về hưu, làm những nhiệm vụ sư phạm chính. Nhiệm

vụ chủ yếu là không rời mắt coi các trẻ nuôi, trong giờ lao động cũng như trong giờ nghỉ, và đêm đêm ở liền một buồng sát cạnh các phòng ngủ. Nghe chuyện các nông dân lân cận kể lại, cũng có thể biết những phương pháp mà các ông giám thị đó áp dụng để dạy bảo học trò không có rắc rối lôi thôi gì cho lắm. Hình thức bề ngoài tượng trưng cho những phương pháp ấy chỉ là một cái gậy, thế thôi.

Những di tích vật chất của cái trại cũ lại càng không đáng kể. Những người ở vùng này đã mang đi hoặc xe về vựa lúa của chính nhà họ tất cả những cái gì có thể tính được thành đơn vị cụ thể: đồ đạc, dụng cụ trong các xưởng, các kho. Ngoài ra người ta còn di chuyển cả đến

vườn cây ăn quả. Tuy nhiên trong cả câu chuyện này, tịnh không có một tí gì gợi nhắc đến thủ đoạn của những kẻ phá hoại văngđan[15]. Những cây ăn quả không bị chặt mà đã được đào lên, đánh đi giồng ở nơi nào khác. Không có một mảnh kính cửa nào, họ đã bửa mát-tít tháo lấy cả đi cẩn thận hẳn hoi. Chẳng có ai bổ những nhát búa hung hãn làm bật các tấm cửa hết, tấm nào cũng được nhắc ra khỏi bản lề chu đáo. Các bếp lò được phá dỡ từng viên gạch một. Chỉ còn trơ lại độc một chiếc tủ buýp-phê, trong buồng ở cũ của viên giám đốc.

- Tại sao người ta còn để lại chiếc buýp-phê này?

Tôi hỏi một bác hàng xóm, Luka Xêmiônôvich Veckhôla, ở bên trang trại sang chơi để ngó qua xem những người chủ mới.

- Sự thực là, nói có ông chứ, cái tủ này chẳng dùng được việc gì ráo cho bọn chúng tôi. Tháo nó ra, thì ngay ông cũng thấy là còn làm được cái gì nữa? Còn nói đến chuyện rinh ông ấy vào nhà chúng tôi thì, nói có ông chứ, chả làm cách nào mà cho ông ấy vào được, dù xoay dọc xoay ngang cũng vậy thôi.

Trong những góc xưởng trống, chất đống hàng mớ những đồ cũ nát, nhưng chẳng còn cái gì đáng kể cả. Lần theo những dấu vết còn mới tinh, tôi thu nhặt lại được một vài thứ có ích, bị lấy đi

vào những hồi gần đây nhất: một chiếc máy cũ gieo hạt giống thành hàng, tám cái bàn thợ mộc khập khiễng, một con ngựa thiến trước kia kiêu hãnh vì dòng giống Kiêcghidi, nhưng nay đã ba mươi tuổi, và một cái chuông bằng đồng thau.

- Tôi đã tiếp xúc với viên chủ nhiệm tổng vụ của trại, Kalina Ivanôvich. Bác ta tiếp đón tôi bằng câu hỏi này:

- Bác là giám đốc về phần pê-đa-gô-gích[16] phải không?

Tôi thấy ngay rằng bác nói giọng Ukren, mặc dầu đứng về nguyên tắc bác không công nhận thứ ngôn ngữ đó. Trong ngữ vựng của bác có nhiều tiếng Ukren

và bao giờ bác cũng đọc âm "gờ" theo lối miền Nam. Nhưng đối với tiếng "pê-đa-gô-gích", không hiểu sao bác lại có thói quen nhấn mạnh quá đáng vào âm "gờ", nó là cách đọc đặc biệt theo lối văn chương đại Nga.

- Bác là giám đốc về phần "pê-đa-gô-kich" phải không?

- Sao lại thế? Tôi là giám đốc của trại.

- Không, bác vừa nói vừa bỏ cái tẩu hút thuốc ở miệng ra, bác là giám đốc về phần pê-đa-kô-kích, còn tôi là giám đốc về phần quản lý.

Bạn hãy tưởng tượng vị thần mục đồng "Păng", như Vruben[17] đã hoạ,

nhưng chỉ còn lại có vài cái tóc lơ thơ trên mái tai. Bạn hãy cạo râu hắn đi, rồi xén ria mép hắn theo kiểu các chủ tăng chính thống. Bạn ấn một cái tẩu thuốc lá vào mồm hắn. Như vậy thì đáng lẽ là thần "Păng", bạn sẽ có trước mặt bạn lão Kalina Ivanôvich Xecđiuc. Một nhân vật quá ư phức tạp, để cho giữ chức chủ nhiệm ở một trại nhi đồng kể thì không đúng chỗ. Bác ta đã có một quá trình không kém năm mươi năm hoạt động ở ngành này nghề nọ. Nhưng bác chỉ lấy làm kiêu hãnh độc có vì hai thời kỳ này trong đời bác thôi: một là hồi thanh niên bác đã làm khinh kỵ binh trong liên đội Cận vệ của Hoàng đế ở Kêchxom[18], hai là năm 1918, hồi quân Đức tấn công,

bác đã chỉ huy cuộc rút lui khỏi thành phố Miagôrôt.

Kalina Ivanôvich trở thành cái đối tượng đầu tiên cho hoạt động giáo dục của tôi. Điều khó khăn nhất trong công việc đó là tôi thấy đầu óc bác ta chứa chất đầy những quan niệm dị tạp hết sức. Bác mạt sát với cùng một giọng khoái trá bọn tư sản, người bônsêvich, người Nga, người Do-thái, tính lơ là buông trôi của ta và tính tinh xác đúng mực của người Đức. Nhưng đôi mắt xanh của bác ta long lanh một tình yêu đời mạnh mẽ nhường nào, bác ta linh lợi và sẵn sàng tiếp thu biết bao, cho nên tôi không quản ngại dành cho bác một phần nhỏ năng lực sư phạm của tôi. Ngay từ mấy hôm đầu,

tôi khởi sự giáo dục bác, trong buổi nói chuyện đầu tiên.

- Nhưng đồng chí nghĩ thế nào, đồng chí Xecđiuc? Không thể nào có một cái trại không có giám đốc? Phải có một người chịu trách nhiệm toàn bộ chứ.

Kalina Ivanôvich lại rút cái tẩu thuốc ra khỏi miệng, và lễ phép ngả người về phía mặt tôi:

- À, thế là bác muốn làm giám đốc trại này phải không? Còn tôi thì khác nào làm kẻ ở dưới quyền của bác chứ gì.

- Không, không bắt buộc phải như thế. Tôi sẽ làm người ở dưới quyền của bác, nếu bác nhất định muốn vậy.

- Tôi chưa học cái khoa "pê-đa-

kô-ki” ; ai quen nghề người ấy. Nhưng bác còn là một anh thanh niên mà lại muốn một người già cả như tôi đi làm bồi chạy hiệu cho bác à? Cái đó cũng không tốt đâu đấy nhé! Nhưng còn nói đến chuyện làm giám đốc trại, thì bác cũng thừa biết là về môn đó tôi chưa được giáo dục đủ, mà có phải là công việc của tôi không đã chứ?.

Bác ta khó chịu bỏ đi ra chỗ khác. Bác ra bộ dằn dỗi. Bác bực dọc cả ngày hôm đó, và buổi tối bác đến tìm tôi ở buồng tôi, vẻ hết sức buồn rầu.

- Tôi đã dọn cho bác cái bàn khổ này với cái giường chẳng ra hồn kia, chỉ tìm ra được có thế.

- Cảm ơn bác.

- Tôi đã nghĩ kỹ về cái việc ta nên thu xếp với nhau thế nào cho nó ổn chuyện cái trại. Tôi đã thấy rằng người làm giám đốc tất nhiên là bác thì tốt hơn, và tôi thì cứ coi như người ở dưới quyền bác vậy.

- Chúng ta sẽ thông cảm với nhau, bác Kalina Ivanôvich ạ.

- Tôi cũng nghĩ thế, là chúng ta sẽ thông cảm với nhau. Công việc chẳng phải là tài giỏi gì cho lắm, và chúng ta sẽ ai làm phần việc nấy. Nhưng bác, vì bác là một người học thức, thì bác sẽ giữ chức coi như là giám đốc.

Chúng tôi bắt tay ngay vào việc.

Chúng tôi dùng đòn bẩy kích con ngựa gầy ba mươi tuổi cho nó đứng lên. Kalina Ivanôvich ngật ngưỡng ngồi lên ghế một thứ xe trông như kiểu xe ngựa nhẹ, mà một người hàng xóm đã cho chúng tôi mượn không, và cả cái bộ máy ấy lọc cọc khởi hành ra tỉnh với tốc độ hai cây số một giờ. Thế là bắt đầu thời kỳ tổ chức.

Chương trình rất hợp lý của thời kỳ đó cốt là tập trung các vật tư cần thiết cho việc giáo dục con người mới. Trong hai tháng trời, Kalina Ivanôvich và tôi hàng ngày ở ngoài tỉnh suốt ngày. Kalina Ivanôvich đi xe ngựa, và tôi đi bộ. Bác ta coi phương thức đi chân là không xứng với vẻ oai nghiêm của bác, còn tôi thì

không làm thế nào quen được với cái tốc độ mà con tuấn mã giống "Kiêcghi" trước đây oai hùng kia có thể bảo đảm được.

Trong khoảng thời gian đó, nhờ có sự giúp đỡ của các bà con chuyên môn trong làng, chúng tôi tạm tu sửa được một nhà ở của trại cũ: chúng tôi lắp kính cửa, chữa các lò sưởi, đặt lại các cửa rả. Về phương diện đối ngoại chúng tôi chỉ thu được có một thắng lợi, nhưng thắng lợi lớn, là xin được Ủy ban Đặc vụ Cung ứng Lương thực của Quân đoàn Hậu bị thứ nhất cấp cho chúng tôi một trăm năm mươi pút[19] bột lúa hắc mạch. Chúng tôi đã không có được sự may mắn "tập trung" thêm được những vật tư gì khác

nữa.

Đem so sánh bản tổng kê tài sản đó với cái lý tưởng của chính tôi về phương diện văn hóa vật chất, tôi nhận xét thấy: dù cho tôi có chạy vạy kiếm được hơn thế gấp một trăm lần đi nữa, thì mức cách xa với lý tưởng cũng vẫn cứ y nguyên như vậy thôi. Cho nên tôi bắt buộc phải tuyên bố kết thúc thời kỳ tổ chức. Kalina Ivanôvich đồng ý với cách nhìn nhận của tôi:

- Khi mà bọn những đứa ăn hại ấy đã đến nước đi làm máy bật lửa, thì anh còn hòng thu nhặt được cái gì nữa chứ? Anh phải biết chúng nó đã phá sản nhân dân, vậy bây giờ anh hãy nên tự mình tổ chức lấy thôi. Chúng mình sẽ

phải làm như Ilia Murômet ấy[20].

- llia Murômet à?

- Chứ sao. Ngày trước có một người tên là Ilia Murômet... có lẽ anh cũng đã nghe nói đến đấy... Cái bọn ăn hại kia, chúng lại còn tôn hắn lên là một hiệp sĩ nữa cơ. Nhưng tôi thì tôi cho rằng hắn chỉ có là một tên bịp bợm lười biếng; mùa hè hắn đi rong chơi bằng xe trượt tuyết, anh tưởng tượng thử coi.

- Ừ thì chúng mình sẽ làm như Ilia Murômet. Như vậy cũng chưa đến nỗi là tồi lắm đâu. Nhưng còn Tướng cướp Hoạ-mi thì trong chuyện này hắn ở chỗ nào?

- Có mà thiếu giống Tướng cướp

Hoạ-mi([21]), người anh em ạ, muốn bao nhiêu cũng có ối ra đấy.

Có hai nữ giáo viên đến trại chúng tôi: Êkatêrina Grigôriepna và Liđia Pêtrôpna. Công việc lùng tìm những nhà sư phạm cộng sự đã hầu làm tôi thất vọng: chẳng có ai chịu hiến thân chui vào rừng của chúng tôi để giáo dục con người mới, ai cũng sợ những của "cầu bơ cầu bất", và chẳng ai tin rằng công cuộc của chúng tôi có thể thành tựu được. Phải đợi đến một buổi họp các giáo viên trường nông thôn, ở đó tôi phải tiêu phí bao nhiêu kho tàng hùng biện, mới tìm ra được hai con người sống. Tôi vui mừng thấy đó là hai người đàn bà. Tôi cho rằng "ảnh hưởng nhân hậu của phụ nữ" sẽ

bổ sung tốt đẹp cho chính sách sức mạnh của chúng tôi.

Liđia Pêtrôpna rất trẻ, gần như còn là một cô gái nhỏ. Vừa mới ở trường trung học ra, chị còn giữ lại được một chút hơi ấm của cánh mẹ ủ ấp. Ông giám đốc sở Giáo dục vừa ký giấy bổ nhiệm chị vừa hỏi tôi:

- Anh cần đến cái của nhãi này làm gì? Hắn biết cái gì đâu.

- Đó chính là điều tôi tìm kiếm. Ông ạ, tôi thường nghĩ rằng trong trường hợp này vấn đề kiến thức không phải là hệ trọng đến thế đâu. Cái cô bé Liđia này chính là hiện thân của sự trong sạch, và tôi trông cậy vào chị ta khác nào như vào

một thứ cành cây ghép giống vậy.

- Anh liệu có tinh vi hóa hơi quá một chút không đấy? Nhưng thôi được.

Êkatêrina Grigôriepna trái lại là một giáo viên lão luyện, hay cẳn nhẳn cằn nhằn. Chị ta cũng không già hơn chị kia bao lăm, nhưng Liđia cứ dựa vào vai chị như một đứa trẻ dựa vào vai mẹ. Đôi lông mày đen, gần như lông mày đàn ông, vạch rõ trên khuôn mặt nghiêm trang và đẹp. Không biết chị làm thế nào giữ gìn quần áo giỏi thế, mặc trên người bao giờ cũng sạch bóng tinh tươm, khiến Kalina Ivanôvich, sau khi làm quen với chị, đã nói một câu rất đúng:

- Giao thiệp với một phụ nữ như

chị ta thì phải đeo găng vào.

Vậy là mọi cái đều đã sẵn sàng.

Ngày mồng bốn tháng chạp, có sáu trẻ nuôi đầu tiên đến trại, và trao cho chúng tôi một chiếc phong bì to sụ, niêm phong bằng năm dấu xi khổng lồ. Phong bì ấy đựng những "hồ sơ" của chúng. Bốn đứa trong bọn đã mười tám tuổi. Chúng được gửi tới đây, vì tội đi ăn cướp mang khí giới. Hai đứa kia, ít tuổi hơn, bị cáo là ăn cắp. Chúng ăn mặc bảnh lắm: quần Xômuya, giày lạ kiểu, tóc húi mốt mới nhất. Trông không ra vẻ gì là những con nhà vô thừa nhận. Tên chúng là: Zađôrôp, Burun, Vôlôkhôp, Benđiuc, Gut và Taranet.

Chúng tôi niềm nở tiếp đón chúng. Từ buổi sáng chúng tôi đã chuẩn bị cho chúng một bữa ăn thịnh soạn, và cái khăn bịt đầu trắng như tuyết của chị cấp dưỡng nhìn cứ chói cả mắt. Các bàn tiệc đặt trên phòng ngủ, giữa khoảng các giường. Chúng tôi không có khăn giải bàn, song những ga giường mới dùng thay thế rất tươm. Tất cả mọi thành viên của cái trại mới phôi thai đều họp đủ mặt trong phòng đó. Kalina Ivanôvich cũng đến dự. Vì là buổi long trọng nên bác đã thay cái áo vét-tông xám ngắn đầy những vết dầu mỡ, để mặc một chiếc vét nhung màu lục.

- Tôi làm một bài diễn từ nói về cuộc sống mới, cuộc sống cần lao mở ra cho chúng từ nay, tôi bảo chúng phải

quên quá khứ đi, phải tiến lên phía trước và luôn luôn tiến lên phía trước. Bọn trẻ nuôi ít để ý đến lời giảng thuyết của tôi, chúng thì thào nói chuyện với nhau và đưa những cái nhìn khinh bỉ, tiếp theo là những nụ cười châm chọc, lướt trên dãy giường đệm mềm - giường khung gỗ, chăn bông không mới mẻ gì - trên những cửa và cửa sổ đã tróc hết sơn. Giữa bài diễn văn của tôi, Zađôrôp bỗng lớn tiếng bảo một thằng bạn:

- Chỉ tại mày làm chúng ông bị tống vào chỗ xúi quẩy này!

Phần thì giờ còn lại ngày hôm đó, chúng tôi cùng đặt kế hoạch cho cuộc sống tương lai. Nhưng bọn chúng nghe những đề nghị của tôi với một vẻ thờ ơ lễ

phép, chỉ muốn mau giũ được tôi đi cho xong nợ.

Sáng hôm sau Liđia Pêtrôpna đến phòng tôi, hết sức kích động, và bảo tôi:

- Tôi không biết nói với chúng nó thế nào cho được. Tôi bảo chúng nó: phải đi lấy nước ở ngoài hồ, thì có một thằng, cái thằng đội mũ như thế này này, đang xỏ chân vào giày, nó giơ một chiếc đế giày lên tận mũi tôi mà bảo tôi rằng: "Cô xem lão thợ giày làm giày chật quá sức thế đấy!"

Những ngày đầu chúng còn không lăng nhục chúng tôi, nhưng chỉ làm như không biết có chúng tôi thôi. Tối đến chúng tự do bỏ trại đi và sáng sớm về

mủm mỉm cười kín đáo tiếp nhận những lời quở trách mà tôi nói với chúng theo tinh thần thuần túy "giáo dục xã hội" chính thức.

Được một tuần lễ thì một viên thanh tra cảnh sát tư pháp đến bắt Benđiuc vì tội ăn trộm và giết người ban đêm. Sợ chết khiếp vì chuyện đó, Liđia Pêtrôpna rút về buồng khóc, và cứ ra khỏi buồng là chị lại hỏi khắp mọi người:

- Như thế là cái gì chứ? Sao lại có thể như vậy được? Nó đi ra ngoài, và nó giết người à?

Êkatêrina Grigôriepna chau mày, nụ cười nghiêm trọng:

- Tôi không biết thế nào, bác

Antôn Xêmiônôvich ạ, thực tình, tôi không biết thế nào… không biết chừng chỉ có việc bỏ mà đi thôi…. Tôi không biết ở đây có thể giữ thái độ như thế nào cho được.

Những khu rừng hiu quạnh vây quanh trại chúng tôi, những khối nhà hình hộp trống trải, một chục chiếc giường khung gỗ, cái rìu với cái xẻng là tất cả vật liệu của chúng tôi, với bọn nửa tá trẻ nuôi kia, chúng quyết liệt khước từ không những chức vụ sư phạm của chúng tôi mà cả mọi hình thức văn minh, tất cả những cái đó thực ra không phù hợp tí nào với kinh nghiệm nhà trường của chúng tôi ngày trước.

Những buổi tối mùa đông dài dằng

dặc thực là buồn. Trại được chiếu sáng bằng hai chiếc đèn dầu hoả nhỏ, một chiếc ở phòng ngủ, một chiếc ở buồng tôi. Các nữ giáo viên và Kalina Ivanôvich thì có đèn "sa-lây", thứ đèn sáng chế từ đời những nhà sáng lập huyền hoặc của thành Kiep[22] là Kiy, Sếchkơ và Khôrip. Cái bóng đèn của tôi mẻ miệng và phần còn lại bao giờ cũng ám khói, vì Kalina Ivanôvich có thói quen châm tẩu thuốc ở đèn tôi, cứ tống vào đấy hàng nửa tờ nhật trình để lấy lửa.

Năm nay mùa đông bắt đầu sớm, nên cả sân trại bị lấp dưới hàng đống tuyết, và chả có ai để dọn các lối đi. Tôi yêu cầu các trẻ nuôi của tôi làm việc đó,

nhưng Zađôrôp bảo tôi:

- Có thể quét được, nhưng phải đợi đến hết mùa đông: nếu ta làm bây giờ, tuyết lại rơi xuống nữa. Bác hiểu không?

Mỉm cười một cách tử tế, hắn rời tôi đi tìm một thằng bạn, như đã quên đứt mất là có tôi ở trên đời. Zađôrôp là con một gia đình trí thức, điều đó có thể nhận xét thấy ngay. Hắn nói năng đúng cách, và gương mặt lồ lộ một sắc thái trẻ tươi béo tốt mà chỉ những con nhà nuôi nấng đầy đủ mới có được. Vôlôkhôp thuộc một loại khác: mồm rộng ngoác, mũi to bè, mắt cách xa nhau, bộ mặt có những lằn thịt chuyển động, nổi lên chằng chằng - một cái đầu tướng cướp. Y không bao

giờ rút tay ra khỏi túi quần, và y vẫn giữ tư thế đó tiến đến trước mặt tôi:

- Này, đã nói với bác rằng.

Tôi rời khỏi phòng ngủ, cảm thấy như có một tảng đá nặng đè lên ngực, khối nặng của nỗi tức giận bị nén ép. Nhưng cứ phải, dọn quang các lối đi, và nỗi tức giận hóa thành đá kia đòi hỏi phải hoạt động. Tôi đến buồng Kalina Ivanôvich:

- Ta đi hót tuyết đi.

- Anh bảo cái gì? Anh tưởng tôi đã nhận làm phu công nhật ở đây hẳn! Thế còn bọn kia? - bác hất đầu về phía phòng ngủ. Bọn tướng cướp Hoạ-mi?

- Chúng nó không muốn làm.

- Chà, đồ ăn hại! Nếu thế thì đi!

Kalina Ivanôvich và tôi làm xong được lối đi thứ nhất thì Vôlôkhôp và Taranet bước ra lối ấy. Chúng đi lên tỉnh, như mọi khi.

- Thế này tốt đấy! Taranet vui vẻ nói.

- Đáng lẽ phải làm việc ấy từ lâu rồi mới phải, Vôlôkhôp phụ họa theo.

Kalina Ivanôvich chắn ngang lối chúng:

- "Thế này tốt đấy" là thế nào? Mày, đồ súc sinh, mày đã không chịu làm vào đây, dễ mày tưởng tao làm cho mày đấy hẳn? Mày đừng có hòng đi vào lối này, đồ ăn hại! Xéo ra tuyết kia mà đi,

nếu không mày sẽ biết cái xẻng của tao.

Kalina vung tít cái khí giới đó lên, nhưng chỉ trong nháy mắt nó đã bay ra một đống tuyết ở đằng xa, tẩu thuốc của bác văng đi một chỗ khác, và chủ nhân của hai vật đó sửng sốt, chỉ còn có thể nhìn theo hai gã thanh niên và nghe chúng la lên từ đằng xa bảo mình:

- Phải chạy đi mà tìm lấy cái xẻng của bác thôi nhé!

Và cười rộ lên, chúng đi ra tỉnh.

- Thà cút mẹ nó đi cho xong! Còn hơn là làm việc ở đây! Kalina Ivanôvich nói, và bỏ mặc chiếc xẻng trong tuyết, bác trở về buồng.

Cuộc sống của chúng tôi trở nên

phiền não và đáng sợ. Trên đường cái đi Khackôp, đêm nào cũng nghe thấy tiếng kêu:

- Cứu tôi với!

Những người trong làng bị cướp bóc đến tìm chúng tôi và lấy giọng bi đát đòi hỏi phải làm cách nào mới được.

Tôi xin ông giám đốc sở Giáo dục cấp cho một khẩu súng lục hộ thân để có thể tự vệ chống bọn hảo hán đường trường, nhưng tôi giấu không nói tình hình của trại. Tôi vẫn chưa mất hy vọng tìm ra cách giải quyết hoà hảo với bọn lưu trú sinh của tôi.

Đối với tôi và các đồng chí cộng sự, mấy tháng đầu của công cuộc thí nghiệm

không phải chỉ là một thời kỳ thất vọng, tinh thần căng thẳng và bất lực - nhưng đó cũng là những tháng nghiên cứu tìm chân lý. Suốt đời tôi không có hồi nào tôi đọc các sách sư phạm nhiều bằng mùa đông năm 1920 ấy.

Đó là thời kỳ Wrangen[23] và thời kỳ Ba-lan can thiệp[24]. Wrangen quanh quẩn ở vùng lân cận, khoảng gần Nôvômiagôrôt; còn quân Ba-lan đang tấn công Tseckatxi, không xa chỗ chúng tôi bao nhiêu; các loại tướng thổ phỉ rong ruổi khắp xứ Ukren, trong khi có nhiều người chung quanh chúng tôi vẫn bị ngọn cờ lam và vàng của Petliura[25] làm cho say sưa mê hoặc. Song bọn chúng tôi,

chúi trong xó rừng, hai tay ôm đầu, và cố gắng quên tiếng sấm của những biến cố lớn bên ngoài, chúng tôi ra sức đọc các sách sư phạm.

Lợi ích chủ yếu mà tôi thu được ở hồi đọc sách đó, là cái ý niệm bỗng chốc biến thành sự tin chắc chắn rằng những sách kia không trao vào tay tôi được một khoa học và một lý luận nào hết thảy[26], và tôi phải rút cái lý luận ấy ở toàn bộ những hiện tượng thực tế diễn ra trước mắt. Thoạt đầu tôi còn chưa hiểu điều đó, tôi chỉ mới nhìn thấy rằng: những công thức sách vở không làm nên được trò trống gì cho tôi hết cả, vì bề nào tôi cũng không thể đem áp dụng vào sự việc được, nhưng tôi cần phải phân

tích ngay và hoạt động ngay tức khắc.

Tôi cảm thấy vô cùng thấm thía rằng tôi phải hối hả lên, và tôi không thể trì hoãn một ngày nào nữa. Trại càng ngày càng có tính cách một "quán rượu tổ quỷ", một ổ trộm cướp. Trong quan hệ giữa những trẻ nuôi và các giáo viên, bọn chúng đã tập thành cái nếp ngày càng thêm tệ là khinh nhờn chúng tôi bất kỳ dịp nào, và phô trương những lề thói vô lại. Chúng bắt đầu kể những chuyện tục tĩu trước mặt các nữ giáo viên, chúng thô lỗ đòi ăn và, ở buồng ăn, chúng tung đĩa lên trời. Đùa giỡn thị uy với những con dao Phần-lan của chúng, chúng ba lơn hỏi lẫn nhau xem đứa nào có của chìm cất giấu ở đâu không.

- Vẫn cứ là dùng được, chúng mày có biết không,… nhỡ khi nào đét vận.

Chúng cương quyết từ chối không đi bổ củi cho các lò sưởi và, trước mặt Kalina Ivanôvich, chúng dỡ phá cái mái gỗ của nhà xưởng trống. Chúng vừa làm việc đó vừa đùa cười bả lả:

- Thế là đủ chán cho khoảng thời gian chúng mình còn lại đây!

Kalina Ivanôvich vừa phun hàng triệu tàn lửa khỏi tẩu thuốc vừa dang hai cánh tay ra:

- Anh còn nói gì được với chúng nó nữa chứ, bọn ăn hại ấy? Anh coi thử các ông tướng oắt con kìa! Ai dạy chúng

nó phá nhà gỗ thế. Đáng lẽ là phải tống cổ bố mẹ chúng nó vào nhà tù, những quân ăn hại.

Và cái chuyện kỳ lạ đã xảy ra là: tôi buông rời dây cột con thuyền sư phạm.

Một buổi sáng mùa đông, tôi bảo Zađôrôp đi bổ củi cho nhà bếp. Tôi nghe câu đáp thường lệ của hắn:

- Thì anh đi mà làm lấy: các anh ở đây cũng khá đông người.

Đây là lần đầu hắn gọi tôi bằng "anh".

Đã bị kinh nghiệm của tất cả những tháng trước dồn tới điểm tức giận tuyệt vọng, nhục ứ lên đến tận cổ, tôi giơ nắm tay và tống thẳng vào má Zađôrôp. Quả

tống mạnh, và hắn lảo đảo, ngã dụi trên lò sưởi. Tôi đánh cho hắn cái nữa, túm lấy cổ áo, xốc hắn đứng lên, và đánh hắn lần thứ ba.

Tôi thấy hắn đột nhiên hoảng sợ. Mặt tái xanh, hắn vội chụp cái mũ cát-két lên đầu bằng hai tay run rẩy, bỏ ra rồi lại đội vào. Tôi có thể còn đánh hắn nữa, nhưng hắn khẽ lẩm bẩm, với một tiếng rên rỉ:

- Xin lỗi, bác Antôn Xêmiônôvich.

Tôi đang ở trong cơn giận man rợ đến cùng cực, tôi cảm thấy rằng: hễ bất cứ đứa nào thốt ra một lời gì chống đối tôi, là lập tức tôi xông vào cả bọn, đánh cho kỳ chết, tiêu diệt cả bầy kẻ cướp đó

đi. Tôi vớ được một cái que cời bằng sắt. Năm đứa đứng im thin thít, bên cạnh giường chúng. Burun hấp tấp chỉnh đốn lại một cái gì trên người.

Tôi quay lại bọn chúng và đập thanh sắt vào một thành giường.

- Đi vào rừng tất cả ngay lập tức để làm việc, nếu không thì cút khỏi đây và đi mà…

Và tôi ra khỏi phòng ngủ.

Đi xuống xưởng trống là nơi để dụng cụ, tôi lấy một chiếc rìu, lầm lầm quan sát bọn trẻ nuôi trang bị rìu và cưa. Tôi bỗng có ý nghĩ giá hôm nay đừng đi làm củi thì hơn, để khỏi đặt khí giới vào tay chúng, nhưng muộn quá mất rồi: đứa nào

đứa nấy đã có đủ thứ cần thiết. Cũng chẳng cần. Sẵn sàng liều mọi cái, tôi quyết bắt chúng phải trả giá đắt tính mạng của tôi. Tôi lại có một khẩu súng lục trong túi nữa.

Chúng tôi lên đường. Kalina Ivanôvich đuổi theo tôi, nói thầm thì, vẻ vô cùng áy náy:

- Thế này là nghĩa làm sao? Anh làm ơn cho tôi biết tại sao hôm nay chúng ngoan ngoãn đến thế?

Vẻ suy nghĩ đâu đâu, tôi nhìn đôi mắt xanh của thần "Păng", và nói:

- Việc rắc rối, bác ạ... tôi vừa đánh một thằng, lần đầu tiên trong đời tôi.

- Ồ! Dại quá! Kalina Ivanôvich kêu lên. Nhỡ chúng đi kiện thì sao?

- Dù cho là thế nữa, cũng chẳng có nghĩa lý gì.

Điều khiến cho tôi ngạc nhiên là mọi sự đều trôi chảy tốt đẹp. Tôi làm việc với chúng cho đến bữa ăn. Chúng tôi hạ những cây thông cong trong rừng. Bọn trẻ nói chung đều lầm lì, nhưng không khí trong sạch và giá lạnh, cảnh rừng đẹp đẽ, cây cối phủ từng lớp tuyết dày nặng trĩu, tiếng cưa tiếng búa vui vẻ hoà tấu, đã tác động đến mọi người.

Trong giờ nghỉ ai nấy hút thuốc, có phần hơi ngượng ngùng, thuốc lấy trong gói thuốc quê mùa tôi mang theo, và thở

khói bay lên các ngọn thông. Zađôrôp bỗng phá lên cười lớn:

- Kể cũng cừ thật, ha-ha-ha-ha!

Nhìn bộ mặt đỏ gay và tươi hơn hớn của hắn cũng thích thú, xong tôi chỉ có thể đáp lại bằng một nụ cười:

- Cái gì mà cừ? việc làm à?

- Việc làm thì đã đành rồi. Nhưng còn cái kiểu bác đã cộp tôi!

Zađôrôp, một gã to lớn lực lưỡng, thực quả có chuyện đáng cười. Và tôi cũng lạ cho tôi là đã cả gan đụng vào một gã vạm vỡ như thế.

Hắn còn cười rộ nữa, và vừa cười vừa cầm lấy rìu, hắn đi tới một thân cây.

- Chuyện thú thật, ha-ha-ha!

Chúng tôi cùng ăn với nhau ngon lành, vừa ăn vừa thêm những câu đùa làm gia vị, mà không đả động gì đến chuyện xảy ra ban sáng. Tôi vẫn chưa thấy được thoải mái trong người, nhưng tôi đã quyết không hạ giọng, và qua sang buổi trưa tôi ban bố mệnh lệnh một cách rắn rỏi.

Vôlôkhôp mủm mỉm cười ranh mãnh, nhưng Zađôrôp đến tìm tôi, vẻ mặt đứng đắn nhất trần đời:

- Chúng tôi không đến nỗi tồi tệ đến thế đâu, bác Antôn Xêmiônôvich ạ! Mọi việc sẽ đâu vào đấy. Chúng tôi hiểu.

3. ĐẶC ĐIỂM CỦA NHỮNG NHU CẦU CẦN THIẾT NHẤT

Hôm sau tôi bảo các trẻ nuôi:

- Buồng ngủ phải sạch sẽ! Các chú phải cắt một người trực nhật. Chỉ khi nào tôi cho phép thì ai muốn ra tỉnh mới được ra. Ai không xin phép mà cứ đi thì đừng trở lại nữa. Tôi sẽ không để cho trở về trại đâu.

Vôlôkhôp đánh một câu:

- Ứ hừ! Không có cách gì dễ dãi được hơn ư?

- Các chú thấy thế nào là thích hợp với mình hơn hết thì hãy nên chọn lấy. Tôi không thể làm khác được. Ở trại

thì phải có kỷ luật. Nếu các chú không thích thế, thì muốn đi đâu cứ việc đi. Còn những người nào muốn ở lại thì phải giữ kỷ luật. Tuỳ ý các chú. Đây không phải là "quán rượu tổ quỷ".

Zađôrôp chìa tay ra cho tôi bắt:

- Đồng ý, thế là đúng! Vôlôkhôp ạ, mày hãy câm mồm đi! Trong các việc này, mày còn ngốc nghếch chưa biết gì. Suy tính cho kỹ thì ở đây còn hơn là ở nhà giam tạm.

- Thế sẽ bắt buộc phải đi học à? Vôlôkhôp hỏi lại.

- Bắt buộc.

- Nhưng nếu tôi không muốn học thì sao. Học sẽ ích lợi gì cho tôi chứ?

- Bắt buộc phải đi học. Dù chú muốn hay không cũng mặc. Chú thấy đấy, Zađôrôp vừa mới bảo chú là thằng xuẩn. Chú phải học, phải trở nên thông minh.

Vôlôkhôp nghẹo đầu nghẹo cổ một cách ngộ nghĩnh, nhắc lại một câu trong một chuyện dật sử Ukren:

- Chàng ta nhảy giỏi quá đến nỗi ngã lăn kềnh!

Về phương diện kỷ luật, việc xảy ra với Zađôrôp đánh dấu một bước ngoặt. Nói cho thực thì tôi không bị dằn vặt vì hối hận. Phải, tôi đã đánh một đứa trẻ nuôi. Tôi cảm thấy tất cả sự bất hợp pháp và tất cả sự lỗ mãng về mặt sư phạm của việc đó, nhưng đồng thời tôi

cũng thấy rằng đứng trước cái nhiệm vụ tôi phải gánh vác thì việc giữ gìn cho hai bàn tay giáo dục của tôi được trong trắng chỉ là vấn đề thứ yếu. Tôi quyết tâm làm người độc tài nếu tôi không có phương pháp nào khác nữa. Ít lâu sau tôi có chuyện mắc mứu gay go với Vôlôkhôp. Hôm đó hắn trực nhật mà không quét phòng ngủ, và sau khi tôi khiển trách, hắn cũng không chịu làm. Tôi nhìn hắn một cách tức giận và bảo hắn:

- Đừng có làm tôi nổi nóng. Quét đi!

- Nếu không thì sao? Bác sẽ đánh vỡ miệng tôi chắc? Bác không có quyền!.

Tôi túm lấy cổ áo hắn, kẻo hắn lại

gần, và giọng nói rít lên, tôi quát vào mặt hắn một cách rất là thành thực:

- Này nghe đây! Tôi báo cho chú biết lần này là lần cuối cùng: tôi sẽ không đánh vỡ miệng chú, mà tôi sẽ đả cho chú thành tật! Rồi sau chú có thể cứ đi mà kiện, người ta sẽ bắt tôi, nhưng cái đó không việc gì đến chú!

Vôlôkhôp gỡ mình ra khỏi tay tôi, và vừa mếu máo vừa nói:

- Ai người ta bắt vì những chuyện tẹp nhẹp ấy. Để rồi tôi quét, rõ thật c…!

Tôi hét lên như sấm:

- Chú nói với tôi thế nào đấy?

- Vậy nói với bác thế nào? Rõ

thật.!

- Cái gì? Chửi đi xem thử.

Hắn bỗng phá lên cười, và giơ một cánh tay lên.

- Gớm, người đâu mà lại.... tôi quét đây, quét đây, bác đừng hét nữa!

Tuy nhiên, có điều nên lưu ý là tôi đã không một phút nào nghĩ rằng mình đã tìm thấy ở bạo lực một phương pháp sư phạm toàn năng. Câu chuyện xảy ra giữa Zađôrôp và tôi khiến tôi phải trả giá đắt hơn hắn. Tôi bắt đầu e ngại rằng tôi sẽ đi vào con đường gặp ít trở lực nhất. Về phía các nữ giáo viên, Liđia Pêtrôpna phê bình tôi công khai một trận cẩn thận. Ngay tối hôm ấy, ngồi tì đầu lên nắm tay

nhỏ bé, chị bảo tôi:

- Thế là bác đã tìm ra phương pháp rồi đấy à? Cũng như ở chủng viện ấy chứ gì?

- Thôi xin chị, chị Liđia ơi!

- Không, bác hãy nói cho rõ, chúng ta sẽ cứ đánh tràn đi sao? Và cả tôi cũng được phép đánh chứ? Hay chỉ có một mình bác thôi?

- Chị Liđia ạ, tôi sẽ nói chuyện lại với chị sau về vấn đề đó. Bây giờ chính tôi cũng không biết ra sao. Chị hãy nên đợi một chút.

- Được rồi, tôi sẽ đợi.

Êkatêrina Grigôriepna thì cau có mấy

hôm liền, nói năng với tôi bằng giọng lịch sự khách khí. Mãi năm hôm sau chị ta mới hỏi tôi, với nụ cười nghiêm trọng của chị:

- Thế nào! Bác thấy thế nào?

- Như thường thôi. Tôi dễ chịu lắm.

- Nhưng bác có biết sự đáng buồn nhất trong chuyện này là cái gì không?

- Sự đáng buồn nhất?

- Vâng. Tai hại nhất là bọn trẻ đó lại say sưa thích thú nói đến hành vi anh hùng của bác. Đến nỗi có thể tưởng chúng sẵn lòng mến phục bác, ngay cả Zađôrôp trước hết. Thế là thế nào? Tôi

không hiểu. Phải chăng đó là thói quen nô lệ?

Tôi nghĩ ngợi một chút và bảo chị:

- Không, tính nô lệ chẳng có dính dáng gì vào đó cả. Vấn đề là thế khác. Chị hãy nên phân tích kỹ: sự thực là Zađôrôp khỏe hơn tôi, chỉ trở bàn tay một cái là nó có thể đánh tôi què. Mà nó có sợ cái gì đâu, Burun cũng thế, những đứa khác cũng thế. Trong tất cả câu chuyện này chúng không nhìn thấy trận đòn, chúng nhìn thấy sự tức giận, thấy con người nổi xung. Chúng thừa hiểu rằng tôi có thể không đánh thằng Zađôrôp, mà gửi nó trả lại cho ban nhi đồng phạm pháp như là một đứa không thể nào dạy được, và làm cho nó bị nhiều

chuyện khó chịu hết sức. Nhưng tôi đã không làm thế, tôi chọn một hướng hành động nguy hiểm cho tôi, nhưng có tính cách con người và không hình thức chủ nghĩa. Lại có điều hiển nhiên nữa là dù sao chúng cũng phải cần đến trại. Điều này kể thì phức tạp hơn. Ngoài ra chúng còn nhìn thấy chúng ta làm việc nhiều để phục vụ chúng. Nói cho cùng, chúng cũng là những con người. Vấn đề chủ yếu là ở chỗ ấy đấy.

- Có lẽ thế, Êkatêrina Grigôriepna nói, vẻ trầm ngâm suy nghĩ.

Song chúng tôi không có thì giờ trầm ngâm suy nghĩ. Một tuần lễ sau, vào tháng hai 1921, tôi dùng một chiếc xe bò chở đồ đem về trại mười lăm đứa trẻ

đúng là vô thừa nhận và thực rách rưới như tổ đỉa. Chúng tôi tốn nhiều công phu lắm mới tắm rửa được chúng, cho chúng ăn mặc sơ sơ và chữa cho chúng khỏi ghẻ lở. Sang tháng ba, trại có đến ba mươi đứa. Chúng phần nhiều rất là kém cỏi, chúng man rợ và không thích hợp tí nào cho sự thực hiện lý tưởng " giáo dục xã hội ". Như thế thì chúng làm gì có được cái năng khiếu sáng tạo đặc biệt mà người ta bảo rằng nó làm cho tư duy nhi đồng rất gần gũi với tư duy khoa học.

Trại cũng có thêm được những giáo viên mới. Sang tháng ba chúng tôi đã họp thành một hội đồng sư phạm thực sự. Trước sự kinh ngạc thán phục của tất cả mọi người trong trại, cặp vợ chồng

Ôtxipôp: Ivan Ivanôvich và Natalia Mackôpna, dọn đến với những đồ đạc nhiều vô kể: đi-văng, ghế dựa, tủ đứng, hàng đống quần áo và đồ dùng bếp nước. Các trại viên gần như trần trụi của chúng tôi đứng nhìn với một sự chăm chú phi thường người ta khuân chuyền tất cả những thứ tuyệt diệu ấy đến cửa buồng vợ chồng Ôtxipôp.

Sự chăm chú đó quyết không phải là có tính cách nghiên cứu, và tôi rất e ngại rằng toàn bộ những đồ đạc đẹp đẽ dọn đến kia không khéo lại đi ngược con đường trở về các chợ ngoài tỉnh. Sau một tuần lễ, sự chú ý đến tài sản của gia đình Ôtxipôp có giảm đi ít chút vì có một bà quản lý đến trại. Đó là một bà già rất tốt,

rất hay nói chuyện va rất xuẩn. Tuy hành trang của bà không được giàu có bằng gia đình Ôtxipôp, nhưng cũng có vô số thứ ngon lành bậc nhất: cơ man nào là bột, là lọ mứt, và giữa bao nhiêu thứ khác, vô khối túi nhỏ rất tinh tươm và túi đi đường, mà các trại viên của chúng tôi lấy mắt sờ nắn qua vỏ ngoài đoán thấy đủ thứ quý vật bên trong.

Bà quản lý thu dọn buồng ở cho thực ngăn nắp dễ chịu, theo thói quen của các ông bà già vốn rất ưa thích sự tiện nghi. Bà xếp những hộp nho nhỏ và các thứ chai bình khác của bà theo trật tự thích hợp vào các ô tường, các xó xỉnh và góc nhà vốn dĩ xưa nay vẫn để dùng cho việc đó, và rất nhanh chóng bà đã thân thiện

ngay được với hai ba đứa trẻ. Cuộc kết liên này đặt trên một cơ sở hợp đồng: chúng khuân củi đến và nhóm lửa đun nước cho bà, ngược lại, bà mời chúng uống nước chè, kèm theo đủ thứ chuyện gói ghém những quan niệm của bà về cuộc sống. Nói cho đúng ra, thì ở trại chúng tôi chẳng có công việc gì cho một bà quản lý, và tôi lấy làm lạ rằng người ta lại chỉ định về đây một người.

Trại chẳng cần gì đến người quản lý. Vì chúng tôi nghèo xơ nghèo xác, nói khó ai tin được,

Trừ mấy gian buồng cho nhà giáo và nhân viên ở, chúng tôi mới tu sửa được một phòng ngủ rộng có hai cái lò sưởi

kiểu Phổ-lỗ-sĩ[27]. Phòng ấy có ba chục giường khung gỗ và ba cái bàn to cho bọn trẻ ngồi ăn và viết lách. Còn một phòng ngủ nữa kích thước cũng như thế với một phòng ăn, hai phòng học và một buồng giấy vẫn còn chờ được sửa chữa.

Chúng tôi có một bộ rưỡi ga giường, ngoài ra tịnh không có một thứ đồ vải gì khác nữa. Cách giải quyết hầu như duy nhất của chúng tôi về vấn đề quần áo chỉ có là đi xin ở sở Giáo dục và các cơ quan khác.

Cái ông giám đốc đã quyết mở trại cho bằng được thì lại đã bị gọi đi nhận nhiệm vụ khác ở đâu rồi, và người thay chân ông chẳng quan tâm đến chúng tôi

mấy tí, vì đầu óc còn mải nghĩ những chuyện khác quan trọng hơn.

Bầu không khí ở sở Giáo dục hồi bấy giờ thực chẳng thuận lợi chút nào cho những nguyện vọng được giàu có hơn của chúng tôi. Sở Giáo dục tỉnh bấy giờ là một khối nhằng nhịt rất nhiều phòng lớn phòng nhỏ, với rất nhiều cán bộ nhân viên, vậy mà biểu hiện sự hoạt động giáo dục ở nơi đó chẳng phải là phòng với người, nhưng lại là các mặt bàn. Bàn viết, bàn rửa mặt hay bàn chơi cờ, xiêu vẹo, trốc Sơn, trước kia màu đen hay màu đỏ, kèm theo những ghế dựa cùng một kiểu như thế, tiêu biểu cho các ban khác nhau của cơ quan, điều đó có những tấm biển treo tường, trước mặt mỗi bàn

làm chứng. Thường thì đại đa số các bàn bao giờ cũng bỏ không, vì phần giá trị bổ sung cho mỗi cái bàn, là con người, thì vốn dĩ do bản chất, dù mang tên là trưởng ban này nọ đấy, nhưng thực tế chẳng bằng hãy đi làm kết toán ở cục phân phối lương thực cái đã. Thảng hoặc có khi bắt chợt được một hình người hiện ra ở một bàn nào đó, thì khách tứ phía đổ xô cả lại. Thế là câu chuyện trao đổi lúc ấy chỉ cốt để biết ban này là ban nào, có phải đúng là ban mà khách cần tìm hỏi không, hay phải hỏi ban khác, mà trong trường hợp này thì vì lý do gì, và cần hỏi đúng ban nào khác; và tuy đã hỏi kỹ thế mà vẫn còn không đúng, thì tại sao cái đồng chí ngồi tại bàn này tuần lễ trước

lại bảo chính là bàn ấy đấy? Giải quyết xong các câu hỏi đó, ông trưởng ban lập tức nhổ neo và biến thẳng như một ngôi sao băng vậy.

Tất nhiên là những cuộc chạy chọt thiếu kinh nghiệm của chúng tôi quanh mấy cái bàn nọ chẳng đem lại cho chúng tôi một kết quả cụ thể nào. Và vì lẽ ấy nên mùa đông năm 1921, trại thực chẳng có được vẻ gì giống một cơ quan giáo dục cho lắm. Những chiếc áo ngắn mặc ngoài rách rưới, theo tiếng lóng đáng gọi là "áo tổ đỉa" thì đúng hơn nhiều, chỉ tạm che da thịt cho xong chuyện: ở dưới những " áo tổ đỉa" ấy họa hoằn lắm mới thấy tàn tích của một chiếc sơ-mi sắp mục. Những trẻ nuôi đầu tiên đến trại với

áo quần bảnh bao cũng không nổi bật được bao lâu trong đám đông: việc bổ củi nặng nhọc với những công việc ở bếp, ở buồng giặt, đã có tác dụng hẳn là giáo dục, nhưng cũng rất là tai hại đối với quần áo. Sang đến tháng ba thì cách ăn mặc của tất cả các trại viên của chúng tôi đều khiến cho bất cứ một nghệ sĩ nào đóng vai lão xay bột trong vở kịch "Ngư tiên"[28] cũng đến phải tấm tức ghen.

Rất ít trẻ có được giày đi và phần đông chúng quấn chân bằng giẻ rách, lấy dây buộc lại. Nhưng ngay đến cả loại giày giẻ rách ấy cũng thường bị những trận khủng hoảng thường xuyên.

Món ăn thường của chúng tôi gọi là

“canh nước ốc”. Ngoài ra, có món gì khác cũng chỉ là đột xuất. Hồi ấy tiên chuẩn ăn có rất nhiều bậc khác nhau: tiêu chuẩn thường, tiêu chuẩn bồi thêm, tiêu chuẩn cho người gầy yếu và cho người béo khỏe, tiêu chuẩn cho người bất túc, tiêu chuẩn điều dưỡng và tiêu chuẩn bệnh nhân. Nhờ có hoạt động ngoại giao hết sức tăng cường, đôi khi chúng tôi cũng thành công trong việc thuyết phục, van xin cho người ta xiêu lòng, đánh lừa phô bày thân hình thiểu não của chúng tôi ra khiến người thương hại, dọa dẫm rằng các trẻ nuôi của chúng tôi có thể sẽ nổi loạn, ấy thế là người ta quy cho chúng tôi vào tiêu chuẩn điều dưỡng chẳng hạn. Tiêu chuẩn này có sữa, mỡ nhiều vô kể

và bánh mì trắng. Cố nhiên là chúng tôi không lĩnh được các thứ đó, nhưng người ta nới tay cấp cho chúng tôi, trong một chừng mực rộng rãi hơn, một số vật phẩm để nấu "canh nước ốc ", với lại bánh lúa hắc mạch. Một hay hai tháng sau, một sự thất bại ngoại giao làm cho chúng tôi lại tụt xuống mức những người thông thường, để chúng tôi lại phải đi vào con đường thận trọng và quanh co chạy chọt, điều đình bí mật hoặc công khai khắp chỗ này chỗ nọ. Cũng có lúc chúng tôi gây được áp lực mạnh mẽ đến nỗi người ta bắt đầu cho chúng tôi lĩnh được đến cả thịt, các đồ ăn sấy để dành và các thứ kẹo, nhưng đến khi vỡ lẽ ra rằng những kẻ bất túc về đạo đức không

làm gì cố quyền được hưởng những thứ xa xỉ phẩm ấy, chỉ dành riêng cho những người bất túc về trí lực, thì đời sống của chúng tôi lại càng trở nên thảm hại hơn.

Làm việc đó chúng tôi cần được võ trang bằng một công văn chỉ ghi một câu thỉnh cầu đơn giản và ý nghĩa rằng:

"Trại nuôi trẻ vị thành niên phạm pháp yêu cầu cấp cho một trăm púc bột mì, để cho các trẻ nuôi ăn".

Ở trại không bao giờ chúng tôi dùng đến những chứ như "phạm pháp", và trại cũng không bao giờ bị chỉ tên như thế. Hồi bấy giờ người ta gọi chúng tôi là bọn "bất túc về đạo đức". Nhưng đối với các giới khác thì cái danh từ ấy không

thích đáng cho lắm, vì nó có phần quá sặc mùi buồng giấy giáo dục.

Đem theo tờ công văn, tôi đứng rình ở một chỗ nào đó ở cửa một phòng giấy, trong hành lang của cái cơ quan tương ứng. Một đám người đổ xô vào, có khi chen chúc nhau đông quá thành thử bất cứ ai lách vào cũng được. Một khi vào được rồi, thì chỉ cần len lỏi qua đầu các vị khách cho tới được chỗ ông trưởng phòng, và luồn tờ công văn của chúng tôi vào dưới tay ông, không nói năng gì hết.

Các ông thủ trưởng những cơ quan cung ứng lương thực khó mà lần mò hiểu nổi nhưng cái tinh vi trong sự phân loại sư phạm và không mấy khi các ông nghĩ ra rằng tụi "vị thành niên phạm pháp" có

liên quan gì với ngành giáo dục. Cái giọng xúc động của mấy tiếng ấy, trẻ "vị thành niên phạm pháp", tự nó đủ là gợi cảm rồi. Cho nên ít khi các ông lấy vẻ nghiêm khắc bảo chúng tôi:

- Bác đến đây lấy gì? Bác về khu của bác mà xin.

Thường thì các ông ấy chỉ trầm ngâm một lát rồi hỏi:

- Ai cung cấp cho các bác? Bên Lao ngục Hành chính phải không?

- Không ạ, ông xem đấy, bên ấy không cung cấp cho chúng tôi, vì đây là các trẻ em.

- Thế thì ai vẫn cung cấp cho các bác?

- Ông xem đấy, cho đến bây giờ vẫn chưa rõ rệt gì cả.

- Sao lại thế, "chưa rõ rệt"?... Lạ thực!

Ông trưởng phòng ghi chú điều gì đó vào sổ tay, và yêu cầu một tuần lễ nữa trở lại.

- Nếu vậy thì trong khi đợi, xin ông hãy tạm cấp cho chúng tôi, dù là hai mươi pút cũng được.

- Hai mươi pút, không được đâu, bây giờ bác hãy lấy năm thôi, rồi tôi sẽ hỏi rõ việc này sau.

Năm pút thì có được là bao, và cái kiểu chuyện trò như thế này không ăn khớp với kế hoạch của chúng tôi, kế

hoạch đó, tất nhiên, không có dự kiến chuyện hỏi rõ hỏi riếc gì cả.

Đối với trại Gorki thì câu chuyện chỉ có thể đi theo một đường lối như thế này thôi: là ông trưởng phòng, không hỏi han gì hết, cứ lẳng lặng cầm tờ công văn của chúng tôi và viết nguệch ngoạc vào một góc: " đồng ý cấp ".

Thế thì tôi chạy như một thằng điên về ngay trại:

- Kalina Ivanôvich!... Này một cái phiếu!... một trăm pút! Bác đi tìm ngay các giám thị và lấy về đi, trước khi ở đằng ấy họ vỡ chuyện...

Kalina Ivanôvich vui vẻ cúi nhìn tờ giấy:

- Một trăm pút? Khá nhỉ!... Ở đâu ra thế?

- Bác không nhìn ra à? Ban lương thực của Tư pháp tỉnh cho đấy!...

- Ai mà lần ra được!... Nhưng chúng mình thì cần quái gì: dù là người hay quỷ cấp cho, cũng cóc cần, miễn là gà cứ đẻ là được, hề-hề-hề!

Ăn là nhu cầu đầu tiên của con người. Cho nên vấn đề mặc không làm cho chúng tôi khổ bằng vấn đề ăn. Các trẻ nuôi của chúng tôi lúc nào cũng đói và điều đó khiến công việc cải tạo đạo đức chúng thêm phức tạp rất nhiều. Các trại viên tự lực xoay xở lấy. Khó khăn lắm mới thoả mãn được một phần rất nhỏ

sự thèm ăn của chúng.

Một trong những loại tiểu công nghệ thực phẩm tư nhân chính mà chúng làm là đánh cá. Về mùa đông việc đó rất khó khăn. Cách dễ dàng nhất là đi nhắc những cái lưới đó của nhân dân các trại áp đặt ở bờ sông gần đấy và ở bờ hồ của chúng tôi. Bản năng sinh tồn và cái khiếu tính toán kinh tế mà con người ai ai cũng có ngăn cản không cho bọn trẻ của chúng tôi ăn cắp luôn cả những cái lưới đó kia, thế nhưng rồi cũng có một đứa vi phạm khuôn phép vàng ngọc ấy.

Đó là thằng Taranet. Mười sáu tuổi, con một gia đình ăn cắp truyền đời, nó là một đứa lanh lẹn gọn gàng, mặt rỗ hoa, vui tính, tinh khôn, một tay tổ chức giỏi

và liều lĩnh tháo vát. Nhưng nó không biết tôn trọng quyền lợi tập thể. Nó ăn cắp nhiều lưới đó ở ngoài sông, đem về giấu ở trại. Các chủ lưới theo gót nó đến trại, và rút cục chuyện vỡ lở tan hoang. Sau đó các nông dân bắt đầu canh giữ lưới, thành ra các nhà đánh cá của chúng tôi họa hoằn lắm mới kiếm chác được cái gì. Rồi ít lâu sau thấy Taranet và vài đứa nữa cũng có những lưới đó riêng của chúng, do "một người quen ở ngoài tỉnh " cho chúng. Nhờ có thứ dụng cụ tư nhân ấy, việc đánh cá được phát triển mau chóng. Mới đầu chỉ có một nhóm nhỏ được ăn cá, nhưng rồi đến cuối mùa đông Taranet bỗng nảy ra ý kiến tự tiện cho tôi vào nhóm.

Nó bưng một đĩa cá rán vào phòng tôi.

- Biếu bác đây.

- Tôi biết rồi, nhưng tôi không nhận đâu.

- Tại sao thế?

- Bởi vì như thế không công bằng. Phải đem chia cá cho tất cả các trại viên.

- Có quyền đâu thế? Taranet tức giận đỏ mặt lên cãi. Có quyền đâu thế chứ? Tôi đã kiếm ra lưới, tôi đánh cá, tôi đầm mình ướt át dưới sông mà tôi lại phải cho tất cả mọi người ăn à?

- Thế thì chú đem cá của chú đi

thôi: tôi đã chẳng kiếm ra được cái gì mà tôi cũng chẳng đầm mình ướt át.

- Nhưng đây là của chúng tôi biếu bác...

- Không, tôi không nhận, tôi không thích thế. Và như thế bất công.

- Có cái gì là bất công trong chuyện này chứ?

- Đây này: chú đã không mua những lưới kia. Đó là của người ta cho.

- Phải rồi, của người ta cho.

- Cho ai? Cho chú à? Hay cho cả trại?

- Sao lại cho cả trại? Cho tôi chứ...

- Tôi nghĩ rằng cho cả tôi nữa và cho tất cả mọi người.

- Thế còn các chảo để rán, thì là của ai? Của chú à? Không, của tập thể. Và dầu hướng dương mà các chú xin của chị cấp dưỡng? Là của tập thể. Và còn củi, bếp lò, thùng xách nước? Thế nào, chú nói làm sao đây? Tôi ấy à, tôi chỉ muốn tước các dụng cụ của chú đi và thế là hết chuyện. Nhưng còn điều quan trọng nhất là như vậy không ra tình anh em với nhau.

- Lưới đó của chú, to chuyện khiếp chửa? Chú hãy xử cho ra tình anh em đi. Ai thì cũng có thể đánh cá được hết.

- Thôi thế thì được, Taranet nói, chúng tôi sẽ làm như bác bảo. Nhưng xin bác nhận cá cho.

Tôi nhận cá. Từ nay việc đánh cá trở thành một việc có qui định, luân phiên, cá đánh được giao cả cho nhà bếp.

Một cách thứ hai kiếm cái ăn cá nhân riêng lẻ là những cuộc đi thăm chợ ngoài tỉnh. Mỗi ngày Kalina Ivanôvich thắng vào xe con Nhãi-ranh, con ngựa Kiêcghi của chúng tôi, đi kiếm vật phẩm hoặc xuất phát tấn công các cơ quan. Bao giờ cũng có hai hay ba trại viên vừa vặn đúng dịp có

lý do phải ra tỉnh: đi bệnh viện, đi lên Ủy ban của sở Giáo dục gọi hỏi, theo

hầu bác để giúp đỡ bác, cầm cương con Nhãi-ranh. Thường thường mấy chú may mắn đó trở về bụng chú nào chú nấy căng phè và còn đem theo một cái gì đó cho anh em nữa. Không bao giờ có chú nào bị "tóm" ở chợ hết. Lợi quả của những cuộc xuất chinh ấy bề ngoài có vẻ hợp pháp. "Đây là của cô tôi cho", "tôi đã gặp một người quen". Tôi cố gắng không đem những hoài nghi nhỏ nhen ra làm nhục kẻ hưởng lợi, và bao giờ tôi cũng tin những lời giải thích ấy. Vả chăng sự nghi ngờ của tôi có ích gì không? Các trại viên bần thỉu và đói khát, lúc nào cũng chỉ đi tìm cái ăn, có vẻ là một miếng đất có phần bạc bẽo cho bất cứ cuộc lên lớp đạo đức nào về những cái

lặt vặt như chuyện ăn cắp ở chợ một chiếc bánh giòn hay một đôi đế giày.

Trong sự nghèo khổ khó lòng tưởng tượng của chúng tôi, có một khía cạnh tốt mà sau này chúng tôi không bao giờ có nữa. Bọn giáo viên chúng tôi cũng đói và nghèo như thế thôi. Hồi đó chúng tôi hầu như không có lương chúng tôi cũng vui lòng ăn cùng một thứ "canh nước ốc" và quần áo chúng tôi cũng rách rưới gần như áo quần bọn trẻ. Suốt mùa đông, tôi đi giầy không có đế, để thò ra ngoài một mẩu bít tất Nga. Chỉ có Êkatêrina Grigôriepna lúc nào cũng trau chuốt, là mặc áo dài giặt cẩn thận sạch sẽ và vừa đúng khổ người.

4. ĐẤU TRANH NỘI BỘ

Trong tháng hai, cả một tập giấy bạc, ước chừng bằng sáu tháng lương của tôi, bỗng biến mất khỏi ngăn kéo bàn tôi.

Hồi ấy buồng tôi dùng thay cho phòng quản trị, phòng giáo viên, phòng kế toán và phòng thủ quỹ, vì một mình tôi kiêm cả bằng ấy chức vụ. Ngăn kéo khóa cẩn thận, không có một tí dấu vết nào bẻ khóa hết, thế mà tập giấy bạc mới tinh mất biến.

Buổi tối tôi nói chuyện ấy cho bọn trẻ biết và yêu cầu chúng trả lại số tiền. Tôi không có cách gì chứng minh được việc mất cắp, vậy cấp trên có thể dễ

dàng buộc tội tôi là lạm tiêu công quỹ. Chúng nghe tôi nói với một vẻ mặt rầu rĩ rồi giải tán. Sau buổi họp, trong khi tôi đi qua sân tối để về căn nhà của tôi, có hai đứa chạy lại gần tôi: đó là Taranet và Gut. Gut là một chú bé nhỏ người mà lanh lợi.

- Chúng cháu biết đứa nào lấy tiền, Taranet nói thầm thì, có điều là không thể nói ra trước mặt mọi người được: chúng cháu không biết nó giấu tiền ở đâu. Mà nếu chúng cháu tố nó ra, thì nó sẽ cuỗm tiền mà tẩu mất.

- Đứa nào thế?

- Một đứa ở đây...

Gut nheo mắt nhìn Taranet; rõ ràng là

nó không hoài toàn tán thành lối hành động của hắn. Nó lủng bủng:

- Cứ là tế cho nó một trận... Thế là xong chuyện.

- Thế ai đi mà tế cho nó chứ? Taranet quay lại hỏi nó. Mày à?... Nó lại chẳng tẩn cho mày dừ xương ấy chứ lại.

Tôi đề nghị:

- Cho bác biết là đứa nào, để bác nói chuyện với nó.

- Không, thế không được đâu.

Taranet cố tình muốn giữ bí mật. Tôi nhún vai:

- Thôi được, tuỳ các cháu.

Tôi về đi ngủ.

Sáng hôm sau, Gut tìm thấy tiền trong chuông ngựa. Một đứa nào đã ném giấy bạc qua cái cửa sổ nhỏ trên mái, làm cho nó bay tản mác tứ phía. Gut sung sướng run cả người, chạy bổ vào buồng tôi, hai tay nắm đầy những tờ giấy lẫn lộn, nát nhầu.

Nó vui mừng nhảy múa, chạy lâng tâng khắp trại; bọn trẻ đứa nào đứa nấy cũng đều hớn hở và đổ xô đến buồng tôi thăm hỏi. Chỉ có Taranet nghiễm nhiên đi tản bộ, ngẩng cao đầu kiêu hãnh. Tôi giữ ý không hỏi nó với Gut đã làm những gì sau khi nói chuyện với tôi.

Sau đó hai hôm có đứa nào lại bật tung khóa hầm kho và ăn cắp mấy

bảng[29] mỡ - tất cả số mỡ dự trữ của trại. Nó lấy luôn cả khóa đi nữa. Một ngày sau, cửa sổ buồng chứa bị giật tung đi, có bao nhiêu kẹo để dành cho ngày kỷ niệm Cách mạng tháng Hai đều mất hết, và cũng mất theo cả mấy hộp mỡ bôi trục xe, là thứ dùng để đổi chác quý ngang tiền.

Trong đó mấy hôm Kalina Ivanôvich tọp hẳn người đi: bác vươn bộ mặt xanh nhợt nhìn từng đứa trại viên, phà khói thuốc lá cay sè vào mắt nó mà la rầy:

- Chúng mày thử nghĩ lại xem nào! Tất cả những thứ đó là để cho chúng mày chứ cho ai, đồ chó chết, thế mà chúng mày lại tự mình ăn cắp của mình,

quân ăn hại!

Taranet biết rõ chuyện hơn hết mọi người, nhưng nó đánh trống lảng, và vì một lý do gì đấy, xem ý nó không định làm cho việc này sáng tỏ. Các trại viên nói xôn xao rất nhiều, nhưng phần đông chúng chỉ hoàn toàn coi việc đó như một chuyện thích thú. Chúng không muốn nghĩ một mảy may nào rằng chính chúng lại là những người bị mất cắp.

Ở phòng ngủ tôi la hét dữ dội:

- Vậy các chú là cái giống gì? Các chú là người hay là..

- Chúng tôi là những kẻ cắp, nghe có tiếng đấy ở một giường trong đám giường xa nhất.

- Kẻ cướp giết người.

- Nói láo! Kẻ cướp giết người, ngữ các chú ấy à? Chẳng qua là một lũ nhãi ranh đểu cáng, ăn cắp lẫn nhau. Bây giờ các chú chỉ có việc đừng ăn mỡ, tôi cần đếch gì! Đến các ngày lễ thì nhịn kẹo đi. Chẳng ai còn cho trại cái gì nữa đâu. Các chú cứ việc chết đói rã họng!

- Nhưng thưa bác Antôn Xêmiônôvich, chúng ta làm gì được kia chứ? Chúng ta không biết đứa nào ăn cắp, bác không biết mà chúng tôi cũng không biết.

Kể thì ngay từ đầu tôi cũng đã hiểu rằng tôi nói phi công toi. Ăn cắp tất phải là một thằng trong bọn lớn, mà đứa nào

cũng sợ.

Hôm sau tôi đem theo hai đứa trẻ lên xe ngựa để cùng đi xin cấp mỡ một lần nữa. Chúng tôi bôn ba mấy ngày liền, nhưng rồi cũng được có mỡ đem về. Người ta còn cho chúng tôi thêm cả một phần kẹo nữa, nhưng không khỏi phê bình chúng tôi hồi lâu vì nỗi có của mà không biết giữ. Mỗi buổi tối chúng tôi đều đem những chuyện gian nan của chúng tôi ra kể tường tận cho cả trại nghe. Sau cùng chúng tôi chở mỡ về trại và đắc thắng để nó vào hầm kho cất. Nó bị lấy cắp liền ngay trong đêm thứ nhất.

Tôi lại lấy làm thích thú vì việc đó. Tôi dự đoán rằng lần này thì quyền lợi tập thể, tinh thần cộng đồng hẳn là cuối

cùng phải lên tiếng, bắt mọi người quan tâm đến chuyện ăn cắp. Quả nhiên cả bọn trẻ đều buồn rầu, nhưng chẳng có đứa nào nhiệt tình hết, và ấn tượng đầu tiên qua rồi, đứa nào đứa nấy lại bị tính hiếu kỳ xâm chiếm: quái, cái thằng nào mà làm ăn tài tình đến thế nhỉ?

Vài ngày nữa lại qua đi, rồi cái vòng cổ ngựa để ở chuông biến mất: thế là ngay đến ra tỉnh chúng tôi cũng không đi được nữa. Chúng tôi phải vào trong xóm van vỉ hết nhà này nhà nọ, xin cho mượn một cái để dùng tạm lúc này.

Những việc mất cắp trở thành chuyện hàng ngày. Cứ mỗi buổi sáng lại thấy mất một cái gì ở chỗ này chỗ nọ: một cái rìu, một cái cưa, bát đĩa, ga trải giường, đai

lưng ngựa, những dây cương, các thứ vật phẩm. Tôi cố gắng không ngủ ban đêm, đi tuần trong sân với khẩu súng lục, nhưng tất nhiên tôi không chịu nổi quá hai hay ba phiên như thế. Tôi yêu cầu Ôtxipôp gác cho một đêm, nhưng anh ta hoảng sợ đến nỗi tôi không nhắc lại chuyện ấy với anh ta nữa.

Tôi nghi ngờ nhiều đứa trẻ, trong số đó có Gut và Tranet. Song tôi không có chứng cớ gì hết, nên đành phải giữ ý ngờ trong bụng vậy thôi.

Zađôrôp cười lớn và nói đùa:

- Thế nào, bác Antôn Xêmiônôvich, bác nghĩ rằng một trại lao động thì chỉ có thể làm việc thôi, chứ

không có mảy may vui đùa gì cả à? Bác hãy đợi xem, chưa hết chuyện đâu bác ạ! Nhưng cái thằng nào mà bác tóm cổ được, thì bác sẽ làm gì nó?

- Tôi sẽ cho nó đi tù

- Cái đó cũng chưa mùi gì. Tôi lại cứ nghĩ bác sẽ tẩn nó một trận.

Một đêm, hắn mặc nguyên cả quần áo đi ra sân.

- Tôi canh với bác một lúc.

- Chú hãy coi chừng, bọn trộm có thể đả chú đấy

- Không, chúng biết là bác gác tối nay, và chắc chắn chúng sẽ không đến hôm nay đâu. Thế thì có cái gì mà

hoảng?

- Nhưng nói cho thực thì, Zađôrôp này, chú cũng sợ chúng nó chứ?

- Sợ ai? bọn trộm ấy ư? Tất nhiên là tôi sợ. Nhưng vấn đề không phải là có sợ hay không; bác Antôn Xêmiônôvich ạ, chắc bác cũng nhận cho rằng dù sao chăng nữa thì đi tố giác cũng là điều không tốt.

- Nhưng họ ăn cắp của chính các chú kia mà.

- Của tôi ư? tôi có dính líu gì vào đấy? ở đây chẳng có một cái gì là của tôi hết thảy.

- Nhưng chú sống ở đây.

- Thế này mà gọi là một đời sống à, bác Antôn Xêmiônôvic! Có phải là sống không? Bác chả làm nên được trò trống gì với cái trại này đâu. Bác vất vả nhọc xác vô ích thôi. Rồi bác xem, chúng nó là cứ xoáy hết, rồi chúng tếch thẳng cho mà coi. Tốt hơn hết là bác thuê lấy hai người gác giỏi và cho họ súng.

- Không, tôi sẽ không thuê người gác, và tôi sẽ không cấp súng.

- Tại sao chứ? Zađôrôp ngạc nhiên hỏi.

- Sẽ phải trả công những người đó, mà chúng ta thì nghèo thế này, và điều quan trọng nhất là: các chủ phải là những người chủ.

Nhiều trại viên phát biểu ý kiến là phải có người gác. Đó là đầu đề cả một cuộc tranh luận ở phòng ngủ.

Antôn Bratsenkô, đại biểu ưu tú nhất của nhóm lưu trú sinh thứ hai của chúng tôi, chứng minh rằng:

- Có một người gác, thì chẳng đứa nào đến lấy trộm nữa. Mà dù cho có đến, thì chỉ có việc nhả cho nó một phát đạn muối[30] vào mông đít. Khi đã được muối trong một tháng rồi, đố dám liều lĩnh nữa.

Người phản đối ý kiến của nó là Kôxchia Vetkôpxki, một gã xinh trai, khi còn "tự do" ở ngoài trại vẫn chuyên đi khám xét nhà người bằng giấy mệnh lệnh

giả mạo. Trong những vụ như thế, hắn chỉ đóng những vai trò phụ thuộc, để các vai quan trọng cho những đứa lớn. Kết quả điều tra đã cho biết rằng bản thân Kôxchia không bao giờ ăn cắp gì hết thảy, và hắn chỉ có say sưa về mặt thẩm mỹ của những hoạt động đó thôi. Lúc nào hắn cũng tỏ thái độ khinh bỉ đối với bọn trộm cắp. Tôi đã để ý từ lâu đến bản chất tế nhị và phức tạp của hắn. Tôi lạ nhất là thấy hắn dễ dàng ăn cánh với những đứa tợn nhất trong đám bạn bè, và thấy tất cả bọn thán phục hắn về các vấn đề chính trị. Kôxchia bênh vực luận điểm sau đây:

- Bác Antôn Xêmiônôvich nói đúng đấy. Không đặt người gác ở đây làm gì. Bây giờ chúng ta còn chưa hiểu,

nhưng rồi chẳng bao lâu tất cả chúng ta sẽ hiểu rằng không được ăn cắp ở trại. Đã có nhiều cậu hiểu rồi đấy. Và rồi nay mai chính chúng mình sẽ canh gác lấy thôi. Có phải không, Burun? hắn quay lại bất thình lình hỏi thằng này.

- Ừ thì, nếu phải làm chân gác đêm, chúng mình sẽ làm chứ sao, Burun nói.

Sang tháng hai bà quản lý của chúng tôi thôi việc ở trại; tôi đã xin điều được bà đến một bệnh viện nào đó. Một ngày chủ nhật kia, con Nhãi-ranh được dắt tới chân thềm tam cấp của phòng bà, rồi tất cả các chú bạn thân và là bạn đồng ấm trong những bữa trà triết lý của bà cùng nhau tíu tít khuân lên xe trượt tuyết những

túi nhỏ và túi đi đường nhiều không đếm xiết của bà. Ngồi ngật ngưỡng một cách an nhiên trên đỉnh chót vót của đống tài sản đó bà già bé nhỏ trung hậu lên đường đi tới cảnh sống mới, với cái tốc độ quen lệ hai cây số một giờ.

Con Nhãi-ranh trở về muộn, nhưng lại đem cả bà già cùng với nó, bà đâm bổ vào phòng tôi, kêu khóc nức nở: bà đã bị mất cướp hết sạch sành sanh. Các chú bạn thân và bọn giúp đỡ tay chân của bà đã chủ tâm không đem ra xe trượt tuyết tất cả những rương hòm, va-li và túi của bà, chúng còn đem đi những chỗ khác nữa: thực là một trận cướp bóc vô sỉ. Lập tức tôi đánh thức Kalina Ivanôvích, Zađôrôp, Taranet và chúng

tôi tiến hành một cuộc khám xét toàn thể trong khắp trại. Chúng đã ăn cắp nhiều thứ đến nỗi chúng chưa kịp có thì giờ cất giấu hết được chu đáo. Tất cả những của cái của bà quản lý đều được thu hồi trong các bụi rậm, trên tầng áp mái các nhà kho trống, hoặc chỉ ngay ở dưới gầm giường và sau các tủ áo. Thì ra bà lão giàu thực: chúng tôi tìm thấy ước chừng một tá khăn trải bàn mới, vô số ga trải giường và khăn mặt, những cùi dìa bạc, những bình nhỏ, một chiếc vòng tay, những hoa tai, và một đống các thứ tạp nhạp khác.

Bà đang khóc ở buồng tôi. Dần dần các kẻ tội phạm bị bắt vào đầy cả đấy, các chú xưa nay vẫn thân thiện và có

cảm tình với bà.

Lúc đầu bọn trẻ còn chối, song thấy tôi la hét chúng đâm sợ, rồi việc được sáng tỏ manh mối. Thì ra các chú bạn thân ấy của bà lão không phải là thủ phạm chính. Chúng chỉ lấy vài thứ làm kỷ niệm, như một cái khăn trà hay một cái bình đựng đường. Kẻ đứng đầu tổ chức tất cả việc này té ra là thằng Burun. Sự phát hiện này làm cho nhiều người kinh ngạc, và trước hết là tôi. Ngay từ hôm đầu, tôi thấy Burun có vẻ có căn bản nhiều hơn những đứa khác, lúc nào hắn cũng nghiêm chỉnh, vừa hòa nhã vừa từ tốn, học giỏi hơn tất cả mọi đứa ở trường, tỏ ra cần cù và chăm chỉ, tích cực hết sức trong việc học

Tính cách qui mô và óc thực tế trong hành động của hắn khiến tôi ngây người choáng váng: hắn đã cất giấu cả từng ba lô đồ đạc của bà già. Tất cả những vụ trộm ở trại từ trước đến giờ đều do tay hắn, không còn hồ nghi gì nữa.

Thế là sau cùng tôi đã lần tới được gốc rễ thực của tội ác! Tôi đưa Burun ra trước tòa án nhân dân của trại, phiên xử án đầu tiên trong lịch sử trại chúng tôi.

Các vị thẩm phán, cáu đen những ghét và rách rưới tả tơi, đã an tọa trên các giường và bàn của phòng ngủ. Ngọn đèn dầu hỏa soi vào những bộ mặt kích động của các trại viên và mặt nhợt nhạt của Burun, người nặng nề thô kịch, cổ béo rụt, trông giống như tổng thống Mac

Kinlây[31] của nước Mỹ vậy.

- Tôi tìm được những lời phẫn nộ mạnh mẽ để phân tích tội ác trước bọn trẻ: tước đoạt của một bà già mà tất cả hạnh phúc thu lại chỉ còn có mớ đồ vải thảm hại này, tước đoạt của bà, trong khi ở trại không ai tỏ ra tốt bụng đối với chúng hơn bà ta, và làm như thế đúng khi bà cần đến sự giúp đỡ của mình, thì qua thực không có một tí gì là nhân đạo trong con người nữa, tỏ ra độc ác hơn cả rắn rết, hơn cả loài sâu bọ đê tiện nhất. Làm người phải tự trọng, phải tỏ ra hùng mạnh và kiêu hãnh, và đừng có lấy đến cái giẻ rách cuối cùng của những bà già tội nghiệp.

- Hoặc giả tài hùng biện của tôi đã gây được một ấn tượng mạnh mẽ, hoặc giả các trại viên đều đã tức giận đến tột độ, chúng cùng hung hăng đổ xô vào Burun một loạt. Thằng bé Bratsenkô, tóc lởm chởm, giơ hai cẳng tay về phía Burun:

- Thế nào? Bây giờ mày trả lời ra làm sao? Phải tống mày vào tù, vào nhà giam tạm! Chính mày đã làm cho chúng tao chết đói, cũng chính mày ăn cắp tiền của bác Antôn Xêmiônôvich.

Burun bỗng bật lên cãi:

- Tao lấy tiền của bác Antôn Xêmiônôvich à? Mày thử đem chứng cớ ra xem!

- Tao sẽ có chứng cớ.

- Thách đấy!

- Mày bảo mày không lấy phỏng? Không phải mày phỏng?

- Sao lại là tao?

- Thì chính mày lấy!

- Tao đã lấy tiền của bác Antôn Xêmiônôvich à? Thế ai làm chứng?

Tiếng Taranet nổi lên ở sau lưng hắn:

- Tao làm chứng.

Burun bàng hoàng chưng hửng. Quay lại phía Taranet, han định nói câu gì, rồi khoát tay một cái:

- Được, đã thế thì cho là tao lấy

đi. Nhưng mà tao đã trả lại rồi, có phải không nào?

Bọn trẻ trả lời hắn bằng một trận cười phá lên bất ngờ. Chúng rất thú vị vì câu chuyện trao đổi say sưa này. Taranet ra mặt anh hùng. Hắn tiến ra đứng phía trước.

- Nhưng dù sao thì cũng không nên tống cổ nó đi. Ai là kẻ không có điều gì tự trách? Nhưng cứ phải đả vào mõm nó một cú nên thân, nhất định thế thôi.

Mọi người đều im lặng. Burun từ từ đưa mắt lên nhìn bộ mặt tàn nhang của Taranet.

- Mõm tao ấy à, mày chưa đụng vào được đâu đấy nhé. Mày làm cái thá

gì mà nhanh nhảu tâng công thế? Mày chẳng vì thế mà trở thành giám đốc trại đâu. Bác Antôn có thể nện tao, nếu cần, chứ còn mày, thì can gì đến mày?

Vetkôpxki nhảy chồm lên:

- Thế nào cơ, "can gì đến chúng tao à"? Này, anh em, có can gì tới chúng mình hay không thế?

- Can tới chúng mình lắm chứ! những đứa khác kêu lên. Cứ tẩn mạnh hơn bác Antôn một tí cho nó bươu quả gáo lên thôi.

Có đứa đã nhảy sổ vào Burun. Bratsenkô vung tròn cánh tay như máy xay gió sát tận mặt nó mà la om sòm:

- Phải tẩm quất mày, tam quất

mày một trận!

Zađôrôp thì thào vào tai tôi:

- Bác lôi nó đi, không chúng giết nó mất.

Tôi kéo Bratsenkô ra xa Burun, Zađôrôp đẩy lùi hai ba đứa đang xông vào đánh, Chúng tôi chật vật lắm mới dẹp được yên.

- Burun nói đi! Nó phải nói mới được! Bratsenkô kêu to lên.

Burun nghiêng đầu.

- Tôi chẳng có gì nói hết. Các cậu nói đều đúng cả. Để cho tôi một mình với bác Antôn Xêmiônôvich, rồi tùy ở bác muốn phạt tôi thế nào thì phạt.

Im lặng. Tôi tiến ra cửa, chỉ sợ không ngăn chặn nổi cho khỏi trào ra ngoài cơn tức giận đang sôi sục trong người tôi thành những đợt sóng man rợ. Các trại viên dẹp ra hai bên lấy lối cho Burun và tôi đi.

Chúng tôi lặng lẽ đi qua sân đen tối chìm ngập dưới những đống tuyết: tôi đi trước, hắn theo sau.

Lòng tràn đầy một sự tởm ghét ghê gớm, tôi thấy Burun khác nào một của vứt bỏ bẩn thỉu nhất mà đống rác nhân loại có thể có được. Tôi không biết xử trí với nó thế nào. Nó đã trôi giạt đến trại nguyên do là thành phần một bọn trộm cướp, mà số lớn những đứa thành niên đã bị xử bắn. Nó mười bảy tuổi.

Burun đứng gần cửa, không nói năng gì. Ngồi ở bàn giấy, tôi chỉ muốn quẳng một vật gì nặng vào người nó, để chấm dứt cuộc nói chuyện cho xong.

Sau cùng nó ngẩng đầu lên, nhìn chằm chằm vào mắt tôi, và nói thong thả, dằn từng tiếng một, khó khăn lắm mới khỏi bật lên tiếng khóc:

- Tôi... sẽ... không bao giờ... ăn... cắp... nữa.

- Mày nói dối! Mày đã hứa như thế ở Ủy ban rồi.

- Đấy là ở Ủy ban, nhưng bây giờ là hứa với bác! Bác muốn phạt thế nào thì phạt, nhưng bác đừng đưa tôi ra khỏi trại.

- Thế mày thấy có cái gì là thích thủ ở đây?

- Tôi thích ở đây. Ở đây được làm việc. Tôi muốn học. Tôi đã ăn cắp là vì lúc nào tôi cũng vơi bụng.

- Thôi được. Mày sẽ phải giam ba ngày, chỉ được ăn bánh suông với nước lã thôi. Và đừng có mà đụng đến thằng Taranet!

- Xin vâng.

Burun chịu giam ba ngày đầy đủ trong một buồng nhỏ liền bên phòng ngủ, buồng của các viên giám thị trại cũ.

Tôi thôi không khóa cửa rốt nó, vì nó đã lấy lời danh dự hứa rằng so không ra khỏi buồng nếu không được phép của tôi.

Hôm đầu, tôi thực sự phạt nó ăn bánh suông và uống nước lã, nhưng hôm thứ hai tôi thương hại nó và cho đem đủ suất bữa ăn cho nó. Burun làm ra bộ kiêu hãnh từ chối, nhưng tôi quát lên với nó:

- Trò khỉ! Mày lại còn kiểu cách hử!

Nó mỉm cười, vặn vẹo đôi vai, rồi nắm lấy cái thìa.

Burun giữ lời: từ đấy không bao giờ nó ăn cắp một cái gì nữa, ở trại cũng như ở những nơi khác.

5. VIỆC QUỐC GIA

Vào cái hồi mà những trẻ nuôi của

chúng tôi đối với tài sản của trại chỉ tỏ thái độ thờ ơ, thì ở bên ngoài có những lực lượng hết sức chú ý đến nó.

Chủ lực của những lực lượng đó được phân bố trên con đường cái đi Khackôp. Trên đường ấy hầu như không có đêm nào là không có người bị cướp bóc. Cả từng đoàn xe chở hàng của các dân làng bị một tiếng súng ngắn nòng chặn đứng lại, rồi không để mất thì giờ nói dài dòng, bọn kẻ cướp thọc những bàn tay không phải cầm khí giới vào lòng các phụ nữ ngồi trên xe, trong khi các ông chồng, kinh hoàng hết sức, cứ lấy cán roi ngựa vụt đen đét vào cổ giày ống của mình mà ngạc nhiên rằng:

- Biết đâu mà ngờ kia chứ? Mình

đã giấu tiền vào chỗ chắc nhất, vào bụng vợ mình, thế mà bọn chúng nó lại sục đúng vào chỗ đó mà tìm, thử hỏi có tin được hay không!

Những hành động cướp bóc có thể nói là tập thể ấy không bao giờ đi tới chỗ "lưu huyết". Các bác dân quê sau khi bắt buộc phải đứng yên một chỗ trong khoảng một giờ mà bọn cướp giao hẹn, một khi hoàn hồn rồi liền kéo nhau đến trại, sôi nổi thuật lại mọi chuyện cho chúng tôi nghe. Tôi tập hợp đội ngũ vũ trang bằng gậy gộc, đem theo khẩu súng lục; chúng tôi chạy băng ra phía đường cái và sục vào rừng tuần tiễu hồi lâu. Song những cuộc lùng tìm của chúng tôi chỉ thành công có một lần: cách đường

cái năm trăm thước, chúng tôi bắt gặp một nhóm người ẩn nấp sau những đống tuyết trong rừng. Đáp lại tiếng bọn trẻ reo hò, chúng tôi bắn một phát súng rồi chạy tán tác, nhưng cũng tóm được một tên và điệu y về trại. Trên người y không thấy có súng ngắn nòng, cũng không có một tang vật gì hết, và y khăng khăng chối cãi tất cả mọi điều. Tuy nhiên, đem giao nộp y cho cục Cảnh vụ thì người ta nhận ra y là một tên cướp nổi tiếng, và cả bầy đoàn y đều bị bắt theo y. Ủy ban chấp hành tỉnh Pontava cấp cho trại Gorki một chứng chỉ ghi nhớ công ơn về việc đó.

Song những cuộc đánh chặn trên đường cái vẫn không đình chỉ. Cuối mùa

đông, bọn trẻ của chúng tôi bắt đầu tìm thấy dấu vết những tấn bi kịch ban đêm mà món "tiết" đã có chảy. Một lần, chúng tôi bất thình lình trông thấy một bàn tay thò lên mặt tuyết giữa những cây thông. Bới lên thì thấy một người đàn bà bị giết bởi một phát súng vào giữa mặt. Ở một chỗ khác, ngay gần đường cái, giữa bụi rậm, là một người đàn ông mặc quần xà-ích, bị vỡ sọ. Một sớm mai kia, ngủ dậy, chúng tôi thấy gì? Hai người chết treo nhìn chúng tôi, từ ngoài ven rừng. Ròng rã trong hai ngày đợi ông dự thẩm đến, họ cứ lủng lẳng ở trên cành nguyên đấy, giương mắt trợn trừng ngắm cuộc sống của trại.

Các trại viên theo dõi những sự ấy,

không chút sợ hãi, mà còn thực tình thích thú. Đến mùa xuân, khi tuyết tan, chúng bắt đầu đi tìm những xương sọ bị cáo gặm, mọc vào đầu gậy và đem về, mục đích chỉ cốt là cho Liđia Pêtrôpna hoảng sợ. Tình hình chỉ bấy nhiêu thôi cũng đủ khiến các giáo viên sống trong kinh hoảng, đêm đêm run sợ, thấp thỏm lo thấy một bầy cường đạo xông ùa vào trại một lúc nào đấy và bắt đầu giết chóc. Sợ hãi nhất là vợ chồng Ôtxipốp, vì mọi người đều cho rằng họ có nhiều thứ đáng bị cướp.

Một buổi chiều vào cuối tháng hai, chiếc xe tải đồ của chúng tôi ở tỉnh trở về với cái tốc độ như rùa của nó, đi đến chỗ quặt cuối cùng trước khi tới trại thì

bị chặn đứng lại. Nó chở lúa mạch xay dối và đường kính, là những vật phẩm không hiểu tại sao không được bọn cướp màng tới. Ngoài cái tẩu thuốc, Kalina Ivanôvich chẳng đem theo vật gì quý giá hết. Tình hình ấy khiến bọn cướp nổi giận là phải: chúng đánh vào đầu bác và bác ta ngã lăn xuống tuyết, nằm phục ở đấy cho tới khi chúng mất hút. Gut, là người được trại giao cho nhiệm vụ thường xuyên trông coi con Nhãi-ranh, trong vụ này chỉ đóng vai trò chứng kiến. Về đến trại, cả hai tha hồ kể chuyện dài dòng. Kalina Ivanôvich miêu tả theo lối bi kịch; còn Gut thì theo lối hài hước. Nhưng có điều này là được toàn trại đồng thanh quyết nghị: từ nay bao giờ

cũng cứ phải một đội trại viên đi đón xe tải.

Chúng tôi làm như vậy trong hai năm. Chúng tôi gọi những cuộc xuất chinh ấy theo danh từ quân sự là: đi "chiếm lĩnh đường cái".

Huy động khoảng mười người. Thỉnh thoảng, tôi cũng tham gia, vì tôi có khẩu súng lục. Tôi không thể phó thác nó cho bất cứ trại viên nào, mà không có thứ vũ khí ấy thì lực lượng đội của chúng tôi xem chừng yếu. Chỉ có Zađôrốp là một đôi khi được tôi giao súng cho, và hắn kiêu hãnh đeo nó trên bộ quần áo rách mướp của hắn.

Canh gác trên đường cái là một việc

thích thú nhất hạng. Chúng tôi bố trí suốt dọc đường trên quãng một cây số rưỡi, từ chiếc cầu qua sông con đến chỗ quặt vùng gần trại. Bọn trẻ bị rét cóng, vừa nhảy cẫng trên tuyết vừa hs gọi nhau để khỏi mất liên lạc, tiếng hú như báo hiệu một cái chết chắc chắn trong trí tưởng tượng của người lữ khách chiều hôm lỡ bước. Những người dân làng ở tỉnh về ra sức vung tay quất ngựa lia lịa, lẳng lặng cho xe phi nước đại, dọc theo những bóng người thấp thoáng cứ thay phiên nhau đều đều kia, mà trông vẻ ngoài thực là bất lương hết sức. Các vị quản lý nông trường quốc doanh và các nhà chức trách vừa phóng xe ngựa nhẹ hết tốc lực vút qua gió bão, vừa cố ý phô ra cho các trại

viên trông những súng hai nóng và những súng tồi ngắn nòng của các ông. Còn các khách bộ hành thì ngừng lại ở gần cầu và đợi có thêm bạn đường mới nữa.

Khi có tôi ở đấy, các trại viên không bao giờ giờ những trò tai quái ra, nhưng vắng mặt tôi thì chúng không từ đùa bỡn nhả nhớt, dọa khách đi đường, thành thử không bao lâu Zađôrốp không chịu nhận súng lục nữa, đòi tôi thế nào cũng phải ra đường cái. Thế là đội xuất phát lần nào cũng có tôi, nhưng dù vậy, tôi cũng cứ trao súng lục cho Zađôrốp, để hắn khỏi mất cái thú đáng được hưởng ấy.

Hễ thấy bóng con Nhãi-ranh của chúng tôi ló ra là chúng tôi tiếp đón nó bằng câu hô:

- Đứng lại! Giơ tay lên!

Nhưng Kalina Ivanôvich chỉ tủm tỉm cười và bắt đầu châm tẩu thuốc, với một vẻ hăng hái đặc biệt. Bác cứ châm như vậy cho đến khi về tới trại, vì thực đúng là trường hợp nên dùng câu tục ngữ Ukren rất quen thuộc:

- Tôi đã đi bảy dặm đường, vừa đi vừa bật lửa mà chẳng biết lửa có bắt không.

Đội chúng tôi cứ lần lần chuyển về theo con Nhãi-ranh và cả bọn vui vẻ đi trở lại con đường về trại, vừa đi vừa hỏi Kalina Ivanôvich những tin tức này nọ về việc cung cấp lương thực.

Cũng trong mùa đông ấy, chúng tôi

hoạt động sang một mặt khác, lần này vượt ra ngoài phạm vi trại, và có một ý nghĩa lợi ích quốc gia. Một nhân viên kiểm lâm đến trại yêu cầu chúng tôi canh rừng: cây bị chặt trộm nhiều quá và nhân viên có ít, ông ta không trông coi xuể được.

Việc canh gác rừng, tài sản quốc gia, nâng cao giá trị của chúng tôi lên rất nhiều ngay trong con mắt của chính chúng tôi, nó cung cho chúng tôi một công tác vô cùng lý thú, và sau cùng, đem lại cho chúng tôi những thuận lợi lớn.

Đêm. Ngày sắp rạng, nhưng trời vẫn còn tối mịt. Một tiếng gõ vào cửa kính làm tôi bật thức dậy. Tôi nhìn ra: sau cửa

kính, qua riềm sương băng trông như mạng đăng-ten, thấy in hình lờ mờ một cái mũi hếch và một cái đầu bù xù.

- Có chuyện gì thế?

- Bác Antôn Xêmiônôvich, người ta đang đốn cây trong rừng.

Tôi thắp đèn đêm lên, mặc áo vội vàng, lấy khẩu súng lục với một khẩu hai nòng, và ra đi. Hai tay đại ham thích những cuộc xuất phát ban đêm đang đứng chờ tôi trên bực thềm: Burun và Sêlaputin, một chú bé nhỏ xíu, ngay thật và rất ngây thơ.

Burun đỡ lấy khẩu súng hai nòng ở tay tôi và chúng tôi đi về phía rừng.

- Ở đâu thế?

- Thì bác nghe đấy…

Chúng tôi dừng lại. Thoạt đầu, tôi không nghe thấy gì hết, rồi dần dần, giữa những tiếng động không thể nhận ra được của rừng khuya và hơi thở của chúng tôi, tôi bắt đầu phân biệt một thứ tiếng đùng đục, rất mong manh, báo hiệu một tiều phu đang làm việc. Chúng tôi khom lưng tiến lên. Cành của những cây thông nhỏ cào sát mặt chúng tôi, giật mất kính trên mũi tôi, và rắc tuyết lên người chúng tôi. Tiếng rìu có lúc chợt đứt quãng, chúng tôi lạc hướng và kiên nhẫn đợi. Rồi nó lại tiếp tục, nghe rõ và gần hơn.

Phải làm thế nào đi tới tận nơi mà đừng lộ mình, để tên trộm khỏi trốn chạy. Burun bước nhanh nhẹn với dáng đi

khạng lạng như một con gấu, Sêlaputin nhỏ xíu, lon ton theo sau, co ro trong cái "áo tổ đỉa". Tôi đi tập hậu.

Sau cùng, chúng tôi tới đích đây rồi. Chúng tôi nấp sau thân một cây thông. Một cây rất đẹp và thẳng tắp đang rung rung, dưới gốc, một bóng người bụng nịt chặt dây lưng. Người đó bổ vài nhát e dè và không chắc tay, đứng thẳng người lên, nhìn quanh một lượt, rồi lại tiếp tục làm việc. Cách chỗ hắn ta độ năm bước, Burun, ngón tay đặt trên cò súng, đôi nòng súng hếch lên cao, nhịn thở nhìn tôi. Sêlaputin đứng nép sau tôi, cúi xuống vai tôi, nói thì thào.

- Được chưa? Có thể chứ, bác?

Tôi gật đầu. Sêlaputin kéo ống tay áo Burun.

Phát súng bùng lên, như một tiếng nổ ghê gớm, vọng mãi ra xa trong rừng thẳm.

Người cầm rìu ngã ngồi xuống, vì phản ứng. Im lặng.

Chúng tôi tiến đến gần. Sêlaputin đã biết mình phải làm gì rồi: cái rìu đã nằm gọn lỏn trong tay hắn. Burun chào vui vẻ:

- A, a! Mutxi Kacpôvich, chào bác nhé!

Hắn vỗ nhẹ vào vai Mutxi Kacpôvich, nhưng bác ta chẳng còn tâm thần nào đáp lại câu chào. Bác ta run lật bật và bất giác giũ tuyết trên tay áo trái.

Tôi hỏi:

- Ngựa để cách đây có xa không?

Mutxi Kacpôvich vẫn im lặng, nhưng Burun đáp thay bác:

- Ngựa kia kìa! Này, ai đấy? Quay lại đây!

Mãi đến bây giờ, tôi mới thấy rõ giữa những cây thông nhằng nhịt một cái đầu ngựa và một cái ách càng xe.

Burun nắm cánh tay người kia:

- Mutxi Kacpôvich, xin phiền bác bước lên xe long mã cho: ban cấp cứu đã tới đó.

Đến lúc này, Mutxi Kacpôvich mới tỏ dấu hiệu là còn sinh khí. Bác nhấc

chiếc mũ lông, lùa tay vào tóc và lẩm bẩm, không nhìn ai hết:

- Ô, lạy chúa tôi. Trời ơi!

Chúng tôi đi ra xe trượt tuyết.

Đôi "sừng" của xe thong thả quay và bọn chúng tôi lần theo một vết xe chỉ con in rất lờ mờ trong tuyết sâu và xốp. Một chú bé mười bốn tuổi, đội một chiếc mũ lông to tướng, chân đi ủng, vừa mấp máy môi thúc con ngựa nhỏ vừa giật dây cương một cách buồn rầu. Nó luôn luôn nheo mũi, vẻ rất bối rối. Chúng tôi im lặng.

Ra đến ven rừng, Burun cầm lấy dây cương ở tay đứa bé.

- Này, không phải đường ấy nhé.

Nếu mày chở gỗ thì mới đi lối đó, nhưng chở thày mày thì phải đi lối này kia.

- Về trại à? – thằng bé hỏi – nhưng Burun không trả lại dây cương, và cho ngựa rẽ sang đường của chúng tôi.

Trời bắt đầu hửng sáng.

Mutxi Kacpôvich bỗng chặn cánh tay Burun ghìm ngựa lại, và tay kia nhấc chiếc mũ lông.

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác tha cho tôi đi! Đây là lần đầu tiên... chúng tôi thiếu gỗ…Bác tha cho tôi!

Burun không bằng lòng, giằng tay cho bác ta buông dây cương ra, nhưng hắn cũng không thúc ngựa chạy. Hắn đợi xem tôi nói ra sao.

- Không được, bác Mutxi Kacpôvich ạ, tôi nói, chả làm thế nào được cả. Phải lập biên bản thôi; đây là một việc liên quan đến Nhà nước, bác cũng biết rõ đấy.

- Mà cũng chẳng phải là lần đầu tiên đâu; giọng nam cao trong như tiếng bạc của Sêlaputin cất lên chào đón bình minh. – Chẳng phải là lần đầu, mà là lần thứ ba: thoạt tiên là thằng Vatxilli nhà bác bị tóm, rồi đến…

Burun ngắt đoạn bài ca du dương trong sáng ấy bằng cái giọng trầm khàn khàn của hắn:

- Chẳng lẽ đứng ở đây à? Còn mày, thằng Anđrê, tẩu về nhà mày đi,

mày chả được cái nghề ngỗng gì trong việc này đâu. Về mà bảo bu mày rằng thầy mày bị tóm rồi nhé. Bu mày hãy gửi cái gì đến cho thầy mày ăn.

Anđrê hoảng sợ, nhảy xuống xe trượt tuyết và chạy bay về phía các thôn trang. Chúng tôi tiếp tục đi. Một tốp trẻ đón chúng tôi ở cổng trại.

- Ồ! Lại cứ tưởng mấy bác cháu bị họ hạ ngoài ấy mất rồi. Đã định chạy đi cứu.

Burun cười:

- Cuộc tác chiến đã tiến hành thành công ghê gớm.

Một đám đông tụ tập trong buồng tôi. Mutxi Kacpôvich thất vọng ngồi vào một

chiếc ghế dựa ở trước mặt tôi, còn Burun ôm súng ngồi bên lò sưởi. Sêlaputin thì thào kể cho các bạn nghe câu chuyện ghê gớm về cuộc báo động đêm qua. Hai đứa trẻ đã leo lên giường tôi, những đứa khác ngồi trên các ghế dài và chăm chú theo dõi các thủ tục lập biên bản.

Một tờ biên bản cực kỳ rạch ròi, tỉ mỉ.

- Bác có mười hai đêxiatin[32] ruộng đất, với ba con ngựa phải không?

- Lấy đâu ra lắm ngựa thế? Mutxi Kacpôvich rên rỉ. Chỉ có một con nghẽo… mới được hai năm…

- Ba con, ba con, Burun vừa nhấn mạnh vừa vỗ nhẹ vào vai bác ta.

Tôi vẫn tiếp tục viết:

- "…đường kính thân cây chặt là 27 phân…"

Mutxi Kacpôvich giơ tay ra:

- Bác nói thế nào kia, cầu Chúa xá tội cho bác, bác Antôn Xêmiônôvich ạ! Thân cây nào 27 phân? Ở đằng ấy, ngay đến cây 18 phân cũng chẳng có nữa là.

Sêlaputin bỗng ngắt đoạn câu chuyện thì thầm, đưa hai tay ra hiệu xấp xỉ bằng nửa thước, và cười vào mặt Mutxi Kacpôvich một cách xấc xược:

- Như thế này nhé! Thế này nhé? Có phải không?

Mutxi Kacpôvich ngảnh mặt đi để khỏi thấy nụ cười của hắn, và đành chịu nhìn ngọn bút tôi chuyển động.

Biên bản đã xong, Mutxi Kacpôvich cáo biệt ra về, vẻ tức tối, bắt tay tôi và bắt tay cả Burun, coi như đứa lớn nhất trong bọn.

- Các chú làm như thế là sai đấy, các chú ạ! Phải để cho mọi người sống chứ.

Burun cúi rạp xuống chào bác ta:

Dạ, không sao, lúc nào cũng xin sẵn sàng hầu bác ạ… - Và hắn chợt nhớ ra: - À mà, bác Antôn Xêmiônôvich, còn cây thì sao?

Chúng tôi suy nghĩ. Thực sự, cây đó

đã bị chặt gần đứt, ngày mai đây, bề nào rồi cũng bị người ta hạ và lấy trộm mất thôi. Không đợi cho chúng tôi nghĩ xong, Burun đi ra phía cửa. Đi qua mặt Mutxi Kacpôvich đang ngẩn ngơ hối tiếc, hắn giáng cho bác ta một vố cuối cùng:

- Chúng tôi sẽ đem ngựa về trả bác, bác đừng lo. Nào các cậu, ai đi với mình? Được rồi, sáu người là đủ. Trên xe trượt có cái dây thừng nào không, bác Mutxi Kacpôvich?

- Dây buộc ở mấu gỗ xe ấy.

Mọi người giải tán. Một giờ sau, một thân cây thông lớn được đưa về: đó là phần thưởng của chúng tôi. Ngoài ra, theo một tục lệ cũ, cái rìu cũng ở lại với

chúng tôi. Thời gian sẽ trôi như nước chảy qua cầu, nhưng mãi rất lâu về sau, người ta vẫn cứ còn nghe thấy các trại viên giải quyết những câu chuyện nội bộ của trại, bảo nhau rằng:

- Có ba cái rìu. Tao đã đưa cho mày ba cái. Đây là hai, thế còn cái thứ ba đâu?

- Cái thứ ba nào?

- Cái nào à? Cái của Mutxi Kacpôvich, mà mình đã lấy của lão ta hồi trước ấy thôi.

Sự thuyết phục đạo đức và sự tức giận chính thực không có hiệu quả bằng cuộc vật lộn đầy hứng thú và rất là thực tế đó, để làm nảy nở những mầm mống

đầu tiên của tinh thần tập thể. Buổi tối nào chúng tôi cũng tranh cãi, cười đùa, và ý nghĩ tếu của chúng tôi được tha hồ buông thả trên đề mục những câu chuyện mạo hiểm của chúng tôi; những hồi mê ly rùng rợn khiến chúng tôi rung động, chúng tôi hòa thành một khối duy nhất, mà tên khối ấy là trại Gorki.

6. CHIẾM ĐƯỢC CÁI THÙNG SẮT

Trong khoảng thời gian ấy, trại chúng tôi dần dần bắt đầu phát triển về mặt vật chất. Sự nghèo khốn đến cùng cực, những chấy rận với những bàn chân cóng buốt nứt nẻ đều không ngăn cản chúng tôi mơ ước một tương lai tốt đẹp hơn. Mặc dầu

con Nhãi-ranh ba chục tuổi và cái máy gieo hạt cũ kỹ của chúng tôi khiến chúng tôi ít hi vọng phát triển được nông nghiệp ở trại, song những mơ mộng. Con ngựa già biểu thị một động lực ít thích hợp quá đỗi với công việc canh tác, thậm chí chỉ có óc tưởng tượng mới có thể vẽ nổi bức tranh này: con Nhãi-ranh thắng vào một cái cày. Vả chăng các trại viên bị đói, thì con Nhãi-ranh cũng đói. Chúng tôi vất vả lắm mới kiếm được rơm, và thỉnh thoảng được cỏ khô cho nó ăn. Gần suốt mùa đông, phải đi đâu với nó không còn là chuyến du ngoạn nữa mà là một cực hình. Cánh tay của Kalina Ivanôvich lúc nào cũng đau ê ẩm vì cứ buộc phải vung tròn cái roi quất ngựa để

không ngừng đe dọa nó, nếu không con Nhãi-ranh chỉ đứng ỳ ra đấy thôi.

Sau nữa, đất ở trại không thích hợp cho việc canh nông: toàn là cát mà một trận gió rất nhẹ cũng đủ cuốn lên, chất thành gò đống.

Cho đến ngày nay, tôi cũng vẫn còn không hiểu rõ làm sao trong những điều kiện như thế, chúng tôi lại đi lao mình vào một cuộc phiêu lưu hiển nhiên, tuy vậy mà lại làm cho chúng tôi nổi cơ đồ.

Công cuộc đó bắt đầu bằng một câu chuyện buồn cười.

Vận may bỗng mỉm cười với chúng tôi: chúng tôi nhận được một cái phiếu lấy gỗ sồi. Phải vào khu rừng được phép

đốn gỗ mà trực tiếp lấy về. Khu rừng ấy ở trong ranh giới Xô-viết thôn chúng tôi, nhưng từ trước cho đến bấy giờ, chúng tôi chưa hề có dịp nào đi về phía đó.

Sau khi thỏa thuận với hai người láng giềng trong trang ấp, chúng tôi đi với ngựa của họ vào cái xứ lạ ấy. Trong khi những người đánh xe lăng xăng đi lại trong khu rừng, chất lên xe trượt tuyết những súc gỗ sồi lớn và bàn cãi với nhau rằng, súc này hay súc nọ dọc đường sẽ lăn hay không lăn khỏi xe, thì Kalina Ivanôvich và tôi lưu ý đến một rặng bạch dương nhô lên khỏi đám lau sậy bên bờ sông đóng băng.

Sau khi đi qua mặt băng và lần theo một lối đi nhỏ bị lấp trong cây cối rậm

rạp để leo lên một đỉnh đồi, chúng tôi thấy mình lạc vào một giang sơn chết: một chục ngôi nhà lớn nhỏ, xưởng trống và lều tranh, nhà ngang dãy dọc, điêu tàn đổ nát. Tất cả đều cùng chung một cảnh tiêu điều phá phách: từng đống gạch và đất sét bị tuyết rắc lên, nằm chết ở những chỗ xây lò sưởi; sàn nhà, cánh cửa, cửa sổ, cầu thang, đều mất sạch. Một số lớn vách ngăn và trần nhà cũng bị gẫy nát và ở nhiều nơi, những tường gạch và chân móng đã bắt đầu bị phá hủy. Cái chuồng ngựa rộng mênh mông chỉ còn sót lại có hai bờ tường dọc, bên trên còn một cái thùng sắt rất đẹp, dáng hình vừa mới sơn xong, treo lơ lửng giữa trời, vẻ đáng thương và vô lý hết sức. Trong tất cả cái

cơ ngơi này, chỉ có nó là gây ấn tượng một vật sinh động, còn mọi thứ khác đều có vẻ là xác chết.

Nhưng đây là một xác chết phú gia: một bên dựng lên một ngôi nhà gác, mới nguyên, tường còn chưa trát vữa, kiến trúc muốn ra vẻ mỹ quan. Các phòng khang trang rộng rãi, trần cao và còn giữ được những ô kẻ xoi, ở các đầu cửa sổ có những gờ tường bằng cẩm thạch. Ở đầu kia sân có một cái chuồng ngựa cũng mới tinh, xây bằng bê tông rỗng. Và khi nhìn gần cho kỹ hơn thì thấy ngay cả những tòa nhà hủy hoại cũng nổi bật lên vẻ xây dựng kiên cố, với những dầm gỗ sồi vững vàng, những đầu nối chắc nịch, những cầu phong thanh tú, những đường

thẳng chính xác tăm tắp. Cái cơ cấu kinh tế cường tráng này không phải chết vì già cỗi và bệnh hoạn: nó đã bị bặt đi giữa lúc sinh lực đang nảy nở dồi dào mạnh mẽ.

Kalina Ivanôvich vừa ngắm nhìn tất cả những của cái ấy vừa không ngớt miệng nói quang quác:

- Này anh, hãy nhìn tất cả mà xem: Kìa sông, kìa vườn cây ăn quả và những cánh đồng có mới đẹp làm sao chứ?

Con sông nhỏ ôm vòng ba mặt dinh cơ tài sản, lượn quanh một ngọn đồi khá cao, một điểm đột xuất ít thấy trong vùng đồng bằng của chúng tôi. Vườn cây quả

chạy dài ba đợt xuống đến bờ sông: đợt cao nhất là trồng anh đào, đợt sau trồng lê táo và đợt cuối cùng là một vườn hắc phúc bồn thực sự.

Trong sân thứ hai có một nhà máy xay gió lớn bốn tầng, vẫn chạy như thường. Những người xay bột cho chúng tôi biết rằng, tài sản này trước kia của anh em nhà Trepkơ. Chúng đã đi theo đội quân của Đênikin[33], bỏ lại nhà cửa đầy ních của cải. Những của cải này đã từ lâu đi theo các ngả đường sang Gônstarôpka, làng bên, và vào các trang ấp quanh vùng. Và bây giờ thì đến lượt các nhà gạch cũng di cư nốt.

Kalina Ivanôvich diễn thuyết thẳng

một hồi dài:

- Đồ mọi rợ, anh có thấy không, đồ khốn nạn, đồ ngu xuẩn! Một cơ ngời giàu có như vậy, để cho chúng mày chứ cho ai! Nào buồng ở, nào chuồng ngựa! Cái giống con nhà giăng hả, thì sao mày không cứ đến đây mà sống chứ, vào đấy mà ở, mà quét tước dọn dẹp, mà đun bình cà phê, mày lại đi lấy rìu bổ cho bật một cái khuôn cửa ra như thế này, tao bắt được quả tang, quân khốn kiếp. Tại sao mày làm thế chứ? À, mày cần đun dừ nồi thịt kho của mày, vì đáng lẽ đi nhặt củi thì… cho thịt kho làm mày chết nghẹn đi, đồ đốn mạt, đồ xuẩn ngốc! Cứ như vậy thì quân này đẻ ra ngu như thế nào, lúc chết cũng ngu như thế mà thôi, anh có

thấy không, cách mạng nào cũng là vô ích cho cái ngữa đó. Hừ, quân côn đồ, hừ, quân chó chết, quân trời đánh thánh vật! Thế nào, mày trả lời tao làm sao?.. Này, anh bạn, - Kalina Ivanôvich bỗng hỏi một người trong bọn – anh hãy làm ơn cho tôi biết muốn lấy cái thùng này thì phải hỏi ai? Kia kia, cái thùng bầy mặt hàng ở trên chuồng ngựa đó. Bề nào rồi thì nó cũng đến tếch mà không để lại địa chỉ mất thôi.

- Cái thùng kia ấy à, nào ai biết được! Về việc này thì Xô-viết thôn quản lý…

- À! Tốt lắm, Kalina Ivanôvich nói, rồi chúng tôi đi bộ ra về.

Vừa đi theo sau xe trượt tuyết của các bạn láng giềng trở về nhà, trên con đường bằng phẳng của những ngày sắp sang xuân Kalina Ivanôvich vừa nuôi cái mộng đẹp đẽ này: làm thế nào để xin được cái thùng kia, khiêng nó về trại, đặt nó lên tầng kho áp mái nhà giặt để biến buồng đó thành nhà tắm thì tốt biết bao!

Sáng hôm sau, lại đi đốn gỗ, Kalina Ivanôvich vừa cài khuy áo cho tôi vừa nói:

- Cậu này, cậu hãy làm cho mình một cái giấy, để đến nói chuyện với Xô-viết thông. Họ cần gì đến một cái thùng sắt, khác nào một con bê có cần gì đến dây đeo quần mà chúng tôi thì sẽ có buồng tắm…

Để làm vui lòng bác ta, tôi viết cho bác ta tờ giấy. Đến tối, Kalina Ivanôvich trở về, tức điên ruột:

- Cái lũ ăn hại ấy! – Họ chỉ nhìn thấy lý luận mà không thấy thực tế. Họ bảo – rõ cái đồ khỉ- rằng cái thùng kia là của Nhà nước. Anh có thấy ai ngu xuẩn đến thế bao giờ không? Anh viết đi, để tôi lên Ban chấp hành xã.

- Ở đâu thế? Xa hai mươi dặm. Bác đi bằng cách nào?

- Có một chú nọ đi lên đấy. Chú ta cho tôi đáp xe.

Dự kiến xây nhà tắm, do Kalina Ivanôvich tung ra, khiến các trại viên rất thích thú, nhưng chẳng ai tin rằng sẽ xin

được cái thùng.

- Thì ta cứ liệu xoay xở mà không cần đến nó. Ta có thể làm lấy một cái thùng bằng gỗ.

- Hừ, mày thì hiểu cái quái gì! Người ta đã làm ra những thùng sát, thì là có dụng ý cả đấy chứ. Tao ấy à, cứ gọi là tao sẽ moi cả mề lẫn ruột bọn ăn hại ấy, với cái thùng sắt ấy cho mà xem…

- Thế bác sẽ khuân nó về bằng cái gì? Để cho con Nhãi-ranh kéo nó à?

- Sẽ khuân được! Có máng thì sẽ có lợn.

Kalina Ivanôvich ở Ban chấp hành xã trở về, quên hết cả mọi tiếng nói, chỉ trừ có những lời chửi rủa…

Suốt một tuần lễ, bị các trại viên cười giễu, bác cứ luẩn quẩn vướng chân tôi để nài nẫm:

- Anh viết cho tôi một chữ để lên Ban chấp hành huyện.

- Thôi đi, Kalina Ivanôvich, để cho tôi yên, còn nhiều việc quan trọng hơn cái thùng của bác.

- Anh viết đi, anh mất cái gì kia chứ? Anh thương tiếc giấy à, hay làm sao? Làm đi, rồi anh xem, tôi sẽ đem cái thùng về cho anh.

Tôi lại cho bác ta tờ giấy đó. Kalina Ivanôvich sau cùng mỉm cười, nhét giấy vào túi:

- Không thể có luật lệ nào bảo

rằng phải để cho đồ vật bị mất mát, vì thiếu người trông nom. Chúng ta đâu còn ở thời đại các Sa hoàng.

Đêm khuya lắm, Kalina Ivanôvich mới trở về, chẳng buồn qua thăm tôi, cũng chẳng qua phòng ngủ. Mãi sáng hôm sau, bác mới đến buồng tôi, vẻ kiêu kỳ lạnh lẽo, dáng điệu làm bộ như một nhà quý tộc, nhìn một cõi xa vời tít tắp nào qua cửa sổ.

- Chả ăn thua gì, - bác nói gọn lỏn, chìa cho tôi xem tờ giấy.

Ngang qua lá đơn trình bày rất tường tận của chúng tôi, người ta đã gạch mực đỏ một lời phê sắc gọn, đanh thép, không kêu vào đâu được, đến khiến phát tức

lên:

"Bác đơn".

Kalina Ivanôvich đau tê tái vì chuyện ấy mãi. Bác mất hẳn cái phong thái ông già hoạt bát đáng yêu suốt trong hai tuần lễ.

Chủ nhật sau, nhân khi tiết trời tháng ba đã trêu cợt mạnh những đống tuyết, tôi rủ vài đứa trẻ đi chơi loanh quanh vùng. Chúng kiếm ít quần áo ấm mặc vào, rồi chúng tôi ra đi…tới trang ấp nhà Trepkơ.

- Mà sao lại không lập trại của chúng ta ở đây nhỉ, tôi chợt nghĩ và thốt ra lời như vậy.

- Ở đây là chỗ nào?

- Kia kìa, trong các nhà này chứ đâu.

- Thế nào ạ? Nhà không ở được…

- Thì ta sẽ sửa chữa.

Zađôrốp cười phá lên và vừa chạy vào trong sân vừa quay chong chóng.

- Ở nhà còn ba tòa nhà chưa sửa chữa. Suốt mùa rét đã động tới được đâu.

- Đúng rồi, nhưng giá thử ta cứ tu sửa thì sao.

- Ồ, nếu thế thì phải biết là trại đẹp nhé! Có sông, có vườn cây quả, có nhà xay.

Vừa đi vừa thơ thẩn giữa những đống hoang tàn, chúng tôi vừa xây mộng: chỗ này là những phòng ngủ, chỗ này là phòng ăn, nhà kia làm câu lạc bộ thì tuyệt, còn đây là trường học.

Đi chơi về, chúng tôi mệt nhọc nhưng lòng đầy hăng hái. Ở phòng ngủ, mọi người thảo luận ồn ào và đi sâu vào từng chi tiết nhỏ nhặt về chuyện thiết lập trại tương lai. Trước khi giải tán Êkatêrrina Grigôriepna nói:

- Nhưng này các chú, các chú không biết rằng, dựng trong đầu óc những ước mơ không thực hiện được là không tốt hay sao. Như thế không bônsêvích đâu.

Mọi người trong phòng ngủ lặng im bứt rứt.

Tôi nhìn thẳng vào mặt Êkatêrrina Grigôriepna bằng một cái nhìn giận dữ, và đấm tay xuống bàn nói với chị ta:

- Còn tôi, thì tôi bảo chị rằng, trong một tháng nữa trang ấp ấy sẽ về tay ta! Như thế có bônsêvích không?

Bọn trẻ cười rộ và kêu ầm lên: "Hoan hô!". Tôi cũng cười và Êkatêrrina Grigôriepna cũng cười nốt.

Tôi thức suốt đêm để thảo một bản báo cáo gửi lên. Một tuần lễ sau, ông giám đốc sở Giáo dục gọi tôi lên.

- Ý kiến của anh hay đấy, chúng tôi sẽ tới thăm xem sao.

Một tuần lễ nữa qua, và dự án của chúng tôi được Ban chấp hành tỉnh xét tới. Vốn dĩ đã từ lâu, các nhà chức trách vẫn quan tâm tới vận mệnh của trang ấp này. Và nhân dịp, tôi đã trình bày để các vị đó thấy tình hình trại của chúng tôi lay lắt trong sự nghèo nàn, thiếu triển vọng phát triển, bị mọi người bỏ rơi, giữa khi một cái tập thể sống đã nảy nở ở trong lòng nó.

Ông chủ tịch Ban chấp hành nói:

- Cần phải có một người làm chủ cái tài sản đó. Thế mà ở đây có những người chủ chẳng có việc gì làm. Thôi thì để cho họ lấy nó đi.

Thế là tôi nắm trong tay tờ công lệnh

giao cho chúng tôi quyền sở hữu cái trang ấp cũ của nhà Trepkơ, với sáu mươi đêxiatin đất trồng trọt, và một bản dự toán kinh phí tu sửa được duyệt y. Tôi đứng ở giữa phòng ngủ, khó lòng tin được rằng, đây không phải là chuyện chiêm bao, giữa đám trại viên quây quần náo nức, chúng quay cuồng phấn khởi và giơ tay lên hướng về tôi.

- Bác cho xem ạ!

Êkatêrina Grigôriepna bước vào. Chúng đổ xô vào chị với một vẻ vui sướng tràn trề, và tiếng Sêlaputin cất lên the thé:

- Thế này có là bônsêvích không, hay là thế nào?

- Cái gì thế? Có chuyện gì vậy?

- Có là bônsêvích hay không? Cô xem thử, cô xem thử!

Kalina Ivanôvich là người sung sướng nhất trong cả bọn.

- Anh thực sự là một người có bản lĩnh, anh đã làm được như lời các giáo sĩ nói: hãy cầu xin rồi các con sẽ nhận được, hãy gõ rồi cửa sẽ mở, để cho các con…

- Một trận đòn, Zađôrôp nói chen vào.

- "Một trận đòn" là thế nào? Và Kalina Ivanôvich quay lại phía hắn: Giấy tờ đây thôi.

- Bác, thì khi bác "gõ cửa" để xin cái thùng, người ta đã cho bác một trận đòn. Nhưng bây giờ đây là một việc liên quan đến tỉnh, mà không phải là vì chúng tôi đã cầu xin…

- Chú còn trẻ dại, hiểu làm sao được lời trong Kinh thánh, Kalina Ivanôvich đùa đáp lại, vì trong giây phút này, bác không thể nào tức giận được.

Chủ nhật sau, bác cùng với tôi và một bầy trẻ đi thanh tra cái sản nghiệp mới. Tẩu thuốc của bác thổ ra từng làn khói đắc thắng vào mặt mỗi viên gạch còn lại trong cái đống di sản của nhà. Bác oai vệ đi qua trước cái thùng.

- Bao giờ thì khiêng cái, hở bác

Kalina Ivanôvich? Burun hỏi một cách nghiêm chỉnh.

- Di chuyển cái của ăn hại ấy làm gì? Nó ở đâu thì cứ ở đấy là được rồi. Phải biết đây là một chuồng ngựa xây theo kĩ thuật tối tân nhé.

7. "XÂY DỰNG MỘT THẾ GIỚI THÌ CŨNG PHẢI CÓ ĐỦ MỌI THỨ"

Tuy chiếm được di sản của nhà Trepkơ, nhưng chúng tôi không phải là đã có ngay khả năng thực tế khai thác cái thắng lợi đó. Vì nhiều nguyên nhân, việc phát kinh phí và cung cấp nguyên vật liệu bị chậm trễ. Trở ngại chính là sông Kôlômak, một con sông nhỏ mà quái ác, ngăn cách trại với trang ấp nhà Trepkơ. Cứ đến tháng tư là nó trở thành một tai họa. Nó bắt đầu tràn ngập một cách chậm chạp nhưng ngoan cố, rồi càng chậm chạp hơn nữa, nó lại trở về lòng sông

nhỏ bé, để lại sau nó một tai họa khác: một thứ bùn, dù đi chân hay đi xe cũng không tài nào vượt qua được.

Vì thế nên "Trepkơ" – chúng tôi gọi tên cái sản nghiệp mới của chúng tôi như vậy – vẫn còn trong tình trạng điêu tàn một thời gian lâu nữa. Đến thời tiết đó, các trại viên thụ cảm một cái thú của mùa xuân. Buổi sáng, sau khi ăn điểm tâm, đợi hiệu lệnh làm việc, chúng tôi xếp hàng dài dọc theo kho thóc như một dãy hành, phơi bụng ra sưởi ánh nắng, và vứt ngổn ngang bừa bãi những "áo tổ đỉa" của chúng ra khắp mặt sân. Chúng có thể cứ ngồi như vậy hàng giờ để gõ lại những tháng mùa đông, trong khi ở nhà, ngay cả đến trong phòng ngủ, cũng

khó lòng làm thế nào cho ấm người lên được.

Tiếng chuông khiến chúng đứng dậy, và đi không vội vã đến chỗ làm việc, nhưng ngay cả trong công tác, chúng cũng tìm ra được những cớ này cớ nọ, và những khả năng về kĩ thuật để ra đầm ánh nắng mỗi ngày một hai lần.

Đầu tháng tư, Vaxka Pôletsuc bỏ trốn. Nó không phải là một trại viên đáng ao ước sở cầu cho lắm. Hồi tháng chạp trước, tôi đến sở Giáo dục tỉnh, chứng kiến cái cảnh này: ở một bàn nọ, một đám đông vây quanh một thằng nhãi bẩn thỉu, áo quần như sơ mướp. Ban phụ trách những trẻ bất túc đã công nhận là nó bị một bệnh thần kinh và đang định

gửi nó tới một cơ quan chuyên trách nào đó. Thằng bé rách rưới phản đối, khóc lóc, kêu la ầm lên rằng nó không điên chút nào, rằng người ta đã đánh lừa đem nó ra tỉnh và đáng lẽ, người ta phải đưa nó đi Kraxnôda, cho nó vào trường học ở đấy, như người ta đã hứa.

- Làm gì mà mày kêu la thế? - Tôi hỏi nó.

- Bác xem đấy, các ông ấy bảo cháu điên.

- Tao nghe thấy rồi. Đừng kêu nữa, đi với tao.

- Nhưng đi bằng gì?

- Bằng cẳng chân. Nào đi!

- Ếp! Lên đường!

Nó không hẳn có một bộ mặt con người xuất thân từ một gia đình trí thức, nhưng trông nó rõ ra vẻ rắn rỏi đầy nghị lực, và tôi nghĩ bụng: "Xây dựng một thế giới thì cũng phải có đủ mọi thứ."

Ban phụ trách những trẻ bất túc vui vẻ trút được một món khách hàng đó, và chúng tôi cùng nhẹ bước về trại. Dọc đường, nó kể lại cho tôi nghe câu chuyện đã thành lệ quen, bao giờ cũng bắt đầu từ cha mẹ chết và đi ăn xin. Tên nó là Vaxka Pôletsuc. Cứ như lời nó nói, thì nó đã bị thương tật chiến tranh, và đã tham gia trận công chiếm eo đất Pêrêkôp[34].

Về đến trại, từ hôm sau trở đi, nó

không mở miệng ra nữa, và từ các giáo viên đến các bạn của nó, không ai có thể làm cho nó hé răng. Chắc hẳn những hiện tượng như thế đã khiến các nhà bác học coi nó là điên. Bọn trẻ hứng thú chú ý đến tật câm của nó, và xin tôi cho phép dùng vài phương pháp đặc biệt đối với nó: cần phải làm cho nó sợ hãi hết sức, rồi nó sẽ nói ngay tức khắc. Tôi dứt khoát cấm ngặt điều đó. Vả lại tôi cũng ân hận rằng đã trót đem về trại cái thằng thày tu khổ hạnh tự nguyện câm miệng ấy.

Bỗng nhiên, bắt đầu nói, và nó huyên thuyên chẳng vì nguyên nhân nào cả. Chỉ là do một ngày xuân đẹp trời, ấm áp, đất khô đi bốc hương nồng ngát và ánh nắng chan hòa. Nó nói hăng hái, giọng the thé,

vừa ba hoa cười vừa nhảy cẫng. Nó cứ theo tôi lẵng nhẵng mấy ngày liền, ra sức khoe những cái thú của đời sống trong Hồng quân và tán dương viên sĩ quan Zubat.

- Ông ta thật là một người giỏi! Mắt xanh sẫm, tối thăm thẳm, cứ nhìn ai là khiến bọn người ta thấy lạnh cả xương sống. Và ngay cả ở Pêrêkôp, bọn chúng tôi cũng phải sợ.

Bọn trẻ hỏi nó:

- Tại sao lúc nào mày cũng nói đến ông Zubat nhà mày? Mày biết địa chỉ ông ta à?

- Địa chỉ nào?

- Địa chỉ để mày viết thư cho ông

ta ấy?

- Không, tớ không biết. Nhưng cần biết làm gì? Tớ sẽ tới Nikôlaiep, và ở đấy tớ sẽ tìm ra…

- Chắc chắn ông ta sẽ tống cổ mày đi.

- Ông ta thì không đâu. Đấy là một người khác đã đuổi tớ. Lão ta bảo: cái này thì làm được việc gì? Làm như mình là một thằng nhãi ngốc nghếch ấy.

Từ sáng đến tối, Pôletsuc cứ nói với tôi về Zubat, nào ông ta đẹp biết bao, nào ông ta chẳng sợ cái gì hết, và không bao giờ nói năng tục tĩu.

Bọn trẻ hỏi thẳng nó:

- Mày muốn chuồn phỏng?

Pôletsuc nhìn tôi và trầm ngâm suy nghĩ. Nó suy nghĩ rất lâu, rồi khi không ai để tâm nữa, và các bạn nó đã chú ý tới chuyện khác rồi, nó lại đột nhiên trả lời người đã đặt câu hỏi nó:

- Liệu bác Antôn có giận không?

- Giận cái gì?

- Nếu tớ chuồn?

- Thế mày nghĩ làm sao? Mày tưởng mày đáng được bác quan tâm săn sóc lắm à?

Vatxia lại trầm ngâm suy nghĩ.

Và một ngày kia, sau bữa ăn sáng, Sêlaputin chạy đến tìm tôi.

- Vatxia đã bỏ trại đi… không ăn bữa sáng. Nó tếch rồi. Nó đi tìm Zubat.

Bọn trẻ vây lấy tôi trong sân. Chúng muốn biết thái độ của tôi ra làm sao với việc Pôletsuc bỏ trại.

- Thế là thằng Pôletsuc cũng cứ phới.

- Đó là ảnh hưởng của mùa xuân.

- Nó đi Crimê đấy.

- Không, không phải Crimê đâu, nó đi Nikôlaiep.

- Ra ga thì sẽ tóm lại được nó…

Vatxia là một trại viên không đáng ao ước sở cầu cho lắm, nhưng việc nó bỏ đi cũng gây cho tôi một ấn tượng hết sức

nặng nề. Kể cũng buồn bực và chua chát nhận thấy rằng thằng bé đó đã không muốn tiếp nhận sự hy sinh nhỏ bé của chúng tôi, và đi tìm một đời sống khá hơn. Và đồng thời tôi cũng biết sự nghèo nàn của trại chúng tôi chẳng có thể giữ được ai hết thảy.

Tôi bảo bọn trẻ:

- Thôi mặc xác nó! Nó đã đi thì cầu cho nó đừng trở lại! Chúng ta còn có những việc quan trọng hơn.

Sang tháng tư, Kalina Ivanôvich bắt đầu cày đắt. Việc này rơi xuống đầu chúng tôi một cách thực bất ngờ. Ủy ban vị thành niên phạm pháp đã bắt được một thiếu niên ăn trộm ngựa. Thủ phạm đã

được đưa đi một nơi nào đó, nhưng người ta không làm thế nào tìm ra được người chủ con ngựa. Ủy ban mất cả một tuần lễ loay hoay khó xử hết sức: vì xưa nay ủy ban có quen giữ một tang vật thuộc loại này bao giờ đâu. Giữa khi đó, Kalina Ivanôvich tới, trông thấy cuộc sống khổ sở và tình trạng đáng thương của con ngựa đó, đứng sững giữa sân lát đá, chẳng có tội tình gì; bác liền chẳng nói chẳng rằng, cầm lấy dây cương và dắt nó về trại. Các vị trong Ủy ban tiễn chân bác bằng những tiếng thở ra nhẹ nhõm.

Về đến trại, Kalina Ivanôvich được chào đón bằng những tiếng reo hò phấn khởi và ngạc nhiên. Gut đưa hai tay run

rẩy ra đón lấy dây cương ở tay ông già trong khi những lời huấn thị này lắng sâu xuống tận đáy tâm hồn hắn:

- Này chú mày, hãy nhìn tao đây cho kỹ! Trại giao nó cho chú không phải là để chú đối xử với nó như kiểu các chú đối với nhau đâu nhé! Nó là một con vật, nó không biết nói, và không thể phát biểu ý kiến gì hết. Nó không than phiền tố cáo được, cái đó đã rõ. Nhưng nếu chú hành hạ nó, và nó mà tống bộ móng của nó vào mõm chú, thì đừng có mất công đi tìm bác Antôn Xêmiônôvích làm gì.

Bây giờ chú mày có khóc hay không khóc cũng vô ích, chú mày sẽ cứ là có chuyện với tao. Và tao cũng beng ngay đầu chú mày đi đấy!

Chúng tôi vây tròn lấy tốp người và ngựa đắc thắng ấy, và không có ai trong bọn chúng tôi phản đối những nỗi nguy hiểm treo trên mõm Gut một cách đáng sợ đến thế. Kalina Ivanôvich nở mày nở mặt và mỉm cười sau tẩu thuốc, trong khi đọc bài diễn từ khủng bố kia. Đó là một con ngựa hồng, chưa già, và khá béo tốt.

Kalina Ivanôvich suốt mấy ngày chỉ hí hoay bận rộn với lũ trẻ ở trong xưởng trống. Dùng búa, lưỡi vặn vít, với những miếng sắt thường, va sau cùng thêm vào đó không biết bao nhiêu lời diễn thuyết đạo lý, bác lôi ra đủ thứ vụn vặt của trại cũ bỏ rớt lại, chắp vá và làm thành một vật giống như cái cày.

Và người ta được chiêm ngưỡng cái

cảnh tuyệt diệu này: Burun và Zađôrôp cày ruộng. Kalina Ivanôvich đi ngang bên chúng và nói:

- Ồ! cái bọn ăn hại, đến cày mà cũng không biết làm nữa: lưỡi cày của mày không cắn sâu, vẫn chưa cắn, vẫn chưa.

Hai chú phản kháng lại một cách vui vẻ:

- Bác Kalina Ivanôvich này, hay bác làm cho các cháu xem thử nào. Có lẽ chính bác, bác cũng chưa cày ruộng bao giờ thì phải.

Kalina Ivanôvich rút tẩu thuốc khỏi miệng và cố làm ra vẻ dữ tợn:

- Sao, tao chưa cày ruộng bao

giờ à? Cứ làm như là chính mình phải biết cày mới được ấy. Phải hiểu chứ. Mày làm nảy lưỡi cày lên là tao biết ngay, còn mày thì mày không biết.

Gut và Bratsenkô đi theo bên cạnh. Gut rình kiểm soát các tay cày, xem họ có hành hạ ngựa không, còn Bratsenkô có mặt ở đấy chỉ là để ấp ủ con Hung bằng những cái nhìn tình tứ. Nó đã giúp việc Gut, với danh vị là phụ mã phu tình nguyện.

Trong xưởng trống, một vài đứa lớn tuổi nhất đang bận líu tíu chung quanh cái máy giặt hạt cũ. Xôfrôn Gôlôvan la hét hướng dẫn chúng, đem tất cả sự thông thái uyên bác về môn chữa khóa và lò rèn ra làm cho tâm hồn dễ cảm động của

chúng phải khiếp phục.

Xôfrôn Gôlôvan có một vài đặc điểm rất trội khiến lão khác hẳn mọi người phàm tục khác. Lão là một tay hộ pháp khỏe mạnh, vẻ yêu đời phơi phới, lúc nào cũng chếnh choáng nhưng chẳng bao giờ say; bất cứ về vấn đề gì lão cũng có ý kiến riêng và ý kiến bao giờ cũng có một khía cạnh nào đấy in dấu một sự dốt nát kinh người. Lão là một quái vật kết hợp thành phần kulắc với thợ rèn làm một: lão có hai cái nhà, ba con ngựa, hai bò cái, và một lò rèn. Tuy bản thân kulắc, nhưng lão lại là một người thợ rèn giỏi, và hai bàn tay lão còn bội phần sáng suốt hơn đầu óc lão. Lò rèn của lão ở ngay trên đường đi Khackôp, bên cạnh

quán ăn, và bí quyết làm giàu của gia đình Gôlôvan chính là ở cái địa thế đó.

Xôfrôn đến trại do Kalina Ivanôvich mời. Những kho xưởng trống của chúng tôi có chứa ít dụng cụ thợ rèn. Chính cái lò thì đã bị hủy hoại đến một nửa, nhưng Xôfrôn đề nghị di chuyển tới trại cái đe và bễ lò của lão, lại đem thêm vài đồ dùng khác nữa, và làm việc ở trại với danh vị là thày dạy nghề. Lão đảm nhận cả công việc tu sửa nhà lò rèn nữa. Tôi tự hỏi vì đâu mà lão lại tỏ thiện chí đối với chúng tôi như vậy.

Kalina Ivanôvich đánh tan mối phân vân của tôi trong buổi "báo cáo buổi tối".

Ấn một mẩu giấy vào ống thông phong đèn của tôi để châm tẩu thuốc, bác nói:

- Cái thằng ăn hại Xôfrôn ấy chẳng phải tự nhiên là vô cớ mà đến tìm ta đâu. Nông dân nghèo đã làm cho hắn khó sống, cho nên hắn sợ người lấy mất lò rèn của hắn, thế mà đến trại ta thì vô hình trung hắn được phục vụ cho cơ quan Xô-viết.

- Vậy đối với hắn, ta nên làm thế nào? Tôi hỏi Kalina Ivanôvich

- Làm thế nào? còn ai khác đến trại ta nữa? Lấy ở đâu ra một cái đe? và các dụng cụ? Nhà ở cho chúng ta cũng có nốt, và ngay đến việc tu sửa một chiếc

lều khổ, cũng phải đi gọi thợ mộc. Với lại, anh nghe chưa - Kalina Ivanôvich cau mày nói - chúng mình cần gì chuyện ấy? Cứ có xu vào là cô dâu chẳng bao giờ xấu cả. Hắn là kulắc, thì đã làm sao?. Hắn sẽ làm việc chẳng khác gì một con người chân chính.

Kalina Ivanôvich trầm ngâm nhả những đám khói lên trần nhà thấp, rồi chợt mỉm cười:

- Bề nào thì bọn mugich[35] ăn hại ấy cũng sẽ lấy cái lò rèn của hắn ta, và như vậy thì có lợi cho ai? Họ sẽ chẳng dùng nó được việc gì hết. Thế thì thà để nó ở trại ta còn hơn, Xôfrôn vẫn cứ là đi đứt. Chỉ cần đợi một thời gian

ngắn, rồi thì cho hắn, khăn gói gió đưa: đây là một tổ chức xô-viết nhé, cút ngay đi, đồ chó đẻ, quân kulắc ngày trước, đồ ma quỷ hút máu nhân dân, hề-hề-hề!.

Chúng tôi đã được lĩnh một phần tiền dự trù cho việc tu sửa trang trại, nhưng ít quá, nên chúng tôi cứ phải tự tay làm lấy hết. Vì vậy cần phải có một xưởng rèn và một xưởng mộc. Chúng tôi đã có những bàn thợ mộc để làm việc cũng tàm tạm được và chúng tôi mua thêm dụng cụ. Ít lâu sau, có một thày dạy mộc cũng đến trại. Dưới sự lãnh đạo của bác ta, bọn trẻ hăng hái bắt đầu cưa những ván gỗ từ ngoại tỉnh đưa về, và ghép các tấm cửa và cửa sổ dùng cho trại mới. Khốn một nỗi vốn hiểu biết, về thủ công của các

nhà thợ mộc của chúng tôi ít ỏi quá đỗi khiến quá trình chuẩn bị những yếu tố cho đời sống tương lai của trại đó bắt đầu thực hết sức nặng nề. Những công việc về xưởng rèn, công việc thì không thiếu - lúc đầu cũng không làm cho chúng tôi vừa ý. Xôfrôn không tỏ ra có nhiệt tình đặc biệt trong việc mau mau chấm dứt thời kỳ tái kiến thiết trong Nhà nước xô-viết. Lương giáo sư dạy nghề của bác ta biểu hiện thành những con số nhỏ nhoi quá: những ngày trả lương, bác cố tình giao rõ ràng cả số lương cho một đứa trẻ đem đến nhà mụ nấu rượu lậu, với chỉ thị này:

- Ba chai vôtka, hảo hạng đấy nhé.

Tình hình đó mãi khá lâu về sau tôi mới biết. Vả chăng hồi ấy tôi còn mê cả người lên vì cái danh sách những vật liệu phải cung cấp, nào móc, nào bản lề, nào đai sắt cửa, nào then chốt. Ai nấy cũng như tôi, đều hứng khởi vì cái đà phát triển đột ngột của công tác: trong bọn trẻ đã nảy ra những tay thợ rèn thợ mộc; bây giờ trong túi chúng tôi đã xủng xẻng có ít đồng xu.

Sự hoạt động náo nhiệt ở xưởng rèn khiến chúng tôi vui mừng thật sự. Cứ đến tám giờ là tiếng kêu choang choang vui vẻ của chiếc đe vang lên trong trại, tiếng cười rộn ràng không ngớt trong xưởng, cửa xưởng mở rộng, lúc nào cũng có hai ba người dân làng đứng đó, nói chuyện

làm ăn, chuyện trưng thu nông phẩm thừa, chuyện viên chủ tịch ủy ban bần nông, Veckhôla, chuyện cỏ khô để dành cho bò ngựa và chuyện máy gieo hạt. Chúng tôi đóng móng ngựa, đai vành xe, sửa chữa cày cho nông dân. Đối với những người nghèo, chúng tôi chỉ tính nửa tiền, và việc này là khởi điểm cho những cuộc bàn cãi liên miên không dứt về sự công bằng và sự bất công trong xã hội.

Xôfrôn đề nghị làm cho chúng tôi một cái xe ngựa ghế ngang[36]. Trong các kho xưởng trống của trại chật ních những đồ cũ linh tinh dùng không bao giờ hết, người ta thấy có một cái thân xe. Kalina Ivanôvich đem ở tỉnh về một đôi trục bánh. Các chú thợ rèn hì hục đánh

nhau với nó bằng búa lớn búa nhỏ trong hai ngày ròng rã. Sau cùng Xôfrôn tuyên bố là xe đã xong, nhưng còn cần phải có lò xo và bánh nữa. Chúng tôi chẳng có thứ nọ mà cũng chẳng có thứ kia. Tôi chạy ra tỉnh rất lâu, tìm những lò xo cũ, và Kalina Ivanôvich làm hẳn một cuộc hành trình dài, sục sâu vào các làng quê. Đi xa vất vả suốt một tuần lễ, bác đem về hai đôi vành bánh xe mới nguyên, với một mớ cảm tưởng linh tinh, trong đó có cảm tưởng này là chủ yếu:

- Cái bọn mugích ấy, thực chẳng có lấy một tí văn hóa nào!

Xôfrôn dẫn Kôđia từ trong xóm đến cho chúng tôi. Bác này là một người trạc bốn mươi tuổi, bạ trường hợp nào cũng

làm dấu câu rút, tính rất hiền lành, lễ phép, lúc nào cũng linh hoạt tươi cười. Vừa mới ở một viện phong điên ra chưa được bao lâu, bác cứ run lên bần bật, hoảng sợ chết khiếp mỗi khi chỉ có nhớ đến vợ, là người chịu trách nhiệm về sự chẩn bệnh sai của các y sĩ khoa thần kinh trong tỉnh. Kôđia là thợ đóng xe. Bác ta vui mừng tột bực khi được chúng tôi yêu cầu bác làm cho bốn chiếc bánh xe. Những điểm đặc biệt về đời sống trong gia đình với vợ, cộng thêm với những khuynh hướng rõ rệt của bác ta ngả theo anh hùng tính, đã thúc đẩy bác trình bày với chúng tôi một đề nghị có tính cách hoàn toàn thực tế:

- Đây này, các đồng chí ạ, cầu

Chúa hằng cứu giúp các đồng chí, vì các đồng chí đã cho gọi tôi đến đây, một lão già chân thật như tôi, vậy các đồng chí có biết tôi yêu cầu các đồng chí điều gì không? Tôi sẽ đến sống hẳn ở đây, các đồng chí ạ.

- Nhưng chúng tôi không có chỗ cho bác ở đâu.

- Không sao cả, không sao cả, các đồng chí đừng bận lòng, nhờ Chúa cứu giúp, thế nào tôi cũng tìm ra được một xó nào đấy. Bây giờ đang là mùa hè, rồi sang mùa đông ta sẽ liệu sau, tôi sẽ thu xếp ở cái xưởng trống nhỏ kia kìa, tôi sẽ thu xếp ổn mà.

- Thôi được, bác dọn mà ở.

Kôđia làm dấu câu rút và đề cập luôn đến mặt sự vu của vấn đề.

- Vành bánh xe, thì chúng ta sẽ tìm được. Cái đó, bác Kalina Ivanôvich không biết, chứ tôi thì tôi biết tất. Chính các chú mugích nhà ta, đấy rồi các đồng chí xem, chính họ sẽ đem vành bánh xe đến đây. Chúa sẽ không để cho chúng ta phải thiếu thốn đâu.

- Nhưng chúng ta không cần đến nữa, chú Kôđia ơi.

- Sao thế, sao lại "không cần đến nữa", cầu Chúa hằng cứu giúp bác! Có kẻ không cần bác, nhưng nông dân thì cần: họ không có bánh xe thì làm ăn gì được? Cứ bán bánh xe các bác sẽ kiếm

ra tiền, và như thế thì có lợi cho bọn trẻ.

Kalina Ivanôvich phá ra cười và tán thành điều yêu cầu của Kôđia.

- Thì cho hắn ở đấy, cái thằng khỉ. Anh ạ, mọi cái trong trời đất đều được sắp đặt rất mực chu đáo, cho nên ngay đến một con người bao giờ cũng cứ là hữu ích cho một việc gì đó.

Kôđia được tất cả các trại viên yêu mến. Chúng coi sự tín ngưỡng của bác như một thứ bệnh điên, rất đau khổ cho người bị bệnh, nhưng vô hại cho những người chung quanh. Hơn nữa: Kôđia còn đóng một vai trò tích cực rõ ràng, để tiêm nhiễm cho chúng lòng chán ghét tôn giáo.

Bác ta thu xếp ở một căn buồng nhỏ bên cạnh phòng ngủ. Ở đấy bác ta hoàn toàn tránh được những hành động công kích của người vợ, một con người tính nết thực điên rồ, quái ác. Bọn trẻ bảo vệ bác ta đối với những tàn tích của dĩ vãng của bác, lấy thế làm một thú vui thật sự. Người vợ Kôđia lần nào đến trại cũng kêu la nguyền rủa om sòm. Mụ vừa đòi chồng trở lại nhà, vừa đổ tội cho tôi, cho các trại viên, cho chính quyền xô-viết và cho cái "thằng bợm" Xôfrôn kia đã phá hoại hạnh phúc gia đình mụ. Bọn trẻ dùng giọng mỉa mai lộ liễu, ra sức chứng minh cho mụ thấy rằng Kôđia chẳng phải là người chồng thích hợp với mụ, rằng làm những bánh xe là một công việc còn

hệ trong hơn hạnh phúc gia đình nhiều. Trong khi đó, Kôđia nép mình trong căn phòng nhỏ, nhẫn nại đợi cho cuộc tấn công bị đánh lui hoàn toàn. Khi chỉ còn nghe thấy tiếng của mụ vợ uất ức vọng lại từ bờ hồ bên kia, qua mặt hồ loáng thoáng vẳng tới những mẩu lời nguyền rủa "... những quân chó đẻ... đồ nhơ bẩn... chúng mày chết hết...", bấy giờ Kôđia mới dám ló mặt ra:

- Giê-xu ma, các cháu ngoan ơi! Đàn bà đâu mà bừa bãi thế.

Mặc dầu hoàn cảnh lân bang bất lợi đó, xưởng đóng xe của chúng tôi cũng bắt đầu kiếm ra tiền. Quả thực là chỉ nhờ phép làm một dấu câu rút mà Kôđia biết thực hiện những việc giao dịch buôn bán

rất tốt; chúng tôi chẳng cần phải giơ chân nhấc tay một chút nào, người ta cứ tự nhiên mang những vành bánh xe tới cho chúng tôi, mà lại không buồn đòi trả tiền ngay là khác nữa. Là vì bác ta thực sự là một người thợ đóng xe rất lành nghề, và những bánh xe của bác ta làm đã nổi tiếng, lời đồn vượt ra ngoài ranh giới chúng tôi truyền đi rất xa.

Cuộc sống của chúng tôi trở nên phức tạp hơn và vui hơn. Kalina Ivanôvich dù sao cũng đã gieo thành công được khoảng năm đêxiatin lúa mạch, còn Hung là mối vinh dự của chuồng ngựa, và trong sân chúng tôi có một chiếc xe ngựa ghế ngang, mà khuyết điểm duy nhất chỉ có là nó cao quá khổ:

nó vượt khỏi mặt đất ít nhất cũng đến hai thước, và đối với khách ngồi trong thùng xe thì con ngựa kéo xe, tuy ở đằng trước thật đấy, nhưng lúc nào khách cũng cứ tưởng chừng nó ở mãi đau đâu phía dưới, rất thấp.

Hoạt động của chúng tôi phát triển rất mạnh, thậm chí chúng tôi bắt đầu cảm thấy thiếu nhân lực. Phải hối hả tu sửa xong ngay một ngôi nhà nữa làm nhà ngủ, rồi không bao lâu chúng tôi được có thêm người đến viện trợ. Đây là những trại viên thuộc một loại rất mới mẻ.

Hồi đó người ta đang thanh trừ một số lớn những tay ataman[37] và "Bố trẻ"; cho nên tất cả các bạn chiến đấu vị thành

niên của Leptsenkô, các "mẹ Marutxia" [38] và đồng bọn, mà vai trò quân sự, đứng về mặt thổ phỉ mà nói, không vượt quá những chức vụ mã phu và làm phụ bếp, tất cả đều bị tống đến trại. Vì trường hợp lịch sử đó cho nên ở trại chúng tôi mới thấy xuất hiện những tên Karananôp, Prikhôtkô. Gôlôt, Xôrôka, Vecsơnep, Michiaghin và nhiều đứa khác nữa.

8. TÍNH CÁCH VÀ VĂN HÓA

Những trại viên mới đến làm cho cái tập thể chưa được củng cố vững chắc của chúng tôi bị dao động mạnh, và khiến trại chúng tôi lại gần giống như cái "quán rượu tổ quỷ".

Những trẻ nuôi đầu tiên của chúng tôi phải tự ghép mình vào kỷ luật chỉ là vì những nhu cầu sơ đẳng nhất. Song những đồ đệ vô chính phủ của địa phương thì lại càng ít muốn phục tùng bất cứ một thứ trật tự nào. Tuy nhiên cũng phải nói rằng ở trại không bao giờ thấy xuất hiện lại

tình trạng phản kháng ra mặt và những thói dô côn đối với các giáo viên nữa. Có thể nghĩ rằng bọn Zađôrôp Burun, Taranet và các đứa khác đã nói cho những đứa mới đến biết lịch sử vắn tắt những ngày đầu của trại Gorki. Và những đứa này cũng như các trại viên cũ lúc nào cũng tỏ ra tin tưởng rằng các giáo viên không phải là một lực lượng thù địch đối với chúng. Nguyên nhân chính của khuynh hướng đó hẳn là ở sự lao động, tất nhiên hết sức nhọc nhằn, mà các giáo viên đã thực hành với biết bao tinh thần gian khổ quên mình khiến chúng tự nhiên phải kính phục. Cho nên chỉ trừ một vài ngoại lệ rất hiếm, các trại viên bao giờ cũng có quan hệ tốt đối với

chúng tôi; chúng công nhận sự cần thiết phải làm việc và học tập ở lớp học, và hiểu rất rõ rằng những cái đó đều là do lợi ích cộng đồng của trại. Sự lười biếng và sự từ chối chịu đựng những thiếu thốn chỉ biểu hiện ở trại dưới những hình thức hoàn toàn bản năng mà không bao giờ có hình thức phản kháng.

Chúng tôi cũng biết rằng dưới cái bề ngoài tốt đẹp chỉ là trạng thái hoàn toàn ngoại diện của kỷ luật đó, không có lấy một chút vốn văn hóa dù chỉ là tối sơ đẳng.

Vấn đề tìm hiểu tại sao các trại viên vẫn tiếp tục sống trong những điều kiện nghèo nàn và làm việc khá cực khổ của chúng tôi, tại sao chúng không bỏ trốn,

tất nhiên không phải là một trong những vấn đề chỉ đứng trên phương diện sư phạm mà giải đáp được. Năm 1921, cảnh sống ở đường phố chẳng có gì là đáng ao ước. Mặc dầu tỉnh chúng tôi không đứng trong danh sách các tỉnh bị nạn đói, nhưng cuộc sống ở thành phố cũng rất là gay và ai cũng đói. Vả chăng, chúng tôi hầu như không nhận được những trẻ thật sự bơ vơ, quen lêu lỏng ở đường phố. Phần đông trẻ của chúng tôi đều có một gia đình chỉ mới dứt đứt quan hệ gần đây thôi.

Nói chung các trẻ của chúng tôi đều có những nét tính cách rất là rõ rệt kết hợp với một trình độ văn hóa hết sức hẹp hòi. Đó chính là loại lưu trú sinh người

ta tìm kiếm cho trại chúng tôi, trại chuyên phụ trách những đứa khó giáo dục. Đại đa số bọn chúng gần như hoặc hoàn toàn không biết chữ, hầu hết đã quen với ghét bẩn và chấy rận, và trong các quan hệ của chúng tôi với người khác, bất cứ ở trường hợp nào chúng cũng quen thói giữ cái thái độ của những anh hùng nguyên thủy là thủ thế bằng cách dọa nạt.

Một vài đứa trình độ trí thức cao hơn nổi bật lên trong bọn chúng, như Zadôrôp, Burun, Vetkôpxki, Bratsenkô, và trong những đứa mới, có Karabanôp với Michiaghin; số còn lại chỉ bắt đầu tiếp thu văn hóa của loài người dần dà từng bước, chậm chạp vô cùng, mà

chúng tôi càng nghèo đói thì lại càng thêm chậm.

Năm đầu tiên, chúng tôi thấy đáng phiền lòng nhất là khuynh hướng của chúng thường xuyên hay đánh cãi nhau, và sự vô cùng mỏng manh của những dây ràng buộc tập thể, mỗi lúc cứ bị đứt tung vì những chuyện rơm rác. Cái đó phần lớn cũng chẳng phải là do tính thù hằn của chúng, nhưng bao giờ cũng chỉ vì cái vẻ ta đây anh hùng nọ, mà chẳng có bản năng chính trị nào sửa chữa hết. Mặc dầu nhiều đứa trong bọn chúng đã ở vào những phe đối địch nhau, chúng cũng không hề mảy may cảm biết là chúng thuộc vào giai cấp này hay giai cấp nọ. Trong bọn chúng hầu như không có đứa

nào là con cái công nhân; giai cấp vô sản đối với chúng là một cái gì xa lạ, và phần đông đều hết sức khinh bỉ công việc canh nông, sự khinh bỉ cũng chẳng phải là đối với công việc đó, mà là đối với tình trạng lạc hậu của nông dân, đối với tâm lý nông thôn. Vậy là còn cả một khoảng đất mở rộng cho tất cả mọi thứ vô kỷ luật, và cho những biểu hiện của một cá tính trở thành man rợ và bị dồn đẩy đến cực độ vào sự cô lánh.

Quang cảnh chung thật là nặng nề, tuy nhiên những mầm mống tinh thần tập thể, nảy sinh ra trong mùa đông đầu tiên, vẫn dần dà xanh tươi êm thắm trong tập đoàn chúng tôi, và những mầm mống ấy thì phải cứu vãn cho bằng được; không nên

để bầy trẻ mới đến làm cho những mầm non quý hóa ấy chết héo đi. Tôi chủ yếu tin rằng hồi ấy tôi đã nhận thấy tình hình quan trọng đó và đã đánh giá nó đúng. Về sau công việc bảo vệ những mầm non đầu tiên kia tỏ ra là một việc gay go không thể nào tin được, lâu dài và vô cùng gian khổ, thậm chí giá tôi mà lường biết trước thì có lẽ tôi đã phát hoảng và từ bỏ cuộc đấu tranh. May làm sao, lúc nào tôi cũng cứ cảm thấy là mình sắp sửa chiến thắng; thật phải là một kẻ lạc quan bất trị mới có thể làm như thế được.

Trong giường mối mỗi ngày của đời tôi hồi ấy, không sao tránh khỏi có cả những niềm tin tưởng, vui mừng và thất vọng lẫn lộn.

Hôm nay, mọi sự hình như đều êm thấm. Sau một ngày lao động, các giáo viên đã đọc sách, hoặc chỉ để thì giờ nói chuyện và chơi với bọn trẻ, rồi họ chúc chúng ngủ ngon và ai về phòng nấy. Họ để lại bọn trẻ bình tĩnh, sẵn sàng đi ngủ. Trong buồng tôi công việc hàng ngày còn thoi thóp đập một vài nhịp mạch động cuối cùng; Kalina Ivanôvich vẫn còn ngồi trên một chiếc ghế dựa, để nói lên theo thường lệ vài câu nhận xét chung chung; một trại viên còn tò mò ở rốn lại, trong khi Bratsenkô và Gut ở ngoài cửa buồng đang chuẩn bị một đợt tấn công mới nữa nhằm vào Kalina Ivanôvich về vấn đề cỏ khô, thì bỗng chốc một thằng nhóc đâm bổ vào kêu lên:

- Chúng nó đang làm thịt nhau trên phòng ngủ!

Tôi nhảy ngay ra khỏi buồng. Trên phòng ngủ đang ầm ầm kêu la chí choees. Trong một góc phòng, hai nhóm trẻ đang hầm hè lẫn nhau. Hết hoa chân múa tay, nhảy chồm lên dọa dẫm, lại đến chửi nhau hàng tràng dài ghê người; một đứa nện một đứa khác vào tai, Burun giật lấy con dao Phần-lan ở trong tay một tướng anh hùng đó, nhưng có đứa ở xa kêu lên bảo nó:

- Việc gì đến mày đấy? Mày muốn tao khắc chữ tên tao vào người mày có phải không?

Trên một chiếc giường, vây quanh là

một nhóm đồng tình, một đứa bị thương đang ngồi lặng lẽ băng bàn tay bị một nhát dao rạch ngang bằng một mẩu ga giường.

Tôi không bao giờ can những đứa đánh nhau và không cố gắng hét to hơn chúng.

Sau lưng tôi, Kalina Ivanôvich hoảng sợ thầm thì:

- Ồ! nhanh lên đi, anh ơi, không có chúng nó cắt tiết lẫn nhau bây giờ, những quân ăn hại.

Nhưng tôi đứng nguyên ở cửa phòng, chẳng nói chẳng rằng, và tôi nhìn xem. Dần dần những đứa trẻ để ý thấy tôi và chúng ngậm miệng lại. Im lặng phục hồi

mau chóng và làm cho những đứa hung hăng nhất cũng tỉnh ngộ. Các lưỡi dao Phần-lan cất giấu đi, những quả đấm hạ xuống, những thiên độc thoại hung dữ điểm thêm những tiếng chửi tục tằn tự ngắt quãng nửa vời. Nhưng tôi vẫn câm lặng trong lòng tôi sôi lên nỗi tức giận và sự căm ghét đối với tất cả bọn dã man này. Căm ghét bất lực, vì tôi biết rất rõ: hôm nay chẳng phải là lần chót đâu.

Sau cùng, một im lặng ghê sợ, nặng nề bao trùm cả phòng ngủ; tiếng hơi thở hổn hển rốt cuộc cũng dịu hẳn xuống.

Thế là đến lượt tôi bỗng bùng nổ lên một cơn điên giận thực sự và đồng thời tôi hoàn toàn tin chắc rằng phải làm như vậy:

- Để dao lên bàn! Và mau lên, đồ khốn kiếp!

Chúng hạ vũ khí của chúng xuống: dao Phần-lan, dao nhà bếp cuỗm cốt để thanh toán mọi chuyện với nhau, dao con và các thứ lưỡi dao chúng tự đánh lấy ở lò rèn. Im lặng vẫn đè nặng lên phòng ngủ. Zađôrôp rất dễ thương, rất đáng yêu, mà lúc này tôi thấy là con người độc nhất thân thiết và gần gũi với tôi. Tôi lại vắn tắt ra lệnh:

- Các quả đấm!

- Tôi có một quả, tôi đã lấy của chúng nó, Zađôrôp nói. Tất cả mọi đứa đều đứng cúi đầu.

- Lên giường!

Tôi không dời khỏi phòng trước khi chúng đã nằm yên hết.

Hôm sau bọn trẻ tránh nhắc tới chuyện nhiễu loạn tối qua. Tôi cũng không đả động gì tới nữa.

Một hay hai tháng trôi qua, trong các tháng ấy có vài mối lửa hằn thù vẫn âm ỉ ở một vài xó xỉnh, và mỗi khi chúng muốn bùng cháy lên, tập thể lại vội vàng dập tắt ngay đi. Nhưng một quả bom mới lại bất thình lình nổ tung lên và, lại một lần nữa, hung hãn, không còn giữ được bộ mặt người nữa, các trại viên lại cầm dao chạy đuổi theo nhau.

Một buổi tối nọ, tôi thấy là cần phải siết chặt đanh ốc lại, như người ta

thường nói. Sau một cuộc đánh nhau như vậy, tôi ra lệnh cho thằng Tsôbô, là đứa hung tợn hay chơi dao nhọn nhất ở trại, đến phòng tôi. Nó ngoan ngoãn đến. Vào phòng tôi rồi, tôi bảo nó:

- Chú phải dời bỏ trại đi thôi.

- Để đi đâu?

- Tôi khuyên chú hãy đi đến nơi nào có thể cứa cổ họng lẫn nhau được ấy. Hôm nay, chỉ vì một bạn của chú không muốn nhường chỗ cho chú ở bàn ăn, chú đâm hắn ta. Vậy chú hãy đi tìm nơi nào mà những chuyện tranh chấp đều giải quyết bằng lưỡi dao.

- Bao giờ thì tôi phải đi?

- Sáng mai.

Nó đi ra, vẻ mặt âm thầm. Hôm sau, trong bữa ăn sáng, tất cả bọn trẻ đều xin tôi: cho Tsôbô ở lại, chúng nhận đảm bảo cho nó.

- Các chú cam đoan gì với tôi?

Chúng không hiểu.

- Các chú cam đoan gì với tôi? Thế ngộ nó còn chơi dao găm nữa, thì các chú sẽ làm gì?

- Thì bác sẽ tống cổ nó đi.

- Thế nghĩa là các chú chẳng cam đoan gì cả. Không, nó sẽ phải dời khỏi trại.

Sau bữa sáng, Tsôbô lại gần tôi và nói:

- Xin chào bác, bác Antôn Xêmiônôvich, và xin cảm ơn bác về bài học.

- Chào chú, và đừng oán giận nhé. Nếu chú thấy là đời sống gay go, thì chú hãy trở lại, nhưng phải là ngoài hai tuần lễ.

Sau một tháng, nó lại đến, gầy hốc hác và xanh nhợt.

- Cháu đây, cháu lại đến, như bác đã bảo.

- Chú đã không tìm được nơi nào hợp với chú à?

Nó mỉm cười.

- Sao lại không tìm được? Những

nơi như thế thì có thiếu gì. Cháu sẽ ở lại trại, và cháu sẽ không bao giờ mó đến một con dao nào nữa.

Các trại viên âu yếm đón tiếp hai chúng tôi ở phòng ngủ:

- Thế là các bác cũng vẫn cứ tha thứ cho nó! Các cháu đã bảo mà!

9. "Ở ĐẤT UKREN VẪN CÒN CÓ NHỮNG TAY HẢO HÁN"

Một ngày chủ nhật kia, Ôtxatsi say bí tỉ. Người ta dắt nó đến phòng tôi nó không ngớt miệng nói đi nói lại mãi một giọng điệu vô lý của kẻ say ấm ức. Nói chuyện với nó vô ích. Tôi giữ nó lại và ra lệnh cho nó ngủ đi. Nó ngoan ngoãn vâng theo. Nhưng bước vào phòng ngủ, tôi ngửi thấy mùi rượu. Có nhiều đứa rõ ràng là tránh nói với tôi. Không muốn tìm thủ phạm để gây thành chuyện, tôi chỉ bảo:

- Chẳng phải chỉ có một mình Ôtxatsi say đâu. Còn có những người khác đã uống rượu.

Vài hôm sau, ở trại lại có nhiều trường hợp say rượu nữa. Có những đứa tránh gặp tôi, có những đứa trái lại, trong một cơn hối hận lúc say, đến tìm tôi, nói dài dòng sướt mướt, rồi là thổ lộ tình yêu thực sự.

Chúng không giấu giếm chuyện đã vào chơi trong xóm, sự nghiện rượu, những đứa phạm lỗi hứa hẹn sẽ không uống nữa, tôi làm ra vẻ hoàn toàn hài lòng về sự kết thúc đó và không phạt ai hết thảy. Tôi đã có được một chút kinh nghiệm con con và tôi biết rằng muốn chống lại nạn nghiện rượu thì không phải

là nên đấu tranh với các trại viên mà là với một đối tượng nào khác kia. Mà chính đối tượng khác đó không xa xôi gì.

Bấy giờ chúng tôi bị cả một biển rượu bao vây. Ngay cả ở trại cũng thường gặp những người làm công và những nông dân say rượu. Vào hồi đó tôi được biết rằng Gôlôvan vẫn sai lũ trẻ đi kiếm rượu vôtka cho bác ta. Gôlôvan cũng chẳng buồn chối cãi điều đó:

- Thì đã sao! cái đó có gì là hại chứ?

Kalina Ivanôvich vốn không bao giờ uống rượu, bèn lớn tiếng sạc cho bác ta một trận:

- Thế anh có hiểu chính quyền

xô-viết là như thế nào không, hử đồ ăn hại? Anh cho là chính quyền xô-viết cứ ở đó để cho anh nốc rượu lậu à?

Gôlôvan bứt rứt cựa quậy trên cái ghế dựa lung lay kêu cót két, và muốn tìm cách chống đỡ:

- Phải, thì như thế đã làm sao nào? Thử hỏi ai là người không uống, người nào cũng có đồ nấu rượu và ai cũng uống cho đã đời. Trước hết thì chính quyền xô-viết hãy đừng có uống.

- Ai, chính quyền xô-viết nào cơ?

- Mọi người, tôi bảo bác thế. Ở ngoài tỉnh người ta uống, ở nhà quê người ta cũng uống đấy.

- Ở đây bác biết những ai bán

rượu vôtka lậu chứ? Tôi hỏi Xôfrôn.

- Ai mà biết được? Tôi chẳng mua bao giờ cả. Lúc nào cần đến, thì tôi bảo người đi kiếm. Nhưng cái đó thì có việc gì đến bác? Bác sẽ đi bắt rượu à?

- Thế bác nghĩ ra thế nào? Tất nhiên là tôi sẽ đi bắt rượu.

- Ồ, thôi đi! Dân cảnh đã bắt khối ra rồi đấy, mà kết quả nào có đi đến đâu.

Hôm sau tôi ra tỉnh xin một công lệnh ủy nhiệm cho tiến hành một cuộc đấu tranh không nhân nhượng chống rượu lậu trên khắp địa hạt của xô-viết thôn. Buổi tối, tôi hội ý với Kalina Ivanôvich. Ông bạn không tin tưởng:

- Anh đừng có lao vào cái việc

bẩn thỉu ấy. Tôi bảo cho anh biết điều này nhé, tất cả bọn nó đều cùng là một guộc: chủ tịch xô-viết thôn, Grêtsany, là cánh nhà họ đấy, anh hiểu không. Và trong khắp các thôn trang, anh đi đến đâu cũng cứ là gặp cánh Grêtsany rồi lại cánh Grêtsany tất cả. Dân ở đây, anh biết đấy, có cày ruộng bằng ngựa đâu, mà toàn bằng bò hết. Anh phải thấy rằng: thôn Gôntsarôpka, chúng nó nắm giữ ở đây này! (Kalina Ivanôvich giơ nắm tay ra). Những quân ăn hại ấy, chúng nó nắm cả thôn, và anh sẽ chẳng đi đến đâu đâu.

- Tôi không hiểu, bác Kalina Ivanôvich ạ. Thì có liên quan gì đến rượu vôtka lậu?

- Anh mới thật là người buồn

cười chứ, thế mà anh lại có học thức kia đấy! Đây này, tất cả quyền hành là ở trong tay chúng nó. Anh đừng có động đến chúng là hơn, chẳng có rồi chúng sẽ nuốt tươi anh. Anh thì chúng chỉ làm một miếng là xong, anh hiểu chưa?

Ở phòng ngủ, tôi diễn thuyết với các trại viên như thế này:

- Các chú, tôi nói thẳng cho các chú biết: tôi sẽ không cho ai được phép uống rượu. Và ở các trang trại thì tôi sẽ giải tán cái bọn nấu rượu lậu kia. Ai muốn giúp tôi nào?

Phần đông tỏ thái độ bối rối, nhưng có một số phấn khởi vỗ lấy đề nghị của tôi. Karabanôp giương đôi mắt đen lớn

sáng ngời, to như mắt ngựa:

- Hay lắm, hay lắm. Bọn phú nông béo phị ấy, cứ là phải... phải ép vào bụng chúng nó một tí mới được.

Tôi yêu cầu ba đứa trong bọn giúp tôi: Zadôrôp, Vôlôkhôp và Taranet. Tối hôm thứ bảy, chúng tôi bàn tính kế hoạch đến khuya. Xúm quanh ngọn đèn đêm của tôi, trong khi chúng tôi cắm cúi trên bản địa đồ của xóm, do tôi vẽ, Taranet, hai tay lùa vào những vòng tóc xoăn màu hung, cái mũi đầy vết tàn nhang đưa đi đưa lại thám hiểm trên mặt giấy, nói:

- Trong khi chúng ta ập vào một nhà, thì trong các nhà khác họ sẽ giấu nồi cất rượu mất. Ba người, ít quá.

- Có nhiều nhà nấu rượu đến thế kia à?

- Hầu hết mọi nhà: nhà Mutxi Grêsany, nhà Anđri Kacpôvich, và chính nhà chủ tịch nữa, Xecgây Grêtsany. Tất cả họ nhà Veckhôla cũng đều nấu tuốt, và các mụ đem rượu trắng ra bán ngoài tỉnh. Phải có thêm anh em mới được, nếu không, bác ạ, chúng ta sẽ bị họ thịt mất.

Vôlôkhôp ngồi im trong một góc và ngáp vặt.

- Họ thịt chúng mình ấy à? Đời nào! Chúng mình chỉ lấy Karabanôp đi thôi, thế là đủ. Và sẽ không một đứa nào dám động đến chúng mình đâu. Tớ biết bọn phú nông ấy. Họ sợ chúng mình.

Vôlôkhôp chuẩn bị đi bắt rượu không lấy gì làm hào hứng. Hồi bấy giờ nó có phần nào còn cách biệt với tôi: nó không ưa kỷ luật. Nhưng rất tận tâm với Zadôrôp, nó cứ theo hắn ta, chẳng kể gì việc đúng hay không đúng nguyên tắc hết.

Zađôrôp thì vẫn như thường, mỉm cười với một vẻ bình tĩnh tự tin; việc gì hắn cũng làm được, hắn không hề mất bản lĩnh và cũng chẳng tiêu tan đi đâu một mảy may cá tính nào của hắn. Và cũng như thường lệ, tôi không tin tưởng ai cho bằng tin tưởng Zadôrôp, vì vẫn với phong cách ấy, không hề mất bản lĩnh, Zađôrôp có thể tiến lên lập bất cứ kỳ công nào, nếu cuộc đời kêu gọi hắn.

Và trong lúc này hắn bảo Taranet:

- Này, Fêđo, lúc nào mày hết vặn vẹo người thì mày hãy nói luôn cho chúng tao biết nên bắt đầu từ nhà nào và tiếp diễn nhà nào. Rồi ngày mai, sẽ thấy rõ. Cần đem theo Karabanôp, phải đấy, nó biết nói chuyện với bọn phú nông, vì nó cũng là một thằng phú nông. Còn bây giờ thì ta đi ngủ thôi, vì ngày mai sẽ phải đi sớm, trước khi chúng nó say bí tỉ trong các trang trại. Thế có được không, Gritzkô?

- Ý! Vôlôkhôp hớn hở đáp.

Chúng tôi chia tay. Chị Liđia bé nhỏ và Êkatêria Grigôriepna đang đi chơi trong sân, Liđia nói:

- Tụi trẻ nói rằng bác đi đập các

nồi cất rượu. Rút cục, như thế được ích gì cho bác? Làm vậy có phải là công tác giáo dục không? Như thế còn ra cái vẻ gì?

- Đúng là làm công tác giáo dục đấy. Ngày mai chị đi với chúng tôi chứ?

- Dễ bác tưởng là tôi sợ hẳn? Vâng, tôi sẽ đi. Nhưng đó không phải là công tác giáo dục.

- Thế thì chị có đi không?

- Có đi.

Êkatêria Grigôriepna gọi riêng tôi ra một chỗ:

- Tại sao bác lại đem con bé ấy đi theo?

- Không sao cả, không sao cả, Liđia Pêtrôpna kêu lên, tôi sẽ cứ đi!

Thế là thành lập nên một ủy ban năm người trong nội bộ chúng tôi.

Vào khoảng bảy giờ sáng, chúng tôi gõ cổng nhà Anđri Kacpôvich Grếtany, nhà láng giềng gần chúng tôi nhất. Việc đó đã làm hiệu lệnh cho dàn nhạc chó mở đầu một cách hết sức phiền phức và bản nhạc dạo ấy kéo dài đến năm phút đồng hồ.

Màn kịch mãi sau đó mới bắt đầu theo đúng phép.

Nó mở màn bằng việc ông cụ Anđri Grêtsany ra giáo đầu, một ông già bé choắt, đầu nhẵn thín, nhưng vẫn giữ được

một bộ râu dê tỉa rất cẩn thận. Ông cụ Anđri tiếp chúng tôi không nhã nhặn lắm.

- Các người đến đây làm gì?

- Cụ có một nồi cất rượu, chúng tôi đến để hủy nó đi, tôi nói. Giấy ủy nhiệm của dân cảnh đây.

- Một nồi cất rượu à? ông già bối rối hỏi lại, cặp mắt sắc sảo lướt mau qua mặt chúng tôi và những áo quần đẹp như của các trại viên.

Song lúc ấy ban nhạc bốn chân lao vào một khúc tấu dữ dội, do Karabanôp gây nên, vì hắn đã luồn sau lưng cụ tổ mà tiến vào được đến hậu trường, và dùng cái gậy gỗ mà tính phòng xa đã khiến hắn mang theo, đập với được một gậy lên

lưng một con chó xồm, lông đỏ hoe: con vật đáp lại trận can thiệp ấy bằng một bản độc tấu điếc tai, cao đến hai bát độ hơn âm vực bình thường của tiếng loài chó.

Chúng tôi xông vào chỗ đột phá khẩu, giải tán bọn chó, Vônôkhôp nạt nộ chúng bằng cái giọng trầm oai hùng của hắn, và chúng chạy tán loạn về các góc sân, từ những chỗ đó tiếng ăng ẳng uất ức của chúng phổ theo sự tiếp diễn của các sự việc bằng một bản nhạc đệm không lấy gì làm lý thú lắm. Karabanôp đã vào trong căn nhà lá, và khi chúng tôi cùng vào theo với ông già thì hắn đắc thắng chỉ cho chúng tôi thấy vật đang tìm kiếm: một nồi đất rượu.

- Nó đấy!

Ông cụ Anđri giậm chân trong phòng, lộng lẫy trong bộ áo vét-tông vải nhung mới tinh, như ở một buổi ca kịch.

- Cụ đã nấu hôm qua phải không? Zađôrôp hỏi.

Phải, hôm qua, ông già nói và vừa vuốt chòm râu dê, vẻ ngỡ ngàng, vừa nhìn Taranet đang lôi ở dưới gầm chiếc ghế dài trong góc nhà gần cửa ra vào, một cái chai phình bụng đựng đầy thứ rượu ngon màu hồng tim tím.

Bỗng ông nổi giận và nhảy bổ vào Taranet. Tính toán đúng theo sách lược, ông cho rằng ở cái góc chật chội ấy, vướng những ghế dài, tượng thánh với

một cái bàn, ông sẽ túm được hắn dễ dàng hơn hết. Ông túm được Taranet thật, nhưng Zađôrôp an nhiên nhón lấy cái chai qua đầu ông già, ông chỉ còn đứng trơ khấc ra đó mà nhận lấy nụ cười rất quyến rũ và rộng ngoác ra một cách chế nhạo của Taranet.

- Ơ hay, có chuyện gì thế hở, cụ nội?

- Các người không biết xấu hổ à? Anđri kêu lên bằng một giọng xúc động. Các người không có lương tâm, các người vào nhà người ta, để ăn cướp! Mà các người lại đem một đứa con gái đi theo! Không biết đến bao giờ mọi người mới được sống yên ổn, và các người mới đến lúc mạt vận?...

- Ồ! Thì ra cụ là nhà thơ, cụ nội ạ. Karabanôp nói với một bộ điệu hài hước linh hoạt, và chống vào chiếc gậy, hắn đứng sững trước mặt ông già, dáng như tạc tượng, chăm chú đợi nghe.

- Cút khỏi nhà tao! ông cụ Anđri kêu lên và vớ lấy một cái que gạt than to tướng ở gần lò sưởi, ông vụng về đánh một cái vào vai địch thủ.

Vôlôkhôp bật cười và vừa đặt lại cái que vào chỗ cũ, vừa bảo ông già nên lưu ý đến một cục diện mới của biến cố:

- Cụ nhìn ra chỗ kia thì hơn kìa.

Ông cụ nhìn ra và thấy Taranet đang trụt từ trên lò sưởi xuống, ôm một cái chai phình khác đựng rượu vôtka, hắn

vẫn mỉm cười với một vẻ chân thật và thích thú ngang nhau. Ông già Anđri ngồi xuống một chiếc ghế dài, cúi đầu và vung tay một cái.

Chị Liđia bé nhỏ đến ngồi gần ông và nói với ông ta tử tế:

- Cụ Anđri Kacpôvich ơi! Cụ biết rõ là luật pháp cấm người ta tự nấu lấy rượu vôtka kia mà. Làm như thế lãng phí thóc lúa, trong khi quanh ta đều đói kém cả, cụ cũng biết đấy.

- Đói kém là đối với những đứa lười biếng, chứ đâu có đối với những người có làm lụng.

- Thế còn cụ, cụ nội ơi, cụ đã có làm có lụng đấy à? Taranet ngồi trên lò

sưởi hỏi bằng một giọng oang oang vui vẻ. Thật ra thì chẳng phải là thằng Xtêphan Niêstipôrenkô nó làm thay cho cụ đấy ư?

- Xtêphan à?

- Phải rồi, Xtêphan. Và cụ đã đuổi nó đi, không trả tiền công mà cũng chẳng cho nó quần áo gì hết, vì thế nó mới xin vào trại.

Taranet vui vẻ tặc lưỡi vào mặt lão già và nhảy xuống khỏi lò sưởi.

- Mang tất cả những cái này đi đâu đây? Zađôrôp hỏi.

- Đem ra sân mà đập tuốt cả đi.

- Còn nồi cất rượu?

- Nồi cất rượu cũng thế.

Ông cụ không đi ra chỗ pháp hình trường, mà ngồi nguyên trong nhà lá để nghe các thứ lý luận về kinh tế, tâm lý và xã hội mà Liđia Pêtrôpna đem ra trình bày giảng giải, kết quả về mặt nào cũng thành công như nhau. Đại diện cho những quan hệ lợi hại của chủ nhà ở ngoài sân có lũ chó ngồi trong các góc, hầm hè tức giận. Chỉ đến khi chúng tôi bước ra ngoài đường, một vài con mới biểu lộ sự phản kháng muộn màng và vô hiệu.

Zađôrôp tính lo xa, gọi chi Liđia bé nhỏ ra khỏi căn nhà lá.

- Cô đi với chúng tôi, không có rồi ông nội Anđri đem cô ra băm như thịt

làm giồi cho mà xem.

Liđia tất tả chạy ra, hớn hở vì cuộc nói chuyện với lão già Anđri.

- Nhưng mà các chú ạ, lão ta đã hiểu cả rồi! Lão đã chịu đồng ý rằng cất rượu lậu vôtka là có tội.

Bọn trẻ cười ồ lên đáp lại chị. Karabanôp nháy mắt:

- Lão ta đồng ý à? Tuyệt nhỉ! Và giá cô ở lại nói chuyện với lão ta một tí nữa thì có lẽ lão tự ta đập nồi cất rượu của lão đi đấy, có phải không?

- Và cô nên cảm ơn chúa vì vợ lão không có ở nhà, Taranet nói. Mụ ta đi nhà thờ, sang bên Gônstarôpka. Nhưng cô sẽ còn được nói với mụ Veckhôla.

Luka Xêmiônôvich Veckhôla thường vẫn đến trại vì đủ mọi thứ công việc, và đôi khi cần chúng tôi cũng nhờ đến bác ta để kiếm một cái vòng cổ ngựa, một cỗ xe, một chiếc thùng đựng rượu. Là một tay ngoại giao lão luyện, vui chuyện, hay giúp đỡ mọi người, bác ta có mặt ở khắp nơi. Bác rất đẹp mã và hết sức chăm chút bộ râu xoăn đỏ hoe của bác. Trong ba người trai thì anh con cả Ivan được mọi người cứ là mê tít trong cả một vùng mười cây số chung quanh, vì anh ta biết chơi phong cầm và đội những cái mũ cát-két diện ngất.

Bác ta tiếp đón chúng tôi niềm nở hết sức:

- À! Các bạn láng giềng yêu quý

của chúng tôi! Xin mời các bạn quá bộ vào trong này! Tôi biết, tôi đã nghe nói là các bạn đi bắt nồi rượu. Hay lắm, đó là một việc tốt. Nhưng mời các bạn chứ! Kìa cậu, cậu hãy ngồi xuống chiếc ghế đẩu này. Thế nào, công việc ra làm sao? Các bạn đã tìm được thợ nề cho trại Trepkơ chưa? Nếu không, thì nhân ngày mai tôi đi Brigađirôpka tôi đưa họ về cho. Mà các bạn phải biết là họ đáng mặt thợ nề nhé!... Này, cậu ơi, tại sao cậu không ngồi xuống thế? Tôi, thì trong nhà tôi không có nồi cất rượu, và tôi không làm những chuyện ấy đâu! Đã bảo cấm mà lị! Có lý nào… Sao lại có thể thế được! Khi mà chính quyền xô-viết đã bảo là không nên, thì tôi, tôi hiểu chứ,

sao lại thế… Này bà nó ơi, nhanh nhảu lên tí chứ, đây là các vị khách quý của chúng ta đấy!

- Trên bàn hiện ra một các bát chậu bơ chua đầy đến tận miệng, kèm theo một đống bánh chả cao ú ụ. Luka Xêmiônôvich nài nẫm mọi người ăn, thái độ không khúm núm, không ti tiện. Bác nói đều đều một giọng trầm trầm ân cần và chân thật, với những điệu bộ hiếu khách của một phú ông tốt bụng. Tôi để ý thấy khi bơ chua dọn ra, lòng các trại viên đều rộn rực: Vôlôkhôp và Taranet không thể nào rời mắt được món ăn rất thích đó. Zađôrôp đứng ở cửa, đỏ mặt lên, mỉm cười, thấy rõ ràng mình bị đặt vào một tình thế không có lối thoát,

Karabanôp ngồi gần tôi, thì thừa một lúc tiện nói, thì thầm bảo tôi:

- Ồ, cái thằng đểu!... Biết làm thế nào được? Đến phải ăn thôi, khỉ thật... Cháu không nhịn được nữa, chó quá, cháu không nhịn được nữa!.

Luka Xêmiônôvich đem một cái ghế dựa đến cho Zađôrôp:

- Ăn đi chứ, các bạn láng giềng yêu quý, ăn đi! Đáng lẽ cũng có thể kiếm ra được một ít vôtka thết các bạn đấy, nhưng mà trong lúc các bạn đang đi lùng bắt rượu...

Zađôrôp ngồi trước mặt tôi, nhìn xuống đất mà nuốt nữa chiếc bánh chả, cằm dính đầy bơ nhoe nhoét. Taranet thì

bơ quệt thanh ria mép lên tận mang tai. Vôlôkhôp ngốn hết chiếc bánh này đến chiếc khác, không tỏ vẻ xúc động một mảy may nào hết.

- Dọn thêm bánh cho chúng tôi nữa đi, Luka Xêmiônôvich ra lệnh cho vợ. Ivan ơi, con chơi cho chúng ta một bài…

- Nhưng đến giờ đi nhà thờ rồi, mụ vợ nói.

- Không hề gì, chồng đáp. Bà nó có thể cứ thết các vị khách quý của ta đi.

Anh chàng Ivan lầm lì ít nói, cằm không để râu, nom rất bảnh trai. Anh bắt đầu chơi bài "Trăng sang". Karabanôp chỉ còn thiếu có ngã dụi xuống gầm ghế

vì cười:

- Gọi là một cuộc đi thăm, thì quả thật là một cuộc đi thăm!

Ăn no rồi, mọi người trò chuyên. Luka Xêmiônôvich nhiệt liệt tán thành những kế hoạch của chúng tôi về trại Trepkơ, và sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi bằng tất cả mọi phương tiện kinh tế của bác.

- Các bạn không thể ở trong rừng cây được đâu. Các bạn phải ra ở ngoài ấy sớm ngày nào hay ngày ấy, vì ngoài đó thiếu con mắt của người chủ. Và các bạn phải lấy cái nhà máy xay gió, phải lấy mới được. Xưởng liên hợp không biết cách làm ăn. Dân quê kêu ca, họ kêu

ca nhiều lắm. Người ta cần có bột hảo hạng để làm bánh lễ Phục-sinh và bánh chả, thế mà chạy suốt một tháng trời chẳng có. Dân quê thích ăn bánh chả, nhưng làm thế nào được, nếu thiếu cái cốt tử là bột hảo hạng.

- Về phần cái nhà máy xay gió, chúng tôi còn chưa vững lắm, tôi nói.

- Sao lại "chưa vững lắm"? Chúng tôi sẽ giúp bác… Bác biết mọi người quý mến bác như thế nào. Ai cũng thành thực bảo: ông ta là một người tốt.

Giữa lúc tình cảm chan hòa ấy, Taranet hiện ở cửa, và nghe thấy có tiếng kêu thé lên vì hoảng sợ, do bà chủ nhà thốt ra. Thằng bé cầm trong tay một nửa

cái nồi cất rượu rất đẹp, phần cốt yếu của nó, là cái ống quăn mình rắn. Chúng tôi cũng chẳng để ý Taranet đã bỏ chúng tôi mà chuồn đi lúc nào nữa.

- Tôi đã thấy nó ở kho thóc, Taranet nói, và ở trên ấy có cả rượu vôtka, còn nóng nguyên.

Luka Xêmiônôvich nắm lấy râu mình, vẻ bỗng nghiêm hẳn lại, trong giây phút. Bác ta tĩnh trí lại ngay, đến gần Taranet, đứng trước mặt hắn và mỉm cười. Rồi bác gãi gãi phía sau tai và nháy mắt một bên bảo tôi:

- Cậu thanh niên này dạy cho nên người được đây. Thôi chuyện đã như thế, thì tôi chẳng nói gì cả nữa, chẳng nói gì

nữa… và tôi cũng chẳng giận đâu. Đã bảo là pháp luật thì là pháp luật. Xem ý các bạn muốn đập nó đi phải không? Thế thì… Ivan, con hãy giúp các bạn ấy một tay…

Nhưng bà mẹ Veckhôla không đồng ý sự tuân theo pháp luật của ông chồng hiền. Mụ giằng lấy cái ống quăn ở tay Taranet và kêu lên:

- Ai cho phép các người đập nó, ai cho phép chứ? Các người đã không làm ra nó thì có quyền gì đập nó? Những quân khốn kiếp, cút đi ngay, không thì bà đánh cho vỡ đầu bây giờ…

Thiên độc thoại của mụ Veckhôla kéo dài không dứt. Chị Liđia bé nhỏ từ trước

cho tới bấy giờ ngồi rất ngoan ngoãn ở góc ban danh dự, cố gắng mở một cuộc thảo luận ôn tồn về những sự tệ hại của rượu bất hợp pháp, nhưng mụ chủ nhà lại có một bộ phổi tốt lạ lùng. Các chai rượu vôtka đã bị đập vỡ rồi, Karabanôp dùng một cái kim sắt đã đập nốt cái nồi cất rượu ở giữa sân, Luka Xêmiônôvich đã ân cần từ biệt chúng tôi và yêu cầu chúng tôi năng đến chơi, nói rằng bác không giận đâu, Zađôrôp đã bắt tay Ivan và anh chàng này đã dạo một điệu đàn trên chiếc phong cầm khàn giọng, song bà mẹ Veckhôla vẫn không ngừng kêu la khóc lóc, mụ vẫn tiếp tục tìm ra những hình dung từ mới mẻ, có màu sắc, để chỉ rõ hành động của chúng tôi và báo trước

cái tương lai buồn thảm đang chờ đợi chúng tôi. Trong các sân nhà láng giềng, các mụ khác đứng sững, không nhúc nhích, chó rống lên và sủa inh ỏi, nhảy chồm chồm bíu vào các sợi dây thép căng ngang các trại, còn những người đàn ông đang bận dọn chuồng ngựa, thì quay đầu lại nhìn.

Chúng tôi bước vội ra ngoài phố, và Karabanôp ngồi sụp ngay xuống bên bờ giậu gần đấy nhất.

- Ồ, mình không thể nhịn được nữa, nói thực chứ chẳng chơi đâu, mình không thể nhịn được nữa! Kể là tiếp đãi, thì thực là một bữa tiếp đãi ra trò!... Mụ ta bảo thế nào nhỉ: cho chúng mày cứ là nứt ra vì món bơ mà chúng mày đã tọng

khỏe như hùm. Bụng mày thế nào, hở Vôlôkhôp?

Trong ngày hôm đó, chúng tôi đã hủy sáu cái nồi cất rượu. Về phía chúng tôi không bị một tổn thất gì. Vừa đúng lúc ở cái nhà lá cuối cùng đi ra, chúng tôi bắt gặp ông chủ tịch xô-viết thôn, Xecgây Pêtrôvich Grêtsany. Ông chủ tịch trông giống tướng côdắc nổi tiếng Mamai[39]: đầu đen chùi chũi và bóng; nhẫy dầu, ria mép nhỏ vuốt cong lên thành những cái móc. Mặc dù còn trẻ, ông cũng là tay chủ trại giỏi nhất vùng, và được tiếng là người rất chín chắn. Ông gọi chúng tôi từ đằng xa:

- Này, các người kia, đứng lại!

Chúng tôi tuân lệnh.

- Xin chào, chúc các người vui ngày chủ nhật nhé… Và cho phép tôi được tò mò hỏi các người, với danh nghĩa gì mà can dự vào sự ủy nhiệm nào mà các người làm cái việc can thiệp độc đoán, đập phá nồi ở nhà mọi người, việc đó các người không có quyền làm cơ mà?

Ông vuốt ria mép cong hơn nữa, và nhìn soi bói vào các bộ mặt bất hợp pháp của chúng tôi.

Tôi lặng lẽ chìa cho ông tờ giấy ủy nhiệm "can thiệp độc đoán" của chúng tôi.

Ông lật đi lật lại nó mãi trong tay rồi

trả lại tôi, vẻ miễn cưỡng.

- Đã đành đây là một giấy phép, nhưng mọi người công phẫn. Nếu bất cứ một trại lao động nào cũng có thể làm như vậy, thì người ta sẽ không thể nói rằng chính quyền xô-viết sẽ đi tới kết quả hay ho được. Chính tôi đây mới là người chống những kẻ nấu rượu vôtka lậu.

Nhưng ngay cả ông, ông cũng có một nồi cất rượu ở nhà, Taranet nhẹ nhàng nói, sau khi đôi mắt sắc của hắn vốn chẳng có cái gì là không nhìn thấy đã dám tự do kiểm tra thẳng bộ mặt chủ tịch.

Ông chủ tịch hung dữ quay lại nhìn cái tên rách rưới đó:

- Mày à? Đó không phải là việc của mày. Mà mày là cái gì chứ? Một trại viên à? Chúng tôi sẽ kêu việc này lên cấp trên, rồi thì sẽ xem một tụi phạm pháp có được phép tự do nhục mạ vị chủ tịch chính quyền địa phương hay không.

Chúng tôi lại đi, ai về phía người nấy.

Cuộc xuất chinh của chúng tôi có kết quả rất tốt. Hôm sau, bên lò rèn, Zađôrôp nói với các khách hàng của chúng tôi:

- Chủ nhật sau chúng tôi sẽ làm khác: chúng tôi sẽ đi toàn trại, năm chục anh em.

Các dân làng hất hất bộ râu và nói

tán thành:

- Các cậu làm thế là phải, đã đành rồi. Vì thóc lúa bị hao phí và đã có lệnh cấm, thì như vậy là đúng.

Nạn nghiện rượu chấm dứt ở trại, nhưng một tai họa khác lại xuất hiện: bài lá. Chúng tôi bắt đầu nhận thấy ở phòng ăn, một trại viên này hay một trại viên nọ suốt bữa ăn không ăn mì, và việc lao dịch quét dọn buồng hay bất cứ công việc khó chịu nào khác lại không do người đã chỉ định làm.

- Tại sao hôm nay lại là chú quét, chứ không phải Ivanôp?.

- Anh ấy nhờ tôi làm thay.

Việc nhờ làm thay trở thành một hiện

tượng thường xuyên, và đã thành lập ra một nhóm nhất định những đứa thuộc cái loại "nhờ làm" đó. Số trại viên nhịn ăn và nhường phần của mình cho bạn, bắt đầu tăng lên.

Trong một trại nhi đồng không có cái nạn nào tệ hại hơn là bài lá. Nó gạt trại viên ra ngoài vòng tiêu dùng chung, bắt buộc y phải tự tìm lấy nguồn của cải phụ thuộc, và phương tiện duy nhất cho y kiếm ra là sự ăn cắp. Tôi vội vàng tấn công ngay kẻ thù mới đó.

Ôptsarenkô, một đứa trẻ có khí lực và vui vẻ, đã quen với nếp sống của trại, bỗng nhiên bỏ trại trốn đi. Cuộc điều tra của tôi, để tìm ra lý do vì đâu nó trốn, không đưa lại kết quả gì cả. Hai hôm

sau, tôi gặp nó ở chợ giời ngoài tỉnh, nhưng tôi dụ dỗ thế nào nó cũng không chịu về. Trong khi nó nói chuyện với tôi, tinh thần nó bối rối hết sức.

Những nợ nần cờ bạc trong xã hội các trẻ nuôi của chúng tôi, được coi như là những nợ danh dự. Quịt những nợ đó thì có thể không những bị đòn hoặc chịu những sự ngược đãi khác, mà còn bị mọi người khinh bỉ nữa.

Trở về trại, buổi tối, tôi cật vấn bọn trẻ:

- Tại sao Ôptsarenkô bỏ đi?
- Các cháu biết làm sao được?
- Các chú biết.

Im lặng.

Tối hôm đó, nhờ được Kalina Ivanovich giúp sức, tôi tiến hành một cuộc khám xét toàn trại. Kết quả khiến tôi kinh ngạc: dưới những chiếc gối, trong các hòm, các hộp, trong túi của một số trại viên, khám phá thấy cả từng kho đường. Hóa ra Burun là đứa giàu nhất: trong cái hòm mà tôi đã cho phép nó tự làm lấy, moi ra có đến hơn ba mươi bảng thứ thực phẩm ấy. Nhưng thú vị hơn hết là chỗ Michiaghin. Dưới chiếc gối của nó, giấu trong một cái mũ lông cừu cũ, có đến năm chục rúp bằng tiền đồng và bạc.

Burun thú thật với một vẻ vô cùng ảo não:

- Tôi đã chơi bài được cái này…

- Của các trại viên à?

- Vâng, vâng.

Michiaghin đáp:

- Tôi sẽ không nói gì hết.

Những kho chính, cả đường lẫn những đồ vật lấy ở ngoài đưa về, áo khoác ngắn, khăn vuông, ví đầm, đều được tàng trữ ở buồng ba nữ trại viên của chúng tôi: Ôlia, Raitxa và Marutxia. Cả ba đều không chịu khai những thứ đó là của ai. Ôlia và Marutxia khóc, Raitxa lặng thinh.

Cả ba đứa đều được Ủy ban gửi đến cho chúng tôi, vì những chuyện ăn cắp ở

gia đình. Ôlia Vôrônôva có lẽ ngẫu nhiên bị liên can vào một việc không may, như thường xảy ra đối với những con ở gái nhỏ tuổi. Marutxia Leptsenkô và Raitxa Xôkôlôva rất hư thân mất nết và hết sức buông tuồng phóng túng, lại còn ăn nói lỗ mãng, và dự vào những bữa rượu chè của bọn con trai, cũng như những cuộc đánh bài của chúng, thường được tổ chức ở buồng của họ. Đặc biệt Marutxia có một tính cách loạn thần kinh rất khó chịu, thường lăng mạ và đánh các bạn gái của chính mình nữa, luôn luôn cãi nhau với bọn con trai vì những chuyện hết sức nhỏ nhặt, tự coi mình như là một người "bỏ đi", và đối với mọi lời phê bình và khuyên bảo cứ trả lời đều một mực:

- Xin đừng tốn công như thế. Tôi là một đứa con gái bỏ đi.

Raitxa thì to lớn, bẩn thỉu, lười biếng, hay cười, nhưng chẳng ngu ngốc chút nào, và trình độ văn hóa tương đối khá. Trước kia nó đã học trường trung học, và các cô giáo của chúng tôi khuyên nó nên chuẩn bị vào trường trung học công nông. Cha nó trước kia làm nghề chữa giày ở tỉnh chúng tôi, đã bị giết chết cách đây hai năm, vì một chuyện dâm đãng bợm bãi, mẹ nó uống rượu và sống vất vưởng khổ sở. Raitxa nhất định nói rằng đó không phải là mẹ nó, rằng nó bị bán cho nhà Xôkôlôp từ tấm bé, song bọn trẻ quả quyết bảo là Raitxa nói láo:

- Rồi nó sắp sửa kể rằng bố nó là

một ông hoàng cho mà xem.

Raitxa và Marutxia giữ một thái độ độc lập với bọn con trai và được chúng kính trọng một phần nào vì đã là những "dân chạy" cũ và thành thạo; vì thế nên cả hai mới được Michiaghin và những đứa cùng bọn cho biết ít nhiều chi tiết quan trọng bí mật về những việc làm ám muội của chúng.

Từ khi thằng Michiaghin đến, thì những phần tử "cớm" của trại được tăng cường cả về số lượng lẫn chất lượng.

Michiaghin là một đứa ăn cắp đại tài, khéo léo, thông minh, may mắn và táo bạo. Đã thế, nó lại thêm có vẻ dễ ưa hết sức. Nó trạc tuổi độ mười bảy tuổi, có lẽ

hơn một tí.

Mặt nó có cái "tướng đặc biệt", có một không hai: đôi lông mày nó là những túm lông rậm rạp, hoàn toàn trắng phơ như tuyết. Theo lời nó nói thì cái dấu hiệu đó thường làm hại công việc của nó, hay bị hỏng ăn. Nhưng nó vẫn không hề nghĩ rằng nó có thể làm việc gì khác được.

Ngay tối hôm đầu tiên đến trại, nó nói chuyện với tôi một cách rất tự do và thân thiết hết sức:

- Tụi trẻ vẫn ca tụng bác, bác Antôn Xêmiônôvich ạ.

- Tốt lắm, thế thì sao?

- Thì hay lắm. Nếu chúng nó yêu

mến bác, thì dễ cho chúng nó hơn.

- Như vậy thì cả chú, chú cũng phải yêu tôi chứ.

- Tôi thì khác… Tôi sẽ không ở trại lâu đâu.

- Tại sao vậy?

- Ở làm gì mới được chứ? bề nào thì tôi cũng sẽ cứ ăn cắp.

- Đó là một thói quen mà người ta có thể bỏ được.

- Có lẽ, nhưng tôi nghĩ rằng chẳng có lý do gì cả.

- Chú chỉ làm điệu đấy thôi, Michiaghin ạ.

- Không điệu tí nào hết. Ăn cắp

thú vị và vui lắm chứ. Chỉ có điều là phải biết cách, với lại đừng có trêu vào bất cứ ai. Có hàng tạ những của khỉ trời sinh ra để mà chịu mất cắp, và có những người khác thì ăn cắp của họ là một tội lỗi.

- Về điểm ấy thì chú nói đúng, tôi bảo Michiaghin, nhưng sự ăn cắp không làm hại người bị mất cắp bằng kẻ ăn cắp đâu.

- Hại gì kia chứ?

- Thế này nhé: chú quen tính ăn cắp, và mất thói quen làm việc, chú ăn không ngồi rồi, chú đâm ra rượu chè, và chú thành một người bỏ đi: một tên lưu manh. Thế rồi là nhà tù, và những hậu

quả theo liền đó…

- Ở nhà tù thì cũng vẫn cứ là người. Có khối đứa được tự do mà sống khổ hơn là ở tù. Biết thế nào mà nói được.

- Chú đã nghe nói tới Cách mạng tháng Mười rồi chứ?

- Rõ chuyện! Tôi tham gia với Xích vệ quân.

- Thế thì đấy, bây giờ mọi người sẽ không còn sống như là họ ở tù nữa.

- Cái đó thì còn phải đợi xem đã, Michiaghin nghĩ ngợi. Tụi đểu cáng thì bao giờ mà chẳng còn, có khối ra đấy. Bề nào thì rồi chúng cũng lại chứng nào tật ấy. Bác cứ nhìn chung quanh trại này

xem thử là những đứa như thế nào. Trời, mới gớm chứ!

Khi tôi thanh toán cái sòng bạc đã được tổ chức ra ở trại, Michiaghin từ chối không nói số tiền giấu trong cái mũ lông của nó ở đâu mà ra.

- Chú đã ăn cắp phải không?

- Bác buồn cười thật, bác Antôn Xêmiônôvich ạ! Hừ, tất nhiên là tôi đã chẳng mua nó về. Ở đời còn có nhiều đứa ngu xuẩn. Tiền này chúng đã chất đống lại, những đồ ngốc ấy, rồi chúng lại còn lạy lục mà đem dâng cho một bầy những quân đểu cáng phưỡn bụng. Thế thì việc gì mà tôi lại ngần ngại? Thà là tôi lấy nó đi còn hơn. Và tôi đã lấy đấy.

Chỉ có điều là ở cái xó trại của bác đây, đến cất giấu nó cũng không được nữa. Tôi có ngờ đâu bác lại đi khám xét…

- Thôi được. Tôi lấy tiền cho trại. Ta lập biên bản về việc đó ngay lập tức, và cho nó vào mục thu. Bây giờ đây, hãy tạm không nói đến chú.

Tôi nói với bọn trẻ về những vụ ăn cắp.

- Tôi cấm tiệt bài lá. Các chú sẽ không bao giờ được chơi nữa. Như thế là ăn cắp của anh em.

- Thì chúng nó đừng chơi có được không?

- Chúng nó chơi vì ngu ngốc. Trong khi bọn các chú có nhiều người

phải ăn đói, phải nhịn đường, nhịn bánh mì. Vì cái sòng bạc đó, Ôptsarenkô đã bỏ trại, và nó đi lang thang khóc ở ngoài phố; ở chợ giời, đời nó sẽ hỏng mất thôi.

- Phải, đối với Ôptsarenkô… bị vố đau thật đấy, Michiaghin nói.

Tôi tiếp tục:

- Thế mà trong bọn các chú không có lấy một người nào bênh vực cho một người bạn yếu. Vậy thì tôi có trách nhiệm bênh vực họ. Tôi không thể nào chịu để các trẻ nuôi phải nhịn đói, và bị hại đến sức khỏe, vì đã trót giây vào những quân bài ngu xuẩn kia. Tôi sẽ không đẻ như thế được, và bây giờ thì các chú chọn đi. Tôi lấy làm khó chịu

phải khám xét phòng ngủ các chú, nhưng sau khi gặp Ôptsarenkô ở ngoài tỉnh, nó khóc, mà tôi thấy nó gầy rộc người đi, thì tôi quyết định không gượng nhẹ với các chú nữa. Nhưng nếu các chú bằng lòng, thì ta hãy thỏa thuận với nhau rằng không bao giờ chúng ta chơi bài nưa. Các chú có thể lấy danh dự ra mà hứa không? Nhưng tôi chỉ sợ rằng… về điều này, nói cho đúng thì hình như cũng khó lòng tin các chú: Burun đã hứa rồi…

Burun nhảy xổ ra:

- Không đúng, bác Antôn Xêmiônôvich, sao bác nói những điều không đúng sự thực mà bác không lấy làm ngượng thế. Nếu bác cũng lại đi nói sai, thì chúng tôi… Về chơi bài, tôi đã

chẳng hứa lời nào sất.

- Đồng ý, xin lỗi chú, đúng đây, tôi không nghĩ đến xin chú hứa về chuyện đó, và hứa chừa cả rượu vôtka nữa, thì là tôi đã lầm.

Tôi không uống rượu vôtka.

Thế thì tốt, thôi không nói đến chuyện ấy nữa. Còn bây giờ chúng ta làm gì nào?

Karabanôp thong thả bước lên hàng đầu: vẻ sắc sảo và duyên dáng, hấp dẫn, và vẫn như mọi khi, hơi điệu bộ một chút. Hắn có dáng khỏe như con bò mộng nuôi trên thảo nguyên và hình như cố ý kìm giữ cái sức mạnh ấy ở trong người.

- Rõ lắm rồi, các cậu ạ. Chơi bài

mà vét tuốt của anh em như thế là một việc không nên làm. Có lẽ các cậu ghét tớ đấy, nhưng tớ sẽ chống lại bài lá. Thế này nhé, tớ nói cho các cậu biết: tớ sẽ không bao giờ làm mật thám, nhưng đối với bài lá thì tớ sẽ không nề hà đâu; hay là chính tớ sẽ ra tay, và tớ sẽ cộp đấy. Khi mà tớ thấy thằng Ôptsarenkô nó bỏ đi thì tớ đã nghĩ: có khác gì người ta tống nó ra nghĩa địa không; các cậu biết đấy, đi cớm thì nó chưa thành thuộc. Chính thằng Burun và con Raitxa đã cạo nhẵn ra. Tớ nghĩ như thế này này: hai đứa hãy đi mà tìm nó và đừng có trở về đây trước khi tìm thấy nó.

Burun nhiệt tình đồng ý:

- Có điều, tớ cần cóc gì đến con

Raitxa? Một mình tớ thừa tìm thấy nó.

Bọn trẻ nói nhao nhao lên cùng một lượt. Chúng thảy đều thích thú thấy đi tới sự thỏa thuận chung như vậy. Burun tự tay tịch thu tất cả các cỗ bài và vứt nó vào một cái thùng rác. Kalina Ivanovich hỉ hả đem số đường đi:

- Cảm ơn, các cháu nhé! Các cháu đã tiết kiệm cho trại đấy.

Michiaghin theo tôi ra khỏi phòng ngủ:

- Tôi có phải bỏ trại mà đi không?

Tôi buồn rầu trả lời nó:

- Không, tại sao? Chú còn có thể

ở lại.

- Dù sao thì tôi cũng sẽ cứ ăn cắp.

- Thì chú cứ ăn cắp, và đi mà cho người ta treo cổ chú lên! Chẳng phải tôi mà sẽ là chú chịu khổ.

Nó để cho tôi đi, vẻ kinh hoảng.

Sáng hôm sau, Burun lên đường ra tỉnh tìm Ôptsarenkô. Bọn trẻ lôi Raitxa đi theo nó. Karabanôp vừa phát vào vai Burun vừa rống lên vang ầm cả trại:

- Thế chứ! Ở đất Ukren này vẫn còn có những tay hảo hán!

Zađôrôp đứng ở cửa lò rèn nhìn theo, nhe hết cả răng ra cười. Nó nói với tôi,

giọng thân tình, như mọi khi:

- Thực là một bầy hỏng quá, nhưng mà cũng vẫn cứ sống được với chúng như thường.

- Thế còn mày, mày là cái thá gì? Karabanôp cáu tiết hỏi.

- Tao á? nguyên là kẻ-lên-mây cha truyền con nối, Alecxanđrơ Zôđôrôp, hiện tại là thợ rèn ở trại Gorki, nó đứng nghiêm tự giới thiệu.

- Nghỉ! Karabanôp đợt giọng ra nói và, oai như cóc[40], nó bước qua dọc nhà lò rèn.

Đến tối, Burun dẫn Ôptsarenkô về, thằng này vừa sung sướng vừa đói mềm.

10. NHỮNG "CHIẾN SĨ GIÁO DỤC XÃ HỘI"

Họ là ngăm người, kể cả tôi. Hồi đó người ta gọi chúng tôi là những "Chiến sĩ giáo dục xã hội". Chính chúng tôi thì không những không hề không tự xưng như thế bao giờ, mà cũng không hề bao giờ nghĩ rằng chúng tôi làm được một kỳ công. Chúng tôi không nghĩ như vậy, trong những ngày đầu của trại cũng như khi ăn mừng kỷ niệm tám năm thành lập trại.

Khi nói đến sự anh hùng, không phải là người ta chỉ nghĩ tới nhân viên của trại Gorki mà thôi; vì thế cho nên trong thâm tâm chúng tôi đã coi danh hiệu ấy như

một hiệu kèn gióng lên sự cần thiết để nâng đỡ tinh thần những người công tác ở nhà nuôi trẻ bơ vơ và các trại khác cùng loại với trại chúng tôi.

Hồi bấy giờ có rất nhiều sự nghiệp anh hùng trong cuộc sống xô-viết và trong cuộc đấu tranh cách mạng; công việc của chúng tôi làm, nói về mặt biểu hiện cụ thể cũng như về các mặt thắng lợi, đều là quá ư ít ỏi.

Chúng tôi là những người hết sức bình thường, như mọi người khác, với hàng đống khuyết điểm. Và sự thực là chúng tôi không thông thạo việc: mỗi ngày công tác của chúng tôi đầy dẫy những sai lầm, hành động do dự, tư tưởng mơ hồ. Chúng tôi chỉ nhìn thấy

được, qua một làn sương mù tịt, từng mảnh hình thù cuộc đời sư phạm tương lai của chúng tôi.

Chúng tôi mò mẫm hết sức, cho nên người ta muốn bắt bẻ thế nào cũng được về mỗi bước đi của chúng tôi. Trong công việc của chúng tôi, điểm nào cũng có thể bàn cãi được. Mà khi đem ra tranh luận thì lại càng tệ hơn: những cuộc tranh luận của chúng tôi không làm bật ra ánh sáng.

Chỉ có hai điểm này là không bị ai nghi ngờ: ý chí sắt đá của chúng tôi không bỏ cuộc, quyết tâm làm phận sự đến cùng, dù cho có bị thất bại thảm hại cũng cam. Và còn chính bản thân cuộc sống nữa, cuộc sống của chúng tôi ở trại

và cuộc sống ở chung quanh chúng tôi.

Khi mới đến, vợ chồng Ôtxipôp rất ghê tởm các trại viên[41]. Nội quy của chúng tôi định rằng giáo viên trực nhật ăn cùng trẻ nuôi. Nhưng Ivan Ivanôvich với vợ nhất quyết bảo tôi rằng họ sẽ không ăn cùng ngồi bàn ăn với chúng, bởi vì họ không thể nào nén nổi sự kinh tởm.

Tôi bảo họ:

- Để sau này xem thế nào.

Đến phiên thường trực đêm ở phòng ngủ, Ivan Ivanôvich không bao giờ ngồi vào một chiếc giường của bọn trẻ, mà ở đấy thì chẳng có thứ gì khác nữa. Vì thế nên anh ta chỉ toàn đứng suốt phiên canh.

Vợ chồng anh bảo tôi:

- Sao mà bác lại ngồi vào cái giường ấy được! Nó đầy những rận.

Tôi đáp:

- Không sao đâu, rồi sẽ ổn thôi, ta sẽ diệt hết chấy rận, hoạc ta sẽ thu xếp cách nào khác…

Ba tháng sau, không những Ivan ngồi cùng bàn vui vẻ chén với các trại viên, mà anh còn mất cả thói quen đem thìa riêng của mình: anh cầm lấy một trong những chiếc thìa gỗ thường, ở nhà bếp đem lên, bày kín mặt bàn, và chỉ đưa ngón tay chùi qua, gọi là để yên lòng thôi.

Và buổi tối, ở phòng ngủ, giữa bầy

trẻ ồn ào, Ivan Ivanôvich ngồi đường hoàng trên một giường để chơi trò "kẻ ăn cắp và mật thám". Cách thức chơi là đem chia cho các người dự cuộc những mảnh giấy có viết những chữ "kẻ ăn cắp", "mật thám", "dự thẩm", "thẩm phán", "đao phủ", v.v... Ai được làm mật thám thì phải tự xưng ra, rồi cầm ở tay một cái giẻ xoắn chặt và tìm cách đoán xem người nào là kẻ cắp. Tất cả mọi người giơ lòng bàn tay về phía hắn, hắn ta chỉ bàn tay thủ phạm bằng cách vụt vào đó một cái. Thường thì hắn vớ phải ông thẩm phán hay anh "tò mò", và những vị công dân đáng kính bị hắn ngờ vực nhục nhã đó được vụt vào bàn tay hắn phải chia ra bao nhiêu cái là tùy theo số quy

đinh cho tội của hắn. Nếu lần sau anh mật thám đoán trúng thì hình phạt của hắn chấm dứt và hình phạt của anh kẻ ăn cắp bắt đầu. Anh thẩm phán tuyên án: năm hay mười cái vụt thật đau, năm vụt không ác lắm v.v… Anh đao phủ nắm lấy cái giẻ xoắn và làm phận sự.

Vì các vai trò luôn luôn thay đổi, và đến lượt sau anh ăn cắp lại biến thanh thẩm phán hay đao phủ, cho nên cái thú của trò chơi chủ yếu là ở chỗ cứ luân phiên chịu tội và báo thù. Anh thẩm phán ác hay anh đao phủ không khoan nhượng mà trở thành mật thám hay kẻ cắp, thì được nhận những đòn trả miếng nặng gấp trăm lần của anh thẩm phán hay đao phủ đương chức, nhắc nhở cho họ nhớ họ đã

xử tệ đối với người khác như thế nào.

Êkatêrina Grigôriepna và Liđia Pêtrôpna cũng chơi trò ấy, nhưng đối với các chị bọn trẻ xử sự ra lối mã thượng: nếu một chị bị tóm đúng là kẻ cắp, thì chúng tuyên án hình phạt nhẹ nhất; anh đao phủ thi hành án quyết lấy bộ mặt hiền từ nhất và chỉ cầm giẻ vuốt khẽ lên làn da mịn màng của cái lòng bàn tay đàn bà ấy.

Chơi với tôi, trước hết chúng chỉ muốn thử sức chịu đựng của tôi ra sao, bởi thế nên tôi không còn cách nào khác hơn là cố gan lì. Khi tôi là thẩm phán, tôi ban cho các cậu kẻ cắp những hình phạt nặng đến nỗi chính các cậu đao phủ cũng phát hoảng, và khi được thi hành các án

quyết thì tôi làm việc thật cẩn thận, thậm chí khiến cu cậu nạn nhân đến phải bỏ cả thể diện mà kêu lên:

- Bác Antôn Xemiônôvich, thế này thì còn là chơi bời gì nữa chứ!

Nhưng ngược lại tôi cũng được chúng đối xử lại ra trò: bao giờ tôi cũng trở về phòng với bàn tay trái sưng phù lên; đổi bàn tay thì mất sĩ diện, và tôi cần giữ bàn tay phải để viết lách.

Ivan Ivanôvich đã nhát gan chơi cái sách lược đàn bà, và lúc đầu bọn trẻ còn gượng nhẹ anh ta. Tôi có ý kiến với anh ta, bảo anh rằng làm như vậy là không tốt, bọn trẻ cần phải có sức chịu đựng và phải gan dạ. Chúng không nên sợ nguy

hiểm, và nhất là sợ đau đớn nhục thể. Anh ta không đồng ý với tôi.

Một buổi tôi chơi cùng tổ với anh ta, được làm thẩm phán, tôi tuyên án cho anh mười hai cái vụt cật lực và đến lượt sau, trở thành đao phủ, tôi vụt giả quấn vun vút, bổ vào bàn tay anh không thương hại. Anh phát cáu và sau đó trả thù lại tôi. Một chú "cánh hẩu" của tôi không chịu bỏ qua cái cách đối xử với tôi như thế mà không trừng phạt, đã bắt buộc anh ta phải giơ bàn tay kia ra chịu đòn.

Tôi hôm sau, Ivan Ivanôvich có ý muốn chuồn cái "trò chơi dã man" đó, nhưng hết thảy các trại viên nói mỉa, anh ta đâm xấu hổ. Về sau, anh vinh diệu

chịu đựng trò thử thách ấy, không nịnh nọt khi làm thẩm phán, và cũng không mất tinh thần trong vai mật thám hay kẻ cắp.

Vợ chồng Ôtxipôp thường than phiền là họ tha về phòng họ nhiều chấy rận quá. Tôi bảo họ:

- Chống chấy rận không phải là ở phòng riêng của mình, mà là ở phòng ngủ…

Và chúng tôi ra sức chống. Cố gắng lắm chúng tôi mới có được cho mỗi lưu trú sinh hai bộ quần áo lót mình, hai bộ mặc ngoài. Những bộ mặc ngoài này vá víu trăm mảnh, nhưng được cái đã qua lò hấp cho nên chỉ còn ẩn giấu rất ít rận.

Trừ khử rận hoàn toàn cũng không phải là mau chóng xong được, vì luôn luôn có những trại viên mới đến, vì phải tiếp xúc với nông dân và nhiều nguyên nhân khác nữa.

Công việc của giáo viên chính thức phân chia thành phần tổng trực nhật, phần công tác lao động, và phần trực dạ. Ngoài ra còn phải lên lớp trong buổi sáng.

Phần tổng trực nhật là một công việc khổ sai thực sự, suốt từ năm giờ sáng cho đến giờ báo hiệu đi ngủ. Đến lượt ai làm thì người đó phải điều khiển tất cả mọi hoạt động trong ngày hôm ấy, kiểm soát việc cung cấp ăn uống và tiến hành công tác, giải thích cho những đứa có chuyện

khiếu nại, kết toán các vật phẩm và kiểm tra những dự trù của Kalina Ivanovich, trông nom việc thay quần áo mặc trong mặc ngoài. Công việc của người đó nhiều đến nỗi, ngay từ hồi bắt đầu sang năm thứ hai, đã phải cho những trại viên cũ, có đeo băng đỏ ở cánh tay để phân biệt, phụ giúp thêm vào đấy.

Giáo viên đến lượt công tác lao động thì chỉ tham gia bất cứ một công tác lao động nào, thường là một công tác có đông trẻ nuôi hoặc trẻ mới đến nhất. Giáo viên tham gia thực sự vào đấy – trong những điều kiện của chúng tôi, không thể nào làm khác được – giáo viên lao động ở các xưởng, chẻ củi, ra đồng, làm vườn rau hoặc các việc sửa chữa ở

khu trại mới.

Không bao lâu, phần việc trực dạ rút lại hầu nhủ chỉ còn là một hình thức: tối đến, tất cả các giáo viên, dù là trực nhật hay không, thảy đều có mặt ở phòng ngủ. Kể thì như vậy cũng chẳng có gì đáng khen họ: ngoài nơi đó chúng tôi chẳng còn đi đâu được hết. Ở lại các phòng trống trơn của chúng tôi thực chẳng thú vị chút nào và lại còn có phần đáng sợ, vào những giờ buổi tối, dưới ánh sáng leo lét của những ngọn đèn đêm, trong khi đó thì ở căn phòng lớn, sau chầu uống trà buổi tối, các trại viên mặt mày hớn hở, mắt nhìn hau háu, nóng lòng rình đợi chúng tôi bước vào. Chúng đã dự bị sẵn vô số chuyện, thực cũng có, huyễn

hoặc cũng có, với hàng đống câu hỏi chỉ đợi tung ra về các vấn đề thời sự, triết lý, chính trị, văn học, và đủ mọi thứ trò chơi, bắt đầu là "mèo với chuột" để kết thúc bằng "kẻ cắp với mật thám". Ở cái hội trường đó cũng đem ra bàn cãi những việc linh tinh trong đời sống chúng tôi, như các việc đã thuật lại ở trên; người ta nói xấu các ông bạn láng giềng, những nông dân trong xóm, thảo luận về những chi tiết sắp đặt trại mới và về cuộc đời hạnh phúc chờ đợi chúng tôi ở đây.

Có đôi khi Michiaghin kể chuyện. Nó tỏ ra là một tay kể chuyện có tài lạ lùng, nó biết dẫn dắt câu chuyện với những yếu tố diễn xuất kịch trường và những nét mặt điệu bộ phong phú. Michiaghin yêu các

trẻ nhỏ, và những đứa say sưa nghe chuyện nó kể. Những chuyện đó không mấy khi có tính chất thần bí: các nhân vật đều là những nông dân, có người ngờ nghệch, có người thông minh, những tên quý tộc khờ dại và những thợ thủ công tinh khôn, những tay kẻ trộm, táo bạo, may mắn, và những viên cảnh sát bị lừa, những người lính dũng cảm bao giờ cũng thắng trận, và những người giáo sĩ ngu ngốc béo ị.

Chúng tôi thường tổ chức những cuộc đọc sách nghe chung buổi tối. Ngay từ ngày đầu tiên, tủ sách của chúng tôi đã bắt đầy được thành lập với những sách tôi mua hay xin được của các tư nhân. Đến cuối mùa đông chúng tôi đã có hầu

hết các sách cổ điển, và khá nhiều sách chính trị và nông nghiệp nữa. Chúng tôi may mắn vớ được, trong các kho chứa chẳng ai dòm ngó tới của sở Giáo dục tỉnh, một lô sách lớn phổ biến khoa học.

Nhiều trại viên thích đọc sách, nhưng khó lòng thấy mấy ai đọc trọn vẹn được cả một quyển. Vì thế nên chúng tôi mới tổ chức những buổi đọc to, thường thường ai cũng dự nghe. Người đọc là tôi, hoặc Zađôrôp, hắn có một giọng đọc rất rõ ràng khúc chiết. Trong mùa đông đầu tiên chúng tôi đọc nhiều Puskin, Kôrôlenkô, Mamin Xibiriak[42], Vêretxaep[43], và nhất là Gorki.

Những tác phẩm của Gorki gây cho

nhóm quần chúng của chúng tôi một cảm xúc mạnh nhưng không nhất trí. Karabanôp, Taranet, Vôlôkhôp và nhiều đứa khác rất cảm cái lãng mạn tính của Gorki, nhưng không ưa cái lối phân tích của ông. Mắt chúng nảy lửa khi nghe "Maka Tsuđra" [44], nhân vật Ignat Gorđêiep[45] khiến chúng thốt ra những tiếng ồ! và hoa nắm tay lên, song chúng rất chán tấn bi kịch "Ông cụ Ackhip và Lenka"[46]. Cái cảnh ông già Gorđêiep nhìn chiếc thuyền "Bôiarynia" của ông bị băng vỡ trôi phá hủy khiến Karabanôp rất thú. Bộ mặt căng thẳng, nó cảm kích kêu lên bằng một giọng diễn viên bi kịch:

- Thế mới đáng mặt là một người

giỏi! Ôi! Giá thử ai cũng được như ông ta!

Nó cũng nghe say sưa như thế đoạn tả cái chết của Ilia trong truyện "Ba người".

- Thật là một tay can trường! Chết như thế mới là chết chứ: đập vỡ đầu vào đá…

Sự cảm hứng của những chú lãng mạn làm cho Michiaghin, Zađôrôp, Burun cười ra vẻ khoan dung và chúng chế giễu thẳng thừng:

- Này đồ ngốc ạ, bảo cho chúng mày biết là chúng mày đếch hiểu gì cả nhé.

- Tao mà không hiểu gì ấy à?

- Chứ lại gì? Đập vỡ đầu vào một hòn đá thì có gì là hay ho? Cái thằng Ilia ấy ngu như bò và là một đồ vô dụng… động có một ả nào liếc mắt đưa tình, là vãi nước mắt ra. Tao ấy à, ở vào địa vị nó thì tao còn vặn cổ thêm một thằng lái buôn khác nữa, cái bọn chúng nó thì cứ là phải tố ra cho kỳ hết, kể cả lão Gorđêiep của mày nữa.

Hai phe chỉ đồng ý với nhau về nhân vật Luka trong "Dưới đáy". Karabanôp nghẹo đầu nghẹo cổ nói:

- Những của ngang phè ấy toàn là những đồ vô tích sự. Nó cứ kêu la làm cho mọi người chán ngấy, thế rồi đùng một cái chẳng thấy hình bóng đâu nữa, nó đã cút thẳng. Mình biết có những thằng

như thế đấy.

- Luka là một thằng xảo quyệt, nhưng mà láu cá, Michiaghin nói. Nó làm ăn cứ im như không, cái gì nó cũng hiểu, cho nên nó đi đâu cũng lọt tuốt. Khi thì nó mưu mô gian giảo, khi thì ăn cắp, khi thì ra vẻ hiền như bụt. Cứ như thế, nó sống đấy.

"Thời thơ ấu" và "Đi kiếm ăn"[47] khiến tất cả bọn chúng cảm động hết sức. Chúng nín thở mà nghe đọc và yêu cầu cứ đọc tiếp "dù cho đến nửa đêm" cũng được. Mới thoạt đầu chúng không tin tôi, khi tôi kể cho chúng nghe chuyện thật về đời sống của Maxim Gorki, vì cuộc đời ấy khiến chúng ngạc nhiên quá đỗi, rồi

bỗng câu hỏi này làm cho chúng say sưa:

- Thế nghĩa là rút cục lại thì Gorki cũng là một người như bọn mình thôi chứ gì? Hà, kể cũng tuyệt thật đấy nhỉ!

Ý nghĩ đột ngột ấy khiến chúng vui sướng tràn trề.

Cuộc đời của Maxim Gorki trở thành một phần cuộc đời của chúng tôi. Những giai đoạn của nó đối với chúng tôi là cả một kho tài liệu cho chúng tôi đem ra so sánh, tìm những tên hiệu, dùng làm đề mục để thảo luận và làm mực thước để đo những giá trị con người.

Khi cái trại nhi đồng V. Kôrôlenkô đặt trụ sở ở cách trại chúng tôi ba cây

số, các trẻ nuôi của chúng tôi không ghen tị lâu về cái tên bảo hộ của nhà văn đó. Zađôrôp nói:

- Đối với tụi nhóc ấy thì đặt tên là bọn Kôrôlenkô thật ăn khớp quá đi mất[48]. Còn chúng mình, thì chúng mình là bọn Gorki.

Kalina Ivanôvich cũng đồng ý như thế.

- Cái ông Kôrôlenkô ấy, tôi đã gặp mặt, và tôi còn nói chuyện với ông ta nữa: một người rất mực đứng đắn. Nhưng còn các chú, thì nói về phương diện lý luận cũng như về phương diện thực tiễn, các chú tất nhiên đều là bọn ăn mày cả.

Chúng tôi mang tên là trại Gorki không do một quyết định hay một sự xác nhận chính thức nào hết. Chúng tôi tự gọi như thế, khiến ở ngoài tỉnh người ta cũng quen đi dần mà không phản đối một mảy may nào về những con dấu và con niêm mới của chúng tôi khắc tên nhà văn. Có điều đáng tiếc là chúng tôi phải mất nhiều thì giờ hơn để liên lạc bằng thư với Maxim Gorki, vì ở tỉnh chúng tôi không một ai biết địa chỉ của ông hết thảy. Mãi đến năm 1925, chúng tôi mới đọc thấy trong một tờ tuần báo có tranh ảnh, một bài nói về đời sống của Gorki ở nước Ý; trong bài có ghi tên ông viết sang tiếng Ý: Massimo Gorky. Thế là chúng tôi gửi vu vơ cho ông một bức thư

dưới cái địa chỉ cực kỳ là ngắn: Massimo Gorky, Italia.

Những truyện và tiểu sử của Gorki làm cho cả lớn lẫn bé đều say mê, mặc dầu những đứa sau này hầu hết đều không biết chữ.

Trại chúng tôi có mười hai đứa vào loại trẻ từ mười đến mười lăm tuổi ấy. Tất cả cái giới tí hon đó đều rất linh hoạt, tinh quái, hay ăn cắp vặt tí chút, và thường xuyên là lem luốc đến cùng cực. Bao giờ chúng nó cũng đến trại trong một tình trạng thảm hại: gầy nhom, bị bệnh tràng nhạc, và ghẻ lở. Êkatêrina Grigôriepna, chị phụ trợ y tế và y tá tự nguyện của chúng tôi, luôn luôn trông nom săn sóc chúng. Mặc dầu tính chị

nghiêm nghị, lúc nào chúng cũng cứ quấn lấy váy chị. Chị biết mắng mỏ chúng như người mẹ, biết tất cả những nhược điểm của chúng, không tin lời một đứa nào hết thảy (tôi thì không bao giờ bỏ được cái tính xấu ấy), không bao giờ làm ngơ cho chúng một tội nhỏ nào, và tức giận la hét vì mọi chuyện tinh nghịch đều cáng của chúng.

Nhưng ngược lại, chị có cái tài tuyệt diệu nói với một đứa nhỏ, bằng những lời lẽ đượm tình người rất mực đơn giản, về mẹ nó, về tương lai nó sẽ làm gì sau này: thủy binh, sĩ quan Hồng quân, kỹ sư; chị cảm thông được sâu rộng tất cả sự tai hại ghê gớm mà một cuộc sống bị nguyền rủa và ngu xuẩn đã gây nên cho những

đứa trẻ đó. Ngoài ra, chị lại còn biết cách vỗ chúng cho trở lại béo tốt: giấu giếm vi phạm tất cả những quy tắc và luật lệ quản trị của trại, chị chỉ dùng một lời nói ngọt ngào mà thắng được thái độ mặt sắt vô tư của Kalina Ivanôvich.

Những trại viên cũ, thấy mối quan hệ quấn quít giữa bầy trẻ nhỏ và Êkatêrina Grigôriepna, không những không làm trở ngại chị, mà trái lại, bao giờ chúng cũng nhận với một độ lượng bao che, giúp đỡ những việc vặt mà chị nhờ cậy chúng: trông cho một đứa nhỏ tắm táp tử tế, cho nó rửa mặt mũi cẩn thận, ngăn cấm chúng hút thuốc, xé rách quần áo, đánh nhau với thằng Pierô vân vân.

Phần lớn là nhờ có Êkatêrina

Grigôriepna mà ở trại chúng tôi đứa lớn bao giờ cũng yêu đứa bé, và bao giờ cũng đối xử với chúng như người anh cả: âu yếm, cương quyết và ân cần chăm sóc.

11. THẮNG LỢI VỀ CÁI MÁY GIEO HẠT

Càng ngày càng thấy rõ rằng việc phát triển nông nghiệp ở trại thứ nhất của chúng tôi rất khó khăn. Càng ngày chúng tôi càng hướng nhìn về cái trại ấp mới, trên bờ sông Kôlômak, với những vườn cây ăn quả mùa xuân hoa nở rộ tưng bừng, và những cánh đồng đất đen màu mỡ bóng nhẫy.

Song công việc sửa chữa tiến hành hết sức chậm chạp. Những thợ mộc mà chúng tôi sử dụng với một số lượng rất thấp, dựng những nhà tranh thôn quê còn biết làm tạm được, nhưng động đến một kiểu nhà mái phức tạp một chút thì chẳng biết lần mò ra sao nữa. Chúng tôi không tài nào kiếm ra được kính cửa, dù có bạc có vàng cũng chịu, huống hồ chúng tôi lại chẳng có gì. Tuy nhiên đến cuối mùa hè đã có hai hay ba tòa nhà sửa lại trông cũng tươm, nhưng thiếu kính cửa thì không tài nào ở được. Chúng tôi đã tu sửa xong hẳn một vài ngôi nhà nhỏ, nhưng phải để làm chỗ ở cho các thợ mộc, thợ chữa lò và những người canh gác. Chuyển bọn trẻ đến đấy là chuyện

vô nghĩa, vì chưa có các xưởng và chưa có canh tác đi vào nền nếp, thì ở đấy chúng chẳng có công việc gì làm cả.

Các trẻ nuôi của chúng tôi hàng ngày đi sang trại thứ hai, ở đấy chúng làm một phần lớn công tác. Về mùa hè, độ một chục đứa, sống dưới lều vải, trông nom các vườn cây ăn quả. Chúng gửi về trại chính hàng mấy xe lớn đầy ắp lê táo. Nhờ có chúng các vườn cây quả ở trại Trepkơ, dù chưa phải là thực sự giồng giọt, nhưng trông cũng có vẻ tạm được.

Dân làng Gôntsarôpka đã rất đỗi ngạc nhiên thấy có những người chủ mới đến ở cái trại đổ nát mà lại là những người chủ tiếng tăm xấu và rách rưới đến thế, đồng thời cũng khả nghi nữa. Một sự

bất ngờ cho tôi, là cái phiếu cấp cho chúng tôi sáu mươi đêxiatin ruộng đất cơ hồ bỗng trở thành một mảnh giấy trò đùa: vì nông dân đã khai hoang tất cả các ruộng đất của nhà họ Trepkơ từ năm 1917 rồi. Sự phân vân do dự của tôi khiến các ông ở ngoài tỉnh mỉm cười:

- Một khi các anh đã có phiếu, thì còn lầm lẫn gì nữa, ruộng đất là của các anh: các anh cứ việc bắt tay vào mà làm việc đi.

Song Xecgây Pêtrôvich Grêtsany, ông chủ tịch xô-viết thôn, lại có ý kiến khác:

- Ông cũng hiểu việc này có ý nghĩa như thế nào đấy: một khi người

nông dân cần cù đã được ruộng đất, theo đúng sự hợp pháp của pháp luật, thì có nghĩa là họ sẽ vẫn cứ tiếp tục cày cấy. Và nếu sau đó, lại có người nào viết những phiếu phiếc với giấy tờ này khác, thì cái người đó, chắc chắn và nhất định như thế, hắn cầm dao đến đâm vào lưng những người lao động đấy. Cho nên ông cứ để yên tờ phiếu của ông đấy, đừng làm gì cả thì tốt hơn.

Những con đường nhỏ đi sang trại thứ hai đều ăn thông ra sông Kôlômak, và phải qua sông bằng thuyền. Chúng tôi tổ chức điểm vận chuyển của chúng tôi trên sông đó bằng cách đặt một trại viên giữ việc thường trực chở đò ở đấy. Chuyên chở bằng xe tải, và bằng ngựa

nói chung, thì chỉ đi vòng lối cầu Gôntsarôpka mới có thể qua sông được. Ở làng ấy, chúng tôi được một sự tiếp đón khá là hằn thù. Trông thấy đoàn đánh xe lếch thếch của chúng tôi, các trai làng cười gằn:

- Này, các chú đeo tã rách kia! Đến bao giờ thì các chú mới thôi gieo rắc chấy rận lên cầu của chúng tôi hử? Sang bên ấy các chú chỉ mất thì giờ toi! Rồi thế nào người ta cũng có cách tống cổ các chú ra khỏi trại Trepkơ thôi!

Chúng tôi đến ở làng Gôntsarôpka, không phải là với tư thế những người hàng xóm hòa bình, mà với tư thế những kẻ phá quấy và đi xâm chiếm. Ở cái trận địa quân sự ấy, giả thử chúng tôi không

giữ vững thanh thế và không tỏ ra là sẵn sàng chiến đấu, thì thể nào chúng tôi cũng mất ruộng đất và mất luôn theo cả trại. Các nông dân nhận thấy rằng chuyện tranh chấp sẽ không phải giải quyết ở các bàn giấy, mà là ở ngay đây, trên cánh đồng này. Đã ba năm nay họ cày cấy những ruộng đất của họ Trepkơ, và như thế là họ đã có được một thứ thời hiệu, để dựa vào đấy mà phản kháng. Họ phải kéo dài cái thời hiệu ấy cho bằng được, vì tất cả hy vọng thành công của họ đều nằm trong đường lối chính sách đó.

Rập theo đúng cung cách ấy, triển vọng thắng lợi duy nhất của chúng tôi là phải bắt tay vào khai thác những ruộng đất bị tranh chấp càng sớm càng hay.

Trong mùa hè, các trắc lượng viên đã tới đo phần đất của chúng tôi, nhưng họ sợ không dám ló mặt ra ngoài đó với các dụng cụ đo đạc, và chỉ hướng dẫn trên bản đồ cho chúng tôi biết chúng tôi phải vạch đường ranh giới khu đất của chúng tôi qua những rãnh, khe và bụi rậm nào. Cầm tờ biên bản của họ, tôi đi sang Gôntsarôpka, đem theo những đứa trẻ lớn tuổi nhất của tôi.

Chủ tịch xô-viết thôn bây giờ là người quen cũ của chúng tôi, Luka Xêmiônôvich Veckhôla. Bác tiếp đãi chúng tôi rất tử tế, và mời chúng tôi ngồi, nhưng không buồn nhìn đến cả tờ biên bản của các trắc lượng viên.

- Các bạn thân mến ạ, tôi không

làm gì được cả đâu. Bà con nông dân cày cấy đất đó đã lâu rồi. Tôi không thể nào làm thiệt hại cho bà con. Các bạn hãy nên xin một khu đất khác.

Khi các dân làng đẩy cày đến trại chúng tôi, tôi liền cắm một tấm biển, nói rằng trại sẽ không trả công cày trên ruộng đất của chúng tôi.

Tôi cũng chẳng tin tưởng gì vào giá trị của những biện pháp như thế, và tôi không tin chỉ vì tôi bị tê liệt bởi ý nghĩ rằng: phải giành lấy đất ở tay những nông dân, những người nông dân chăm chỉ, họ đang cần đến nó cũng như cần không khí.

Nhưng sau đó ít lâu, một buổi tối, Zađôrôp dắt một thanh niên trong làng

mà tôi không quen biết đến phòng ngủ tìm tôi. Vì một lý do gì đó Zađôrôp có vẻ hết sức kích động.

- Bác hãy nghe hắn nói, hãy nghe hắn nói xem!

Karabanôp vừa nhảy một điệu vũ gôpak[49] theo nhịp lời nói, vừa la ầm cả phòng ngủ lên:

- Ải, ải! Dẫn cái tên Veckhôla ấy tới đây cho ta!

Các trại viên vây quanh chúng tôi.

Người khách trẻ tuổi là một thanh niên Kômxômôn làng Gôntsarôpka.

- Thanh niên Kômxômôn các anh ở làng có nhiều không?

- Chỉ có ba người.

- Không có hơn à?

- Bác ạ, hoàn cảnh chúng tôi khó khăn lắm, anh ta nói. Làng chúng tôi là một làng kulăc, cho nên bác cũng thừa thấy rõ là các trại ấp nắm phần ưu thế. Anh em phái tôi đến nói với bác nên dọn trại bên ấy sang ngay lập tức, rồi mọi sự sẽ xong tuốt, tôi cam đoan với bác thế! Bọn trai nhà bác có chiến đấu tính mạnh đấy. Chà! Giá chúng tôi mà có được những người như các cậu ấy!

- Ừ, nhưng chúng tôi đang có chuyện lôi thôi về ruộng đất.

- Ấy chính vì thế nên tôi mới đến đây. Các bạn cứ dùng sức mạnh mà

chiếm lấy đất. Các bác đừng quản ngại gì cái thằng Luka thô lỗ đỏ lông ấy. Những ruộng đất mà ở ngoài ấy người ta đã cấp cho các bác, bác có biết là của ai không?

- Thế là của ai?

- Nói đi, nói đi, cậu Xpiriđôn!

Xpiriđôn bắt đầu gập các ngón tay lại:

- Của Grêtsany, Anđri Kacpôvich…

- Của ông già Anđri à? Nhưng lão ta đã có một cánh ruộng ở đây.

- Ấy thế đấy… Trong bọn lại còn một tên Grêtsany nữa – Pêtrô, và Ônôpri, một tên Grêtsany khác, rồi Xtômukha,

thằng ở gần nhà thờ… à! phải, tên thánh nó là Xêriôga… lại một tên Xtômukha nữa, thằng Iaptukhơ, và sau cùng là Luka Xêmiônôvich. Đủ rồi đấy. Bọn chúng sáu đứa tất cả.

- Lại có chuyện đến thế được à? Làm sao mà lại ra như vậy? Thế Ủy ban bần nông của các anh để mắt đi đâu?

- Ủy ban của chúng tôi, có ăn thua gì. Nguyên do chuyện như thế này: ruộng đất để lại liền với nhà cửa; người ta họp bàn xem nên dùng làm gì. Nhưng xô-viết thôn là bọn họ, cho nên họ đã đem ra chia nhau. Thế đấy!

- Bây giờ thì là chuyện khác! Karabanôp kêu lên. Mày hãy ngồi cho

vững, thằng Luka nhé!

Hồi đầu tháng chín, tôi ở ngoài tỉnh về. Lúc ấy vào khoảng hai giờ. Chiếc xe ngựa ghế ngang đồ sộ của chúng tôi đi thủng thỉnh. Tôi lắng nghe giọng lầm rầm đơn điệu của Antôn Bratsenkô kể chuyện dài dòng về tính nết con Hung, trong khi óc vẫn nghĩ về các công việc linh tinh của trại.

Bỗng Bratsenkô im bặt, chăm chú nhìn ra xa trên đường cái, rướn người lên, quất ngựa, và xe chúng tôi phóng trên mặt đường đá tảng kêu long sòng sọc. Antôn cứ quất roi lên lưng ngựa luôn tay, xưa nay nó có làm như vậy bao giờ đâu, và nó hét bảo tôi cái gì đó. Mãi rồi tôi mới hiểu được là chuyện gì.

- Bọn trai nhà ta… chúng đã lấy cái máy gieo hạt của họ!

Đến chỗ ngoặt, ở cổng trại, xe chúng tôi vừa vặn tránh được khỏi đâm vào một chiếc máy gieo hạt cũng chạy hết tốc lực, với tiếng sắt tây kêu ầm ầm kỳ lạ. Một đôi ngựa hồng lôi kéo nó đi trong một cuộc xung kích điên cuồng, tiếng xe của chúng rung lên bất thường như sấm càng làm cho chúng hoảng sợ. Cái máy gieo hạt ình ình trụt xuống hết con đường đá, làm sỏi cát rít lên lạo sạo rồi lại nảy ầm ỹ trên đường về trại. Antôn vứt dây cương lại cho tôi, bổ nhào từ trên ghế xuống và chạy theo cái máy gieo hạt. Karabanôp và Prikhôtkô vẫn bám được một cách kỳ lạ vào cái máy đó, ở đầu

dây cương căng thẳng. Bratsenkô vất vả hết sức mới làm cho cái đoàn xe kỳ khu ấy dừng lại được. Giọng nghẹn ngào vì cảm xúc và nhọc mệt, Karabanôp thuật lại cho tôi nghe những việc vừa xảy ra:

- Các cháu đang lát gạch ở sân. Nhìn ra thấy một cái máy gieo hạt đi đến với năm người, đứa nào đứa nấy ăn mặc bảnh bao, dương dương tự đắc. Các cháu ra xem: các người ra khỏi đây đi, các cháu bảo. Các cháu có bốn đứa: ngoài hai cháu, là thằng Tsôbô và… ai nữa nhỉ?

- Xôrôka, Prikhôtkô nói.

- Đúng đấy, Xôrôka. Ra khỏi đây đi, cháu bảo, các người sẽ không gieo

được đâu, đừng có hòng. Ấy thế là một thằng da thiết bì ở bên chúng, nó có vẻ là một thằng lưu đãng du côn, bác ạ… mẹ kiếp! nó quất luôn một ngọn roi vào Tsôbô. Thế là Tsôbô quất lại cho nó một cái vào lợi. Rồi thì thấy gì? Burun ở đâu xông ra với một cái gậy gộc. Cháu, cháu nắm dây cương kìm chặt ngựa chúng, nhưng lão chủ tịch nhảy bổ vào cháu…

- Chủ tịch nào?

- Còn chủ tịch nào? Thằng Luka Xêmiônôvich tóc đỏ của ta ấy chứ ai? Thế rồi Prikhôtkô đá cho nó một cái vào đít, thế là nó ngã chúi mũi vào một luống cày. Cháu bảo Prikhôtkô: nhảy lên máy gieo hạt đi, rồi ta chuồn, tao chuồn với mày! Các cháu chạy như gió cuốn về

Gôntsarôpka, trai làng của chúng nó đứng trên đường, đi lối nào bây giờ?... Cháu quất mạnh ngựa, các cháu xông qua cầu, và sau cùng bổ ra đường cái… Ba đứa nhà ta còn ở lại bên ấy. Không khéo mà chúng nó bị những thằng cha kia giã cho cẩn thận mất.

Karabanôp đang run cả người lên vì phấn khởi chiến thắng. Prikhôtkô vẫn điềm tĩnh, vừa quấn một điếu thuốc lá vừa mỉm cười. Tôi hình dung ra ngay những chương sau của thiên anh hùng ca phi thường ấy: những ủy ban, những cuộc thẩm vấn, tòa án đi lại khám xét…

- Tôi chán ngấy các chú rồi! Các chú lại tống chúng tôi vào chuyện rắc rối nào thế này nữa không biết!

Và Karabanôp, chưng hửng hết chỗ nói vì vẻ không bằng lòng lộ trên nét mặt tôi:

- Nhưng đấy là chúng nó bắt đầu trước…

- Thôi được, các chú về đi, để rồi xem.

Burun đón chúng tôi ở cổng trại. Trán nó nổi lên một cái bướu thâm tím to tướng, và bọn trẻ cười đùa vây lấy nó. Tsôbô và Xôrôka đang rửa ráy, gần một cái thùng đầy nước.

Karabanôp nắm lấy vai Burun:

- Mày đã chẩu được đấy à? Mày cừ thật!

- Mới đầu chúng nó còn chạy theo cái máy gieo hạt, rồi khi thấy là không ăn thua gì, chúng nó mới đuổi chúng tao. Ối trời ơi! Phải biết là phi nước đại nhé!

- Thế chúng nó ở đâu rồi?

- Chúng tao đẩy thuyền qua sông, thế là chúng nó đứng lại trên bờ chửi. Chúng tao để mặc xác chúng nó đấy.

- Ở trại có còn trẻ con ở lại không? tôi hỏi.

- Còn những đứa nhỏ: Tôxka và hai đứa khác. Mấy đứa ấy, thì chúng sẽ không đụng tới đâu.

Một giờ sau, Luka Xêmiônôvich và hai người dân làng khác đến trại. Bọn trẻ

tiếp họ tử tế:

- Đến vì cái máy gieo hạt phải không?

Trong buồng giấy tôi, đám trẻ tò mò đông đến nỗi không còn chỗ mà cựa nữa. Tình thế thật là khó xử.

Luka Xêmiônôvich ngồi vào một chiếc ghế và nói:

- Ông cho gọi những đứa trẻ đã đánh tôi, tôi với hai người khác nữa.

- Ông Luka Xêmiônôvich ạ, thế này nhé, tôi nói. Nếu người ta đã đánh ông, thì ông đi mà kiện ở đâu tùy ý. Bây giờ, tôi sẽ không gọi ai hết cả. Ông hãy cho tôi biết ông còn muốn gì nữa và ông đến đây để làm gì.

- Ông từ chối không gọi chúng nó phải không?

- Tôi từ chối.

- À hà! vậy là từ chối à? Thế thì ta sẽ nói lại chuyện ấy ở nơi khác.

- Được lắm.

- Thế ai sẽ đem trả cái máy gieo hạt?

- Trả cho ai?

- Cho chủ nó.

Bác ta chỉ vào một người có bộ mặt lưu đãng đen thui, tóc rậm rịt, vẻ lầm lì.

- Máy gieo hạt của ông à?

- Phải, của tôi.

- Thế thì thế này: máy gieo hạt của ông, tôi sẽ gửi lên dân cảnh khu, làm vật bắt giữ lại vì không được phép mà đã đem ra làm việc trên cánh đồng của người khác, và tôi yêu cầu ông cho tôi biết tên.

- Tên tôi à? Grêtsany Ônôpri. Nhưng cánh đồng của người khác nào? Đấy là của tôi. Xưa nay nó vẫn là của tôi.

- Ta không cần nói đến chuyện ấy ở đây, bây giờ chúng ta lập biên bản về việc xâm phạm đất đai và đả thương các trẻ nuôi trại, đang làm việc ngoài đồng.

Burun lách ra phía trước:

- Chính lão này đã suýt giết chết

tôi.

- Việc gì đến mày, thằng kia?... Giết chết mày à? Chả bõ bẩn tay!

Đi vào cái giọng như vậy câu chuyện kéo dài rất lâu. Tôi quên giờ ăn bữa sáng, rồi giờ ăn bữa chiều; hiệu lệnh tắt đèn lửa trong trại đã đánh rồi, mà cuộc họp vẫn tiếp tục; giữa chúng tôi và nhóm dân làng vẫn cứ trao đi đổi lại những câu nói khi ôn hòa, khi khích động và đe dọa, khi hóm hỉnh và mỉa mai.

Tôi giữ thái độ kiên quyết, không trả lại máy gieo hạt và đòi viết biên bản. May được cái mấy người dân làng không mang một hình tích gì về trận đánh nhau, còn mấy trại viên thì phô trương các vết

thâm tím và xây xát của chúng ra.

Zađôrôp quyết định việc tranh chấp. Hắn đập tay lên bàn và diễn thuyết như thế này:

- Này bỏ rơi đi thôi, các bố trẻ ạ! Đất là của chúng tôi, và các ông đừng nên gây chuyện lôi thôi với chúng tôi là hơn. Các ông sẽ không đặt chân vào cánh đồng của chúng tôi được đâu. Chúng tôi đây năm mươi người, và toàn là những tay sừng sỏ cả.

Luka Xêmiônôvich suy nghĩ hồi lâu, rồi sau cùng vuốt râu, nói giọng è è:

- Được… Thôi thì ma quỷ bắt các chú đi. Nhưng ít nhất các người cũng hãy trả công cày cái đã.

- Không, tôi lạnh lùng đáp. Tôi đã báo trước các ông.

Lại im lặng.

- Thôi, đồng ý, vậy trả lại máy gieo hạt đi.

- Ông hãy ký vào biên bản của các trắc lượng viên.

- Được… Đưa đây ký.

Sang thu, chúng tôi cũng cứ gieo lúa hắc mạch ở trại thứ hai. Ai cũng là nhà nông học cả. Kalina Ivanôvich hiểu biết ít về nông nghiệp, những người khác lại càng hiểu biết ít hơn, nhưng ai ai cũng thích thú được làm việc với bắp cày và máy gieo hạt, chỉ trừ có Bratsenkô. Nó làm việc vất vả và ghen với người khác,

nguyền rủa ruộng đất, lúa hắc mạch và những háo hức nông nổi của chúng tôi:

- Lúa mì làm chưa đủ, chúng lại còn muốn lúa hắc mạch!

Đến tháng mười, tám đêxiatin đất đã phủ màu xanh sáng sủa của những mầm non. Kalina Ivanôvich hãnh diện chìa cái can đầu bịt cao su về chân trời phía đông mà nói:

- Về phía đó, mày ạ, phải gieo biển đậu. Biển đậu là một thứ cây tốt.

Con Hung và con Thổ-phỉ suốt ngày cày đất tiếp vụ xuân, và mỗi buổi chiều Zađôrôp trở về mệt nhọc, bụi bám đầy người.

- Tao chán ngấy! cái công việc

dân quê này mệt lắm. Tao trở về lò rèn đây.

Việc đang làm nửa chừng thì tuyết xuống. Bước đầu làm được như thế cũng là dễ chịu.

12. BRATSENKÔ VÀ ÔNG ỦY VIÊN CUNG CẤP LƯƠNG THỰC

Sự phát triển nông nghiệp của trại chúng tôi tiến hành theo một quá trình đầy những sự kỳ lạ và thử thách. Thực kỳ lạ mà Kalina Ivanôvich, vì cố đấm ăn xôi mà quấy rầy mọi người, nhân dịp thanh toán một cơ quan nào đó, đã xin cho bằng được một con bò cái già, nó

“bẩm sinh chẳng biết đẻ đái gì cả”, theo chính lời bác nói. Cũng kỳ lạ rằng chúng tôi được một cơ quan kinh tế cực đoan nọ, chỉ có quan hệ rất xa xôi với chúng tôi, lại cho chúng tôi một con ngựa cái đen, cũng già không kém, ỏng bụng, bất kham và dở hoắc. Cũng kỳ lạ rằng những xe chở hàng bốn bánh, xe araba [50], và cả một chiếc phaêtông[51] nữa, đã xuất hiện trong các nhà xe của chúng tôi. Chiếc xe sau này, kiểu song mã, trông rất đẹp, hợp với thị hiếu của chúng tôi hồi đó, và rất là tiện dụng, song chẳng có sự kỳ lạ nào có thể kiếm ra cho chúng tôi được một đôi ngựa tương xứng với nhau hết.

Mã phu trưởng của chúng tôi là Antôn Bratsenkô, thay chân cho Gut, chuyển sang xưởng đóng giày. Là một gã rất cương quyết và đầy tự ái, Antôn Bratsenkô đã phải trải qua nhiều phút đắng cay khi ngự trên ghế cỗ xe đặc biệt ấy, mỗi lần nó phải chỉ huy một cặp gồm có con Hung, ngựa tồi gầy đét, cao ngỏng, và con ngựa cái đen, béo lùn và khập khiễng, mà nó đã đặt tên cho là Thổ-phỉ một cách hết sức oan uổng. Thổ-phỉ cứ đi mỗi bước lại khuỵu xuống, có khi lăn kềnh ra đất ở ngay giữa thành phố, phá tan mất cả sự uy nghi tề chỉnh của cỗ xe, mà Antôn phải làm thế nào phục hồi lại cho được, dưới những lời trêu ghẹo nhạo báng của những anh em xà

ích và bọn nhãi trên hè phố. Thường thì Antôn chịu không nổi những lời chế giễu ấy và quay ra đánh nhau hùng hổ với những khán giả không mời mà đến đó, như thế càng làm cho các chuồng ngựa của trại Gorki thêm mất uy tín.

Antôn Bratsenkô rất thích đả nhau trong bất cứ trường hợp nào; còn nói đến chuyện cãi lộn thì nó đánh bại mọi địch thủ, vì trong các cuộc đấu khẩu ấy nó có sẵn cả một kho dồi dào những tiếng thích hợp, những giọng lưỡi nhục mạ và những điệu bộ rất tài tình.

Nó không phải là một đứa trẻ vô thừa nhận. Bố nó làm bánh mỳ ở ngoài tỉnh, nó có mẹ, và là con một của những bậc cha mẹ đáng kính ấy. Nhưng ngay từ

những năm còn nhỏ, nó đã chán ghét nhà cửa, nó chỉ về đấy để ngủ thôi, và đánh bạn thân thiết với những con nhà lêu lổng và kẻ cắp ngoài tỉnh. Nó đã tỏ ra một tay xuất sắc trong nhiều chuyện phiêu lưu táo bạo và thú vị, đã nhiều lần bị giam tạm, để sau cùng sa vào trại chúng tôi. Nó chưa quá mười lăm tuổi, bảnh trai, tóc uốn quăn, mắt xanh lam, thân hình đều đặn. Antôn cực kỳ thích thú thổ lộ tâm tình và không thể chịu ngồi cô độc được lấy một lúc. Không biết nó đã học được ở đâu để biết đọc, nó thuộc tất cả các truyện phiêu lưu từ đầu đến cuối, nhưng muốn gì thì gì nó cũng nhất định không chịu học hành, thành thử tôi bắt buộc phải cưỡng bức nó ngồi vào bàn học.

Hồi đầu nó bỏ trốn luôn, nhưng rồi hai ba hôm sau lại trở về trại, tuyệt nhiên không nghĩ gì là mình đã phạm lỗi cả. Nó cũng có cố gắng chống đối lại bản tính lưu đãng của nó và yêu cầu tôi.

- Bác Antôn Xêmiônôvich, xin bác cứ nghiêm ngặt với cháu hơn nữa, nếu không thì thể nào cháu cũng sẽ trở thành một thằng ăn mày mất.

Ở trại nó không ăn cắp cái gì bao giờ, nó thích bênh vực chính nghĩa, nhưng nó hoàn toàn không thể nào hiểu được sự hợp lý của kỷ luật, nó chỉ chấp nhận kỷ luật chừng nào nó đồng ý được với sự bắt buộc này hay bắt buộc nọ, trong từng trường hợp cá biệt mà thôi. Nó chẳng thừa nhận một nghĩa vụ hay

một qui tắc nào của trại hết thảy, và không hề giấu giếm gì sự đó. Nó có nể sợ tôi một tí, nhưng không bao giờ chịu nghe cho đến hết lời, ngay cả những câu tôi trách mắng nó. Nó ngắt lời tôi bằng cả một thôi hùng biện hăm hở, bao giờ cũng kể tội những kẻ thù rất đông của nó về đủ mọi sự bất công, đổ lỗi cho chúng là nịnh hót tôi, bảo chúng là những đứa vu cáo, những đứa bất lực, giơ roi đe dọa những kẻ thù vắng mặt, rồi tức giận sôi lên sùng sục, nó bước ra khỏi buồng giấy tôi, đóng sầm cửa lại. Đối với các giáo viên nó thô lỗ không thể nào chịu được, nhưng trong sự thô lỗ ấy vẫn có một vẻ gì dễ thương, khiến các giáo viên không lấy làm giận. Giọng nói của nó

không có gì là đểu cáng. Cả đến ác ý cũng không, vì trong đó bao giờ cũng nổi lên rõ rệt một nhiệt tình đầy nhân tính, và nó không bao giờ cãi lộn với ai vì những động cơ ích kỷ.

Lòng yêu thích ngựa và nghề mã phu không bao lâu đã trở thành nguyên tắc chỉ đạo hành vi xử sự của nó. Khó mà hiểu được nguồn gốc của cái tình yêu đó. Do sự giáo dưỡng của bản thân, nó hơn hẳn một số lớn các trại viên khác, cho nên nó nói rất đúng ngôn ngữ thành thị, mà nó tô điểm thêm bằng một vài tiếng Ukren, hoàn toàn chỉ để làm điệu mà thôi. Nó cố gắng ăn mặc chỉnh chện, đọc sách nhiều và thích nói đến quyển sách nó đang đọc. Và tất cả những cái đó

không ngăn cản nó lăn lóc ngày đêm ở chuồng ngựa, lúc nào cũng đang bận hót phân, đóng ngựa rồi lại tháo ngựa, cọ bóng một cái đai hậu hay một cái dây cương ngắn, bện một cái dây buộc roi, đánh xe đi bất kỳ thời tiết nào ra ngoài tỉnh hay sang trại thứ hai, mà bụng lúc nào cũng rỗng không, vì bữa sáng cũng như bữa chiều, chẳng bao giờ nó về kịp giờ ăn hết, và nếu người ta có quên để phần cho nó, nó cũng chẳng buồn nhớ tới.

Nó cứ luôn luôn chêm vào hoạt động của nó những trận cãi cọ không dứt với Kalina Ivanôvich, với anh em thợ rèn, thủ kho, và tất nhiên là với tất cả những người muốn đi xe. Mỗi lần có lệnh thắng xe đi bất cứ đâu, nó chỉ chịu thi

hành sau khi đôi co một hồi lâu, hạch tội tàn ác đối với ngựa và nhắc đi nhắc lại cái chuyến con Hung hay con Nhãi-ranh trở về trại bị thương ở cổ; nó đòi phát thêm cỏ và cho sắt để làm móng ngựa. Có khi không làm thế nào mà đi được khỏi trại, chỉ vì không tìm đâu thấy Antôn với ngựa nghẽo, cũng không thấy dấu vết chúng nó ở đâu hết thảy. Một nửa số người của trại đâm bổ đi lùng hồi lâu, rồi người ta tóm được chúng hoặc ở bên Trepkơ, hoặc ở cánh đồng cỏ của những nhà hàng xóm.

Antôn lúc nào cũng có cả một bộ tham mưu trẻ nhỏ vây quanh, chúng say mê nó cũng như nó say mê ngựa. Nó bắt chúng phải theo một kỷ luật rất nghiêm,

cho nên trong chuồng ngựa có một trật tự gương mẫu; chuồng lúc nào cũng sạch sẽ, các bộ yên cương treo bộ nào chỗ ấy, những xe tải đồ sắp hàng ngay ngắn, những xác chim sáo sậu[52] treo trên các đầu ngựa, còn ngựa thì con nào con nấy chải chuốt cẩn thận, bờm tết bím và đuôi búi lại.

Một buổi tối vào tháng sáu, đêm đã khuya, bỗng một trại viên từ phòng ngủ chạy xuống buồng tôi:

- Kôdia ốm, sắp chết…

- Chú nói gì? Sắp chết à?...

- Vâng, bác ấy chết đến nơi: sốt nóng hầm hập và bác ấy không thở được nữa.

Êkatêrina Grigôriepna xác nhận rằng Kôdia phát chứng đau tim, và thế nào cũng cần phải có thầy thuốc ngay tức khắc. Tôi cho đi tìm Antôn. Nó đến, chưa chi đã sẵn sàng phản kháng trước bất cứ mệnh lệnh nào của tôi ban cho nó.

- Antôn, thắng xe ngay, phải đi ra tỉnh, sớm phút nào hay phút ấy…

Nó không cần để cho tôi nói hết lời.

- Tôi chẳng đi đâu cả, và tôi sẽ không cho ngựa của tôi đi đâu hết!... Họ đã bắt chúng nó chạy suốt ngày, bác ra mà xem, chúng nó đã ráo mồ hôi đâu… Tôi không chịu!

- Đây là để đi tìm bác sĩ, chú hiểu không?

- Tôi cần cóc gì những bệnh nhân của bác, con Hung cũng ốm đấy, vậy mà người ta có tìm bác sĩ đến cho nó đâu.

Tôi nổi xung lên:

- Giao ngay chuồng ngựa lại cho Ôpriskô! Không thể nào làm việc với chú được!...

- Thì tôi sẽ giao, việc gì mà rộn! Để tôi xem bác với Ôpriskô cho các xe pháo đi đứng ra sao. Bất cứ ai nói chuyện gì, bác cũng tin họ: bác ta ốm, bác ta sắp chết. Mà chả để ý gì đến ngựa cả, ngựa, chúng nó cũng có thể chết… Thì đấy, cho chúng nó chết, nhưng tôi không để cho thắng xe đâu.

- Chú đã nghe tôi nói chưa? Từ

nay chú không phải là mã phu trưởng nữa, chú hãy giao chuồng ngựa lại cho Ôpriskô, ngay lập tức!

- Thì được… rồi ai muốn cho ngựa thì cứ việc, còn tôi, tôi chẳng muốn sống ở cái trại này nữa.

- Nếu thế thì chú đừng ngại gì hết, chẳng ai giữ chú lại đâu!

Antôn mắt đẫm lệ, thọc tay vào túi áo sâu, rút ra một chùm chìa khóa, để lên bàn. Ôpriskô, cánh tay phải của Bratsenkô, bước vào và ngạc nhiên nhìn anh trưởng của mình đang khóc. Bratsenkô khinh bỉ nhìn hắn, toan nói câu gì, nhưng rồi chỉ quệt mũi và bước ra.

Nó bỏ trại đi ngay đêm hôm đó, mà

không qua phòng ngủ. Ngồi trên xe đi ra tỉnh tìm bác sĩ, chúng tôi trông thấy nó đi trên mặt đường: nó không yêu cầu chúng tôi cho lên xe, và hất tay gạt lời mời của chúng tôi.

Hai hôm sau, buổi tối, Ôpriskô đâm bổ vào phòng tôi, khóc lóc và mặt bê bết máu. Tôi chưa kịp hỏi nó có chuyện gì xảy ra, thì Liđia Pêtrôpna, trực nhật ngày hôm ấy, đã chạy tới, kinh hoảng hết sức:

- Bác Antôn Xêmiônôvich, bác xuống chuồng ngựa mà xem: thằng Bratsenkô nó đang làm loạn cả lên, không còn hiểu ra làm sao nữa…

Dọc đường xuống chuồng ngựa, chúng tôi gặp thằng Fêđôrenkô to béo,

mã phu phó, đang kêu rống lên:

- Chú làm sao thế?

- Làm sao… Nó lại dám láo thế chứ! Nó đã vớ lấy dây thắng ngựa, quật thẳng cánh vào giữa mặt tôi!

- Ai chứ? Bratsenkô à?

- Bratsenkô chứ còn ai!

Ở chuồng ngựa, tôi thấy Bratsenkô cùng với một chú mã phu khác đang làm việc khẩn trương. Nó chào tôi một cách lạnh lẽo, nhưng vừa trông thấy Ôpriskô sau lưng tôi, nó quên liền là có tôi ở đấy, và nhảy xổ vào hắn:

- Mày đừng có mà trở về đây nữa thì hơn, kẻo không xong với tao, tao trần

cho mày với cái yên này. Gớm mặt! Ông lớn thích ngự xe cơ! Bác xem thử nó đã làm cho con Hung ra làm sao!

Antôn một tay cầm cái đèn lồng kính, một tay kéo tôi đến chỗ con ngựa. Quả thật bướu vai con vật bị thương nặng, nhưng vết thương đã có một mảnh vải trắng phủ lên; Antôn nhẹ nhàng nhấc mảnh vải lên, rồi lại đặt lại như cũ.

- Tôi đã rắc thuốc Xêrôformơ, nó nghiêm chỉnh nói.

- Nhưng chú lấy quyền gì mà tự ý vào chuồng ngựa, gây gổ đánh nhau, tàn sát?

- Bác tưởng đã xong chuyện nó à? Nếu nó vô phúc còn để cho tôi bắt

gặp, thì nó cứ liệu cái thần xác nó; nhất định thế!

Đám trại viên đứng ở cửa chuồng ngựa cười phá cả lên. Tôi cũng không nỡ giận Antôn: nó quá sức tin tưởng ở lẽ phải về phần nó và con ngựa.

- Nghe đây, Antôn, vì tội đánh người, đêm nay chú sẽ phải giam ở buồng tôi.

- Tôi làm gì có thì giờ chứ?

- Đừng có lắm điều! tôi quát lên.

- Thôi, cũng được, lên đấy để mà bó tay chẳng làm được việc gì…

Đêm ấy ở phòng tôi, nó bực dọc đọc sách.

Mùa đông năm 1922 đem lại cho cả nó và tôi những ngày nặng nề. Lúa mạch mà Kalina Ivanôvich đã gieo trên cát xốp, không phân bón, hầu như chẳng được hạt mà cũng chẳng được cả rơm. Chúng tôi chưa có cánh đồng cỏ. Sang tháng giêng, chúng tôi hết nhẵn cả rơm cỏ. Chúng tôi bắt đầu xoay sở gặp chăng hay chớ, đi xin rơm ở ngoài tỉnh hoặc ở những nhà hàng xóm, nhưng chẳng bao lâu người ta không cho chúng tôi nữa. Tha hồ cho Kalina Ivanôvich và tôi đi đập cửa ở khắp các phòng giấy, chỉ mất công toi.

Sau cùng tai họa đến. Bratsenkô khóc báo tin cho tôi biết rằng từ hai hôm nay ngựa chẳng có gì ăn. Tôi im lặng. Vừa

khóc vừa nguyền rủa, Antôn quét chuồng ngựa, nhưng đó là công việc độc nhất còn lại cho nó. Ngựa nằm lăn ra sàn, chủ chúng nó đặc biệt nhấn mạnh điểm đó.

Hôm sau Kalina Ivanôvich ở tỉnh trở về, cáu kỉnh và rất chán nản.

- Anh bảo làm thế nào?... Họ chẳng cho gì cả... làm thế nào?

Antôn đứng gần cửa, không nói gì hết.

Kalina Ivanôvich dang hai cánh tay và nhìn nó:

- Đi ăn cắp, hay làm gì? Bây giờ mày làm thế nào?

Giống vật, nó có biết kêu ca đâu.

Antôn đẩy mạnh cửa, nhảy phắt ra ngoài. Một giờ sau người ta nói với tôi rằng nó đi rồi.

- Đi đâu?

Nào ai biết được! Nó chẳng bảo gì ai hết.

Hôm sau, nó trở về trại, dắt theo một người dân làng đánh một xe rơm. Người đó mặc một chiếc áo ngoài mới, đầu đội một chiếc mũ đẹp không vành. Những đùm xe lắp khít quay nghe lắc cắc êm tai. Ngựa con nào con nấy lông bóng mượt. Người nông dân ngỡ Kalina Ivanôvich là người phụ trách ở đây.

- Cậu này gặp ở đường, bảo tôi rằng ở đây nhận thuế bằng hiện vật.

- Cậu nào?

- Thì cái cậu đứng đây kia... Tôi đến đây cùng với cậu ta.

Antôn thò đầu ra khỏi chuồng ngựa, và nhấm nháy ra hiệu khiến tôi không tài nào hiểu ra làm sao cả.

Kalina Ivanôvich vừa ngậm tẩu vừa mỉm cười ranh mãnh và ngượng ngập, kéo riêng tôi ra một bên.

Anh làm thế nào được bây giờ? Chỉ có việc là hãy cứ lấy đi, rồi sau sẽ liệu.

Sau cùng tôi hiểu chuyện.

- Có bao nhiêu đây?

- Có thể đến hai mươi pút. Tôi chưa cân.

Antôn bước ra và cãi:

- Đi đường ông ấy bảo là mười bảy cân, mà bây giờ lại là hai mươi à? mười bảy pút.

- Dỡ xuống, rồi qua các phòng giấy của chúng tôi để ký.

Các phòng giấy của chúng tôi, nghĩa là cái văn phòng tí xíu mà hồi đó tôi xén vào các buồng của trại. Lên đấy, tôi đưa bàn tay tội lỗi ghi lên giấy có in tiêu đề: nhận của người công dân Vatz Ônufri, về khoản nộp cỏ rơm đóng thuế bằng hiện vật; rơm lúa mạch. Mười bảy pút. Ký tên. Đóng dấu.

Vatz Ônufri cúi rạp mình xuống chào và tìm ra được lời lẽ này nọ để cảm ơn.

Bác ta đi rồi, Bratsenkô, được cả bầy trẻ giúp sức, làm việc ở chuồng ngựa rất vui vẻ, và nó còn hát nữa. Kalina Ivanôvich xoa hai tay và mỉm cười với một vẻ phạm tội.

- Thật chó chết, rồi anh sẽ bị gẫy vì cái chuyện này, nhưng mà làm thế nào được? Không thể để mặc cho súc vật chết. Chúng nó là của Nhà nước, vậy thì đâu cũng vào đấy cả...

- Nhưng tại sao cái nhà bác kia lại ra về vui vẻ thế nhỉ? tôi hỏi Kalina Ivanôvich.

- Hừ, anh cho là thế nào? Nếu không thì hắn ta sẽ phải đưa ra tỉnh với đoạn đường dốc phải leo qua, rồi còn

phải đứng xếp hàng đợi ở ngoài ấy, thế mà ở đây thì, cái đồ ăn hại ấy, nó nói: mười bảy pút đấy, chẳng ai kiểm tra gì cả, mà không biết chừng chỉ có được mười lăm.

Hai hôm sau một xe cỏ khô đi vào sân trại chúng tôi.

- Đây là để đóng thuế bằng hiện vật. Bác Vatz đã đem nộp ở cơ quan các ông...

- Tên bác là gì?

- Tôi à, tôi cũng là một người trong họ Vatz, y như thế, Xtêpan Vatz.

- Xong ngay.

Tôi đi tìm Kalina Ivanôvich để hội ý.

Tôi gặp Antôn trên bực tam cấp.

Người kia đã chỉ đường cho hắn, cho nên bây giờ...

- Cứ nhận đi, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, rồi ta sẽ giải thích rõ sau.

Nhận thì cũng dở, mà không nhận cung rầy. Người ta sẽ thắc mắc rằng tại sao họ nhận của bác Vatz này mà lại từ chối của bác Vatz kia.

- Chú ra nhận cỏ khô, trong khi tôi viết biên lai.

Và chúng tôi còn nhận thêm hai xe lớn cỏ rơm và bốn mươi pút lúa mạch.

Sống dở chết dở, tôi đợi chờ sự

trừng phạt: Antôn thường chăm chú nhìn tôi, góc mép điểm một nụ cười kín đáo. Ngược lại, nó chấm dứt cuộc đấu tranh với tất cả những người cần dùng sức ngựa kéo, nhanh nhảu thi hành mọi mệnh lệnh vận chuyển và làm việc khỏe thành thần ở chuồng ngựa.

Sau cùng tôi nhận được một công văn ngắn gọn nhưng rõ ràng, yêu cầu nói rõ chuyện:

- Cho biết ngay với danh nghĩa gì trại Gorki thu thuế bằng hiện vật.

Ủy viên khu cung cấp lương thực: *Agêep*

Tôi không nói năng gì về tờ công văn ấy, ngay cả với Kalina Ivanôvich. Tôi

cũng không trả lời. Tôi trả lời thế nào cho được?

Sang tháng tư, một cái xe caleso[53] do một đôi ngựa ô kéo như bay, chạy vào sân trại, và cũng nhanh không kém gì xe, Bratsenkô hoảng hốt chạy vào phòng giấy tôi.

- Ông ấy đến kia kìa, nó nói, thở không ra hơi.

- Ai thế?

- Chắc là về chuyện rơm... Trông ông ta ác lắm

Nó ngồi sau lò sưởi, im thin thít.

Ông ủy viên cung cấp lương thực dáng người bình thường: áo vét da, súng

lục đeo bên, người con trẻ và ăn mặc chỉnh chện.

- Ông là giám đốc phải không?

- Phải, tôi.

- Ông có nhận được công văn tôi yêu cầu giải thích không?

- Tôi có nhận được,

- Tại sao ông không trả lời? Có lý nào thế, để cho tôi phải thân hành đi! Ai đã cho phép ông thu thuế bằng hiện vật?

- Chúng tôi đã thu thuế mà không được phép.

Ông ủy viên nhảy chồm lên khỏi ghế và la lên:

- "Mà không được phép" là thế nào? Ông có biết như vậy thì đi đến đâu không? Tôi có thể bắt ông ngay lập tức, ông có biết không?

- Tôi có biết.

- Ông làm cách nào thì làm cho xong chuyện đi, tôi nói với ông ta bằng một giọng trầm trầm. Tôi không tìm cách biện bạch, mà cũng không cãi bướng. Nhưng ông đừng kêu rầm lên. Ông thấy cần phải làm gì thì xin cứ làm.

Ông ta đi lại như chạy, theo con đường chéo góc của cái văn phòng tồi tàn của tôi.

- Quái quỷ, như thế này là nghĩa lý gì kia chứ! ông ta càu nhàu, như nói

một mình, vừa nói vừa thở hồng hộc như ngựa.

Antôn từ sau lò sưởi bước ra, nhìn theo từng cử chỉ của ông ủy viên đang tức giận điên người. Bỗng nó cất tiếng ve ve như con bọ dừa, bằng một giọng nữ trầm nho nhỏ:

- Thuế bằng hiện vật hay thuế gì khác nữa, thì cũng chẳng ai nhìn nhõ kỹ hơn chúng tôi vào đấy làm gì, nếu không vì mấy con ngựa đã bốn ngày liền không có cái ăn. Giá thử những con ngựa đen bóng của ông, trong thời gian ấy, mà phải đọc báo trừ cơm cháo, thì xin hỏi ông liệu chúng có thể đưa ông tới trại chúng tôi nhanh thế được không?

Agêep ngạc nhiên đứng lại:

- Chú là ai, hở? Chú đến đây làm gì?

- Đấy là mã phu trưởng của chúng tôi; việc này có liên quan ít nhiều đến bản thân chú ấy.

Ông ủy viên lại phóng nước đại đi đi lại lại trong phòng, rồi đột ngột dừng lại trước mặt Antôn:

- Ít nhất thì các anh cũng đã có ghi số có rơm ấy vào khoản thu chứ? Hử con khỉ!...

Antôn nhảy chồm lại bàn tôi và thì thầm bằng một giọng lo sợ:

- Đã có ghi vào khoản thu chứ,

bác Antôn Xêmiônôvich?

Tôi phì cười và Agêep cũng vậy.

- Đã ghi rồi.

- Ông tìm ở đâu ra một chú bé giỏi thế?

- Chúng tôi đào tạo chúng ra như vậy đó, tôi mỉm cười trả lời.

Bratsenkô nghếch mắt nhìn lên ông ủy viên cung cấp lương thực và hỏi ông, giọng nghiêm chỉnh và niềm nở:

- Thưa có phải cho đôi ngựa đen của ông ăn không ạ?

- Ừ, chú cho ăn được đấy.

13. ÔTXATSI

Mùa thu và mùa đông năm 1922 ở trại Gorki đầy dẫy nhưng biến động ghê gớm. Những biến động ấy hầu như là nối tiếp nhau không ngừng, và hiện nay chúng còn ràng buộc với nhau trong tri nhớ tôi như một mớ tai ương duy nhất.

Tuy nhiên, mặc dầu có nhiều bi kịch đến như vậy, những ngày đó vẫn là những ngày trưởng thành, về phương diện kinh tế của trại cũng như về tình hình sức khỏe của chúng tôi. Làm sao tất cả những cái đó lại có thể đồng thời tồn tại một cách tự nhiên được, ngày nay tôi cũng chịu không tài nào giải thích nổi, nhưng sự thực là như thế. Mỗi ngày bình thường ở trại chúng tôi hồi ấy là một ngày đẹp

đẽ, đầy tràn sức lao động, sự tin cẩn, tình ý bạn bè nhân đạo, và luôn luôn đầy những tiếng cười, những câu bông đùa, với nhiệt tình và lòng hăng hái tốt đẹp nhất. Nhưng không có tuần lễ nào là không xảy ra một chuyện hoàn toàn không thể tin được, để ghìm chúng tôi xuống một cái hố mở rộng, hút chúng tôi vào một cơn lốc biến cố, ghê sợ đến nỗi nó khiến chúng tôi hầu như mất cả ý niệm thông thường về sự vật, giống như những người ốm cảm giác thấy thế giới ngoại vật thông qua những cân não phát viêm của mình.

Nạn bài Do-thái phát sinh ở trại một cách bất ngờ. Từ trước cho đến bấy giờ trong trại không có ai là người Do-thái.

Người thứ nhất được gửi tới cho chúng tôi là vào mùa thu; rồi sau lẻ tẻ đến thêm vài trại viên nữa. Một đứa trong bọn không biết vì sao trước kia đã làm việc ở cục Cảnh vụ, ấy thế là sự tức giận man rợ của các trại viên cũ nổi lên chống nó trước tiên.

Trong những biểu hiện bài Do-thái ấy, mới bắt đầu tôi còn chưa phân biệt được đứa nào phạm tội nhiều hay ít. Những trại viên mới đến bài Do-thái chỉ vì chúng thấy có những nạn nhân vô tội cho chúng hành hạ để thỏa mãn bản tính vô lại của chúng, còn những đứa khác thì là vì có nhiều cơ hội hơn để tiêu khiển và ra oai anh hùng rơm, lấy bọn Do-thái làm bung xung.

Nạn nhân thứ nhất tên là Ôxtrômukhôp.

Nó bị chúng đánh bất cứ lúc nào và có khi chẳng vì một mảy may lý do nào hết. Đả nó, luôn luôn lừa gạt nó, tước đoạt của nó một cái thắt lưng đẹp hoặc một đôi giày tốt và đổi cho nó một của vứt đi gì đó, dàn xếp mánh khóe cho nó mất ăn hoặc làm hư hỏng khẩu phần của nó, hành hạ nó từ sáng đến tối, chửi mắng nó, và, tệ hại hơn hết, đặt nó vào tình trạng liên tục bị khủng bố và khinh bỉ, đó là cái số phận mà các trại viên dành cho không những một mình thằng Ôxtrômukhôp, mà cả cho thằng Snaiđe, thằng Glaize, và thằng Krainik. Chống lại tình trạng ấy thật là thiên nan vạn nan.

Mọi hành động đều được làm hết sức bí mật, cẩn thận chu đáo, và không sợ gì hết, vì cái lý do chính là bọn Do-thái, sợ hãi chết người, không dám lên tiếng kêu ca. Chỉ có thể gián tiếp phỏng đoán tình hình, do vẻ ngoài của chúng ủ rũ, sự câm lặng và thái độ chúng hoảng hốt; ngoài ra, có những lời đồn đại thoát ra từ những nguồn gốc xa xôi nhất, nhờ những cuộc chuyện trò thân mật giữa đám trẻ dễ cảm xúc nhất với các giáo viên.

Tuy nhiên, đối với các nhà giáo, cũng không thể nào che giấu được hoàn toàn cái tình trạng cả một nhóm trại viên nhất thiết bị dồn vào cái thế làm nô lệ, và rồi cũng đến một thời kỳ mà nạn bài Do-thái bùng lên ở trại không còn là một sự bí

mật đối với ai hết thảy. Chúng tôi lập danh sách những đứa hay hành tội. Thì tất cả chẳng phải ai xa lạ: Burun, Michiaghin, Vôlôkhôp, Prikhôtkô, nhưng thằng Ôtxatsi và thằng Taranet là hai đứa đầu têu những trò đó.

Tính hoạt bát, láu lỉnh và những tài tổ chức của thằng Taranet đã từ lâu đặt nó vào những hàng đầu trong số các trại viên, song có những đứa lớn tuổi hơn đến sau khiến nó không thi thố được tài năng. Nó bèn quay ra khủng bố bắt nạt bọn Do-thái để thỏa mãn những khuynh hướng trịch thượng của nó. Ôtxatsi là một gã mười sáu tuổi, cục súc, bướng bỉnh, khỏe và rất là bừa bãi. Nó lấy làm kiêu hãnh về cái quá khứ của nó, chẳng

phải vì nó thấy là có gì đẹp đẽ, mà chỉ vì ngoan cố, bởi lẽ đó là quá khứ của nó và cuộc đời của nó chẳng can gì đến ai hết thảy.

Ôtxatsi yêu cuộc sống, và cố gắng không để một ngày nào qua mà không tự tạo cho mình đôi chút vui thú. Về mặt này thì nó không khó tính tí nào và thường thường nó tự thỏa mãn với những cuộc vui chơi ở làng Pirôgôpka ở ngay rìa thành phố và dân số gồm đến một nửa là kulac và tiểu thị dân. Pirôgôpka hồi đó nổi tiếng vì có nhiều con gái đẹp và rượu vôtka lậu: hai món đó là những đối tượng lạc thú chính của Ôtxatsi. Nó có một vệ tinh không rời được là thằng Galatenkô, có tiếng trong khắp trại là

lười và ăn tục.

Ôtxatsi trưng diện một món tóc kỳ quái che lấp cả mắt nhưng tất nhiên đó là một lợi điểm bậc nhất cho nó trong cuộc tranh thủ lòng đoái thương của các cô gái ở Pirôgôpka. Ẩn sau chùm tóc đó, nó nhìn tôi với một vẻ buồn bực và hình như oán ghét, mỗi lần tôi muốn can thiệp vào đời tư của nó: tôi không cho phép nó đi Pirôgôpka và kiên quyết đòi nó phải quan tâm đến trại nhiều hơn.

Ôtxatsi đã ngẫu nhiên thành Đại pháp quan của dân Do-thái. Tôi không tin là nó bài Do-thái. Song sự hoành hành vô tội vạ của nó đối với những nạn nhân không được ai bênh vực khiến nó được thể trổ tài xảo trá và dương oai kiểu anh

hùng nguyên thủy ở trại.

Phải hết sức thận trọng trước khi mở cuộc tranh đấu đường hoàng và công khai với bầy đao phủ ấy: hành động đó trước hết có cái nguy là khiến bọn trẻ Do-thái bị đe dọa báo thù tàn khốc. Dù sao thì Ôtxatsi, và những thằng như nó, cũng sẽ không từ chuyện chơi dao. Hoặc phải làm dần dà từng tí và cẩn thận rất mực, hoặc chấm dứt ngay một cú, bằng một việc mạnh bạo.

Mới đầu tôi theo sách lược thứ nhất. Mục đích của tôi là cô lập hai thằng Ôtxatsi và Taranet. Nhưng thằng Karabanôp, Michiaghin, Prikhôtkô và Burun rất tốt đối với tôi, và tôi hy vọng được chúng giúp đỡ. Song kết quả tối đa

mà tôi thu được về phần chúng chỉ có là thuyết phục chúng đừng đụng chạm đến bọn trẻ Do-thái.

- Bảo vệ chúng đối với ai? Đối với cả trại ư?

- Xêmiôn, chú đừng nói dối. Đối với ai thì chú biết đấy.

- Cho rằng tôi biết nữa, thì rồi sao? Tôi bảo vệ chúng, nếu bác muốn vậy, nhưng tôi không thể xỏ dây lỗ mũi thằng Ôxtrômukhôp mà dắt đi theo, thể nào rồi chúng cũng tóm được nó và càng dần nó tệ hơn.

Michiaghin nói toạc móng heo với tôi:

- Tôi không dính vào chuyện này

đâu, chuyện đó không thích hợp với tôi, nhưng tôi sẽ không làm gì chúng nó hết: tôi không để ý đến chúng.

Trong việc này, Zađôrôp đồng tình với tôi hơn tất cả những đứa khác, nhưng nó không thể nào đương đầu trực diện với một đứa như thằng Ôtxasi.

- Có lẽ phải dùng đến những biện pháp quyết liệt, tôi không biết thế nào. Vả lại chúng nó cũng giấu tôi mọi chuyện, như chúng nó giấu bác. Trước mặt tôi, chúng nó không hành hạ bọn kia.

Tuy nhiên tình cảnh bọn trẻ Do thái càng ngày càng trở nên cơ cực. Mỗi ngày lại thấy có những đứa thâm tím mình mẩy, nhưng khi hỏi thì chúng không chịu

nói tên những đứa nào đánh chúng. Ôtxatsi đi nghênh ngang trong trại, nhìn các giáo viên và tôi một cách thách thức qua chùm tóc ngạo nghễ của nó.

Tôi quyết định tóm bắt ngay lấy sừng con bò mộng và gọi nó lên phòng giấy tôi. Nó nhất thiết chối cãi hết mọi chuyện, nhưng trong thái độ vẫn để lộ ra rằng nó làm thế chẳng qua chỉ vì giữ lễ mà thôi, chứ thực ra nó chẳng coi những ý nghĩ của tôi về nó vào đâu hết.

- Ngày nào chú cũng đánh đập chúng nó.

- Chả có bao giờ, nó nhủng nhẳng đáp lại.

Tôi dọa đuổi nó.

- Thì được, bác cứ tống tôi đi!

Nó biết rất rõ đuổi một người nào ra khỏi trại là một chuyện dài dòng và phiền phức. Phải mất thì giờ đi lại trình bày với Ủy ban, đưa ra hàng đống những bảng câu hỏi và giấy chứng thực, gửi ngay bản thân Ôtxatsi đi thẩm vấn đến hàng chục bận, lại thêm cả đàn cả lũ những người làm chứng nữa.

Ngoài ra, không phải là tôi có chuyện với cá nhân thằng Ôtxatsi. Cả trại theo dõi những hành động anh hùng của nó; có nhiều đứa nhiệt liệt tán thành nó. Đuổi nó đi tức là duy trì vĩnh viễn mối thiện cảm ấy. Những đứa kia sẽ mãi mãi tưởng nhớ thằng Ôtxatsi, người anh hùng chịu khổ, chẳng sợ cái gì cũng chẳng sợ ai, đả bọn

Do-thái và vì những lẽ đó mà bị "sa vào ngục". Vả chăng chẳng phải chỉ có một mình nó ức hiếp bọn Do-thái: thằng Taranet, vốn không phải là một đứa cục súc như loại nó, còn tỏ ra có tài sáng tạo và tinh vi hơn nó nhiều. Taranet không bao giờ đánh bọn trẻ Do-thái, và trước mặt mọi người còn đối xử tử tế với chúng nữa, nhưng ban đêm nó lùa những mẩu giấy vào giữa ngón chân của đứa này hay đứa nọ, đốt lên, rồi lẩn về giường nó và giả vờ ngủ. Hay là nó kiếm một cái tông-đơ, xúi bầy cái thằng đại ngốc nghếch Fêđôrenkô, hoặc một đứa nào khác vào loại nó, húi nửa đầu cho thằng Snaiđe, rồi nói thác rằng tông-đơ hỏng, và lên mặt anh hùng rơm làm tội

thằng bé khổ sở cứ phải chạy theo sau nó, khóc lóc van lạy nó húi nốt đi cho.

Sự giải thoát khỏi tệ nạn đó đến với chúng tôi một cách bất ngờ hết sức và cũng bỉ ổi hết sức.

Một buổi tối cửa buồng giấy tôi mở bật ra, và Ivan Ivanôvich đẩy vào thằng Ôxtrômukhôp và thằng Snaiđe, cả hai đều máu me, khạc ra máu, nhưng ngay đến khóc cũng không dám nữa, vì thói quen sợ sệt.

- Đây là tại thằng Ôtxatsi phải không? tôi hỏi.

Giáo viên trực nhật thuật lại rằng trong bữa ăn tối, thằng Ôtxatsi gây gổ với thằng Snaiđe đến phiên phục vụ o

phòng ăn; nó muốn bắt thằng này đổi khẩu phần cho nó, bắt cho nó một miếng bánh mì khác; sau cùng, viện cớ rằng thằng Snaiđe, trong lúc múc xúp cho nó, đã vô ý làm nghiêng đĩa, và đụng ngón tay vào xúp, nó đã đứng dậy ở bàn ăn rồi trước mặt Ivan Ivanôvich và tất cả các trại viên, nó đã đánh thằng Snaiđe vào giữa mặt. Thằng Snaiđe không chừng rồi cũng nín nhịn, nhưng lại gặp phải giáo viên không phải tay hèn, vả chăng ở trại chưa từng bao giờ có chuyện đánh nhau trước mặt giáo viên trực nhật. Ivan Ivanôvich ra lệnh cho thằng Ôtxasi dời phòng ăn và lên buồng tôi để kiểm điểm về hành động của nó. Ôtxasi sắp bước ra, bỗng lại dừng chân ở cửa và nói:

- Tao lên ông giám đốc, nhưng trước khi lên, tao hãy cho cái thằng chó gio[54] này một trận nên thân cái đã.

Thế là xảy ra một sự kỳ lạ nhỏ. Ôxtrômukhôp, xưa nay vốn là đứa trại viên Do-thái ít có khả năng tự vệ nhất, bỗng nhảy ra khỏi bàn và lăn xả vào thằng Ôtxatsi.

- Tao sẽ không để cho mày đánh nó!

Phần kết thúc cả câu chuyện này là thằng Ôtxasi lập tức đánh ngã gục thằng Ôxtrômukhôp ngay giữa phòng ăn, rồi lúc bước ra, trông thấy thằng Snaiđe đứng nấp sau cửa, nó liền tống luôn thằng này một cái mạnh đến nỗi làm cho

nó gẫy một chiếc răng. Nó không chịu lên buồng tôi.

Ngồi trong phòng giấy tôi, Ôxtrômukhôp và Snaiđe đưa ống tay áo bẩn thỉu của áo mặc ngoài lén chùi máu giây ra khắp mặt, nhưng không khóc, chúng hiển nhiên không còn thiết sống. Tôi cũng tin chắc rằng nếu tôi không giải quyết được ngay tình hình căng thẳng này, thì bọn trẻ Do-thái chỉ còn có lối thoát thân bằng cách đi trốn ngay lập tức, hoặc chuẩn bị chịu cực hình thực sự. Tôi chán nản và hoàn toàn thất vọng vì cái vẻ thờ ơ trước cảnh dã man đó của tất cả các trại viên, kể cả những đứa như thằng Zađôrôp. Lúc này tôi bỗng cảm thấy mình cũng cô đơn như trong những ngày

đầu tiên của trại. Nhưng hồi bấy giờ tôi không trông đợi được sự ủng hộ và đồng tình ở đâu hết thảy; sự cô lập của tôi là tự nhiên và đã được liệu biết trước, song từ đó tới nay tôi đã có thì giờ được nuông chiều quen nết với sự hợp tác thường xuyên của các trại viên mất rồi.

Ngoài hai đứa bị nạn, còn có vài trại viên khác cũng có mặt trong buồng giấy tôi. Tôi bảo một đứa trong bọn:

- Gọi Ôtxatsi lên đây cho tôi.

Tôi hầu như chắc mẩm rằng thằng này sẽ tự mắc vào cạm bẫy của nó bằng cách từ chối không lên, và tôi nhất quyết bắt nó phải lên, dù có phải cưỡng bức bằng mũi súng lục tôi cũng không từ.

Nhưng nó lên, nó lừng khừng bước vào buồng giấy, áo vét-tông vắt vai, hai tay thọc túi quần, và hất đẩy một cái ghế dựa trên lối đi. Taranet đi theo nó. Thằng này làm ra bộ coi tất cả câu chuyện này là thú vị hết sức, và đến đây chỉ cốt để chờ xem một cảnh tượng hãn hữu.

Ôtxatsi nghếch mắt nhìn tôi một cái và hỏi:

- Nào, tôi lên đây... Có chuyện gì

thế?

Tôi chỉ cho nó nhìn hai thằng Ôxtrômukhôp và Snaiđe.

- Chuyện này là thế nào?

- Sao, chuyện này ư? Bác đùa!... Hai con chó gio oắt con. Tôi lại cứ tưởng bác sắp cho tôi xem cái gì hay.

Và nền đất sư phạm bỗng sụp đổ vang ầm như sấm động dưới chân tôi. Tôi lại thấy mình chơi vơi giữa khoảng không. Cái bàn tính đồ sộ nằm trên bàn tôi bay vút tới đầu thằng Ôtxatsi. Tôi ném nó hụt, cái bàn tính lách cách va vào tường và rơi sầm xuống sàn nhà.

Điên tiết hết sức, tôi tìm một vật gì nặng trên bàn, rồi đột nhiên hai tay tôi

nắm chắc lấy một cái ghế dựa, và cứ thế tôi xông vào thằng Ôtxatsi. Thằng này phát hoảng; chạy tuốt ra cửa, nhưng cái áo vét tông của nó trên vai tuột xuống, làm vướng chân nó khiến nó ngã xoài.

Tôi chợt tỉnh lại; có một người nào giữ lấy vai tôi. Tôi quay lại: Zađôrôp mỉm cười nhìn tôi:

- Cái thằng chó chết ấy chẳng bõ giận!

Ôtxatsi ngồi bệt trên mặt sàn, khóc lên nức nở. Taranet, mặt tái xanh, môi run lập cập, nép giấu mình vào khuôn cửa sổ.

- Cả mày nữa, mày cũng đã giở trò hành hạ những đứa trẻ kia!

Taranet nhảy ngay ra khỏi chỗ tựa.

- Tôi xin lấy danh dự hứa rằng tôi sẽ không bao giờ làm thế nữa!

- Cút ra đi, ngay lập tức!

Nó rón rén bước ra ngoài.

Ôtxasi sau cùng đã đứng dậy, một tay cầm áo vét, còn tay kia chùi sạch một giọt nước mắt trên má cáu ghét, là cái dấu vết cuối cùng của cơn suy nhược thần kinh của nó. Nó nhìn tôi với một vẻ bình tĩnh, nghiêm chỉnh.

- Mày sẽ phải khóa giam bốn ngày, trong xưởng giày, ăn bánh mì suông với uống nước lã.

Nó gượng mỉm cười và trả lời không

do dự:

- Được, tôi sẽ chịu phạt.

Sang ngày bị giam thứ hai, nó xin mời tôi đến xưởng giày và yêu cầu tôi như thế này:

- Tôi sẽ xin chừa, bác tha cho.

- Bao giờ chú chịu phạt xong, ta sẽ nói chuyện lại.

Hết bốn ngày, nó không xin tha thứ nữa, mà rầu rĩ tuyên bố:

- Tôi đi khỏi trại.

- Cút đi.

- Bác cho tôi một cái giấy.

- Chẳng có gì cả!

- Xin vĩnh biệt.
- Xin chào!

14. NHỮNG LỌ MỰC "TỎ TÌNH LÂN MỤC"

Ôtxatsi đi đâu? Chúng tôi không biết. Người ta bảo nó đi Taskeu, vì ở đấy cái gì cũng rẻ và có thể sống một cuộc đời vui thú, nhưng một số người nói rằng nó có một ông chú ở ngay tỉnh chúng tôi, và có người lại đính chính điều đó, bảo không phải nó đến ở nhà một ông chú, mà là ở nhà một người quen của nó, làm nghề đánh xe ngựa.

Sau trận vấp váp mới này trên đường

sư phạm, tôi không tài nào trở lại bình tĩnh thoải mái được. Các trại viên luôn luôn quây hỏi tôi, để biết tôi có nghe được tin gì về Ôtxasi không.

- Nhưng các chú cần đến thằng Ôtxasi làm gì chứ? Việc gì mà các chú băn khoăn như thế?

- Không phải là băn khoăn, Karabanốp nói, nhưng giá có nó ở đây thì vẫn hơn. Đối với bác...

- Tôi không hiểu.

Karabanôp nhìn tôi bằng một con mắt tai quái:

- Có lẽ bác cảm thấy không được yên ổn, ở trong lòng chăng?

Tôi quát lên bảo nó:

- Cút ra khỏi phòng tôi đi, tôi không muốn nghe những lời chú xét đoán nội tâm! Các chú tưởng tượng gì thế? Rằng cả đến tâm hồn tôi cũng thuộc quyền các chú đấy hẳn...?

Karabanôp khe khẽ đi ra ngoài phòng.

Cuộc sống ở trại lại vang lên một âm thanh đầm ấm, tôi nghe rõ tiếng ngân lành mạnh và vui vẻ của nó. Dưới các cửa sổ của phòng tôi (không hiểu vì lẽ gì, tất cả đều đến tụ họp ở đấy), rộn lên những câu bông lơn và những trò hề mà các trại viên ưa chơi đùa trong những giờ giải lao. Chẳng có ai than phiền mách mỏ gì

ai hết nữa. Và Ekatêrina Grigôriepna có một lần bảo tôi, với cái vẻ như coi tôi là một người ốm nặng, mà chị là một cô y tá:

- Bác cũng chẳng nên phiền lòng làm gì, rồi chuyện sẽ qua đi thôi.

- Tôi có phiền lòng đâu, chuyện sẽ qua đi thôi, cố nhiên. Mọi việc trong trại ra sao?

- Tôi cũng không biết giải thích thế nào cho được. Hiện giờ mọi chuyện đều tốt cả, có thể nói là trại đã đi vào cung cách của những con người. Bọn trẻ Do-thái của chúng ta thật tuyệt, chúng hơi nhút nhát, cái gì cũng sờ sợ, chúng làm việc rất tốt, và động một tí là bối

rồi. Bác biết đấy, bọn trại viên cũ săn sóc chúng nó từng li từng tí. Michiaghin chăm nom chúng như một u em: nó đã bắt Glaide tắm rửa, cắt tóc cho nó, và lại khâu cả cúc áo cho nó nữa.

Phải, mọi chuyện đều tốt cả. Nhưng trong tâm hồn con người sư phạm của tôi thì bề bộn ngổn ngang biết bao! Lòng tôi u uất vì ý nghĩ này: phải chăng tôi không bao giờ tìm ra được bí quyết hay sao? Vậy mà tôi đã tưởng là cầm được nó trong tay, chỉ có việc nắm chắc lấy thôi. Một ngọn lửa mới đầy sinh khí đã ánh lên trong mắt của nhiều trại viên rồi... ấy thế mà bỗng chốc mọi cái lại đổ sụp hết một cách thảm hại biết bao! Vậy tôi lại phải làm lại tất cả từ đầu chăng?

Tôi bực tức vì tình trạng sai lạc của phương pháp sư phạm hồi đó và vì sự bất lực trong nghề của chính bản thân tôi. Và tôi vừa căm phẫn vừa tức giận nghĩ về khoa sư phạm như sau:

"Nó đã có từ mấy ngàn đời rồi! Biết bao nhiêu là tên tuổi, bao nhiêu trí óc xán lạn: Pextalôzzi, Rutxô, Natorp, Blônxki[55]. Bao nhiêu là sách vở, bao nhiêu giấy, bao nhiêu danh vọng! Vậy mà là trống rỗng, là hư không, không làm thế nào trị nổi một thằng vô lại, chẳng có phương pháp, chẳng có công cụ, chẳng có lô-gich gì hết thảy, tuyệt nhiên không có gì hết. Một thứ trò phỉnh phờ lừa dối".

Về phần thằng Ôtxasi, tôi chẳng bõ

quan tâm mấy. Tôi đã gạt nó vào mục lỗ lãi, coi như một món tổn hại và đồ phế phẩm không thể nào tránh khỏi trong mọi việc kinh doanh. Tôi lại càng ít bận lòng về cái chuyện nó làm mình làm mẩy bỏ trại ra đi. Vả chăng, cũng chẳng bao lâu rồi nó lại trở về.

Một tai họa nữa lại sập tới cho chúng tôi: khi được biết tin, tôi mới chợt hiểu ý nghĩa cái câu người ta nói: rợn tóc gáy lên.

Trong yên tĩnh của một đêm băng giá, một bầy trẻ nuôi của trại Gorki, trong đó có mặt Ôtxatsi, sinh chuyện gây gổ với các trai làng Pirôgôpka. Cuộc gây gổ biến thanh ẩu đả: vũ khí lạnh - dao Phần-lan - trội nhiều về phía chúng tôi, và về

phía kia thì là vũ khi nóng - súng ngắn nòng. Trận giao tranh kết thúc thắng lợi về phía các trại viên. Các thanh niên làng bị đánh bật khỏi vị trí của họ ở quảng đường đã nhục nhã bỏ chạy để trốn vào trụ sở Xô-viết thôn. Đến ba giờ sáng ngôi nhà đó bị tập kích, nghĩa là người ta phá vỡ các cửa và cửa số, và cuộc chiến đấu biến thành một trận truy kích kịch liệt. Nhảy ra ngoài qua các cửa đó, các trai làng bỏ trốn ai về nhà nấy, và các trại viên đại khải hoàn trở về doanh trại.

Và có điều tệ hết sức, là trụ sở Xô-viết thôn hoàn toàn bị phá hại, thậm chí ngày hôm sau không thể nào làm việc ở đấy được. Ngoài các cửa và cửa sổ, bọn

đột kích đã phá hỏng cả các bàn và ghế dài, phân tán các giấy tờ và đập vỡ các lọ mực.

Bọn kẻ cướp của chúng tôi sáng ra trở dậy, ngây thơ vô tội như đứa trẻ sơ sinh, và vẫn đi công tác. Đến buổi trưa ông chủ tịch Xô-viết thôn Pirôgôpka đến phòng tôi và thuật lại cho tôi nghe những việc đã xảy ra đêm vừa qua.

Tôi kinh ngạc nhìn cái ông già nông dân bé nhỏ hiền lành ấy, người mảnh khảnh, thông minh, và tự hỏi tại sao ông lại nói chuyện với tôi, mà không đi gọi dân cảnh và yêu cầu bỏ tù tất cả bọn vô lại kia, và cả tôi nữa.

Nhưng ông chủ tịch, trong khi kể

chuyện, tỏ ra buồn nhiều hơn giận, và chỉ lo ngại không biết trại có chữa đền các cửa và cửa sổ không, cả những bàn nữa, và không biết trại có cấp ngay được cho ông, ông là chủ tịch Xô-viết thôn Pirôgôpka, hai lọ mực không?

Tôi thật sự kinh hoàng vì quái lạ, và không thể nào giải thích nổi một thái độ "thông cảm" đến như vậy của chính quyền đối với chúng tôi. Sau đó tôi nghĩ rằng ông chủ tịch cũng y như tôi, chưa bao quát được hết trong tâm trí tất cả cái ghê sợ của các sự biến: ông ta chỉ ấp úng vài câu, gọi là để "phản ứng" bằng cách này hay cách khác mà thôi?

Tôi cứ tự xét ngay như tôi thì đủ biết: tôi cũng chỉ có thể nói lúng ta lúng túng:

- À! được... tất nhiên, chúng tôi sẽ chữa lại cả. Vâng, ông có thể đem những lọ này về.

Ông chủ tịch cầm lấy những lọ mực và cẩn thận thu vào bàn tay trái, để ép vào bụng. Đó chỉ là những lọ mực rất tầm thường, không lật đổ được.

- Vâng, chúng tôi sẽ làm mọi việc sửa chữa. Tôi cho bác thợ mộc sang bên ông. Nhưng các kính cửa, thì sẽ phải đợi chúng tôi lấy được ở tỉnh về đã.

Ông chủ tịch nhìn tôi với vẻ biết ơn,

- Không, ngày mai cũng được. Khi nào có kính cửa về, ta sẽ làm cả một thể, ông ạ...

- Nếu vậy thì... tốt lắm, thế thì

đến mai...

Nhưng tại sao mãi ông ta chưa đứng dậy đi, cái ông chủ tịch ngớ ngẩn này?

- Ông lại về bên ông bây giờ chứ? tôi hỏi ông ta.

- Vâng.

Ông chủ tịch nhìn quanh một vòng, rút ở túi ra một chiếc mui-soa vàng, để lau bộ ria của ông, vẫn hoàn toàn sạch sẽ. Ông ta nhích lại gần tôi:

- Nói về chuyện cái ấy... ông hiểu không, cái mà bọn trai bên ông đã lấy, hôm qua, ở bên ấy. Bọn thanh niên, ông hiểu là thế nào rồi... và thằng con tôi, nó là một đứa nhãi ranh. Bọn trẻ, họ làm những chuyện đó để đùa thôi, chứ có gì

đâu, lạy trời... Chả là bạn bè có, ông hiểu không, thì nó cũng phải có một cái... vả chăng tôi thì tôi bảo rằng, thời đại bây giờ muốn như thế đấy, mà thật vậy... người nào có cái của người ấy.

- Nhưng mà là chuyện gì chứ? tôi hỏi ông ta. Ông tha lỗi cho, tôi thật không hiểu.

- Là chuyện súng ngắn nòng, ông ta nói đánh độp một cái.

- Súng ngắn nòng?

- Phải rồi, súng ngắn nòng.

- Thế thì sao?

- Ồ! Nhưng lạy chúa, thì từ nãy tôi nói với anh chỉ có vậy thôi: Khi họ

đùa bỡn với nhau, hôm qua, thế đấy... và các chuyện đó đã xảy ra... Thế là các trẻ nhà ông, họ đã lấy một cái súng... của thằng con tôi, và một cái nữa của đứa khác, hay là nó đã đánh mất cũng chưa biết chừng, bởi vì, ông ạ, những thằng đã nốc rượu vào.. Mà chúng nó lấy rượu vôtka lậu ở đâu ra thế không biết?

- Ai say?

- Anh hỏi rõ thật buồn cười. Trời ạ, ai say... Thì làm thế nào mà biết được? Tôi, thì tôi không có ở đấy, nhưng cứ theo như họ kể chuyện lại, thì các cậu bên ông tất cả đều bí tỉ...

- Còn các trai bên ông?

Ông chủ tịch bối rối.

- Trước hết tôi không có ở đấy... Vả chăng của đáng tội hôm qua là ngày chủ nhật. Nhưng tôi không nói chuyện đó. Cái chuyện này, ấy là lỗi ở bọn thanh niên đấy thôi mà, và các trai trẻ nhà ông, tôi chẳng trách giận gì họ, thế thì, thôi... họ đã đánh nhau; họ đã chẳng giết ai, cũng chẳng làm ai bị thương. À, mà ngộ nhỡ có ai ở bên ông bị thương không nhỉ? ông bỗng lo sự hỏi.

- Tôi chưa nói chuyện với chúng.

- Tôi không biết... nhưng có người bảo tôi rằng hình như có tiếng súng, hai ba tiếng gì đó, có lẽ là vào lúc chúng nó bỏ chạy, bởi vì bọn trai nhà ông, ông biết đấy, họ có máu nóng, còn bọn trai làng chúng tôi, tất nhiên, một khi

họ bắt đau chuyển... Hà-hà-hà-hà!

Ông già vừa cười vừa nháy nháy đôi mắt nhỏ, đáng yêu vô cùng; ông gần gũi chúng tôi hết sức. Các cụ già bé nhỏ như ông ta, bao giờ người ta cũng gọi là "bố hiền". Tôi cũng cười, trong khi nhìn ông, nhưng tôi cảm thấy trong lòng hoang mang dữ dội.

- Rút cục thì, theo ông, chẳng có gì là nghiêm trọng: họ đã đánh nhau, rồi họ sẽ làm lành nhau.

- Đúng thế, đúng thế, họ sẽ làm lành nhau. Và khi tôi còn trẻ, dễ thường cũng đã không đánh nhau vì chuyện gái đấy chắc? Có một lần ông Iakôp, anh ruột tôi, bị bọn trai làng đánh cho tưởng

chết. Vậy ông cho gọi các trẻ nhà ông đi, và ông nói chuyện với họ, để cho các việc ấy đừng xảy ra nữa.

Tôi bước ra bực tam cấp,

- Đi gọi những ai có mặt hôm qua ở Pirôgôpka.

- Thế những đứa ấy, chúng nó ở đâu kia ạ? một chú nhỏ tinh khôn đi qua sân, đang lon ton chạy đi làm những việc cần gấp gì đó, hỏi lại tôi như thế.

- Dễ thường chú không biết những ai ở Pirôgôpka hôm qua hay sao?

- Ồ! Bác tinh lắm, bác... Thôi để cháu dẫn Burun đến cho bác thì hơn.

- Phải đấy, dẫn nó lên đây.

Burun đến.

- Ôtxatsi có mặt ở trại à?

- Nó đã về, nó đang làm việc ở xưởng mộc.

- Chú xuống bảo nó thế này: hôm qua bọn ở trại ta đã đổ bộ sang Pirôgôpka, và đó là một việc rất nghiêm trọng.

- Cháu biết. Chúng nó đã có nói chuyện.

- Thế thì chú đi bảo ngay Ôtxasi rằng chúng nó phải lên phòng tôi tất cả; ông chủ tịch đang đợi ở buồng giấy tôi. Và bảo chúng hãy coi chừng đừng có kể chuyện lếu láo, kẻo việc này sẽ có thể kết thúc rất không hay đấy.

Một lát sau buồng giấy tôi đã chật ních những "anh hùng Pirôgôpka": Ôtxatsi, Prikhôtkô, Tsôbô, Ôpriskô, Galatenkô, Gôlôt, Xôrôka, và tôi cũng chẳng nhớ còn những ai nữa. Ôtxatsi có một thái độ cũng ung dung như chưa hề có chuyện gì xảy ra giữa nó với tôi bao giờ. Trước mặt một người lạ, tôi không muốn nhắc lại việc đã qua.

- Hôm qua các chú đã sang Pirôgôpka, các chú say be bét, các chú gây chuyện tan hoang, người ta muốn can cho các chú êm đi, thi các chú lại đả các trai làng và phá phách tan tành mọi cái ở Xô-viết thôn, có phải thế không?

- Không hẳn là đúng như bác nói đâu ạ, Ôtxasi lên tiếng. Bọn anh em có

sang Pirôgôpka. Cái đó đúng, còn cháu, cháu đã ở bên ấy ba ngày, là vì rằng, bác biết đấy... Các cháu không say be bét, điều đó không đúng. Chỉ có một lúc ban ngày, có thằng Panatxơ ở bên họ, nó đi dạo chơi với thằng Xôrôka, và thằng Xôrôka thì cháu không chối cãi, nó có uống... một tí gọi là thôi. Cả thằng Gôlôt nữa, có một người đã thết nó, một người quen. Nhưng tất cả mọi người đều đứng đắn tử tế. Chúng cháu chẳng sinh sự với ai, chúng cháu vui chơi như những người khác. Thế rồi bất thình lình một đứa bên họ, thằng Khactsenkô, ở đâu dẫn đến quát bảo cháu: "Giơ tay lên!", và nó chĩa khẩu súng ngắn nòng của nó vào người cháu. Lúc ấy thì, quả có không sai, cháu

tống cho nó một quả vào mõm. Ấy thế là chuyện bắt đầu… Chúng nó ghét các cháu là vì các cô gái thích đi với các cháu hơn…

- Và thế là chuyện bắt đầu à?

- Ồ! Có gì đâu, hai bên cãi nhau. Nếu họ không bắn súng, thì đã chẳng có chuyện gì hết. Nhưng thằng Panatxơ đã bắn, thằng Khactsenkô nữa, nên các cháu mới săn đuổi chúng nó. Các cháu không muốn đánh chúng nó, chỉ cốt tước súng của chúng thôi, nhưng chúng nó đóng chặt cửa lại không ra. Thế là thằng Prikhôtkô, bác biết nó đấy, bác biết nó mà hăng lên… nó giã liền…

- Nó mà hăng lên! Hừ, các cháu

đã làm chuyện đẹp đẽ nhỉ? Các khẩu súng đâu? Mấy khẩu?

- Hai.

Ôtxatsi quay lại phía Xôrôka:

- Mày đi lấy lên đây.

Chúng đem khẩu súng lên. Tôi đuổi bọn trẻ về các xưởng. Ông chủ tịch ấp úng bên các khẩu súng:

- Thế này thì chúng tôi có thể lấy về được chứ?

- Sao lại thế được? Con ông không có giấy phép mang súng, thằng Khactsenkô cũng vậy. Tôi không có quyền trả súng lại cho ông.

- Ồ! Tôi cũng không cần xin về

đâu mà. Ông có thể cứ giữ lấy súng, phòng khi cần dùng đến để dọa kẻ trộm trong rừng. Điều mà tôi mong muốn, ông ạ, là xin ông cũng đừng đem việc này ra làm to chuyện làm gì… Một chuyện giữa bọn thanh niên, có phải không ông?

- Thế nghĩa là… Tôi cũng không nên khiếu nại?

- Dĩ nhiên như thế, đã đành rồi…

Tôi bật lên cười:

- Mà khiếu nại làm gì chứ? Chỗ bà con láng giềng…

- Phải rồi, phải rồi, ông cụ hớn hở nói. Chỗ bà con láng giềng… Tránh sao khỏi có chuyện! Mà nếu việc gì cũng cứ phải thưa lên cấp trên…

Ông chủ tịch ra về; lòng tôi trút được một khối nặng.

Kể thực ra thì một lần nữa đáng lẽ tôi phải đem tất cả câu chuyện này ra mà cố gò ghép với những bộ sách sư phạm chỉ nam mới phải. Song cả bọn trẻ và tôi, chúng tôi đều hết sức sung sướng vì cái kết cục may mắn của nó, cho nên lần này chúng tôi hãy tạm gác khoa sư phạm sang một bên. Tôi không phạt chúng: chúng hứa nếu không được tôi cho phép sẽ không đi sang Pirôgôpka nữa và sẽ nối lại những quan hệ tốt với bọn trai làng bên ấy.

15. "ĐỨA CỦA CHÚNG TA

ĐẸP NHẤT”

Mùa đông năm 1922, trại có sáu nữ trại viên.

Hồi đó Ôlia Vôrôvôna đã đuổi kịp các chị em bạn và xinh đẹp hẳn lên rõ rệt. Bọn con trai nhòm ngó nó thật sự, nhưng đối với anh nào nó cũng tử tế mà không bắt mồi anh nào cả, và chỉ có Burun là bạn thân của nó. Nấp bóng đôi vai rộng lớn của Burun, Ôlia chả sợ ai ở trại hết, và có thể đem sự khinh khỉnh ra đáp lại ngay cả trên lửa tình của Prikhôtkô, con người khỏe nhất, ngu nhất và thô lỗ nhất của trại. Burun không phải lòng Ôlia, và giữa hai người đã hình thành một tình bạn chân chính và đẹp đẽ

của tuổi trẻ, khiến các bè bạn càng thêm quý mến họ hơn lên. Mặc dầu xinh đẹp, Ôlia chẳng có cái gì là đặc biệt, nó rất thích nghề nông: công việc đồng áng, cả những việc nặng nhọc, đều làm cho nó say mê, cũng như âm nhạc, và nó mơ ước:

- Bao giờ em lớn, nhất định em sẽ lấy một người nông dân.

Người cầm đầu bọn nữ trại viên là Naxchia Nôtsêvnaia. Người ta đã gửi nó đến trại, kèm theo một tập hồ sơ to tướng, ở trong đó có ghi hàng đống chuyện về nó: ăn cắp, oa trữ, mở một nhà đi lại hẹn hò cho bọn con trai lưu manh. Cho nên chúng tôi coi Naxchia là một con người kỳ lạ. Sự thật nó là một người

đặc biệt chân thực và khả ái. Naxchia chưa quá mười lăm tuổi, nhưng nó khác người vì thân hình đầy đặn, da mặt trắng trẻo, cái dáng đầu kiêu hãnh và tính nết cương quyết. Nó biết cách mắng bọn con gái mà không cần kêu la vô ích biết chỉnh bằng một cái nhìn bất cứ cậu trại viên nào, cho cu cậu một bài học ngắn và thật thấm thía:

- Tại sao cậu lại bẻ miếng bánh mì này để ném đi thế? Cậu trở nên giàu có rồi hay là cậu đã đi học với lợn đấy? Nhặt nó lên đi, ngay tức khắc…

Nói như thế bằng một giọng trầm trong ngực, biểu lộ sức mạnh kiềm giữ.

Naxchia thân thiện với các nữ giáo

viên, đọc sách nhiều và rất chăm, không chút hoài nghi đi theo con đường đã vạch sẵn cho nó là trường trung học công nông. Nhưng cái mục tiêu ấy còn ở xa tít mãi ngoài chân trời, đối với Naxchia, cũng như đối với nhiều trại viên khác cùng hướng về đó: Karabanôp, Vecsơnep, Zađôrôp, Vetkôpxki. Các tuyển thủ của chúng tôi kém văn hóa quá, nên phải vất vả lắm mới chế ngự được những điều bí ẩn uyên thâm của môn số học và môn chính trị vỡ lòng. Người giỏi nhất trong cả bọn nữ sinh Raitxa Xôkôlôva, và chúng tôi gửi nó lên trường trung học công nông tỉnh Kiep, vào mùa thu năm 1921.

Sự thực thì đó là một công cuộc vô hi

vọng, song các nữ giáo viên của chúng tôi nhiệt liệt mong muốn rằng trại có một người đại diện ở trường trung học công nông. Mục đích cao cả, nhưng Raitxa lại rất không thích hợp để bảo đảm cho sự thành công của cái lý tưởng thần thánh ấy. Nó chuẩn bị cho kỳ thi trong suốt mùa hè, nhưng cứ phải bắt ép nó học, vì Raitxa, chẳng khao khát môn giáo dục nào cả.

Zađôrôp, Vecsơnep, Karabanôp là những tay thích khoa học đều rất bất mãn về sự Raitxa được chọn để vào trường trung học công nông. Vecsơnep, một trại viên khác người vì có tài đặc biệt đọc sách suốt mười hai tiếng đồng hồ, ngay cả khi nó kéo bễ lò rèn nung sắt, rất thích

công lý và tha thiết cầu chân lý, lúc nào cũng có sẵn đầy miệng những lời thô tục để nhắc nhở đến cái tương lai rạng rỡ hứa hẹn cho Raitxa. Nó vừa nói lắp vừa bảo tôi:

- La-làm sao lại không hi-hiểu chứ? Raitxa bề nào ru-út cục thì c-cũng đê-đến vào nh-nhà tù.

Karabanôp còn nói mạnh hơn:

- Cháu không ngờ bác lại làm chuyện ngớ ngẩn như thế.

Zađôrôp, không chút e dè vì có mặt Raitxa ở đấy, mỉm cười khinh bỉ, và khua khua cánh tay ra bộ chẳng trông mong được gì hết:

- Cô ấy, mà lên trường trung học

công nông! Thật là muốn nắn ngay lưng anh gù!

Đối với tất cả những câu châm chọc ấy, Raitxa chỉ mỉm cười với một vẻ lờ đờ đỏm dáng, và mặc dầu nó chẳng muốn vào trường trung học công nông, nó cũng lấy làm bằng lòng: nó thích được đi Kiep.

Tôi cũng đồng ý với bọn con trai. Thật sự, Raitxa làm học viên trung học công nông thế nào được! Trong khi chuẩn bị thi vào trường, nó vẫn nhận những bức thư khả nghi ngoài tỉnh gửi về, và thỉnh thoảng vẫn lẻn trốn khỏi trại; và vẫn rất bí mật, nó tiếp thằng Kornêep, một trại viên đã bị đuổi ra. Kornêep đã chỉ ở trại có ba tuần lễ, suốt thời gian đó nó ra sức

ăn cắp mọi thứ của chúng tôi một cách có kế hoạch, cho đến ngày nó bị tóm ở ngoài tỉnh vì một chuyện ăn cắp nữa, nó là một khách hàng trung thành của cục Cảnh vụ, một đứa hư hỏng và cực kỳ đáng tởm, một trong những con người hiếm có đã khiến tôi phải nói ngay khi mới thoạt nhìn nó: tôi xin chịu.

Raitxa đậu kỳ thi vào. Nhưng một tuần lễ sau cái tin mừng ấy, tình cờ chúng tôi được biết rằng Kornêep cũng đi ra Kiep.

- Bây giờ mới là lúc bắt đầu học hành thực đây, Zađôrôp nói.

Mùa đông qua đi. Raitxa thỉnh thoảng viết thư về, nhưng xem thư chẳng biết

được gì hết. Khi thì mọi chuyện hình như tốt đẹp cả, khi thì hình như nó gặp nhiều khó khăn trong việc học, và lúc nào nó cũng thiếu tiền, mặc dù nó đã được cấp học bổng. Mỗi tháng một lần chúng tôi gửi cho nó hai hay ba chục rúp. Zađôrôp nói quyết rằng thằng Kornêep cứ chén tha hồ ngon với số tiền đó, và điều ấy rất có vẻ là sự thật. Nhất là các nữ giáo viên bị công kích tợn, vì phải chịu trách nhiệm về việc này.

- Thôi đi, chỉ trừ các cô, còn ai cũng thấy là không được đâu. Sao lạ thế nhỉ: chúng tôi, thì chúng tôi thấy rõ, mà các cô lại không nhìn thấy?

Sang tháng giêng Raitxa bất thình lình về trại với cả bọc quần áo, và bảo rằng

nó về nghỉ học kỳ. Nhưng nó chẳng có giấy tờ gì cho nghỉ hết và tất cả thái độ của nó tỏ ra rằng nó sẽ không trở lại Kiep nữa. Tôi điều tra, thì trường trung học công nông trả lời rằng Raitxa Xôkôlôva đã thôi đến trường và bỏ túc xá học viện đi đâu không biết.

Chuyện đã rõ ràng. Phải công nhận về phía bọn con trai có điều tốt là chúng không trêu chọc Raitxa, tránh nói tới sự kinh nghiệm không may của nó, và có vẻ như quên tất cả câu chuyện lăng băng ấy nữa. Mấy hôm đầu tiên sau khi Raitxa về, chúng tha hồ vui sướng chế giễu Êkatêrina Grigôriepna, cô ta đã hết sức bẽ bàng rồi, nhưng nói chung chúng đều coi chuyện đó như một việc rất thường,

mà chúng đã liệu biết trước.

Tới tháng ba, chị vợ Ôtxipôp cho tôi biết một ý nghi ngờ đáng sợ: có nhiều dấu hiệu là Raitxa có mang.

Tôi toát mồ hôi lạnh. Chuyện này làm cho tình hình rắc rối đây: nghĩ thử coi, một trẻ gái nuôi có mang, trong một trại nhi đồng! Tôi cảm thấy ở chung quanh cơ quan, ở ngoài tỉnh, ở sở Giáo dục, có rất nhiều những con người đạo đức giả[56] thể nào cũng sẽ không bỏ lỡ dịp này để kêu lên choe chóe: ở trại nhi đồng quan hệ nam nữ loạn rồi, trai gái chung chạ bừa bãi. Tôi lo sợ về chính cái tình trạng chúng tôi đang bị vướng mắc đó, cũng ngang với lo cho hoàn cảnh khó khăn của Raitxa và các nữ giáo viên... Tôi nhờ

chị Ôtxipôp nói chuyện "thật tình" với Raitxa.

Raitxa cương quyết chối là không có mang, và còn giận dỗi nữa:

- Hoàn toàn sai! Ai bịa ra cái chuyện bẩn thỉu ấy? Các cô giáo mà cũng đi rêu rao nói bậy, sao lại có cái lệ ấy từ bao giờ thế?

Chị Ôtxipôp tội nghiệp quả là cảm thấy mình đã làm không đúng. Raitxa rất đẫy người, và cái vẻ ngoài như có mang của nó có thể là do sự béo ra không lành mạnh, vả chăng thực sự chẳng có dấu hiệu gì rõ rệt lộ ra hết thảy. Chúng tôi tin lời Raitxa.

Nhưng được một tuần lễ, rồi buổi tối,

Zađôrôp gọi tôi ra sân để nói chuyện riêng:

- Bác biết là Raitxa có mang đấy chứ?

- Làm sao chú biết?

- Bác lạ thật! Như thế mà không trông thấy ư? Ai cũng biết cả, cháu tưởng bác cũng biết.

- Được rồi, cho là nó có mang nữa, thì làm sao?

- Ồ! Chả sao cả… Chỉ có điều tại sao nó lại giấu? Nếu có mang – thì có mang, nhưng nó lại vờ như không có chuyện gì. Đây, có cái thư của thằng Kornêep. Bác xem này… "vợ yêu quý của anh". Vả chăng, mọi người đã biết

tỏng đi rồi.

Các giáo viên ngày càng thêm lo ngại. Sau cùng tất cả chuyện đó bắt đầu làm tôi cáu tiết.

- Các bác băn khoăn làm gì chứ? Nếu nó chửa, thì nó sẽ đẻ. Nó có thể giấu được bây giờ, nhưng đến lúc đẻ thì sẽ không giấu được nữa. Có gì ghê gớm đâu, sẽ có một đứa bé, thế thôi.

Tôi cho gọi Raitxa và hỏi nó:

- Raitxa, nói thật cho tôi biết: chị có chửa không?

- Quái lạ sao ai cũng cứ vây dồn tôi thế? Mọi người có chuyện gì mà tất cả đều bám nhằng lấy tôi như keo, dò hỏi lắm chuyện! Chả làm gì có điều đó, bác

nghe rõ chưa nào?

Raitxa khóc oà lên.

- Chị có thấy không, Raitxa, nếu chị có mang, chị không cần phải giấu diếm. Chúng tôi sẽ giúp đỡ chị tìm việc làm, nếu cần thì ở ngay trại, chúng tôi cũng sẽ hỗ trợ cấp tiền cho chị. Cũng phải chuẩn bị đợi đứa bé ra đời, lo tã lót…

- Thì tôi đã bảo bác là không có chuyện! Tôi chẳng muốn việc làm gì cả, bác để mặc tôi!

- Thôi được, chị về phòng đi.

Như thế là chúng tôi chẳng biết được gì hết. Chúng tôi có thể đưa Raitxa đến một y sĩ để khám nghiệm, song ý kiến

của các giáo viên về vấn đề đó không thống nhất. Người thì đòi làm cho rõ việc này sớm đi, người thì bảo đó là một cuộc điều tra rất khổ tâm và nhục nhã cho một người con gái, mà rút cục cuộc khám nghiệm ấy không cần thiết, vì sự thật sớm muộn gì rồi cũng sẽ lộ ra, vả chăng chả có việc gì cần vội vã: nếu Raitxa có mang thì cũng chỉ mới được năm tháng là cùng. Cứ để yên mặc nó, nó sẽ quen với ý nghĩ đó, rồi sau cùng nó sẽ không thể giấu hoàn cảnh nó được nữa.

Chúng tôi để cho Raitxa yên.

Ngày mười lăm tháng tư, ở nhà hát thành phố khai mạc một cuộc họp lớn các nhà công tác giáo dục, trong đó tôi trình bày một bản báo cáo về vấn đề kỷ luật.

Tôi đã trình bày xong ngay buổi tối thứ nhất, nhưng có những cuộc tranh luận sôi nổi nổ ra chung quanh các luận điểm của tôi, và phải hoãn việc thảo luận sang ngày hôm sau. Hầu hết các giáo viên của trại đều có mặt, và có cả một số trại viên lớn nữa. Chúng tôi ngủ lại đêm ở tỉnh.

Bấy giờ người ta đã bắt đầu chú ý đến trại, vượt cả ra ngoài phạm vi ranh giới của tỉnh, cho nên ngày hôm sau người đến nhà hát chen chúc đông không thể nào ngờ được. Trong số các câu người ta chất vấn tôi, có vấn đề giáo dục hỗn hợp, là một điều bị luật pháp ngăn cấm hồi bấy giờ trong các trại nuôi trẻ vị thành niên phạm pháp: trại chúng tôi là trại độc nhất ở Liên bang Xô–viết thử thí

nghiệm phương pháp đó.

Trả lời những chất vấn, tôi có nói qua tới Raitxa, nhưng giả dụ chuyện nó có mang có bị đưa ra chăng nữa thì cũng không làm thay đổi gì ý kiến của tôi về vấn đề giáo dục hỗn hợp. Tôi tuyên bố với hội nghị rằng mọi sự đều rất tốt ở trại chúng tôi, về mặt đó.

Trong một lúc nghỉ họp, có người gọi tôi ở phòng giải lao. Ở đấy tôi đụng đầu với Bratsenkô đang thở không ra hơi: nó đã cưỡi ngựa phi thục mạng ra tỉnh, và đã không chịu nói với vị giáo viên nào về chuyện nó ra đây có việc gì.

- Có một tai nạn ở nhà, bác Antôn Xêmiônôvich ạ. Người ta thấy một đứa

bé chết ở buồng ngủ của các nữ sinh.

- Sao, một đứa bé chết?!

- Chết, chết ngay đứ đừ. Trong một cái giỏ của Raitxa. Lenka lau sàn, và cô ấy đã nhìn vào giỏ, vô tình thôi, có lẽ là để lấy một cái gì đó, và trong ấy có đứa bé chết.

- Chú nói lăng nhăng gì thế?

- Biết nói gì được về tình trạng của chúng tôi lúc đó? Tôi chưa hề bao giờ thấy sợ hãi đến thế. Các nữ giáo viên, tái xanh tái nhợt, ủ rũ, khó khăn lắm mới rời khỏi được nhà hát, và đi một chiếc xe thuê về trại. Tôi không thể đi theo họ, vì tôi còn phải bảo vệ bản báo cáo của tôi chống lại những lời phải đối.

- Đứa bé lúc này ở đâu? Tôi hỏi Antôn Bratsenkô.

- Chú Ivan Ivanôvich khóa giữ nó trong phòng ngủ. Phòng ngủ của các cô ấy.

- Còn Raitxa?

- Raitxa ở dưới phòng giấy; bọn con trai trông coi nó.

Tôi bảo Antôn đi ra dàn cảnh báo cáo việc phát hiện đó, và ở lại tiếp tục các cuộc tranh luận về vấn đề kỷ luật.

Mãi đến tối tôi mới trở về trại. Raitxa ngồi trên ghế đi-văng gỗ ở buồng giấy tôi, đầu tóc rũ rượi, đeo cái tạp-dề bẩn thỉu mà nó đã mặc để làm việc ở nhà giặt. Nó không nhìn tôi khi tôi bước vào,

và cúi gằm đầu xuống hơn nữa. Cùng ngồi trên chiếc đi-văng ấy, Vecsơnep đặt ở quanh mình hàng đống sách; hiển nhiên nó đang tìm một chỗ tham chiếu nào đó, vì nó giở nhanh hết quyển nọ đến quyển kia, và chẳng để ý gì đến ai hết thảy.

Tôi ra lệnh mở khóa cửa phòng ngủ và chuyển cái giỏ đựng xác chết xuống chỗ để đồ của kho quần áo. Đêm về khuya, khi mọi người đều đã đi ngủ cả, tôi mới hỏi Raitxa:

- Tại sao chị lại làm thế?

Raitxa ngẩng đầu lên, nhìn tôi vẻ ngây ngốc như một con vật, và sắp lại cái tạp-dề trên đầu gối:

- Cháu đã làm, có thế thôi.

- Tại sao chị đã không nghe lời tôi?

Nó bỗng khóc lên thút thít.

- Chính cháu cũng không biết nữa.

Tôi để cho nó ngủ trong phòng giấy tôi, dưới sự trông coi của Vecsơnep, mà tính ham đọc sách đủ đảm bảo cho tôi yên trí là nó sẽ hoàn toàn tỉnh táo. Tất cả chúng tôi đều sợ rằng Raitxa nhỡ có liều thân hoại thể chăng.

Buổi sáng ông dự thẩm tới; cuộc điều tra không mất nhiều thì giờ, vì không phải thẩm vấn ai cả. Raitxa kể lại tội ác của nó, nói ít lời nhưng rõ rệt. Nó đẻ lúc ban đêm, ngay trong phòng có năm nữ

trại viên khác nữa ngủ. Không một ai thức dậy hết. Raitxa giải thích như một việc tự nhiên hết sức:

- Tôi đã cố gắng không kêu rên.

Ngay sau khi đẻ đứa bé, Raitxa bóp nó chết ngạt với một chiếc mui-soa. Raitxa chối là không dụng tâm từ trước.

- Tôi vốn không muốn làm thế, nhưng nó đã khóc lên.

Nó giấu đứa bé trong cái giỏ mà nó đã đem theo lên trường trung học công nông, và dự định tối hôm sau sẽ đem đi vứt ở trong rừng. Nó nghĩ rằng cáo sẽ ăn thịt đứa bé và như vậy là chẳng ai biết gì hết. Sáng ra, nó xuống làm việc ở nhà giặt, ở đấy các nữ sinh giặt giũ quần áo

của mình. Nó ăn sáng và ăn bữa trưa với tất cả các trại viên, như không có chuyện gì cả, chỉ có điều trông nó "buồn", theo lời bọn con trai nói.

Ông thẩm phán đem nó đi theo, và ra lệnh đưa xác chết lên nhà xác của một bệnh viện, để mổ khám nghiệm.

Các giáo viên của trại đều mất tinh thần hết sức. Ai nấy cho rằng trại như thế là đổ sụp.

Các trại viên thì có một phần nào bị kích động. Bọn con gái thì sợ tối và sợ chính trong phòng ngủ của họ, ban đêm họ không muốn ở đấy nếu không có mặt bọn con trai. Zađôrôp và Karabanôp la cà ở bên phòng họ nhiều đêm. Kết quả là

bọn con gái lẫn con trai không ai ngủ hết và cũng không cởi áo ra nữa. Hồi đó bọn con trai thích đùa làm cho các cô gái sợ: chúng choàng những tấm ga trắng, xuất hiện dưới cửa sổ của họ, tổ chức những cuộc hoà nhạc ma quỷ vọng từ trên ống khói lò sưởi xuống, nghe rợn cả người, lẩn nằm dưới giường của Raitxa, rồi đến tối, chúng ra rả khóc oa oa lên.

Còn chính cái tội giết hài nhi thì chúng đã coi là một chuyện đơn giản hết sức. Ngoài ra, về động cơ tội ác Raitxa, chúng phản đối ý kiến của các giáo viên. Các vị này quả quyết tin rằng Raitxa đã bóp chết đứa bé trong một cơn đột phát của lòng thanh niên tự sỉ: trong khi tâm hồn căng thẳng, ở giữa phòng ngủ im lìm,

mà đứa bé mới đẻ lại kêu lên một cách thực sự bất ngờ, Raitxa chợt đâm sợ các bạn khác thức dậy.

Zađôrôp nghe những lời giải thích đó ở miệng các nhà sư phạm đắm mê tâm lý học, phá lên cười đến vỡ bụng:

- Ồ! Biết đến bao giờ các vị mới hết nói những câu lừa gạt đó! Cái lòng thanh niên tự sỉ, các vị nhìn thấy ở đâu nào! Mọi cái đều đã mưu mô từ trước, cho nên nó mới không chịu thú là nó sắp đẻ đến nơi. Thằng Kornêep với nó, chúng nó đã tính toán và bàn bạc tất cả rồi. Nào là cái giỏ, nào là cô nàng đem vứt vào rừng. Nếu vì xấu hổ mà nó làm thế, thì sáng hôm sau sao nó lại đi làm bình tĩnh được đến như vậy? Cái con

Raitxa ấy, giá mà quyền ở tay tôi, thì tôi cứ là cho nó một phát súng vào đầu ngay lập tức. Trước kia nó là đồ nhơ bẩn, thì sau này nó vẫn hoàn là đồ nhơ bẩn. Vậy mà các vị, các vị lại đi nói tới lòng thanh niên tự sỉ! Nó xưa nay chẳng hề có lấy một mảy may liêm sỉ.

Nếu vậy, thì nó hành động với mục đích gì, tại sao nó lại giết đứa bé? Các nhà sư phạm đặt câu hỏi quả tạ đó.

- Ồ, mục đích của nó rất là giản dị: nó cần gì đến một đứa bé? Phải chăm nom đứa trẻ, nuôi nấng nó, và tất cả mọi cái. Chúng nó mới cần có đứa bé làm sao chứ, nhất là thằng Kornêep.

- Thô-ôi đi! Không có lẽ nào!...

- Không có lẽ nào? Các vị buồn cười thật! Tất nhiên là con Raitxa sẽ chẳng nói ra như thế đâu, nhưng tôi tin chắc rằng nếu đem lộn mề nó ra cẩn thận, thì sẽ thấy rõ ngay…

Bọn con trai đều đồng ý với Zađôrôp, cái đó chẳng còn nghi ngờ gì nữa. Karabanôp quả quyết tin rằng chẳng phải là lần đầu Raitxa "chơi cái trò ấy", và trước khi nó vào trại, chắc hẳn là đã có chuyện gì rồi.

Hai hôm sau khi xảy ra tội ác, Karabanôp đem cái xác nhỏ lên bệnh viện. Khi trở về nó rất vui vẻ:

- Chả còn thiếu một thứ gì mà tôi không được nhìn thấy ở đấy nữa! Sao họ

có lắm thứ con nít ngâm vào lọ thế không biết, có lẽ đến ba tá chứ chẳng chơi. Có những đứa mới xí làm sao chứ! Trông phát sợ: gớm khiếp là mõm vều vào, có một đứa bàn chân co quắp, trông không biết là trẻ con hay là một con cóc nữa. Đứa của chúng ta cừ nhiều! Đứa của chúng ta đẹp nhất!

Êkatêrina Grigôriepna lắc đầu có vẻ chê trách, nhưng cũng không nhịn được mỉm cười:

- Này Xêmiôn, chú kể những chuyện gì thế, chú không biết xấu hổ à?

Bọn con trai cười rộ lên tứ phía: chúng đã chán ngấy những bộ mặt ăn chay và những bộ mặt đưa đám của hết

thảy các giáo viên rồi.

Ba tháng sau Raitxa bị đưa ra toà xử. Toàn ban hội đồng sư phạm của trại được gọi ra làm chứng. Cái tâm lý và cái thuyết về lòng thanh niên tự sỉ chiếm ưu thế ở pháp đình. Quan toà trách bị chúng tôi đã không giáo dục Raitxa được đúng đường lối. Tất nhiên, chúng tôi không thể nào cãi lại. Tôi được gọi vào phòng luận án, và toà hỏi tôi:

- Ông có thể nhận lại nó về trại được không?

- Tất nhiên là được.

Raitxa bị xử tám năm án treo, và đặt ngay dưới quyền trông coi của trại, trại phải chịu trách nhiệm về nó.

Nó trở về trại như không có việc gì xảy ra hết cả, lối trưng diện đôi giày cao cổ màu vàng rất đẹp, khiến nó nổi bật hẳn lên trong những lúc quay tròn điệu nhảy van-xơ, ở những buổi dạ hội nhỏ của chúng tôi, khiến các cô thợ giặt của trại và các cô gái làng Pirôgôpka ghen tuông không chịu nổi.

Naxtchia Nôtsêvnaia bảo tôi:

- Bác phải tống cổ cái con Raitxa đi khỏi trại, nếu không chính các cháu sẽ tống cổ nó đi vậy. Phải sống cùng buồng với nó thì tởm lắm.

Tôi vội tìm việc làm cho Raitxa ở một xưởng đan mũ áo.

Tôi gặp nó nhiều lần ngoài tỉnh. Năm

1982, nhân lên đấy có việc, tôi bỗng trông thấy Raitxa đang phục vụ ở tủ ăn của một căng-tin và tôi nhận ra được nó ngay: nó đã béo ra và đồng thời có vẻ chắc người hơn và thân hình cân đối hơn.

- Chị có mạnh khỏe không?

- Khỏe ạ. Cháu làm chủ quán ăn. Cháu có hai con và một người chồng rất tốt.

- Kornêep à?

- Ồ! Không ạ, Raitxa mỉm cười, đó là chuyện cũ và chuyện đã quên. Anh ta bị bắn chết ở đường phố, từ lâu rồi… Nhưng mà, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác biết rằng…

- Sao kia?

- Cảm ơn bác đã không đem cháu trôi sông[57] hồi ấy. Từ khi cháu vào làm ở xưởng đan, cháu đã chôn vùi quá khứ.

16. "CHÁO YẾN MẠCH"

Sang mùa xuân, một tai họa mới lại ập xuống trại chúng tôi: bệnh sốt phát ban. Kôxchia Vetkôpxki là người đầu tiên bị mắc bệnh.

Ở trại chúng tôi không có bác sĩ. Êkatêrina Grigôriepna trước kia đã có một thời gian theo học một lớp học ở một viện y tế, làm việc thay thế bác sĩ trong những trường hợp cần thiết, khi nào

không thể không có thày thuốc và đi gọi thì phiền phức. Chị ta đã học được những khoa chuyên môn, chữa bệnh ghẻ lở, điều trị cấp tốc những trường hợp bị đứt da, bị bỏng, bị dập thương và, về mùa đông, do giày ủng của chúng tôi tồi tệ, chúng tôi rất hay bị tê cóng chân. Hình như đó là tất cả những bệnh tật mà các trại viên của chúng tôi hạ cố mắc, vì chúng tôi không có khuynh hướng đặc biệt say mê các y sĩ với thuốc men.

Xưa nay tôi vẫn khâm phục chúng, chính vì chúng tỏ ra ít đòi hỏi về mặt bảo dưỡng thuốc thang, và bản thân tôi đã học tập được chúng về phương diện đó. Lệ thông thường ở trại chúng tôi là sốt 38 độ thì không tự coi là mình ốm, và

với cái tính khắc kỷ thích đáng, chúng tôi cứ ra gan trước mặt nhau. Vả chăng đó cũng hầu như là một sự cần thiết, chỉ vì cái lý do đơn giản là các thày thuốc rất ngại đến trại chúng tôi.

Vì thế cho nên khi Kôxchia ốm, và thấy nhiệt độ nó lên gần 40 độ, chúng tôi đã coi đó là một sự mới mẻ trong đời sống của trại. Chúng tôi đặt nó lên giường và tìm hết cách chăm nom săn sóc nó. Buổi tối các bạn thân của nó họp mặt chung quanh nó, và vì nó có nhiều bạn, cho nên nó bị một đám đông thật sự bao vây. Để cho nó khỏi thiếu người ở luôn bên, và để khỏi làm rối loạn bọn trẻ, các buổi tối chúng tôi cũng ở bên giường bệnh nhân.

Ba hôm sau, Êkatêrina Grigôriepna sợ hãi nói với tôi những lo lắng của chị: xem chừng rất có thể là bệnh sốt phát ban. Tôi ngăn cấm các trẻ không được đến gần giường Kôxchia, nhưng bề nào thì cũng không thể cách ly nó một cách là chu đáo được: phải làm việc ngay trong phòng và buổi tối phải hội họp ở đấy.

Hai hôm sau, bệnh tình Vetkôpxki trở nên rất trầm trọng. Chúng tôi quấn nó vào một tấm chăn bông, nó co ro cuộn mình trong đó, ấn nó lên xe phaêtông, rồi tôi đưa nó đi lên tỉnh.

Ở phòng tiếp nhận của bệnh viện, có đến bốn chục người đang kẻ đứng, người nằm rên rỉ. Thầy thuốc bắt phải chờ lâu. Rõ rệt là ở đấy, đã đã từ lâu rồi, mọi

người đều bận rộn ngập đầu, và đặt một người ốm ở bệnh viện này xem chừng chẳng có triển vọng gì tốt cả. Sau cùng thày thuốc tới. Uể oải vén áo sơ-mi của Vetkôpxki của chúng tôi lên, và bằng một giọng mũi già nua, ông thờ ơ bảo người phụ tá ghi:

- Phát ban. Sang nhà phòng dịch.

Ở ngoại vi thành phố, giữa một cánh đồng, có vào khoảng hai chục căn nhà ván gỗ, di tích của chiến tranh. Tôi đi lang thang hồi lâu giữa các nữ y tá, bệnh nhân, người khiêng băng-ca đang bận đưa ra ngoài những chiếc cáng phủ một tấm ga. Người ta bảo tôi rằng viên trợ y sinh thường phụ trách nhận bệnh nhân, nhưng chẳng ai biết ông ta ở đâu, và

chẳng ai muốn đi tìm ông ta cả. Sau cùng tôi sốt ruột và nhảy tới chị y tá gần đấy nhất, vận dụng những lời "sự tác tệ", "thật vô nhân đạo", "thật đáng công phẫn". Sự cáu kỉnh của tôi có hiệu quả: người ta cởi áo Vetkôpxki và đưa hắn đi.

Về đến trại, tôi được biết Zađôrôp, Ôtxatsi và Biêlukhin cũng bị sốt cao như thế. Gia dĩ tôi thấy Zađôrôp còn đứng vững, ngay giữa lúc nó trả lời Êkatêrina Grigôriepna đang khuyên bảo nó lên giường nằm:

- Cô mới thực là kỳ cục chứ? Tại sao tôi lại phải đi nằm? Xuống xưởng rèn, Xôfrôn sẽ chữa cho tôi khỏi không đầy hai phút...

- Xôfrôn sẽ chữa cho chú bằng cách nào? Chú nói nhảm nhí những gì thế?...

- Bằng cái cách mà bác ta vẫn tự chữa cho mình ấy: rượu vôtka, ớt, muối, dầu đặc và một ít mỡ xe cam-nhông, Zađôrôp nói toang toang lên bằng cái giọng ý vị và chân thật của nó như thường lệ.

- Bác xem đấy, bác Antôn Xêmiônôvich, bác đã làm hỏng chúng nó đến bực nào! Êkatêrina Grigôriepna quay lại bảo tôi. Nó định nhờ Xôfrôn chữa cho!... lên giường, chú nghe chưa!

Người Zađôrôp nóng hầm hập và rõ ràng là nó đang đứng không vững. Tôi

níu lấy khuỷu tay nó và lẳng lặng đưa nó lên phòng ngủ. Ôtxatsi và Biêlukhin đã có ở đấy rồi. Ôtxatsi đau và kêu rên. Tôi đã từ lâu nhận thấy rằng cái loại "trai tráng" ấy chịu đựng bệnh tật bao giờ cũng rất là khổ sở. Ngược lại, Biêlukhin thì vẫn cứ vui như khướu, theo thường lệ.

Ở trại không có ai khoái hoạt, vui tính hơn Biêlukhin. Xuất thân từ cội rễ công nhân lâu đời, ở Nijini Taghin, nó đã phải đi tha phương cầu thực hồi đói kém. Bị bắt ở Mạc-tư-khoa trong một cuộc vây ráp, và được gửi vào một nhà nuôi dạy nhi đồng lưu đãng nó đã bỏ trốn và đã quen sống đời lêu lổng. Bị bắt lần nữa, nó lại vượt trại trốn. Vốn là đứa cả gan, nó cố gắng không ăn cắp, và ưa làm

chuyện đầu cơ hơn, nhưng cứ theo như lời chính nó kể lại, với một tiếng cười ngất, thì những cuộc đầu cơ của nó bao giờ cũng rất táo bạo và độc đáo, nhưng đồng thời vẫn cứ là thất bại. Rút cục Biêlukhin phải tự nhủ rằng mình chẳng làm nên được trò trống gì với cái nghề ấy, và quyết định bỏ đi Ukren.

Nó đã có đi học ít nhiều, cái gì cũng biết lõm bõm; nó là một đứa trẻ tinh khôn và đã từng lăn lộn đó đây, nhưng sự dốt nát của nó thật là cực kỳ, kinh khủng. Có những đứa trẻ như thế: chúng có vẻ đã đọc thông viết thạo, biết các phân số, và biết sơ sơ cách tính lãi, nhưng tất cả những cái đó nằm trong đầu óc nó một cách kỳ dị lạ lùng đến nỗi kết quả thành

ra buồn cười nữa.

Biêlukhin nói năng cũng kỳ quặc như vậy, song lời lẽ nó rất hóm hỉnh và đầy nhiệt tình.

Trên giường bệnh, nó nói huyên thuyên bất chỉ, và cũng như mọi khi, nó dùng những chữ ghép với nhau một cách bất ngờ đến là buồn cười, làm tăng gấp đôi ý vị những câu lý thú, hóm hỉnh của nó:

- Bệnh sốt phát ban lại chỉ là một trò mưu mô tính toán của các nhà tri thức, mấy ông y sĩ, thế thì sao nó lại đi ngoặc vào tớ, tớ là một công nhân chính cống? Tớ bảo thật cậu chứ, khi nào lên tới xã hội chủ nghĩa, thì chúng mình sẽ

đóng sầm cửa ngay vào mũi nó, cái con vi trùng ấy, trừ phi là, nói giả dụ, nó đến lèo nhèo với cái lý do: xin lĩnh thẻ thực phẩm, hay xin cái gì đấy, bởi vì rằng nó, nó cũng cần phải sống, kể cũng đúng thôi; lúc bấy giờ thì bảo nó hãy sang hỏi cậu thư ký văn sĩ của tớ. Chức thư ký thì sẽ ấn thằng Kônka Vecsơnep vào đấy cho nó làm, vì rằng nó kết bạn với sách vở cũng như con chó với bọ chét vậy. Thằng Kônka sẽ nhận cái công việc của nhà trí thức; nó sẽ phải lo sao cho mỗi giống, bọ chét hay vi trùng cũng thế thôi, đều phải tuân thủ theo sự quân bình dân chủ.

- Tao làm thư ký, thế còn mày, mày sẽ làm cái thá gì khi leo lên tới xã hội chủ nghĩa? Vecsơnep vừa lắp vừa

hỏi lại.

Nó ngồi ở phía chân thằng Biêlukhin, tay vẫn cầm một quyển sách như thường lệ, đầu tóc rối bù và áo sơ-mi xẻ ngược xẻ xuôi.

- Tao sẽ viết luật pháp, về cái cách mày phải ăn mặc thế nào, để cho mày trông ra bộ con người, chứ không phải ra bộ ăn mày ăn xin, làm cho ngay cả đến thằng Tôxka Xôlôviep cũng phát tức. Mày tự cho mày là một thằng đọc sách ghê gớm, mà trông vẻ mày có khác gì con khỉ? Mà tất cả các chuồng thú cũng chẳng làm gì có cái giống khỉ đen như mày để mà trưng bày đâu nhá. Có phải không Tôxka?

Bọn trẻ cười thằng Vecsơnep. Thằng này không giận, và âu yếm nhìn Biêlukhin bằng đôi mắt hiền màu xám của nó: hai đứa bạn chí thân, cùng đến trại với nhau, cùng làm việc sát cánh nhau ở xưởng rèn, nhưng trong khi Biêlukhin đập sắt trên đe thì Kônka ưng kéo bễ hơn, để vẫn có một tay rảnh mà cầm sách đọc.

Tôxka Xôlôviep, tên thường gọi hơn là Antôn Xêmiônôvich – nó trùng với tôi hai chữ tên – chưa quá mười tuổi. Biêlukhin đã thấy nó trong rừng gần trại, chết đói dở và đã mê man bất tỉnh. Nó đi theo cha mẹ từ tỉnh Xamara đến Ukren, nửa đường mất mẹ, và cũng không nhớ được sau đó đã xảy ra những chuyện gì.

Nó có một bộ mặt trẻ con xinh đẹp, sáng sủa, luôn luôn hướng về phía Biêlukhin. Tất nhiên, cuộc đời bé mọn của nó đã trôi qua mà không đề lại ấn tượng gì đặc biệt mạnh mẽ, cho nên Biêlukhin, cái thằng đại ba hoa ấy, vui vẻ và tự tin mình, bẩm sinh không hề biết sợ cuộc sống, và thông tỏ giá trị mọi cái ở đời, đã cám dỗ nó sâu sắc và buộc chặt nó với mình cho đến suối đời.

- Tôxka đứng bên giường Biêlukhin; đôi mắt nhỏ của nó bừng cháy tình yêu mến và cảm phục. Giọng kim trong tiếng cười trẻ trung của nó bật vang lên thánh thót.

- Khỉ đen!

- Đấy, Tôxka của tao sau này nhất định sẽ là tay cừ, Biêlukhin kéo nó từ phía sau giường lại sát phía mình.

Tôxka xấu hổ, gục xuống bụng Biêlukhin đang nằm đắp chăn bông.

- Tôxka này, mày đừng có chúi đầu vào sách như thằng Kônka nhé, mày xem sách đã làm cho đầu óc nó hỏng như thế nào đấy.

- Chẳng phải nó ngốn sách đâu, mà ngược lại đấy. Zađôrôp nói, từ giường bên cạnh.

Ngồi chơi cờ với Karabanôp ở gần ngay đấy, tôi nghĩ bụng: "Thì ra chúng nó đã quên rằng chúng đang bị bệnh sốt phát ban".

- Một chú nào đi tìm cô Êkatêrina Grigôriepna lên đây cho tôi.

- Chị ta đến, như một vị phúc thần giận dữ.

- Gớm kìa, xinh chửa! Tôxka luẩn quẩn ở đây làm cái gì thế? Các chú không biết gì cả à? Thế này thì còn ra làm sao nữa!

Tôxka hoảng sợ rời khỏi giường và rút lui, Karabanôp níu cánh tay nó, gập đầu gối lại, vờ làm ra vẻ thất kinh, đi giật lùi một cách ngờ nghệnh vào góc phòng.

- Tôi cũng sợ nữa…

Zađôrôp kêu to lên, giọng ồm ồm:

- Tôxka, thế thì mày đưa cả bác Antôn Xêmiônôvich đi nữa chứ. Sao mày lại bỏ rơi bác?

Êkatêrina Grigôriepna đưa mắt bất lực nhìn khắp lượt bọn trẻ vui cười.

- Cứ như là ở nước Zulu[58] ấy thôi!

- Người Zulu là những tướng đi chơi rong không mặc quần, còn về thực phẩm thì học xơi những người bạn thân và người quen biết, Biêlukhin trịnh trọng nói. Khi một chàng trai nào đó gặp một cô nào, thì hắn nói: "Xin cô cho phép tôi đưa cô về nhà". Và cô kia rất bằng lòng: "Sao lại thế, tôi đi một mình cũng được thôi". "Ấy không, thưa cô, ai lại có thể

để cô đi về nhà một mình như thế bao giờ?”. Kết quả: vừa đưa cô ta đi rẽ góc phố một cái, là hắn chén cô liền. Mà không cần có tương ớt[59] nhé!

Tiếng cười trong vắt của Tôxka đổ hồi như thác nước trong góc phòng. Êkatêrina Grigôriepna mỉm cười:

- Ở xứ ấy người ta ăn thịt các cô, nhưng ở đây người ta để cho các trẻ nhỏ đến gần những người bị sốt phát ban. Thì cũng thế thôi.

Vecsơnep nắm lấy cơ hội báo thù Biêlukhin:

- Nh-nh-những người Zuluu kh-không ăn thịt c-các cô. D-dĩ nhiên họ v-v-văn minh hơn mày. M-mày sắp làm ch-

cho thằng T-t-tôxka lây bệnh.

- Còn chú nữa, Vecsơnep, chú ngồi trên giường ấy làm gì? Êkatêrina Grigôriepna chợt để ý thấy nó, liền vặn hỏi. Chú cút ngay lập tức!

Chưng hửng, nó vội thu nhặt sách để bừa bãi trên giường Biêlukhin.

Zađôrôp can thiệp:

- Nó, thì nó không phải là một cô, cho nên thằng Biêlukhin sẽ không đớp nó đâu.

Tôxka đã mon men tới bên Êkatêrina Grigôriepna, nói với một vẻ trầm ngâm suy nghĩ:

- Anh ấy không ăn thịt khỉ đen.

Vecsơnep đi ra, một bên cánh tay ôm cả một chồng sách, còn cánh tay kia, không biết làm thế nào mà nó tóm được, xách thằng Tôxka đang vừa cười vừa vung vẩy chân. Cả tốp đó đến đổ lăn kềnh lên giường của Vecsơnep, ở mãi góc phòng xa nhất.

Sáng hôm sau, một chiếc xe chở đồ, thùng sâu, đóng theo kiểu của Kalina Ivanôvich, và hơi giống một chiếc quan tài, được chất đầy ứ lên. Các trẻ bị sốt phát ban của trại quấn chăn ngồi cả trong thùng xe. Ở đầu chiếc quan tài, đã có bắc một tấm ván cho Bratsenkô và tôi ngồi ngất ngưởng. Tôi buồn bực, vì cảm thấy trước tất cả cái chuyện khó chịu đã qua, khi đưa Vetkôpxki vào bệnh viện, sẽ lại

tái diễn. Hơn nữa, tôi chẳng tin tưởng một chút nào rằng bọn trẻ đi lên đấy sẽ được chữa chạy.

Ôtxatsi nằm ở sàn xe, run lẩy bẩy co kéo đầu chăn lên đắp vai. Chiếc chăn để thò ruột bông xám đen, và tôi nhìn thấy ở dưới chân tôi một chiếc giày của Ôtxatsi, khô cứng và rách nát. Biêlukhin đã cuộn chiếc chăn đội lên đầu, như kiểu mũ giáo chủ hình trụ, và nó nói:

- Mọi người tưởng chúng mình là những giáo sĩ đi du lịch. Họ tự hỏi! Làm sao họ chuyên chở hàng đống giáo sĩ thế này nhỉ?

Zađôrôp đáp lại bằng một nụ cười, chứng tỏ rằng hắn đang đau đến bực nào.

Ở nhà phòng dịch, tình trạng vẫn không thay đổi. Tôi gặp chị y tá của phòng Kôxchia nằm. Chị đang chạy băng băng trong đường cầu, khó khăn lắm mới kìm hãm được đà chân lại.

- Vetkôpxki à? Ở đây thì phải…

- Tình trạng hắn thế nào?

- Chưa biết được đâu.

Antôn Bratsenkô quất roi ngựa vào không khí ở sau lưng chị ta.

- Lại có nước thế nữa: chưa biết được! Làm sao lại chưa biết được!

- Chú bé này đi với bác à? chị y tá có vẻ ghê tởm nhìn Bratsenkô, đang mướt mồ hôi và nồng nặc mùi phân bón

với mùi cọng rạ bám vào quần.

- Chúng tôi là người ở trại Gorki, tôi mở đầu thận trọng, ở đây hiện có một trẻ nuôi của chúng tôi, là Vetkôpxki. Và tôi đưa đến các bác ba em nữa, không khéo chúng bị sốt phát ban.

- Bác lên nói chuyện ở phòng tiếp nhận ấy.

- Phòng đông ngốt những người. Vả chăng, tôi muốn xin cho các em này cùng nằm một chỗ.

- Chúng tôi không thể thông đồng với ý thích của mỗi người được.

Nói xong chữ "thông đồng " ấy, chị ta đi thẳng.

Nhưng Antôn cản đường chị ta:

- Thế nào? Cô nói năng với mọi người như thế à?

- Các đồng chí đi lên phòng tiếp nhận kia, tôi chẳng có chuyện gì nói với các đồng chí ở đây cả.

Chị y tá nổi giận với Antôn, tôi cũng bực mình:

- Ra khỏi đây đi, chú làm phiền chúng tôi!

Song Antôn cũng không rời khỏi chỗ. Hắn ngạc nhiên nhìn chị y tá và tôi, trong khi tôi nói với chị ta, cũng bằng cái giọng cáu kỉnh ấy:

- Xin chị hãy chịu khó nghe tôi

nói hai câu. Tôi hết sức mong muốn cho các em này khỏi bệnh. Cứ mỗi em khỏe khoắn chị trả về cho tôi, tôi sẽ trả hai pút bột tiểu mạch. Nhưng tôi muốn giao thiệp với cùng một người. Vetkôpxki ở phòng của chị. Chị hãy thu xếp nhận cả những em khác nữa.

Chị y tá có vẻ sững sờ, có lẽ chị phật ý.

- Bác nói "bột tiểu mạch" à? Nghĩa là hối lộ có phải không? Tôi không hiểu!

- Không phải chuyện hối lộ mà là tiền thưởng, chị nghe ra chưa? Nếu chị không đồng ý, thì tôi sẽ tìm một chị khác. Đây không phải là hối lộ; chúng tôi yêu

cầu một chút chăm nom săn sóc thêm cho các em ốm của chúng tôi, và có lẽ, một phần công tác ngoại phụ nào đó. Là bởi vì, chị ạ, các em đó kém được bồi dưỡng và các em không có cha có mẹ, chị hiểu không?

- Nếu thế thì tôi sẽ nhận các em mà không cần đến bột của bác. Có mấy em?

- Tôi đã đưa đến ba em, nhưng xem chừng tôi sẽ còn đưa đến nữa.

- Thôi được, vào đi!

Antôn và tôi theo chân chị ta. Nó ranh mãnh nháy mắt với tôi và hất đầu chỉ chị y tá, nhưng chính nó cũng ngạc nhiên rõ rệt vì thấy công việc xoay chiều

như thế... Thấy tôi không đáp lại những bộ điệu nhấm nháy của nó, nó đành chịu vậy.

Chị y tá đưa chúng tôi đến một phòng, ở một góc hẻo lánh của bệnh viện. Antôn đi tìm các bệnh nhân của chúng tôi.

Dĩ nhiên là chúng nó bị bệnh sốt phát ban tất cả. Viên trợ y sinh không khỏi có phần ngạc nhiên nhìn những chăn bông của chúng tôi, nhưng chị y tá nói với anh ta bằng một giọng không để cho cãi lại:

- Các em ấy ở trại Gorki đến, anh xếp các em vào phòng tôi.

- Vậy ở phòng chị có chỗ à?

- Sẽ thu xếp được. Hôm nay có

hai người ra viện, và thế nào cũng tìm ra chỗ đặt một cái giường thứ ba.

Biêlukhin vui vẻ chào chúng tôi:

- Bác đem thêm anh em đến nhé, cho nó thêm phần ấm cúng.

Hai hôm sau, chúng tôi cho nó được toại ý, bằng cách đưa Gôlôp và Snaiđe đến, rồi thêm ba đứa khác nữa, trong vòng một tuần lễ.

May được cái rằng chuyện chỉ đi đến đấy thôi.

Antôn nhiều lần đi lên bệnh viện, để hỏi thăm chị y tá về tình hình chữa bệnh ra sao. Bệnh sốt phát ban không làm gì nổi các trại viên của chúng tôi hết.

Chúng tôi đang định đi lên tỉnh đón một đứa trong bọn về, thì bỗng nhiên, vào một buổi trưa mùa xuân sáng sủa đẹp trời, một bóng ma từ trong rừng xuất hiện, quấn trong một chiếc chăn bông. Nó vào thẳng xưởng rèn mà nói vo vo:

- Ớ này, những quân sực bánh mì, chúng mày khỏe thằng chứ? Còn thằng này, lúc nào cũng đọc sách. Mày nhìn xem, tỉ trong xương mày đang chui ra ngoài lỗ tai kìa...

Bọn trẻ mừng quýnh: Biêlukhin, tuy còn hốc hác và da xanh nhợt, vẫn vui vẻ y như cũ, và chẳng có cái gì ở trên đời làm cho nó sợ hết thảy.

Êkatêrina Grigôriepna chạy bổ tới

nó: tại sao nó lại đi bộ về, tại sao nó không đợi người ta đến đón?

- Cô Êkatêrina Grigôriepna ạ, cô xem cháu cũng muốn chịu khó đợi đấy, nhưng sau cùng đã đến phát ngấy lên với cái món ăn tồi. Cháu nghĩ bụng: ở trại bọn anh em ăn bánh mì hắc mạch, canh nước ốc, với kasa[60], đầy bát tú hụ, thế là, cô hiểu không, cháu nhớ quá đi mất, nhớ cứ là điên người lên thế này này... thành ra cháu không thế nào chịu được cảnh nhìn chúng nó húp cái cháo yến mạch của chúng nó nữa... hà-hà-hà-hà.!...

- Cái cháo yến mạch ấy là cái gì vậy?

- À, cô ạ, đó là Gôgôn đã tả một

thứ cháo như thế, khiến cháu thích ghê cơ. Và ở nhà thương, họ đã quen cho ăn cái cháo yến mạch ấy, làm cho cháu, cứ mỗi lần trông thấy nó, là nín cười không nổi, thành ra không làm sao mà ăn quen được. Chỉ tại là cháu phải cười, có thế thôi. Lúc đầu chị y tá còn mắng cháu, nhưng sau đó cháu lại càng cười dữ hơn. Hễ cứ nhớ tới cái tên ấy: cháo mạch... Ấy thế là chịu, không tài nào đụng tới nó được: chỉ cầm cái thìa lên là cháu đã cười vỡ bụng. Vì thế, mà cháu bỏ về đây!... Còn các cậu, thế nào, các cậu ăn bữa sáng rồi à? Hôm nay chắc là phải có kasa chứ?

Êkatêrina Grigôriepna kiếm ở đâu ra được một ít sữa; không thể nào cho một

người ốm ăn ngay kasa được!

Biêlukhin vui vẻ cảm ơn:

- Rất cảm ơn cô đã cho một đứa sắp chết được toại nguyện.

Tuy nhiên nó lại đổ sữa vào một đĩa kasa. Êkatêrina Grigôriepna đành buông tay nhượng bộ.

Không bao lâu những trẻ ốm khác cũng trở về cả.

Antôn đánh xe đưa một bao bột trắng đến nhà chị y tá.

17. SARIN ĐƯỢC TRẢ NỢ

Chuyện "Đứa của chúng ta đẹp nhất"

dần dần bị quên đi, cũng như bị quên đi những nỗi khó chịu về bệnh sốt phát ban, về mùa đông, với những bàn chân tê cóng, với việc lao dịch đi kiếm củi và những cuộc chơi trượt tuyết. Nhưng ở sở Giáo-dục, người ta không thể nào quên được cái "Phổ lỗ sĩ chủ nghĩa"[61] trong những phương thức kỷ luật của tôi. Ở sở đó người ta cũng bắt đầu nói với tôi bằng một giọng lưỡi hầu như là giọng lưỡi của Araktsêiep[62], người xướng suất ra những trại quân sự nổi tiếng:

- Chúng tôi sẽ cho đóng cuộc thí nghiệm kiểu sen đầm của ông lại. Phải tạo ra phương pháp giáo dục xã hội chủ nghĩa chứ không phải chỉ huy một ngục

thất.

Trong bản báo cáo của tôi về vấn để kỷ luật, tôi đã dám mạn phép nghi ngờ sự đúng đắn của những lý thuyết được hết thảy mọi người công nhận hồi bây giờ; những lý thuyết đó cho rằng sự trừng phạt chỉ đào tạo nên những con người nô lệ, và chủ trương phải để cho bản năng sáng tạo của đứa trẻ được hoàn toàn tự do phát huy, trước hết là đưa vào tính tổ chức và tính kỷ luật tự nhiên của nó. Tôi đã dám mạo muội đưa ra cái ý kiến khẳng định, tin chắc đối với tôi, rằng chừng nào tập thể và những cơ cấu của tập thể chưa được tạo nên, chừng nào những truyền thống chưa được hình thành và chưa có một cái vốn đầu tiên về thói

quen lao động và quen sống tập thể, thì nhà giáo dục có quyền và có bổn phận không tự cấm đoán sự dùng đến cưỡng bách. Tôi cũng khẳng định thêm rằng việc giáo dục không thể nào dựa tất cả vào sự hứng thú, bởi vì việc giáo dục cái ý thức bổn phận thường thường mâu thuẫn với hứng thú của đứa trẻ, ít nhất là với cái hứng thú như nó hiểu. Tôi đòi hỏi một nền giáo dục khả dĩ tạo nên một con người tôi luyện cẩn thận và kiên cường, có thể đảm nhiệm một công việc dù khó chịu và chán ngán, miễn là nó đáp ứng yêu cầu lợi ích của tập thể.

Để kết luận, tôi bênh vực ý kiến cần xây dựng một tập thể có tinh thần mạnh mẽ, nghiêm khắc, nếu cần, và tôi đặt tất

cả mọi hy vọng của tôi duy nhất trên tập thể đó. Những người phản đối tôi đem những nguyên lý nhi đồng học[63] ra mà chỉ trích tôi, và chỉ có đều một giuộc ca ngợi bằng đủ mọi giọng: "em bé nhi đồng".

Tôi đã chuẩn bị tinh thần trước về việc trại bị "triệt", song những lo âu hàng ngày của chúng tôi: vụ gieo hạt và thường xuyên là việc tu sửa lại trại mới, không để cho tôi có thì giờ rảnh rỗi mà buồn riêng vì những sự ngược đãi áp bức của sở Giáo dục đối với tôi. Hiển nhiên là có một người nào đó che chở cho tôi, vì thì giờ qua đã nhiều mà tôi vẫn chưa thấy mình bị "triệt".

Vậy mà xem chừng còn có gì giản dị hơn là cách chức, và thế là xong.

Nhưng tôi cố hết sức tránh không đi lên đấy: ở đấy người ta nói năng với tôi kém nhã nhặn quá, với giọng khinh miệt nữa. Nhất là có một viên thanh tra đã quen hành tôi: Sarin, một gã đẹp trai vô duyên, đỏm dáng tóc nâu bồng xoăn tít, được các bà ở tỉnh nhỏ say như điếu đổ. Môi hắn dày, ướt và đỏ chót, lông mày cong cong và rất đậm. Chả ai biết trước năm 1917 hắn làm cái gì, mà chỉ thấy vào hồi đó hắn vừa hay trở thành một chuyên gia lớn về khoa giáo dục xã hội. Hắn đã khéo tiếp thụ được một số danh từ đương thịnh hành, và biết kéo hàng tràng lời lẽ thao thao bất tuyệt và trống

rỗng, tin chắc rằng những lời lẽ đó chứa đựng những kho tàng giá trị tư tưởng sư phạm và cách mạng.

Hắn đối xử với tôi ra chiều hằn thù kiêu ngạo, kể từ cái hôm mà tôi không kiềm chế được một tiếng cười thực sự không ngăn giữ nổi.

Hắn đã tới trại, vì một công việc gì đó. Trông thấy một cái phong vũ biểu không có thủy ngân ở trên bàn giấy tôi, hắn hỏi:

- Vật này là cái gì thế?

- Một cái phong vũ biểu.

- Phong vũ biểu là cái gì?

Tôi ngạc nhiên!

- Phong vũ biểu dùng để báo trước thời tiết.

- Báo trước thời tiết à? Nó ở trên bàn anh thì nó làm thế nào mà báo được? Thời tiết có ở trong này đâu mà ở ngoài kia chứ!

Chính vào lúc đó tôi bật lên một tiếng cười bất lịch sự nhưng không thể nào nén được. Giá thử Sarin đừng có cái bộ mặt bác học kia, cái bờm tóc thạc sĩ kia, cái vẻ tự tin khoa học kia!

Hắn giận đỏ gay mặt lên:

- Anh cười gì? Thế mà lại là một nhà giáo dục nữa kia đấy! Anh làm thế nào mà dạy bảo được các trẻ nuôi của anh. Khi anh thấy tôi không biết, thì anh

phải giảng cho tôi hiểu, chứ không phải là cười vào mũi tôi

Nhất định là không thể có được cái tâm hồn cao cả ấy, cho nên tôi vẫn cứ cười. Ngày trước, tôi đã nghe kể một câu chuyện giống hệt như chuyện tôi trao đổi với Sarin về phong vũ biểu, và xem chừng tôi lấy làm buồn cười hết sức mà thấy rằng cuộc đời lại tái diễn một chuyên ngu xuẩn đến thế, với sự tham gia đóng trò của một viên thanh tra sở Giáo dục.

Sarin tức giận ra về.

Khi tôi trình bảy bản báo cáo của tôi về vấn đề kỷ luật, hắn ra sức "hạ" tôi một cách ráo riết.

- Một hệ thống có hạn định khu vực về tác động đối với nhân cách của đứa trẻ về mặt y học - sư phạm học, nếu có được phân bố thành những cơ quan giáo dục xã hội, thế tất nó phải giữ địa vị ưu thắng chừng nào nó phù hợp với những đòi hỏi tự nhiên của tuổi trẻ và làm nổi bật những viễn cảnh phát triển cơ cấu này hay cơ cấu nọ về mặt sinh lý học, kinh tế học và xã hội học. Do đó, chúng tôi nhận xét...

Suốt trong hai giờ liền, hai mắt lim dim và hầu như không nghỉ để lấy hơi, hắn làm mệt cử tọa với cái mớ danh từ khoa học hồ đồ như thế, nhưng rồi hắn kết thúc cách khoa trương bằng câu châm ngôn rất nhàm này:

- Đời sống là vui vẻ.

Cũng chính gã Sarin ấy giáng cho tôi một đòn trí mạng vào mùa xuân năm 1922.

Phân bộ Đặc biệt của Quân đoàn Hậu bị thứ nhất đã gửi đến trại một trẻ nuôi, yêu cầu phải tiếp thu bắt buộc. Cơ quan ấy đã có một đôi lần, cũng như cơ quan Tsêka[64] gửi tới cho tôi những trẻ nhỏ. Tôi tiếp nhận thằng bé đó. Hai hôm sau, Sarin cho gọi tôi lên:

- Anh đã nhận Epgêniep phải không?

- Vâng.

- Anh lấy quyền gì mà nhận một trẻ nuôi khi không có sự cho phép của

chúng tôi.

- Phân bộ Đặc biệt của Quân đoàn Hậu bị thứ nhất đã gửi nó tới cho chúng tôi.

- Phân bộ Đặc biệt, thì đã làm sao? Anh không có quyền nhận một đứa trẻ mà không được chúng tôi cho phép.

- Tôi không thể nào làm khác được, một khi Phân bộ gửi nó tới cho tôi. Nhưng nếu ông cho rằng Phân bộ không có quyền làm thế, thì ông hãy nên giải quyết vấn đề đó với Phân bộ, bằng cách này hay cách khác, Tôi không thể làm người xét xử giữa ông và Phân bộ.

- Anh hãy gửi trả ngay Epgêniep về cho họ.

- Chỉ khi nào có lệnh viết.

- Lệnh truyền miệng của tôi phải là đủ cho anh lắm.

- Ông hãy cho lệnh tôi bằng giấy tờ.

- Tôi là cấp trên của anh và tôi có thể phạt giam anh ngay lập tức trong bảy ngày, vì không chấp hành một mệnh lệnh truyền miệng của tôi.

- Được, ông cứ làm đi.

Tôi thấy đối thủ của tôi đang hết sức nóng lòng muốn sử dụng quyền hành của hắn được bắt giam tôi trong bảy ngày. Còn phải tìm cớ gì khác nữa khi đã có sẵn một cờ đỏ rồi?

- Anh không muốn gửi trả lại đứa bé đó phải không?

- Không, trừ phi có lệnh viết. Là vì, ông có thấy không, để cho đồng chí Sarin bắt giam, thì có lợi cho tôi hơn là Phân bộ Đặc biệt.

- Tại sao Sarin lại hơn? viên thanh tra thực sự chăm chú muốn biết.

- À như vây dễ chịu hơn, ông ạ, có thể nói thế được. Dù sao đi nữa, thì cũng vẫn cứ là ở trong phạm vi học viện với nhau.

- Đã vậy, thì anh bị bắt giam đấy,

Hắn nắm lấy máy điện thoại:

- Cục dân cảnh phải không?...

Xin cho ngay một người dân cảnh đến bắt giữ ông giám đốc trại Gorki, vì tôi đã phạt ông ta bảy ngày giam... Sarin đây.

- Tôi phải làm gì đây? Đợi trong phòng giấy ông à?

- Phải, anh đợi ở đó.

- Tôi xin lấy lời hứa bảo đảm, ông có thể cho phép tôi vắng mặt một lát không? Trong khi đợi người dân cảnh đến, tôi có thể lại đằng kho xin lĩnh một vài thứ và bảo cho một đứa trẻ về trại.

- Anh sẽ không ra khỏi phòng này.

Sarin nhấc trên giá áo cái mũ phớt nhung rất hợp với bộ tóc đen của hắn, và

bay ra khỏi phòng giấy. Lúc đó tôi cầm ống điện thoại và gọi ông chủ tịch Ủy ban chấp hành tỉnh. Ông nhẫn nại nghe tôi kể chuyện.

- Anh đừng bực dọc làm gì, anh bạn ạ, và anh cứ yên ổn về trại đi. Hay là, tốt hơn, anh hãy đợi người dân cảnh, và anh bảo hắn gọi tôi.

Người dân cảnh vào,

- Có phải ông là ông giám đốc trại không?

- Vâng, tôi đó.

- Thế thì đi thôi.

- Ông chủ tịch Ủy ban chấp hành đã quyết đình rằng tôi có thể trở về trại.

Ông đã yêu cầu bác gọi điện thoại cho ông.

- Tôi chẳng gọi điện thoại cho ai hết cả. Về đến Cục rồi thủ trưởng có muốn gọi thì gọi. Lên đường!

Ở ngoài phố, Antôn mở to mắt nhìn, vì thấy tôi bị áp giải đi như thế.

- Đợi tôi ở đây.

- Họ có sắp tha bác không?

- Chú biết thế nào mà nói tôi sắp được tha hay không?

- Cái thằng cha đen đen vừa mới đi qua, đã bảo cháu: mày về trại đi, ông giám đốc của mày không về đâu. Thế rồi lại có những mụ đội mũ kể rằng: ông

giám đốc nhà các anh bị bắt.

- Chú cứ đợi, tôi sẽ về ngay.

Về đến Cục, còn phải đợi thủ trưởng. Mãi đến bốn giờ ông này mới thả tôi ra.

Xe chúng tôi chồng chất những bao với hòm cao ngất ngưởng. Trong khi xe yên ổn kéo chúng tôi đi chậm như sên, Antôn và tôi, trên con đường cái lớn đi Khackôp, thi chúng tôi, ai nghĩ việc nấy, hắn có lẽ nghĩ đến rơm và các cánh đồng cỏ, và tôi nghĩ đến những nỗi thăng trầm mà số phận dành cho các viên giám đốc trại nhi đồng. Phải dừng xe nhiều lần, để sắp lại các bao cứ rơi tuột lung tung, rồi chúng tôi lại trèo lên ngồi và xe tiếp tục đi.

Antôn đã co dây cương bên tay trái để quành xe vào đường về trại, bỗng con Nhãi-ranh nhảy sang một bên, hất cao đầu và muốn chồm lên: từ con đường vào trại, một chiếc ô-tô chạy vút ra như gió cuốn, bóp còi inh ỏi, rít lên sòng sọc, các ống xy-lanh rú khan, bay về phía tỉnh. Một chiếc mũ phớt nhung màu lục đi qua như chớp và Sarin xớn xác nhìn tôi. Ngồi bên cạnh hắn, và một tay giữ cổ áo tơi, là ông Tsecnenkô, lún phún ria mép, chủ tịch Viện kiểm tra Công Nông.

Antôn không kịp có thì giờ ngạc nhiên vì chiếc xe hơi chạy qua như sao băng ấy: con Nhãi-ranh đã làm rối một cái gì trong bộ yên cương phiền phức và tạm bợ của chúng tôi. Nhưng tôi cũng không

có thì giờ ngạc nhiên nữa, vì tôi trông thấy một đôi ngựa của trại thắng vào một chiếc xe tải lớn đang phóng nước đại đâm bổ vào chúng tôi, xe lăn ầm ầm như sấm và chở đầy ních những trai của trại. Đứng ở phần trước xe, Karabanôp cầm cương, rụt đầu rụt cổ, mắt di-gan[65] đen nhánh sáng quắc như phóng lửa đuổi theo chiếc ô-tô trốn chạy. Chiếc xe vút thẳng một lèo chạy qua xe chúng tôi, bọn trẻ kêu lên, nhảy xuống đất, bắt Karabanôp dừng lại, cười ầm ỹ. Karabanôp mãi rồi mới sực tỉnh và hiểu nguyên do. Cái ngã tư bây giờ trở thành rộn rịp như chợ phiên.

- Bọn trai xúm xít vây lấy tôi. Karabanôp rõ rệt là bất mãn vì chuyện

lại kết thúc một cách tầm thường đến thế. Hắn cũng chẳng buồn xuống xe, và vừa cáu tiết bắt ngựa quay trở lại, hắn vừa lăng mạ:

- Ếp, mày có quay lại không, ngựa chết giẫm, quỷ bắt mày đi, cái giống quỷ đẻ ra ngựa nghẽo thế này nhá!

Sau cùng, nổi xung lên một lần chót, nó gò cương bên phải, và phóng nước đại trở về trại, vẫn đứng thẳng ở phần trước xe, nét mặt lầm lầm, nảy người lên qua những ổ gà.

- Các chú có việc gì thế? Các chú đi chữa cháy hay sao vậy? tôi hỏi.

- Chúng mày làm gì mà phát điên lên như thế? Antôn nói thêm.

Vừa ngắt lời nhau, vừa xô đẩy nhau, bọn trẻ kể lại những việc đã xảy ra cho tôi nghe. Mặc dầu tất cả mọi đứa đều đã chứng kiến, nhưng chúng thuật lại các sự việc thật mơ hồ hết sức. Chúng lấy xe có hai ngựa để bay đi đâu, và một khi ra đến tỉnh thì chứng định làm gì cái đó còn là chuyện rất bí hiểm đối với chúng và những câu hỏi của tôi về vấn đề ấy còn khiến chúng ngạc nhiên là khác.

- Biết thế nào được? Ra ngoài ấy sẽ liệu.

Chỉ riêng Zađôrôp là kể chuyện lại được có đầu có đuôi hẳn hoi:

- Mọi việc xảy ra nhanh hết sức, bác ạ, cứ như là ở trên trời rơi xuống ấy.

Họ đã đi ô-tô đến, và hầu như chả ai trông thấy họ; mọi người đều đang bận làm việc cả. Họ đã lên trên buồng bác, không biết họ làm gì ở đó, một đứa bọn cháu lên xem thử: họ đang lục lọi các ngăn kéo, nó kể chuyện lại thế. Như vậy là nghĩa thế nào? Bọn trai lập tức chạy mau về chỗ bực tam cấp buồng bác, thì vừa gặp lúc bọn kia đi ra, Các cháu nghe thấy họ bảo chú Ivan Ivanôvich: "Anh giữ lấy quyền giám đốc". Ấy thế là cứ ầm ầm cả lên thôi, chẳng hiểu ra làm sao cả; những đứa này thì la ó, những đứa kia thi đã nhảy lên túm lấy áo tơi họ, thằng Burun hét đến làm điếc tai cả trại: "Thế các người đã tống bác Antôn vào đâu?". Một cuộc nổi loạn thật sự. Không có

cháu và chú Ivan Ivanôvich, thì đã xảy ra đấm đá nhau, chúng nó dứt đứt cả cúc áo của cháu nữa. Cái thằng cha đen đen, nó mới hoảng vía làm sao chứ, nó chạy vội ra cái xe cà khổ của nó, để ở gần ngay đấy. Họ mở máy chạy trong nháy mắt, và bọn trai cứ đuổi theo họ la hét, vung tít cánh tay lên, quái quỷ hết sức! Thế rồi vừa đúng lúc ấy thằng Xêmiôn ở trại thứ hai về, đỗ chững ngay cái xe tải cỏ không của nó.

Chúng tôi vào trại. Trước chuồng ngựa, Karabanôp, đã trở lại bình tĩnh, đang tháo ngựa và chống đỡ những lời trách móc riết róng của Antôn:

- Đối với các cậu, thì ngựa cũng chẳng khác gì một chiếc ô-tô, cậu xem,

chúng nó đang bốc khói ghê chưa kìa.

- Này, Antôn ạ, lúc ấy chúng tớ còn phải nghĩ đến chuyện khác hơn là nghĩ đến ngựa. Cậu hiểu không?

Karabanôp nói, trong khi cả mắt lẫn răng hắn đều sáng lên vui vẻ.

- Ừ, mà tớ đã hiểu trước cậu, ở ngoài tỉnh kia. Bấy giờ ở đây các cậu đang ăn, còn bác với tớ thì bị tống giam.

Tôi thấy các giáo viên hoảng loạn đến tột độ. Riêng Ivan Ivanovich thì đáng khiêng lên giường nằm.

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác có tưởng tượng được chuyện sẽ kết liễu như thế nào không? Mặt chúng nó hung dữ mới khiếp chứ, khiến tôi nghĩ bụng

các lưỡi dao sắp thò ra cho mà xem, không tránh được. Phải cảm ơn Zađôrôp: chỉ có mình hắn là tỉnh táo. Hắn với tôi cố giải tán chúng, nhưng chúng nó rống lên như đàn chó, hung hăng... Trời ơi!

Tôi không hỏi gì bọn trẻ và, nói chung, làm ra vẻ như không có chuyện gì đặc biệt xảy ra; về phần chúng cũng không chất vấn gì tôi hết. Kể thì chúng cũng chẳng thú gì việc chất vấn: các trại viên trại Gorki quả là những nhà thiết thực chủ nghĩa lớn: chỉ có chuyện gì quyết định tức khắc hành động của chúng mới khiến được chúng quan tâm mà thôi.

Tôi không bị gọi lên sở Giáo dục tỉnh, và tự tôi, tôi cũng chẳng lên đấy làm gì. Một tuần lễ sau tôi phải tới Viện kiểm

tra Công Nông. Người ta bảo tôi vào gặp ông chủ tịch, ở phòng giấy ông. Tsecnenkô tiếp tôi như một người bà con thân thích:

- Ngồi đây, anh bạn, mời anh ngồi, ông vừa nói vừa rung mạnh tay tôi và ngắm tôi với một nụ cười rộng mở. Chà! Bọn trẻ nhà anh mới ghê chứ! Sau khi nghe Sarin nói, anh ạ, tôi cứ yên trí sẽ thấy những đứa trẻ sợ sệt, khổ sở anh hiểu không, tóm lại, những đứa khốn khổ... Thế mà chúng nó, những thằng đểu, phải biết chúng nó xông ra vây lấy bọn mình mới sợ chưa; những của quỷ, thật sự là những của quỷ? Chúng nó đuổi bọn mình một trận, ôi trời ơi là trời, thật kinh hồn! Ngồi trong ô-tô, Sarin không ngớt

miệng: "Tôi chắc chúng nó sẽ không đuổi kịp ta đâu". Còn tôi thì trả lời hắn: "Mọi sự sẽ yên lành nếu xe không bị hỏng cái gì". Ồ! Tôi mới khoái làm sao chứ! Đã lâu lắm tôi không được dịp nào khoái như thế. Ở đây tôi đã kể chuyện lại cho nhiều người; họ cứ là vỡ bụng ngã lăn cả xuống gầm bàn vì cười...

Từ ngày đó bắt đầu mối tình thân thiện giữa tôi với Tsecnenkô.

18. "LIÊN MINH" VỚI NÔNG DÂN

Phục hồi trại ấp Trepkơ đối với chúng tôi là một công việc nặng nề và

gian khổ. Nhà cửa rất nhiều, nhà nào cũng đòi hỏi không phải chỉ tu sửa mà là hoàn toàn xây dựng lại hầu hết. Lúc nào chúng tôi cũng thiếu tiền. Sự giúp đỡ của các cơ quan địa phương được biểu hiện chủ yếu bằng những phiếu cung cấp đủ mọi thứ vật liệu xây dựng phải đi lấy ở những thành phố khác: Kiep, Khackôp. Ở đấy, các giấy tờ của chúng tôi bị coi thường, người ta nhả cho chúng tôi mười phần trăm những số lượng yêu cầu, và có khi người ta chẳng cho chúng tôi cái gì hết thảy. Một nửa toa xe kính lắp cửa, mà chúng tôi đã cố xin được sau nhiều lần đi lại Khac-kốp, chở về đến tỉnh nhà rồi, bỗng bị một cơ quan khác mạnh thế hơn trại chúng tôi lấy phăng ngay mất ở trên

đường ray.

Sự thiếu tiền đặt chúng tôi vào một tình trạng rất khó khăn, về phương diện nhân công, và chúng tôi hầu như không thế nào tính đến chuyện dùng những công nhân ăn lương. Chỉ có những công việc về mộc là chúng tôi phải nhờ đến một hợp tác xã nhà nghề làm giúp.

Nhưng không bao lâu chúng tôi khám phá ra một nguồn năng lượng ra tiền. Đó là những xưởng trống cũ và những chuồng ngựa phá hủy mà cái trại mới có nhiều vô kể. Anh em nhà Trepkơ có một sở nuôi ngựa; việc nuôi ngựa giống lúc này không nằm vào trong kế hoạch sản xuất của chúng tôi, vả chăng chúng tôi chẳng làm gì có khả năng tu sửa lại các

chuồng ngựa: "Cái món đó không vừa tầm mõm chúng mình", như lời Kalina Ivanôvich nói.

Chúng tôi bắt tay vào việc phá dỡ các công trình xây dựng ấy và đem bán gạch cho các dân làng. Khách hàng đông lắm: bất cứ người nào muốn sống cho ra vẻ[66] cũng phải xây lấy một cái lò sưởi, một cái hầm chứa đồ và những đại biểu của bộ tộc kulắc, do đặc tính tham lam của loại giống họ thúc đẩy, đều mua gạch của chúng tôi, chỉ cốt để dành tích trữ đấy.

Các trại viên làm các công việc phá dỡ. Xưởng rèn đã lấy đống sắt cũ ra làm cho chúng những chiếc xà beng và công tác tiến hành "sôi nổi rầm rộ".

Vì các trại viên công tác nửa ngày, còn nửa ngày kia phải học ở trường, cho nên hôm nào cũng có hai chuyến đi sang trại mới: phiên thứ nhất và phiên thứ hai luân chuyển. Các nhóm ấy đi lại giữa hai trại với vẻ bận rộn hết sức, tuy nhiên sự đó cũng không hề ngăn giữ chúng tôi đi trệch đường chính đạo mà săn trộm một chị "gà nòi" cổ điển nào đấy, phóng tâm đi ra ngoài một mảnh sân để thở không khí trong lành. Việc bắt gà, và hơn nữa việc sử dụng triệt để tất cả những ca-lo chứa đựng trong con gà, là những công việc phức tạp, đòi hỏi phải có nghị lực, cẩn thận, bình tĩnh và nhiệt tình. Những công việc đó lại thêm rắc rối vì nỗi các trại viên của chúng tôi dù sao đi nữa

cũng có đôi chút quan hệ với văn hóa sử, cho nên không thể nào không cần dùng đến lửa[67].

Những cuộc đi lại công tác ở trại thứ hai nói chung cho phép các trại viên xúc tiếp chặt chẽ hơn với nông dân. Và một mặt khác, theo đúng những luận điểm của duy vật lịch sử, điều mà chúng quan tâm trước hết là cái cơ sở kinh tế của những nông dân mà chúng được xúc tiếp mật thiết, vào thời kỳ nói ở đây. Không đi xa lắm vào những lý luận dính dáng đến các thượng tầng kiến trúc khác nhau, các trại viên đi sâu thẳng vào các buồng kho và các hầm chứa đồ, và tùy theo trình độ hiểu biết của chúng, chúng ngang nhiên sử dụng những của cái chất đống ở đó.

Đề phòng rất đúng rằng hành động của chúng vấp phải sức phản kháng của những bản năng tiểu chủ của dân làng chăng, chúng thu xếp việc nghiên cứu văn hóa sử vào những giờ mà các bản năng đó ngủ, nghĩa là vào ban đêm. Và trong một thời gian vẫn hoàn toàn phù hợp với khoa học, các trại viên chỉ chú ý duy nhất đến việc thỏa mãn cái nhu cầu cơ bản nhất của con người, tức là món ăn. Sữa, bơ chua, mỡ lợn, bánh chả, đó là bản ngữ vựng vắn tắt mà hồi đó trại Gorki đem ra dùng để "liên minh" với nông thôn.

Chừng nào mà những thằng Karabanôp, Taranet, Vôlôkhôp, Ôtxatsi, Michiaghin đeo đuổi cái công việc có cơ

sở khoa học vững vàng đó, thì tôi còn có thể ngủ yên, vì những đứa đó đều thạo nghề và làm ăn chu đáo cẩn thận. Buổi sáng, sau khi kiểm điểm mau lại tài sản của minh, dân làng đi tới kết luận rằng sữa đựng trong hai bình nọ đã vắng mặt lúc điểm danh, hơn nữa đôi bình ấy vẫn ở y nguyên chỗ cũ, chứng tỏ tính cách kịp thời của việc kiểm kê. Song ổ khóa cửa hầm vẫn hoàn toàn không suy suyển; mà nó đã được đóng lại ngay trước lúc kiểm kê nữa. Mái nhà vẫn nguyên lành, chó suốt đêm không "g-g-gừ" một tiếng, và nói chung mọi vật có hồn và không hồn đều ngắm nhìn đời bằng những con mắt rộng mở và hoàn toàn tin cẩn.

- Tình hình lại khác hẳn, khi là

thế hệ trẻ đi vào nghiên cứu lịch sử văn minh nguyên thủy. Gặp phải trường hợp này, thì cái ổ khóa tiếp đón chủ nó với một bộ mặt dúm dó vì sợ hãi, bởi vì chính cuộc đời của nó đã bị, nói trắng thực sự, tiêu ma bởi một cách đối xử không thành thạo, do phương tiện một trong số những xà beng dùng vào việc phục hồi ấp trại cũ của anh em nhà Trepkơ. Đêm hôm đó, con chó - chủ nhân nhớ lại - không những đã "gầm gừ" mà còn rống lên đến "sổ ruột ra được", và chỉ có vì ông chủ lười nên chó mới không nhận được tiếp viện kịp thời. Kết quả công việc làm ăn vụng về và thô lỗ của bọn trẻ nhỏ là không bao lâu chúng được ném cái sự hết hồn vì nỗi bị dồn

đuổi bởi một sở hữu chủ hung dữ mà con chó nói đó đã lôi ra khỏi giường, hoặc giả hắn đã ngồi rình vị khách khó chơi ngay từ chập tối nữa. Những cuộc đuổi bắt ấy đã bắt đầu khiến tôi phải lo ngại. Thằng nhãi nhép bối rối ba chân bốn cẳng chạy về trại, thế hệ trại viên kỳ cựu thì không đời nào làm như vậy. Người bị mất trộm cũng đến trại, đánh thức tôi dậy và đòi phải giao tội phạm cho hắn. Nhưng thằng này đã chui vào giường rồi, và tôi có thể ngây thơ hỏi:

- Ông có thể nhận mặt được thằng bé đó không?

- Nhận làm sao được chứ? Tôi đã trông thấy nó chạy vào đây.

- Nhưng có lẽ nó không phải người của trại chúng tôi chăng? tôi lại nói, vờ ra vẻ ngây thơ hơn.

- Không phải người của trại ông à? Trước kia chưa có chúng nó ở đây, thì làm gì có xảy ra các chuyện ấy.

Nạn nhân bắt đầu gập từng ngón tay để kể ra những sự việc cụ thể mà hắn nắm được:

- Tún qua, có đứa nào đã hút ráo cả sữa của nhà Mirôsnitsenkô. Tún kia, một ổ khóa ở nhà Xtêpan Veckhôla đã bị bẻ gãy, rồi thứ bảy trước nhà Grêtsany Pêtrô đã mất một đôi gà mái, rồi hôm trước nữa... bà góa Xtôpbina có lẽ ông biết nhà bà ta ở đâu chứ gì, thì đấy, bà ta

có hai hũ kem sẵn sàng đem đi chợ bán, bà ta cứ đinh ninh như thế, vậy mà rồi xuống đến hầm chứa, tội nghiệp bà ta thấy mọi cái đảo lộn lung tung cả lên, kem bị ăn phũ tợn và hư hỏng cả: Lại còn nhà Vatxili Môstsenkô, lại còn nhà Iakôp Veckhôla, lại còn nhà cái bác gù kia nữa hượm xem nào... nhà Niêtsipo Môstsenkô...

- Nhưng ông có chứng cớ không?

- Chứng cớ à? Tôi đến tìm ông, là vì thấy nó chạy vào đây. Mà cũng chả phải đi tìm ở đâu khác nữa. Bọn trẻ nhà ông, mỗi khi đi sang bên Trepkơ, là chúng nó sục sạo khắp chỗ...

Hồi ấy tôi không phóng tâm coi nhẹ

những việc đó được, Tôi lấy làm phiền lòng cho các dân làng; tôi lại bực bội và lo ngại cảm thấy mình hoàn toàn bất lực. Tôi càng khó chịu, vì ngay đến những chuyện ấy tôi cũng không biết, và do đó có thể đoán phỏng đủ thứ. Gia dĩ, não cân tôi hồi đó có một phần nào không ổn định vì những sự việc xảy ra trong mùa đông.

Ở trại mọi sự vẫn tốt, ngoài bề mặt. Ban ngày tất cả các trẻ đều công tác và học tập, tối đến chúng chơi đùa, đi ngủ, để sáng hôm sau lại thức dậy vui vẻ và yêu đời. Ấy thế mà những cuộc xuất kích vào trong làng lại tiến hành ban đêm. Các trại viên cũ tiếp thu những lời diễn thuyết tức giận của tôi bằng một sự im

lặng cam chịu. Những lời than phiền của nông dân dịu đi rồi lại nổ ra, nhen thêm lòng căm thù của họ đối với trại.

Tình hình càng thêm rắc rối vì ở ngoài đường cái vẫn xảy ra những vụ cướp bóc. Những cuộc xâm hại ấy bây giờ có một tính cách khác: các thủ phạm cướp đoạt tiền bạc của nông dân ít hơn là cướp đoạt các thực phẩm, mà số lượng thực phẩm ăn cướp cũng chỉ rất là ít ỏi. Mới đầu tôi còn nghĩ rằng trại chẳng dính líu tới chuyện đó nhưng trong những cuộc nói chuyện thân mật với dân làng, họ chứng minh cho tôi thấy sự việc trái lại:

- Không, đích là bọn trẻ nhà ông đấy. Khi nào mà chúng tôi tóm được một

thằng, trần cho nó một trận thì rồi ông sẽ rõ thôi.

Bọn trẻ đem rất nhiều nhiệt tình ra nói cho tôi yên lòng:

- Tụi nông dân nói điêu! Giá bảo có đứa ở trại ta lẻn vào một hầm chứa nhà nào đó thì không nói làm gi. Cái đó kể thực ra thì cũng... Nhưng còn ở đường cái - nhất định là chuyên bịa!

Tôi thấy chúng có vẻ thành thực tin là không có đứa nào trong bọn chúng đi ăn cướp đường, tôi cũng thấy thêm rằng trò cướp bóc đó sẽ không được các trại viên cũ dung thứ. Điều này làm giảm bớt sự căng thẳng não cân tôi chút ít, nhưng chỉ được cho tới lúc lại nghe thấy lời đồn

đại đầu tiên, và tới cuộc gặp gỡ sau của tôi với các nhà đương chức trong làng thôi.

Bất thình lình, một buổi tối kia, một tiểu đội dân cảnh cưỡi ngựa ập đến trại. Tất cả các cửa ra vào các phòng ngủ của trại đều có lính gác, và một cuộc khám xét chung bắt đầu. Tôi cũng bị giữ lại trong buồng giấy tôi, và chính điều đó đã làm thất bại cả công việc của các vị đại biểu của nền trật tự. Bọn trẻ tiếp đón họ bằng những quả đấm, nhảy qua các cửa sổ, và trong bóng tối những hòn gạch bắt đầu bay, trong khi có những cuộc vật lộn xảy ra ở các góc sân. Một đàn nhãi con xông vào những con ngựa đứng ở trước chuồng ngựa, thế là những con tuấn mã

lồng lên phi nước đại vào rừng. Sau một trận chửi rủa ầm ỹ, Karabanôp giằng ra được, đâm bổ vào phòng giấy tôi mà kêu lên:

- Bác ra mau, không có xảy ra tai họa bây giờ.

Tôi nhảy ra sân, và lập tức các trại viên bị lăng nhục, khản cổ tiếng vì tức tối, túm tụm vây quanh lấy tôi,

Zarađôrôp điên cuồng lên.

- Bao giờ mới hết cái trò này? Cứ tống ngay tôi vào tù đi cho xong, tôi không chịu được nữa! ... Tôi là một thằng tù hay thế nào? Thế thì họ bắt tôi hay sao đây? Tại sao lại khám xét, tất cả bọn họ làm cái gì mà lục lọi khắp chỗ như thế?

Sợ hãi thật sự, nhưng người đội trưởng cũng cố làm ra vẻ không vì thế mà nhượng bộ:

- Ông hãy ra lệnh ngay cho các trẻ nuôi của ông về các phòng ngủ và đứng sắp hàng ngay ở đầu giường của chúng.

- Ông lấy quyền gì mà khám xét? Tôi hỏi.

- Cái đó không việc gì đến ông. Tôi có lệnh.

- Ông hãy lập tức rời khỏi trại.

- Ông nói gì?

- Không có ông giám đốc sở Giáo dục cho phép, tôi sẽ không để cho

ông khám xét, tôi sẽ chống lại bằng võ lực.

- Coi chừng không có người ta khám xét cả các ông nữa đấy! một trại viên nào đó kêu lên, nhưng tôi quát:

- Im!

- Được, người đội trưởng nói, vẻ đe dọa, rồi người ta sẽ bắt các anh phải nhụt cho mà xem.

Anh ta tạm tập hợp những người của anh ta lại, họ đã thu hồi được ngựa, nhờ sự giúp đỡ của các trại viên khoái chí, và bọn họ rút lui, được tiễn chân bằng những lời chúc mỉa mai lên đường bình an.

Tôi đã thưa lên tỉnh, làm cho không

biết người cấp trên nào của họ bị khiển trách. Sau cuộc xâm nhập ấy, các sự việc dồn dập xảy ra mau chóng lạ lùng. Những người dân làng đến tìm tôi, phẫn nộ, đe dọa, kêu la:

- Hôm qua ở ngoài đường cái, bọn trẻ nhà ông đã cướp giật bơ với mỡ lợn của nhà Iaptuc.

- Đâu có thế!

- Có đấy, đúng là chúng nó! Có điều thằng đó đã ấn mũ chụp xuống đến tận mắt để cho người ta không nhận ra mặt nó.

- Thế có bao nhiêu đứa?

- Một đứa, theo lời mụ ta nói. Một đứa ở trại của ông! Và cái áo vét

đúng y như thế!

- Ông đùa đấy thôi! Không thể như thế được, trẻ nhà chúng tôi không làm những chuyện ấy đâu.

Những người dân quê ra về, chúng tôi phiền não lặng im, và Karabanôp bỗng bật lên:

- Chuyện bịa, cháu nói quyết với bác thế, láo toét! Nếu có thì các cháu biết chứ.

Bọn trẻ đã từ lâu chia sẻ nỗi lo lắng của tôi, và những cuộc xuất kích vào các nhà kho gây rượu xem chừng như có vẻ đình hẳn lại. Cứ đến chập tối là cả trại thật sự lặng hẳn đi, đợi chờ một sự gì bất ngờ, mới mẻ, nặng nề và nhục nhã.

Karabanôp, Zađôrôp, Burun, đi từ phòng ngủ nọ sang phòng ngủ kia, lục lọi các xó tối trong sân, đi sâu vào trong rừng. Hồi đó, não cân tôi mệt mỏi hơn bao giờ hết trong cả đời tôi.

Ấy thế rồi…

"Một buổi tối kia" những cánh cửa buồng giấy tôi mở tung ra, để cho thằng Prikhôtkô bị một lũ trẻ tống vào buồng. Karabanôp đang túm cổ áo nó, đẩy mạnh nó áp vào bàn giấy tôi:

- Nó đây này!

- Lại chơi dao nữa phải không? tôi hỏi, vẻ bơ phờ.

- Dao nào? Chính nó ăn cướp trên đường cái!

Sét đánh đầu tôi. Bất giác tôi hỏi Prikhôtkô câm lặng và run rẩy.

- Có thật không?

- Có.

Chỉ thoáng có một phần triệu giây đồng hồ, tai họa đã xẩy ra. Khẩu súng lục đã nằm trong tay tôi.

- Trời ơi!... Sống với các chú!

Nhưng tôi chưa kịp đưa khẩu súng lục lên thái dương tôi. Cả bầy trẻ la ó và khóc lóc xông vào tôi.

Tôi tỉnh lại thấy mình ở trước mặt Êkatêrina Grigôriepna, Zađôrôp và Burun. Tôi nằm dài trên sàn, giữa các bức bàn và bức tường, mình đẫm nước.

Zađôrôp giữ đầu tôi, và ngước mắt lên nhìn Êkatêrina Grigôriepna, bảo chị rằng:

- Cô ra ngoài kia đi, kẻo các tướng… chúng nó có thể giết thằng Prikhôtkô đấy…

Thoắt trong một giây tôi vụt ra sân. Tôi gỡ ở tay chúng ra thằng Prikhôtkô, mình đầy máu me và đã hôn mê bất tỉnh.

19. RÚT THĂM

Hồi ấy là vào đầu mùa hè năm 1922: Ở trại, không ai nói năng gì về cái tội của thằng Prikhôtkô cả. Các bạn nó đã đánh cho nó một trận dừ tử, đến nỗi nó

phải nằm liệt giường mãi, và chúng tôi cũng miễn làm rầy, không tra vấn gì nó hết. Do tình cờ gặp may mà tôi được biết những hành trang của nó không có gì là đặc biệt. Người ta đã không tìm thấy khí giới trong người nó.

Tuy nhiên Prikhôtkô là một thằng ăn cướp thật sự. Tất cả cái tai họa xảy ra trong buồng giấy tôi, và chính cái nạn của bản thân nó đã chẳng để lại cho nó một ấn tượng gì. Và sau đó nó còn gây cho trại rất nhiều giờ phút khó chịu nữa. Nó đồng thời cũng là đứa tận tụy với trại theo cái kiểu riêng của nó, và đối với kẻ nào là kẻ thù của trại thì không có gì bảo đảm được cho y rằng sẽ không có một cái xà beng nặng hay một cái rìu giáng

xuống đầu y. Đó là một thằng bé cực kỳ thiển cận, lúc nào cũng sống dưới ảnh hưởng những ấn tượng tức khắc, và những ý nghĩ đầu tiên nảy ra trong đầu óc ngu xuẩn của nó. Ngược lại về mặt làm việc, thì cũng không ai ăn đứt nó! Những công tác nặng nhọc nhất không làm cho nó mất hứng thú; nó say sưa sử dụng cái rìu và cái búa, ngay cả khi những dụng cụ đó không phải bổ xuống đầu người khác.

Sau những hồi nặng nề mà chúng tôi đã thuật chuyện lại, các trại viên tỏ ra căm thù dữ dội đối với nông dân. Chúng không thể tha thứ cho họ đã là nguyên nhân những đau khổ của chúng tôi. Tôi thấy rằng nếu chúng dằn lòng không làm

nhục dân làng một cách lộ liễu quá, thì hoàn toàn chỉ là vì chúng nể mặt tôi mà thôi.

Những cuộc nói chuyện của tôi và của các giáo viên về nông dân và sự lao động của nông dân, về sự tôn trọng cần phải có đối với lao động ấy, không bao giờ được bọn trẻ coi là những câu chuyện của các người am hiểu hơn và thông minh hơn chúng. Theo cách nhìn nhận của các trại viên, thì chúng tôi chẳng biết mấy nỗi về các chuyện đó – trước mắt chúng, chúng tôi là những người tri thức ở thành thị, không thể nào hiểu được rằng nông dân là hoàn toàn vô vị, không sao thương được.

- Các bác không biết họ, còn

chúng tôi, chúng tôi đã đem lưng ra chịu đòn, chúng tôi biết họ là những người như thế nào rồi. Mua của họ nửa bằng bánh mì thì họ cắt cổ mình, và hãy cứ thử hỏi xin họ một cái gì xem… Nói làm sao họ cũng chẳng đời nào cho kẻ đói, họ để cho mọi thứ mốc meo ở chạn nhà họ còn hơn.

- Chúng tôi là những thằng ăn cướp, phải, chúng tôi thế đấy! Song chúng tôi cũng lại biết rằng chúng tôi đã làm sai, vả chăng… chúng tôi đã được tha thứ. Chúng tôi biết như vậy. Nhưng bọn họ chẳng cần: sa hoàng xấu, chính quyền xô-viết cũng xấu nốt. Chỉ có ai không đòi hỏi gì họ, và cho không họ tuốt mọi cái, thì họ mới coi là tốt thôi. Những

dân quê bẩn thỉu, họ là thế đó!

- Tôi, thì những lão dân quê đó, sao mà tôi ghét thế, nhìn họ tôi không chịu được. Tôi chỉ muốn đem họ ra làm bia, bắn tuốt! Burun, gốc ở thành thị lâu đời, nói vậy.

Cứ ra chợ tỉnh, là thể nào Burun cũng chơi nguyên một cái trò như thế này: nó lại gần một nông dân, đang đứng bên xe tải hàng của mình mà hầm hầm nhìn tất cả những thằng vô lại ở thành phố cứ lởn vởn đi chung quanh hắn ta, và nó hỏi hắn rằng:

- Cậu là một tên cớm phải không?

Người nông dân cục mịch ngạc nhiên quên mất cả cảnh giác:

- Cái gì?

- Ha ha! Cậu là một dân quê! Burun nói và phá lên cười, rồi dứ một cái nhanh như chớp về phía cái bao nằm trên xe tải:

- Giữ cho vững, ông nội nhé!

Người nông dân tuôn ra một tràng dài chửi rủa, và Burun cũng chỉ muốn có vậy thôi: thích thú ngang với thích thú một người mê nhạc khi được thưởng thức một cuộc hòa nhạc giao hưởng.

Burun nói toạc ra với tôi:

- Nếu không có bác ở đây, thì cái tụi kulắc ấy cứ gọi là chưa nếm đủ mùi đâu.

Một trong những nguyên nhân chính làm cho quan hệ của chúng tôi với nông dân thành gay gắt là chung quanh trại chỉ có toàn những trại ấp của kulắc. Gôntsarôpka mà phần đông dân cư là nông dân cần lao thì ở khá xa chúng tôi. Những hàng xóm gần chúng tôi là những gia đình Mutxi Kacpôvich và Êfrem Xiđôrôvich. Họ sống cách xa nhau trong những ngôi nhà nhỏ lợp rất kỹ và quét vôi trắng như tuyết, chung quanh bao vây không phải bằng giậu cành cây đan kín, mà bằng hàng rào gỗ. Họ để ý khe khắt không cho ai vào vườn nhà họ, và mỗi khi đến trại họ lại làm khổ chúng tôi với những lời kêu ca thường xuyên của họ về việc trưng thu lương thực thừa, báo

trước cho chúng tôi biết rằng với một chính sách như thế thì chế độ xô-viết không thể nào lâu bền được. Trong khi đó, họ vẫn thắng những ngựa giống rất đẹp vào xe họ, và những ngày hội hè vẫn uống bự rượu vôtka; vợ họ vẫn sực nức mùi áo vải hoa in mới tinh mùi bơ chua và mùi nấm nấu sữa đông; các con trai họ có thể nói là vẫn được xếp vào loại ngoại hạng trong các cuộc ganh đua cầu hôn và đóng vai công tử bảnh trai vì chúng không có địch thủ về mặt chưng diện áo vét – tông may khéo, mũ cát – két mới bằng dạ màu lục sẫm, giày bốt đánh xi, mùa đông cũng như mùa hè đều có bọc vỏ cao su sáng nhoáng.

Các trại viên biết rất rõ tình hình

kinh tế của mỗi nhà hàng xóm chúng tôi, và biết cả đến tình hình cái máy gieo hạt này hay máy gặt nọ, bởi vì chúng vẫn thường phải điều chỉnh và sửa chữa các máy đó, ở xưởng rèn của trại. Chúng còn biết số phận bi đát của nhiều người mục phu và làm công nhật, mà bọn kulắc thường vẫn tàn nhẫn tống ra khỏi cửa, chẳng buồn trả công cho họ nữa.

Và, nói cho thực, thì sự thù ghét của các trại viên đối với tụi kulắc ẩn nấp sau những cánh cổng cái và những hàng rào ấy, cũng lây cả sang tôi nữa.

Tuy nhiên những chuyện rắc rối thường xuyên nọ không khỏi khiến tôi lo ngại. Và để cho thêm đầy đủ, lại còn có những quan hệ thù địch với các nhà chức

trách trong làng nữa. Trong khi nhượng ruộng đất của họ Trepkơ cho chúng tôi, Luka Xêmiônôvich vẫn không từ bỏ hi vọng đuổi chúng tôi ra khỏi trại thứ hai. Hắn ra sức chạy chọt luồn lỏi để xin giao lại nhà máy xay gió và tất cả những đất đai của họ Trepkơ cho xô-viết thôn, lấy cớ là để mở một trường học ở đấy. Nhờ sự giúp sức của những người thân thích và những kẻ thông đồng ở ngoài tỉnh, hắn tìm cách mua được một dãy nhà bên của trại thứ hai, dự định để dỡ về xây lại ở trong làng. Chúng tôi đánh lui cuộc tấn công ấy bằng quả đấm và gậy gộc: tôi đã phải tốn nhiều công phu mới xin thủ tiêu được việc mua bán ấy, và chứng minh với các nhà đương chức ở ngoài tỉnh

rằng việc mua tòa nhà kia chỉ là để lấy gỗ, lợi riêng cho Luka Xêmiônôvich và những người thân thích của hắn.

Luka Xêmiônôvich và bè lũ của hắn viết và gửi ra tỉnh hết đơn khiếu nại nọ đến đơn khiếu nại kia phản đối trại, họ tích cực thóa mạ vu khống chúng tôi với các cơ quan; và chính là do họ tha thiết yêu cầu mà đã xảy ra việc dân cảnh đến vây khám trại.

Mùa đông năm ấy Luka Xêmiônôvich đột nhập vào phòng tôi một buổi tối, và đòi hỏi bằng một giọng ra lệnh:

- Ông xuất trình cho tôi coi những chứng từ, để xem các khoản tiền bòn rút của dân làng về công việc lò rèn, ông sử

dụng ra sao?

Tôi bảo hắn:

- Ông ra ngay!
- Thế nào?
- Phải, ra ngay lập tức!

Xem chừng thái độ của tôi khiến hắn liệu trước sẽ chẳng có được một thắng lợi nào trong ý định muốn làm sáng tỏ việc sử dụng tiền của dân làng, bởi vì hắn chuồn ngay không kiếm chuyện lôi thôi gì nữa. Nhưng sau đó hắn trở thành kẻ thù công khai của tôi và kẻ thù của cả trại. Về phần các trại viên, chúng đều căm ghét Luka với "tất cả nhiệt tình của tuổi trẻ".

Sang tháng sáu, vào một buổi trưa nóng bức, cả một đoàn người bỗng xuất hiện ở phía bên kia bờ hồ. Khi đoàn người lại gần trại, chúng tôi nhận thấy rõ cái cảnh rụng rời này: hai người "dân quê" dắt Ôpriskô và Xôrôka bị trói.

Ôpriskô là một nhân vật anh hùng về mọi mặt, và ở trại, nó chỉ sợ có Antôn Bratsenkô. Nó làm việc dưới quyền của Antôn, mà nó đã nhiều lần cảm thấy bàn tay sắt. Nó lớn hơn và khỏe hơn Antôn nhiều, nhưng nếu nó không đem những ưu thế của nó ra mà đối địch với Antôn thì chỉ là vì tay mã phu trưởng của chúng tôi có một ngôi sao bản mệnh tốt và không hiểu tại sao được nó yêu quý hết sức. Đối với tất cả các trại viên khác,

Ôpriskô có thái độ nghiêm chỉnh đường hoàng và không chịu để cho ai đè đầu cưỡi cổ. Tính khí đặc biệt của nó giúp đỡ nó nhiều trong điều đó: lúc nào cũng vui vẻ, nó thích chơi với những bạn vui nhộn, và vì thế nên ở trại nó chỉ tìm đến những chỗ nào nó không lo gặp phải những bộ mặt dài thườn thượt, hoặc nhăn nhó như ăn phải giấm. Ở trung tâm phân phối, nó đã cực lực từ chối không chịu xuống trại, và tôi đã phải đích thân đến tìm nó. Nằm dài trên giường, nó tiếp đón tôi bằng một cái nhìn khinh bỉ:

- Bác cút đi đâu thì cút, tôi không nhúc nhích khỏi đây đâu!

Người ta đã báo cho tôi biết trước những đức tính anh hùng của nó, cho nên

tôi lấy giọng hết sức thích hợp ra nói chuyện với nó.

- Thưa ngài, tôi rất buồn vì phải làm phiền ngài, nhưng tôi bắt buộc phải làm tròn nhiệm vụ mà khẩn khoản yêu cầu ngài làm ơn chiếu cố ngồi vào cỗ xe đang đợi ngài kia.

Ôpriskô mới đầu chưng hửng lạ lùng vì cách nói năng "thành thị" đến như thế, khiến nó ngồi nhỏm hẳn dậy ở trên giường, nhưng tính khí bất thường lại thắng thế, nó lại để rơi đầu xuống gối.

- Không, tôi đã bảo không mà! … Nói thế đủ rồi!

- Thưa ngài đáng quý mến, nếu vậy thì tôi rất lấy làm tiếc rằng tôi sẽ

phải buộc lòng dùng đến võ lực.

Ôpriskô ngẩng cái đầu tóc xoăn lên trên mặt gối và nhìn tôi với một vẻ ngạc nhiên không vờ vĩnh:

- Lạ chửa kia, cái anh này ở đâu ra thế? Anh tưởng là dùng võ lực với tôi dễ lắm đấy hẳn!

- Xin ngài xét cho…

Tôi nhấn mạnh điệu hách dịch trong giọng nói, và pha thêm màu mát mẻ:

- Ngài Ôpriskô thân mến của tôi …

Và bất thình lình tôi hét lên:

- Thôi, lên đường, đồ khốn! Tao bảo mày đứng dậy!

Nó nhảy choàng ra khỏi giường tới cửa sổ:

- Tôi nhảy xuống bây giờ, mẹ kiếp!

Tôi khinh bỉ bảo nó:

- Hoặc là mày nhảy ngay đi, hoặc là mày bước lên xe, tao không có thì giờ nói nhảm với mày.

Chúng tôi đang ở trên tầng gác thứ hai, cho nên dễ hiểu vì sao Ôpriskô bỗng mỉm cười một cách vui vẻ và thành thật.

- Thôi, mình bị thế bí rồi!... Chả làm thế nào được. Ông là ông giám đốc trại Gorki à?

- Phải.

- Thế thì phải nói lên chứ! Đáng lẽ ta đã cùng đi từ đời nào rồi còn gì?

Nó vui vẻ chạy bổ đi thu xếp hành lý lên đường.

Ở trại, các bạn nó làm bất cứ trò trống gì nó cũng tham dự cho bằng được, nhưng không bao giờ giữ vai đầu sỏ, và xem chừng nó tìm ở đấy một thú tiêu khiển nhiều hơn là một dịp kiếm lợi.

Xôrôka ít tuổi hơn Ôpriskô. Mặt nó tròn trĩnh và dễ thương. Nó ngốc nghếch như gà tồ[68], nói giọng líu ngọng lo và xúi quẩy phi thường. Chẳng có việc gì nó dính vào mà không bị "tóm". Cho nên, thấy nó bị trôi bên cạnh Ôpriskô, các trại viên đều rất bực bõ.

- Sao thằng Đimitri lại đi cặp kè với cái thằng Xôrôka ấy thế không biết …

Chúng bị áp dẫn bởi viên chủ tịch

Xô-viết thôn và Mutxi Kacpôvich, người quen cũ của chúng tôi.

Thái độ của Mutxi Kacpôvich lúc này là thái độ của một thiên thần bị xúc phạm. Còn thái độ của Luka Xêmiônôvich, cực kỳ lạnh lùng trầm tĩnh, thì có cái vẻ đường bệ xa vời của người quyền chức. Bộ râu đỏ hoe của hắn được chải rất cẩn thận, và dưới áo vét-tông hắn mặc một chiếc sơ-mi thêu mới thay – hiển nhiên là hắn vừa mới đến nhà thờ xong.

Hắn bắt đầu nói:

- Ông giáo dục các trại viên của ông tốt nhỉ?

- Chuyện đó thì có việc gì đến

ông?

- Có việc đến tôi là ở chỗ các trẻ nuôi của ông quấy rối không chịu được nữa, là chúng cướp giật ở đường cái, là chúng ăn cắp hết mọi cái.

- Này, ông nội, ông có quyền gì mà trói chúng nó? Có những tiếng nói lên trong đám trại viên.

- Hắn cứ tưởng là vẫn ở dưới chế độ cũ…

- Cho hắn biết tay một tí xem…

- Im! Tôi quát bảo chúng. Có chuyện gì, ông nói đi.

Mutxi Kacpôvich lên tiếng:

- Nhà tôi phơi một cái váy và

một chiếc khăn trên bàn giậu, hai thằng này vừa đi qua, tôi nhìn lên – chả còn gì nữa hết. Tôi đuổi theo, chúng nó cắm cổ chạy. Có mà ông trời đuổi kịp chúng nó! May sao, lạy Chúa, tôi trông thấy ông Luka Xêmiônôvich ở nhà thờ về, và có thể chúng tôi mới tóm được chúng.

- Tại sao các bác lại trói chúng nó? Lại có tiếng hỏi trong đám đông.

- Để chúng nó khỏi trốn, chứ gì nữa? Thế thì đã làm sao …

- Không bàn chuyện ấy, viên chủ tịch nói: Ta đi viết biên bản.

- Có thể không cần biên bản. Chúng nó đã trả lại các thứ rồi chứ?

- Thế chưa đủ đâu! Nhất định

phải có biên bản.

Viên chủ tịch đã quyết tâm lên mặt anh hùng to chuyện, và nói cho thực, thì hắn có đủ những lý do tốt nhất: lần đầu tiên các trại viên bị bắt quả tang.

Như vậy là mọi sự trở thành hết sức khó chịu cho chúng tôi. Một tờ biên bản chắc chắn đưa những trẻ có tội vào nhà giam tạm, và làm cho trại đeo một nỗi sỉ nhục không thể nào rửa sạch.

- Những đứa trẻ này bị bắt lần này là lần đầu, tôi nói. Giữa hàng xóm với nhau thường xảy ra bao nhiêu chuyện! Vì là lần đầu, thì nên tha thứ.

- Không, lão tóc hoe nói; chỉ còn thiếu nước ấy! Ta lên buồng giấy, làm

biên bản.

Mutxi Kacpôvich, cũng nhắc lại:

- Ông có nhớ cái hồi ông bắt tôi, một đêm nào đó không? Và cái rìu của tôi vẫn còn ở trại ông đấy, và bao nhiêu tiền phạt tôi đã phải trả!

Chả còn cãi lại được câu gì nữa. Chúng tôi bị mắc tròng, rõ quá đi rồi. Tôi chỉ đường lên phòng giấy cho những người thắng thế, và chính tôi điên tiết lên bảo bọn trẻ:

- Các chú kiếm chuyện, thì được có chuyện, và có cả dây thừng treo cổ nữa! Mấy ông mãnh này cần phải có một chiếc váy cơ! Bây giờ, thì thật được nhục nhã nhé… Bầy vô lại, rồi đây tao sẽ

dùng gậy mà cai quản chúng mày. Còn hai cái thằng xuẩn này, thì cho chúng nó vào nhà giam tạm mà nằm mốc meo ở đó.

Tụi trẻ im lặng, vì thực sự chúng đã gieo gió và được gặt bão.

Sau bài diễn văn quá ư sư phạm đó, tôi đi lên phòng giấy.

Suốt hai tiếng đồng hồ ròng rã, tôi nài xin và nói năng phải trái với viên chủ tịch, tôi hứa hẹn rằng việc như thế sẽ không bao giờ tái diễn nữa, tôi bằng lòng bảo làm cho xô-viết thôn một bộ bánh xe mới với cả trục, theo giá thành bản. Sau cùng, viên chủ tịch đặt một điều kiện duy nhất.

- Tất cả bọn trẻ phải xin tôi tha tội.

Trong hai tiếng đồng hồ ấy tôi đã được tôi luyện để căm thù hắn suốt đời. Trong khi nói chuyện, cái tư tưởng khát máu này đã chạy qua óc tôi: nếu tình cờ chúng tóm được hắn ở một xó tối, và giết hắn, thì tôi sẽ mặc không cứu gỡ hắn.

Dù sao đi nữa thì cũng phải qua bước đó thôi. Tôi ra lệnh cho các trại viên đứng sắp hàng trước bậc tam cấp, vị đại diện chính quyền đi ra đấy. Giơ tay lên vành mũ cát-két, tôi nhân danh cả trại tuyên bố rằng chúng tôi ân hận vì điều lầm lỗi mà anh em chúng tôi đã mắc phải, và yêu cầu tha thứ cho họ, xin hứa những việc như vậy sẽ không tái diễn

nữa. Luka Xêmiônôvich diễn thuyết như sau:

- Những việc như thế tất phải trừng phạt vô điều kiện, theo đúng sự nghiêm khắc của luật pháp, vì người nông dân là người lao động, cái đó không chối cãi được. Và nếu như, giả thử một nữ công dân phơi một cái váy, mà bị người ta lấy mất, thì những kẻ nào đã làm việc đó, chúng là những kẻ thù của nhân dân, của giai cấp vô sản. Tôi đây, đảm nhiệm chính quyền xô-viết, tôi không thể dung thứ những sự bất hợp pháp như thế, để cho bất cứ một tên kẻ cướp và tội phạm nào cũng đến đây mà giở trò cướp bóc. Và cái việc mà các anh có mặt ở đây, các anh yêu cầu tôi vô điều kiện,

với lời hứa hẹn của các anh, thì để còn xem sau này ra thế nào. Nhưng vì là các anh xin tôi một cách kính cẩn, với ông giám đốc của các anh phải dạy dỗ cho các anh thành những công dân lương thiện, chứ không phải như là những tên kẻ cướp, nên tôi tha thứ cho vô điều kiện.

Tôi run lên vì nhục nhã và tức giận. Ôpriskô và Xôrôka, mặt tái nhợt, đứng nghiêm trong hàng các trại viên.

Vị đại diện chính quyền và Mutxi Kacpôvich vừa bắt tay tôi vừa nói những lời đầy ý nghĩa cao cả và độ lượng, nhưng tôi không nghe họ nói.

- Giải tán!

Mặt trời dãi nắng gay gắt lên trên trại. Cây rau mùi kín đáo phả hương thơm là là mặt đất. Những luồng không khí xanh lam ngưng đọng trên khu rừng.

Tôi nhìn chung quanh tôi. Quanh tôi, vẫn là cái trại ấy, vẫn những khối đá hình hộp ấy, vẫn những trại viên ấy và ngày mai sẽ vẫn là chuyện ấy: váy ăn cắp, chủ tịch Mutxi Kacpôvich, những cuộc đi ra tỉnh, cái tỉnh chán ngấy và chỗ nào cũng bẩn thỉu những cứt ruồi. Ngay trước mặt tôi, cửa phòng tôi mở ra, trong kê một chiếc giường giát, một cái bàn gỗ mộc, và trên bàn là một gói thuốc lá to sợi.

"Chui vào đâu? Và làm gì? Ta làm được cái gì?"

Tôi quay gót đi vào rừng.

Rừng thông vào buổi trưa không có bóng, nhưng ở đấy mọi cái bao giờ cũng sạch sẽ lạ lùng, tầm mắt nhìn khoáng đãng, và những cây thông non mảnh khảnh biết tự xếp đặt dưới vòm trời, thành những cảnh trí hết sức trật tự và đồng thời không có một vẻ gì là kiêu kỳ.

Chúng tôi sống giữa những rừng này, vậy mà tôi hầu như không có dịp đi sâu vào tận lòng rừng. Những công việc của loài người xoáy chặt tôi vào những bàn viết, bàn thợ mộc, nhà kho trống và phòng ngủ. Gỗ thông tĩnh lặng và sạch sẽ, không khí đặt mùi dựa quánh hấp dẫn người. Giả thử đừng bao giờ ra khỏi nơi này, và thật sự biến thành một trong

những gốc cây thơm, và đẹp, và hiền này, và cứ ở nguyên đây với tình bầu bạn thanh lịch và trang nhã của chúng, cùng đứng dưới trời xanh!

Có tiếng cành cây gẫy sau lưng tôi. Tôi nhìn quanh: cả khu rừng, nhìn xa cho đến hết tầm con mắt, đầy những trại viên. Chúng đi rón rén, ẩn mình trong hàng cây, và chỉ khi nào phải qua những chỗ rừng thưa cách quãng xa, chúng mới chạy theo hướng tôi đi.

Tôi ngừng bước, ngạc nhiên. Chúng cũng đứng lại ngay tại chỗ, đờ người ra mà nhìn tôi bằng những con mắt sắc, đầy ý đợi chờ yên lặng và lo sợ.

- Các chú làm gì ở đây? Có

chuyện gì mà các chú chạy theo tôi?

Zađôrôp, đứng gần tôi nhất, tách mình ra khỏi một thân cây và bảo tôi bằng một giọng khá sỗ sàng:

- Chúng ta hãy trở về trại.

Tôi bỗng chột dạ:

- Có chuyện gì xảy ra ở trại?

- Không, có chuyện gì đâu… thôi ta đi.

- Nhưng chú hãy nói lên chứ, quái quỷ! Có phải hôm nay các chú định trêu chọc cho tôi đến thành ngu độn đó không?

Tôi đi mau lại gặp hắn. Hai ba đứa khác nữa tiến đến gần, những đứa còn lại

vẫn đứng nguyên ở xa. Zađôrôp nói nhỏ với tôi:

- Các cháu đi về đây, nhưng mà bác hãy làm ơn…

- Các chú muốn gì?

- Bác đưa khẩu súng lục của bác.

- Súng lục của tôi?

Tôi chợt hiểu ý hắn và bật lên cười:

- À! khẩu súng lục! Xin các chú. Rõ mới là lũ ngốc chửa! Tôi vẫn có thể tự treo cổ hay nhảy xuống hồ cũng được kia mà…

Zađôrôp bất thình lình cười phá lên đến làm rung động cả rừng

- Không, không, bác cứ giữ súng!

Chỉ là một ý nghĩ vớ vẩn đấy thôi. Bác đang đi chơi? Thế thì bác cứ đi nữa đi. Chúng mày ơi, ta về thôi!

Vậy đã có chuyện gì thế?

Thì ra khi tôi đi về phía rừng, Xôrôka đã bay lên phòng ngủ:

- Ồ, anh em, các cậu ơi, vào rừng ngay lập tức! Bác Antôn Xêmiônôvich sắp tự bắn vỡ sọ đấy…

Không nghe nó nói gì thêm nữa, chúng đã đâm bổ cả ra khỏi phòng ngủ.

Tối hôm đó, tất cả mọi người đều sượng sùng hết sức, chỉ trừ có Karabanôp, giả đò ngốc nghếch, lượn quanh các giường như một thằng rồ. Zađôrôp nhe tất cả răng ra, lặng lẽ cười

rất dễ thương, và, chẳng có lý do gì, cứ ôm riết lấy bộ mặt nhỏ nhắn và tươi tỉnh của Sêlaputin. Burun không rời tôi ra, nhưng vẫn cố tình im lặng một cách bí hiểm. Ôpriskô giở trò điên dại: nằm trong buồng Kôdia, nó úp mặt vào chiếc gối cáu ghét và kêu rống lên từng hồi. Xôrôka lẩn trốn ở một xó nào đấy, để tránh những lời chế giễu của những đứa khác.

Zađôrôp nói:

- Hay là ta chơi rút thăm[69] đi.

Và chúng tôi chơi trò đó. Khoa sư phạm đôi khi cũng có mặt hài hước của nó: bốn chục đứa trẻ vô cùng đói rách, chơi rút thăm vui vẻ hết sức dưới ánh

sáng leo lét của một chiếc đèn dầu còm nhom. Chỉ có điều là không có hôn mà thôi.

20. SINH SÚC VÀ NÔNG CỤ

Sang mùa xuân, vấn đề kiểm kê nông cụ và sinh súc đặt chúng tôi trước một tình trạng không lối thoát. Con Nhãi-ranh và con Thổ-phỉ đều vô dụng, nói thẳng là như thế, và không có cách gì làm việc được với chúng. Hàng ngày, cứ bảnh mắt ra là Kalina Ivanôvich đã phát biểu ở chuồng ngựa những lời lẽ phản cách mạng, chỉ trích chính quyền xô-viết là không biết kinh doanh, là tàn ác đối với súc vật:

- Khi mà người ta muốn lập một cơ sở nông nghiệp thì người ta phải cho nó một số sinh súc, và đừng có hành hạ một con vật không biết nói. Đứng về mặt lý thuyết, đã đành rằng đó là một con ngựa thật đấy, nhưng cứ thực tế mà nói thì nó ngoẻo đến nơi, trông thật thương hại, với lại cũng không có ai làm ăn như thế.

Bratsenkô giữ một đường lối rất nghiêm ngặt. Nó yêu những con ngựa chỉ vì rằng đó là những con ngựa sống và hễ cứ ai bắt các bạn thân thiết ấy của nó phải làm công việc gì phụ ngoại là y như nó tức giận và hằn học. Đáp lại tất cả những lời kêu ca và trách móc, nó luôn luôn dự bị sẵn câu lý luận quả chùy này:

- Còn mày, giá người ta bắt mày phải kéo cày xem? Tao sẽ rất thích thú nghe bản nhạc mày tấu ra sao?

Nó hiểu những lời lẽ của Kalina Ivanôvích như là những chỉ thị không cho ngựa đi làm một việc gì hết. Vả chăng chúng tôi cũng chẳng muốn đòi hỏi như vậy làm gì. Chuồng ngựa của trại thứ hai đã tu sửa xong, và khi nào chớm sang xuân là lập tức phải di chuyển sang bên ấy một đôi ngựa để làm các công việc cày bừa và gieo hạt. Nhưng chúng tôi không có ngựa.

Trong một cuộc nói chuyện với Tseenenkô, chủ tịch Viện R.K.I (viện kiểm tra Công Nông), tôi có đề cập qua đến những khó khăn của chúng tôi: về

mặt nông cụ, chúng tôi sẽ xoay xở tàm tạm được: chúng tôi có khá đủ dùng cho mùa xuân, nhưng về ngựa, thì mới thật là tai họa. Sáu mươi đêxiatin ruộng chứ có phải ít đâu! Và nếu chúng tôi không cày cấy được, thì dân làng sẽ kêu la chúng tôi những gì đây?

Tsecnenkô nghĩ ngợi một lát, rồi bỗng nhảy chồm lên mừng rỡ:

- Hượm tí! Ở đây chúng tôi có một Vụ kinh tài, và có thừa số ngựa cần dùng trong mùa xuân. Tôi sẽ cho các anh mượn ba con, như vậy chúng tôi sẽ không phải nuôi chúng và sau một tháng rưỡi các anh sẽ giả chúng lại cho chúng tôi. Anh hãy đi nói chuyện với ông chủ nhiệm của chúng tôi về việc đó.

Ông chủ nhiệm của Viện R.K.I tỏ ra là một con người lợi hại và rất thực tế. Ông đòi một giá thuê ngựa ra trò: năm pút lúa mì mỗi tháng và những bánh xe cho chiếc xe của Viện.

- Tôi biết là các ông có một xưởng đông xe.

- Nhưng sao lại thế được? Ông lột da chúng tôi! Đối với chúng tôi, mà nỡ làm thế à?

- Tôi là chủ nhiệm chứ không phải bà mẹ đỡ đầu. Và rồi ông sẽ xem những con ngựa đó! Giá cứ như tôi, thì mấy tôi cũng chẳng cho các ông mượn. - các ông sẽ làm hỏng ngựa, sẽ làm chết ngựa, tôi biết thừa các ông, tôi đã mất

hai năm trời mới tìm ra được những con ngựa như thế, - chúng đâu có phải là ngựa, chúng là những của báu kỳ lạ đấy!

Kể ra thì tôi có thể hứa hẹn với ông ta một trăm pút cho mỗi đầu ngựa và bánh xe cho tất cả các cỗ xe của thành phố. Chúng tôi đang cần những con ngựa đó.

Ông chủ nhiệm làm một tờ hợp đồng thành hai bản, tất cả các điều khoản viết rất tỉ mỉ và đanh thép:

… trại nhi đồng kê tên dưới đây… việc giao nộp những bánh xe ấy cho Vụ Kinh tài của Viện R.K.I của tỉnh sẽ có hiệu lực kể từ ngày Ủy ban chuyên môn phụ trách kiểm thu và lập biên bản hợp

lệ chứng thực… Trường hợp chậm giao hoàn ngựa, trại sẽ phải nộp cho ban kinh doanh nông nghiệp của Viện R.K.I một số lượng mười bảng lúa mì cho mỗi ngày để chậm và cho mỗi con ngựa… và trong trường hợp trại không thi hành hợp đồng này, thì trại đó cam kết nộp bồi thường vì ước gấp năm lần giá trị tổn thất…

Ngày hôm sau Kalina Ivanôvich và Antôn cưỡi ngựa nghênh ngang, đại thắng trở về trại. Từ buổi sáng, bọn trẻ lau nhau đã đứng túc trực rất xa trên đường cái. Toàn trại, và cho đến cả các giáo viên nữa, đều mỏi mắt chờ đợi chán chê. Sêlaputin và Tôxka là những đứa may mắn hơn cả: chúng gặp được đoàn người ngựa trên đường đá, và lập tức bám leo

lên lưng ngựa. Kalina Ivanôvich thì không còn có thể mỉm cười hay nói được nữa, là vì cả người bác đã đầy ắp một vẻ nghiêm trọng hết sức xa vời. Antôn Bratsenkô chẳng thèm quay đầu lại phía chúng tôi nữa, - hết thảy mọi sinh vật nói chung chẳng còn có lấy một mảy may giá trị đối với nó, ngoài ba con ngựa đen buộc sau xe tải của trại.

Kalina Ivanôvich từ trên cái thùng xe giống chiếc quan tài bước xuống, phủi một cái cuống rạ bám vào áo vét-tông của bác và bảo Antôn:

- Phải liệu cho chúng nó ở chuồng tử tế, những con này chẳng phải như con Thổ-phỉ đâu.

Sau khi ra lệnh cho những đứa phụ việc của nó bằng những câu nhát gừng, Antôn tống những con ngựa cưng trước kia vào những ngăn chuồng xa nhất và bất tiện nhất, vừa làm vừa quất đai da đe nẹt những đứa tò mò muốn liếc nhìn vào chuồng ngựa, và trả lời ông già với một giọng thân mật thô lỗ:

- Đem những yên cương khác về đây, bác Kalina Ivanôvich ạ, cái của bẩn thỉu này chẳng còn ra quái gì nữa!

Các con ngựa đều đen bóng tất cả, cổ cao và hình dáng đẹp. Mọi người để chúng nó mang tên cũ, đối với các trại viên những tên cũ ấy cấp cho chúng một thứ dòng dõi quý phái. Tên chúng là Man-rợ, Milan và Mary.

Tuy nhiên con Man-rợ chẳng bao lâu đã khiến chúng tôi thất vọng: đó là một con ngựa giống rất đẹp nhưng không thích hợp với công việc canh nông, vì nó chóng mệt và chưa chi đã thở hồng hộc. Trái lại, con Milan và con Mary tỏ ra là những con ngựa nhỏ cừ khôi về mọi mặt: khỏe, bình tĩnh và đẹp mã. Antôn vẫn nuôi hy vọng kiếm được một con ngựa chạy tuyệt vời để cho nó làm lu mờ hết thảy các anh đánh xe ở ngoài tỉnh, đành rằng những hi vọng ấy trở thành hão huyền, nhưng mà đóng vào cày và máy gieo hạt thì đó là những con vật xuất sắc hết sức. Vì thế nên Kalina Ivanôvich thường thốt ra những tiếng hầm hừ khoái trá mỗi khi bác báo cáo vào buổi tối cho

tôi biết những diện tích cày và gieo hạt. Điều duy nhất làm cho bác băn khoăn thắc mắc là cái thế bất tiện, đứng về mặt cơ quan mà nói, của các người làm chủ những con ngựa đó.

- Mọi chuyện đều tốt đẹp cả đấy, nhưng mà, anh ạ, nhỡ mình có sự gì vướng mắc với cái Viện R.K.I. ấy… thì bọn họ… họ muốn làm gì cũng được. Và chúng mình thì kêu ca vào đâu? Tìm đến họ mà kêu à?

Nhịp sống đã bắt đầu đập ở trại thứ hai. Một tòa nhà đã sửa xong, và sáu trẻ nuôi sang ở đấy, chẳng có giáo viên và cũng không có chị cấp dưỡng. Chúng được tiếp tế bằng một số thực phẩm để dành của trại và tự nấu nướng lấy mà ăn,

được sao hay vậy, trên một cái bếp lò nhỏ ở ngoài vườn. Chúng có nhiệm vụ canh giữ vườn và các tòa nhà, đảm bảo việc qua lại sông Kôlômak và công việc chuồng ngựa với hai con ngựa, ở đấy có Ôpriskô là đặc phái viên của Bratsenkô. Thằng này đã quyết định ở lại nhà chính, đông hơn và vui hơn. Hàng ngày nó sang kinh lý kiểm tra ở trại thứ hai, ở đấy không những chỉ có mấy đứa mã phu và thằng Ôpriskô mà tất cả các trại viên đều sợ những cuộc đến thăm của nó.

Một công tác lớn đang tiến hành trên các thửa ruộng của trại thứ hai. Cả số sáu mươi đêxiatin ruộng đã được gieo hạt, kỹ thuật nông nghiệp chẳng nắm được bao lăm, đã dành, và cũng chẳng

cấy luân phiên được đều nữa, tuy nhiên trên ruộng vẫn cứ mọc lên lúa mì vụ thu và vụ xuân, lúa hắc mạch và yến mạch. Vài đêxiatin giống khoai tây và củ cải tía. Giống những thứ này phải giẫy cỏ và vụn đất, khiến chúng tôi vất vả bận rộn không mở mắt ra được[70]. Vào hồi đó trại đã có được sáu chục trẻ nuôi.

Suốt ngày và cả cho đến tận khuya về đêm, có một hoạt động đi lại thường xuyên giữa trại thứ nhất và trại thứ hai: những toán trại viên đi làm việc hay làm xong trở về, các xe tải của chúng tôi chở hạt giống, cỏ rơm hoặc lương thực tiếp tế, và cả những xe chúng tôi thuê để chuyển những vật liệu xây dựng nữa. Kalina Ivanôvich đi một cái xe ngựa nhỏ

hai bánh đã cũ, mà bác ta xin được ở đâu đó; Antôn Bratsenkô, oai vệ ngồi trên yên, cưỡi con Man-rợ.

Những ngày chủ nhật, hầu hết mọi người đều ra sông Kôlômak tắm, - trại viên cũng như giáo viên; và theo gương họ, con trai con gái, thanh niên Kômxômôn các làng Pirôgôpka và Gôntsarôpka, cả những con cháu bọn kulắc ở các xóm chúng tôi nữa, dần dần đã quen đến tụ tập trên bờ con sông nhỏ vui mắt và xinh xắn. Các thợ mộc của chúng tôi đã đóng ở đấy một cái cầu tàu nhỏ, trên cầu chúng tôi cắm là cờ của trại, bay phấp phới và có những chữ T.G. Từ cầu vào đến bờ của chúng tôi, suốt ngày đi lại một chiếc thuyền sơn màu lục

cũng cắm cờ như thế, do Michir Jêvêli và Vichia Bôgôiaplenxki chở. Hiểu rõ tất cả tầm quan trọng của uy tín chúng tôi trên bờ sông Kôlômak, các nữ sinh của trại đã dùng các mảnh linh tinh quần áo phụ nữ bỏ đi, may áo bơ-lu thủy thủ cho Michia và Vichia, và có rất nhiều đứa trẻ ở trại cũng như ở xa hàng mấy cây số quanh vùng, đã tấm tức ghê gớm, ghen với hai thằng bé sung sướng đó. Sông Kôlômak trở thành câu lạc bộ trung tâm của chúng tôi.

Trại đầy tràn sự vui vẻ và những tiếng động của sự cần lao kịch liệt gắn liền với những lo âu không ngớt, tiếng khách hàng nông dân đến thăm, tiếng càu nhàu của Antôn, tiếng diễn thuyết trịnh

trọng của Kalina Ivanôvich, tiếng cười bất tận và những trò hề của Karabanôp, Zađôrôp, Biêlukhin, những chuyện không may của Xôrôka và những Galatenkô, tiếng nhạc rì rào của những cây thông, ánh nắng mặt trời và tuổi trẻ.

Hồi đó chúng tôi đã quên không biết sự bẩn thỉu, chấy rận với ghẻ lở là gì nữa. Trại sáng loáng lên vì sạch sẽ và vì các mảnh vá mới tinh cẩn thận đặt vào chỗ đáng ngờ bất kể của đồ vật gì; quần cụt, bờ rào, thành kho trống, hay bậc tam cấp cũ: Cũng vẫn là những giường giát ấy xếp thành hàng ở phòng ngủ, nhưng từ nay trở đi ban ngày cấm không được ngồi vào đấy, vì đã có những ghế dài gỗ mộc để dùng cho việc đó rồi. Các bàn ở

phòng ăn, cũng bằng gỗ thông, được cạo hàng ngày bằng những cái cào đặc biệt của xưởng rèn chế tạo.

Ở xưởng này đã có những sự thay đổi căn bản. Kế hoạch quái ác của Kalina Ivanôvich đã hoàn toàn thực hiện: Gôlôvan đã bị đuổi vì tội say rượu và nói những lời phản cách mạng với khách hàng, song hắn cũng chẳng buồn cố xin lại dụng cụ: việc đó rõ rệt là vô hi vọng. Lúc ra đi, hắn ta chỉ lắc đầu với một vẻ trách móc mỉa mai:

- Này, các anh là những người chủ như tất cả mọi người khác, - các anh tước đoạt tôi và bây giờ thế là các anh làm chủ nhân!

Biêlukhin chẳng phải là tay chịu bối rối vì những lời lẽ như vậy; nó đã đọc bao nhiêu sách vở và đi khắp đó đây, há phải là chuyện vô ích! Nó cười ngạo nghễ vào mặt Gôlôvan và bảo hắn:

- Bác là người công dân kém ý thức thật thôi, bác Xôfrôn ạ! Bác làm việc ở trại đã được hơn một năm rồi, thế mà bác vẫn chưa hiểu điều đó: đó là những tư liệu sản xuất.

- Ừ thì tao cũng nói đúng như thế…

- Thế mà, bác phải hiểu, khoa học bảo rằng tư liệu sản xuất là thuộc quyền sở hữu của giai cấp vô sản. Mà giai cấp vô sản thì, bác nhìn xem, bác có

thấy nó ở trước mặt không?

Và nó chỉ cho lão kia thấy những tay đại diện chính cống và linh hoạt của giai cấp vô sản quang vinh nọ: Zađôrôp, Vecsơnep và Kuzma Lêsi.

Ở xưởng rèn bây giờ là Xêmiôn Bôcđanenkô chỉ huy, chính tông thợ rèn cha truyền con nối, mà tên tuổi đã nổi tiếng từ lâu trong các xưởng rèn xe lửa. Trong phạm vi giang sơn của nó, nó duy trì một nếp kỷ luật và sạch sẽ có tính cách quân sự. Máy mài dao kéo, búa con, búa lớn sắp hàng tề chỉnh vật nào chỗ nấy, mặt đất quét sạch như lau như li[71], chẳng có lấy một đồng cân than vào rơi vãi ra khỏi lò, và lời lẽ nó nói

với khách hàng bao giờ cũng ngắn gọn và minh bạch:

- Đây có phải là ở nhà thờ đâu, bác chả phải mặc cả lôi thôi gì hết.

Xêmiôn Bôcđanenkô có học, cạo mặt tinh tươm, và không bao giờ nói tục.

Xưởng rèn có nhiều công việc ngập đầu. Vào hồi đó các xưởng khác hầu như đã thôi làm việc, nhưng Kôđia, có hai trại viên giúp đỡ, vẫn làm lụng như trước trong cái xưởng trống nhỏ đóng xe của bác ta: yêu cầu về bánh xe vẫn không giảm sút.

Phải cung cấp cho vụ kinh tài của Viện R. K. I. những bánh xe đặc biệt cho lốp bơm hơi, và Kôđia chưa hề làm

những bánh xe như thế bao giờ. Cái trò oái oăm của nền văn minh đó làm cho bác bối rối hết sức, và buổi tối nào xong công việc, bác cũng phiền muộn:

- Ngày trước chúng tôi có biết những săm cao su bơm hơi đâu chứ. Đức chúa Giê-xu của chúng tôi đi bộ, các giáo đồ của người cũng thế… thì bây giờ mọi người cứ dùng vành sắt đóng vào xe mình cũng được chứ sao.

Kalina Ivanôvich nghiêm khắc bảo bác ta:

- Thế còn xe lửa? Thế còn ô-tô? Anh để làm gì? Đức chúa nhà anh đi bộ, thì chúng tôi cần cóc gì? Cái đó chỉ chứng tỏ rằng đó là một con người không

có văn hóa, hay không biết chừng nữa, cũng là hạng ngu cục như cái ngữ anh. Vả chăng, trong khi hắn ta thất thểu đi bộ như một thằng ăn mày, giá có ai cho hắn lên ô-tô của mình, thì là hắn ta cũng sướng đời lắm đấy. Thế mà anh thì xuýt xoa: "người đi bộ". Người già cả mà ăn nói như thế, không biết xấu!

Kôđia mỉm cười e dè và lẩm bẩm, vẻ ngượng ngập:

- Giá mà tôi được xem những bánh xe bơm hơi ấy nó lắp ra làm sao, thì nhờ ơn trên giúp đỡ, may ra cũng có thể làm được. Nhưng phải làm bao nhiêu nan xe cho nó chứ, có mà trời biết?

- Thì anh lên Viện R. K. I. mà

coi. Lên đó đếm xem có bao nhiêu nan xe.

- Lạy chúa tôi, một người già cả tội nghiệp như tôi thì làm thế nào tìm ra được chỗ ấy mà đến chứ?

Vào khoảng giữa tháng sáu, Tsecnenkô muốn làm vui lòng bọn trẻ:

- Tôi đã nói chuyện với một anh ở đây, và một đoàn vũ ba-lê sẽ đến trại các anh, nhảy cho bọn trẻ xem. Ở rạp vũ kịch của chúng tôi có những vũ nữ ba-lê giỏi, anh ạ. Anh sẽ đưa bọn họ về trại trong buổi tối.

- Tốt lắm.

- Nhưng phải cẩn thận đấy. Đây là những con người phải gượng nhẹ,

đừng có để những thằng kẻ cướp nhà anh làm họ sợ. Thế anh sẽ chở họ bằng cái gì?

- Có cỗ xe của chúng tôi.

- Tôi trông thấy nó rồi. Ồ! Không được đâu! Anh hãy cho đưa ngựa lên đây, đóng vào xe của tôi, rồi sau đó ta sẽ đi đón họ. Và rồi anh phải cho canh gác đường cái, kẻo rồi có những kẻ nó vồ họ đấy: những kiện hàng nhỏ ấy ngon mắt lắm.

Trời tối lâu rồi, các nghệ sĩ mới về đến trại sau khi đã run sợ suốt dọc đường, làm cho Antôn thích chí và nói cho họ yên tâm:

- Các chị chả việc gì phải sợ, có

cái gì mà cướp của các chị. Có phải là mùa rét đâu, mà bảo họ có thể giật mất áo choàng của các chị.

Đội tuần phòng của chúng tôi ở trong rừng bất thình lình nhô ra, làm cho các vũ nữ ba-lê bở vía, đến nỗi về đến trại một cái là phải cho họ uống thuốc an thần liền.

Họ nhảy múa rất miễn cưỡng và khiến bọn trẻ khó chịu lắm. Suốt buổi tối cô trẻ tuổi nhất đem tất cả sự hùng hồn của tấm lưng đẹp và rám nắng một cách ý nghĩa ra mà nói lên sự thờ ơ to lớn, kiêu kỳ và khinh thị của cô đối với toàn trại. Cô lớn nhất cứ ngắm chúng tôi với vẻ sợ sệt không giấu giếm. Dáng bộ của cô khiến Antôn bực tức đặc biệt.

- Như thế thì, này, tôi xin lỗi, có bõ công bắt hai con ngựa phải ra tỉnh đi về hai lần không? Ở ngoài ấy tôi có thể đưa về cho trại những cô chẳng kém và đi bộ nhé, bao nhiêu cũng có.

- Những cô của mày sẽ chẳng nhảy được như thế đâu! Zađôrôp cười bảo nó.

- Hứ, để còn xem!

Êkatêrina Grigôriepna ngồi ở đàn dương cầm, cái đàn đó đã trang trí một phòng ngủ của trại từ lâu rồi. Đàn chị chơi không được rõ tiếng lắm; nhạc của chị không thích ứng với vũ ba-lê và các vũ nữ lại không có nhã ý bỏ qua đi cho vài ba nhịp điệu. Với những bộ mặt bực

tức, các cô mệt nhoài ra mà theo bản nhạc tấu man rợ và rời rạc ấy. Ngoài ra, các cô lại hết sức vội vã để còn mau chóng đi dự một buổi dạ hội thích thú nào đó.

Trong khi mọi người đang thắng ngựa dưới ánh sáng những đèn lồng và những lời rủa xả của Antôn, các vũ nữ ba-lê cứ xớn xác cả lên: thế nào các cô cũng đến dạ hội chậm cho mà xem. Sự xúc cảm và sự khinh bỉ đối với cái trại chìm ngập trong bóng tối này, đối với những trại viên lặng lẽ này, đối với cái xã hội hoàn toàn xa lạ với các cô này, khiến các cô không còn có thể nói năng gì được nữa, chỉ biết túm tụm dựa vào nhau mà khe khẽ rên rỉ. Xôrôka, ngồi trên ghế đánh

xe, làm ầm ỹ lên về chuyện dây kéo và kêu tướng lên là nó sẽ không đi. Chẳng e ngượng một chút nào vì sự có mặt của các vũ nữ, Antôn trả lời nó:

- Mày là thế nào, thằng đánh xe hay vũ nữ ba-lê? Thế thì có chuyện gì mà mày nhảy choi choi trên cầu của mày thế? Mày không muốn đánh xe à? Cút xuống!

Sau cùng, Xôrôka giật dây cương. Các vũ nữ ba-lê đã dịu yên, sợ hãi chết điếng ngắm nhìn khẩu súng ngắn quàng chéo qua vai nó. Tuy nhiên xe cũng chuyển bánh. Nhưng lại có tiếng kêu của Bratsenkô:

- Mày đã làm cái gì thế này, hở

thằng xuẩn? Mày điên hay sao mà lại thắng như thế này? Mày đã nhét con Hung vào đâu? Mày đặt nó ra làm sao? Thắng lại xe đi! Con Milan, phía tay phải, đã bao nhiêu lần tao bảo mày rồi!

Xôrôka thong thả tháo cởi súng ngắn, đặt lên chân các vũ nữ ba-lê. Trên xe thoát ra những tiếng khóc thút thít nghẹn ngào.

Karabanôp nói ở sau lưng tôi:

- Thế là tóm được các cô rồi nhé, mình lại cứ tưởng không đời nào kia đấy. Hoan hô, tụi trẻ!

Năm phút sau cỗ xe lại chuyển bánh lên đường. Chúng tôi kín đáo đưa bàn tay lên vành mũ cát-két, mà cũng chẳng

hy vọng gì được chào đáp lại. Những bánh xe bơm hơi nảy trên đá tảng lát đường, nhưng lúc ấy có một cái bóng kỳ dị vút bay qua mặt chúng tôi, đuổi theo xe: cái bóng vung cánh tay lên mà hét:

- Đỗ lại! Trời ơi, đỗ lại! Anh em ơi, đỗ lại!

Xôrôka kinh ngạc, ghì dây cương. Một vũ nữ ba-lê ngồi nhổm người lên trên ghế ngồi.

- Tôi đã quên đi mất, lạy Chúa tha tội! Hãy để cho tôi đếm các nan xe…

Lão ta cúi xuống bánh xe; những tiếng khóc nức lại nổi lên trong xe, và một giọng đàn bà trầm dễ nghe hòa theo vào đấy:

- Lặng đi, kìa, lặng đi…

Karabanôp đẩy Kôđia ra khỏi bánh xe:

- Ông có cút đi không, hở ông nội?

Nhưng chính Karabanôp không nhịn cười được nữa và vừa rủa như quỷ[72] vừa chạy tuốt vào rừng.

Tôi cũng nổi nóng lên:

- Quất ngựa đi, Xôrôka, đà đận mãi đủ rồi! Chú đánh xe thuê giờ hay sao thế?

Xôrôka ra tay quất con Milan. Các trại viên vui vẻ cười rộ lên, còn Karabanôp thì cứ rũ ra mà rên rỉ trong

bụi rậm. Cả đến Antôn cũng phải cười:

- Giá bọn cướp mà cản đường chúng lại, thì mới thật đáng là một trận cười. Như vậy thì nhất định các cô sẽ đến dạ hội muộn cho mà xem.

Kôđia chưng hửng đứng trong đám đông, không tài nào hiểu được có những chuyện nghiêm trọng gì mà ngăn cản không cho bác đếm nan xe.

Các mối lo linh tinh khiến chúng tôi không để ý rằng thời hạn một tháng rưỡi đã quá rồi. Ông chủ nhiệm của Viện R. K. I. đúng hẹn từng phút, thân hành đến trại.

- Thế này, ngựa của chúng tôi ra sao?

- Khỏe mạnh hết sức.

- Đến bao giờ thì các ông gửi chúng trả lại chúng tôi?

Antôn tái mặt đi:

- "Gửi chúng trả lại các ông?" Thế thì, ai sẽ làm việc thay chúng đây?

- Đó là hợp đồng, các đồng chí ạ, ông chủ nhiệm nói cứng nhẳng. Còn lúa mì, bao giờ thì chúng tôi được lấy?

- Đã lấy thế nào được! Còn phải gặt, phải đập đã chứ. Lúa mì còn ở ngoài đồng.

- Thế còn những bánh xe của tôi?

- Về cái đó thì, ông ạ, bác thợ đóng xe của chúng tôi chưa đếm được

nan xe, bác ta không biết những bánh xe đó cần có bao nhiêu nan. Và còn phải đo…

Người nói chuyện với chúng tôi tự cảm thấy đến trại thì mình là một nhân vật lớn. Ông chủ nhiệm của Viện R. K. I., chứ có phải chơi đâu!

- Các ông sẽ phải trả bồi thường vi ước theo các điều khoản hợp đồng. Đó là hợp đồng! Và bắt đầu kể ngay từ hôm nay, các ông biết đấy, các ông sẽ phải nộp mỗi ngày mười bảng, mười bảng lúa mì. Tùy các ông thôi.

Ông ta đi. Bratsenkô căm ghét nhìn theo chiếc xe xơn-ky[73] của ông ta và nói vắn tắt:

- Đồ đểu!

Chúng tôi lo lắng vô cùng. Sống chết chúng tôi cũng phải có ngựa, nhưng từ chỗ đó mà đi tới phải nhường cho hắn ta tất cả vụ lúa!.

Kalina Ivanôvich càu nhàu:

- Tôi sẽ không nộp lúa mì cho những quân ăn hại ấy đâu, anh nghĩ mà xem, mỗi tháng mười lăm pút, và bây giờ lại thêm mười bảng khác nữa. Cái gì họ cũng cột mình vào giấy tờ, lý thuyết thì thế đấy, nhưng chúng mình là người làm cho lúa mì mọc lên. Thế mà sau đó lại phải bỏ hết cả cho họ, và đem giả cả ngựa nữa à? Họ muốn lấy ở đâu thì cứ việc đi mà lấy, chứ đừng hòng lấy ở tôi

nhé!

Bọn trẻ phản đối việc thi hành hợp đồng:

- Nếu phải cho họ vụ lúa, thà để lúa chết khô ngoài đồng còn hơn! Hay là, họ lấy lúa mì, nhưng chúng ta giữ ngựa lại.

Bratsenko giải quyết việc một cách hòa hảo hơn:

- Bác có thể biếu họ lúa mì, lúa hắc mạch nữa, và cả khoai tây, nhưng ngựa thì tôi không thả ra đâu. Họ muốn la ó gì, cứ việc mà la ó, chứ ngựa của họ, thì họ sẽ không trông thấy chúng nữa đâu.

Tháng bảy tới. Bọn trẻ cắt cỏ ở cánh đồng cỏ, và Kalina Ivanôvich lo lắng:

- Tụi trẻ làm kém, chúng nó không biết làm. Làm thế nào cắt cho xong món cỏ đó, rồi còn lúa hắc mạch nữa, tôi chẳng biết xoay xở ra sao đây. Là vì chúng ta có bảy đêxiatin lúa hắc mạch, và tám đêxiatin lúa mì vụ thu, còn thêm lúa mì vụ xuân, và yến mạch nữa. Làm thế nào? Nhất định là phải mua thêm một cái máy gặt.

- Ồ, bác Kalina Ivanôvich, bác nói gì thế? Tiền đâu mà mua?

- Hay là một cái máy cắt cỏ cũng được. Hồi trước giá vào khoảng một trăm rưỡi rúp, có lẽ hai trăm.

Một buổi tối bác đem đến cho tôi một nắm lúa hắc mạch.

- Anh xem này, nội trong hai hôm nữa là chậm nhất, phải gặt đi thôi.

Chúng tôi chuẩn bị gặt lúa hắc mạch bằng lưỡi hái. Chúng tôi quyết định mở hội mùa long trọng bằng cách ăn mừng bó lúa đầu tiên. Ở trại chúng tôi, trong một thửa đất cát ấm áp, lúa hắc mạch chín sớm hơn, trường hợp đó thuận lợi cho việc tổ chức cuộc vui lớn đang chuẩn bị. Chúng tôi gửi nhiều giấy mời, làm một bữa tiệc thật ngon, sửa soạn những nghi thức đẹp đẽ và trịnh trọng cho lễ khai mạc. Thể môn và cờ xí đã trang trí cánh đồng rồi, quần áo mới của các trẻ nuôi đã sẵn sàng rồi, nhưng Kalina Ivanôvich vẫn hết sức chán nản:

- Mùa mất toi rồi! Chưa kịp gặt,

lúa hắc mạch sẽ rụng cả thôi. Cày cấy thế là công cốc.

Song bọn trẻ đang mài và đóng các lưỡi hái trong các xưởng trống, nói cho ông già yên lòng:

- Chẳng mất tí gì cả đâu, bác Kalina Ivanôvich ạ, mọi việc sẽ trôi chảy y như ở các nhà quê chính cống cho mà xem.

Tám tay hái được chỉ định.

Đúng hôm mở hội, Antôn đánh thức tôi dậy thật sớm.

- Có một lão đến đây, với một cái máy gặt.

- Máy gặt nào?

- Lão ta đem đến đây một chiếc. Mà là một chiếc tốt, có cánh. Lão hỏi chúng ta có muốn mua không.

- Bảo lão đi đi thôi. Lấy tiền nào mà mua, chú biết đấy…

- Nhưng có thể đánh đổi, lão ta bảo thế. Lão muốn đổi lấy một con ngựa.

Tôi mặc áo vào và đi xuống chuồng ngựa. Ở giữa sân, một cái máy gặt, chưa lấy gì làm cũ lắm, và trông thấy rõ là nó đã được một nước sơn, đặc biệt để đem bán. Các trại viên xúm xít chung quanh nó, và Kalina Ivanôvich cũng đang có mặt ở đấy, hết nhìn cái máy, lại nhìn sang chủ nó và tôi, bằng những cái nhìn hằn học.

- Thằng cha ấy muốn cái gì với chúng mình, nó đến để giễu cợt chắc? Ai đã đưa nó đến đây?

Người chủ cái máy gặt tháo những con ngựa ra. Đó là một người ăn mặc đứng đắn, có một bộ râu hoa râm đạo mạo.

- Thế tại sao bác lại bán máy? Burun hỏi.

Người kia nhìn chung quanh.

- Để cưới vợ cho con trai tôi. Tôi còn một chiếc khác đủ dùng cho chúng tôi, và lại sắp phải cho thằng con trai một con ngựa.

- Karabanôp nói thầm vào tai tôi:

- Nói láo. Cháu biết thằng cha này… Bác không phải là người ở Xtôrôjêvôiê à?

- Ở Xtôrôjêvôiê, anh nói đúng đấy. Còn anh có phải anh là Xêmiôn Karabanôp, con ông Panatxơ không?

- Đúng rồi! Xêmiôn hớn hở. Thế ra bác là bác Ômentsenkô đấy à? Bác sợ nhỡ ra người ta lấy mất máy của bác đi, có phải không?

- Cái đó kể cũng có đấy, có thể họ lấy mất máy của tôi, lại còn chuyện cưới vợ cho thằng con…

- Vậy hắn ta không còn ở trong bọn thằng…

- Anh nói gì vậy, lạy Chúa tôi!

Xêmiôn nhận lấy trách nhiệm đứng ra thương lượng. Hắn nói chuyện hồi lâu, ngay trước mũi những con ngựa, với người chủ chiếc máy gặt, thỉnh thoảng hai người lại gật đầu ra vẻ đồng tình và vỗ vai hay đập vào cánh tay nhau. Xêmiôn có vẻ mặt một người chủ thực sự, và người ta thấy rõ Ômentsenkô coi hắn là người hiểu biết.

Một nửa giờ sau Xêmiôn khai hội bí mật trên bậc tam cấp của phòng Kalina Ivanôvich. Ngoài Kalina Ivanôvich và tôi ra, dự cuộc bàn luận còn có Karabanôp, Burun, Zađôrôp, Bratsenkô, và hai ba trại viên cũ nhất nữa. Trong khi ấy, các trại viên khác đứng vây quanh cái máy gặt, đắm đuối trong một sửng sốt

câm lặng, lạ sao ở đời lại có những người sung sướng đến mức có được những máy móc tuyệt diệu thế.

- Xêmiôn cắt nghĩa rằng lão kia muốn đổi máy gặt của lão lấy một con ngựa, bởi vì ở Xtôrôjêvôiê, sắp sửa tiến hành kiểm tra các máy móc nông nghiệp, và lão sợ rằng người ta tước phăng ngay mất máy của lão, chẳng lôi thôi gì cả, trong khi ấy người ta sẽ không lấy ngựa, vì lão phải cưới vợ cho con trai.

- Có thực như thế hay không, ta không cần biết chuyện ấy, Zađôrôp nói, nhưng chúng ta cần chiếc máy gặt. Ta sẽ cho nó chạy ngay hôm nay.

- Nhưng cậu sẽ lấy con ngựa nào

cho lão ta? Antôn hỏi. Con Nhãi-ranh và con Thổ-phỉ chẳng ra gì cả, thế thì cậu nhường con Hung cho lão à?

- Dù là con Hung nữa, cũng được chứ sao. Zađôrôp nói. Một chiếc máy gặt chứ phải chơi!

- Con Hung à? Nhưng cậu…

Karabanôp ngắt lời Antôn đang sôi nổi:

- Không, con Hung thì không thể được, tất nhiên rồi. Ở trại chả có con ngựa nào như nó, sao lại chọn nó? Nhưng ta có thể nhượng con Man-rợ. Đó là một con vật đẹp mã, và để lấy giống thì nó càng tốt chán.

Xêmiôn nhìn Kalina Ivanôivich với

một vẻ láu lỉnh.

Chẳng buồn trả lời hắn nữa, Kalina Ivanôvich gõ cái nõ tẩu thuốc của bác vào một bực tam cấp, và đứng dậy:

- Tôi không có thì giờ đâu bàn chuyện bậy bạ với các chú.

Nói xong bác đi về phòng bác.

Xêmiôn nháy mắt nhìn theo bác ta, và nói nhỏ:

- Nói thật đấy, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác cho con Man-rợ đi. Mọi việc sẽ thu xếp được, và chúng ta sẽ có cái máy gặt.

- Nhưng thế thì là nhà tù.

- Nhà tù cho ai? Cho bác à?

Không có đời nào! Một cái máy gặt giá đắt hơn một con ngựa. Viện R. K. I. cứ việc lấy máy thay vào con Man-rợ. Đối với họ có làm sao đâu, đằng nào chả thế thôi, có phải không? Họ chẳng thiệt thòi tí gì cả, thế mà chúng ra sẽ gặt được kịp thời. Bề nào thì con ngựa ấy cũng chẳng dùng được vào việc gì hết…

Zađôrôp phá lên một tiếng cười, lây sang mọi người:

- Chuyện thế mới lạ chứ? Chà, khá thật!.

Burun tủm tỉm cười không nói gì, góc mép đung đưa một bông lúa hắc mạch.

Bratsenkô, mắt long lanh, cười ngất:

- Để cho Viện R. K. I. thắng

chiếc máy gặt vào xe ngựa… thay con Man-rợ, thì chết cười thật đấy.

Bọn trẻ nhìn tôi với những cặp mắt sáng ngời.

- Thế thì quyết định đi, bác Antôn Xêmiônôvich ạ… quyết định đi, chẳng có gì đáng sợ hết. Dù cho họ có bỏ bác vào nhà mát, thì cũng sẽ chẳng quá một tuần lễ đâu.

Sau cùng Burun trở lại nghiêm chỉnh và tuyên bố:

- Chả còn chần chừ gì nữa, phải cho nó đi thôi. Không làm thế thì rồi tất cả mọi người sẽ coi chúng ta là ngu ngốc, cả Viện R. K. I. nữa.

Tôi nhìn Burun và chỉ nói:

- Đúng đấy! Đưa con ngựa giống ra đi, Antôn!

Tất cả đâm bổ xuống chuồng ngựa.

Con Man-rợ làm đẹp lòng bác nông dân. Kalina Ivanôvich kéo tay áo tôi, và thầm thì thầm bảo tôi:

- Nhưng anh điên hay sao thế? Anh chán cuộc sống lắm rồi à? Thôi anh hãy quẳng mẹ nó cả trại lúa hắc mạch đi… Anh tự dấn mình vào chuyện gì thế vậy?

- Cứ mặc tôi, Kalina… Chả làm sao. Chúng ta sẽ gặt bằng máy.

Một giờ sau người chủ cái máy ra đi với con Man-rợ. Rồi hai giờ sau nữa, Tsecnenkô đến và trông thấy cái máy gặt

ở sân.

- Ồ, bọn trai giỏi thật! Các cậu xoáy ở đâu cái của kỳ lạ này thế?

Bọn trẻ bỗng chốc đứng im tăm tắp, như sắp có cơn dông tố đến nơi. Tôi nhìn Tsecnenkô một cách khổ sở, và nói:

- Mua lại đấy mà.

Antôn vỗ tay một cái, nhảy ra:

- Xoáy hay không xoáy, nhưng chúng tôi đã có một cái máy gặt, đồng chí Tsecnenkô ạ. Đồng chí có muốn làm việc một tí hôm nay không?

- Ngồi trên máy này à?

- Vâng, đúng thế.

- Được rồi, để nhớ lại thời xưa…

Nào, xem thử nó có tốt không nào.

Cho đến lúc khai mạc mùa hội, Tsecnenkô và bọn trẻ bận rộn líu tíu chung quanh cái máy, bôi mỡ, lau chùi, sửa lại cái này cái nọ, thử máy.

Rồi, xong phần nghi lễ khai mạc, đích thân Tsecnenkô trèo lên cái máy gặt và cho máy chạy lanh canh giữa những bông lúa. Karabanôp cười sằng sặc và kêu vang ầm cả lên:

- Người ta nhận ra ông chủ ngay lập tức!

Ông chủ nhiệm Viện R. K. I. đi chơi ngoài cánh đồng, hỏi hết mọi người:

- Tôi không trông thấy con Man-rợ đâu, tại sao thế? Nó ở đâu?

Antôn giơ roi chỉ về phía tây:

- Nó ở bên trại thứ hai. Ngày mai chúng tôi gặt bên ấy. Phải để cho nó nghỉ.

Các bàn ăn bày ở trong rừng. Bọn trẻ mời Tsecnenkô ngồi vào bữa tiệc long trọng ấy, tiếp cho ông món xúp củ cải đỏ với bánh chả, và nói chuyện với ông.

- Các anh đã thu xếp rất giỏi việc mua cái máy gặt đó.

- Tốt chứ, có phải không ạ?

- Tốt lắm.

- Đồng chí Tsecnenko này, một con ngựa hay một cái máy gặt, đằng nào là hơn? Bratsenkô tung ra câu hỏi, hai

mắt long lanh như khai hỏa trên khắp trận tuyến.

- Chà, cái đó tùy đấy. Tùy xem là con ngựa nào đã.

- Thế thì, nói ví dụ là con Man-rợ thì sao?

Ông chủ nhiệm Viện R. K. I. hạ thìa xuống, và vểnh tai lên, hoảng sợ. Karabanôp bỗng phá ra cười và cúi đầu giấu xuống gầm bàn. Theo gương hắn, cả bọn trai đều cười nghiêng ngả một loạt phía sau bàn. Ông chủ nhiệm đứng phắt dậy, và nhìn tứ phía quanh rừng, như tìm cứu viện ở đấy. Tsecnenkô không hiểu ra sao cả.

- Họ có chuyện gì thế này?

Nhưng cậu tưởng con Man-rợ là một con vật tồi hay sao?

- Chúng tôi đổi nó lấy cái máy gặt, ngay hôm nay đấy, tôi nói mà không cười một tí nào.

Ông chủ nhiệm ngồi phịch xuống ghế dài, và Tsecnenkô há hốc mồm ra. Tất cả mọi người đều im lặng.

- Các anh đã đổi nó lấy chiếc máy gặt này à? Ông ta vừa lầm bầm hỏi, vừa nhìn người bạn ông.

Tức giận, ông này đứng ra khỏi bàn ăn:

- Một trò láo xược trẻ ranh, đấy, chuyện là như thế đấy. Một lối chơi của đồ xỏ lá, chúng cứ tự tiện làm bừa đi

thôi.

Tsecnenkô bỗng mỉm cười vui vẻ:

- À, bọn đểu thật! Thì ra thế đấy? Nhưng chúng tôi sẽ dùng cái máy gặt làm gì được chứ?

- Hợp đồng kia: bồi thường vi ước gấp năm lần giá trị tổn thất, người thuộc hạ của ông rít lên tức giận.

- Thôi đi! Tsecnenkô nói, giọng độc ác. Cái bộ anh không như thế được đâu.

- Tôi đấy ư?

- Phải, đúng thế, bộ anh không làm như thế được đâu, vậy anh hãy im mồm đi. Còn bọn họ, thì họ làm được

đấy. Họ cần gặt vụ lúa của họ, và họ biết rằng hạt lúa quý giá hơn số bội thu năm lần theo lối cho vay cắt cổ của anh, anh hiểu chưa? Và cả anh lẫn tôi, chúng mình đều không làm cho họ sợ, cái đó cũng là điều tốt nữa. Nói tóm lại một câu là hôm nay chúng mình tặng họ chiếc máy gặt đó.

Bỗng chốc làm đảo lộn cả sự chỉnh tề của bữa tiệc lẫn tâm hồn của ông chủ nhiệm, bọn trẻ đắc thắng xúm lại chuyền tay nhau tung Tsecnenkô lên trời. Mãi cho đến lúc ông vừa cười vừa gỡ mình ra, đặt được chân xuống đất, thì Antôn tiến đến gần và bảo ông:

- Thế thì còn con Mary và con Milan, chúng ta thu xếp ra sao đây?

Thế nào, "chúng ta thu xếp ra sao đây"?

- Chúng tôi sẽ giả chúng lại cho ông ta ư? Antôn vừa nói vừa hất đầu chỉ ông chủ nhiệm.

- Đúng rồi, tất nhiên như thế.

- Không, tôi sẽ không giả chúng đâu. Antôn nói.

- Chú sẽ giả, chú nên hài lòng với cái máy gặt! Tsecnenkô đáp có vẻ giận.

Nhưng Antôn cũng phát cáu lên:

- Thì ông lấy máy gặt của ông về! Giữ làm quỷ gì cái máy gặt của ông! Dễ thường chúng tôi đem thằng Karabanôp

ra mà thắng vào đó chắc?

Và nó bỏ về chuồng ngựa.

- Cái thằng mới khỉ chứ, Tsecnenkô nói với vẻ lo ngại.

Mọi người chung quanh im lặng. Tsecnenkô ngoảnh lại nói với người thuộc hạ:

- Thế thì thật là rầy rà, thôi anh bán ngựa cho họ đi, bất kể với điều kiện nào, trả dần cũng được; họ làm tôi mướt mồ hôi ra rồi: dù sao đi nữa cũng là những đứa trẻ tốt, mặc dầu đó là những thằng kẻ cướp. Ta đi tìm lại cái chú hóa dại của các anh đằng kia đi, cái chú vừa cáu kỉnh hết sức ấy.

Antôn nằm dài trên một đống cỏ

trong chuồng ngựa.

- Thôi này, Antôn, tôi đã quyết định bán ngựa cho chú đấy.

Antôn nghển đầu lên:

- Không đắt lắm chứ?

- Các chú trả được thế nào thì trả.

- Thế thì tốt đấy! Antôn nói. Bác là một người thông minh.

- Tôi cũng nghĩ vậy. Tsecnenkô mỉm cười.

- Thông minh hơn lão chủ nhiệm của bác.

21. NHỮNG LÃO GIÀ TAI HẠI

Những buổi chiều hè ở trại thật là kỳ thú. Bầu trời mở rộng màu lam êm dịu, ven rừng lắng xuống trong bóng hoàng hôn; những cây hướng dương, trồng liền sít ở ranh giới vườn rau, in bóng mờ mờ, thoải mái nghỉ ngơi sau một ngày nồng nực; cái sườn dốc thẳng tuột và mát mẻ đi ra hồ lẫn vào những đường nét mông lung của chiều tà. Thoáng nghe tiếng lao xao của một đám người ngồi trên bậc tam cấp nào đó nói chuyện với nhau, song không biết có bao nhiêu người và họ là những ai.

Đó là lúc trời có vẻ vẫn còn sáng sủa, mà người ta đã khó nhìn nhận ra mọi vật. Vào lúc ấy trại bao giờ cũng hình

như trống rỗng. Người ta tự hỏi: các trại viên lẩn đi đâu hết? Nhưng bạn hãy đi khắp trại, bạn sẽ trông thấy tất cả bọn họ. Đây là năm chú ở chuồng ngựa, đang bàn bạc bên một chiếc vòng cổ ngựa treo ở tường. Lò bánh mì là trụ sở của một cuộc tọa đàm thật sự, nửa giờ nữa bánh sẽ chín, và tất cả những ai có trách nhiệm vào việc đó, vào bữa ăn tối và việc trực nhật, đều đã ngồi trên các ghế dài trong căn phòng quét rất sạch sẽ và nói chuyện nhỏ với nhau. Ngoài giếng, là một sự gặp gỡ tình cờ của nhiều nhân vật: chú này xách thùng đi lấy nước, chú nọ đi qua đấy, và có ai đã giữ chú thứ ba kia đứng lại, bởi vì đang có việc cần đến chú từ sáng đến giờ: ai cũng quên lấy nước để

chợt nhớ ra một chuyện gì khác, có lẽ không quan trọng đâu… nhưng có cái gì là không quan trọng, vào một buổi chiều hè đẹp đẽ?

- Ở tít cuối sân, đúng cái chỗ bắt đầu con đường đi ra hồ, trên một thân cây liễu đã hạ và mất hết vỏ từ lâu rồi, cả một bầy trẻ ngồi vắt vẻo như đàn chim, nghe Michiaghin kể một trong những chuyện cổ tích hay đặc biệt của hắn:

- … Thế rồi, buổi sáng mọi người đến nhà thờ, và nhìn: chả có một ông giáo sĩ nào cả. Thế này là nghĩa làm sao? Các ông ấy đi đâu nhỉ? Và người gác bảo họ: "Không khéo mà con quỷ hôm nay đã đem các ông giáo sĩ của

chúng ta vào trong đầm lầy đấy! Có bốn ông là của chúng ta". – "Bốn ông giáo sĩ" – "Đúng như tôi nói đấy! Ban đêm con quỷ đã lôi các ông ấy vào đầm lầy, tuốt cả bốn ông…"

Bọn trẻ lắng nghe, mắt sáng ngời. Chỉ có Tôxka thỉnh thoảng kêu thé lên một tiếng vui vẻ: nó thích chí chẳng phải vì con quỷ nhưng vì cái người gác ngu đụt kia, đứng canh suốt đêm mà không biết nhìn xem các ông giáo sĩ là của nhà thờ mình hay của những nhà thờ khác bị quỷ đưa đi đầm lầy. Cũng thử tưởng tượng cả cái đống giáo sĩ không tên ấy, ông nào cũng béo như ông nào: vác tất cả các bố ấy trên vai mà đưa ra đầm lầy, chẳng phải là một công trạng nhỏ đâu nhé, cứ

nghĩ mà xem! Và ngoài ra, còn có sự thản nhiên hết sức đối với số phận họ, thản nhiên như khi họ giết những con rệp vậy.

Trong những bụi rậm của khu vườn cũ vẳng lên tiếng cười ròn rã của Ôlia Vôrônôva; liến thoắng đáp lại là tiếng nói trầm uốn éo có vẻ hơi giễu cợt của Burun. Tiếng cười lại nổi lên, chẳng phải là của một mình Ôlia nữa, mà là cả một bản hợp xướng của một tốp thiếu nữ, rồi Burun, tay giữ mũ cát-két nát nhầu ở trên đầu, chạy tuốt vào rừng thưa, đuổi theo là một bầy vui vẻ áo màu sặc sỡ. Sêlaputin đã đứng lại ở cánh đồng cỏ, thích thú nhưng phân vân không biết nên làm gì, cười hay là chạy trốn, vì giữa nó với bọn con gái cũng có những mối hiềm

cũ.

Song những buổi tối yên tĩnh, trầm tư và đầy thi vị trữ tình, không phải bao giờ cũng thích ứng với tâm trạng chúng tôi. Các tủ chạn của trại, các hầm chứa của nông dân, và ngay cả đến buồng ở của các giáo viên vẫn còn là nơi thi thố một hoạt động ngoại phụ, mặc dầu không ăn thua bằng năm đầu ở trại. Nói chung sự mất mát những đồ vật tạp nhạp ở trại đã trở thành một hiện tượng ít có. Khi nào có một tay chuyên môn về loại đó xuất hiện ở trại, thì nó bắt đầu hiểu rất mau rằng nó sẽ có chuyện không phải với ông giám đốc, mà với một phần rất lớn của tập thể. Mà cái tập thể ấy tỏ ra có những phản ứng cực kỳ tàn bạo. Vào hồi đầu

mùa hè, chúng tôi đã vất vả lắm mới gỡ ra được khỏi tay các trại viên một đứa mới đến mà bọn trẻ đã bắt được quả tang lúc nó định trèo qua cửa sổ vào buồng của Êkatêrina Grigôriepna, Chúng đánh nó với sự cuồng giận mù quáng, không nguôi được, mà chỉ một đám đông mới có thể có mà thôi. Và khi tôi xông vào giữa bọn, thì chúng đẩy tôi ra một bên, cũng với sự tức giận ấy, và một đứa phát khùng quát bảo tôi:

- Bác Antôn ra đi!

Mùa hè năm ấy, Kuzma Lêsi được ủy ban gửi đến cho chúng tôi. Trong người nó chắc chắn là có một nửa dòng máu di-gan. Bộ mặt rám nắng của nó được trang bị thích đáng bằng một đôi mắt ốc nhồi

đen nhánh, có một bộ máy chuyển vòng tốt đặc biệt, mà việc sử dụng tự nhiên là để rình xem có vật gì bỏ vương vất đâu đấy và trời sinh ra cốt để cho người ta ăn cắp. Tất cả những bộ phận khác trong người Lêsi đều phục tùng từng mệnh lệnh nhỏ nhặt của đôi mắt lưu manh ấy: chân nó đưa nó đến chỗ cái đồ vật đó để lơ đễnh, hai bàn tay nó ngoan ngoãn uốn cong đi để tránh một sự chống đỡ tự nhiên nào đó, hai tai nó vểnh lên nghe ngóng những tiếng lướt chạm tạp nhạp và những tiếng động khác báo hiệu nguy cơ. Có lẽ không thể nào nói rõ được phần tham dự của cái đầu của Lêsi vào mọi động tác ấy. Lịch sử sau này của trại cho phép xét định đúng giá trị của nó, nhưng

trong những hồi đầu, tất cả các trại viên đều thấy hình như cái đầu ấy là phần phụ thuộc vô ích nhất của cơ thể nó.

Thật cơ khổ với cái thằng Lêsi ấy, nó bao phen làm cho chúng tôi bật cười và ngán ngẩm! Chẳng có ngày nào là nó không bị tóm vì một chuyện gì đấy: lần này là một miếng mỡ lợn, lấy trộm ở xe tải ngay khi vừa ở tỉnh đem về, lần khác là một vốc đường cát thó ở dưới tay anh trong tủ chạn, thuốc lá xoáy ở túi một thằng bạn, nửa cái bánh mỳ mà nó ngốn trên đường đi từ lò bánh vào bếp, một con dao ăn thủ ở buồng một giáo viên trong khi đến nói chuyện về các công việc ở trại. Lêsi chẳng bao giờ bận tâm đặt một kế hoạch hành động, dù đơn giản

đến thế nào đi nữa, và cũng chẳng bao giờ cần một dụng cụ nhỏ nào: bẩm sinh nó coi hai bàn tay nó là cái dụng cụ tốt nhất. Bọn con trai đã thử đánh nó, nhưng nó chỉ một mực mỉm cười:

- Giã tớ làm gì cơ chứ? Tớ cũng chẳng biết làm sao lại ra như thế. Tớ muốn coi thử các cậu ở vào địa vị tớ xem sao.

Nó là một thằng rất vui tính. Trải qua mười sáu năm từ ngày nó ra đời, nó đã thu thập được một vốn kinh nghiệm lớn, đã đi đây đi đó nhiều, biết được lắm chuyện; nó đã sống chút ít ở tất cả các nhà tù trong tỉnh, nó có nhọc, hóm hỉnh, nhanh nhẹn lạ thường và hành động gan dạ, nhảy điệu gôpak rất cừ, và chẳng bao

giờ rối trí vì một chuyện gì hết thẩy.

Vì tất cả những đức tính ấy, các trại viên bỏ qua cho nó nhiều chuyện, nhưng cái thói đặc biệt hay xoáy của nó bắt đầu làm chúng tôi khó chịu. Sau cùng nó mắc vào một chuyện rất không may, khiến nó phải nằm liệt giường mãi. Một đêm nó lẻn vào lò bánh, nó đã bị nện một trận cẩn thận bằng thanh củi. Đã từ lâu, Kôxchia Vetkôpxki, tay làm bánh mì của trại, hằn học vì số bánh hắn phải giao nộp bao giờ cũng thiếu, vì các mẻ bánh cứ kém trọng lượng, và vì những câu trao đổi bực mình với Kalina Ivanôvich về những chuyện đó. Kôxchia nấp rình thử, kết quả thắng lợi vượt quá mức: đêm ấy Lêsi đâm bổ thẳng vào bẫy. Sáng hôm

sau, nó đến xin Êkatêrina Grigôriepna thuốc chữa cho. Nó kể rằng nó đã trèo lên một cây dâu để hái quả, vì thế nên người bị sây sát. Êkatêrina Grigôriepna hết sức ngạc nhiên rằng chỉ ngã từ trên cây xuống mà lại đến nỗi máu me như vậy, song cái đó chẳng phải là việc của chị. Chị băng buộc mặt nạn nhân và đưa nó lên phòng ngủ, vì không có chị đỡ thì tự nó không thể nào lên đó được. Trong một thời gian Kôxchia vắng lặng không tuyên bố chi tiết gì về cái đêm ở lò bánh ấy: những lúc rỗi rãi hắn giữ việc ngồi bên giường trông nom cho Kuzma, đọc cho nó nghe những "Chuyện phiêu lưu của Tôm Xôiơ".

Đến khi Lêsi khỏi thì chính nó kể lại

mọi chuyện, cười đầu tiên vì chuyện không may của nó.

- Karabanôp bảo nó:

- Kuzma này, nếu tao mà xúi quẩy như mày thì tao chừa ăn cắp từ lâu rồi. Vì cứ như thế này thì có ngày mày toi mạng.

- Chính tớ cũng lấy làm lạ rằng sao mình lại hắc vận đến thế. Có lẽ vì tớ không phải là một tay ăn cắp thực thụ. Tớ phải thử hai lần nữa xem sao, và nếu không ăn thua thì tớ bỏ. Có phải không, bác Antôn Xêmiônôvich nhỉ?

- Hai lần à? Tôi trả lời. Nếu vậy thì đừng để đến hôm nào mới thử, vô ích, chú cứ thử ngay hôm nay mà xem, thế

nào cũng hỏng, chú chả được cái nghề ngỗng gì về mặt ấy đâu.

- Bác nghĩ thế à?

- Ừ, nhưng chú làm thợ rèn thì sẽ tốt đấy. Xêmiôn Pêtrôvich đã bảo thế.

- Anh ấy bảo thế à?

- Đúng thế. Chỉ có điều: hắn cũng nói rằng chú đã cuỗm của hắn hai mũi khoan mới ở lò rèn, chắc là hiện giờ đang ở trong túi chú.

Bộ mặt da thiết bì của Lêsi có thể đỏ lên được đến chừng nào thì nó đỏ lên chừng ấy.

Karabanôp túm lấy túi áo nó và hí lên như chỉ có mình hắn làm được như

thế:

- Thì đúng, nó ở trong túi đây này! Ngay lần thứ nhất đã trúng tủ, mày cà mèng lắm.

- Thế thì thôi! Lêsi vừa nói vừa dốc túi ra.

Đại khái đấy là việc duy nhất thuộc loại đó xảy ra ở trong nội bộ trại. Song đối với cái mà người ta đã quen gọi là môi trường xung quanh, thì mọi chuyện xem ra tệ hơn nhiều. Các buồng kho của nông dân vẫn cứ tiếp tục được các trại viên thân thiện chiếu cố đến, nhưng việc này bây giờ giải quyết ổn tuyệt và được nâng lên cao đến mức thành một hệ thống chặt chẽ. Chỉ có bọn trại viên cũ mới giở

ngón xoáy ở các hầm chứa. Chúng gạt ra ngoài những đứa nhỏ, và đối với những đứa này chúng không thương hại, và rất thành thực, tố cáo những chuyện phạm pháp, mỗi khi tụi nhỏ chớm có ý muốn chui xuống đất. Bọn cũ đã đạt đến một trình độ cao cường đến nỗi ngay miệng lưỡi bọn kulắc cũng không dám đổ tội cho trại là có dúng vào những việc đê mạt ấy nữa. Ngoài ra, tôi có đủ mọi lý do nghi rằng cầm đầu những hành động này tất phải có tay chuyên môn cừ khôi là thằng Michiaghin.

Michiaghin là một thằng ăn cắp bẩm sinh. Nó không lấy gì của trại hết, vì nể mặt những người sống ở trại, và nó hiểu rất rõ rằng nếu không xử sự như vậy thì

sẽ làm thiệt cho các bạn nó. Nhưng ở các chợ ngoài tỉnh và ở các gia đình nông dân, nó chẳng coi cái gì là thiêng liêng cả. Nó hay ngủ lang, và buổi sáng khó khăn lắm mới đánh thức được nó dậy để ăn sáng. Chủ nhật nào nó cũng xin phép đều đi ra tỉnh và đến tối muộn mới về trại, có khi đem về theo một chiếc cát-két hay một khăn quàng cổ mới, và bao giờ cũng có quà chia cho tất cả bọn trẻ nhỏ. Những đứa này yêu quý nó lắm, song nó biết giữ ý giấu chúng cái triết lý không úp mở của khoa ăn cắp.

Đối với tôi nó vẫn tỏ ra rất thân thiết, song giữa nó và tôi tuyệt không bao giờ nói đến chuyện ăn cắp. Tôi biết rằng nói tới vấn đề ấy sẽ không có lợi gì cho nó

cả.

Tuy nhiên Michiaghin khiến tôi lo lắng nhiều. Thông minh hơn và có thiên tư khá hơn nhiều trại viên, nó được cả bọn quý mến. Nó có cái tài để lộ bản tính xấu xa của nó dưới một vẻ hấp dẫn vô cùng quyến rũ. Lúc nào ở quanh mình nó cũng có một ban tham mưu tuyển trong số những đứa lớn. Ban tham mưu ấy đã chia sẻ cái sách lược của Michiaghin, lòng yêu mến của nó đối với trại, sự tôn kính của nó đối với các giáo viên. Cả cái bè ấy làm những gì trong những giờ u ám và bí mật, đó là chuyện không phải dễ mà biết được. Muốn biết thì hoặc phải do thám, hoặc phải vặn vẹo tra hỏi một trại viên nào đó, và tôi thấy hình như làm

thế sẽ tác hại đến sự phát triển cái phong khí tốt đẹp đã khó khăn lắm mới hình thành được ở trại.

Nếu tôi có bất chợt biết được chuyện này hay chuyện nọ của Michiaghin thì tôi quát tháo công khai với nó trong buổi họp, có khi tôi xạc nó, gọi nó lên buồng giấy với tôi, và chỉ có riêng nó với tôi, tôi xạc nó cẩn thận. Thường thì nó lặng lẽ nghe tôi, vẻ mặt bình tĩnh như thiên thần, rạng rỡ một nụ cười hiền hòa và khoan hậu, và khi đi ra lần nào nó cung nói với tôi bằng một giọng hòa nhã và đứng đắn không hề thay đổi:

- Xin chúc bác ngủ ngon, bác Antôn Xêmiônôvich.

Nó thành thực bảo vệ danh dự của trại, và khi có đứa nào bị "tóm" thì nó tức giận vô cùng.

- Không hiểu sao lại có thể ngu đến thế? Muốn đánh rắm cao hơn lỗ đít!

Tôi thấy trước rằng rồi chúng tôi đến phải chia tay với Michiaghin. Tôi chua chát cảm thấy mình bất lực, và tôi lấy thế làm buồn cho nó. Về phần nó, xem chừng nó cũng nghĩ rằng chẳng có lý do gì mà ở lại, nhưng nó cũng không muốn rời bỏ trại, vì ở đấy nó đã có khá nhiều bạn thân và tất cả các trẻ nhỏ cứ dính lấy nó, như ruồi bâu trên một miếng đường.

Tệ nhất là cái triết lý của Michiaghin bắt đầu nhiễm sang những trại viên có vẻ

kiên cường đến như Karabanốp, Vecsơnep, Vôlôkhôp. Chỉ có mình Biêlukhin là thực sự và công khai phản đối Michiaghin. Chuyện thú vị, là sự cừu địch giữa hai đứa không bao giờ thể hiện bằng những cuộc xung đột hằn học; hai đứa không bao giờ có chuyện đánh nhau, cả đến cãi nhau cũng không. Biêlukhin nói lớn ở phòng ngủ rằng, chừng nào thằng Michiaghin còn sống ở trại, thì trại không bao giờ tuyệt giống ăn cắp được. Michiaghin tủm tỉm cười nghe nó nói và nhẹ nhàng trả lời:

- Matvây ạ, cậu nên biết không phải ai ai cũng lương thiện được. Nếu không có những người như chúng tớ thì sự lương thiện của cậu có giá trị quỉ gì?

Tớ chịu thiệt thòi để cho cậu nổi bật, thế thôi.

- Sao, cậu chịu thiệt thòi để cho tớ nổi bật? Ở đâu mà lại tin có chuyện nói láo đó?

- Ừ, đúng thế đấy. Chẳng hạn, tớ ăn cắp, còn cậu không, danh dự về phần cậu. Nhưng nếu chẳng ai ăn cắp hết, thì ai cũng như ai. Và tớ, tớ cho rằng bác Antôn Xêmiônôvich phải cố ý lấy những thắng như tớ vào trại Không như thế, thì những thằng như cậu nổi làm sao được.

- Nói róc lạ chửa! Biêlukhin nói. Nhưng có những nước không có kẻ cắp: nước Đan-mạch này, và Thụy điển này, và Thụy-sĩ này. Tớ đã đọc sách thấy thế,

ở nước họ tuyệt không có của đó.

- T-tất cả những cái đó, toàn là chuyện b-b-bịa, Vecsơnep can thiệp, ở b-bên ấy, họ cũng ă-ăn cắp. Mà không có kẻ cắp, thì có gì là h-hay chứ? Vả chăng nước Đ-Đan mạch và nước Thụy-sĩ, ch-chỉ là cái tép.

- Thế còn chúng mình, chúng mình là cái gì?

- Ch-chúng mình, rồi c-cậu xem, rồi c-cậu xem, mình sẽ tỏ cho họ b-biết, và c-c-cách mạng của chúng mình, c-cậu có thấy không!...

- Những đứa như các cậu, là những thằng phản lại cách mạng đầu tiên, có thế thôi!.

Trong những cuộc tranh cãi như thế Karabanốp nổi nóng lên và tức giận hơn cả những đứa khác. Người ta thấy nó từ trên giường nhảy xuống, giơ nắm tay đấm không khí, đôi mắt đen hung tợn chĩa thẳng vào mặt thằng Biêlukhin:

- Mày làm gì mà nhặng lên thế! Thế ra mày cho rằng thằng Michiaghin với tao, chúng tao lấy thừa một chiếc bánh mì, thì cái đó sẽ làm hại cách mạng à? Bây giờ chúng mày lấy bánh mì ra mà đo mọi cái hay sao...

- Tại sao mày lại đem bánh mì của mày ra mà ném vào mặt tao? Vấn đề không phải là ở đấy, mà là ở chỗ mày, như một con lợn con ấy, mày lại đi chúi mũi xuống đất mà bới.

Vào cuối mùa hè, hoạt động của thằng Michiaghin và những đứa hùa theo nó phát triển mạnh hết sức trong các ruộng dưa bở lân cận. Vào vụ ấy, việc trồng dưa bở và dưa hấu rất phổ biến trong các vùng chúng tôi, và nhiều nông dân dư dật dành nhiều đêxiatin cho việc đó.

Chuyện dưa hấu bắt đầu bằng những cuộc ăn trộm riêng lẻ ở các ruộng dưa. Ở Ukren xưa nay người ta không bao giờ coi việc ăn cắp thuộc loại đó là một tội. Cho nên các trai làng vẫn tự cho phép làm những cuộc xâm nhập nho nhỏ như thế vào các ruộng láng giềng. Các chủ ruộng đều ít nhiều dung thứ chuyện đó: trên một đêxiatin có thể thu hoạch được

đến hai vạn quả dưa hấu, thành thử việc mất mát độ một trăm quả trong một vụ thực ra không phải là một sự tổn thất. Tuy nhiên ở giữa các ruộng dưa bao giờ cũng dựng lên một cái lều cho một ông già chất phác nào đấy ở, chẳng cốt để giữ dưa mà là để ghi cho biết những khách thăm xấu chơi.

Thỉnh thoảng một trong các ông già lụ khụ đó đến mách tôi:

- Hôm qua bọn trai nhà ông sang ăn trộm dưa. Vậy

ông hãy bảo họ là như thế không tốt. Thì họ cứ vào trong lều tìm tôi có hơn không, và lạy Chúa, gì mà không thể chiều ý thích anh em một chút kia chứ.

Họ chỉ việc nói một tiếng, là tôi sẽ tự tay chọn cho họ quả dưa hấu ngon nhất.

Tôi truyền đạt cho bọn trai lời yêu cầu của ông già. Chúng được thể đi ngay tối hôm đố, nhưng có sửa đổi ít chút đường lối của ông già đề nghị ở trong lều, mấy đứa thưởng thức quả dưa hấu ngon nhất, do chính ông cụ thân chinh chọn lựa, chúng thản thiện nói chuyện, so sánh dưa hấu vụ trước với vụ năm chiến tranh với Nhật ngọt nhạt hơn kém ra sao; trong khi ấy thì toàn thể ruộng dưa bị một bầy quân xâm lăng ùa tới, chúng chẳng nói chẳng rằng, cứ ních dưa hấu vào vạt áo sơ mi, áo gối và bao tải. Tối hôm đầu tiên đó, trước lúc ra đi lợi dụng lối nói lịch sự của ông già, Vecsơnep đã đề nghị

Biêlukhin đi theo nó. Các trại viên khác đã không phản kháng sự ưu đãi ấy. Matvây ở ruộng dưa trở về rất vui vẻ.

- Như thế là rất tốt, thật đấy: chúng mình đã nói chuyện và ông cụ đã hài lòng.

Vecsơnep, ngồi trên một chiếc ghế dài, bình tĩnh cười tủm tỉm. Karabanôp đâm bổ vào phòng:

- Matvây, cuộc đi thăm ấy thế nào?

- Mình đã bảo cậu đấy, Xêmiôn ạ, cậu có thấy không, có thể lấy tình hàng xóm mà sống với nhau.

- Đối với mày thì tuyệt rồi, mày đã tọng đầy diều nhưng còn chúng tao?

- Mày buồn cười nhỉ? Thì mày cũng đi mà thăm ông cụ,

- Thế này thì tệ thật! Mày không xấu hổ à? Ông lão mời, chúng nó đi tuốt cả. Thực là đểu quá. Sáu mươi đứa cả thảy.

Hôm sau, Vecsơnep lại đề nghị với Biêlukhin đi với nó sang thăm ông già. Biêlukhin cao thượng từ chối: đến lượt người khác.

- Tại sao tao lại phải đi tìm những đứa khác? Đi đi thôi! Với lại may không bắt buộc phải ăn kia mà. Mày ngồi đấy, mày nói chuyện.

Biêlukhin cho là Vecsơnep nói phải. Và nó ưng cái ý kiến đó: sang thăm ông

già và tỏ cho ông ta biết rằng các trại viên đến thăm ông chẳng phải chỉ vì dưa hấu của ông.

Song ông cụ tiếp chúng rất tệ, và Biêlukhin chẳng tỏ cho ông ta biết được gì cả. Chính ông ta, trái lại, giơ súng ra với chúng, nói rằng:

- Hôm qua, trong khi các chú giữ chân tôi ở đây, thì bầy vô lại nhà các chú đã ăn trộm mất nửa ruộng dưa. Có thể cứ như thế mãi được không? Không, tôi thấy rằng đối với các chú phải xử khác mới được. Và tôi sẽ bắn.

Biêlukhin, ngượng ngùng, trở về trại, và một khi vào đến phòng ngủ, nó bắt đầu nổi cáu. Những đứa khác cười, và

Michiaghin bảo nó:

- Có phải là ông già đã thuê cậu làm trạng sư không? Hôm qua cậu đã đàng hoàng xơi cẩn thận quả dưa hấu tốt nhất của ông ta, cậu còn muốn gì nữa chứ? Trong khi ấy thì chúng tớ đây, có lẽ bóp bụng mà nhịn. Lão già có chứng cớ gì không chứ?

Ông già không trở lại thăm tôi nữa, nhưng có nhiều dấu hiệu tỏ ra rằng bọn trẻ đã bắt đầu thật sự ăn dưa hấu thả cửa.

Một buổi sáng, nhìn qua một phòng ngủ, tôi trông thấy trên sàn bừa bãi những vỏ dưa. Tôi trách mắng trại viên trực nhật của phòng, phạt một đứa, đòi hỏi chúng không được để cho việc ấy tái

diễn nữa. Những ngày sau, quả thật các phòng ngủ trở lại sạch sẽ như thường.

Những buổi chiều hè yên tĩnh, đẹp đẽ, đầy những tiếng trò chuyện lao xao, với không khí vui vẻ, tình bạn thân yêu, giọng cười ròn rã, kết tận thành những đêm trong sáng và nghiêm túc.

Phảng phất bay trên trại ngủ im là những giấc mơ, những luồng hương thông và rau mùi, những tiếng lướt chạm của cánh chim, tiếng chó cắn vọng lại như từ một nước xa xôi nào. Tôi bước ra bậc tam cấp. Trại viên gác đêm ở một góc nhà nhô ra và hỏi giờ. Dưới chân hắn, con chó Bukê lờ đờ đi lại như ngái ngủ, dầm trong không khí mát mẻ bộ lông đốm hoa của nó. Có thể yên tâm đi ngủ được.

Nhưng sự yên tĩnh ấy có ẩn giấu những sự việc phức tạp và náo loạn.

Ivan Ivanôvich có một lần hỏi tôi:

- Có phải bác ra lệnh cho thả ngựa rông trong sân suốt đêm không? Chúng có thể bị bắt trộm mất đấy.

Bratsenkô nổi giận:

- Thế thì ngựa không có quyền được thở không khí mát mẻ một tí hay sao?

Hai hôm sau, Kalina Ivanôvich hỏi dò:

- Ngựa nhà mình làm sao mà cứ nhòm ngó vào các phòng ngủ thế không biết?

- Thế nào kia?

- Đấy, anh để ý mà xem: cứ sáng sớm là chúng đến đứng dưới các cửa sổ, chúng làm cái gì ở đấy thế?

Tôi coi thử: quả thật, cứ từ sáng bửng tưng, tất cả ngựa của trại, và cả con bò Gavriuska, mà bộ phận kinh tài của sở Giáo dục đã cho chúng tôi vì không biết dùng nó làm gì được, vả chăng nó cũng già rồi, đều đến đứng trước các cửa sổ những phòng ngủ, trong các bụi tử đinh hương và anh thu, chúng cứ đứng im đấy hàng giờ, hiển nhiên là chờ đợi một cái gì thích thú cho chúng.

Tôi hỏi ở phòng ngủ:

- Tại sao những con ngựa cứ

trông coi cửa sổ của các chú một cách chăm chú đến thế?

Ôpriskô nhổm người lên trên giường, nhìn ra ngoài một cái, phì cười và gọi bảo một đứa nào:

- Xêriôja, mày ra hỏi những đứa xuẩn kia xem chúng nó đứng ở trước cửa để làm gì thế?

Chúng ôm bụng cười trong chăn. Michiaghin vươn vai, rồi nói bằng cái giọng ồm ồm của nó:

- Đáng lẽ bác chả nên đưa những con vật tò mò như thế về trại làm gì, để bây giờ lại đâm ra thắc mắc...

Tôi xông đến hỏi Antôn:

- Những chuyện bí hiểm này là nghĩa thế nào? Tại sao sáng nào ngựa cũng cứ xúm lại đây? Các chú dử chúng đến bằng cái gì?

Biêlukhin gạt Antôn ra:

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, bác đừng lo ngại. Chả có gì đáng sợ cho ngựa cả. Antôn cố ý cho chúng nó đến đây, là vì có những thứ ngon lành cho chúng nó.

- Mày, mày cũng đã có ăn vào đấy! Karabanôp nói.

- Phải, cháu sẽ nói bác biết. Vì bác đã cấm vứt vỏ xuống sàn, thế mà vẫn có thể một anh nào đó có một quả dưa hấu, vì gặp may....

- "Gặp may" là làm sao?

- Sao lại không chứ? Có khi là ông già biếu, hay là nông dân trong làng đưa đến...

- Bây giờ ông già lại đi biếu các chú à? tôi hỏi với giọng trách mắng:

- Ông ta thì không, cháu xin đồng ý, nhưng bằng một cách khác. Thế thì bỏ vỏ vào đâu? Cho nên Antôn mới đưa ngựa đến chơi đây. Các tướng thết chúng nó.

Tôi đi ra.

Sau bữa ăn, Michiaghin bưng đến buồng giấy tôi một quả dưa hấu to tướng.

- Bác nếm đi, bác Antôn

Xêmiônôvich ạ.

- Chú lấy ở đâu? Cả chú lẫn dưa đi ra khỏi buồng đi!... Vả chăng tôi sẽ để ý đến các chú cẩn thận cho mà xem.

- Các cháu có quả dưa này hết sức là chính đáng, và chọn riêng để biếu bác. Quả dưa hấu này, các cháu đã trả tiền lão già bằng tiền của các cháu hẳn hoi. Còn như việc bác để ý đến các cháu, thì tất nhiên, chẳng phải là sớm quá đâu. Các chán không oán giận bác.

- Chú cút đi, với cả dưa lẫn những lời diễn thuyết của chú.

Mười phút sau, cả một đoàn đại biểu đến với quả dưa hấu. Tôi ngạc nhiên thấy phát ngôn viên của đoàn là Biêlukhin, nó

cứ ngắt quãng từng lời bài diễn văn của nó, để cười:

- Bác An tôn Xêmiônôvich ạ, bác không biết chứ, những đứa súc sinh này mỗi tối chúng nó tọng không biết bao nhiêu là dưa hấu! Giấu mà làm gì... Chỉ riêng thằng Vôlôkhôp... cái thằng ấy, thôi chẳng cần nói. Chúng nó làm thế nào mà kiếm được dưa, đó là việc giữa chúng nó với lương tâm chúng nó, nhưng có điều không nên chối cãi là chúng cũng thết cháu, những quân ăn cướp ấy; chúng đã tìm ra cái khuyết điểm của tâm hồn non trẻ của cháu: cháu thích dưa hấu lắm. Ngay cả đến bọn con gái cũng có phần; chúng cũng cho cả thằng Tôxka nữa. Cháu phải nói rằng trái tim chúng không

phải là không có khả năng ẩn giấu những tình cảm nhân hậu. Thế thì chúng cháu biết rằng bác chẳng hề đụng đến dưa, bởi vì những quả dưa khốn kiếp đó chỉ có gây cho bác những chuyện khó chịu. Nhưng xin bác hãy nhận cho cái quà nhỏ mọn này. Cháu là một đứa lương thiện, cháu, chứ không phải một thằng Vecsơnep, và bác có thể tin cháu khi cháu nói với bác rằng chúng cháu đã trả tiền lão già, và có lẽ trả quá cái công sức lao động của con người bỏ vào việc sản xuất ra nó, như khoa chính trị học kinh tế nói.

Sau khi kết luận như thế, Biêlukhin bỗng làm mặt nghiêm đặt quả dưa lên bàn tôi và đứng lui ra một cách kín đáo.

Đầu tóc bờm xờm và áo quần rách rưới như mọi khi, Vecsơnep nhìn qua vai Michiaghin.

- Khoa k-kinh tế c-c-chính trị học chứ không phải khoa c-c-chính trị học kinh tế.

- Thì cũng rứa thôi, Biêlukhin nói.

Tôi hỏi:

- Các chú đã trả ông già như thế nào?

Karabanôp gập một ngón tay:

- Vecsơnep đã hàn cho lão một cái quai bình. Gut đã đóng cá cho giày ủng của lão, và cháu đã gác thay cho lão

một nửa đêm.

Tôi hình dung thấy số lượng dưa hấu mà các chú đã cộng thêm vào với quả này trong nửa phiên canh gác đó.

- Có thế, có thế, Biêlukhin nói. Cái đó thì cháu có thể lấy danh dự chứng nhận được. Bây giờ chúng cháu tiếp xúc với lão già ấy. Nhưng đây này, ở ven rừng có một ruộng dưa do một lão già hết sức tai hại canh gác: lão ta cứ bắn luôn tay.,...

- Cả chú nữa, chú cũng đi ăn trộm dưa à?

- Không, cháu không đi, nhưng cháu nghe thấy những tiếng súng; có khi cháu đi qua đấy.

Tôi cảm ơn bọn trẻ về quả dưa hấu tuyệt ngon của chúng. Vài hôm sau, tôi gặp "lão già tai hại". Lão đến thăm tôi bối rối hết sức.

- Chúng tôi sẽ ra sao đây? Trước kia, chúng thường đến ăn cắp ban đêm nhiều, nhưng bây giờ ngay giữa ban ngày cũng không còn biết trời đất nào nữa. Cứ đến giờ ăn là chúng kéo tới cả hàng đàn, và thật là tai họa! Trong khi minh đuổi theo một đứa, thì những đứa khác tha hồ hoành hành trên khắp ruộng.

Tôi dọa chúng rằng sẽ thân hành đi giúp đỡ trông coi ruộng dưa, hoặc sẽ thuê những người canh gác mà trại phải trả tiền.

Michiaghin nói:

- Bác tin lời cái lão dân quê ấy là không đúng. Chúng cháu không tức gì về chuyện dưa của lão, nhưng vì lão không cho đi dọc bờ ruộng của lão.

- Nhưng các chú cần gì phải đi qua đấy? có phải đường đi của các chú đấy không?

- Chúng cháu đi đâu thì việc gì đến lão ta? Tại sao lại bắn súng?

Rồi sau một hôm nữa, Biêlukhin báo trước cho tôi:

- Chuyện cái lão già ấy rồi sẽ chả ra sao đâu. Anh em tức giận lắm. Bây giờ vì lão ta sợ ở một mình trong lều, nên lại có hai lão nữa gác cùng với lão,

và tất cả đều có súng. Và anh em không thể chịu được cái đó.

Ngay đêm hôm ấy, các trại viên dàn thành tuyến tán binh tiến đến công kích mục tiêu đó. Các bài tập luyện quân sự của tôi chẳng hóa ra lại được việc cho chúng. Đến nửa đêm, sau khi đã tung những đội tuần tra và trinh sát đi trước, một nửa số trại viên của trại nằm phục kích ở bờ ruộng dưa. Khi các ông tổ cho hiệu báo động, bọn trai hô vang lên một tiếng: " U-ra!" và xông lên xung kích. Các ông già gác ruộng đánh tháo vào rừng, trong lúc hoảng loạn bỏ quên cả súng ở trong lều. Một phần những đứa trẻ khai thác thắng lợi bằng cách vần những quả dưa hấu ở ven ruộng cho lăn xuống

chân dốc, số còn lại tiến hành công việc trả thù: chúng đốt cái nhà lá khổng lồ.

Một trong mấy người gác chạy đến trại đánh thức tôi. Chúng tôi vội vã đi ra chiến trường.

- Trên đỉnh đồi đang lem lém bốc cháy một giàn củi lửa, ánh sáng rực trời, tưởng như cả một làng phát hỏa. Khi chúng tôi tới ruộng, thì có vài tiếng súng nổ ở đấy. Tôi trông thấy các trại viên, nằm úp bụng, đội ngũ chỉnh tề giữa các bụi dưa. Thỉnh thoảng một trong những nhóm chiến đấu đó vùng lên, chạy tới cái lều đang cháy. Ở một chỗ nào đấy bên phía hữu dực, Michiaghin chỉ huy:

- Đừng tiến thẳng, đi vòng bên

cạnh.

- Nhưng ai bắn thế? tôi hỏi ông già.

- Nào tôi biết. Chả còn ai nữa. Không khéo mà là một khẩu súng của ai đấy bỏ quên, nó nổ tự nhiên đó thôi.

Việc như thế tạm là xong.

Trông thấy tôi, lũ trẻ biến mất, như độn thổ cả. Ông già thở dài một cái rồi về nhà ông. Tôi trở về trại. Phòng ngủ im lặng như chết. Chúng không chịu ngủ mà thôi, lại còn ngáy nữa. Suốt đời tôi chả bao giờ nghe thấy ngáy to đến thế. Tôi nói mà không cất cao tiếng:

- Đừng làm trò khỉ nữa, đứng dậy.

Tiếng ngáy ngừng bặt, nhưng tất cả vẫn cứ cố tình ngủ.

- Tôi bảo các chú đứng dậy!

Những cái đầu bù xù nghển lên trên mặt gối. Michiaghin nhìn tôi như thể hắn không nhận ra tôi là ai.

- Có chuyện gì thế?

Nhưng Karabanôp không nhịn được nữa:

- Thôi đi, Michiaga, có ích lợi gì!

Tất cả vây lấy tôi và bắt đầu kể lại các giai đoạn của cái đêm quang vinh ấy. Bỗng Taranet nhảy chồm lên một cái, tựa hồ bị giội nước sôi.

- Thế còn những khẩu súng ở ngoài ấy!

- Cháy mất rồi.

- Gỗ cháy, chứ phần còn lại thì tốt.

Và nó bay ngay ra khỏi phòng.

Tôi nói:

- Tất cả câu chuyện này có lẽ buồn cười thật đấy, nhưng vẫn không khỏi là việc cướp bóc trắng trợn hiển nhiên. Tôi không thể dung thứ hơn được nữa. Nếu các chú cứ muốn tiếp tục theo con đường đó, thì tôi mặc các chú. Tôi thử hỏi các chú, thế này thì có còn sống được không nữa chứ? Suốt ngày suốt đêm, chả còn ai yên thân được hết, ở trại

cũng thế, mà ở cả vùng này cũng thế.

Karabanôp nắm lấy cánh tay tôi:

- Thôi hết rồi. Chính chúng cháu, chúng cháu cũng thấy như thế là đã đủ, có phải không, các cậu?

Bọn trẻ thốt ra một tiếng lầm rầm tán thành. Tôi bảo:

- Tất cả những cái đó, chỉ là lời nói suông. Tôi giao hẹn trước các chú rằng nếu tất cả những chuyện ăn cướp này còn tái diễn, thì tôi sẽ tống một người nào đó trong bọn các chú ra khỏi trại. Các chú hãy nên biết thế, vì tôi sẽ không nhắc lại nữa đâu.

Ngày hôm sau, có những xe tải đi vào cánh ruộng bị tai họa và, sau khi tất cả

những gì còn lại đã được xếp lên, xe lại ra đi.

Trên bàn tôi có những nòng và các bộ phận nhỏ khác của những khẩu súng bị cháy.

22. CHẶT CHÂN TAY

Bọn trẻ không giữ lời hứa. Cả Karabanôp lẫn Michiaghin và những đứa khác trong bầy chúng vẫn không thôi những cuộc chinh phạt các ruộng dưa, cũng như phá phách trong các hầm chứa và nhà kho của nông dân. Sau cùng chúng lại tổ chức một trò mới, vô cùng phức tạp, gây nên cả một mớ hậu quả vừa buồn

cười vừa khó chịu.

Một đêm chúng chui vào nhà nuôi ong của Luka Xêmiônôvich và lấy trộm ở đấy hai tổ ong với cả mất lẫn ong. Chúng đem về trại và đặt vào xưởng đóng giày hồi bấy giờ không làm việc. Để khao mừng chuyện đó, chúng tổ chức một bữa tiệc có nhiều trại viên dự. Sáng hôm sau có thể lập được danh sách rõ ràng những đứa dự tiệc vì đứa nào đứa nấy đều phơi những bộ mặt đỏ gay và sưng vù lên. Thằng Lêsi còn phải xin Ekatêrina Grigôriepna chữa thuốc cho nữa.

- Bị gọi lên buồng giấy tôi, Michiaghin nhận ngay trách nhiệm về việc đó, từ chối không nói tên những đứa

đồng lõa và ngoài ra còn ngạc nhiên.

- Chuyện này thì có gì đáng phạt đâu! Chúng cháu lây tổ ong không phải cho chúng cháu, mà lấy về cho trại. Nếu bác cho rằng ở đây không cần nuôi ong thì chúng cháu mang đi trả vậy.

- Chú sẽ đem trả cái gì? Các chú đã ăn mật. Ong đi hết rồi.

- Thì thôi, xin tùy ý bác. Cháu thì cháu đã có ý định tốt.

- Không, Michiaghin ạ, tốt hơn hết là chú để cho chúng tôi được yên. Chú là một người lớn rồi, xưa nay chú không bao giờ đồng ý với tôi, vậy ta hãy xa rời nhau đi.

- Ấy cháu cũng nghĩ thế!

Nhất định phải đuổi nó đi, càng sớm càng hay. Tôi nhìn thấy rõ là tôi đã chần chừ trì hoãn cái quyết định ấy một cách không thể tha thứ được, và tôi đã để trôi qua lúc phải ngăn ngừa cái quá trình hủy hoại tập thể chúng tôi, vẽ ra từ lâu rồi. Có lẽ cũng không có gì là đặc biệt hư hỏng trong các chuyện dưa hấu và ăn cắp tổ ong nọ, nhưng sự chú ý thường xuyên của các trại viên đối với các thứ đó, những ngày đêm của chúng duy nhất và luôn luôn bận rộn quanh đi quẩn lại chỉ có mấy trò ấy, và đầy những cảm xúc không thay đổi ấy, đã báo hiệu sự ngừng phát triển hoàn toàn của tinh thần tập thể chúng tôi, hay nói khác đi, báo hiệu sự ngưng đọng. Và trên cái nền ấy, bất cứ

con mắt tinh ý nào cũng đã nhìn thấy rõ những nét khó thương: bộ điệu lôi thôi lếch thếch của các trại viên, một chút thái độ thô lỗ chứng phô trương ra đối với trại và công việc lao động, lối bông lơn khó chịu và rỗng tuếch, những yếu tố không chối cãi được của sự vô sỉ. Tôi lại nhìn thấy rõ nữa ngay đến những trại viên như Biêlukhin và Zađôzôp, thường không tham dự vào những việc phạm pháp, cũng đã bắt đầu để rơi rụng mất phần tốt đẹp nguyên lai của cá tính chúng. Những dự định của chúng tôi, thảo luận về một quyền sách lý thú hoặc về những vấn đề chính trị, ở trong tập thể chúng tôi, bắt đầu bị gạt vào những hậu cảnh xa xôi, để nhường chỗ cho các

chuyện mạo hiểm hỗn loạn và bất hảo, cùng với những cuộc bàn cãi bất tận mà các chuyện ấy gây nên. Tất cả những cái đó đều có phản ánh ở vẻ ngoài của các trại viên và của toàn trại, bằng những hành động tự do tán loạn, lối nói hóm hỉnh dễ dãi và thô bỉ, cách ăn mặc không chỉnh tề và những thứ bẩn thỉu giấu trong các xó xỉnh.

Tôi viết giấy ra trại cho Michiaghin, cho nó năm rúp để đi đường - nó nói là đi Ôđetxa - và chúc nó lên đường bình an.

- Cháu có thể chào anh em được chứ?

- Cố nhiên.

Chúng từ biệt nhau như thế nào, tôi chẳng rõ. Michiaghin ra đi trước khi trời tối và hầu hết cả trại tiễn chân nó.

Buổi chiều tất cả đều buồn. Các trẻ nhỏ có vẻ ỉu xìu, tựa hồ những khí quan sát phát động mạnh mẽ của chúng đã bị tổn thương. Karabanôp ngồi trên một cái hòm úp sấp ở gần nhà kho, và suốt cho đến tối không dời khỏi chỗ.

Lêsi bước vào phòng giấy tôi và nói:

- Tội nghiệp Michiaga.

Nó đợi hồi lâu không thấy tôi trả lời, rồi sau cùng đi ra.

Tôi làm việc rất khuya. Vào khoảng hai giờ, khi dời phòng giấy, tôi trông thấy có ánh sáng ở tầng kho áp mái chuồng

ngựa. Tôi đánh thức Antôn dậy và hỏi nó:

- Ai ở trên gác kho?

Nó xo vai với một vẻ không bằng lòng và gượng gạo đáp:

- Michiaghin.

- Nó làm gì trên ấy?

- Cháu biết sao được?

Tôi trèo lên. Một nhóm trại viên ngồi chung quanh một cái đèn lồng kính của chuồng ngựa: Karabanôp, Vôlôkhôp, Lêsi, Prikhôtkô, Ôtxatsi. Chúng lặng lẽ nhìn tôi. Michiaghin đang lúi húi làm cái gi đấy trong một góc: tôi chỉ thoáng nhận thấy nó trong bóng tối lờ mờ.

- Tất cả lên phòng giấy tôi.

Trong khi tôi mở cửa, Karabanôp ra lệnh:

- Không cần phải vào tất cả, Michiaghin với tao là đủ rồi.

Tôi không phản kháng.

Chúng tôi vào phòng. Karabanôp không kiểu cách gì cả, ngồi phịch xuống đi-văng. Michiaghin đứng lại ở góc phòng, gần cửa.

- Vì lẽ gì chú trở về trại?

- Vì một việc.

- Việc gì?

- Một việc riêng giữa chúng tôi.

Karabanôp nhìn tôi bằng con mắt dữ dội. Bỗng nó đứng vùng lên như một chiếc lò xo và bằng một động tác mềm dẻo như con rắn nó gập cong mình trên bàn giấy tôi, đưa hẳn đôi mắt nảy lửa gần sát mắt kính của tôi:

- Bác biết thế nào không, bác Antôn Xêmiônôvich? Bác có biết tôi sắp nói gì với bác không? Tôi đi với Michiaga.

- Các chú đã làm gì ở đây thế?

- Một việc không quan trọng gì, nói cho đúng, nhưng dù sao cũng không phải là một chuyện thích hợp với trại. Và tôi, tôi đi với Michiaga. Vì giữa chúng tôi với bác có sự không ổn, thì thôi,

chúng tôi đi cầu may tìm đường sống. Có lẽ bác sẽ tìm ra được những trại viên tốt hơn.

Nó vẫn có một chút làm dáng làm điệu và lúc bấy giờ ra bộ tức giận uất ức, có lẽ nó hi vọng rằng tôi sẽ tự xấu hổ vì sự ác nghiệt của chính tôi và giữ Michiaghin lại chăng.

Tôi nhìn thẳng vào mắt nó và hỏi nó một lần nữa:

- Các chú đã làm cái gì ở trên gác ấy?

Karabanôp không trả lời gì và nhìn Michiaghin bằng con mắt dò hỏi.

Tôi dời ghế ngồi và nói với Karabanôp:

- Chú có một khẩu súng lục trong người phải không?

Không, nó trả lời quả quyết.

- Chú cho xem các túi.

- Bác định khám tôi hay sao, bác Antôn Xêmiônôvich?

- Cho xem các túi.

- Thì đây này, bác nhìn xem! Karabanôp kêu lên, hầu như phát điên. Rồi nó lật tung tất cả các túi quần, túi áo vét-tông làm việc, dốc ra mặt sàn thuốc lá với mảnh vụn bánh mì lúa hắc mạch.

Tôi lại gần Michiaghin:

- Cho xem các túi.

Michiaghin ngượng ngập lùa tay vào

các túi áo của nó. Nó lôi ra một túi tiền, một chùm chìa khóa và móc mở khóa mỉm cười bối rối và nói:

- Chả còn gì khác nữa.

Tôi luồn tay vào dưới thắt lưng quần nó và lôi ra một khẩu brô-ninh cỡ trung bình. Ổ nạp đạn có ba viên đạn.

- Của ai đấy?

- Đấy là súng lục của tôi, Karabanôp nói.

- Vậy tại sao chú lại nói dối, bảo rằng chú không có gì hết? Còn các chú kia. Mà thôi, cần gì? Các chú cút ngay khỏi đây đi cho tôi nhờ, và ngay lập tức, đừng có bao giờ để cho tôi thấy mặt các chú ở trại nữa! Đã hiểu chưa?

Tôi ngồi xuống để viết giấy cho Karabanôp ra khỏi trại. Nó lẳng lặng cầm lấy tờ giấy, mắt khinh bỉ nhìn vào tờ giấy bạc năm rúp mà tôi chìa cho nó, và nói:

- Tôi không cần lấy. Chào bác.

Nó rung rung chìa bàn tay cho tôi, bóp mạnh các ngón tay tôi, toan nói câu gì, rồi bỗng chạy ù ra cửa và biến mất trong rạch ánh sáng đèn đêm của khung cửa. Michiaghin không đưa tay cho tôi và không có được lấy một tiếng chào. Nó quả quyết khép các vạt áo vét của nó lại và bằng bước đi lặng lẽ của thằng kẻ trộm, nó theo gót Karabanôp.

Tôi đi ra bậc tam cấp, ở dưới bậc lũ

trẻ đã xúm cả lại. Lêsi đã chạy đuổi theo các bạn nó ra đi, nhưng đến ven rừng, nó quay trở lại. Antôn đứng trên bậc cao nhất, lầm bầm nói gì không rõ. Biêlukhin bỗng phá tan im lặng:

- Ừ. Phải đấy, tớ thì tớ cho như thế là đúng.

- Có lẽ là đúng, Vecsơnep nói, nh-nhưng mà, d-dù sao, c-c-cũng thấy b-b-buồn.

- Buồn cho ai? tôi hỏi.

- Cho Xêmiôn và Michiaga chứ ai. Còn bác, bác không lấy làm b-b-buồn ư?

- Tôi, thì tôi thấy buồn cho chú, Kônka ạ.

Trong khi đi về phòng, tôi nghe thấy Biêlukhin lý luận với Vecsơnep như thế này:

- Mày là một thằng ngu ngốc chẳng hiểu cái gì cả. Mày đọc sách, nhưng chỉ như nước đổ đầu vịt thôi.

Trong hai ngày không có tin tức gì về hai đứa bị đuổi. Tôi ít lo lắng về phần thằng Karabanôp: nó đã có bố nó ở Xtôrôjêvôiê. Sau khi lang thang một tuần lễ ở ngoài tỉnh, nó sẽ trở về nhà bố mẹ. Số phận thằng Michiaghin không để cho tôi hoài nghi chút nào hết. Nó sẽ lê la ngoài phố khoảng chừng một năm, ngồi tù vài chuyến, rồi bị tóm trong một vụ làm bậy quan trọng nào đấy, nó sẽ bị cưỡng bách lưu trú ở một tỉnh khác, và

năm, sáu năm sau, thể nào cũng không tránh được: nó sẽ ngã dưới lưỡi dao của những đứa như nó, hoặc sẽ bị xử bắn vì tội cướp bóc. Không có con đường nào khác cho nó hết. Không biết chừng mà nó lôi kéo cổ thằng Karabanôp cũng nên. Thằng này trước kia đã tự để cho mình bị cám dỗ sai đường lạc lối: nó đã từng cầm khí giới đi ăn cướp.

Được mười hôm, ở trại bắt đầu có những chuyện xì xào:

- Người ta bảo Xêmiôn và Michiaga đánh cướp người trên đường cái. Hôm qua, chúng nó đã cướp tiền của những người hàng thịt ở Rêsêtilôpka.

- Ai bảo thế?

- Một chị bán sữa, đến nhà vợ chồng chú Ôtxipôp, đã bảo là đúng chúng nó.

Các trại viên nói nhỏ với nhau ở các góc nhỏ, hễ thấy có người đến gần lại im bặt. Các trại viên cũ nhìn trộm mọi người, chẳng muốn đọc sách, nói chuyện gì nữa, và tối đến, từng tốp hai ba đứa, khẽ trao đổi với nhau rất ít lời ít tiếng.

Các giáo viên tránh không nói đến những đứa vắng mặt. Chỉ có một lần Liđia bảo tôi:

- Bác không thương những đứa trẻ ấy sao?

- Được rồi, cô Liđia, chúng ta hãy nên thỏa thuận với nhau, tôi trả lời.

Cô hãy cứ việc mà thương xót, tha hồ, nhưng đừng bắt tôi phải theo.

- Đã như vậy, thì thôi, không nói đến chuyện ấy nữa!

Liđia Pêtrôpna phật ý đáp.

Năm hôm sau, tôi đi xe ngựa ở tỉnh về. Con Hung, đã béo tốt qua một mua hè sung túc, khoan khoái chạy nước kiệu về nhà. Antôn ngồi bên tôi, nghiêng hẳn đầu đi, đang nghĩ ngợi chuyện gì. Đã quen với con đường vắng vẻ, chúng tôi không chờ đợi được thấy cái gì thú vị ở đây cả.

Chợt Antôn nói:

- Bác xem kìa, có phải chúng nó không? Phải rồi! Thằng Xêmiôn và thằng Michiaghin đây!

Hai bóng người đứng sững trên đường cái.

Phải có đôi mắt tinh như mắt Antôn mới nhìn rõ được đúng là Michiaghin và bạn nó. Con Hung đưa chúng tôi đi mau lại gặp chúng. Antôn bỗng đâm lo, nhìn vào bao súng lục của tôi.

- Dù sao bác cũng cứ bỏ nó vào túi kia, để cho tiện tầm tay lấy hơn.

- Đừng có nói chuyện nhảm.

- Thì tùy bác đấy.

Antôn ghì dây cương.

- Gặp được bác với cậu đây là tốt lắm, Xêmiôn nói. Hôm nọ, bác ạ, chúng ta từ biệt nhau không được tử tế.

Michiaghin vẫn mỉm cười thân mật như mọi khi:

- Các chú làm gì ở đây thế?

- Chúng cháu muốn gặp bác. Vì bác đã bảo chúng cháu đừng có đặt chân vào trại nữa, nên chúng cháu không trở lại đấy.

- Tại sao chú không đi Ôđetxa? tôi hỏi Michiaghin.

- Lúc này cháu có thể sống ở đây, rồi sang mùa đông cháu sẽ đi xuống đó.

- Chú không định làm việc đi à?

- Để còn xem thế nào đã, Michiaghin nói. Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, xin bác hãy tin cho rằng chúng cháu

không giận bác đâu. Ai sống đời người nấy.

Xêmiôn thực tình vui mừng ra mặt,

- Chú sẽ ở với Michiaghin à?

- Cháu cũng chưa biết. Cháu lằng nhằng thuyết nó mãi: đi về nhà ông già tao, nhưng nó chẳng thèm nghe gì cả.

- Vâng, bố nó là một dân quê, cháu có biết là người như thế nào đâu.

Chúng đi theo tôi cho đến chỗ rẽ về trại.

- Xin chào bác, và đừng giận chúng cháu, Xêmiôn nói. Thôi nào, chúng cháu hôn bác.

Michiaghin bật cười:

- Tim mày mềm yếu quá, Xêmiôn ạ, mày sẽ chả làm được trò trống gì đâu.

- Còn mày, mày hơn tao sao?

Cả hai đứa phá lên cười tưởng đến làm bay hết cả các chim rừng, giơ cao mũ cát-két của chúng lên vẫy, rồi chúng tôi chia tay nhau, mỗi người đi một ngả.

23. NHỮNG HẠT GIỐNG CHỌN LỌC.

Cuối mùa thu, ở trại, là bắt đầu một thời kỳ buồn tẻ, thời kỳ u ám nhất trong lịch sử của trại chúng tôi. Việc đuổi Karabanôp và Michiaghin rõ ràng là một hành động rất đau đớn. Đuổi chúng tức là

đuổi hai tay "sừng sỏ" của trại, những tay đã gây ảnh hưởng mạnh nhất từ trước đến giờ, cho nên việc đó khiến các bạn chúng hoàn toàn hoang mang, như mất phương hướng.

Karabanôp và Michiaghin là những tay lao động rất giỏi. Karabanôp biết toàn tâm toàn ý, say sưa lao mình vào công việc, tim thấy cái vui ở đấy và truyền nó sang những người khác. Bàn tay hắn quả thực làm nảy ra những tia lửa nghị lực và phấn khởi. Đối với những đứa lười biếng, uể oải, hắn chỉ việc nhiếc cho một chập là đủ khiến kẻ cố tình đại lãn đến đâu cũng phải xấu hổ. Michiaghin bổ sung cho hắn một cách tuyệt diệu. Các động tác của nó xuất sắc

ở chỗ mềm dẻo thầm lén, đích thị là những động tác của một thằng kẻ cắp, song nó làm việc gì cũng dễ dàng và tốt, vui vẻ hồn nhiên. Ngoài ra, mỗi khi xảy ra chuyện gì hoặc có vấn đề gì xáo động trại, cả hai đứa đều phản ứng lại vừa nhậy bén vừa cương quyết.

Chúng đi rồi, cuộc sống của chúng tôi bỗng trở thành buồn tẻ và nhạt nhẽo. Vecsơnep vùi đầu vào sách hơn bao giờ hết thảy, những câu bỏng đùa của Biêlukhin nhiễm giọng quá ư nghiêm trang và châm biếm, những gã như Vôlôkhôp, Prikhôtkô vả Ôtxatsi tỏ ra trịnh trọng lễ phép quá đáng, tụi trẻ nhỏ buồn chán và thầm thì vụng lén, số đông cả trại bỗng chốc có vẻ là một xã hội

người lớn. Các buổi tối, khó mà tập hợp được một nhóm chơi vui vẻ: đứa nào cũng bận có việc gì làm đấy. Chỉ có Zađôrôp là tuyệt nhiên không mất vẻ tươi tỉnh, và không giấu nụ cười hơn hớn, đầy chân thực của hắn, song chẳng có ai muốn chia sẻ cái nhiệt tình của hắn, cho nên hắn chỉ cười nụ trong một góc, ngồi đọc sách hoặc làm việc vào cái máy hơi nước kiểu mẫu mà hắn đã bắt đầu từ mùa xuân.

Kết quả canh tác ít thắng lợi cũng góp phần vào sự ngã lòng ấy. Kalina Ivanôvich là một nhà nông nghiệp rất tồi. Bác ta có những quan niệm hết sức kỳ cục về vấn đề cấy luân phiên và kỹ thuật gieo hạt, và ngoài ra chúng tôi đã thừa

hưởng của nông dân những thửa ruộng đầy dẫy cỏ dại và khô cằn ghê gớm. Cho nên, mặc dù công sức lao động khổng lồ của các trại viên trong mùa hè và mùa thu, vụ thu hoạch của chúng tôi chỉ được biểu hiện bằng những con số nhục nhã. Lúa mùa thu có nhiều cỏ lùng hơn là bông, hoa màu mùa xuân trông thật thảm hại, củ cải và khoai tây lại còn tồi hơn nữa.

Ở nhà các giáo viên, tình trạng chán nản cũng y như thế.

Không biết chừng chỉ là vì chúng tôi mỏi mệt: từ ngày mở trại đến giờ không một người nào trong chúng tôi nghỉ phép hết. Song các giáo viên không viện cớ mỏi mệt. Những câu chuyện cũ trở lại

thịnh hành, cho rằng chúng tôi tận tụy vào một công việc vô hi vọng, rằng giáo dục xã hội không thể nào thực hiện được với "cái ngữ" trẻ con ấy, rằng đó chỉ là sức lực tinh thần và thể chất tiêu phí vô ích.

Cứ là phải từ bỏ hết cả thôi, Ivan Ivanôvich nói - Xem như Karabanôp đấy, nó đã khiến chúng ta hãnh diện vì nó là khác: thế mà phải tống nó đi. Cũng chẳng trông mong gì đặc biệt được vào thằng Vôlôkhôp, còn về những thằng Vecsơnep, Ôtxatsi, Taranet, và nhiều đứa khác cũng thế thôi. Có bõ công giữ lại trại chỉ vì một mình thằng Biêlukhin không?

- Êkatêrina Grigôriepna, chính chị ta, cũng phản lại niềm lạc quan chung

đã khiến chị trở thành cánh tay phải và người bạn thân của tôi. Chị cau mày, cố gắng suy nghĩ cẩn thận, mà kết quả của sự suy nghĩ ấy thật vừa lạ lùng vừa bất ngờ đối với tôi:

- Bác có biết không, bỗng chốc tôi thấy hình như là chúng ta mắc phải một sai lầm ghê gớm: chẳng làm gì có tập thể, bác ạ, nó không có đâu, thế mà ta cứ luôn luôn nói tập thể, vì tất cả chúng ta chỉ để cho mình bị thôi miên bởi chính điều mơ ước của mình thôi.

- Xin lỗi, tôi ngăn chị lại, chị bảo rằng tập thể của chúng ta "không có" ư? Thế chị vứt đi đâu số sáu chục trại viên, lao động của chúng, đời sống chung của chúng, tình bạn thân của chúng?

- Bạn có biết tất cả những cái đó là thế nào không? Một trò chơi, thích thú đấy, nói thế cũng được, và tài tình hết sức. Chúng ta đã mắc vào cái trò chơi ấy, và cả bọn trẻ nữa, nhưng chỉ một thời gian thôi. Và bây giờ trò chơi ấy hình như đã trở thành chán ngắt, ai ai cũng phát ngấy, nó sắp sửa bị gạt bỏ nay mai, và trại sẽ biến thành một trại nhi đồng tầm thường và hỏng bét.

- Khi người ta chán một trò chơi, thì người ta chơi sang trò khác, Liđia Pêtrôpna nói để chữa lại cái ấn tượng nặng nề do những lời của Êkatêrina gây nên.

Chúng tôi mỉm cười buồn bã, nhưng tôi không có một chút ý định nào đầu

hàng hết:

- Chị Êkatêrina Grigôriepna ạ, hiện giờ đang lên tiếng nói ở trong người chị, là cái tính nhu nhược hay than vãn và đã thành tập quán của con người trí thức đấy. Chẳng rút ra được một kết luận gì ở tâm trạng của chị cả, vì tâm trạng đó là ngẫu nhiên đối với chị thôi. Có lẽ chị nhiệt liệt ao ước rằng chúng ta chinh phục được thằng Michiaghin và thằng Krrabanôp. Xưa nay vẫn thế đấy, những sự đòi hỏi đưa lên đến mức tối đa mà chẳng có căn cứ gì cả, ý thích thất thường và lòng tham lam, về sau hay dẫn tới những lời rên rỉ và những sự bỏ cuộc. Tất cả hoặc chẳng có gì hết, đó thường là cái triết lý của những kẻ mắc chứng động

kinh.

Tất cả những điều đó, cũng có thể là tôi nói ra trong khi đang trấn áp ở mình chính cái tính nhu nhược đặc thù ấy của con người trí thức. Chính tôi đôi khi cũng thoáng có những tư tưởng khô cằn: phải từ bỏ thôi, một thằng Biêlukhin hay một thằng Zađôrôp chẳng bõ khiến mình phải chịu những hi sinh để thành lập trại; tôi có ý nghĩ rằng chúng tôi đã mệt mỏi và, do đó, không thể nào thành công được.

Song thói quen cũ sống trong một nỗ lực căng thẳng, lặng lẽ và nhẫn nại, vẫn không rời bỏ tôi. Tôi chăm chú giữ một mực cương quyết và vững tin ở mình, trước mặt các trại viên và các giáo viên,

công kích các vị này mỗi khi họ tỏ ra khiếp nhược và ra sức thuyết phục họ rằng, cứ quên đi một cái, là tất cả những sự khốn khổ nọ sẽ không còn nữa. Ở đây tôi xin tỏ lòng tôn kính cái nghị lực và tính kỷ luật phi thường mà các vị giáo viên của chúng tôi đã chứng tỏ ra trong những thời kỳ gian nan ấy.

Họ vẫn làm việc đúng giờ từng phút vẫn tích cực và chống lại mỗi biểu hiện không tốt ở các trại viên, và tuân theo cái truyền thống tốt đẹp đã hình thành ở trại, khi tới phiên trực nhật, họ vẫn mặc những bộ quần áo đẹp nhất của họ, vẻ chỉnh tề và nghiêm túc không hề thay đổi.

Trại vẫn tiến lên, không có những nụ cười và không vui vẻ, song cứ theo một

nhịp điệu rõ rệt và bền bỉ, như một cái máy tốt chạy đúng. Tôi cũng để ý những hậu quả xác thực của việc trừng trị hai trại viên của tôi: những vụ cướp bóc trong làng đã hoàn toàn chấm dứt; những trò trộm cắp ở các hầm chứa và các ruộng dưa trở thành chuyện khó tin. Tôi làm ra bộ không nhận thấy sự chán nản của các trại viên, không thấy có gì lạ trong thái độ chúng trở lại tôn trọng kỷ luật và đối xử đứng đắn với dân làng, tựa hồ mọi thứ nói chung vẫn bình thường và tiến lên, y như trước.

Có nhiều công việc mới và quan trọng đã xuất hiện. Chúng tôi đã xây dựng một nhà kính ấm để trồng cam ở trại thứ hai, bắt đầu kẻ những lối đi và

san phẳng các sân sau khi thanh toán các đống gạch đá vụn của những ngôi nhà bị bỏ; chúng tôi đã trồng giậu, dựng cửa tò vò, khởi công bắc một chiếc cầu qua sông Kôlômak ở chỗ lòng sông hẹp nhất; xưởng rèn làm giường sắt cho các trại viên; nông cụ được sửa chữa lại và mọi người hăm hở cấp tốc tu sửa nốt cho xong các nhà ở của trại thứ hai. Tôi gắt gao cho trại một chương trình công tác ngày càng tăng thêm, đòi hỏi ở tất cả tập thể một sự đúng mực và chính xác trong lao động như từ trước đến giờ.

Không hiểu tại sao, có lẽ là do một bản năng sư phạm không tự giác, tôi lao vào việc tập luyện quân sự.

Ngay từ trước kia, tôi đã cho các trại

viên những bài học thể dục và quân sự rồi. Tôi chưa từng bao giờ là một huấn luyện viên chuyên môn, nhưng chúng tôi không có phương tiện mời một thày dạy chuyên môn như thế. Tôi chỉ biết độc nhất có việc thao luyện quân sự, môn thể thao quân sự, và chỉ biết vẻn vẹn những gì thuộc về đội hình chiến đấu của trung đội mà thôi. Song không hề đi lạc vào những lý luận nọ kia và cũng không một mảy may nào cảm thấy có gì khủng hoảng trong ý thức sư phạm hết, tôi lôi cuốn bọn trẻ vào tất cả những môn tập luyện bổ ích đó.

Các trại viên vui vẻ học tập. Mỗi ngày xong công tác, trong một hay hai tiếng đồng hồ, toàn trại tập luyện ở cái

sân vuông rộng của chúng tôi, dùng làm thao trường. Chừng nào những hiểu biết của chúng tôi tăng lên, chúng tôi cũng mở rộng dần địa bàn hoạt động. Sang đến mùa đông, các tuyến tân binh của chúng tôi đã tiến hành những cuộc diễn tập phức tạp và rất thích thú trên khắp khu vực trại ấp của bọn kulắc. Chúng tôi tấn công rất đẹp mắt và theo đúng qui tắc những mục tiêu nhất định, những ngôi nhà và kho thóc, sau cùng kết thúc bằng một trận xung kích với lưỡi lê khiến tâm hồn dễ xúc động của các ông các bà chủ nhà nơi đó vô cùng kinh hoảng. Ẩn sau những bức tường trắng như tuyết của họ, những người trong nhà, nghe tiếng reo hò xung sát của chúng tôi, chạy bổ ra vườn để

đóng vội những kho xưởng và đứng nép vào các cánh cửa, kinh hoảng và đố kỵ theo dõi những đội ngũ chỉnh tề của chúng tôi chuyển động.

Bọn trẻ rất thích tập như vậy, và không bao lâu ở trại chúng tôi xuất hiện những súng thực, vì người ta đã cố tình bỏ qua cái quá khứ phạm pháp của chúng tôi mà vui mừng tiếp nhận chúng tôi vào hàng ngũ dân cảnh vệ.

Trong khi luyện tập, tôi tỏ ra một người chỉ huy thật sự nghiêm khắc và mặt sắt vô tư, bọn trẻ hoàn toàn tán thành như vậy. Đó là thời kỳ mở đầu những trò chơi quân sự ở trại, về sau trở thành một trong những đề tài cơ bản của tất cả nền nhạc giao hưởng của chúng tôi.

Tôi để ý trước hết đến ảnh hưởng tốt của cái tư thế quân nhân. Vẻ ngoài của các trại viên thay đổi hẳn: dáng bộ chúng nhẹ nhàng hơn, gọn ghẽ hơn, chúng tôi không còn nằm bò trên mặt bàn, không tựa lưng vào tường nữa và có thể đứng tự do, thoải mái, không cần dựa dẫm vào đâu cả. Từ nay có thể phân biệt rõ một trại viên mới với một trại viên cũ. Kiểu đi của bọn trẻ cũng vững vàng hơn, uyển chuyển hơn, chúng ngẩng cao đầu hơn, và đã bỏ được thói quen thọc hai tay vào túi.

Trong sự ham mê những kiểu cách quân sự, chính các trại viên đã đặt ra và tưởng tượng thêm rất nhiều điều cải cách, gợi nên do những thiện cảm tự

nhiên của đầu óc non trẻ đối với đời sống của thủy thủ và bộ đội. Đúng vào hồi đó đã thành lệ ở trại, như ở trong quân đội, tỏ ra rằng mình đã hiểu và sẵn sàng chấp hành mỗi mệnh lệnh bằng một tiếng: "Rõ!", trong khi cánh tay đưa lên chào theo kiểu thiếu niên tiền phong để nhấn mạnh câu trả lời đẹp đẽ ấy. Cũng vào hồi đó đã xuất hiện những kèn quân.

Trước kia các hiệu lệnh được đánh bằng chuông, tàn dư của trại cũ. Chúng tôi mua hai cái kèn, và mỗi ngày hai trại viên đi học thổi cho đúng ở nhà một người nhạc trưởng ngoài tỉnh. Rồi các bài kèn được sáng tác cho mỗi trường hợp của đời sống chúng tôi, và sang mùa đông, chúng tôi bỏ cái chuông. Từ nay

tay kèn ra đứng ở bậc tam cấp liền phòng giấy tôi và tung cho vọng đi khắp trại những tiếng gọi lanh lảnh và hùng dũng của nó.

Trong yên tĩnh của buổi chiều, khúc ca của kèn quân đó có một vang dội đặc biệt cảm động, vượt qua đầu chúng tôi, vượt qua hồ và các mái nhà trong xóm. Qua cửa sổ mở rộng của một phòng ngủ, một giọng nam cao, trẻ trung và chấn động, tiếp nối điệu ca rồi bỗng lại có người dạo lại ở dương cầm.

Khi các phòng giấy của sở Giáo dục tỉnh biết những khuynh hướng quân sự của chúng tôi, thì chữ "trại lính" trở thành tên gọi nhạo chúng tôi cho đến mãi về sau. Tôi có cần gì đâu; tôi đã nếm

mùi cay chua nhiều quá rồi, nên cái trò lăng nhục nhỏ đó nữa cũng không bõ cho tôi quan tâm. Vả chăng tôi cũng không có thì giờ.

Sang tháng tám, tôi đã đem ở một trại thí nghiệm về hai chú lợn nhỏ. Chúng là giống lợn Anh chính cống, hèn nào dọc đường chúng chẳng phản đối dữ dội kinh người việc di chuyển chúng về trại, luôn luôn tìm cách chui biến qua một lỗ nào đấy của xe tải. Chúng phẫn nộ đến phát điên lên và làm cho Antôn cáu tiết:

- Chưa đủ mệt hay sao, mà họ còn nảy ra ý nuôi lợn con…

Chúng tôi đưa các chú dân Anh sang trại thứ hai, ở đấy các chú được nhiều kẻ

tình nguyện hơn số cần thiết trong tụi trẻ để chăm nom săn sóc các chú. Hồi đó ở trại thứ hai có hai chục trẻ, sống cùng với một giáo viên, một ông khá vô dụng, mang cái tên kỳ cục là Rôđimtsik (chuột rút). Tòa nhà lớn ở trại đặt tên bằng chữ A, đã hoàn thành việc sửa chữa. Nhà ấy chủ định dành cho các xưởng và các lớp học, tạm thời dùng cho bọn trẻ ở. Các nhà nhỏ và các chài khác cũng đã xong. Còn rất nhiều việc phải làm mới có thể sử dụng để ở được một ngôi nhà một tầng đồ sộ, kiểu đệ nhất đế chính[74] là nơi dự định đặt các phòng ngủ. Ở các xưởng trống, chuồng ngựa, gác kho, hàng ngày người ta đóng những vách ván mới, quét vôi tường, đặt khung cửa.

Về phương diện nông thôn chúng tôi được tăng cường mạnh. Chúng tôi đã xin một nhà nông học, và Êđua Nikôlaiêvich xuất hiện trên các ruộng đất của trại: một nhân vật thật sự là không thể nào hiểu được đối với các trại viên, xưa nay chưa từng thấy một người như thế bao giờ. Mỗi đứa trẻ đều thấy rõ ràng Sêrê sinh ra tất phải do vài thứ hạt giống loại đặc biệt, được tưới bón không phải bằng những trận mưa trời ngọt ngào, mà bằng một chất tinh túy nào đấy, phát minh và chế tạo riêng cho những sản phẩm như anh ta.

- Trái ngược với Kalina Ivanôvich, chẳng có sự gì làm cho anh ta tức giận hay phấn khởi bồng bột; lúc nào

anh ta cũng bình tĩnh đều hòa, với một chút ít vui tính. Đối với tất cả các trại viên, ngay đến và kể cả thằng Gatalenkô ngốc nghếch, anh cũng đều gọi bằng "anh", không bao giờ to tiếng, nhưng cũng không làm thân với ai. Bọn trẻ kinh ngạc vì thái độ của anh khi thấy, trước một câu từ chối thô bỉ của Prikhôtkô; "Tôi đếch cần hắc phúc bồn! Tôi không muốn trông nom hắc phúc bồn!", Sêrê tỏ vẻ ngạc nhiên hòa nhã và độ lượng, rồi trả lời, không kiểu cách mà cũng không mai mỉa:

- À, anh không muốn ư? Nếu vậy thì anh cho tôi biết tên, để lần sau tôi khỏi cắt công tác cho anh.

- Tôi, thì cái gì tôi cũng làm,

nhưng tôi không làm việc đó.

- Anh đừng ngại, tôi sẽ không cần đến anh đâu, anh hãy tin lời tôi nói: còn về phần anh, thì anh sẽ tìm ra việc làm ở nơi khác.

- Sao lại thế?

- Anh hãy làm ơn cho tôi biết tên, tôi không có thì giờ mất vào những cuộc nói chuyện vô ích.

Thái độ du côn của Prikhôtkô xẹp ngay tức khắc: nó nhún vai khinh bỉ rồi đi tới những cây mà vừa mới phút trước đây nó nói quyết là hoàn toàn không thích hợp với nó.

Tương đối trẻ tuổi, Sêrê chẳng phải vì thế mà không làm cho bọn trẻ choáng

hồn vì đức tính tự tin không bao giờ nao núng và năng lực làm việc thật sự phi thường của anh. Chúng thấy Sêrê hình như không bao giờ ngủ cả. Trại thức dậy, đã thấy Êđua Nikôlaiêvich đi rẻo qua các ruộng rồi, bằng đôi chân dài hơi quá khổ, như chân một con chó nòi còn non. Khi kèn báo giờ đi ngủ, Sêrê ở chuồng lợn đang thương lượng việc gì đó với bác thợ mộc. Ban ngày thì có thể đồng thời thấy anh ta ở chuồng ngựa, ở nhà kính ấm đang xây dựng, ở trên đường cái ra tỉnh, chuyên chở phân ra cánh đồng, ấy là nói mọi người ít nhất cũng có cảm tưởng như tất cả các việc đó cùng xảy ra một lúc, là vì đôi chân đặc biệt của anh ta đưa anh rất mau từ chỗ này qua chỗ

nọ.

Ngày hôm sau, Sêrê tranh luận với Antôn ở chuồng ngựa. Antôn không tài nào hiểu và đồng ý được rằng đối với một con vật linh lợi và đáng yêu như con ngựa mà lại có thể áp dụng sự chính xác toán học, nó là đặc điểm của những lời Êđua Nikôlaiêvich khẩn khoản dặn dò.

- Hắn ta còn bịa ra chuyện gì thế nữa? Cân à? Có đời thủa nhà ai đi cân rơm không chứ? Hắn bảo khẩu phần của chúng đây: không hơn không kém. Mà những khẩu phần của hắn thật ngu xuẩn; linh tinh mỗi thứ một tí. Nếu ngựa mà ngoẻo, thì là tao phải chịu trách nhiệm. Mà hắn lại còn muốn rằng chúng có một thời khóa biểu công tác nữa. Hắn đã nghĩ

ra chuyện làm một quyển vở: hắn bảo để cho tao ghi vào đấy những giờ công tác của ngựa.

Một hôm Antôn, quen lệ của nó, kêu la không chịu giao cho Sêrê con Milan, vì con này theo kế hoạch của anh ta, hai hôm sau, sắp phải làm một kỳ công đặc biệt gì đó. Sêrê không chút hoảng sợ. Anh ta thân hành vào chuồng ngựa, và tự tay thắng con Milan, chẳng thèm nhìn nhõ gì đến Bratsenkô, sững sờ kinh ngạc vì sự làm nhục đó. Antôn làm mình làm mẩy ghê gớm, quẳng roi ngựa vào một xó và đi ra. Tuy nhiên, buổi chiều nó cũng đảo qua ngó vào chuồng ngựa một tí, và nó thấy thằng Orlốp với thằng Bublik đang làm chủ nhân ông ở đấy. Antôn, bị

thương tổn đến tận đáy lòng, đi lên phòng tôi, nhất quyết xin từ chức; nhưng mới đi ra đến giữa sân, thì kìa Sêrê, một mảnh giấy cầm ở tay, chạy bổ tới nó và như không có chuyện gì hết thảy, lịch sự cúi xuống bộ mặt uất ức của anh mã phu trưởng chúng tôi.

- Này, tên anh là Bratsenkô, có phải không? Đây là kế hoạch của anh trong tuần lễ này. Anh xem ở đó sẽ thấy, đây này, có chỉ dẫn rõ ràng công tác từng ngày giao cho mỗi con ngựa: những buổi ra khỏi chuồng, vân vân… Anh thấy không: chỗ này là con ngựa được chỉ định ngày nào đi ra tỉnh, và con ngựa được nghỉ. Anh sẽ xem bản thời khóa biểu này với các bạn anh, rồi ngày mai

anh sẽ trình bày với tôi những sự thay đổi mà các anh cho là cần thiết.

Trong lúc ngạc nhiên, Bratsenkô cầm lấy tờ giấy, và trở về chuồng ngựa.

- Hôm sau có thể thấy mái tóc bờm của Antôn với cái đầu nhọn nhẵn thín của Sêrê, cúi xuống mặt bàn giấy tôi, thảo luận một việc quan trọng. Ngồi ở bàn vẽ của tôi, tôi vừa làm việc vừa thỉnh thoảng lắng nghe họ nói chuyện.

- Anh nhận xét đúng đấy. Được rồi, thứ tư, con Hung với con Thổ-phỉ sẽ đi cày…

- Con Nhãi-ranh sẽ không ăn củ cải đâu. Vì răng của nó…

- Không sao, anh ạ, có thể thái

nhỏ ra hơn nữa, anh thử mà xem.

- Nhưng nếu còn những người khác nữa cần đi ra tỉnh thì sao?

- Họ sẽ đi bộ. Hay vào trong làng mà thuê một chiếc xe. Cái đó không việc gì đến anh và tôi.

- Ô phải! Antôn nói. Đúng đấy!

Thực ra, một con ngựa độc nhất kéo xe thì rất không đủ bảo đảm những nhu cầu vận chuyển của trại. Kalina Ivanôvich không được Sêrê thỏa mãn một tí yêu cầu nào hết. Anh này cắt phăng cái lô-gich sôi nổi trong các lý lẽ của ông chủ nhiệm trại, bằng câu trả lời như sau, nói một cách thản nhiên đến phát bực:

- Những nhu cầu vận chuyển của bác tuyệt đối không có liên quan gì đến tôi hết. Bác có buồn thì cứ việc nai lưng ra mà chở các vật phẩm của bác, hay là bác hãy mua lấy một con ngựa. Tôi có sáu mươi đêxiatin ruộng phải cày cấy. Tôi sẽ rất biết ơn bác nếu bác miễn cho, đừng nói lại với tôi về vấn đề ấy nữa.

Kalina Ivanôvich giáng quả đấm đánh sầm một cái xuống mặt bàn, và kêu lên:

- Nếu cần, tôi sẽ thắng ngựa lấy cho mà xem!

Sêrê ghi cái gì vào sổ tay, và cơn thịnh nộ của Kalina Ivanôvich cũng chẳng khiến nổi anh ta rời mắt khỏi

quyển sổ. Một giờ sau, khi bước ra khỏi phòng giấy, anh ta nói trước với tôi:

- Nếu làm sai thời khóa biểu của ngựa mà không có sự đồng ý của tôi, thì ngay hôm đó tôi dời khỏi trại.

Tôi vội vã cho đi tìm Kalina Ivanôvich và bảo bác:

- Thôi mặc kệ hắn ta, đừng có gây chuyện với hắn.

- Nhưng chỉ có một con ngựa, thì tôi làm thế nào được chứ: phải đi ra tỉnh, rồi lấy nước, lấy củi, rồi đưa lương thực sang trại thứ hai.

- Thế nào cũng tìm ra cách giải quyết.

Và chúng tôi đã tìm ra được.

Những người mới, những lo âu mới, trại thứ hai với cái ông Rôđimtsik vô dụng nọ, hình dáng mới mẻ và chỉnh chện của các trại viên, sự nghèo nàn còn tồn tại ở giữa những tài sản tăng thêm dần của chúng tôi – tất cả ngọn trào muôn hình vạn trạng của cuộc sống ở trại, trong khi chính bản thân tôi không để ý tới, đã phủ lên những nỗi buồn phiền chán nản còn sót lại của chúng tôi. Từ đấy trở đi, tôi ít cười hơn. Những biến cố và tâm tình tôi vào hồi cuối năm 1922 đã chụp lên tôi một vẻ nghiêm khắc bề ngoài, như một cái mặt nạ, và niềm vui tuy là rất mạnh trong lòng tôi cũng không còn đủ sức làm giảm bớt được rõ rệt vẻ nghiêm

khắc ấy. Tôi không khổ tâm vì phải đeo cái mặt nạ kia, và hầu như không nhận thấy nó. Song các trại viên thì vẫn nhìn thấy. Có lẽ chúng biết rằng đó là một cái mặt nạ chăng, dù sao đối với tôi chúng cũng giữ một thái độ kính cẩn hơi quá đáng một chút, có lẽ pha lẫn một ít ngượng ngùng và một tí sợ hãi, tôi không biết nói thế nào cho đúng. Trái lại, tôi vẫn thấy chúng hớn hở vui vẻ; tâm hồn chúng và tâm hồn tôi thật sự gần gũi nhau, mỗi lần tôi có dịp vui chung với chúng, chơi đùa và cùng tếu với nhau, hoặc chỉ có khoác vai nhau mà đi trong hành lang.

Trong cuộc sống ở trại, mọi sự khe khắt và mọi vẻ trịnh trọng không cần thiết

đã biến mất. Chẳng ai biết sự thay đổi tốt đẹp ấy đã xảy tới lúc nào. Cũng như xưa, tiếng cười và câu đùa lại tung ra khắp chỗ, ai nấy đều biểu lộ một sự vui tính và một nghị lực vô cùng tận, chỉ có điều khác là tất cả những cái đó từ nay càng được tô điểm thêm lên, bởi vì mọi sự trây lười, mọi khích động vô mục đích và mọi sự uể oải đều đã hoàn toàn biến mất.

Kalina Ivanôvich rốt cục cũng tìm ra được cách giải quyết những khó khăn về vận chuyển của trại. Sêrê không đòi hỏi gì về phần con bò Gavriuska – chỉ có một mình, thì nó dùng vào việc gì được? Người ta bèn làm cho nó một cái ách đơn giản, để cho nó kéo được xe chở

nước, củi và nói chung bảo đảm tất cả những vận chuyển nội bộ. Và vào một buổi chiều tháng tư rất đẹp trời, cả trại đã lăn ra cười, như đã từ lâu không có dịp được cười như vậy: Antôn đi ra tỉnh để lấy một bọc gì đó, bằng chiếc xe ngựa của trại với con Gavriuska thắng vào xe.

- Ra ngoài ấy chú sẽ bị bắt đấy, tôi bảo nó.

- Họ cứ thử xem, Antôn đáp. Ngày nay chúng ta bình đẳng tuốt. Con Gavriuska kém ngựa ở chỗ nào chứ?. Nó nữa, nó cũng là một tay lao động.

Chẳng hề bối rối mảy may, con Gavriuska kéo chiếc xe ngựa đi ra tỉnh.

24. CON ĐƯỜNG ĐAU KHỔ CỦA XÊMIÔN

Sêrê tiến hành công việc của anh một cách cương quyết. Anh đặt kế hoạch cấy luân phiên lúa vụ xuân trong sáu năm, và biết cách làm cho việc thực hiện kế hoạch đó trở thành một việc lớn thật sự cho cả trại. Ở ngoài đồng, ở chuồng ngựa, ở chuồng lợn, ở phòng ngủ, ở buồng giấy tôi, ở phòng ăn, và ngay cả khi đi trên đường cái hay khi qua sông, lúc nào ở chung quanh anh ta cũng thấy phương pháp canh tác mới được tổ chức. Bọn trẻ không phải bao giờ cũng tiếp nhận mệnh lệnh của anh không bàn cãi, và Sêrê, luôn luôn sẵn sàng nghe những ý

kiến xác đáng, có khi trình bày, theo lối lịch sự khô khan của anh ta, một vài lý lẽ ngắn gọn, để rồi kết luận thẳng băng:

- Các anh hãy cứ làm như tôi bảo!

- Anh ta vẫn tiếp tục làm việc suốt ngày ấy sang ngày khác một cách khẩn trương và không náo loạn; mọi người vẫn khó lòng theo kịp anh ta, và anh vẫn có thể nhẫn nại đứng hai ba giờ bên một cái máng cỏ, hoặc đi theo một cái máy gieo hạt năm tiếng đồng hồ. Cách mười phút một lần, anh có thể cứ đảo qua, trở lại chuồng ngựa mãi và, dính như keo, tấn công các chú coi lợn bằng những câu hỏi nhã nhặn nhưng ám ảnh của anh:

- Anh đã cho lợn con ăn cám vào giờ nào nhỉ? Anh đã không quên ghi sổ chứ? Anh có ghi đúng cách không đấy? Anh đã sửa soạn đầy đủ cho chúng tắm chưa?

Không bao lâu các trại viên đều thầm cảm phục anh hết sức. Tất nhiên chúng tin rằng chú "Sêrê của chúng mình" sở dĩ giỏi đến thế, thì chỉ vì chú là "của chúng mình", và ở bất cứ nơi nào khác chú sẽ không đáng thán phục bằng ở đây. Tình cảm đó biểu lộ ở sự ngầm công nhận uy tín của Sêrê, và ở chỗ ai nấy không ngớt nói chuyện về những lời lẽ, kiểu cách, tính nết lạnh lùng vô tư, và mọi kiến thức của anh.

Mối thiện cảm đó không làm cho tôi

lạ. Tôi đã biết những trẻ nhỏ không chứng thực cái luận điệu riêng của các nhà tri thức cho là chúng chỉ có thể yêu quý những người nào tỏ tình thân thiện và âu yếm chúng thôi. Đã từ lâu tôi tin rằng trẻ con – ít nhất, những trẻ giống những đứa ở trại chúng tôi – quý trọng và yêu mến nhất những người thuộc một loại khác hẳn. Cái mà chúng ta gọi là sự lão luyện cao độ, những kiến thức chắc chắn và chính xác, sự lành nghề, tài nghệ, những bàn tay khéo léo, một lời nói gọn gàng và không kiểu vẻ, một khả năng lao động thường xuyên, đó là những điều khiến đứa trẻ cảm phục đến tột độ.

Anh có thể đối xử với chúng khô khan hết sức, đòi hỏi rầy rà chúng, không

để ý đến chúng dù là chúng đứng ngay trước mặt, anh có thể đáp lại mối thiện cảm của chúng bằng sự thờ ơ nữa, song nếu anh tỏ ra xuất sắc trong lao động, bởi những hiểu biết của anh, những thành công của anh, nếu được như vậy thì anh đừng lo gì hết: chúng đứng cả về phía anh và sẽ không phản bội anh đâu. Dù những khả năng của anh thuộc về mặt nào, dù anh làm nghề gì đi nữa: thợ mộc, nhà nông học, thợ rèn, thầy giáo, thợ máy, điều đó không quan hệ.

Nhưng trái lại, tha hồ cho anh mơn trớn, nói chuyện có duyên, tử tế và lịch sự, đáng yêu hết sức trong đời sống và trong những giờ nhàn rỗi, nếu việc làm của anh thất bại, nếu anh luôn luôn tỏ ra

không biết nghề nếu anh đụng vào đâu là hỏng hay "té re" ở đấy, thì bao giờ anh cũng chỉ bị chúng khinh mà thôi, một sự khinh bỉ có khi độ lượng và mỉa mai, có khi tức giận và cừu địch dữ dội, hoặc chứa nặng ý nhạo báng không thương hại nữa.

Vừa đúng dịp một anh thợ làm lò đến xây dựng một cái lò sưởi ở phòng ngủ của các nữ sinh. Trại đặt cho hắn làm một lò sưởi tròn. Nhân đi qua trại mà được gọi vào, hắn cứ suốt ngày vớ vẩn sửa cái bếp lò ở phòng người nào đó, hay chữa một tấm vách ván ở chuồng ngựa. Trông bộ dạng hắn thực kỳ lạ: thân hình rất tròn trĩnh, nhẵn nhụi, đồng thời mặt mày hớn hở và cả người cứ là ngọt

sớt. Hắn không ngớt miệng ba hoa đùa cợt, và theo lời hắn nói thì trong nghề làm lò sưởi, trên đời không ai ăn đứt được hắn.

Các trại viên theo chân hắn từng lũ, theo hắn với một vẻ rất hoài nghi, và những chuyện hắn kể thường gây nên ở chúng những phản ứng khác hẳn ý hắn đợi chờ.

- Tôi nói thật đấy, các chú ạ, ở ngoài ấy, tất nhiên có những thợ làm lò khác, lâu năm hơn tôi nữa, nhưng bá tước không muốn mượn người nào hết. "Thôi, các anh ơi, đi tìm Actêmi cho tôi", người bảo thế đấy. "Vì nếu anh ta mà làm lò sưởi cho tôi, thì mới thực ra hồn cái lò sưởi. "Đành rằng, bấy giờ tôi mới vào

nghề mà đặt một cái lò sưởi ở nhà bá tước, các chú phải hiểu… Thỉnh thoảng tôi ngó thử xem mình xây ra làm sao, thì bá tước, đúng thế, lại bảo tôi rằng: "Actêmi, chú cứ làm cho tốt đi…"

- Thế rồi sao, có làm ra được cái gì không? các trại viên hỏi.

- Sao lại không: bá tước cứ đến xem luôn…

Hắn oai vệ nghển cái đầu trọc tếu lên, để bắt chước ông bá tước đang kiểm tra cái lò sưởi của Actêmi xây. Bọn trẻ không nhịn được nữa, phá lên cười: từ Actêmi đến một ông bá tước, sự giống nhau thật xa quá sức.

Actêmi mở đầu việc xây lò sưởi

bằng hàng tràng những lời trịnh trọng và thuật ngữ chuyên môn, nhân dịp nhắc tới tất cả các lò thuộc loại này mà hắn đã biết, những cái tốt, là của hắn xây, và những cái chẳng ra gì, của những thợ lò khác làm. Vừa nói hắn vừa chẳng nề hà gì phổ biến hết bí mật của tài nghệ hắn, đồng thời kể ra tất cả nhưng khó khăn gắn liền với nghề:

- Việc quan trọng nhất ở đây là vạch đường bán kính sao cho thật đúng. Đó là điều mà một người khác không tài nào làm nổi.

Bọn trẻ lũ lượt kéo nhau như đi trảy hội thật sự lên phòng ngủ của các nữ sinh, ở đấy chúng lặng lẽ xem Actêmi "vạch đường bán kính" của hắn ta như

thế nào.

Actêmi huênh hoang khoác lác bừa phứa trong khi xây nền. Đến lúc làm tới thân lò, các động tác của hắn có phần chập choạng mà miệng lưỡi hắn ngừng lại.

Tôi đảo qua xem hắn làm việc. Các trại viên đứng tránh ra nhìn tôi bằng những con mắt hứng thú. Tôi lắc đầu:

- Sao bụng nó to đến thế?

- Bụng to à? Actêmi hỏi. Không, trông ra như thế thôi vì lò chưa xây xong, nhưng một khi làm xong là mọi cái tươm ngay.

Zađôrôp nheo mắt và ngắm nghía cái lò:

- Thế ở nhà bá tước, nó cũng "trông ra như thế à?"

Actêmi không nắm được ý nói mỉa:

- Thì tất nhiên rồi, lò nào chưa xây xong mà trông chả ra như thế. Cũng như chú, chẳng hạn…

Ba hôm sau Actêmi gọi tôi đến để nhận lò. Tất cả trại đã tụ tập ở phòng ngủ. Actêmi nghển đầu lên, đi đi lại lại quanh lò. Cái lò đứng sừng sững giữa phòng, chìa những cạnh sườn xấu xí ra tứ phía… và đánh đùng một cái nó đổ xuống ầm ầm, gạch rơi bắn ra tung toé, che lấp tất cả, khiến chúng tôi không trông thấy nhau, nhưng dù sao cũng không đánh át được trận cười, lẫn những

tiếng kêu và tiếng hét e é, nổ tung lên như vũ bão trong giây phút ấy. Gạch rơi làm cho nhiều trẻ bị thâm tím người, song chẳng ai còn có thể nghĩ đến cái chân đau của mình nữa. Chúng cười trong phòng ngủ, rồi chạy ra khỏi phòng, cười ở hành lang, ở ngoài sân; ai nấy ôm bụng cứ là rũ cả ra mà cười. Tôi gỡ chân ra thoát khỏi đống gạch đổ và sang phòng bên cạnh tôi bắt gặp Burun đang túm cổ áo Actêmi, quả đấm đã giơ trên cái đầu hói lem luốc của hắn.

Actêmi bị tống cổ đi, song tên hắn mãi mãi còn là đồng nghĩa với một người không biết gì, nói khoác và là tay "thợ vụng". Bọn trẻ thường nói:

- Cái thằng cha ấy là thế nào?

- Một thằng Actêmi chính cống, trông không thấy rõ sao?

Vốn khác xa với Actêmi dưới mắt nhìn nhận của các trại viên, nên Sêrê được toàn thể bọn chúng quý trọng, sự đó bảo đảm cho công tác nông nghiệp của trại được tiến hành mau chóng và thành công. Sêrê còn có một cái tài nữa: tài tìm ra những tài sản không có kế thừa, chơi hối phiếu dài hạn, và nói chung mua chịu; cho nên ở trại thấy xuất hiện những máy cắt rễ, máy gieo hạt, máy cày rập rạ xuống đất mới toanh, lợn giống và cả bò cái nữa. Ba con bò cái, ghê chưa! Nay mai chúng tôi sẽ có sữa.

Trại thật sự say mê nông nghiệp. Chỉ có những trẻ học nghề gì đó trong các

xưởng, là không đâm bổ ra cánh đồng. Trên một mảnh đất ở sau lò rèn, Sêrê cho xới lên vài khoang đất, và xưởng mộc đóng cho họ những khung kính ấm. Ở trại thứ hai các công tác đó tiến hành theo quy mô rất lớn.

- Giữa khi chúng tôi đang hăng say công tác nông nghiệp, vào những ngày đầu tháng hai, Karabanôp đến thăm trại. Bọn trai mừng rỡ tiếp đón, ôm hôn hắn tíu tít. Hắn phải vất vả mới gỡ mình ra được khỏi tay chúng và chạy tuốt lên phòng tôi.

- Cháu qua thăm xem bác và các anh em sống ra sao.

Những bộ mặt tươi cười, hớn hở vì

vui mừng, ngó vào phòng giấy tôi: trại viên, giáo viên, các cô thợ giặt.

- Xêmiôn kia kìa, mày trông! Ồ tuyệt thật!

Cho đến chiều Karabanôp đi chơi khắp trại, qua thăm "bên Trepkơ", rồi trở lại phòng tôi, buồn rầu và lặng lẽ.

- Xêmiôn, chú hãy kể chuyện cho tôi nghe qua bây giờ chú làm gì.

- À, vâng… cháu ở nhà bố cháu.

- Thế còn Michiaghin, hắn ở đâu?

- Nó, thì cháu cần gì! Cháu đã bỏ rơi nó. Nó đi Mạc-tư-khoa thì phải.

- Thế ở nhà bố cháu, chú thấy thế nào?

- À, ở nhà cháu, thì cũng là những nhà nông dân như những người khác thôi. Bố cháu còn khoẻ. Anh cháu đã bị giết…

- Thế nào?

- Anh ấy vào đội du kích; quân của thằng Petliura đã giết anh ấy ở phố, ngoài tỉnh.

- Bây giờ chú định làm gì? Ở lại nhà bố cháu à?

- Không… cháu không muốn ở lại đấy… cháu chưa biết thế nào.

Hắn vặn vẹo mình có vẻ do dự rồi nhích lại gần tôi.

- Bác Antôn Xêmiônôvich ạ, hắn bất thình lình nói bật lên, giá cháu ở lại

trại, thì bác bảo sao?

Xêmiôn nhìn mau tôi một cái rồi cúi đầu xuống đến tận đầu gối.

Tôi vui vẻ và giản dị bảo hắn:

- Sao lại không được? Ừ, chú ở lại đi. Tất cả chúng tôi sẽ lấy làm vui sướng.

Xêmiôn đứng bật lên khỏi ghế, và run rẩy cả người vì tình cảm thiết tha sôi nổi bị nén lại:

- Cháu không thể chịu được nữa, bác ạ, cháu không thể chịu được nữa! Mấy hôm đầu, thì còn tạm được, nhưng rồi sau – không, cháu không thể chịu được nữa, chỉ có thế thôi. Cháu ra, cháu vào, cháu làm việc, nhưng cứ sau bữa

xúp, hễ nhớ ra, là y như cháu muốn khóc. Thật đúng như cháu đã nói với bác: cháu đã gắn bó với trại, mà cháu không ngờ. Mới đầu cháu nghĩ: có ích lợi gì đâu, thế rồi cháu lại tự bảo: thì dù sao cũng ứ đi, chỉ là để thăm thôi. Và khi cháu đã đến và đã nhìn mọi thứ đang làm ở trại, sao mà ở đây thích thế! Lại thêm chú Sêrê của bác…

- Thôi nào, chú đừng xúc động đến thế! tôi bảo hắn. Đáng lẽ chú nên trở lại trại ngay mới phải. Chú bực dọc khổ sở như vậy có được ích lợi gì?

- Vâng, cháu cũng đã nghĩ thế đấy, nhưng khi nhớ lại tất cả các chuyện đều giả, các cháu đã hỗn láo với bác bao nhiêu…

Hắn giơ cánh tay lên một cái rồi im bặt.

- Thôi được, tôi nói. Chú hãy quên tất cả đi.

Hắn thận trọng ngẩng đầu lên:

- Nhưng mà… có thể là bác nghĩ… có lẽ bác có ý nghĩ là cháu làm dáng làm điệu, như bác đã nói. Không phải thế đâu. Ồ! Giá bác biết cháu đã học được bao nhiêu điều! Nhưng bác cứ nói thật đi, bác có tin cháu không?

- Tôi tin chú, tôi nghiêm chỉnh bảo hắn.

- Không, bác hãy nói thực, bác có tin cháu không?

- Ồ! Cái chú này mới phiền nhỉ! tôi vừa cười vừa nói.

Như thế là, theo tôi nghĩ, chuyện cũ sẽ không tái diễn nữa chứ?

- Đấy, bác ạ, bác vẫn không hẳn tin cháu…

- Xêmiôn ạ, chú thắc mắc như thế là không đúng. Tôi tin tất cả mọi người duy có người tôi tin nhiều có người tôi tin ít: đối với các chú này thì tôi tin có độ năm cô-péc lòng tin, đối với các chú khác, mười cô-péc.

- Thế đối với cháu?

- Một trăm rúp.

- Thế này thì cháu chẳng tin bác

chút nào! Xêmiôn tức giận kêu lên.

- Rất đáng tiếc!

- Thôi được, không cần, cháu sẽ tỏ ra cho bác biết…

Xêmiôn đi lên phòng ngủ.

Ngay từ hôm đầu hắn trở thành cánh tay phải của Sêrê. Hắn có xu hướng rõ rệt về nghề nông, biết nhiều điều trong nghề và còn có nhiều cái khác nữa trong mạch máu, do di truyền từ đời cha sang đời con là nông dân ở thảo nguyên. Đồng thời hắn háo hức tiếp thu khoa nông học mới, cái đẹp và cái nhã của khoa học đó.

Xêmiôn ấp ủ Sêrê bằng con mắt trìu mến và cố gắng tỏ cho anh thấy rằng hắn cũng biết mệt và không cần phải nghỉ

ngơi. Chỉ có sự bình tĩnh của Êđua Nicôlaiêvich là hắn không thể bắt chước được, vì hắn vẫn luôn luôn xáo động và sẵn sàng bị kích thích, lúc nào cũng cứ sôi nổi tức giận, phấn khởi, hoặc vui đùa đú đởn.

Một tuần lễ sau, tôi gọi hắn và đơn giản bảo hắn:

- Đây là một giấy ủy quyền. Chú sẽ đi lĩnh năm trăm rúp ở kho bạc.

Xêmiôn giương mắt và há hốc mồm ra, mặt hắn tái nhợt màu gio, hắn ngượng ngập nói:

- Năm trăm rúp? Thế rồi sao nữa?

- Chả có gì nữa, tôi vừa đáp vừa

nhìn vào ngăn kéo bàn giấy, chú sẽ đem về đây cho tôi.

- Cháu sẽ đi ngựa chứ?

- Tất nhiên. Dù sao chú cũng cứ đem một khẩu súng lục đi.

Tôi trao lại cho Xêmiôn đúng cái súng lục mà hồi mùa thu tôi đã rút ở thắt lưng của Michiaghin ra, với ba viên đạn y nguyên như cũ. Xêmiôn như cái máy cầm nó lên tay, nhìn nó một cách dữ tợn, ấn mau nó vào túi áo, và không nói gì hơn nữa, bước ra khỏi phòng. Mười phút sau, tôi nghe thấy tiếng móng ngựa đập trên nền đá láng: một kỵ sĩ phóng ngựa vút qua cửa sổ phòng tôi.

Trước khi trời tối Xêmiôn trở về

phòng giấy tôi, mặc một cái áo bông ngắn thợ rèn thắt ngang lưng, người trông thon mảnh, nhưng có vẻ buồn. Hắn lẳng lặng đặt lên bàn một tập giấy bạc và khẩu súng lục.

Tôi cầm lấy tập giấy bạc và hỏi hắn một cách thản nhiên hết sức bằng cái giọng không ngụ một mảy may ý tứ gì:

- Chú đã đếm rồi à?

- Vâng!

Tôi chễnh mảng ném tập giấy bạc vào ngăn kéo.

- Vậy cảm ơn sự khó nhọc của chú. Chú đi ăn đi.

Karabanôp vô cớ kéo cái thắt lưng từ

phía trái sang phía phải trên chiếc áo bông ngắn, đi lại vài bước trong phòng, có vẻ bị khích động, nhưng bình tĩnh nói:

- Được.

Và hắn đi ra.

Hai tuần lễ trôi qua; mỗi khi gặp tôi, Xêmiôn chào tôi một cách hơi bực dọc, tựa hồ hắn khó chịu với tôi.

Hắn cũng có vẻ bực dọc như thế khi nghe lệnh mới của tôi:

- Chú sẽ đi lĩnh hai nghìn rúp.

Hắn tức giận nhìn tôi hồi lâu, ấn khẩu brô-ninh vào túi, và sau cùng nói, nhấn từng tiếng một:

- Hai nghìn? Thế ngộ cháu không

đem tiền về?

Tôi nhảy chồm lên khỏi ghế và quát hắn:

- Này, xin chú, đừng có nói chuyện ngu xuẩn! Người ta ra cho chú một cái lệnh, thì chú đi đi, và người ta bảo chú gì thì chú cứ làm.

Karabanôp xo một bên vai lên, và lẩm bẩm mơ hồ:

- Vâng, được…

Khi đem tiền về, hắn giục tôi:

- Bác đếm đi.

- Đếm làm gì?

- Bác đếm đi, cháu xin bác đấy.

- Nhưng chú đếm rồi chứ?

- Bác đếm đi, cháu bảo bác mà.

- Ồ, thôi!

Hắn đưa tay lên nắm cổ họng, tựa hồ có cái gì làm hắn ngạt thở, rồi hắn kéo tưởng đến đứt cổ áo ra, và đi đi lại lại trong phòng.

- Bác đùa giễu cháu! Không có thể nào bác tin cháu được. Không có thể! Bác cũng cảm thấy rõ thế chứ? Không có thể nào như vậy! Đây là một chuyện đánh cuộc bác cố ý làm ra, cháu biết, bác cố ý…

Bị nghẹt thở, hắn ngồi xuống một chiếc ghế.

- Tôi phải chịu nhiều cái hi sinh nặng nề vì chú.

- Những hi sinh gì? Xêmiôn tức giận hỏi.

- Chẳng hạn, phải chứng kiến những cơn điên của chú.

Xêmiôn víu lấy thành cửa sổ và kêu lên:

- Bác Antôn Xêmiônôvich!

- Cái gì, chú làm sao thế? tôi hỏi, hơi lo sợ.

- Giá mà bác biết! Giá thử bác chỉ biết cho thôi! Không khí phi ngựa trên đường cái, cháu nghĩ: nếu trên đời có một ông Chúa Trời, và nếu ông Chúa

Trời ấy phái một thằng nào đến, và thằng ấy ở trong rừng ra nhảy xổ vào cháu… Cứ cho một chục thằng điên, bao nhiêu cũng được, cháu không biết. Cháu sẽ bắn, cháu sẽ cắn, cháu sẽ tự vệ như một con chó, kỳ cho đến chúng giết chết cháu… Bác có biết không, cháu gần phát khóc lên được. Thế mà cháu, cháu biết rằng: bác đang ngồi đây, ở nhà này, mà tự hỏi: liệu nó có đem tiền trở về không? Bác đã thử liều, có phải thế chăng?

- Chú buồn cười thật, Xêmiôn ạ! Với tiền bao giờ mà chả phải liều. Không liều thì làm thế nào đem được tiền về trại. Song tôi, tôi nghĩ như thế này: giá là chú mang tiền về, thì sự liều ít hơn. Chú trẻ, khoẻ, chú cưỡi ngựa rất

thạo, dù gặp những quân cướp nào chú cũng tự gỡ thoát được, chứ còn tôi thì chúng sẽ tóm tôi dễ như chơi.

Xêmiôn vui vẻ nháy một bên mắt:

- Ồ, bác Antôn Xêmiônôvich, bác khôn thật đấy!

- Thôi đi, tôi cần gì phải chơi nước khôn? Bây giờ chú biết lĩnh tiền như thế nào rồi, và từ nay trở đi chú sẽ tiếp tục lĩnh tiền. Tôi chả sợ gì hết. Tôi biết: chú cũng là một người ngay thật như tôi. Tôi đã biết trước từ lâu rồi kia, vậy chú không nhận thấy sao?

- Không, cháu lại cứ nghĩ là bác không biết, Xêmiôn đáp, và vừa bước ra khỏi buồng giấy tôi vừa hát váng lên:

Từ đỉnh núi chênh vênh hiểm trở,

Bầy chim ưng dời tổ cao bay,

Cao bay, rộn rã vui thay,

Tiếng kêu gióng giả đó đây tìm mồi.

25. MỘT LỐI SƯ PHẠM THẦY QUYỀN

Mùa đông năm 1923 đem lại cho chúng tôi nhiều sáng kiến tổ chức, quyết định lâu dài những hình thức của tập thể chúng tôi. Hình thức quan trọng nhất là các đội, có đội trưởng đội chỉ huy.

Và cho đến ngày nay, trại Gorki cũng như công xã Dzecjinxki, và các trại khác

rải rác ở Ukren, đều có các đội với những người cầm đầu.

Tất nhiên người ta sẽ có thể thấy rất ít điểm giống nhau giữa những đội của trại chúng tôi vào năm 1927-1928 hay giữa những đội của công xã Dzecjinxki và những đội đầu tiên của trại, do Zađôrôp và Burun chỉ huy. Song một số yếu tố cơ bản đã có từ mùa đông năm 1923 rồi. Mãi về sau người ta mới xét định được giá trị của nguyên tắc hệ thống tổ chức ấy, khi các đội của chúng tôi làm chấn động giới sư phạm, vì bước tiến tấn công rộng rãi của chúng, và có một nhóm những nhà thư lại nào đó của khoa giáo dục đem chúng ra làm bìa để mỉa mai. Hồi đó tất cả công cuộc của chúng tôi

không được gọi bằng những tiếng gì khác hơn là lối sư phạm "thày quyền", những tiếng ấy coi như là chứa đựng một án quyết không được kháng cáo.

Năm 1923 không có ai ngờ rằng giữa khu rừng của chúng tôi, đang thành lập một tổ chức quan trọng, sẽ làm nổi dậy biết bao nhiêu phẫn nộ ở chung quanh nó.

Sự đó bắt đầu bằng một việc rất nhỏ.

Xưa nay quen dựa vào tính tháo vát của chúng tôi, năm đó người ta không cấp củi cho chúng tôi. Lại như hồi trước, chúng tôi phải dùng củi khô và các thứ thu nhặt được khi quét rằng. Những dự trữ trong mùa hè về thứ củi xấu đó sang đến tháng một là đun hết, và chúng tôi lại

lâm vào một tình trạng khủng hoảng thật sự về củi. Nói thực ra thì tất cả chúng tôi đều vô cùng chán ngấy những sự khó chịu do cái khổ dịch đi kiếm củi khô ấy gây nên. Chặt củi chẳng có khó khăn gì, nhưng để thu lượm được, cứ nói là vài trăm pút thứ củi đó nếu có thể gọi là củi, thì phải đi vét hàng mấy éc-ta rừng, chui rúc sâu vào những chỗ rậm, và phải tốn nhiều công sức vô ích để chuyên chở tất cả mớ cành vụn ấy về trại. Việc đó làm rách quần áo, mà chúng tôi đã thiếu rồi, và về mùa đông nó lại còn kèm theo những bàn chân tê cóng và một cuộc cãi lộn kinh người ở chuồng ngựa. Antôn chẳng muốn nghe nói gì đến chuyện củi nả hết.

- Chúng mày cứ đi mà ăn xin, tao sẽ cho không cho ngựa đi đâu. Ngựa để đi kiếm củi? Thế này mà gọi là củi à?

- Bratsenkô, thì cũng phải sưởi chứ? Đó là câu hỏi không thể nào cãi được mà Kalina Ivanôvich đặt ra cho nó.

Antôn gạt đi:

- Thì các người đứng sưởi, tôi chẳng thấy có hại gì cả, dù sao ở chuồng ngựa cũng có sưởi siếc gì đâu, mà chúng tôi vẫn thấy dễ chịu.

Trong tình trạng khó khăn ấy, ở buổi họp toàn trại, chúng tôi nói mãi rồi cũng khiến được Sêrê quyết định giảm bớt việc tải phân đi trong một thời gian và động viên những trại viên khỏe nhất và

có giày tốt nhất đi thu nhặt củi. Một nhóm độ hai chục trai tráng được thành lập, trong đó tất cả những trại viên tích cực: Burun, Biêlukhin, Vecsơnep, Vôlôkhôp, Ôtxatsi, Tsôbô và những đứa khác. Chúng đi từ sáng tinh mơ, các túi nhét đầy bánh mì, và ở cả ngay trong rừng. Đến chiều con đường lát đá tảng của trại được trang trí bằng những đống cành khô mà Antôn, làm bộ mặt khinh khỉnh, đến thu về bằng một chiếc xe trượt có hai ngựa kéo.

Bọn trẻ trở về trại, đói mèm và vui nhộn. Thường thường chúng điểm xuyết cuộc trở về ấy bằng một trò chơi độc đáo, trong đó có lẫn một vài tàn tích của cái quá khứ bất hảo của chúng. Trong khi

Antôn với hai đứa nữa chất củi lên xe trượt, các đứa còn lại chơi đuổi nhau trong rừng: những trò trò đùa ấy được kết thúc bằng một cuộc vật lộn và bắt cướp. Những tên "lục lâm" bắt được bị giải về trại do một toán quân võ trang bằng rìu và cưa. Chúng bị đẩy vào phòng giấy tôi với những lời bông lơn tha hồ đùa dẫy. Trong phòng có Ôtxatsi hoặc Kôrytô trước kia đã ở trong bầy Maknô[75] và bị cụt một ngón tay ở đấy nữa, ầm ỹ giục giã tôi quyết định.

- Chặt đầu chúng hay là đem bắn? Bây giờ chúng mang khí giới chạy loạn khắp rừng, hình như bọn chúng đông lắm thì phải.

Cuộc thẩm vấn bắt đầu. Vôlôkhôp cau mày, tra khảo Biêlukhin:

- Nói đi, chúng mày có bao nhiêu tiểu liên?

Biêlukhin cười không thở được, hỏi lại:

- Tiểu liên là cái gì cơ? Có ăn được không?

- Ăn tiểu liên? À, cái đồ mày là mõm kẻ cướp!.

- Không ăn được à? Nếu thế thì tớ chả thích tiểu liên.

Đối với Fêđôrenkô, quê mùa tột độ, chúng hỏi độp ngay:

- Mày hãy thú nhận là đã ở trong

bầy Maknô đi!

Fêđôrenkô hiểu được khá mau nên trả lời thế nào để hợp với trò chơi:

- Có, tôi có ở trong ấy.

- Thế mày đã làm gì trong đó?

Trong khi Fêđôrenkô ngẫm nghĩ câu đáp, có đứa nào ở sau lưng nó bắt chước cái giọng vừa buồn ngủ vừa ngốc nghếch của chính nó mà trả lời thay:

- Tôi giữ bò ạ.

Fêđôrenkô nhìn vòng quanh, chỉ thấy toàn những bộ mặt ngây thơ vô tội. Mọi người cười rũ. Bối rối, nó bắt đầu lạc mất ý nghĩa cái trò chơi mà nó đã vất vả lắm mới nhập điệu được, thì đúng lúc ấy

một câu hỏi mới bỗng giáng xuống đầu nó:

- Người ta có thắng bò vào các xe tátsăngka không?

Lần này thì đâm ra loạn hẳn, Fêđôrenkô gỡ mình bằng cái câu hỏi cổ điển của gã quê kệch hốt hoảng:

- Gì cơ?

Kôrytô nhìn nó với vẻ tức giận ghê gớm, rồi quay sang phía tôi, nói nhỏ một cách gay gắt:

- Cho lên máy treo cổ? Thằng này là một tên súc sinh ghê gớm: cứ nhìn mắt nó thì đủ biết.

Tôi trả lời theo giọng:

- Phải, nó không đáng được khoan hồng một chút nào. Cho nó lên phòng ăn và tống cho nó khẩu phần gấp đôi.

- Hình phạt kinh khủng! Kôrytô kêu lên thê thảm.

Biêlukhin nói liến thoắng:

- Nói cho thực ra, thì tôi cũng là một tay cướp ghê gớm... và tôi cũng đã giữ bò ở nhà mụ Marutxia...

Bấy giờ Fêđôrenkô mới mỉm cười và ngậm cái mồm kinh ngạc của nó lại. Bọn trẻ bắt đầu trao đổi cảm tưởng về công việc đã làm. Burun kể chuyện:

- Đội của chúng cháu hôm nay đã giao mười hai xe chứ không kém. Chúng

cháu đã bảo bác là đến lễ Thiên chúa giáng sinh sẽ có một nghìn pút củi, thì thể nào cũng sẽ có!

Cái tiếng "đội" là một tiếng của thời kỳ cách mạng, của những hồi mà các làn sóng cách mạng chưa sắp hàng thành những đội hình trung đoàn và sư đoàn chính quy. Chiến tranh du kích, tiếp diễn rất lâu ở xứ Ukren chúng tôi, chỉ toàn tiến hành bằng các đội. Đội có thể gồm đến mấy nghìn người, và dưới một trăm người: đội nào cũng có những thành tích chiến công và những sào huyệt trú ẩn của mình trong rừng.

Bọn trẻ của trại lao động chúng tôi thích thú hơn hết cái phong vị lãng mạn chinh chiến và du kích của cuộc chiến

đấu cách mạng. Ngay cả đến những đứa mà số phận trớ trêu đã ném vào hàng ngũ những kẻ thù của giai cấp, điều mà chúng tìm thấy đầu tiên ở đó cũng là cái khí vị lãng mạn hấp dẫn ấy. Phần đông chúng không hiểu được và cũng không biết gì hết về bản chất của cuộc chiến đấu, cùng những mâu thuẫn giai cấp, vì thế cho nên chính quyền xô-viết đã không trừng trị chúng và gửi chúng đến trại.

Mặc dầu chỉ mới được võ trang bằng rìu và cưa, đội quân thành lập trong rừng của chúng tôi cũng không vì thế mà kém gợi nhớ lại cách sinh hoạt thân mật và thắm thiết của đội quân du kích nọ, còn sống sót trong trí óc bọn trẻ nếu không phải do ký ức, thì cũng là do vô số

chuyện kể và truyền thuyết.

Tôi không muốn làm trở ngại cái trò chơi bán tự giác đó của những bản năng cách mạng ở các trại viên. Những ông đái ra mực trong giới sư phạm, đã phản đối các đội cũng như những cuộc tập luyện quân sự của chúng tôi, chỉ là những người không thể nào hiểu được nội dung những cái đó ra sao. Các đội quân du kích không nhắc nhở được cho các ông những kỷ niệm thú vị: chúng đã sỗ sàng dùng súng ngắn và bắn vào các căn phòng nhỏ ấm cúng và vào tâm lý các ông, không nể nang "tài cao học rộng" và những nếp trán dăn của các ông.

Song các ông chẳng làm được gì cả. Mặc các ông hằn học, trại cứ bắt đầu

thành lập đội.

Trong đội kiếm củi, Burun vẫn giữ vai trò đầu và chẳng có ai tranh giành với hắn cái vinh dự ấy. Theo tinh thần trò chơi, mọi người gọi hắn là ataman.

Tôi bảo:

- Cái tên ấy không hợp. Chỉ ở trong đám thổ phỉ mới có ataman.

Bọn trẻ cãi:

- Sao lại ở trong đám thổ phỉ? quân du kích cũng có đấy (có nhiều ataman đã đi theo quân du kích đỏ).

- Trong Hồng quân, người ta không gọi ataman.

- Trong Hồng quân, người ta gọi

là đội trưởng. Nhưng từ bọn mình đến Hồng quân thì còn xa.

- Chẳng xa lắm đâu, và đội trưởng nghe hay hơn.

Việc chặt củi đã xong: đến ngày đầu năm chúng tôi đã có được hơn một nghìn pút củi. Nhưng đội của Burun không giải tán: toàn đội chuyển sang làm những lớp đất ủ ở trại thứ hai. Đội đi làm từ sáng sớm, ăn bữa ở ngoài, và đến chiều mới về.

Một lần Zađôrôp có ý kiến với tôi:

- Trại ta thu xếp ra sao vậy? Có đội của thằng Burun, thế còn những đứa khác thì sao?

Chẳng cần phải suy nghĩ lâu lai gì.

Hồi đó ở trại đã có cáo thị hàng ngày; trại bèn thông tri cho mọi người biết việc thành lập một đội thứ hai, do Zađôrôp làm đội trưởng. Đôi này hoàn toàn phân phối vào công tác ở các xưởng, và Burun nhường lại cho nó những tay thợ thành thạo như Biêlukhin và Vecsơnep.

Rồi sau hệ thống tổ chức đó phát triển rất mau. Ở trại thứ hai thành lập các đội thứ ba và thứ tư, đội nào cũng đều có đội trưởng. Các nữ sinh họp thành đội thứ năm dưới quyền chỉ huy của Naxchia Nôtsêvnaia.

Đến mùa xuân thì tổ chức đó đi tới chỗ chế định hẳn hoi. Các đội trở thành nhỏ hơn và đáp ứng chủ trương phân chia trại viên theo các xưởng. Tôi còn nhớ

rằng đội thợ giày bao giờ cũng mang số một, đội thợ rèn số sáu, đội mã phu số hai, đội chuồng lợn số mười. Lúc đầu chúng tôi chẳng có một quy chế nào hết. Các đội trưởng do tôi chỉ định, nhưng tôi càng ngày càng hay triệu tập chúng họp, cho nên bọn trẻ đã gọi luôn các buổi họp đó bằng một cái tên mới và hay hơn là "hội đồng đội trưởng". Không bao lâu tôi tập tành thói quen không làm một việc gì quan trọng mà không có ý kiến của hội đồng; dần dần việc bổ nhiệm đội trưởng cũng giao cho nó, thành thử nó tự bổ sung lấy bằng cách tự tuyển. Mãi về sau này mới đạt tới chế độ chính thức tuyển cử và quy định trách nhiệm các đội trưởng, nhưng tôi không bao giờ coi sự tuyển cử

ấy là một điều tiến bộ, và bây giờ tôi cũng vẫn giữ ý kiến ấy. Việc chọn lựa một đội trưởng mới do hội đồng bao giờ cũng qua một cuộc thảo luận rất cẩn thận. Nhờ cách hội đồng tự tuyển chúng tôi bao giờ cũng có được những đội trưởng thật sự xuất sắc, và đồng thời chúng tôi có một hội đồng không bao giờ ngừng hoạt động và không bao giờ từ chức.

Một qui tắc rất quan trọng, và vẫn còn giữ cho tới bây giờ, là tuyệt đối không cho người đội trưởng được hưởng một đặc quyền nào hết: hắn không bao giờ lĩnh một mảy may gì phụ hoạ, và không bao giờ được miễn công tác thường ngày.

Đến mùa xuân năm 1923[76] chúng tôi chuyển sang một bước cải tiến cực kỳ trọng yếu của chế độ các đội. Sự cải tiến ấy thực tế là một phát minh chủ yếu nhất của tập thể chúng tôi suốt quá trình mười ba năm lịch sử của nó. Chỉ nhờ có biện pháp đó mà các đội của chúng tôi có thể biến thành một tập thể chân chính, mạnh mẽ và thống nhất: ở cái tập thể ấy có sự phân biệt trong công tác và trong tổ chức, có dân chủ ở toàn thể hội nghị, có phục tùng mệnh lệnh và phụ thuộc giữa anh em đồng chí với nhau, song không hình thành ra một giai cấp quý tộc, dưới hình thức một tầng lớp đội trưởng.

Sự phát minh đó là đội đặc biệt.

Những người phản đối chế độ của chúng tôi đã công kích rất dữ cái mà họ gọi là lối sư phạm thầy quyền, nhưng họ chưa bao giờ trông thấy một trong những đội trưởng bằng xương bằng thịt của chúng tôi làm việc. Song cái đó cũng chưa phải là điều quan trọng nhất. Điều quan trọng nhất là ngay đến đội đặc biệt họ cũng chưa từng bao giờ nghe nói tới, vì thế nên họ chẳng có một ý niệm gì về cái phần tu chính chủ yếu và quyết định của chế độ ấy.

Đội đặc biệt sở dĩ ra đời là do hồi ấy chúng tôi chủ yếu làm công tác nông nghiệp. Chúng tôi có gần bảy mươi đêxiatin ruộng đất, và đến mùa hè thì Sêrê đòi hỏi sự giúp sức của tất cả mọi

người. Mỗi trại viên đồng thời vẫn muốn được sung dụng vào xưởng này hay xưởng nọ, không ai muốn cắt đứt quan hệ với các xưởng đó hết: ai cũng coi nông nghiệp là một phương tiện bảo đảm và cải thiện sinh hoạt của trại, còn công xưởng thì là kỹ thuật chuyên môn. Về mùa đông, khi các công việc đồng áng giảm tới mức tối thiểu xưởng nào xưởng nấy đều đầy ắp, nhưng cứ sang tháng giêng một cái là Sêrê đã bắt đầu đòi người để làm vào các việc nhà kính ấm và phân bón, và những đòi hỏi của anh chỉ có ngày một tăng thêm.

Do sự luôn luôn thay đổi về địa điểm và tính cách, các công tác nông nghiệp bắt buộc phải ứng biến phân phối tập thể

của chúng tôi tuỳ theo nhiệm vụ. Ngay từ đầu chúng tôi đã thấy chủ chốt là phải lập những đội trưởng được có uy quyền nhất thống để lãnh đạo các công tác và chịu hoàn toàn trách nhiệm, nhất là Sêrê lại kiên quyết yêu cầu để cho một trại viên đảm nhiệm từ kỷ luật, dụng cụ, đến việc tiến hành và phẩm chất công tác. Đó là một sự đòi hỏi mà ngày này có lẽ không ai phản đối cả, và hồi đó hình như cũng chỉ có các nhà sư phạm phản đối thôi.

Sự cần thiết của tổ chức chúng tôi một khi được hiểu rõ, thì nó đưa chúng tôi đi tới đội đặc biệt.

Đó là một nhóm tạm thời, được lập ra trong một tuần lễ là nhiều nhất và

được giao cho một nhiệm vụ nhất định: giẫy cỏ ruộng khoai tây này, cày mảnh đất kia, lọc rửa hạt giống, vận chuyển phân, gieo hạt, v.v…

Công tác khác nhau yêu cầu số người khác nhau: có khi hai người, có khi năm, tám, hai mươi. Công tác của các đội đặc biệt cũng khác nhau về thời gian. Về mùa đông, khi các trẻ phải học ở nhà trường của trại, thì chúng luân phiên làm hai kíp, công tác cho đến bữa ăn sáng hay là sau đó. Hết năm học, chế độ công tác mỗi ngày sáu giờ được đặt ra, tất cả mọi người làm việc cùng một lúc, song sự cần thiết phải tận dụng các sinh súc và nông cụ khiến một phần bọn trẻ làm việc từ sáu giờ sáng đến trưa và những đứa

khác từ trưa đến sáu giờ chiều. Đôi khi có nhiều công tác dồn dập quá, chúng tôi phải kéo dài thêm ngày lao động.

Thời gian và tính chất rất khác nhau của các công tác cũng quyết định thành phần thay đổi khác nhau của các đội đặc biệt. Có cả một bảng liệt kê những đội đó, gần giống những bảng giờ xe lửa.

Ở trại, ai cũng biết rất rõ là đội đặc biệt ba "O" nhất định phải làm việc ở vườn rau, từ tám giờ sáng đến bốn giờ chiều, có một quãng thì giờ nghỉ để ăn, còn đội ba "S" thì phải làm ở vườn cây ăn quả, đội ba "R" sửa chữa công cụ, đội ba "P" ở các khung kính ấm; đội đặc biệt một làm việc từ sáu giờ sáng đến trưa, đội hai từ trưa đến sáu giờ chiều.

Không bao lâu cái bảng liệt kê ấy gồm có đến mười ba đội đặc biệt.

Chúng được thành lập ra duy nhất vì một nhiệm vụ rõ rệt. Công việc làm xong và bọn trẻ trở về trại, và lập tức đội đặc biệt không còn nữa.

Mỗi trại viên biết đội cố định của mình, đội đó có đội trưởng chính thức, có vị trí nhất định trong hệ thống các xưởng, ở phòng ngủ và ở phòng ăn. Đó là đơn vị tập thể sơ cấp của các trại viên, và người chỉ huy nó nhất định phải là thành viên của hội đồng đội trưởng. Nhưng, từ mùa xuân trở đi và nhất là càng gần đến mùa thu, trại viên thường lại càng phải sung luôn độ một tuần lễ vào một đội đặc biệt, chỉ định đi làm

việc này hay việc nọ. Đội này có thể chỉ gồm tất cả hai đứa trẻ, nhưng không phải vì thế mà một trong hai đứa không được bổ nhiệm làm đội trưởng. Nó lãnh đạo công tác và chịu trách nhiệm. Nhưng một khi hết ngày lao động, thì đội đặc biệt cũng giải tán ngay.

Mỗi đội đặc biệt được thành lập cho một tuần lễ, và do đó mỗi trại viên, sang tuần lễ sau, lại sung vào một đơn vị mới tạm thời như thế, để làm một công tác khác, và dưới quyền chỉ huy của một đội trưởng khác, cũng được chỉ định trong một tuần lễ do hội đồng đội trưởng. Sau đó đội trưởng được điều sang một đội đặc biệt khác, nhưng thường không giữ danh vị chỉ huy nữa, mà cũng lại đứng

vào hàng ngũ.

Hội đồng đội trưởng bao giờ cũng chú ý làm thế nào cho tất cả các trại viên, trừ những đứa không có khả năng nhất, được lần lượt đảm nhận nhiệm vụ làm đội trưởng một đội đặc biệt. Như thế là đúng, vì nhiệm vụ đó có một phần lớn trách nhiệm và lo âu. Nhờ chế độ ấy, đa số các trại viên không những chỉ tham gia lao động công nhân mà tham gia cả công tác tổ chức. Đó là một việc cực kỳ quan trọng, và đúng là hợp với yêu cầu của nền giáo dục cộng sản. Đó cũng là lý do tại sao, và sự này đập ngay vào mắt, trong năm 1926 trại chúng tôi đã xuất sắc trội lên vì khả năng thích ứng và tái thích ứng vào mọi công tác. Về mỗi chi tiết cá

biệt chấp hành nhiệm vụ, trại bao giờ cũng có thừa thãi những tay tổ chức và chỉ huy giỏi, toàn là những người có thể tin cậy được.

Vai trò của đội trưởng đội cố định trở thành hết sức bình thường đơn giản. Họ hầu như không bao giờ cầm đầu những đội "đặc biệt", cho rằng họ đã có khá nhiều việc khác phải làm rồi. Nhưng họ đi làm, với danh nghĩa là đội viên thường của một đội đặc biệt, dưới quyền của đội trưởng tạm thời của nó, tay này thường lại là đội viên của chính đội cố định của họ. Như thế là ở trại đã hình thành một dây chuyền rất phức tạp của sự tuỳ thuộc lẫn nhau, khiến không một trại viên nào còn có thể tách rời khỏi tập thể

để thống trị nó được nữa.

Chế độ các đội đặc biệt đã làm cho sinh hoạt của trại trở nên cực kỳ mạnh mẽ và đầy hứng thú, do sự luân chuyển những chức năng lao động và tổ chức, thay lượt nắm quyền chỉ huy và chịu phục tùng, hoạt động tập thể và hoạt động cá nhân xen kẽ lẫn nhau.

26. NHỮNG QUÁI VẬT CỦA TRẠI THỨ HAI

Chúng tôi tu sửa trại Trepkơ đã từ hơn hai năm nay, thế mà sang đến mùa xuân năm 1923 chúng tôi bỗng nhận thấy một cách hầu như bất ngờ rằng chúng tôi

đã làm được khá nhiều công việc ở đó, và trại thứ hai bắt đầu đóng một vai trò rất lớn trong cuộc sống của chúng tôi. Khu vực hoạt động chính của Sêrê là ở bên ấy: chuồng bò, chuồng ngựa, chuồng lợn. Sang đầu mùa hè, sự sinh hoạt ở đấy không còn lặng ngủ như trước nữa, mà sục sôi thật sự.

Tuy nhiên, trong một thời gian nữa, những đội đặc biệt của trại thứ nhất vẫn còn là những nhân tố tích cực của sự sinh hoạt ấy. Suốt ngày người ta trông thấy chúng hầu như không ngớt đi lại giữa hai trại trên các bờ ruộng và các đường nhỏ quanh co: những đội này vội vã sang trại thứ hai làm việc, những đội khác hối hả trở về trại thứ nhất để ăn bữa sáng hay

bữa chiều.

Đội kéo thành một dòng dài đi mau bước, thoắt đã hết đoạn đường. Óc sáng kiến và sự mạnh dạn của tuổi trẻ không chịu để cho những lợi ích tư hữu và những ranh giới ruộng đất riêng làm cho phải bối rối. Hồi mới đầu, dân cư trong xóm còn cố làm trở ngại, nhưng họ đã sớm nhận thấy là vô hi vọng: với một sự thản nhiên vui vẻ, các trại viên cứ tiến hành sửa đổi các đường lối ngoằn ngoèo giữa các trại ấp, kiên nhẫn chữa lại chúng để tiến tới thực hiện các lý tưởng: con đường thẳng. Khi nào vạch kẻ thẳng đi qua vườn một trang trại, tất cả công việc không phải chỉ có là giải quyết vấn đề theo hình học, mà còn phải làm cho

một vài thứ, như chó, bờ giậu, hàng rào và cổng ngõ trở thành vô hiệu.

Dễ nhất là chó: chúng tôi có khá đủ bánh mì, và dù không có phương tiện ấy nữa, những con chó của nông dân, tự đáy lòng chúng, cũng sẵn có rất nhiều thiện cảm đối với các trại viên. Đời sống làm chó tỉnh nhỏ của chúng vốn buồn tẻ, thiếu những ấn tượng mạnh mẽ và những trận cười lành mạnh, nay đột nhiên có được nhiều kinh nghiệm mới mẻ và thích thú: người đông đảo tấp nập, chuyện trò thú vị, có thể chơi một hiệp đánh vật theo kiểu Hy-La trên đống rơm gần nhất, và sau cùng, khoái tuyệt là được nhảy lon ton theo bước đi nhanh của một đội, ngoạm lấy một cành cây ở tay một chú

nhỏ, chú đó có khi buộc một dải lụa màu rực rỡ vào cổ cho mình. Ngay cả đến những đại biểu bị xích của giới sen đầm bốn chân cũng tỏ ra là những phần tử phản chủ, nhất là mục tiêu chủ yếu cho những hành động công kích của chúng lại thiếu, vì cứ bắt đầu sang xuân là các trại viên không mặc quần dài nữa: quần soóc vệ sinh hơn, gọn hơn, và rẻ tiền hơn.

Bắt đầu từ sự bội phản của những con chó Brôpka, Xeckô, và Kabưzđôk không chịu làm bổn phận, sự chán nản của dân trong các làng cứ mỗi ngày một tăng và kết quả khiến cho thành vô hiệu những chướng ngại vật cuối cùng chống lại việc nắn thẳng con đường từ trại đi ra sông Kôlômak. Đầu tiên chạy sang phe

chúng tôi là những thằng Anđri, Mikita, Nêtsipô và Mikôla, những đứa trẻ từ mười sáu đến mười sáu tuổi, bị quyến rũ bởi tính chất lãng mạn của đời sống và lao động của chúng tôi. Chúng đã từ lâu nghe thấy những tiếng kèn gọi của chúng tôi; đã từ lâu chúng cảm thấy thấm thía cái êm ấm khôn tả xiết được sống trong một tập thể lớn và vui vẻ, và bây giờ người ta thấy chúng há hốc mồm thán phục trước tất cả những dấu hiệu của một hoạt động nhân loại cao quý nọ, tỉ như "đội đặc biệt", các "đội trưởng", và đẹp đẽ hơn nữa, việc làm "báo cáo". Những đứa anh lớn của chúng chú ý đến những phương pháp mới về nông nghiệp: kiểu "hưu canh theo lối Khecxôn" làm cho

chúng trở lại gần gũi không những với trái tim các trại viên mà còn với cả đồng ruộng và cái máy gieo hạt của chúng tôi. Từ nay đã thành lệ quen là cứ mỗi đội đặc biệt của chúng tôi lại có thêm một bạn thân nào đó trong xóm nhập vào, giấu đem theo ra luống cày cái cuốc hay cái xẻng của mình. Buổi tối những đứa trẻ đó cũng đến đầy trại, và dần dần chúng đã trở thành một phần phụ thuộc không thể thiếu của trại, từ lúc nào không biết. Cứ nhìn ánh mắt chúng đủ thấy rằng trở thành trại viên là mộng tưởng của đời chúng. Một vài đứa đã được toại nguyện, do những xung đột về gia đình, về tập quán hay tôn giáo, đã rứt chúng ra khỏi tình ôm ấp của cha.

Và sau cùng xóm làng đã hoàn toàn bị tan rã vì cái sức mạnh lớn nhất trên đời: các cô gái làng không cưỡng lại nổi sức hấp dẫn của chú trại viên bắp chân để trần, chỉnh chện, vui vẻ và có giáo dục. Các tay đại biểu của phe nam giới ở địa phương bất lực vì không cống hiến được cái gì có thể đánh bạt được cái duyên đó, nhất là các trại viên không vội lợi dụng sự thiếu tự vệ của các cô trinh nữ sợ sệt đó: họ không thụi các cô vào giữa hai bả vai, không trêu ghẹo ngược đãi các cô. Vào hồi đó lớp trại viên cũ của chúng tôi sắp đến lúc vào trường trung học công nông và vào đoàn Kômxômôn; họ bắt đầu ưa chuộng những phép lịch sự tế nhị và những thú vui của

một cuộc nói chuyện lý thú.

Những thiện cảm của các cô gái trong xóm hồi bấy giờ chưa có tính cách là tình ái. Các cô cũng thân thiện hoà hảo cả với các nữ sinh của trại, vì họ thông minh hơn và có vẻ "thị thành" hơn, nhưng đồng thời không làm ra bộ "tiểu thư". Tình ái và những chuyện yêu đương rắc rối mãi về sau này mới có. Cho nên các cô thiếu nữ chú ý tìm thú vui bầu bạn nhiều hơn là những cuộc hẹn hò và những khúc tình ca của họa mi. Từng nhóm nhỏ, các cô càng ngày càng năng lui tới trại. Các cô còn sợ đi một mình vào khu vực trại. Ngồi sát vai nhau thành hàng trên các ghế dài, các cô thấm thía tiếp thu những ấn tượng hết sức mới mẻ, không

bỏ sót một giọt nào. Có thể là việc cấm cắn chắt hạt quỳ không những ở trong phòng mà cả ở ngoài sân khiến các cô lấy làm quái lạ quá sức chăng.

Nhờ có những thiện cảm của thế hệ trẻ đối với chúng tôi, mà các bờ giậu, hàng rào và cửa ngõ không còn có thể giúp ích cho các chủ nhân của chúng như xưa, để chúng thực sự bất khả xâm phạm của các đất đai tư hữu nữa. Do đó các trại viên không bao lâu còn đẩy mạnh sự táo bạo tới chỗ làm hẳn những "cầu nhảy" ở những chỗ khó qua nhất. Ở nước Nga, hình như người ta không biết tới cách cải lương đường lối giao thông đó. Cách đó là bắc qua bờ giậu một tấm ván có hai chiếc cọc chống đỡ.

Phải thú nhận rằng việc nắn lại con đường từ sông Kôlômak về trại, cũng đã làm thiệt hại đến các nương gieo lúa. Song, dù sao đi nữa, sang mùa xuân năm 1923, kể là một tuyến giao thông lớn thì con đường đó cũng có thể cạnh tranh được với đường xe lửa Mạc-tư-khoa – Lêningrat. Sự đó làm cho công tác của đội đặc biệt của chúng tôi được giảm nhẹ rất nhiều.

Bữa ăn buổi sáng, đội đặc biệt được ăn trước. Đến mười hai giờ hai mươi nó đã ăn xong và chuẩn bị đi ngay. Giáo viên trực nhật ở trại giao cho nó một tờ giấy, trong đó có ghi đủ mọi điều cần thiết: số của đội, danh sách các đội viên, tên đội trưởng, công tác chỉ định và thời

hạn chấp hành. Trong công việc này Sêrê đã vận dụng một sự chính xác toán học đến cao độ: khối lượng công tác được tính sát đến từng thước và và từng kilô.

Đội mau mắn lên đường. Chỉ năm sáu phút sau người ta đã thấy hàng dài của nó đi ra ngoài cánh đồng. Kìa nó đã nhảy qua một bờ giậu và biến ngay giữa các khu nhà. Theo chân nó, cách một đoạn đường dài hay ngắn do câu chuyện lâu hay chóng với giáo viên trực nhật quyết định, đội sau ra đi, đội ba "K" hay đội ba "S". Không bao lâu những dòng người của các đội đã kẻ vạch khắp cánh đồng. Nhưng Tôxka, ngồi trên nóc kho gầy rượu, đã kêu lên bằng cái giọng sang sảng của nó:

- Đội một "B" về kìa!

Quả thực người ta trông thấy đội một "B" đi ngoằn ngoèo ra khỏi những bờ giậu trong xóm. Đội đó bao giờ cũng làm công tác cày ruộng hay gieo hạt, nói chung là những việc cần đến ngựa. Nó ra đi từ năm giờ rưỡi sáng, dưới sự chỉ huy của Biêlukhin. Và đúng là hắn mà Tôxka đã nhìn thấy từ trên mái nhà cao. Vài phút sau, đội một "B" – sáu trại viên – đã vào sân trại. Trong khi đội của hắn ra ngồi bàn ăn ở ngoài rừng, Biêlukhin trao tờ báo cáo cho giáo viên trực nhật. Rôđimtsik đã ghi vào đấy giờ đến trại thứ hai và công việc đã làm.

Biêlukhin vui vẻ, như thường lệ:

- Chúng cháu bị chậm mất năm phút, chú ạ. Vì lỗi của đội thuyền. Chúng cháu cần đến thuyền để đi là, nhưng thằng Michia nó lại chở những đứa đầu cơ.

- Những đứa đầu cơ nào? giáo viên trực nhật tò mò hỏi.

- Cháu nói thật đấy! Chúng nó đến để thuê vườn cây ăn quả.

- Thế sao?

- Cháu mới không cho chúng rời bờ sông: các người nghĩ thế nào, tưởng sẽ sang chèn táo của chúng tớ, trong khi chúng tớ đứng nhìn các người hẳn? Quay lại đi, công dân đồng bào ơi, trở về nơi các người xuất phát!. A, bác Antôn

Xêmionôvich, xin chào bác, công việc chạy không hở bác?

- Chào Matvây.

- Bác hãy nói thật cho cháu biết, liệu nay mai có tống Rôđimitsik đi khỏi trại bên ấy không? Vì rằng, bác Antôn Xêmiônôvich ạ, thực là đến phát ngượng lên với hắn. Cái con người ấy, cứ trông hắn kéo lê quanh trại, cũng đủ ốm rồi. Ngay đến làm việc với hắn cũng chả ai muốn, thế mà lại còn phải đưa cho hắn ký các tờ báo cáo. Có nghĩa lý gì không?

Các trại viên hết thảy đều chán ghét cái anh chàng Rôđimtsik ấy.

Ở bên trại thứ hai hồi đó có hơn hai chục trại viên, công việc cũng bận ngập

đầu. Sêrê chỉ giao các công việc đồng áng cho các đội đặc biệt của trại thứ nhất gửi sang. Còn chuồng ngựa, chuồng bò, chuồng lợn – chuồng này không ngừng lớn thêm mãi – đều do bọn trẻ ở tại chỗ phục vụ. Việc chỉnh đốn lại vườn cây quả thu hút rất nhiều nhân công. Vườn đó, rộng bốn đêxiatin, và có vô số những cây non rất tốt. Sêrê đã làm những công việc vĩ đại ở đấy. Đất đã được xới lên tất cả, cây cối được cắt tỉa, trừ bỏ mọi thứ bẩn thỉu, khu đất rộng trồng phúc bồn đã được dọn sạch quang; đường đi đã kẻ và các bồn đã được vạch anh. Mùa xuân đó các cây mới của nhà kính ấm đã bói quả. Các trại viên cũng làm việc rất nhiều ở bờ sông, đào máng và phát cỏ

lác.

Công việc phục hồi trại ấp cũ đã gần xong. Ngay đến cái chuồng ngựa, xây bằng bê-tông rỗng, cũng không còn bày ra cái cảnh bực mình là mái thủng nữa nó đã được lợp các-tông bồi bi-tum, và ở bên trong các thợ mộc đã hoàn thành dựng các ngăn chuồng để nuôi lợn. Theo sự tính toán của Sêrê, nếp nhà đó phải chứa được một trăm rưỡi con lợn.

Các trại viên không thích sống ở trại thứ hai lắm, nhất là về mùa đông. Chúng tôi đã quen với chỗ cũ, và mọi cái ở đây đã đi sâu vào nền nếp nhiều rồi, nên chúng tôi hầu như không nhìn nhận thấy những ngôi nhà hình hộp bằng đá tẻ ngắt kia cũng không thấy là chúng hoàn toàn

thiếu vẻ đẹp và vẻ nên thơ nữa. Một trật tự toán học, sự sạch sẽ và sự ăn khớp sít sao của từng sự vật rất nhỏ ở đấy thay cho vẻ đẹp.

Mặc dầu cây cối xanh um, cảnh trí hữu tình ở giữa vòng uốn khúc của sông Kôlômak, và trên bờ sông cheo leo là vườn cây quả, với những toà nhà khang trang đẹp đẽ, trại thứ hai cũng mới chỉ nửa chừng thoát khỏi cảnh điêu tàn hỗn loạn, còn ngổn ngang những gạch vữa vụn, bộ mặt khác đi vì những hố vôi, và cỏ dại rậm rịt đến nỗi đôi khi tôi phải tự hỏi không biết rồi đây liệu chúng tôi có giẫy nổi cho quang được chăng.

Mọi cái ở đây chưa được hoàn chỉnh cho cuộc sinh hoạt: các phòng ngủ thì tốt,

nhưng không có phòng ăn, và bếp, nói cho đúng ra, cũng không có. Một cái bếp tạm bợ đã được dựng lên, nhưng hầm chứa chưa làm xong. Nghiêm trọng nhất là vấn đề giáo viên. Ở trại thứ hai, không có người có khả năng sáng kiến.

Các trại viên đã hoàn thành được một khối lượng công tác rất lớn để phục hồi trại thứ hai, với bao nhiêu nhiệt tình hăng hái và vui vẻ, song tình hình đó khiến chúng không thích sống ở bên ấy. Bratsenkô sẵn sàng mỗi ngày đi hơn hai chục cây số từ trại nọ sang trại kia, nó bằng lòng ăn đói và ngủ ít đi, nhưng nó coi như là mất danh dự nếu bị chuyển sang đó. Ngay cả đến Ôtxatsi cũng nói:

- Tớ thà bỏ trại còn hơn sang bên

Trepkơ.

Hồi đó tất cả những đứa trẻ có tính cách nổi bật của trại thứ nhất đã hình thành nên một tập thể vô cùng thân mật đoàn kết, thành thử muốn tách bất cứ một đứa nào ra khỏi cái tập thể ấy thực chẳng khác phải chặt vào da thịt nó. Đưa những đứa trẻ đó sang trại thứ hai thì sẽ làm hại cả trại ấy lẫn những tính cách của chính bản thân chúng. Chúng hiểu rõ như thế lắm. Karabanôp nói:

- Chúng cháu ở đây khác nào những con ngựa tốt còn nhỏ. Chẳng hạn, một thằng như thằng Burun, thì chỉ có việc thắng nó vào xe cho tử tế: cứ tắc lưỡi một cái là tự khắc nó hếch mũi lên giời và kéo xe ngoan ngoãn, còn như

buông thả mặc nó làm, thì nó sẽ văng ngay cả thần xác nó lẫn xe xuống chân dốc cho mà xem.

Do đó ở trại thứ hai bắt đầu hình thành một cái tập thể hoàn toàn khác hẳn về phong cách và giá trị. Những đứa trẻ vào bên đó là những đứa không lấy gì làm xuất sắc lắm, không lấy gì làm hoạt động lắm, và cũng không lấy gì làm khó tính khó nết lắm. Vì thế cái tập thể của chúng thiếu sự thuần thục, nó là kết quả của một sự chọn lọc căn cứ vào những quan điểm sư phạm.

Tình cờ cũng có những cá tính dễ thương ở bên ấy vượt lên khỏi đám quần chúng bé con, hoặc đột nhiên nổi bật giữa bọn trẻ mới đến, song hồi đó những

cá tính ấy chưa có dịp được tôi luyện thử thách và chúng cũng lẩn biến mất vào đám đông mờ nhạt của "tụi Trepkơ".

Song bọn "nhãi Trepkơ" nói chung đều kém cỏi đến mức khiến tôi với các giáo viên và các trại viên này càng thêm chán nản: chúng lười biếng, bẩn thỉu, và lại có cả đến khuynh hướng mắc vào cái tội chết người là đi ăn xin nữa. Chúng luôn luôn thèm thuồng nhìn trại thứ nhất, và suốt đời thầm thì bàn bạc với nhau, nói chuyện nào là ở trại thứ nhất được ăn những gì bữa sáng, bữa chiều, nào là những thực phẩm đem cất vào các hầm chứa bên ấy, và những lý do tại sao các thứ đó không đưa sang cho chúng. Không dám phản kháng mạnh bạo và trực tiếp,

chúng cứ xì xào trong các xó nhà và quấy nhiễu các đại biểu chính thức của chúng tôi bằng những yêu sách khó chịu của chúng.

Các trại viên của chúng tôi bắt đầu có một thái độ hơi khinh bỉ đối với bọn "Nhãi Trepkơ". Zađôrôp hoặc Vôlôkhôp đã có lần đem về theo một đứa hay kêu ca ở trại thứ hai, đẩy nó vào bếp mà yêu cầu:

- Các bác hãy cho cái thằng chết đói này ăn cho tôi nhờ với.

Vì tự ái giả dối, thằng "chết đói" tất nhiên từ chối không ăn. Thực ra thì những đứa trẻ ở trại thứ hai được ăn uống tốt hơn cả. Vườn rau của chúng gần

hơn, chúng có thể mua vải thứ ở nhà máy xay gió, và hơn nữa chúng lại có bò cái. Sữa khô đem đến trại chúng tôi: trại ở xa, và chúng tôi thì thiếu nhựa.

Cái tập thể hình thành ở trại mới vừa lười biếng vừa hay than phiền. Như trên đã trình bày, lỗi là do nhiều nguyên nhân, nhưng trước hết là do sự thiếu nòng cốt và sự bất lực của các giáo viên.

Họ không muốn đến trại chúng tôi: lương bổng thì đơn bạc, mà công tác lại khó khăn. Sau cùng sở Giáo dục gửi tới cho chúng tôi những người đầu tiên vớ được: Rôđimtsik, rồi Đêriutsenkô. Họ đem theo vợ con đến và chiếm lấy những chỗ ở tốt nhất của trại. Tôi không phản đối, vì tìm được họ cũng đã là may rồi.

Đêriutsenkô thì thoạt trông rõ ngay[77]: hắn trước kia là một người của Petliura[78]. Hắn "không biết" tiếng Nga, hắn đem những ảnh rẻ tiền của Septsenkô[79] ra trang trí tất cả các phòng của trại, và bắt đầu ngay cái việc duy nhất mà hắn có thể làm được, là hát những bài hát Ukren.

Hắn còn trẻ. Mặt hắn toàn là những hình xoáy trôn ốc, theo kiểu mặt một người côdắc Zapôrôgơ[80] kỳ quái: ria mép xoắn tít như cái mở nút chai, đầu tóc bù xù cũng thế, và cái ca vát cũng vậy nốt: một cái dải loăn xoăn vòng quanh cổ chiếc áo sơ-mi Ukren thêu hoa. Vậy mà

con người ấy lại cứ phải làm những công việc xa lạ đến thành bất kính đối với sự vĩ đại của quốc gia Ukren: nhận phiên trực nhật ở trại, thăm chuồng lợn, ghi giờ đến của các đội đặc biệt, và những hôm đến lượt hắn công tác, thì cũng phải chịu phần công tác với các trại viên. Hắn coi đó là những công việc không cần thiết và vô nghĩa lý, và toàn trại đối với hắn chỉ là một hiện tượng hoàn toàn hão huyền, chẳng có dính líu gì với thế giới đại sự hết.

Rôđimtsik thì cũng có ích cho trại y như Đêriutsenkô vậy, nhưng lại còn đáng tởm hơn.

Nhân vật này vào trạc ba mươi tuổi; trước kia hắn đã làm việc ở nhiều nơi: ở

cơ quan hình cảnh, ở các hợp tác xã, ở sở xe lửa, và sau cùng là giáo dục trẻ ở các trại nhi đồng. Hắn có một bộ mặt kỳ dị, trông rất giống một cái ví tiền cũ hỏng và xẹp đét. Tất cả các nét trên bộ mặt ấy đều nhàu nát và có phủ một lớp mốc đo đỏ; cái mũi hơi bẹt và trẹo sang một bên, đôi tai áp vào sọ, dính vào đấy thành hai nếp thịt mềm nhũn và không có sinh khí, cái mồm méo xệch đã từ lâu bị trầy da, hư hỏng và lại sứt mẻ chỗ này chỗ nọ nữa, vì thói quen cẩu thả trường kỳ.

Đến trại với gia đình và chiếm ở luôn một căn nhà vừa vặn mới tu sửa xong, Rôđimtsik làm việc một tuần lễ rồi bất thình lình biến mất, để lại cho tôi mảnh giấy nói rằng hắn phải vắng mặt vì

một việc rất quan trọng. Ba hôm sau hắn trở về, đi một cái xe tải nông thôn có một con bò cái kéo. Rôđimtsik ra lệnh cho các trại viên để bò vào ở cùng chuồng với các bò của trại. Chính Sêrê cũng có phần ngạc nhiên vì cái việc nhỏ bất ngờ ấy.

Hai hôm sau Rôđimtsik chạy đến phòng tôi để khiếu nại:

- Tôi không bao giờ ngờ rằng ở đây lại có thể đối xử với giáo viên như thế được! Hình như người ta đã quên rằng không phải là thời xưa nữa. Các con tôi với tôi, chúng tôi cũng có quyền được ăn sữa như những người khác. Vì tôi đã tỏ ra là có sáng kiến, không đợi đến nhà nước cấp sữa cho tôi, và tôi đã tự tốn

công vất vả, như bác biết đấy, bỏ tiền riêng ít ỏi của tôi ra mua một con bò cái mà tôi đã thân hành đưa về trại, thì tôi tưởng bác phải kết luận rằng đó là một việc đáng khuyến khích, chứ không đời nào lại là việc đáng bị ngược đãi. Nhưng con bò cái của tôi bị đối xử ra làm sao? Trại có nhiều đụn cỏ khô, trại lại còn mua được của nhà máy xay gió nào cám, nào trấu, và các thứ bã bột khác, với giá rẻ. Thế mà tất cả các bò cái được ăn, còn con của tôi thì nhịn đói, và bọn trẻ trả lời tôi với một giọng hết sức thô bỉ: chả thiếu gì người có bò cái. Chúng cọ rửa ngăn chuồng của những con bò khác, nhưng ngăn chuồng bò của tôi thì đã năm hôm[81] nay chúng không cọ rửa, để cho

nó bẩn hết sức. Thành thử chính nhà tôi phải tự thay lấy ổ rơm cho bò thôi. Nhà tôi cũng sẵn lòng làm, nhưng bọn trẻ không cho bà ấy mượn xẻng với chĩa đôi, cũng không cho rơm. Như rơm, vật thử chẳng đáng là bao mà nếu người ta cũng coi trọng đến thế, thì tôi có thể nói trước rằng đã vậy thì tôi sẽ phải có biện pháp cương quyết đối phó. Bây giờ tôi không còn là đảng viên nữa, chuyện đó cũng chẳng làm sao. Trước kia tôi đã ở trong Đảng và tôi đã xứng đáng được đòi hỏi người ta đừng có đối xử với con bò cái của tôi như thế.

Tôi ngây ra nhìn con người đó, đến nỗi cũng không thể nào hiểu được ngay lúc ấy xem có cách gì đấu tranh với hắn

hay không.

- Xin lỗi, đồng chí Rôđimtsik, chuyện ra làm sao thế vậy? Con bò cái đó đúng là của anh, nó là của tư hữu, sao lại có thể để lẫn giẻ lau với khăn mặt được? Và sau hết, anh là một nhà giáo dục. Sao anh lại đi đặt mình vào một tình trạng rắc rối, khó xử đối với bọn trẻ như vậy?

- Có chuyện gì? và Rôđimtsik nói huyên thiên líu tíu. Tôi chẳng muốn lấy không cái gì đâu: tất nhiên, tôi sẽ trả tiền rơm và tiền công bọn trẻ nuôi, nếu không phải là trả bằng giá đắt. Nhưng khi tôi bị mất cắp, phải, mất cái mũ nồi nhỏ của con tôi, mà là các trại viên lấy chứ còn ai vào đây nữa, thì tôi, tôi có nói gì đâu?

Tôi giao hắn sang cho Sêrê giải quyết.

Anh này, bây giờ đã hết cơn ngạc nhiên, bèn trục xuất con bò cái của Rôđimtsik khỏi chuồng bò. Vài hôm sau thì nó biến: dĩ nhiên là chủ nó đã bán nó đi.

Hai tuần lễ qua. Vôlôkhôp đặt câu hỏi này ở cuộc họp toàn trại.

- Thế này là thế nào? Tại sao Rôđimtsik lại đi dỡ khoai tây ở vườn rau của trại? Ở nhà bếp không có khoai, thế mà Rôđimtsik lại lấy khoai. Ai cho phép anh ta lấy?

Các trại viên ủng hộ Vôlôkhôp. Zađôrôp nói:

- Điều quan trọng không phải là khoai tây. Anh ta có gia đình - thì được, anh ta cần cái gì hãy cứ hỏi người có quyền cho, khoai chẳng đáng thành chuyện, nhưng chúng ta cần gì đến cái anh Rôđimtsik ấy? Suốt ngày hắn ru rú ở nhà hắn, hay là hắn vào trong làng. Bọn trẻ thì bẩn thỉu, chẳng bao giờ thấy mặt hắn, sống như những đứa man rợ. Người ta đến tìm hắn để cho hắn ký vào báo cáo, thì chẳng thấy hắn đâu: hắn ngủ, hoặc hắn còn ăn bữa sáng, hoặc nữa là hắn không có thì giờ: người ta cứ việc đợi. Hắn được cái việc gì?

- Chúng tôi biết các giáo viên phải làm việc như thế nào, Taranet nói. Nhưng Rôđimtsik thì sao? Hắn đi công

tác với một đội đặc biệt, cầm cuốc đứng đực ra đấy một nửa giờ, rồi hắn nói: " Được, tôi chuồn đây, tôi có việc ở đằng này một chút ", thế là hắn đi; hai giờ sau, người ta thấy hắn ở trong làng ra, túi dết đầy ăm ắp...

Tôi hứa với bọn trẻ là sẽ thi hành biện pháp. Ngày hôm sau, tôi triệu tập Rôđimtsik. Hắn ta đến vào buổi tối, và chỉ có hai người với nhau, tôi bắt đầu cảnh cáo hắn nhưng mới chỉ là bắt đầu thôi. Rôđimtsik tức giận ngắt lời tôi:

- Tôi biết người gây ra các chuyện này, tôi biết rất rõ ai mưu mô tất cả các gian kế này chống lại tôi, tất cả những cái đó đều do cái anh người Đức kia mà ra hết. Nhưng mà, bác Antôn

Xêmiônôvich ạ, bác nên điều tra về cái con người ấy thì hơn. Tôi, thì tôi đã điều tra rồi: không kiếm đâu ra rơm cho bò cái của tôi, dù tôi trả tiền đi nữa, vì thế nên tôi đã bán nó đi, các con tôi không có sữa, tôi phải lấy sữa ở trong làng về. Và bây giờ bác hãy hỏi xem Sêrê cho con Milo của hắn ăn cái gì? Hắn nuôi nó bằng gì, bác có biết không? Không à? Đây này, hắn lấy kê để nuôi gà, và hắn nấu cho Milo ăn. Nuôi bằng kê! Chính hắn nấu và cho chó của hắn, chẳng trả tiền gì cả. Thế là con chó ăn kê của các trại viên hoàn toàn không mất tiền và vụng trộm, chỉ vì cái lý do duy nhất hắn là nhà nông học và được bác tin cẩn mà thôi.

- Do đâu mà anh biết những cái đó? tôi hỏi Rôđimtsik.

- Ồ! Không phải là tôi nói những chuyện vu vơ đâu. Tôi không phải hạng người như thế, này đây, bác xem...

Hắn mở một cái gói nhỏ rút ở túi áo trong ra. Một chất gì trăng trắng và đồng thời lại đen đen xuất hiện, một thứ pha trộn kỳ dị.

- Cái gì thế? tôi ngạc nhiên hỏi.

- Đây nhé! Cái này sẽ chứng tỏ cho bác biết tất cả; phân của con Milo. Phân của nó đấy, bác hiểu không? Tôi đã rình nó để lấy đấy. Bác có thấy con Milo ỉa ra cái gì không? Kê, đúng thế. Thế hắn mua kê à? Chắc chắn là không, hắn chỉ

lấy ở tủ chạn ra thôi.

Tôi bảo Rôđimtsik:

- Này, Rôđimtsik ạ, anh nên bỏ trại mà đi thì hơn.

- Sao lại "bỏ"?

- Anh hãy đi khỏi đây càng sớm càng hay. Tôi chính thức cho anh thôi việc ngay hôm nay. Anh hãy nên viết đơn nói rằng anh tự ý xin thôi, như thế thì hơn.

- Tôi sẽ không để cho câu chuyện xoay ra như thế đâu!

- Được lắm. Tuỳ ý anh, còn tôi thì tôi đuổi anh.

Rôđimtsik đi ra; hắn "để nguyên cho

câu chuyện xoay ra như thế", và ba hôm sau thì hắn đi.

Nhưng làm thế nào với trại thứ hai bây giờ? Bọn "nhãi Trepkơ" là những trại viên xấu, điều đó không thể nào dung túng lâu hơn được nữa. Những cuộc ẩu đả nổ ra giữa bọn chúng, chúng luôn luôn ăn cắp lẫn của nhau, dấu hiệu rõ rệt của một tinh thần cộng đồng rất tồi tàn.

"Vậy tìm đâu ra người để làm cái công tác tội nợ ấy? ".

Những con người chân chính? Trời ơi, như vậy chẳng phải là đòi hỏi ít đâu.

27. CHINH PHỤC ĐOÀN KÔMXÔMÔN

Năm 1923, những tuyến tân binh của trại Gorki chỉnh tề tiếp xúc với một pháo đài mới, cần phải xung kích chiếm lấy cho kỳ được, dù sự đó có vẻ kỳ lạ đến thế nào đi nữa: Đoàn Kômxômôn.

Xưa nay trại chưa hề bao giờ là một tổ chức đóng cửa không giao thiệp với ai. Ngay từ năm 1921, chúng tôi đã có rất nhiều mối quan hệ linh tinh với "môi trường chung quanh". Do các nguyên nhân xã hội và lịch sử, những người hàng xóm gần nhất của chúng tôi đã là những kẻ thù mà chúng tôi không phải chỉ có một mặt hết sức đấu tranh đối phó mà thôi, nhưng chúng tôi cũng còn giao dịch với họ nữa, nhất là nhờ có các xưởng của

chúng tôi. Những sự giao thiệp vì công việc ấy vượt rất xa ra ngoài ranh giới của tầng lớp thù địch, vì chúng tôi liên lạc với nông dân trong phạm vi một đường bản kính khá rộng, và công nghệ của chúng tôi phục vụ đến tận các làng xa xôi như Xtôrôjêvôiê, Matsukhi và Brigađirôpka. Những làng lớn ở gần chúng tôi nhất, Gôntsarôpka, Pirôgôpka, Anđrusepka, Zabiralôpka, đã bị chúng tôi chinh phục mà không phải chỉ có về phương diện kinh tế mà thôi. Ngay đến những cuộc xuất chinh đầu tiên của các dũng sĩ[82] trại chúng tôi, theo đuổi những mục đích mỹ học, như đi tìm những thiếu nữ trẻ đẹp của địa phương, hay phô trương nhưng ưu thế của họ về

cái kiểu để tóc, về thân hình, về dáng dấp và nụ cười, ngay đến những cuộc thâm nhập đầu tiên ấy của các trại viên vào cái biển nông thôn cũng đã mang lại kết quả mở rộng những quan hệ xã hội của chúng tôi. Chính là ở các làng đó mà các trại viên làm quen đầu tiên với các thanh niên Kômxômôn.

Các lực lượng Kômxômôn ở đấy rất yếu, về số lượng cũng như về chất lượng. Các thanh niên Kômxômôn ở các làng, chính họ cũng thích gái và rượu vôtka lậu hơn chuyện khác, và thường ảnh hưởng của họ không lấy gì làm tốt lắm đối với các trại viên. Về sau, đối diện với trại thứ hai, trên hữu ngạn sông Kôlômak, thành lập ra hợp tác xã nông nghiệp

Lênin; dù muốn hay không muốn, hợp tác xã cũng phải công khai thù địch với Xô-viết thôn chúng tôi và với tất cả nhóm trại ấp phú nông. Chỉ từ ngày có hợp tác xã đó, chúng tôi mới phát hiện thấy tinh thần chiến đấu trong các hàng ngũ thanh niên Kômxômôn, và chúng tôi mới kết thân với các thanh niên của hợp tác xã. Các trại viên biết rất tường tận hết thảy các công việc của cái tập thể mới và hết thảy các sự khó khăn theo sau thời kỳ nó ra đời. Trước hết hợp tác xã giáng một đòn nặng vào ruộng đất của tụi kulắc và gây nên về phần chúng một sức kháng cự nhất trí, mãnh liệt và căm thù. Hợp tác xã nắm giữ được thắng lợi không phải là chuyện dễ dàng gì.

Bọn chủ ấp trại hồi ấy là một lực lượng lớn; chúng có "tay chân " ở ngoài tỉnh, và không hiểu vì sao một số người cao cấp ở tỉnh không biết tí gì về thực sự chúng là những tên kulắc. Chiến trường chính của cuộc đấu tranh ấy là các bàn máy ở ngoài tỉnh, mà khí giới chính là ngòi bút; vì thế nên các trại viên không thể trực tiếp tham gia đấu tranh được. Nhưng khi vấn đề ruộng đất được giải quyết dứt khoát rồi, và các việc kiểm kê hết sức phức tạp được mở ra, thì công việc đó đem tới cho các trại viên và các thanh niên của hợp tác xã rất nhiều công tác hứng thú, thắt chặt tình thân ái giữa họ hơn nữa.

Tuy nhiên các thanh niên Kômxômôn

cũng không đóng được vai trò chủ chốt trong hợp tác xã và chính họ còn yếu hơn các trại viên cũ của chúng tôi. Các khóa trình của chúng tôi giúp ích rất nhiều cho các trại viên, nâng cao rõ rệt giác ngộ chính trị của họ lên. Đã có ý thức và hãnh diện là những người vô sản, họ hiểu rất rõ sự khác biệt giữa vị trí của họ và vị trí của các thanh niên nông thôn. Công tác nông nghiệp khẩn trương và nhiều khi gian khổ không làm trở ngại sự hình thành ở trong lòng họ một niềm tin tưởng sâu sắc rằng có một hoạt động khác, dành cho họ.

Các trại viên lớn nhất đã có thể nói lên được tách bạch hơn hoài bão của họ và họ chờ đợi gì ở tương lai. Giúp đỡ họ

nhận định những hoài bão và khuynh hướng ấy không phải là các lực lượng thanh niên Kômxômôn ở tỉnh đóng vai trò chủ yếu.

Cách nhà ga không xa có những công xưởng lớn của sở xe lửa. Đối với các trại viên chúng tiêu biểu đến tuyệt đỉnh một nhóm rất quý những người và vật thân thiết với tâm tình họ. Các công xưởng của sở xe lửa có một quá khứ cách mạng quang vinh, và một tập thể Đảng rất vững mạnh. Các trại viên mơ tưởng đến chúng như mơ tưởng một toà lâu đài trong chuyện thần tiên, kỳ diệu quá sức tưởng tượng. Lâu đài ấy nguy nga tráng lệ không phải vì những cột trụ sáng long lanh như trong chuyện "Con

chim xanh"[83], mà là vì những thứ còn đẹp đẽ hơn nữa: những cánh tay khổng lồ của những cần trục, những búa máy hơi nước đầy căng sức mạnh, những bệ máy chuyển động tinh xảo có một đầu não cực kỳ phức tạp. Những người làm chủ cái lâu đài ấy là những ông hoàng cao quý bậc nhất, áo quần diễm ảo lấp lánh mỡ nhờn xe lửa xông lên các thứ hương vị thơm của thép và sắt. Tay họ được quyền sờ mó vào những hình diện thiêng liêng nhất hạng, mặt phẳng, hình trụ, hình nón, mó vào hết thảy mọi của cải trong lâu đài. Và những người đó thuộc một giống người đặc biệt. Họ không đeo những bộ râu đỏ hung, chải chuốt cẩn thận, và không có những bộ mặt bóng nhẫy mỡ

của các chủ trại. Gương mặt họ thông minh, thanh tú, rạng rỡ ánh sáng của tri thức và quyền lực, của sức mạnh thống trị các bệ máy và xe lửa, của sự hiểu biết những quy luật bí hiểm nhất chi phối các tay vặn, giá trụ, cần bẫy và nút bấm điều khiển. Và giữa những con người ấy, có rất nhiều thanh niên Kômxômôn, vẻ hiện đại đẹp đẽ của dáng dấp họ khiến chúng tôi thán phục: ở đây chúng tôi được thấy sự khoái hoạt và tự tin, được nghe tiếng nói mạnh bạo sỗ sàng của người công nhân.

Phải, các công xưởng của sở xe lửa là cái lý tưởng tối cao của nhiều trại viên chúng tôi vào hồi năm 1922 ấy. Họ cũng đã có nghe nói ít nhiều đến những

công cuộc còn tốt đẹp hơn nữa của loài người: các nhà máy ở Khackôp, ở Lêningrat, tất cả những tên thần kỳ nọ, Putilôp, Xormôvô[84]. Nhưng thế giới này có thiếu gì những sự kỳ lạ! Mơ ước của một trại viên tầm thường ở tỉnh nhỏ có thể nào dám chòi với tới tất cả mọi cái. Tuy nhiên chúng tôi bắt đầu làm thân khăng khít hơn với các công nhân xe lửa, và chúng tôi đã thực mực sở thị nhìn họ, cảm thấy sức hấp dẫn của họ bằng tất cả mọi giác quan của chúng tôi, kể cả xúc giác nữa.

- Chính là họ đến thăm chúng tôi trước, và lại đúng là các thanh niên Kômxômôn. Một ngày chủ nhật, Karabanôp chạy vào phòng giấy tôi kêu

lên:

- Anh em Kômxômôn xe lửa đến kia! Tuyệt quá!

Họ đã nghe nói nhiều điều hay về trại và đến để làm quen. Bọn họ có bảy người. Các trại viên xúm đông xúm đỏ âu yếm vây lấy họ, chen chúc cọ sát vào cạnh sườn và vào bụng họ, và đây là nói nghĩa đen, suốt ngày tiếp xúc chặt chẽ, thân mật chỉ cho họ xem trại thứ hai, ngựa, dụng cụ, lợn, Sêrê, các khung kính ấm, nhưng trong đáy lòng chúng vẫn cảm thấy thấm thía rằng các tài sản của trại chẳng thấm vào đâu so với các xưởng máy. Chúng vô cùng ngạc nhiên nhận thấy các thanh niên Kômxômôn không những không kiêu ngạo trước mặt chúng,

không phô trương sự ưu tú của họ, mà lại còn tỏ vẻ thán phục và có một chút cảm động nữa.

Trước khi trở về tỉnh, các thanh niên Kômxômôn qua phòng giấy tôi đề nói chuyện một tí. Họ muốn biết tại sao ở trại chúng tôi không có thanh niên Kômxômôn. Tôi trình bày vắn tắt cho họ nghe cái lịch sử bi đát về vấn đề ấy.

Ngay từ năm 1922 chứng tôi đã xin thành lập một chi bộ Kômxômôn ở trại, nhưng các tổ chức Thanh niên cộng sản ở các địa phương đã cực lực phản đối: một trại những kẻ phạm pháp làm thế nào mà có được những thanh niên Kômxômôn? Tha hồ cho chúng tôi nài xin, cãi cọ, kêu la, người ta cứ một mực trả lời: trại

chúng tôi có những kẻ phạm pháp. Một khi ra trại, và có giấy chứng nhận là chúng đã được cải tạo, thì bấy giờ mới có thể bàn chuyện kết nạp vài thanh niên đó vào Đoàn Kômxômôn được.

Các anh em xe lửa thông cảm hoàn cảnh của chúng tôi và hứa sẽ giúp đỡ chúng tôi ở tổ chức Kômxômôn trên tỉnh. Quả nhiên một người trong bọn họ chủ nhật sau đã trở lại trại, nhưng là để bảo cho chúng tôi những tin tức không lấy làm vui lắm: Các Ủy ban của thành và của tỉnh đều nói: "Đúng rồi: làm thế nào mà có được những thanh niên Kômxômôn trong một cái trại có nhiều đồng đảng cũ của Maknô, những phần tử tội phạm, và nói chung là những kẻ khả

nghi?"

Tôi giải thích cho anh ta nghe rằng ở trại chúng tôi có rất ít tùng đảng của Maknô, và chúng do ngẫu nhiên mà có mặt trong các bầy thổ phỉ đó. Sau cùng tôi cũng giải thích rằng không nên hiểu danh từ "cải tạo" theo cái nghĩa quá hình thức như người ta gắn cho nó ở ngoài tỉnh. Đối với chúng tôi, "cải tạo" một người nào chưa là đủ, mà ta còn phải giáo dục lại hắn, nghĩa là nuôi dạy hắn thế nào để cho không những hắn không là một mối nguy hoặc không có hại cho cái xã hội mà hắn phải trở nên một thành viên, nhưng hắn cũng còn phải trở thành một công dân tích cực của kỷ nguyên mới nữa. Nhưng ai sẽ làm cái công việc ấy,

nếu hắn muốn vào Đoàn Kômxômôn mà không được người ta kết nạp, và ai cũng cứ nhắc nhở lại cho hắn một vài việc phạm pháp cũ kỹ, rút cục lại chỉ là tội của thời thơ ấu? Anh thanh niên xe lửa nửa đồng ý nửa không đồng ý. Vấn đề rắc rối nhất đối với anh ta là vấn đề ranh giới: khi nào có thể kết nạp một trại viên vào Đoàn Kômxômôn, khi nào thì không thể kết nạp và ai phải giải quyết vấn đề ấy.

- Sao lại "ai phải giải quyết" nhỉ? Thì chính là đoàn thể Kômxômôn của trại chứ còn ai nữa.

Các thanh niên Kômxômôn của xưởng xe lửa vẫn tiếp tục đến thăm chúng tôi luôn, nhưng rồi sau tôi nhận

thấy rằng sự chú ý của họ đối với chúng tôi không được hoàn toàn lành mạnh. Họ coi chúng tôi đúng như những kẻ bất lương; rất tò mò muốn biết quá khứ của các trại viên, họ sẵn sàng công nhận những thành công của chúng tôi, nhưng với một điều kiện rằng: dù sao thì đó là một bầy thanh niên kém bình thường. Tôi vất vả lắm mới tranh thủ được một vài người đồng tình với chúng tôi.

Lập trường của chúng tôi đối với vấn đề ấy kể ngay từ ngày đầu thành lập trại vẫn không thay đổi. Tôi cho rằng phương pháp giáo dục lại những người phạm pháp trước hết phải dựa vào sự hoàn toàn bỏ qua quá khứ và lại càng phải bỏ qua những việc phạm pháp cũ.

Nhưng áp dụng nguyên tắc ấy đến triệt để, thì chính tôi thực cũng khó khăn lắm mới làm được. Tôi vẫn cứ muốn biết vì lẽ gì một đứa trẻ được gửi tới trại chúng tôi, và nó đã có thể làm những gì để tới nông nỗi ấy: Vả chăng cái lô-gích của khoa sư phạm hồi bấy giờ cứ ra công bắt chước cái lô-gích của khoa y học, và cứ làm ra bộ thông minh mà tập tọng lý luận rằng: muốn chữa bệnh, trước hết phải biết bệnh. Cái lô-gích kiểu ấy, đôi khi đã quyến rũ tôi, nó đặc biệt làm mê say những người cộng sự với tôi và các nhân viên của sở Giáo dục tỉnh.

Ủy ban các trẻ vị thành niên phạm pháp gửi tới cho chúng tôi những "hồ sơ" của các trẻ nuôi, với mọi chi tiết về

những cuộc thẩm vấn chúng, đối chứng và đủ thứ lộn xộn khác, coi như là để giúp chúng tôi nghiên cứu bệnh.

Ở trại, tôi đã khiến được tất cả các giáo viên đồng ý với tôi, và ngay từ năm 1922 tôi đã yêu cầu Ủy ban đừng gửi một hồ sơ nào đến cho tôi nữa. Chúng tôi hết sức thành thật không để ý đến những lỗi lầm đã qua của các trại viên nữa và kết quả rất hay là chính các trại viên cũng mau chóng quên chúng. Tôi vô cùng vui mừng thấy ở trại dần dần được xóa bỏ mọi chú ý đến quá khứ, và biến mất khỏi đời sống chúng tôi những phản ảnh của những ngày đầy nhục nhã, đau khổ và đáng ghét đối với chúng tôi.

Về phương diện ấy chúng tôi đã đạt

tới lý tưởng; ngay cả đến các trại viên mới cũng thấy ngượng ngùng khi kể lại những chuyện anh hùng của chúng.

Thế mà đột nhiên, nhân dịp một sự tốt đẹp đến như việc tổ chức Đoàn Kômxômôn ở trại, chúng tôi lại phải nhớ tới quá khứ của chúng tôi và lại phải đem ra dùng những danh từ hết sức khả ố đối với chúng tôi như: "cải tạo", "phạm pháp", "hồ sơ".

Gặp phải sức chống đối, khát vọng của bọn trẻ hướng về Đoàn Kômxômôn trở thành có tính chất kiên trì chiến đấu: chúng chuẩn bị một cuộc giao tranh thật sự. Những chú có khuynh hướng thoả hiệp, như Taranet, đề nghị đi một con đường vòng: bằng cách cấp cho những ai

muốn vào Đoàn Kômxômôn một giấy chứng nhận là họ đã được "cải tạo" và dĩ nhiên phải giữ họ ở lại trại. Số đông phản đối cái lối giả tạo ấy. Zađôrôp tức giận đỏ mặt lên, nói:

- Không làm thế! Đây không phải là chuyện mặc cả với bọn dân quê, chẳng có ai để mà lừa gạt ở đây hết cả. Chúng ta phải đòi cho kỳ được có những thanh niên Kômxômôn ở trại, và chính họ sẽ quyết định ai xứng đáng ai không xứng đáng là thanh niên Kômxômôn.

Bọn trẻ rất năng đến các tổ chức Kômxômôn ở ngoài tỉnh, cố gắng đạt tới mục đích, nhưng nói chung là không thành công.

Trong mùa đông năm 1923, sự tình cờ khiến chúng tôi có những quan hệ thân thiện với một tổ chức Kômxômôn khác.

Trời nhá nhem tối, Antôn và tôi trở về trại. Con Mary lông bóng nhẫy vì được nuôi béo, kéo một cái xe trượt tuyết nhẹ. Vừa đến chỗ bắt đầu xuống dốc chúng tôi chợt thấy một hiện tượng bất ngờ đối với vĩ độ của chúng tôi: một con lạc đà. Không thể nào kìm giữ nổi một ác cảm rất tự nhiên, con Mary run lên, cất vó đằng trước nhảy tung giữa hai càng xe và nổi xung lồng lộn. Antôn đạp chân vào thành trước của xe, cong người gò cương mà không sao giữ nổi con ngựa. Một khuyết điểm nặng của xe trượt tuyết chúng tôi, mà thực ra Antôn đã nêu

lên từ lâu, là hai càng xe ngắn quá, và cái đó đã quyết định những sự việc tiếp theo sau, khiến chúng tôi được gần gũi với cái tổ chức thanh niên Kômxômôn mới. Con Mary chạy hoảng loạn, những móng chân sau của nó đập vào thành sắt của bệ trước xe càng làm cho nó hoảng thêm, về nó kéo chúng tôi đi với một tốc độ kinh hồn tới cái tai họa không thể nào tránh khỏi. Antôn và tôi, hai người hợp sức ghì dây cương, chỉ tổ làm cho tình trạng thêm nguy kịch: con Mary, cứ gục đầu xuống ức, càng ngày càng hung hãn phi nhanh hơn. Tôi đã trông thấy rõ nơi mà mọi sự phải kết thúc một cách thê thảm nhiều hay ít: ở chỗ đường rẽ, có những xe trượt tuyết của nông dân đến

đấy cho ngựa uống nước, đỗ xúm xít chung quanh cái chòi canh của thủy điểm. Hình như chả còn hy vọng gì thoát nạn, đường cái bị nghẽn. Hầu như nhờ một phép lạ, con Mary chạy lên qua giữa chỗ uống nước và một đám xe trượt tuyết của những người ở thành thị. Một tiếng gỗ gẫy đánh rắc một cái, có những tiếng kêu vang lên, nhưng chúng tôi đã chạy xa rồi. Xuống hết đoạn đường dốc, bây giờ chúng tôi bay theo một đà bình ổn hơn trên đường cái phẳng phiu thẳng tắp. Antôn còn có thì giờ nhìn chung quanh và quay đầu lại là khác nữa:

- Chúng ta đã làm vỡ một xe trượt tuyết của họ. Phải tẩu mau thôi.

Nó sắp giơ roi lên vụt Mary, hiện

đang phi nước đại rồi. Nhưng tôi giữ cánh tay cương quyết của nó lại:

- Chú không bứt được họ đâu! Chú nhìn xem con ngựa quỷ của họ kia kìa.

Quả thật, ở sau lưng chúng tôi, một con ngựa rất đẹp, móng sắt khỏe mạnh giậm những bước dài và bình tĩnh, đang phi nước đại như nuốt chửng đường cái. Ở sau mông nó, một người có những nẹp đỏ đính vào cổ áo, đang chằm chằm nhìn chúng tôi, những kẻ chạy trốn không may. Chúng tôi dừng lại. Người có những nẹp đỏ đứng trên xe trượt tuyết, hai tay tì vào vai người đánh xe, vì anh ta không có chỗ nào ngồi nữa: ghế ngồi đằng sau và thành tựa lưng của xe chỉ còn là một thứ

hàng rào lung lay, kéo lê trên đường không biết những bộ phận gì gẫy nát và sứt mẻ.

- Đi theo chúng tôi, người quân nhân nói giọng giận dữ.

Chúng tôi đi. Antôn mỉm cười, hớn hở: nó khoái chí vì những sự tu bổ do cuộc chạy hỗn loạn của chúng tôi gây ra cho chiếc xe kia. Mười phút sau chúng tôi đến các phòng giấy của cục Gêpêu[85], và mãi đến lúc bấy giờ trên nét mặt Antôn mới vẽ ra một vẻ ngạc nhiên khó chịu:

- Ồ, chết rồi! Lại đi vớ phải cục Gêpêu...

Những người cổ áo nẹp đỏ vây lấy

chúng tôi và một người trong bọn kêu lên bảo tôi:

- Tất nhiên là việc phải xảy ra như thế, vì bác đã để cho một thằng nhãi con cầm cương... nó làm thế nào mà giữ nổi ngựa chứ? Bác sẽ phải chịu trách nhiệm.

Bị làm nhục, Antôn nhăn mặt lại, và gần như mếu, nó vừa lắc đầu vừa bảo người xỉ vả nó:

- Thằng nhãi con, sao bác lại nói thế! Các bác chỉ có việc đừng để cho lạc đà lang thang ở ngoài đường, thế mà trái lại các bác cứ mặc cho cái giống mạt hạng ấy đâm sầm vào cẳng người ta... Làm như con ngựa cái có thể nhìn cái

của ấy được vậy! Có phải thế không nào?

- Giống mạt hạng nào?

- Thì những con lạc đà chứ còn gì nữa!

Những người cổ áo nẹp đỏ phá lên cười:

- Các người ở đâu ra thể?

- Ở trại Gorki, tôi nói.

- À, ra các người ở đấy! Thế bác là ai, là giám đốc trại à? Thật là hôm nay chúng tôi bắt được hai món tốt quá! một anh thanh niên vừa nói vừa gọi những anh khác đến, mà chỉ vào chúng tôi như những vị khách "quý".

Một đám đông vây tròn lấy chúng tôi.

Họ đùa giễu chính anh đánh xe của họ và vừa trêu ghẹo Antôn vừa hỏi thăm về trại.

Đã từ lâu chúng tôi định đến thăm trại đấy. Cứ nghe lời đồn, thì các anh là những chàng trai dũng cảm lắm. Đã vậy thì chủ nhật này chứng tôi sẽ đến thăm các anh nhé.

Nhưng có viên chủ nhiệm vừa đến, cáu kỉnh bắt đầu làm một tờ biên bản. Mọi người kêu lên bảo anh ta:

- Này, cậu có bỏ những cái thói quen bàn giấy ấy đi không? Giấy tờ của cậu dùng được việc gì chứ?

- Sao lại "dùng được việc gì"? Các anh đã trông thấy họ làm hỏng chiếc

xe trượt tuyết như thế nào chưa? Bây giờ họ phải chữa đền đi.

- Rồi họ sẽ chữa, chẳng cần đến biên bản của cậu đâu. Các anh sẽ chữa đền, có phải không? Nào thôi, hãy kể chuyện ở trại các anh như thế nào đi. Hình như ngay đến buồng giam các anh cũng không có nữa thì phải?

- Một buồng giam, chỉ còn thiếu có nước ấy! Dễ thường ở đây các bác có một buồng giam à? Antôn hỏi lại.

Lại một lần nữa cử tọa phá lên cười.

- Chủ nhật này thế nào chúng tôi cũng đến thăm trại, đem cái xe trượt tuyết lại cho các anh chữa.

- Thế từ nay đến hôm ấy tôi đi

bằng cái gì chứ? viên chủ nhiệm rít lên.

Tôi nói cho anh ta yên lòng:

- Chúng tôi có một cái khác. Chỉ cần một bác nào đi luôn với chúng tôi bây giờ đề lấy về thôi.

Như vậy là trại có được những người bạn tốt. Đến chủ nhật, anh em thanh niên Kômxômôn Tsêka[86] đến trại. Và lại một lần nữa, cái vấn đề đáng nguyền rủa nọ được đem ra thảo luận: tại sao các trại viên lại không thể trở thành những thanh niên Kômxômôn? Các anh em Tsêka nhất trí đứng về phía chúng tôi.

- Họ kiếm chuyện gì thế chứ? anh em bảo tôi. Đâu là những kẻ bất lương? Thật là những chuyện ngu xuẩn, đáng lấy

làm xấu hổ ở những người đứng đắn. Chúng tôi sẽ đem nêu vấn đề này lên, nếu ở đây không xong thì sẽ đưa lên Khackôp.

Hồi đó trại chúng tôi được đặt dưới sự bảo trợ trực tiếp của Ủy ban nhân dân Giáo dục Ukren với danh nghĩa là "trung tâm cải tạo gương mẫu cho các thanh niên phạm pháp ". Các vị thanh tra của Ủy ban bắt đầu đến thăm chúng tôi. Các ông đó không phải là những người ở tỉnh nhỏ nhẹ dạ, đầu óc như hơi gió, mà lòng tin tưởng vào khoa " giáo dục xã hội " chỉ có như một thoáng cảm xúc đầu xuân nữa. Trong lĩnh vực này, họ ít chú ý đến những " mầm non đầy nhựa sống ", đến những linh hồn, những quyền lợi cá nhân,

và các chuyện trữ tình hão huyền khác. Họ tìm tòi những hình thức khác tổ chức mới và một phong cách mới. Nét đáng yêu nhất của họ là họ không kỳ khu cố gắng đóng vai trò một bác sĩ Faoxtơ [87], người chỉ thiếu độc có một khoảnh khắc hạnh phúc, nhưng họ đối xử với chúng tôi như những đồng chí, sẵn sàng cùng chúng tôi đi tìm cái mới và chia sẻ niềm vui với chúng tôi mỗi khi phát hiện được một hạt, một tí gì mới mẻ.

Những người ở Khackôp rất lấy làm lạ vì những thất vọng của chúng tôi về vấn đề Kômxômôn:

- Thế ra các anh làm việc không có Kômxômôn à?... Sao lại có thể thế

được?... Ai đặt ra cái chuyện như vậy?

Buổi tối, họ cùng với các trại viên cũ của chúng tôi thì thầm trò chuyện, đôi bên thỉnh thoảng lại điểm vào câu chuyện những cái gật đầu đồng tình.

Ở Ban chấp hành trung ương Đoàn Kômxômôn Ukren, nhờ sự can thiệp của Ủy ban Giáo dục và những bạn thân của chúng tôi trên tỉnh, vấn đề đã được giải quyết nhanh như chớp, và đến mùa xuân năm 1923, Tikhôn Nextêrôvich Kôvan được bổ nhiệm làm người chỉ đạo chính trị của trại.

Tikhôn Nextêrôvich là một người xuất thân nông dân. Mới có hai mươi bốn tuổi mà cuộc đời của anh đã rất phong

phú với bao nhiêu giai đoạn lý thú, nhất là về mặt kinh nghiệm vững chắc về hoạt động chính trị; ngoài ra anh ta còn là một người thông minh và có một vẻ điềm tĩnh đượm màu chất phác. Ngay buổi đầu tiên anh ta đã lấy tình đồng chí bình đẳng mà nói chuyện với các trại viên, và tỏ ra là một người chủ trại lịch duyệt, ở ngoài cánh đồng cũng như ở sân đập lúa.

Một chi bộ thanh niên Kômxômôn, có chín đoàn viên, được thành lập ở trại

28. MỞ ĐẦU TIẾN HÀNH KHÚC THẮNG LỢI

Đêriutsenkô bỗng bắt đầu nói tiếng

Nga. Cái việc bất bình thường ấy có liên quan đến cả một chuỗi gia biến không vui xảy ra cho anh ta. Bắt đầu là việc vợ anh sắp ở cữ đến nơi, nhân tiện cũng nói qua rằng chị vợ là một nhân vật hoàn toàn thờ ơ với tư tưởng quốc gia Ukren. Mặc dầu Đêriutsenkô hết sức sôi nổi kích động vì cái viễn cảnh tăng thêm nhân số của nòi giống côdắc quang vinh, sự việc đó cũng chưa đủ làm cho anh bối rối. Dùng tiếng nói Ukren thuần túy nhất, anh ta đòi Bratsenkô cho ngựa để đi tìm một bà đỡ. Bratsenkô không bỏ lỡ dịp khoái chí nói một vài câu kênh kiệu đường hoàng, bao trùm vào chung một sự hắt hủi cả sự ra đời sắp tới của thằng bé Đêriutsenkô, không có dự trù trong kế

hoạch vận chuyển của trại, lẫn ý nghĩ đi gọi một mụ đỡ, vì theo ý kiến của hắn thì "có hay không có bà đỡ, cũng mắm sốt mà thôi".

Tuy nhiên hắn cũng cấp ngựa cho Đêriutsenkô. Nhưng ngay hôm sau bỗng lại thấy là cần phải đưa người mẹ tương lai ra ngoài tỉnh. Antôn bực tức quá, đến nỗi mất cả ý thức thực tế mà nói rằng:

- Tôi không cho ngựa!

Song Sêrê và tôi, cũng như tất cả trại, phê bình thái độ của hắn gay gắt và cương quyết đến nỗi hắn phải nhượng bộ. Đêriutsenkô nhẫn nại nghe Antôn nói léo xéo dông dài, diễn thuyết với hắn như sau, mà không quên đem những lời hoa

mỹ khoa trương ra tô điểm để thuyết phục hắn:

- Vì lý do việc này đòi hỏi một sự giải quyết khẩn cấp cho nên không thể nào lần lừa được, đồng chí Bratsenko quý mến ạ.

Antôn đối đáp bằng những số liệu toán pháp, mà hắn cho là có sức mạnh áp đảo chắc chắn:

- Người ta đã cho anh hai con ngựa để đi tìm bà đỡ phải không? Đó là một việc. Và hai con ngựa nữa để đưa bà ta trở về tỉnh phải không? Theo ý anh thì những con ngựa quan tâm tới ai đẻ hay không đẻ đến thế kia à?

- Nhưng dù sao, đồng chí...

- Chẳng " nhưng dù sao " gì cả! Anh thử nghĩ xem nếu tất cả mọi người đều làm những vố như thế cả, thì cơ sự sẽ ra thế nào!...

Để tỏ ý phản kháng, Antôn thắng vào xe cho người đi đẻ những con ngựa hắn ít ưa nhất và là những con chạy tồi nhất; hắn tuyên bố rằng chiếc xe phaêtông bị hỏng và thay vào bằng cái xe ghế ngang, hắn cho Xôrôka lên ngồi trên ghế xà-ích, để biểu thị rõ rệt rằng đây không phải là một chuyến xe đi trưng diện.

Nhưng cái lúc mà hắn thật sự nổi xung lên ghê gớm là khi Đêriutsenkô lại đòi ngựa một lần nữa để đưa sản phụ về. Vả chăng anh ta cũng chẳng phải là một người cha sung sướng gì: đứa con đầu

lòng của anh ta, mà chưa chi anh đã vội đặt cho cái tên huyền diệu là Taratxơ, chẳng sống được quá một tuần lễ ở nhà hộ sinh, và chết đi, chẳng đem thêm được cái gì bổ ích cho lịch sử của dân tộc côdắc hết. Đêriutsenkô mang trên nét mặt vẻ đau thương hoàn toàn phù hợp với tình thế, nói năng với một giọng có phần nào chán nản, song dù sao cũng không để cho người ta cảm thấy có cái gì đặc biệt bi thảm trong nỗi đau đớn của anh ta, và anh ta vẫn một mực nói tiếng Ukren. Ngược lại, Bratsenkô thì, vì tức giận và cáu kỉnh mà không làm sao được, không còn có thể nói ra đầu ra đũa gì nữa[88], và miệng hắn chỉ để thoát ra những mẩu câu không thể nào hiểu nổi:

- Đã bắt chúng nó đi chẳng được việc gì! Có xe ngựa thuê... chả có chi mà vội. Cái đó có thể hẵng chờ đấy một lát. Các mụ ấy cứ là sắp đẻ tuốt... và cứ là vô tích sự hết cho mà xem...

Đêriutsenkô đem về tổ ấm người sản phụ bất hạnh, và những nỗi bực tức của Bratsenkô được chấm dứt lâu dài. Hắn không còn phải dự phần vào cái chuyện đáng thương hại ấy nữa, song câu chuyện không phải là đến đấy mà đã xong. Còn có một đề mục ngẫu nhiên dính líu vào đó ngay từ khi Taratxơ Đêriutsenkô chưa ra đời, song về sau cái đề mục ấy không phải là không liên quan đến chuyện. Nó cũng lại là một đề mục đau đớn cho Đêriutsenkô nữa. Ta xem dưới đây sẽ rõ.

Các giáo viên và tất cả nhân viên của trại đều lấy các thức ăn nấu sẵn ở nồi công cộng. Nhưng sau một thời gian, để thoả mãn những ý thích riêng trong đời sống của mỗi gia đình và cũng muốn làm giảm nhẹ công việc của nhà bếp đi một chút, tôi đồng ý đề Kalina Ivanôvich cấp cho một số người những thực phẩm sống để tuỳ ý nấu nướng. Đêriutsenkô ở trong số người đó. Tôi có dịp kiếm được ở ngoài tỉnh một số lượng bơ rất ít, chỉ vừa vặn đủ cho bàn ăn chung trong vài ngày. Tất nhiên, chẳng ai có ý nghĩ số bơ đó lại có thể đem chia cho các khẩu phần lấy riêng. Song Đêriutsenkô thắc mắc dữ lắm khi nghe nói rằng món ăn quý hóa ấy bơi trong liễn của các trại viên đã ba

hôm nay rồi. Anh ta bèn vội xoay chiến lược[89] làm đơn xin trở về với nồi công cộng và không muốn được cấp khẩu phần riêng nữa. Chẳng may khi anh ta vừa thích ứng trở lại, thì số bơ dự trữ của Kalina Ivanôvich cũng vừa cạn hết, làm cho Đêriutsenkô vin lấy chuyện đó chạy đến tìm tôi phản kháng kịch liệt:

- Người ta không có quyền giễu cợt mọi người như thế! Bơ đâu?

- Bơ không còn nữa, ăn hết rồi.

Anh ta viết một lá đơn khác nói rằng anh ta cùng gia đình từ nay lại lĩnh khẩu phần như cũ. Xin cứ tự nhiên! tôi đáp. Nhưng hai hôm sau, Kalina Ivanôvich lại một lần nữa đem được bơ về, khối lượng

cũng chỉ ít thế thôi. Đêriutsenkô cắn răng chịu đựng sợ thử thách mới này, cũng chẳng buồn trở về nồi công cộng nữa. Nhưng có một cái gì biến chuyển trong khu vực chúng tôi, khơi nguồn cho bơ bắt đầu chảy lùa chầm chậm vào các cơ quan nhân viên của sở Giáo dục và các trẻ nuôi của nó. Thường đã thấy Kalina Ivanôvich mỗi lần ở tỉnh trở về, lôi ở dưới gầm ghế ngồi ra một lọ sành nho nhỏ, bọc một lượt vải thưa rất sạch sẽ. Lâu dần quen thành lệ, bác ta không lần nào ra tỉnh mà không đem theo cái bình ấy. Tất nhiên nhiều khi cái bình trở về trại không được che bọc gì hết, và Kalina Ivanôvich chẳng nề nang gì, quẳng ngay nó lên mặt rơm lát đáy chiếc

xe ngựa ghế ngang mà nói:

- Thật là những quân vô lương lâm! Ít ra thì chúng cũng cho người ta tí chút để gọi là nhìn thấy chứ. Thế mà những đứa ăn hại ấy cho mình cái gì: chả được một quệt lưỡi, đến hít lấy hơi cũng không!

Tuy nhiên Đêriutsenkô cũng không chịu được nữa: anh ta lại quay ngay về nồi công cộng. Song cái con người ấy không biết nhìn cuộc sống trong sự năng động của nó; anh ta không để ý thấy rằng trên biểu đồ, đường vẽ các số lượng thực phẩm mỡ được cung cấp ở trại không ngừng lên cao, và trình độ chính trị vốn thấp kém, anh ta không biết rằng đến một mức nào đó, thì lượng phải biến thành

chất. Hiện tượng chuyển biến rơi trên đầu gia đình anh một cách bất ngờ, chúng tôi bỗng nhiên được lĩnh bơ nhiều quá sức, thậm chí một nửa tháng sau tôi thấy có khả năng cấp phát được cho những khẩu phần riêng. Các bà vợ, các bà cụ, các cô con gái lớn, các bà nhạc mẫu và các nhân vật phụ thuộc khác đều được lĩnh ở kho dự trữ của Kalina Ivanôvich đem về nhà họ những khối hình hộp nho nhỏ vàng óng, phần thưởng của một sự chờ đợi kiên trì, nhưng Deriutsenko thì không được: anh ta đã dại dột ăn hết phần mỡ của mình dưới hình thức không sờ nắm được và ít thích thú trong món ăn của các trại viên. Nỗi buồn và vận rủi cố tình dai dẳng làm cho anh xanh tái mặt

mày. Hoàn toàn mất tinh thần, anh lại làm một cái đơn để lại xin lĩnh khẩu phần. Nỗi đau khổ của anh thực sâu sắc và gợi lòng thương hại của tất cả mọi người, nhưng trong cảnh phiền muộn anh biết tỏ ra là một người côdắc và một người đàn ông, và không bao giờ chịu bỏ cái tiếng Ukren yêu dấu của anh.

Theo thứ tự các sự việc xảy ra, thì chuyện thực phẩm mỡ hồi đó vừa đúng khớp vào dịp vợ chồng Deriutsenko thất bại trong mưu toan làm cho dòng giống có người đời đời nối dõi.

Anh ta và vợ đang nhẫn nại nghiền ngẫm những kỷ niệm đau thương về thằng bé Taratxơ, thì bỗng số phận quyết định đền bù, đem lại cho anh một niềm vui

đáng được hưởng từ lâu: ở trại có tin thông báo sẽ cấp phát các khẩu phần "cho nửa tháng vừa qua", trong các khẩu phần lại được có bơ nguyên chất. Anh chàng Đêriutsenkô sung sướng vác túi dết đi đến phòng Kaliana Ivanôvich. Mặt trời thực là rạng rỡ và hết thảy mọi sinh vật đều hớn hở vui mừng. Nhưng sự hân hoan ấy ngắn ngủi quá. Chưa được nửa giờ, Đêriutsenkô đã chạy té lên phòng tôi, bàng hoàng và uất ức đến tận đáy lòng. Cái đầu to khỏe của anh ta từ nay không còn đủ sức chịu đựng những đòn của số phận nữa; giống chiếc xe lửa đã dời bỏ đường ray và bánh xe cứa vào các thanh tà-vẹt, anh ta nói bằng thứ tiếng Nga thuần túy:

- Tại sao người ta không cấp mỡ cho con trai tôi?

- Con nào? Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Taratxơ. Sao lại "con nào"? Thế này là độc tài chuyên chế đấy, đồng chí giám đốc ạ! Mỗi người trong gia đình đều phải được lĩnh khẩu phần của mình; xin đồng chí làm ơn bảo cấp cho.

- Nhưng cháu Taratxơ của anh có còn đâu.

- Nó không còn thì cũng không việc gì đến bác. Tôi đã xuất trình với bác một giấy chứng nhận rằng thằng Taratxơ con tôi sinh ngày mồng hai tháng sáu và đã mất ngày mồng mười tháng sáu. Vậy bác phải cấp cho nó phần mỡ

tám ngày…

Kalina Ivanôvich chủ định đến để xem việc tranh chấp ra sao, khẽ nắm lấy khuỷu tay Đêriutsenkô:

- Đồng chí Đêriutsenkô này, có người ngu xuẩn nào lại đi cho một đứa nhỏ như thế ăn bơ không chứ? Anh thử nghĩ mà xem, một cháu mới đẻ có thể chịu đựng được món ăn đó không?

Tôi nhìn cả hai người bằng con mắt kinh ngạc.

- Này bác Kalina Ivanôvich, hôm nay các người ra làm sao cả vậy? Đây là một đứa bé chết đã ba tuần lễ nay…

- À! Phải, nó chết rồi à? Nếu thế thì anh còn muốn gì nữa? Bây giờ thì bơ

có ích cho nó chẳng khác gì chiếc lẵng xông hương có ích cho một người chết. Vả chăng, nói vô phép chứ, chính nó cũng là một người chết thực.

Đêriutsenkô cáu tiết đi ngang dọc khắp phòng, và giơ bàn tay chặt vào không khí:

- Trong tám ngày nó đã là một người có đầy đủ quyền lợi trong gia đình tôi, vậy bác phải cấp khẩu phần cho nó.

Khó khăn lắm mới nén được một nụ cười, Kalina Ivanôvich chứng minh cho anh ta nghe:

- Đầy đủ quyền lợi à? Chỉ có về mặt lý thuyết thôi, còn trong thực tế thì chẳng có gì hết: dù nó đã có hay không

có mặt ở trên đời này, bây giờ cũng thế mà thôi.

Nhưng Đêriutsenkô đã hóa rồ hóa dại thật sự, cho nên dáng bộ của anh ta sau đó trở nên lôi thôi lốc thốc và kỳ quái, chẳng còn ra thể thống gì nữa. Tất cả những hình trôn ốc là những dấu hiệu đặc thù của con người anh ta đều tung tuột cả ra và buông thõng xuống: ria mép, đầu tóc, cà-vạt. Cứ y nguyên như thế, anh ta đâm bổ xuống đến tận ông giám đốc sở Giáo dục và gây cho ông một ấn tượng rất là khó chịu. Ông cho gọi tôi và bảo:

- Một người trong số các giáo viên của anh đã đến khiếu nại với tôi. Anh có biết anh nên làm gì không? Tống khứ những của ấy đi. Làm sao anh lại có

thể giữ được ở trại một tên con buôn vào loại ấy nhỉ? Hắn phun ra cho tôi nghe bao nhiêu chuyện nhảm nhí không thể nào ngờ được: về một tên Taratxơ nào đó, rồi bơ, rồi những quái quỷ gì nữa ấy!

- Ấy thế mà lại chính là ông đã bổ nhiệm hắn ta đấy.

- Có lẽ nào!...Tống ngay ra khỏi cửa đi.

Đó là cái kết quả thú vị đưa tới do sự phản ứng dây chuyền của hai đề mục này: Taraxtơ và bơ. Đêriutsenkô và vợ anh ta cũng đi cùng một con đường với Rôđimtsik. Tôi lấy thế làm mừng, các trại viên lấy thế làm mừng, và cũng lấy làm mừng cả cái mảnh đất nhỏ Ukren ở

ngay trong phạm vi xảy ra những sự việc mà chúng tôi đang kể lại đây. Tuy nhiên cái mừng của tôi lại có pha niềm băn khoăn lo lắng. Tìm đâu cho ra con người chân chính?

Vấn đề ấy, vẫn chỉ là vấn đề ấy, bây giờ đặt lưỡi dao lên cổ họng tôi, vì ở trại thứ hai chẳng còn lấy một người giáo viên nào nữa, song sự tình là như thế này: trại Gorki nhất định là gặp may, tình cờ tôi nắm đúng ngay được con người mà chúng tôi đang cần tới. Tôi bắt gặp anh ta ở ngoài phố, chỉ có thế thôi. Anh ta đứng trên hè đường, trước tủ kính các nhà kho của sở Giáo dục, quay lưng lại phía tủ mà ngắm nhìn những cảnh tượng nho nhỏ trên đường phố bụi bặm, bẩn

thỉu vì phân súc vật và rơm rạ vương vãi. Antôn với tôi đang khuân ở nhà kho ra những bao bột trứng sam. Antôn đi giật lùi, bước phải một chỗ trũng và ngã xuống, lập tức con người chân chính đó chạy mau lại chỗ xảy ra tai nạn và giúp sức tôi cùng chuyển nốt bao bột lên xe tải. Tôi cảm ơn người lạ mặt và để ý tới dáng điệu nhanh nhẹn, bộ mặt thông minh và trẻ trung của anh ta, cũng như vẻ đường hoàng chỉnh chện khi anh mỉm cười đáp lại lời tôi cảm ơn. Anh ta đội một cái mũ da cừu non trắng, đặt trên đầu với một vẻ ngang nhiên hùng dũng.

- Chắc anh là một quân nhân? Tôi hỏi anh ta.

- Bác đã đoán đúng, người lạ mặt

mỉm cười.

- Một kỵ binh ư?
- Vâng.
- Nếu vậy thì anh có việc gì mà đến sở Giáo dục?
- Tôi muốn gặp ông giám đốc. Người ta bảo tôi rằng ông ta sắp đến. Tôi đợi ông ta.
- Anh tìm việc làm à?
- Vâng, người ta đã hứa cho tôi một việc gì đại loại như huấn luyện viên thể dục.
- Anh hãy nên nói chuyện ấy với tôi trước đã.
- Được lắm.

Chúng tôi nói chuyện. Anh ta leo lên xe tải của chúng tôi, và chúng tôi đi về trại. Tôi đưa Piôtr Ivanôvich đi thăm trại, và việc bổ nhiệm anh ta được giải quyết ngay buổi chiều hôm đó.

Piôtr Ivanôvich đem tới trại cả một loạt những đức tính tốt. Anh ta vừa khéo có đủ những điều mà chúng tôi cần đến: sự trẻ trung, một bộ dáng đường hoàng, một sức bền bỉ phi thường, vẻ nghiêm túc, tính hăng hái, và tịnh không có cái gì mà chúng tôi không cần tới: không có lấy một mảy may những thành kiến sư phạm, chẳng có tí gì là màu mè điệu bộ đối với các trẻ nuôi, không một chút tự tư tự lợi gì cho gia đình riêng. Ngoài tất cả những ưu điểm ấy, Piôtr Ivanôvich còn có

những ưu điểm khác bổ sung thêm: anh ta ưa những chuyện quân sự, biết chơi dương cầm, có một chút tài làm thơ, và có một thế lực rất là dồi dào. Ngay sau hôm trại thứ hai được đặt dưới quyền của anh ta, nó đã có một phong cách mới, Piôtr Ivanôvich bắt đầu tụ tập bọn trẻ lại thành một tập thể. Anh ta tin tưởng hết thảy mọi phương châm giáo dục của tôi, mà không bao giờ hoài nghi gì cả, thành thử anh miễn cho tôi khỏi phải có những cuộc tranh luận và chuyện trò vô ích về mặt sư phạm.

Cuộc sống của hai trại chúng tôi giống như một đoàn tàu hoả đúng mực cứ việc thẳng tiến. Tôi cảm thấy trong khối giáo viên một tinh thần nghiêm túc và

một sự nhất trí rất mới mẻ đối với tôi: Tikhôn Nexitêrôvich, Sêrê và Piôtr Ivanôvich, và cả những trại viên kỳ cựu từ những ngày đầu, thực sự phục vụ cho những lý tưởng của trại.

Bấy giờ số trại viên đã lên tới tám mươi người. Những trại viên nòng cốt của những năm 1920 và 1921 bấy giờ đã kết thành một khối đoàn kết vô cùng chặt chẽ, trực tiếp nắm quyền hành, mà ý chí cương quyết lãnh đạo một cách cứng rắn và từng bước mỗi trại viên mới khiến nó hầu như không thể nào không phục tùng cho được. Vả chăng tôi cũng hầu như không nhận thấy có một ý định phản kháng nào. Trại ảnh hưởng mạnh mẽ tới các trại viên mới và cổ vũ khuyến khích

chúng rất nhiều vì những hình thức bề ngoài, vì sự chính xác và đơn giản của các quy tắc sinh hoạt, vì hết thảy những truyền thống và tập quán khá hấp dẫn thú vị, mà ngay đến chính các trại viên kỳ cựu cũng không mấy khi nhớ rõ được nguồn gốc từ đâu. Những bổn phận của mỗi trại viên được quy định bằng những lời lẽ ráo riết và nghiêm khắc, nhưng đều có nói rất rõ trong nội quy của chúng tôi, và ở trại hầu như không còn lọt một chỗ nào cho những biểu hiện gì là cô kỷ luật hết thảy, mà cũng không còn có chỗ cho những cơn độc hành độc đoán nữa. Đồng thời một công cuộc, mà không ai có thể hoài nghi được giá trị ý nghĩa, đặt ra cho toàn trại cái nhiệm vụ: hoàn thành việc tu

sửa trại thứ hai, để cho chúng tôi mau được quy cả về một chỗ và chấn hưng sự nghiệp của trại. Công việc ấy là bổn phận của chúng tôi, và thể nào chúng tôi cũng làm xong được, không có một ai nghi ngờ gì điều đó. Vì thế cho nên hết thảy chúng tôi rất dễ dàng chịu đựng mọi khó khăn trở ngại, và chúng tôi nhịn thêm một ít trò vui chơi, với những quần áo tốt hơn, món ăn đầy đủ hơn, để dành ra từng đồng cô-péc cho chuồng lợn, cho hạt giống, cho một cái máy gặt mới. Vì cái lý tưởng xây dựng trại mà chúng tôi chịu mọi sự hy sinh nhỏ đó với một tinh thần hết sức vui vẻ, yên tâm và vững lòng tin tưởng, thậm chí tôi có thể tự cho phép trả lời bằng một câu đùa thật tếu, trong buổi

họp toàn trại, khi một trại viên nhỏ tuổi đặt câu hỏi này: bây giờ đã đến lúc may quần mới chưa? Tôi nói:

Khi nào chúng ta làm xong trại thứ hai và trở nên giàu có rồi, thì bấy giờ chúng ta sẽ diện bảnh từ đầu đến chân: các trại viên sẽ có áo chẽn ngắn bằng nhung và thắt lưng bạc, con gái thì áo lụa dài và giày da láng, đội nào cũng có ô-tô, và ngoài ra ai cũng có xe đạp riêng tuốt tuột. Và khắp cả trại sẽ trồng một nghìn khóm hoa hồng. Các chú có thấy không? Nhưng trong khi chờ đợi, thì chúng ta hãy đem ba trăm rúp đó ra mà mua một con bò cái tốt giống Ximmentan [90] đã.

Các trại viên đều cười vui vẻ, và những mảnh vải hoa vá víu trên quần và trên mũ cát-két xám, nhờn những mỡ của chúng, đối với chúng không còn có vẻ bệ rạc thảm hại lắm nữa.

Vào hồi đó cũng còn có thể trách ở những trại viên ưu tú của trại nhiều hành động đi trệch ra ngoài con đường lý tưởng và đạo đức, nhưng thử hỏi ở trên đời này có ai là tránh khỏi được những lời chê trách như thế chăng? Trong sự nghiệp khó khăn mà chúng tôi theo đuổi thực hiện, nhóm lãnh đạo của trại tỏ ra có những đức tính của một bộ máy hoàn hảo chạy rất chính xác. Ưu điểm chủ yếu của nó, theo ý kiến tôi, là có cái khuynh hướng dần dần đi tới chỗ không còn là

một nhóm ưu tú nữa để thu hút vào nó tất cả khối quần chúng trẻ nuôi của trại.

Hầu hết các người quen cũ của chúng ta đều ở trong nhóm đó, Karabanôp, Zađôrôp, Vecsơnep, Bartsenkô, Vôlôkhôp, Vetkôpxki, Taranet, Burun, Gut, Ôtxasti, Naxchia Nôtsêvnaia, về sau này còn có thêm vào đó những tên mới: Ôpriskô, Gêorghiepxki, Vônkôp Jôra và Vônkôp Aliôsa, Xtupitxyn và Kutlaty.

Ôpriskô đã học được ở Antôn Bratsenkô rất nhiều cái tốt: nhiệt tình say mê, lòng yêu quý ngựa và một khả năng làm việc phi thường. Nó không có tài sáng tạo bằng Antôn, cũng không được xuất sắc bằng, nhưng ngược lại, nó có những đức tính chỉ riêng nó có: một sức

mạnh dồi dào thừa thãi, những động tác khéo léo và chắc chắn.

Gêorghiepxki là một nhân vật bí hiểm đối với các trại viên. Một mặt, tất cả vẻ ngoài của nó khiến chúng tôi thấy nó giống gã di-gan. Bộ mặt rám nắng, đôi mắt đen lồi, tính hài hước trầm trầm và dè dặt, sự khinh bỉ của tên kẻ cắp đối với quyền tư hữu, tất cả những cái đó nhất định có một cái gì của gã di-gan. Nhưng một mặt khác, Gêorghiepxki chắc chắn là dòng dõi của một gia đình trí thức. Nó đã đọc nhiều sách, ăn mặc rất chỉnh tề, dáng người thị thành đẹp đẽ, nói năng hơi có vẻ đài các, đợt giọng ra một chút. Các trại viên nói chắc rằng nó là con một viên tổng trấn cũ ở tỉnh Iêckutxk.

Nó một mực cãi là không làm gì có cái chuyện xuất thân nhục nhã như thế, và các giấy tờ của nó cũng không có một dấu tích gì chứng minh cái nguồn gốc đáng nguyền rủa ấy, nhưng trong những trường hợp như thế thì thường thường tôi ngả tin theo lời của các trại viên hơn. Nó là đội trưởng ở trại thứ hai và nó tỏ ra xuất sắc do một đặc tính rất đáng khen: không có ai săn sóc đến đội viên của mình hơn đội trưởng đội sáu. Nó bắt chúng đọc sách, giúp đỡ chúng ăn mặc cho tề chỉnh, đích thân bắt buộc chúng tắm rửa, và luôn luôn thúc đẩy chúng bằng sự vững lòng tin tưởng, bằng lý luận thuyết phục, và sự khẩn khoản kiên trì. Ở hội đồng đội trưởng nó thường

xuyên tượng trưng cho tình yêu mến và ân cần săn sóc đối với bọn trẻ nhỏ. Và nó có thể tự hào vì nhiều thành công. Người ta giao cho nó những đứa bé bẩn thỉu nhất và thò lò mũi nhất, thế mà chỉ trong một tuần lễ nó biến đổi chúng thành những cậu công tử nhỏ đội mũ có nghệ thuật và bước chững chạc trên con đường đi công tác.

Ở trại có hai trại viên tên là Vônkôp: Jôra và Aliôsa. Tuy là anh em ruột nhưng chúng không có một nét nào giống nhau. Bắt đầu vào trại, Jôra rất tệ: nó tỏ ra lười biếng bất trị, tính khí ốm yếu và ác cảm, tính nết như con chó, ganh ghét đố kị một cách thâm độc và bần tiện, nó ít nói, chả bao giờ nhếch mép mỉm cười;

tôi đã đi tới nước nhận định rằng nó không nhập được vào "bọn mình", và rồi sẽ bỏ trốn thôi. Ấy thế mà việc tái tạo nó lại thành công không cần đến một hình thức lôi thôi gì hết, cũng không phải tốn sức giáo dục chút nào. Một ngày kia, trong buổi họp hội đồng đội trưởng, bàn đến việc đào một cái hố cho một nhà kho gầy rượu, mọi người thấy rằng chỉ còn có thể ghép hai trại viên: Galatenkô và Jôra. Ai nấy cười ầm lên.

Cứ để tự nhiên thì chả có ai lại nghĩ đến chuyện ghép hai thằng lười chảy thây như thế bao giờ.

Mọi người lại càng cười dữ, nhưng chợt có một người đề nghị hãy cứ thử làm một cuộc thí nghiệm thú vị: cho hai

đứa lập thành một đội đặc biệt, và xem kết quả ra sao, chúng sẽ đào được bao nhiêu đất. Dù sao thì Jôra cũng được chọn làm đội trưởng: thằng Galatenkô còn tệ hơn nó nhiều. Mọi người cho gọi Jôra lên hội đồng, và tôi bảo nó:

- Vônkôp ạ, có việc như thế này đây: hội đồng đã chỉ định chú làm người chí huy đội đặc biệt có nhiệm vụ đào cái kho gầy rượu mới, và hội đồng cho chú thằng Galatenkô đấy. Nhưng chúng tôi sợ rằng chú không thúc đẩy nổi nó làm việc chăng.

Jôra nghĩ một lát rồi lẩm bẩm:

- Tôi sẽ thúc được.

Ngày hôm sau, trại viên trực nhật rất

phấn khích, chạy đến tìm tôi:

- Bác đến mau với cháu, thật hết sức thú vị được xem thằng Jôra đang dạy bảo thằng Galatenkô! Nhưng phải cẩn thận đừng cho nó nghe thấy gì, kẻo hỏng bét.

Chúng tôi đi lẩn đằng sau các bụi rậm đến tận chỗ hai đứa làm việc. Trên mảnh đất ở giữa một khu vườn cũ còn lại, đã có vạch một hình chữ nhật làm vị trí của kho gầy rượu tương lại. Ở một đầu là phần của Galatenkô, ở đầu này là phần của Jôra. Thoạt nhìn đã thấy nổi bật sự bố trí lực lượng và sự chênh lệch giữa hai phần công tác: Jôra đã đào được nhiều thước vuông, còn Galatenkô thì mới có một dải hẹp. Nhưng thằng này

không ngồi: nó hết đưa bàn chân to bè vụng về ấn lên cái xẻng khó bảo, vừa xúc đất vừa luôn luôn cố ngoái cái đầu nặng nề lại phía Jôra. Nếu Jôra không nhìn, thì Galatenkô ngừng làm việc, nhưng vẫn để chân lên xẻng, hễ có dấu hiệu báo động đầu tiên một cái là sẵn sàng dận ngay xẻng xuống đất. Rõ ràng là Jôra đã chán ngấy những trò mưu mô ấy rồi. Nó bảo Galatenkô:

- Dễ thường mày tưởng là tao sẽ cứ ở đây mãi mà ấp ủ mày với xin mày đấy hẳn? Tao không có thì giờ săn sóc đến mày đâu, mày trông thấy đấy.

- Thì tại sao mày phải nhọc lòng thế chứ? Galatenkô làu bàu.

Jôra không đáp, tiến lại gần nó:

- Tao đã thôi không buồn nói chuyện với mày nữa, mày có hiểu không? Và nếu mày mà không đào xong từ đây đến kia, thì tao cứ quẳng bữa ăn sáng của mày vào thùng rác.

- Dễ thường người ta để cho mày làm như thế đấy! Liệu bác Antôn sẽ ca cho mày nghe bài gì?

- Bác muốn ca bài gì thì cứ việc ca, nhưng tao sẽ quẳng đi cho mày xem, mày cứ nên yên trí như thế.

Galatenkô nhìn thẳng vào mắt Jôra và hiểu rằng thằng này sẽ làm như nó nói. Galatenkô lẩm bẩm:

- Nhưng tao làm đấy chứ, có cái

gì mà mày hạch tao?

Xẻng của nó bắt đầu xúc đất hoạt động hơn. Trại viên trực nhật nắm lấy khuỷu tay tôi.

Để nêu lên trong báo cáo, tôi thầm thì bảo hắn.

Đến tối, trại viên trực nhật đọc phần chót bản báo cáo của hắn:

Xin mọi người lưu ý đến phần công tác rất tốt của đội đặc biệt ba "P", do Vônkôp số một chỉ huy.

Karabanôp kẹp đầu Vônkôp vào cánh tay phải của hắn mà hí lên rằng:

- À, không phải là bất cứ đội trưởng nào cũng được cái vinh dự ấy đâu

nhé.

Jôra mỉm cười, hết sức hãnh diện. Từ ngoài cửa phòng giấy, Galatenkô cũng thưởng cho chúng tôi một nụ cười và nói vọng vào bằng một giọng khàn khàn:

- Đúng rồi, hôm nay chúng tôi làm việc phải biết là cật lực!

Và từ đấy trở đi, như có phép thần thông, Jôra mở hết tốc lực đi trên con đường hoàn thiện. Hai tháng sau hội đồng đội trưởng đặc phái nó sang trại thứ hai để thúc đẩy cái đội bảy lười biếng.

Aliôsa Vônkôp thì ngay từ hôm đầu đến trại đã được mọi người yêu mến. Nó xấu xí, mặt đầy những vết lốm đốm màu

đậm nhạt khác nhau, cái trán thì thấp đến nỗi hình như tóc trên đầu nó không leo lên đỉnh mà lại mọc ra đằng trước. Nhưng có điều ai cũng nhận thấy ngay lập tức, là Aliôsa rất thông minh, thông minh trội hơn hết mọi đức tính của nó. Không có một đội trưởng đội đặc biệt nào ăn đứt được nó: nó rất tài tính khối lượng công tác, bố trí các đội viên của nó, tìm ra những phương tiện và những biện pháp làm việc mới.

Cũng thông minh như vậy là thằng Kutlaty, một gã có bộ mặt Mông-cổ, người thấp lùn và bủn xỉn. Mặc dầu trước khi đến trại, nó chưa từng có làm gì khác hơn là đi làm công nhật, nhưng nó vẫn cứ đeo cái biệt danh là "kuốc-

kun" (tiếng Ukren nghĩa là phú nông). Và thực sự, nếu không có trại mở đường cho nó sau này vào hàng ngũ của Đảng, thì Kutlaty sẽ có thể trở thành một phú nông: vì nổi bật hết sức trong con người nó, tàng ẩn tận thâm căn ruột gan nó, có thể nói là cái năng tính của người nông dân chí thú, yêu tất cả mọi vật, những xe tải, những cái bừa, những con ngựa, phân ủ và cánh đồng cày vỡ, hết thảy mọi việc ở trang trại, ở kho thóc, ở vựa lúa. Kutlaty biết nhìn nhận mọi sự vật một cách chắc chắn không ai bằng, nói năng chậm rãi, với cái lý trí chắc nịch của một người cơ chỉ, đứng đắn và tằn tiện vô cùng. Nhưng vốn trước kia là kẻ đi ở cho chủ trại, nó cũng căm ghét bọn phú nông với tất cả sự

bình tĩnh, cái sức mạnh và cái lương tri vững chãi mà nó đem ra sử dụng trong mọi việc, vì nó hết lòng tin tưởng ở công xã chúng tôi, cũng như ở mọi công xã nói chúng. Kutlaty đã từ lâu trở thành cánh tay phải của Kalina Ivanôvich, và đến cuối năm 1923 một phần lớn những công việc sự vụ của trại đều là dựa vào nó cả.

Xtupitxyn cũng là một tay quản lý giỏi, nhưng lại thuộc một kiểu khác hẳn. Nó là một người vô sản chân chính. Nó xuất thân ở một gia đình thợ thử công ở Khackôp và có thể kể chuyện cụ nội nó, ông nó và bốn nó đã làm việc ở đâu. Đã từ lâu đời tên họ nhà nó không phải là thiếu vinh quang trong hàng ngũ những người vô sản của tỉnh Khackôp, và người

anh cả nó bị đi đày vì đã tham gia cuộc cách mạng 1905. Xtupitxyn trông người rất đẹp, lông mày thanh tú, cặp mắt nhỏ sắc và đen nhanh nhánh. Hai bên góc mép nó có những bắp thịt tinh tế và linh hoạt căng ra thành hình rẻ quạt, và vẻ mặt nó biểu hiện tình cảm tuyệt giỏi, thay đổi nét rất mau và thú vị. Xtupitxyn phụ trách một ngành vào hàng quan trọng nhất trong dinh nghiệp của trại, tức là chuồng lợn ở trại thứ hai, mà số lợn cứ tăng lên mau chóng một cách kỳ diệu. Một đội đặc biệt làm việc ở đấy – đội mười – do nó chỉ huy. Nó biết luyện cho các đội viên của nó thành một nhóm cứng mạnh và chả giống những người nuôi lợn theo truyền thống thông thường mấy tí: bọn trẻ

trong đội lúc nào cũng đem theo kè kè một quyển sách, đầu óc bận nghĩ những khẩu phần, bút chì với sở ghi không rời tay; có những tấm biển đóng vào các cửa nhỏ của các ngăn chuồng, những biểu đồ và chỉ thị dán khắp xó nhà, và mỗi con lợn đều có giấy chứng thực nòi giống. Thật chẳng còn có thiếu chuyện gì ở trong cái chuồng lợn ấy!

Tiếp xúc trực tiếp với nhóm lãnh đạo còn có hai nhóm lớn làm hậu thuẫn dự bị cho nó. Một bên là những trại viên kỳ cựu cứng rắn, lao động giỏi, quan hệ bạn bè tốt, nhưng không có những tài năng trội lắm về mặt tổ chức, những gã trai khỏe mạnh và bình tĩnh như Prikhôtkô, Tsôbô, Xôrôka, Lêsi, Glaize, Snaiđe,

Ôptsarenkô, Kôrytô, Fêđôrenkô. Và một bên là những trẻ nhỏ đang lớn lên, nhóm dự bị thay thế chân chính, ở trong đó, thường đã thấy xuất lộ con người có tài tổ chức tương lai. Vì còn ít tuổi, chúng chưa thể nắm được quyền hành, vả chăng các trại viên cũ hiện đang ở các cương vị lãnh đạo; chúng yêu mến và kính trọng họ. Nhưng đối với họ chúng có nhiều ưu thế hơn: từ lúc còn nhỏ tuổi hơn chúng đã được nếm cuộc sống ở trại và được thấm nhuần sâu sắc hơn những truyền thống của trại, chúng tin tưởng mạnh hơn vào giá trị không thể nào bàn cãi của tập thể chúng và điểm trội hơn hết thảy, chúng có học vấn hơn, cái man trí thức ở chúng sinh động, thiết thực hơn. Một

phần chúng là những trẻ mà chúng ta đã quen biết từ trước như: Tôxka, Sêlaphutin, Jêvêli, Bôgôiaplenxki, và thêm vào đấy có một số tên mới: Lapô, Sarôpxki, Rômantsenkô, Nazarenkô, Vekxle. Tất cả đều là những đội trưởng và những tay hoạt động đầu đàn sau này, khi chinh phục trại Kuriajê. Ngay từ bây giờ chúng thường đã đảm nhiệm công tác làm đội trưởng trong những đội đặc biệt.

Những nhóm vừa kể trên đây là đại bộ phận của tập thể chúng tôi. Quen làm gương mẫu do nghị lực, những sự hiểu biết và kinh nghiệm của chúng, những nhóm đó mạnh vô cùng, và vô số trại viên còn lại chỉ có thể bước theo gót chúng mà thôi. Về số còn lại đó, ngay

đối với sự nhìn nhận của các trại viên, nó cũng chia ra làm ba loại: bọn "đầm lầy", bọn tí nhau, và bọn "cặn bã". Xếp vào loại "đầm lầy" là những trại viên chẳng có gì xuất sắc, loại mềm yếu không có xương sống, những đứa hình như tự chúng cũng không tin chắc được rằng mình là những trại viên.

Song cũng phải nói rằng ở đám "đầm lầy" ấy có những cá tính đáng chú ý nổi lên, và nói chung nó chỉ là một trạng thái tạm thời. Trong một thời gian, đa số của nó là những đứa trẻ nuôi của trại thứ hai. Bọn tí nhau có độ mười lăm đứa; các trại viên coi chúng như là một thứ nguyên liệu, mà chức năng thứ nhất là học vắt mũi cho sạch. Vả chăng bọn chúng cũng

chẳng có ý muốn nổi trội bằng một hoạt động gì đặc biệt, và chúng hoàn toàn thoả mãn với các trò chơi của chúng, trượt tuyết, bơi thuyền, câu cá, đi xe trượt tuyết và các trò lặt vặt khác. Tôi cho rằng chúng làm như vậy là đúng.

Bọn "cặn bã" gồm có năm đứa: Galatenkô, Pêrêpêliatsenkô, Epgêniep, Guxtôivan, và một thằng nữa. Cả tập thể nhất trí xếp chúng vào loại ấy sau khi đã nhận thấy rõ như đập vào mắt cố tật của mỗi đứa: Galatenkô là một thằng ăn tục và đại lãn, Epgêniep, một thằng có bệnh động kinh, hay nói chuyện và nói dối như cuội, Pêrêpêliatsenkô, một thằng chết đói, hay khóc vờ và xin xỏ, Guxtôivan, một thằng yếu linh hồn và bị bệnh "thần

kinh", chỉ để thì giờ cầu Đức mẹ và mơ tưởng đến tu viện. Với thời gian, những đại biểu của nhóm "cặn bã" sau này cũng chừa bỏ được một số những cố tật ấy, nhưng không phải là ngay lập tức.

Cái tập thể của chúng tôi hồi cuối năm 1923 là như vậy. Nhìn bề ngoài thì trừ một vài ngoại lệ rất hiếm, còn tất cả các trại viên đều có kỷ luật như nhau và phô trương cái tư thế quân nhân của chúng. Trong những cuộc diễu hành ngày hội, chúng tôi đã ra mắt với hàng ngũ tề chỉnh đẹp mắt, được tôn thêm bằng bốn chiếc kèn quân và tám chiếc trống lớn. Chúng tôi cũng có cờ riêng, một lá cờ rất đẹp bằng lụa, thêu chữ chỉ tơ, tặng phẩm của Ủy ban Giáo dục Ukren, nhân dịp lễ

kỷ niệm lần thứ ba ngày thành lập trại của chúng tôi.

Những ngày khánh tiết vô sản, các trại viên tiến vào thành phố, nhịp bước theo tiếng trống, với hàng ngũ oai nghiêm, kỷ luật chặt chẽ và một tư thái đặc biệt dễ ưa, làm cho các thị dân và các nhà sư phạm dễ cảm xúc đều hết sức ngạc nhiên. Bao giờ chúng tôi cũng đến quảng trường sau tất cả mọi người, để khỏi phải chờ đợi những người khác. Một tiếng hô: "Nghiêm!" tất cả đều đứng im tăm tắp, kèn của chúng tôi vang lên gửi lời chào hết thảy những người lao động trong thành phố và các trại viên đều giơ tay lên làm lễ chào. Sau đó chúng tôi giải tán hàng ngũ, ai nấy chạy đi dự các

cuộc vui của ngày hội, nhưng tại chỗ của đội ngũ, người cầm cờ, những trại viên tiêu vệ và chú cầm cờ hiệu ở đầu hàng cuối cùng vẫn đứng yên đấy. Cách bố trí đó có vẻ rất oai phong, khiến không ai có ý nghĩ dừng chân đứng lại trong phạm vị ranh giới đã vạch ra như thế. Nhờ có sáng kiến và mạnh dạn, chúng tôi sửa chữa rất dễ sự nghèo nàn của quần áo chúng tôi. Quyết liệt phản đối những bộ quần áo vải in hoa, là cái đặc điểm rất đáng bực của trại nhi đồng mồ côi, chúng tôi tuy vậy cũng không thể nào may sắm được những bộ đồng phục đắt tiền hơn, ngay cả đến những đôi giày đẹp mới cũng thế. Vì thế cho nên chúng tôi đi chân đất diễu hành, nhưng cái đó lại có

vẻ như cố ý làm ra vậy. Áo sơ-mi trắng của bọn trẻ đều sạch trong sạch bóng. Chúng mặc những quần đen rất tốt, gấu quần sắn lên tới đầu gối, để lộ những mép áo trong trắng bong như tuyết. Tay áo sơ-mi cũng vén lê đến khuỷu. Cả đội ngũ mặc như vậy vừa rất trang nhã vừa vui mắt, và một phần nào lại in dấu hương thôn.

Ngày mồng 3 tháng mười năm 1923 chúng tôi xếp thành đội ngũ như thế ở thao trường của trại. Ngày hôm đó đánh dấu sự kết thúc một công tác vô cùng phức tạp đã kéo dài suốt ba tuần lễ. Chiều theo nghị quyết của hội nghị liên tịch gồm cả hội đồng giáo vụ và hội đồng đội trưởng, toàn thể trại Gorki dời

chuyển sang khu sản nghiệp của gia đình nhà Trepkơ trước đây và giao trả lại trại sở cũ của nó, trên bờ hồ Rakitnôê, cho sở Giáo dục tỉnh. Cho đến ngày mồng 3 tháng mười, hết thảy mọi thứ đã được chuyển sang trại thứ hai: các công xưởng, các kho trống, chuồng ngựa, nhà kho, đồ đạc của giáo viên, phòng ăn, nhà bếp và trường học. Sáng hôm đó, ở trên thao trường chỉ còn lại một toán năm chục trại viên, tôi, với lá cờ.

Đến mười hai giờ, vị đại biểu của sở Giáo dục ký vào tờ công văn tiếp quản điền sản của trại Gorki, rồi đứng lui sang một bên. Tôi hô lệnh:

- Chào cờ, nghiêm!

Các trại viên đứng thẳng người theo tư thế quân đội, trong khi hiệu trống nổi lên và kèn quân thổi bài chào cờ. Đội cờ đã vào lấy cờ ở trong phòng giấy của tôi. Khi cờ đứng yên vị ở sườn bên phải đội ngũ tôi, chúng tôi không mất thì giờ từ biệt trại cũ làm gì. Không phải chúng tôi có ác cảm gì với nó, nhưng chỉ vì chúng tôi không thích nhìn lại đằng sau. Và chẳng buồn quay đầu lại nữa, đội ngũ chúng tôi theo tiếng trống bùng bùng phá tan sự yên tĩnh của đồng ruộng, xuất phát ra đi dọc bờ hồ Rakitnôê, qua những tường pháo đài nhà Anđri Kacpôvich, theo đường phố của xóm, xuống những cánh đồng cỏ thấp ở bờ sông Kôlômak, rồi qua cái cầu mới, công trình của các

trại viên.

Trong sân trại thứ hai đã tập hợp tất cả các giáo viên, thêm vào đó có nhiều nông dân làng Gôntsarôpka, và các trại viên bên ấy xếp hàng thẳng thắn, đội ngũ cũng đẹp đẽ tề chỉnh như đội chúng tôi, ai nấy đứng ngay người để chào lá cờ của trại Gorki.

Với tư thế, chúng tôi bước sang một kỷ nguyên mới.

HẾT TẬP I

PHỤ LỤC

SƠ LƯỢC NỘI DUNG
PHẦN THỨ NHẤT

1. Nói chuyện với ông Giám đốc sở Giáo dục

Tháng 9 năm 1920, tác giả nhận nhiệm vụ thành lập một trại lao động cải tạo những trẻ vị thành niên phạm pháp, với mục đích giáo dục chúng trở thành những con người mới, "những con người xô-viết". Nhiệm vụ khó khăn: vì trại sẽ là một thí điểm đầu tiên, trong những hoàn cảnh thiếu thốn và hoàn toàn thiếu

kinh nghiệm về phương pháp giáo dục.

2. Những bước đầu không quang vinh của trại Gorki

Trại ở cách Pontava 6 cây số: một trại trừng giới cũ cho trẻ vị thành niên phạm pháp, đã bị phá phách hư hỏng nhiều. Tiếp xúc với viên chủ nhiệm Kalina Ivanôvich Xecđiuc, đối tượng giáo dục đầu tiên. Thời kỳ tổ chức: tu sửa được một nhà ở của trại và chỉ xin được có 150 pút bột hắc mạch.

Hai nữ giáo viên đến trại: Êkatêrina Grigôriepna và Liđia Pêtrôpna. Rồi ngày 4 tháng 12, trại long trọng đón tiếp sáu trẻ nuôi đầu tiên: Zađôrôp, Burun, Vôlôkhôp, Benđiuc, Gut và Taranet. Bài

diễn từ huấn thị không kết quả. Sự vô lễ thứ nhất đối với Liđia. Benđiuc bị bắt vì tội ăn cướp giết người ban đêm. Những buổi tối buồn ở trại.

Zađôrôp từ chối quét dọn tuyết. Lai lịch của Zađôrôp. Họa tượng của Vôlôkhôp. Thái độ xấc xược của bọn trẻ trong khi Makarenkô và Kalina thân hành quét dọn tuyết.

Xin sở Giáo dục một khẩu súng lục để tự vệ. Thời kỳ căng thẳng, nghiên cứu tìm phương pháp giáo dục mới. Sự khinh nhờn của bọn trẻ ngày càng tăng. Lần đầu và cũng là lần chót, Makarenkô buông rời nguyên tắc sư phạm: đánh Zađôrôp. Sau đó, cùng cả bọn đi vào rừng đốn củi; Kalina băn khoăn lo ngại, nhưng kết quả

bất ngờ: chúng lao động tốt và bắt đầu phục tùng. Thái độ chuyển biến của Zađôrôp.

3. Đặc điểm của những như cầu cần thiết nhất

Hôm sau Makarenkô giao hẹn dứt khoát: ai không tôn trọng kỷ luật sẽ không được ở trại. Ý nghĩ của tác giả về việc đánh Zađôrôp. Va chạm gay go với Vôlôkhôp, vì đến phiên trực nhật của nó mà nó không chịu quét phòng ngủ. Sự khuất phục của nó trước sự tức giận của Makarenkô. Những thắc mắc của Liđia và Êkatêrina. Tác giả suy nghĩ về vấn đề bạo lực và phân tích thái độ phục tùng của các trẻ nuôi.

Tháng 2 năm 1921, trại nhân thêm 15 đứa trẻ vô thừa nhận, và sang tháng 3 số trẻ lên tới 30 đứa. Trại cũng có thêm hai giáo viên mới, vợ chồng Ôtxipôp (Ivan Ivanôvich và Natalia Mackôpna). Một tuần lễ sau, lại thêm một bà già quản lý. Hành lý của bà gồm nhiều túi đựng đủ thứ, khêu gợi sự thèm muốn của các trại viên. Bà hay nói chuyện và thân thiện ngay với chúng.

Trại nghèo xơ xác, chỉ có cách đi xin quần áo và lương thực cho các trại viên. Những khó khăn gặp phải trong việc đi xin ấy ở sở Giáo dục. Quần áo "tổ đỉa", giày giẻ rách và "canh nước ốc". Những mưu mẹo trong việc lén lút đi xin cung cấp lương thực ở các cơ quan bạn.

Các trại viên đi bắt cá trộm ở các lưới đó của nông dân. Taranet liều lấy cả lưới đó. Lai lịch của Taranet. Giáo dục nó về tinh thần tập thể, nhân dịp có biếu cá: việc đánh cá trở thành việc lợi ích chung cho cả trại.

Làm ngơ trước những chuyện ăn cắp vặt của các trại viên ngày ngày theo Kalina Ivanôvich ra tỉnh. Cảnh nghèo chung: các giáo viên hầu như không có lương và cũng cùng chịu cảnh đói rách.

4. Đấu tranh nội bộ

Mất một số tiền lớn, bỏ trong ngăn kéo khóa cẩn thận của bàn giấy phòng giám đốc. Taranet và Gut biết thủ phạm,

nhưng không chịu tố cáo. Hôm sau, Gut sung sướng vơ về đủ số tiền, mà tên ăn cắp đã ném trả lại ở chuồng ngựa. Hai hôm sau, lại mất cả số mỡ dự trữ của trại, rồi mất hết lẹo với mấy hộp mỡ bôi trục xe. Kalina Ivanôvich tức giận, Makarenkô la hét, nhưng vô hiệu. Mấy ngày ông bôn ba đi xin lại được mỡ và kẹo khác, đem cất vào hầm kho nhưng các thứ đó cũng lại bị lấy mất ngay tối hôm ấy. Vài hôm sau, mất cái vòng cổ ngựa, và chuyện mất cắp trở thành thường xuyên.

Makarenkô đi tuần đêm. Nói chuyện với Zađôrôp. Ý kiến thuê người gác trại của Bratsenkô không được Kôxchia Vetkôpxki tán thành. Lai lịch và tính cách

của Vetkôpxki.

Sang tháng hai, bà quản lý thôi việc, bà bị mất cắp hết các thứ khi ra đi. Khám xét cả trại ngay đêm hôm ấy. Thủ phạm chính là Burun. Tính cách của nó. Phiên xử đầu tiên của " Toà án nhân dân của trại": trước sự phẫn nộ chung, nó nhận mọi tội lỗi. Nó hứa với Makarenkô sẽ chừa ăn cắp và giữ lời từ đấy.

5. Việc quốc gia

Tham gia lùng bắt những kẻ cướp đường, một lần các trại viên bắt được một tên khiến trại được Ủy ban chấp hành tỉnh Pontava cấp giấy khen. Nhưng các vụ cướp giết người vẫn tiếp tục xảy

ra. Một lần, xe tải của trại ở tỉnh trở về bị chặn lại. Gut (phụ trách trông nom con Nhãi-ranh) bất lực nhìn Kalina Ivanôvich bị đánh, nhưng bọn cướp chê không lấy bột lúa mạch và đường kính chở trên xe. Từ đấy, suốt trong hai năm, mỗi chuyến xe tại của trại ở tỉnh về đều có một đội trại viên đi đón. Những trò đùa của các trại viên trong khi "chiếm lĩnh đường cái"

Một hoạt động mới: canh gác rừng. Xuất phát đêm với Burun và Sêlaputin: bắt được Mutxi Kacpôvich đang đốn trộm thông. Lập biên bản. Phần thưởng là cây thông, chở về trại, với cái rìu. Do ảnh hưởng của những cuộc vật lộn thực tế đó, tinh thần tập thể bắt đầu nảy nở ở

trại Gorki.

6. Chiếm được cái thùng sắt

Mơ ước phát triển nông nghiệp. Nhân được phép đi đốn gỗ trong rừng, khám phá thấy cơ ngơi trại Trepkơ, bỏ hủy nát, Kalina Invanôvich thích thú một cái thùng sắt lớn mới sơn, còn sót lại trên bờ tường chuồng ngựa, muốn xin về làm thùng nhà tắm cho trại. Bác đòi giấy giới thiệu đi lên Xô-viết thôn, rồi lên Ban chấp hành xã, và Ban chấp hành huyện, nhưng đều không kết quả.

Một chủ nhật tháng ba ấm áp, lại đi chơi sang trang ấp Trepkơ, nảy ra ý xin hẳn cơ ngơi đó để tu sửa lập trại. Buổi

tối về thảo luận, quyết định thực hành. Suốt đêm viết báo cáo gửi Ban chấp hành tỉnh. Hai tuần lễ sau, thỉnh cầu đó được chuẩn y. Sự vui mừng phấn khởi của các trại viên, nhất là của Kalina.

7. "Xây dựng một thế giới thì cũng phải có đủ mọi thứ"

Sông Kôlômak ngăn cách trại tới trang ấp Trepkơ, mỗi năm đến đầu tháng tư lại tràn ngập làm trở ngại giao thông.

Vaxka Pôletsuc bỏ trại. Lai lịch của nó. Nó luôn miệng tán dương đời sống Hồng quân và một viên sĩ quan tên là Zubat. Sau khi về trại, nó câm lặng một thời gian, rồi lại nói huyên thiên và mơ tưởng chuyện đi. Sau đó, một buổi sáng

nó bỏ trại.

Kalina Ivanôvich xin được ở Ủy ban vị thành niên phạm pháp một con ngựa không có chủ đến nhận, con Hung. Bác hớn hở giao nó cho Gut với những lời huấn thị cặn kẽ. Bác làm lấy một lưỡi cày đốc suất Burun và Zađôrôp cày ruộng, trong khi Gut với Bratsenkô, mã phu phụ việc của nó, đi theo trông nom con Hung một cách trìu mến.

Xôfrôn Gôlôvan, thày dạy nghề rèn. Lai lịch. Chủ trương của Kalina đối với lão. Ít lâu sau, trại có thêm một thày dạy nghề mộc. Lương của Xôfrôn chỉ đủ mua cho bác ba chai vôtka lậu. Sự náo nhiệt bận rộn hàng ngày ở xưởng rèn, xưởng mộc, phục vụ nông dân với giá tiền chiếu

cố đối với nông dân nghèo.

Xôfrôn làm một chiếc xe ngựa ghế ngang. Bác giới thiệu đến ở trại một người thợ già đóng xe, Kôđia. Lai lịch sợ vợ của Kôđia, tính mộ đạo của lão. Sáng kiến của Kôđia làm vành bánh xe bán cho nông dân.

Những trận tấn công đến trại của vợ Kôđia, lão được các trại viên bảo vệ. Xưởng đóng xe kiếm ra tiền, danh tiếng của xưởng vang truyền đi rất xa. Đời sống ở trại bắt đầu trở nên phức tạp và vui vẻ hơn. Trại nhận thêm một số trại viên mới: Karabanôp, Prikhôtkô, Gôlôt, Xôrôka, Vecsơnep, Michiaghin v.v…

8. Tính cách và văn hoá

Trình độ tinh thần và tâm lý chung của các trại viên mới và cũ. Những mầm mống của tinh thần tập thể cần phải bảo vệ, chống lại ảnh hưởng phá hoại của bọn trẻ mới đến. Nhận định những nguyên nhân thành công: lòng tin tưởng ở thắng lợi và tính "lạc quan bất trị" của Makarenkô.

Những ngày pha trộn tin tưởng, vui mừng và thất vọng. Đang yên tĩnh bỗng nổ ra một cuộc đổ máu ở phòng ngủ. Tịch thu dao và quả đấm. Những lò lửa hằn thù vẫn âm ỷ, mà tập thể cố dẹp tắt. Nhưng đột nhiên các trại viên lại cầm dao đuổi theo nhau.

Thái độ quyết liệt, đuổi Tsôbô, mặc

dầu các trại viên cố xin cho nó ở lại. Hẹn cho nó sau hai tuần lễ có thể trở lại trại, nếu đời sống ở ngoài gay go. Một tháng sau nó trở về, hứa chừa chơi dao.

9. *"Ở đất Ukren này vẫn còn có những tay hảo hán"*

Một ngày chủ nhật, Ôtxatsi say rượu, và còn nhiều trại viên say nữa. Nói chuyện giải thích, không phạt ai, vì nguyên nhân chính của sự tai hại là những nhà nấu rượu ở trong làng.

Hỏi Gôlôvan về những người bán rượu lậu.

Xin một công lệnh đi bắt rượu lậu trong Xô-viết thôn. Kalina Ivanôvich can

ngăn, vì chủ tịch Xô-viết thôn, Grếtsany, và cả những thân nhân của hắn đều nấu rượu. Nói chuyện ở phòng ngủ: Karabanôp tán thành nhiệt liệt. Chọn ba người: Zađôrôp, Vôlôkhôp, Taranet. Tối thứ bảy, họp bàn kế hoạch. Lấy thêm Karabanôp và rủ cả Liđia, họp thành một Ủy ban 5 người.

7 giờ sáng chủ nhật, vào nhà lão Anđri Kacpôvich Grêtsany. Nhạc tấu của đàn chó. Karabanôp đánh chó, Taranet bắt một chai rượu ngon, lão Anđri muốn giằng lại nhưng Zađôrôp đã đỡ lấy cái chai. Lão đánh Vôlôkhôp. Nó cười, chỉ cho lão xem Taranet đang cầm một chai vôtka trút từ trên lò sưởi xuống. Liđia thuyết phục lão, lão cãi lại, nhưng

Taranet tố cáo việc lão nuôi Xtêpan mà không trả công, khiến Xtêpan phải xin vào ở trại. Đập nồi ở ngoài sân, trong khi Liđia vẫn cố gắng giảng giải cho lão hiểu.

Đến nhà Luka Xêmiônôvich Veckhôla. Tiếp đãi niềm nở. Y làm ra vẻ tán thành việc bắt rượu và nói là mình không nấu rượu. Y gọi vợ bày các thức ăn thịnh soạn ra thết đãi. Bọn trại viên thèm thuồng ăn ngon lành. Luka bảo con, Ivan, chơi phong cầm. Ăn xong, Luka gợi chuyện về trại Trepkơ. Giữa lúc tình cảm đang chan hoà, Taranet hiện ra với chiếc ống quăn mình rắn, bộ phận chủ yếu của nồi cất rượu. Nó mách rằng đã tìm thấy cả rượu vôtka còn nóng giấu ở kho thóc.

Luka tự trấn tĩnh, khen Taranet, rồi gọi Ivan giúp các trại viên đi đập nồi. Nhưng mụ vợ phản kháng dữ dội, mặc dù Liđia vẫn cố thuyết phục, cả bọn ra về, được bố con Luka tiễn chân tử tế, trong khi mụ vợ vẫn chửi rủa. Khi ra đến đường, Karabanôp đau bụng vì đã ăn nhiều bơ chua quá.

Kết quả hôm đó đập tất cả 6 nồi cất rượu. Khi về trại, giữa đường gặp chủ tịch Xecgây Pêtrôvich Grêtsany chất vấn. Taranet nói chọc, Xecgây dọa đi thưa cấp trên.

Nạn rượu chấm dứt ở trại, tiếp đến nạn bài lá. Nạn nhân Ôptsarenkô trốn khỏi trại. Gặp ở chợ giời ngoài tỉnh, dỗ nó trở về, nó không chịu về. Hỏi các trại

viên, chúng đều không nói nguyên do. Khám xét toàn trại: hòm của Burun đựng đến hơn 30 bảng đường, Michiaghin có đến 50 rúp giấu ở dưới gối, Burun thú thật, còn Michiaghin không chịu nói. Buồng ba nữ sinh dùng làm kho chứa nhiều đồ vật ở ngoài đưa vào. Cả ba cô đều đã được gửi đến trại vì tội ăn cắp ở gia đình, nhưng có lẽ Ôlia Yôrônôva đã bị bắt oan. Còn Raitxa và Marutxia đều rất hư thân mất nết, nhất là Marutxia có tính loạn thần kinh, tự coi mình như người "bỏ đi". Raitxa thì cha bị giết vì dâm đãng, mẹ nghiện rượu và sống khổ sở. Cô không nhận mẹ, nói là bị bán cho gia đình Xôkôlôp từ thuở bé. Marutxia và Raitxa, vì đã là "dân chạy "cả, nên

được Michiaghin tín nhiệm.

Lai lịch và họa tượng của Michiaghin. Ngay khi mới đến trại, nó đã nói với Makarenkô là sẽ cứ ăn cắp. Tịch thu tiền, sung cho quỹ trại. Makarenkô nói chuyện về nạn bài lá và nhắc đến Ôptsarenkô. Karabanôp phát biểu ý kiến, đề nghị Burun và Raitxa đi đón Ôptsarenkô về. Burun tự nguyện thu hết các cỗ bài đem hủy bỏ, Kalina Ivanôvich sung sướng thu lại số đường.

Michiaghin bảo Makarenkô là sẽ cứ tiếp tục ăn cắp.

Hôm sau Burun và Raitxa đi tìm và đưa Ôptsarenko trở về trại.

10. Những chiến sĩ giáo dục xã hội

Ý nghĩ của tác giả về các chiến sĩ giáo dục xã hội và những sự nghiệp anh hùng trong cuộc sống xô-viết.

Quá trình mò mẫm trong công tác giáo dục, ý chỉ quyết tâm làm nhiệm vụ đến cùng.

Sự biến chuyển của vợ chồng Ôtxipôp hoà mình dần với các trại viên: ăn cùng thìa gỗ, ngồi cùng giường chơi trò “kẻ cắp và mật thám ". Cách thức chơi. Lối chơi nhân nhượng của bọn trẻ đối với Liđia, Êkatêrina và cả với Ivanôvich hồi đầu. Makarenkô góp ý riêng với Ivan không kết quả, một lần sau chơi, ông bèn ra lệnh đánh anh đau thật sự, khiến anh toan bỏ cuộc. Bị bọn trẻ

chế giễu, từ đấy anh trở nên gan dạ hơn.

Việc chống chấy rận.

Công việc của các giáo viên. Phiền trực nhật, phiên công tác lao động và phiên trực dạ.

Các buổi tối vui vẻ đầm ấm ở phòng ngủ. Tài kể chuyện của Michiaghin. Những cuộc đọc sách nghe chung do Makarenkô hay Zađôrôp đọc. Trong mùa đông năm đầu, đọc nhiều Puskin, Kôrôlenkô, Mamin Xibiriak, Vêretxaep, và nhất là Gorki. Cảm ứng mạnh nhưng không giống nhau, đối với các tác phẩm của Gorki: Maka Tsuđra, Người ông Ackhip và Lenka, Ba người, Dưới đáy, Thời thơ ấu, Đi kiếm ăn. Ảnh hưởng tinh

thần của Maxim Gorki trong đời sống của trại. Trại tự đặt tên bằng tên ông và mặc nhiên được mọi người công nhận. Viết thư sang nước Ý cho ông.

Êkatêrina, phụ trợ y tế và y tá tự nguyện của trại. Tình thương yêu của chị đối với các trẻ nhỏ, chị săn sóc chăm bẵm chúng, gây ảnh hưởng cho tất cả các trại viên lớn theo gương chị.

11. Thắng lợi về cái máy gieo hạt

Hướng phát triển của trại là nông nghiệp, nhưng trại mới chưa tu sửa xong.. Ngày ngày các trại viên đi đi về về làm việc chỉ có độ một chục trẻ đóng lều vải ở hẳn bên đó trông coi vườn trại.

Đặt trạm thường trực chở đò trên sông Kôlômak. Những khó khăn gặp phải ở thôn Gôntsarôpka. Việc tranh chấp ruộng đất với nông dân thôn đó. Chủ tịch Xô-viết thôn, Luka Xêmiônôvich Veckhôla, phản đối.

Tiếp Xpiriđôn, thanh niên Kômxômôn của thôn, bàn nên đưa các trại viên sang đấu tranh tại chỗ với sáu tên địa chủ (trong đó có Luka) đã chia nhau các ruộng đó.

Karabanôp và Prikhôtkô cướp cái máy gieo hạt của bọn Luka đến gây sự, sau khi cả hai cùng với Tsôbô, Xôrôka và Bimin đánh nhau với họ.

Luka và Grêtsany Ônôpri đến trại đòi

máy gieo hạt. Makarenkô kiên quyết bênh vực các trại viên, không trả lại máy gieo hạt và đòi lập biên bản về việc họ xâm phạm đất đai, đả thương các trại viên đang làm việc ngoài đồng. Tranh cãi hồi lâu, mãi cho đến tối. Sau cùng Zađôrôp nói toạc, khuyên bọn kia đừng nên đương đầu với năm chục trại viên sừng sỏ. Luka hạ dần yêu sách, sau đành chịu ký vào tờ biên bản phân định ranh giới của trắc lượng viên, và lấy máy gieo hạt về.

Sang thu, gieo lúa hắc mạch ở trại thứ hai. Ai nấy phấn khởi hăng hái làm ruộng, trừ Bratsenkô, vì nó thương hại hai con Hung và Thổ-phỉ.

12. Bratsenkô và ông ủy viên cung cấp

Trại xin thêm được một con bò cái già, một con ngựa cái đen, cũng già, và có thêm nhiều xe, nhưng vẫn thiếu một đôi ngựa tương xứng với nhau. Bratsenkô thay Gut làm mã phu trưởng. Những nỗi đắng cay của nó khi đánh xe với cặp ngưa Hung và Thổ-phỉ. Lai lịch, họa tượng và tính cách của Bratsenkô. Lòng yêu ngựa đến say mê của nó. Nó làm khó dễ mỗi khi có việc cần đến ngựa. Trật tự trong chuồng ngựa

Một buổi tối, nó không chịu thắng xe đi tìm bác sĩ để chữa bệnh cho Kôđia ốm nặng. Makarenkô cất chức mã phu trưởng của nó, cho Ôpriskô thay nó. Cay đắng,

nó rời bỏ trại ngay đêm hôm ấy.

Hai hôm sau, nó tự ý trở lại và đánh Ôpriskô với Fêđôrenkô vì tội làm con Hung sây sát vai. Makarenkô không nỡ giận, chỉ phạt giam nó một đêm.

Mùa đông 1922, thiếu rơm cỏ cho ngựa ăn. Bratsenkô đi tìm và dắt về trại một người nông dân, Vatz Ônufri, đánh xe rơm. Nó bảo người ấy là trại thu thuế bằng hiện vật. Đành phải ký nhận. Sau đó, lại có một nông dân khác, Xtêpan Ônufri, và nhiều người nữa đến nộp cỏ khô với lúa mạch. Lại liều ký nhận nữa. Bratsenkô phấn khởi chăm lo ngựa và nhanh nhảu đáp ứng những nhu cầu về sức ngựa kéo.

Có giấy hỏi của khu cung cấp lương thực. Makarenkô không trả lời và cũng không nói cho ai biết.

Sang tháng tư, chính ông ủy viên khu cung cấp lương thực, Agêep, đến trại chất vấn. Makarenkô nhận lỗi, không bào chữa. Agêep băn khoăn khó xử. Bratsenkô lên tiếng can thiệp, nói về tình hình ngựa đói. Agêep nhân nhượng bỏ qua chuyện đó. Bratsenkô sung sướng đi lấy cỏ cho ngựa của ông ăn.

13. Ôtxatsi

Thu đông năm 1922, ở trại xảy ra nhiều biến cố đặc biệt, trong khi trại phát triển mạnh về mặt kinh tế và tình hình

sức khoẻ. Nạn bài Do-thái. Nạn nhân là Ôxtromukhôp, Snaiđe, Glaize, Kraimik. Những đứa hay hành tội là Burun, Michiaghin, Vôlôkhôp, Prikhôtkô và nhất là Ôtxatsi và Taranet.

Lai lịch, họa tượng và tính cách của Ôtxatsi.

Chúng hành hạ bọn trẻ Do-thái một cách ngấm ngầm và khôn khéo, khiến phải tiến hành rất thận trọng cuộc đấu tranh để tránh cho bọn trẻ đó có những cuộc báo thù. Để cô lập Ôtxatsi và Taranet, phải tranh thủ những đứa cùng bọn, Makarenkô được Zađôrôp giúp đỡ. Ôtxatsi hàng ngày vẫn hành hạ bọn trẻ mà chúng vẫn không dám kêu.

Gọi thẳng Ôtxatsi lên nói chuyện, dọa đuổi. Nó không sợ. Taranet hành động tinh vi hơn nó.

Một buổi tối, Ivan Ivanôvich dắt Ôxtrômukhôp và Snaiđe lên phòng giấy Makarenkô, mách chuyên Ôtxatsi trong bữa ăn đã đánh hai đứa trước mặt giáo viên trực nhật và từ chối không chịu lên phòng giám đốc. Cho đi gọi nó. Nó lên. Taranet đi theo quan sát. Ôtxatsi tỏ thái độ láo xược. Makarenkô không nén được giận, cầm cái bàn tính ném nó, nhưng ném hụt. Ông vớ lấy một chiếc ghế xông vào nó. Nó chạy, nhưng vướng chân ngã. Zađôrôp giữ Makarenkô lại, trong khi Ôtxatsi khóc và Taranet tái xanh mặt. Makarenkô mắng cả Taranet, nó sợ hãi

hứa sẽ chừa, ông đuổi nó ra ngoài.

Ôtxatsi đã đứng dậy. Makarenkô phạt nó bốn ngày khóa giam, ăn bánh mì suông và uống nước lã. Chịu phạt sang ngày thứ hai, nó mời ông đến, xin tha thứ. Ông hẹn nó chịu xong phạt sẽ nói chuyện. Nhưng sau đó nó không xin tha thứ nữa và tuyên bố bỏ trại. Makarenkô không giữ nó.

14. Những lọ mực "tỏ tình lân mục"

Sau khi Ôtxatsi đi, các trại viên trở lại trật tự tốt, các trẻ Do-thái được bọn trại viên cũ săn sóc chằm bặp, nhất là Machiaghin thay đổi hẳn thái độ. Chúng dò xét tâm tình Makarenkô. Ekatêrina coi

ông như một người ốm. Quả thật, một lần nữa, ông lại buồn rầu ngờ vực phương pháp sư phạm của ông.

Một tai họa nữa sập đến: một trận đánh nhau ban đêm giữa một số trại viên - trong đó có Ôtxatsi - với các trai làng Pirôgôpka: dao Phần-lan và súng ngắn nòng. Phần thắng thuộc về các trại viên, và trụ sở Xô-viết thôn bị phá phách. Nhưng sáng hôm sau chúng trở dậy êm ắng như không có chuyện gì xảy ra. Đến trưa ông chủ tịch Xô-viết thôn Pirôgôpka, một ông già hiền lành, sang trại thuật lại chuyên, Makarenkô mới biết. Ông hết sức ngạc nhiên vì thái độ "thông cảm "của chính quyền. Ông chủ tịch chỉ yêu cầu trại sửa chữa lại cho

những chỗ hư hại ở trụ sở Xô-viết thôn và ông xin hai lọ mực về để làm việc. Rồi ông nói đến chuyện súng ngắn nòng, trước sự kinh ngạc càng tăng thêm của Makarenkô. Gọi các trại viên đã có mặt ở Pirôgôpka lên hỏi chuyện, tịch thu súng, Ôtxatsi mặc nhiên trở lại trại. Makarenkô không trả lại súng cho ông chủ tịch, nhưng ông này cũng không nài xin lại và còn yêu cầu Makarenkô đừng khiếu nại gì hết để giữ tình lân mục.

Cả trại vui mừng vì cái kết cục may mắn đó. Makarenkô không phạt ai và bọn trẻ hứa sẽ nối lại những quan hệ thân thiện với các trai làng Pirôgôpka.

15. "Đứa của chúng ta đẹp nhất"

Mùa đông 1922, trại có sáu nữ trại viên. Ôlia Vôrônôva xinh đẹp hẳn lên, nhưng không bắt tình với Prikhôtkô và giữ một tình bạn chân chính với Burun. Thích nghề nông và mơ ước một người chồng nông dân.

Cầm đầu bọn nữ trại viên là Naxchia Nôtsêvnaia. Lai lịch, họa tượng, tính cách. Uy tín đối với các trại viên. Thân thiện với các giáo viên, tin tưởng hướng về trường trung học công nông. Cũng nhằm mục tiêu ấy còn có Karabanôp, Vecsơnep, Zađôrôp, Vetkôpxki. Giỏi nhất trong bọn là Raitxa Xôkôlôva, được gửi lên trường trung học công nông tỉnh Kiep vào mùa thu năm 1921. Bọn trai bất mãn vì sự lựa chọn ấy.

Tính cách Raitxa. Ngay khi đang chuẩn bị thi vào trường trung học công nông, nó đã phải lòng Kornêep, một trại viên đã bị đuổi vì tội ăn cắp có kế hoạch. Hắn cũng đi ra Kiep, sau khi Raitxa thi đậu vào trường. Thư từ Raitxa gửi về trại nói lờ mờ về việc học và xin tiền luôn, mặc dầu đã có học bổng. Các trại viên ngờ là nó nuôi Kornêep và trách các nữ giáo viên đã không nhìn thấy chuyện đó

Sang tháng giêng, Raitxa về trại và không đi nữa. Đến tháng ba, vợ Ôtxipôp mách rằng nó có mang. Gạn hỏi, nó chối cãi. Zađôrôp bắt được thư của Kornêep gọi nó là "vợ yêu quý". Makarenkô hỏi thẳng nó, nó cũng vẫn chối.

Cuộc họp các nhà công tác giáo dục ở nhà hát thành phố ngày 15 tháng 4, báo cáo về vấn đề kỷ luật. Makarenkô ở lại đêm ngoài tỉnh. Bị chất vấn về vấn đề giáo dục hỗn hợp. Trong giờ giải lao, Bratsenkô đến mách tin rằng ở trại vừa phát hiện thấy xác một đứa bé trong giỏ của Raitxa trên phòng ngủ.

Đến tối Makarenkô mới về trại. Raitxa ngồi ở phòng giấy, có Vecsơnep trông coi. Hôm sau, ông dự thẩm đến, nó thú tội rõ rệt, ông đem nó đi theo và ra lệnh cho đem xác đứa bé lên một bệnh viện để khám nghiệm.

Sau chuyện đó, ban đêm bọn con gái sợ. Bọn trai vui đùa ở phòng ngủ của họ, làm trò hồn ma kêu khóc. Ý nghĩ của bọn

trai về hành động của Raitxa trái với lập luận của các giáo viên. Tranh luận giữa họ và Zađôrôp.

Hai hôm sau, Karabanốp đem cái xác lên bệnh viện, khi về trại kể chuyện nhìn thấy nhiều lọ đựng quái thai, và so sánh với những cái xác ấy thì "đứa bé của chúng ta đẹp nhất". Câu nói làm cho các trại viên cười ồ và cũng làm giãn những nếp răn trên trán các giáo viên.

Ba tháng sau, Raitxa bị xử tám năm án treo, và giao trở về trại quản lý. Nó lại trưng diện, bảnh bao. Naxchia đề nghị đuổi nó ra khỏi trại. Makarenkô kiếm cho nó việc làm ở một xưởng đan mũ áo.

Năm 1928, gặp lại nó ở tỉnh, nó đã có chồng, có hai con và làm chủ quán ăn. Hỏi ra thì Kornêep đã bị bắn chết và cuộc đời Raitxa đã chuyển sang hướng tốt.

16. "Cháo yến mạch"

Sang mùa xuân, tai họa khác: bệnh sốt phát ban. Kôxchia Vetkôpxki mắc trước tiên. Êkatêrina thay thế bác sĩ chữa các trại viên trong những trường hợp thông thường (rất hạn chế ở trại, vì các trại viên ít khi ốm và có "tinh thần khắc kỷ" cao).

Sự chăm sóc ân cần của mọi người đối với Kôxchia. Bệnh nặng lên, phải

đưa hắn lên bệnh viện tỉnh. Rồi tiếp đến Zađôrôp, Ôtxatsi, Biêlukhin. Zađôrôp người nóng hầm hập còn cố cãi là ốm nhẹ, không cần đi nằm. Ôtxatsi kêu rên, trong khi Biêlukhin, ngược lại, vẫn vui như khướu.

Lai lịch và tính cách Biêlukhin. Nằm trên giường bệnh nó vẫn không ngớt nói đùa với Kônka Vecsơnep. Zađôrôp và Tôxka Xôlôviep - cũng trùng tên với Makarenkô là Antôn Xêmiônôvich. Lai lịch và tính cách Tôxka, mười tuổi, rất mến phục Biêlukhin. Êkatêrina đến giải tán đám trẻ vây quanh Biêlukhin, bắt phải cách ly, trong khi cả bọn vẫn vui đùa.

Hôm sau đưa cả bọn lên bệnh viện

tỉnh. Bắt gặp được chị y tá của phòng Kôxchia nằm. Thương lượng cho tất cả nằm cùng một phòng, hẹn rằng cứ mỗi trại viên khỏi được trả về trại sẽ thưởng hai pút bột tiêu mạch.

Trong vòng một tuần lễ đưa thêm đến bệnh viện Gôlôt, Snaiđe và ba trại viên ốm nữa.

Đang định đi đón một trại viên khỏi bệnh về trại, thì một buổi trưa Biêlukhin đã tự đi bộ mò về, vẫn vui đùa như cũ, tuy người xanh nhợt và gầy hốc hác. Nó nói chuyện nhớ trai và các món ăn ở trại và gọi cháo của bệnh viện cho ăn là "cháo yến mạch" (một cái tên của Gôgôn đặt), khiến nó buồn cười mà không tài nào ăn được.

Không bao lâu, các trẻ ốm khác cũng khỏi và trở về trại cả. Antôn Bratsenkô đưa một bao bột trắng đến nhà chị y tá.

17. Sarin được trả nợ

Sở Giáo dục không tán thành những phương thức kỷ luật của Makarenkô và dọa đóng cửa trại Gorki. Quan điểm của tác giả về vấn đề kỷ luật: chừng nào những cơ cấu của tập thể chưa được hình thành, thì nhà giáo dục có quyền và có bổn phận dùng áp lực; việc giáo dục không thể nào dựa tất cả vào hứng thú tự nhiên của đứa trẻ.

Makarenkô tránh lên sở Giáo dục, vì viên thanh tra Sarin ở đấy quen hành ông.

Họa tượng Sarin. Nguyên nhân sự thù hằn của hắn: Makarenkô đã không nén nổi một tiếng cười bất lịch sự vì sự dốt nát của hắn trước cái phong vũ biểu. Hắn đã công kích bản báo cáo của ông về vấn đề kỷ luật bằng những lời lẽ bí hiểm, hồ đồ, và hắn hạch ông về việc tiếp nhận một trẻ nuôi do Phân bộ đặc biệt của Quân đoàn Hậu bị thứ nhất gửi đến mà không có sự đồng ý của hắn. Trước sự từ chối giao trả đứa bé lại cho Phân bộ nếu không có lệnh bằng giấy tờ của hắn, hắn bắt giam ông bảy ngày. Makarenkô điện thoại trình bày với ông chủ tịch Ủy ban chấp hành tỉnh và ông này can thiệp với Cục dân cảnh thả ông về trại.

Về đến gần trại thi bắt gặp chính

Sarin cùng ngồi với Tsecnenkô trên một chiếc ô-tô chạy như bay ngược lại chiều xe ông, và một chiếc xe chở có hai ngựa do Karabanôp chỉ huy, đang ra sức đuổi theo ô-tô. Zađôrôp kể lại chuyện Sarin đến trại khám xét phòng giấy của ông và bảo Ivan Ivanôvich nắm quyền giám đốc thay ông, khiến bọn trẻ sinh nghi, xông đến chất vấn và suýt đánh Sarin, cho nên hắn mới hoảng chạy như thế. Karabanốp phân trần với Bratsenkô về sự đã bắt ngựa chạy mệt. Ivan thuật lại sự hung hãn của các trại viên.

Cuộc gặp gỡ, một tuần lễ sau, với Tsecnenkô, chủ tịch Viện kiểm tra Công nông, ông khoái chí kể lại cho Makarenkô nghe việc kể trên và tỏ lòng

yêu mến các trại viên Gorki. Từ đấy ông trở thành một người bạn thân của Makarenkô.

18. "Liên minh" với nông dân

Những khó khăn trong việc xin cấp vật liệu tu sửa trại Trepkơ. Bán gạch dỡ ở các xưởng trống và các chuồng ngựa cũ. Các trại viên luân phiên nhau mỗi ngày hai nhóm đi sang trại mới để phá dỡ gạch. Ăn cắp gà trong khi đi qua làng ban ngày, và ban đêm ăn cắp các thực phẩm ở các buồng kho của nông dân. Những tay ăn cắp thành thạo: Karabanôp, Taranet, Vôlôkhốp, Ôtxatsi,

Michiaghin, không để xảy ra chuyện

vỡ lở. Những trẻ nhỏ phạm nhiều sự vụng về hớ hênh, bị dồn đuổi về tận trại. Người mất của đòi giao kẻ ăn cắp và kể lại các vụ mất trộm ở trong làng. Nỗi phiền muộn của Makarenkô. Sinh hoạt ở trại vẫn bình thường, vui vẻ. Nhưng ban đêm vẫn xảy ra những vụ trộm, rồi cả đến những vụ ăn cướp đường nữa.

Một buổi tối một tiểu đội dân cảnh đến vây khám trại, xung đột với các trại viên. Makarenkô phản đối, không cho khám xét. Sau ông thưa lên tỉnh, và cấp trên của đội dân cảnh bị khiển trách.

Song dân làng vẫn đến trại mách những vụ ăn cướp thực phẩm ngoài đường cái. Các trại viên cũ bắt đầu thông cảm nỗi lo phiền của Makarenkô và nói

cho ông yên lòng. Karabanôp, Zađôrôp, Burun đêm đêm đi tuần sục sạo các nơi. Thời kỳ cân não mệt mỏi nhất đối với Makarenkô. Rồi một buổi tối Karabanôp dẫn về trại một tên thủ phạm: Prikhôtkô. Phẫn uất, Makarenkô toan tự tử. Lũ trẻ kêu khóc và kịp thời giằng lấy khẩu súng lục của ông. Ông ngã vật xuống sàn, trong khi bọn trẻ đã lôi Prikhôtkô ra sàn và đánh nó dừ tử. Makarenkô tỉnh lại và kịp xông ra gỡ cho nó thoát nạn.

19. Rút thăm

Đầu hè 1922, Prikhôtkô bị đánh nằm liệt giường. Tính cách kẻ cướp, nhưng tận tuỵ với trại và lao động giỏi.

Sau các chuyện đã xảy ra, các trại viên đâm ra thù ghét nông dân. Burun trêu chọc họ ở chợ. Chung quanh trại, toán là những trại ấp kulắc; họ sống sung túc và nuôi những tư tưởng thù địch với chế độ xô-viết. Sự thù hằn của Luka Xêmiônôvich đối với trại.

Ôpriskô và Xôrôka bị Luka và Mutxi Kacpôvich bắt quả tang ăn cắp một chiếc váy và một cái khăn phơi trên bờ giậu nhà Mutxi. Lai lịch và tính cách Ôpriskô. Nó chỉ thân và vì nể có Antôn Bratsenkô. Họa tượng và tính cách Xôrôka. Luka đòi làm biên bản. Viễn cảnh: nhà giam tạm đối với hai đứa ăn cắp và sự sỉ nhục cho toàn trại. Makarenkô đấu dịu cầu hoà, nhưng Luka không nhân nhượng.

Makarenkô giận mắng bọn trẻ. Suốt hai tiếng đồng hồ điều đình với Luka. Sau cùng hắn ra điều kiện: tất cả các trại viên phải ra xin hắn tha tội. Dù căm ghét hắn, Makarenkô cũng đành phải tập hợp các trại viên và thay mặt chúng đứng ra xin lỗi vị "đại diện chính quyền". Nhục nhã thấm thía cho cả trại.

Makarenkô buồn nản đi lủi thủi vào rừng giữa trưa nắng gắt. Thi vị của rừng thông. Trong khi ông mải suy nghĩ miên man, bọn trẻ do Xôrôka báo động đã lén đi theo ông vào rừng, vì sự ông tự tử. Khi Zađôrôp mời ông trở về và xin ông trao cho khẩu súng, ông mới hiểu.

Buổi tối mọi người đều sượng sùng. Bọn trại viên cũ cố vui đùa và bày trò

chơi "rút thăm "cho Makarenkô khuây khoả.

20. Sinh súc và nông cụ

Vấn đề thiếu sinh súc. Kalina Ivanôvich và Antôn Bratsenkô khắt khe về việc dùng ngựa, nhưng hai con Nhãi-ranh và Thổ-phỉ đều vô dụng cho việc cày bừa. Tsecnenkô, chủ tịch Viện R. K. I. (Viện kiểm tra Công nông) bằng lòng cho trại mượn ba con ngựa trong một tháng rưỡi. Hợp đồng chặt chẽ phải ký với ông chủ nhiệm Vụ kinh tài của Viện. Sự đắc thắng của Kalina và Antôn khi đem về trại ba con Man-rợ, Milan và Mary. Hai con sau rất tốt cho công việc cày bừa.

Ở trại thứ hai đã tu sửa xong một toà nhà. Sáu trại viên sang ở đấy, trông coi vườn trại với hai con ngựa giao cho Ôpriskô trông nom. Tất cả số 60 đêxiatin ruộng đều đã được gieo hạt, lúa mì vụ thu và vụ xuân, lúa hắc mạch và yến mạch. Khoai tây và củ cải cũng chiếm vài đêxiatin. Sự đi lại tấp nập giữa hai trại suốt ngày đêm. Bến sông Kôlômak: cầu tàu và thuyền mang cờ của trại. Michia Jêvêli và Vichia Bôgôiaplenxki mặc áo thủy thủ chở thuyền. Uy tín của trại quanh vùng tăng lên nhiều.

Đời sống vui vẻ náo nhiệt ở trại. Những cải thiện rõ rệt về mặt sạch sẽ, vệ sinh. Sự thay đổi ở xưởng rèn: Xêmiôn Bôcđanenkô thay Xôfrôn Gôlôvan bị

đuổi vì tật uống rượu và nói phản tuyên truyền. Trật tự trong xưởng. Tính cách của Bócđanenkô. Công việc ngập đầu ở xưởng rèn, trong khi các xưởng khác đã thôi hoạt động, trừ xưởng đóng xe của Kôđia.

Nỗi băn khoăn của Kôđia về những vành bánh xe phải đóng cho Viện R. K. I.

Cuộc đón đoàn vũ nữ ba-lê về trại nhảy múa cho các trại viên xem, do Tsecnenkô muốn làm vui lòng bọn trẻ. Sự lo sợ của các vũ nữ khiến buổi vũ không thành công. Cuộc tiễn đưa trì trệ vì nhiều trở ngại khiến các cô càng lo buồn khóc lóc. Sau cùng Kôđia còn ra cản xe để đếm nan xe, làm mọi người cười nôn ruột.

Đến hạn của hợp đồng, ông chủ nhiệm của Viện R. K. I. đến đòi ngựa và các khoản bồi thường. Kalina Ivanôvich Antôn Bratsenkô không muốn trả ngựa. Kalina còn bàn mua một cái máy gặt. Chuẩn bị gặt lúa hắc mạch bằng lưỡi hái và quyết định mở hội mùa long trọng, mời nhiều tân khách.

Sáng ngày hội mùa, có người đến bán một chiếc máy gặt: Ômentsenkô, người quen của Rarabanôp. Thương lượng đổi ngựa. Bratsenkô không chịu bỏ con Hung, nhưng Karabanôp gợi ý đối con Man-rợ của Viện R. K. I. Thảo luận sôi nổi và Makarenkô đồng ý theo ý kiến chung, khiến Kalina khoảng sợ. Khi Tsecnenkô đến, hai giờ sau ông rất ngạc

nhiên thấy cái máy gặt và vui lòng ngồi lên cho nó chạy thử, trong khi viên chủ nhiệm cứ hỏi con Man-rợ đâu và được trả lời rằng nó nghỉ ở trại thứ hai.

Vào tiệc, bọn trai bồi tiếp Tsecnenkô. Antôn Bratsenkô nói toạc câu chuyện trước sự tức giận của viên chủ nhiệm. Nhưng Tsecnenkô dẹp yên hắn ta và quyết định tặng trại cái máy gặt, khiến bọn trẻ nhiệt liệt hoan nghênh ông. Được thể, Bratsenkô đặt vấn đề nốt về hai con ngựa Milan, Mary, và dằn dỗi vì sự phải trả lại chúng cho Viện R. K. I. Để làm vui lòng các trại viên lần nữa, Tsecnenkô ra lệnh cho viên chủ nhiệm bán hai con ngựa đó cho trại với bất cứ điều kiện nào.

21. Những lão già tai hại

Những buổi chiều hè êm tĩnh ở trại, từng nhóm trại viên tản tác đó đây theo guồng máy sinh hoạt bình thường, hoặc tụ họp chuyện trò vui vẻ: Michiaghin kể chuyện cổ tích, Burun cười đùa với Ôlia và các nữ sinh ở ngoài vườn.

Những vụ mất cắp vặt đã trở thành hiện tượng ít có ở trại, vì sự phản ứng mạnh mẽ của các trại viên. Trường hợp Kuzma Lêsi: lai lịch, họa tượng và tính cách. Nó bị Kôxchia Vetkôpxki đánh cho một trận nên thân vì tội lấy trộm bánh mì ban đêm, mãi về sau tự nó mới nói ra chuyện đó. Khi khỏi đau vì trận đòn ấy, nó tuyên bố muốn thử ăn cắp hai lần nữa

xem có may mắn hơn không, nhưng đúng lúc ấy nó lại bị bắt quả tang giấu trong túi hai mũi khoan lấy ở lò rèn.

Bọn nhớn, do Michiaghin cầm đầu, vẫn ăn cắp ở các hầm chứa nhà nông dân và ở các chợ ngoài tỉnh. Triết lý ăn cắp của nó nhiễm sang cả những trại viên như Karabanôp, Vecsơnep, Vôlôkhôp, duy chỉ có Malvây Biêlukhin công khai phản đối. Tranh luận về vấn đề ăn cắp.

Ăn cắp dưa hấu. Ông lão giữ dưa sang trại mách, đề nghị các trại viên muốn ăn dưa cứ sang thăm ông, ông sẽ mời ăn đường hoàng. Lập tức chúng làm theo lời ông, có cả Biêlukhin đi cùng. Nhưng trong khi một bọn ăn dưa mời trong lều ông lão, thì sáu chục đứa bẻ

trộm dưa ở ngoài ruộng. Lần sau chúng sang thăm, ông lão dơ súng ra doạ, Biêlukhin trở về cáu kỉnh.

Những vỏ dưa ở phòng ngủ. Trách mắng trại viên trực nhật và phạt một đứa. Phòng ngủ trở lại sạch sẽ, nhưng đêm đêm các con ngựa được thả rông và sáng sớm nào cũng đứng chực dưới các cửa sổ, đợi ăn vỏ dưa. Makarenkô hỏi, chúng trả trả lời đùa bí hiểm, rồi sau Biêlukhin nói lên sự thực.

Michiaghin biếu Makarenkô một quả dưa hấu. Ông từ chối, chúng cử một phái đoàn do Biêlukhin dẫn đầu lên trình bày để ông nhận. Vài hôm sau, ông lão coi dưa đến mách rằng bây giờ chúng ăn trộm dưa cả ban ngày, đã rủ thêm hai ông

già nữa, cũng có súng đến giúp ông trông dưa. Biêlukhin mách sự tức giận của các trại viên đối với “lão già tai hại". Đêm hôm đó, chúng tấn công ruộng dưa, các ông già sợ chạy vào rừng, bỏ quên cả súng. Chúng đốt cái nhà lá ở coi dưa. Một ông già chạy đến trại gọi, Makarenkô ra thăm trận địa. Chúng lẩn biến ngay và, khi Makarenkô trở về trại, chúng vờ ngủ cả. Gọi dậy, trách mắng. Chứng hứa sẽ thôi, ông dọa sẽ đuổi một trại viên, nếu chuyện còn tái diễn.

22. Chặt chân tay.

Bọn trẻ không giữ lời hứa. Karabanôp và Michiaghin vẫn ăn cắp dưa và các thứ khác của nông dân. Một

lần chúng lấy hai tổ ong với cả mật của nhà Luka Xêmiônôvich. Ảnh hưởng tai hại đến tinh thần tập thể và những phong cách tốt đã bắt đầu hình thành ở trại. Quyết định đuổi Michiaghin. Các trại viên buồn nhớ nó. Buổi tối, nó trở lại tụ họp ở kho chuồng ngựa với Karabanôp, Volôkhôp, Lêsi, Prikhôtkô, Ôtxatsi. Gọi tất cả lên phòng giấy hỏi và khám người Machiaghin thấy một khẩu súng brô-ninh với ba viên đạn. Karabanôp nhận là súng của mình và có vẻ phẫn uất, tuyên bố bỏ trại đi theo Michiaghin. Ký giấy cả cho hắn ra khỏi trại, cả hai đứa ra đi, được các trại viên đưa tiễn và nhớ tiếc.

Makarenkô băn khoăn về số phận chúng, nhất là về Michiaghin. Mười hôm

sau, có tin chúng ăn cướp trên đường cái, Các trại viên và giáo viên đều không thôi nghĩ đến chúng. Rồi năm hôm sau nữa, Makarenkô cùng Antôn đi xe ở tỉnh về gần đến trại thì gặp chúng ở giữa đường. Thoạt đầu Antôn hơi trợn, đề nghị Makarenkô chuẩn bị súng. Nhưng chúng chỉ muốn chào lại Makarenkô và thân thiện từ biệt ông thôi.

23. Những hạt giống chọn lọc

Nỗi buồn nhớ của các trại viên đối với Karabanôp và Michiaghin. Nhắc lại những ưu điểm của chúng. Mùa gặt xấu càng thêm khiến mọi người ngã lòng. Các giáo viên, từ Ivan Ivanôvich đến cả Êkatêrina, đều mất tin tưởng ở kết quả

giáo dục. Makarenkô củng cố tinh thần của họ, trong khi vẫn giữ vững thái độ kiên quyết, thúc đẩy trại tiến lên. Những vụ trộm cướp, và ăn cắp đã chấm dứt hẳn, kỷ luật trở lại ổn định hơn. Tinh thần khắc phục khó khăn của các giáo viên. Kế hoạch công tác đề ra ngày càng nặng để xúc tiến mạnh việc tu sửa trại thứ hai.

Sáng kiến, tập luyện quân sự. Ảnh hưởng tốt đến tinh thần và tư thế của các trại viên. Trại được tiếp nhận vào hàng ngũ dân quân cảnh vệ. Kèn quân và các trò chơi quân sự. Lệ nói: "Rõ!" với kiểu chào thiếu niên tiền phong.

Sang tháng tám, nuôi hai con lợn giống Anh ở trại thứ hai. Có hai chục trẻ nuôi ở bên đó với một giáo viên:

Rôđimtsik, một người vô dụng.

Trại được một nhà nông học xuất sắc mới cử đến: Eđua Nikôlaiêvich Sêrê, mà thái độ bình tĩnh, đều hoà và cương quyết đã khuất phục được Prikhôtkô bướng bỉnh trước sự thán phục của các trại viên. Tính cách Sêrê. Phương pháp làm việc khoa học của anh khiến Bratsenkô bỡ ngỡ và phản kháng, nhưng rồi cũng phải phục tùng anh.

Sêrê va chạm với Kalina Ivanôvich về việc cung cấp ngựa kéo xe. Makarenkô dàn xếp tôn trọng chương trình làm việc và quyền hành của Sêrê.

Cuộc sống dồn dập sôi nổi ở trại đã xóa mờ các buồn phiền lo âu cũ. Thái độ

nghiêm khắc của Makarenkô. Sự kính nể và lòng yêu mến của các trại viên đối với ông.

Kalina đã giải quyết được việc vận chuyển: con bò Gavriuska được thắng vào xe thay ngựa, khiến cả trại được dịp vui cười thích thứ.

24. Con đường đau khổ của Xêmiôn

Sêrê cương quyết tiến hành tổ chức quy mô công tác nông nghiệp của trại và được các trại viên yêu mến. Ý kiến của tác giả về tâm lý trẻ nhỏ: chúng mến phục những người thực sự có tài năng và lao động giỏi, khinh bỉ những kẻ bất tài và ăn nói khéo. Ví dụ anh thợ xây lò sưởi

Actêmi. Họa tượng và tính cách ba hoa khoác lác của hắn: xây lò ở nhà bá tước, tài nghệ "vạch đường bán kính ". Lò hắn xây, đúng vào lúc giao nhận, bỗng sụp đổ ầm ầm, gây một trận cười dữ dội cho tất cả các trại viên. Từ đấy, tên hắn tượng trưng cho tay "thợ vụng "nói khoác - Vốn không phải là Actêmi, nên Sêrê được toàn thể trại viên quý trọng và anh khiến chúng say mê nông nghiệp, công tác thành công mau chóng: trại có thêm nhiều thứ máy, lợn giống, ba con bò cái và những khung kính ấm.

Giữa khi trại đang hăng say công tác, Karabanôp trở về thăm trại và được mọi người hớn hở tiếp đón. Sau một ngày đi thăm các nơi, hắn nói với Makarenkô xin

ở lại trại và cảm động bộc lộ tình gắn bó với trại, hối hận những lỗi lầm cũ, thành khẩn mong được ông tin cẩn.

Hắn tỏ ra rất đắc lực về công tác nông nghiệp và trìu mến Sêrê.

Một tuần lễ sau, Makarenkô sai hắn đi lĩnh 500 rúp ở kho bạc và trao lại cho hắn khẩu súng lục đã tịch thu trước kia, để hắn phòng thân lúc đi đường. Khi hắn đem tiền về, ông bỏ ngay vào ngăn kéo không đếm, khiến hắn hoang mang, nghi hoặc sự tin cẩn của ông, âm thầm hằn học với ông. Nhưng hai tuần lễ sau, ông lại sai hắn đi lĩnh 2 000 rúp. Lần này trở về, hắn nổi cơn điên trước sự tin cẩn mà hắn cho là giả tạo, vì hắn yên trí ông chỉ muốn thử hắn. Makarenkô giảng giải cho

hắn yên lòng và hắn sung sướng ca hát khi ra khỏi phòng ông.

25. Một lối sư phạm thày quyền

Mùa đông 1923, trại tổ chức các đội, có đội trưởng chỉ huy, nguyên do từ việc đi kiếm củi rừng. Đội kiếm củi khi về chơi trò bắt cướp, đem ra tra hỏi và xử tội. Lai lịch danh từ "đội" trong Cách mạng. Burun được tôn là ataman trong đội kiếm củi, sau đổi là đội trưởng.

Xong công tác kiếm củi, đội của Burun chuyển sang các công tác khác ở trại thứ hai; rồi đến đội của Zađôrôp và các đội khác nữa tiếp tục được thành lập. Lịch trình cải tiến tổ chức các đội.

Những đội đặc biệt: tổ chức, mục đích và yêu cầu. Ảnh hưởng giáo dục tốt của chế độ đó.

26. Những quái vật của trại thứ hai

Trại thứ hai bắt đầu trở nên rộn rịp. Hàng ngày các đội đặc biệt đi đi về về giữa hai trại. Sự lưu thông đòi hỏi làm một con đường thẳng, bất chấp các vườn trại tư hữu và các trở ngại như bờ giậu, hàng rào và chó. Chó dễ chinh phục nhất. Rồi dần dần các nam nữ thanh niên trong làng cũng bị các đội đặc biệt hấp dẫn, họ làm thân với các trại viên, nhập vào các đội, đến chơi trại hàng ngày.

Thời khóa biểu và nếp sống hàng

ngày của các đội đặc biệt theo nhau, xen kẽ nhau đi về rộn rịp. Chuyện trao đổi giữa Biêlukhin với giáo viên trực nhật và Makarenkô về Rôđimtsik.

Trại thứ hai có hơn 20 trại viên trông nom vườn cây quả và các chuồng ngựa, bò, lợn. Các công việc tu sửa ở đây. Tình hình sinh hoạt chưa hoàn chỉnh. Gay go nhất là vấn đề giáo viên, thiếu người có óc sáng kiến. Các trại viên không thích sang ở bên đó và ở đây đã hình thành nên một tập thể kém hẳn về phong cách và giá trị: lười biếng, bẩn thỉu, hay ăn xin và than phiền. Nguyên nhân: thiếu nòng cốt và giáo viên bất lực.

Đêriutsenkô: lai lịch, họa tượng và tính cách: không thích nói tiếng Nga, chỉ

giỏi hát những bài hát Ukren và ca tụng sự vĩ đại của quốc gia Ukren. Rôđimtsik cũng vô dụng như thế và còn đáng ghét hơn: lai lịch, họa tượng, và tính cách y. Y nuôi một con bò cái lấy sữa ăn, và khiếu nại vì bọn trẻ phân biệt đối xử với bò của tập thể. Việc giao cho Sêrê giải quyết: anh trục xuất bò của y ra khỏi chuồng, khiến y phải bán bò đi. Ở cuộc họp, trại viên tố cáo y tự tư tự lợi, lười biếng, cá nhân chủ nghĩa. Makarenkô cảnh cáo y, y đã không tiếp thu phê bình mà còn nói xấu Sêrê, đưa một gói phân chó ra làm chứng rằng Sêrê nuôi con Milo bằng kê của trại mà không trả tiền. Makarenkô đuổi y.

27. Chinh phục Đoàn Kômxômôn

Những quan hệ xã hội của trại với "môi trường chung quanh": quan hệ thù địch với các gia đình kulắc, hoặc quan hệ thân thiện, vì giao thiệp kinh doanh, với các làng lân cận; quan hệ tình cảm với các thiếu nữ địa phương, và quan hệ với các thanh niên Kômxômôn ở các làng.

Tình thân thiết với các thanh niên Kômxômôn của hợp tác xã nông nghiệp Lênin, đối diện với trại thứ hai; với thanh niên Kômxômôn các xưởng của sở xe lửa. Hình ảnh đẹp của người công nhân chủ nhân ông của các lâu đài sắt thép ấy chinh phục các trại viên.

Thanh niên Kômxômôn xe lửa đến

thăm trại, tỏ ý yêu mến các trại viên. Khi biết là trại đã xin thành lập một chi bộ Kômxômôn từ 1922 nhưng chưa được các tổ chức thanh niên cộng sản địa phương chấp nhận yêu cầu vì lý do trại có những trẻ phạm pháp, họ hứa sẽ hết sức giúp đỡ, can thiệp với tổ chức Kômxômôn ở tỉnh. Chủ nhật sau, một người trong bọn họ trở lại, cho biết tổ chức ở tỉnh cũng không tán thành, vì lý do nói trên. Họ vẫn đến thăm trại, nhưng sự chú ý của họ đối với các trại viên có khía cạnh không lành mạnh: họ cũng coi các trại viên là những thanh niên không bình thường.

Quan điểm của tác giả về vấn đề giáo dục các trẻ vị thành niên phạm pháp.

Nguyên tắc xóa bỏ quá khứ tội lỗi của chúng, nhất thiết không hỏi và không nhắc đến nó. Kết quả tốt của phương pháp giáo dục đó.

Tinh thần đấu tranh bền bỉ của các trại viên để được kết nạp vào đoàn Kômxômôn. Mùa đông 1923, tình cờ tiếp xúc với tổ chức Kômxômôn của cục Gêpêu: một buổi chiều Antôn và Makarenkô đi xe trượt tuyết do con Mary kéo; đến chỗ dốc, Mary nhìn thấy một con lạc đà bỗng đâm hoảng và phi nước đại, không sao kìm hãm nổi, xe va vào và làm vỡ một chiếc xe trượt tuyết khác của cục Gêpêu. Xe này đuổi theo. Khi về đến cục, Antôn gây được cảm tình với các thanh niên ở đấy, và khi biết Antôn

và Makarenkô là những người của trại Gorki họ vui mừng hỏi chuyện và hứa chủ nhật sau đến thăm trại.

Họ giữ lời hứa và hết lòng ủng hộ trại về việc xin thành lập chi bộ Kômxômôn. Sự bảo trợ trực tiếp của Ủy ban nhân dân giáo dục Ukren và các vị thanh tra có óc tiến bộ của Ủy ban. Nhờ sự can thiệp của Ủy ban và của những bạn thân của trại, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Kômxômôn Ukren đã giải quyết vấn đề nhanh chóng: mùa xuân 1923, Tikhôn Nextêrôvich Kôvan được bổ nhiệm về trại làm chỉ đạo viên chính trị. Lai lịch, tính cách của Tikhôn.

Một chi bộ Kômxômôn gồm 9 đoàn viên được thành lập ở trại.

Vợ Đêriutsenkô sắp đẻ, y khó khăn lắm mới xin được Bratsenkô cấp ngựa cho đi tìm bà đỡ, rồi hôm sau lại đưa vợ lên tỉnh. Phải có mọi người can thiệp phê bình, Antôn mới chịu nhượng bộ. Hơn một tuần lễ sau, Antôn càng nổi xung hơn, khi phải cấp ngựa lần nữa đề đưa vợ Đêriutsenkô ở tỉnh về. Đứa con mới ra đời của Đêriutsenkô, Taratxơ, không nuôi được.

Đêriutsenkô thắc mắc về khẩu phần bơ. Vì bơ không có nhiều để chia cho những người không lấy món ăn ở nồi công cộng, y cứ làm đơn xin ra rồi lại xin vào danh sách công cộng đê hòng

được ăn bơ, nhưng y không gặp may hoài: hễ y vào danh sách là bơ lại hết, y ra bơ lại có. Đến khi y ăn ở nồi công cộng, bơ bỗng có nhiều để có thể chia cho các khẩu phần riêng, y xin trở lại lĩnh khẩu phần. Nhưng rồi y càng thắc mắc dữ vì nỗi không được truy lĩnh khẩu phần cho 8 ngày con y còn sống. Y khiếu nại lên tận ông Giám đốc sở Giáo dục. Kết quả là y cũng bị đuổi khỏi trại như Rôđimtsik.

Đang lo tìm đâu cho ra "con người chân chính", thì Makarenkô tình cờ gặp Piôtr Ivanôvich. Trường hợp gặp gỡ, câu chuyện trao đổi. Lai lịch, họa tượng và tính cách của Piôtr Ivanôvich. Anh thay đổi hẳn phong cách của trại thứ hai (giao

cho anh chỉ huy) và cùng với Tikhôn Nextêrôvich, Sêrê, các trại viên cũ, đưa trại tiến lên một cách vững vàng.

Tình hình của trại vào cuối năm 1923:

Trại đã có 80 trại viên, với nhóm nòng cốt chắc chắn. Tất cả cố gắng dồn vào việc tu sửa trại thứ hai cho mau xong, ai nấy đều vui lòng chịu kham khổ để thực hiện ý nguyện được sống sung túc ngày mai. Điểm danh các trại viên ưu tú cũ và mới, Họa tượng, lai lịch và tính cách của mỗi trại viên nòng cốt cũ và mới: Ôpriskô yêu quý ngựa và làm việc khoẻ, Gêorghiepxki giỏi chăm nom bọn trẻ nhỏ; hai anh em ruột Vônkôp, Jôra và Aliôsa, tính cách rất khác nhau: Jôra

lười, hay ganh ghét; có sự thay đổi bất ngờ là được cử làm đội trưởng trong một đội đặc biệt chỉ gồm có nó với Galatenkô, còn lười hơn nó, nó đã thúc đẩy được thằng này làm việc rất cẩn thận, và từ đây nó tiến bộ rất mau. Aliôsa Vônkôp mặt mũi xấu xí hơn, nhưng rất thông minh. Kutlaty, bản chất nông dân rõ rệt, trở thành cánh tay phải của Kalina trong các công việc sự vụ của trại. Xtupitxyn chỉ huy đội thứ mười nuôi lợn.

Hai nhóm hậu thuẫn cho nhóm lãnh đạo: điểm danh, tính cách chung của nhóm những trại cũ tốt nhưng không có tài tổ chức, và nhóm các trẻ nhỏ.

Số trại viên còn lại cũng chia làm ba

loại: bọn "đầm lầy", bọn tí nhau (15 đứa) và bọn "cặn bã" (5 đứa). Kỷ luật cờ của trai, đồng phục, tư thế của các đội ngũ khi diễu hành ở ngoài tỉnh những ngày hội.

Ngày 3 tháng 10 năm 1923, trại dời sang trại Trepkơ.

Mời các bạn ghé thăm Đào Tiểu Vũ eBook - www.dtv-ebook.com để tải thêm nhiều eBook hơn nữa.



Growing Readers

---

[1] Trích báo *Văn nghệ*, số 26, tháng 7-1959, trang 19.

[2] Thiệu Huy dịch, xuất bản năm 1959

[3] Phan Thị Miễn và Đỗ Đức Hiếu dịch, xuất bản năm 1960

[4] Henri Walông (Henri WALLON), tựa cho cuốn A.X.

Makarenkô nhà sư phạm xô-viết (1888 – 1939) của Iren Lêzin (Iréne LÉZINE),Pháp quốc Đại học ấn cục xuất bản, Pari, 1954

[5] S. O. Mêlich NUBARÔP, *Lịch sử Văn học xô-viết,* tập II, tr. 44, 47, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1956

[6] Iren Lêzin : sách đã dẫn, tr. 23

[7] Iren Lêzin : sách đã dẫn, tr. 23

[8] Đám cưới của Ôlia, một nữ trại viên

[9] Olympe pédagogique : Ôlanhpơ là tên nhiều ngọn núi của nước cổ Hy-lạp, nổi tiếng nhất là ngọn ở giữa hai xứ Maxêđoan và Thetxali, cao 2.885 m. Theo thần thoại Hy-lạp, đó là nơi ở của các vị thiên thần. Makarenkô dung danh hiệu "Ôlanhơ sư phạm" (có thể dịch cho xuôi là : Thượng giới sư phạm) để chỉ những nhà bác học giả ngụy tự coi mình như những thần thánh về khoa sư phạm, mà ông mô tả với một ngòi bút châm biếm rất ý nhị trong Bài ca sư phạm, đặc biệt ở tập III, chương 10

[10] Theo Iren Lêxin, thì là ngày 1 tháng 3

[11] Yếu lược Lịch sử Đảng Cộng sản (bônsêvich) Liên-xô, Nhà xuất bản ngoại văn, Mạc-tư-khoa, 1949, trang 112 (*chú thích của tác giả*)

[12] Nitsơ (Nietzsche): nhà triết học Đức (1844-1900)

[13] Dặm Nga (verste): 1,067 cây số.

[14] Phú nông.

[15] Văng đan (Vandales): tên một dân tộc nhật-nhĩ-man thời cổ, năm 445 gây chiến tranh tàn khốc, xâm lược La-mã, phá hoại rất nhiều những công trình văn hóa nghệ thuật.

[16] Pédogogique: sư phạm

[17] Họa sĩ Nga (1856-1910), đã vẽ bức danh họa thần mục đồng "Păng", năm 1899. Thần mục đồng "Păng", trong thần thoại Hy Lạp, là vị thần điền dã của các mục đồng, đầu có sừng, mình nửa người nửa dê. (*Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên)*

[18] Keksholm: tên một thành phố vùng Lêningrat.

[19] Pút: đơn vị trọng lượng Nga, bằng 16,380 kg.

[20] Hiệp sĩ nổi tiếng và được nhân dân yêu mến nhất trong truyền thuyết dân gian nước Nga. Ông tượng trưng sức khỏe vô địch và có đạo đức cao quý của dân tộc ông. *(Chú thích của bản dịch Pháp)*

[21] Tướng cướp Họa-mi: trong truyền thuyết dân gian Nga, tượng trưng sức mạnh ác hại. Nhân vật bí hiểm, khi lấy hình người, khi là thân người cánh chim, sau cùng bị Ilia Murômet đánh thua và giết chết.

[22] Kii, Chtchek và Khoriv là những cư dân đầu tiên của thành Kiep (Kiev). Về sau Kii trở thành vị công tước thứ nhất của thành Kiep, do đó thành mới lấy tên ông ta mà đặt: ở đây, ý nói kiểu đèn dầu đã cổ lắm. (*Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên)*

[23] Wrangel (1879 - 1928): tướng Bạch vệ trong thời kỳ nội chiến, thay Đênikin cầm đầu bọn phản cách mạng ở miền Nam nước Nga. Bị Hồng quân đánh thua tháng 11 năm 1920, phải rút tàn quân trốn ở Cônxtantinôp, sau chết ở Bruyxen năm 1928.

[24] Đây là nói sau Cách mạng tháng Mười, bọn địa chủ Ba-lan được các nước đồng minh can thiệp ủng hộ, đã tấn công đất nước Xô-viết.

[25] Lam và vàng là màu cờ của chính phủ Petliura. Trong thời kỳ nội chiến và nước ngoài vũ trang can thiệp ở nước Nga, y là kẻ cầm đầu phong trào phản cách mạng, có tính cách tư sản và dân tộc chủ nghĩa, thành lập chính quyền tàn bạo phản nhân dân tại Ukren. Sau bị Hồng quân đánh tan. Năm 1926 bị ám sát tại Pari.

[26] Sau năm 1920, Makarenkô đã phân tích phê phán những luận cứ của khoa sư phạm tư sản. Sau khi Bài ca sư phạm đã ra đời, cuộc phê phán ấy có khi bị coi như là sự "phủ nhận lý thuyết" nói

chung.

Trong cuốn Những ngọn cờ trên tháp Makarenkô đã viết về vấn đề đó như sau: "Ở đó có hàng đống những sự già nua và óc già nua không chịu chết yên ổn đi cho, nó sù lông dím lên, nó lăn ra ngang đường, nó khoác những quần áo mới và ngôn từ mới... nó lại còn viết được cả những bài báo nữa, trong đó nó đứng ra làm kẻ biện hộ cho nền "sư phạm xô-viết". (*Chú thích của bản dịch Pháp*).

[27] Kiểu lò sưởi di chuyển được và có thể lắp vào trong một lò sưởi thường.

[28] Vở kịch thơ "Rutxanka" (tiên nữ nửa người nửa cá) của Puskin, miêu tả một cô gái con một ông lão xay bột cùng khổ, vì yêu một gã công tước mà bị lừa, bèn nhảy xuống sông trẫm mình. Vở kịch đó sau được phổ thành nhạc kịch (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên).

[29] Bảng (livre) là đơn vị trọng lượng cũ, giá trị không nhất định, thường bị dùng một cách vô lý để gọi nữa kilo.

[30] Ở nước Nga ngày trước, nông dân nạp muối vào súng thay đạn thực để bắn kẻ trộm, đạn muối xuyên vào da thịt khiến kẻ bị đạn đau xót khổ sở vô cùng. (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên)

[31] Tổng thống thứ 25 của nước Mỹ, nhiệm kỳ từ 1897 đến 1901 (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên)

[32] Một đêxiatin bằng 10.925 thước vuông.

[33] Đênikin là một trong những tướng lĩnh chủ yếu của quân Bạch vệ trong thời nội chiến Nga. Năm 1917, y thống lĩnh những đạo quân vùng tây nam. Bị Hồng quân bắt, y vượt ngục, chỉ huy "đạo quân tình nguyện" chống lại chính quyền Xô - viết, đạt được ít nhiều thắng lợi ở Ukren, nhưng sau cùng bị đánh bại năm 1920.

[34] Pêrêkôp: eo đất nối liền bán đảo Crimê (Crimée) với lục địa, là nơi Hồng quân, năm 1920, đã tiêu diệt quân Bạch vệ của Wrangen.

[35] Nông dân

[36] Xe bốn bánh bằng gỗ, hai bánh trước nhỏ hơn hai bánh sau, ghế dài đặt ngang trên xe.

[37] Đầu lĩnh người Côdắc, khi họ còn độc lập. Đây chỉ bọn thổ phỉ.

[38] Một mụ đàn bà đã chiến đấu trong hàng ngũ thổ phỉ của Maknô

[39] Một danh tướng côdắc, chết năm 1380

[40] Pháp văn: như một con công.

[41] Pháp văn: giá bảo cầm kẹp mà gắp các trại viên cũng ngại.

[42] Mamine Sibiriak (1852-1912): nhà văn Nga, nổi tiếng về những tác phẩm miêu tả đời sống ở Uran và Xibêri *(Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên)*

[43] Véressaev (1867-1945): nhà tiểu thuyết Nga, nghiên cứu các tác gia, viết truyện ký và dịch Iliat của Hôme *(Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên)*

[44] Makar Tchouda: truyện ngắn của Gorki.

[45] Ignat Gordéiev: một nhân vật trong tiểu thuyết Tôma Gorđrêiev của Gorki.

[46] Truyện ngắn của Gorki.

[47] Có người dịch là "Thời đi ở" hay "Vào đời"

[48] Zađôrôp chơi chữ: chữ Korolenko gần giống với chữ *Korolek* trong tiếng Ukren, và chữ này có nghĩa là một người bé nhỏ, một ông vua nước nhỏ (*Chú thích của bản dịch Pháp*).

[49] Một điệu vũ dân gian Ukren.

[50] Xe nhẹ hai bánh.

[51] Xe cao bốn bánh, nhẹ, không mui, có hai ghế song song cho bốn người ngồi quay mặt ra đằng trước.

[52] Theo sự mê tín lâu đời trong dân gian, xác chim sáo xua đuổi ma quái làm hại ngựa. (*Chú thích của bản dịch Pháp*)

[53] Một thứ xe ngựa nhẹ, bốn bánh.

[54] Pháp văn : *youpin*, cũng như chữ *youtre* dưới đây, đều là tiếng lái khinh bỉ chỉ người Do-thái. Tạm dịch bằng một chữ xấu

nghĩa, đồng âm với chữ do (thái) như trên.

[55] Pextalôzzi: (1746-1827), nhà giáo dục Thụy-sĩ nổi tiếng, đã xúc tiến việc phát triển những quốc dân học hiệu, thí nghiệm kết hợp lao động sản xuất với giáo dục.

Rutxô (1712-1778), nhà triết học và nhà tư tưởng cách mạng tiểu tư sản của nước Pháp. Trong tác phẩm Emilơ, ông đã trình bày quan điểm giáo dục của ông.

Natorp (1854-1924): nhà triết học và nhà giáo dục tư sản của nước Đức, kẻ thù của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Blônxki (1884-1941), nhà giáo dục Nga, nghiên cứu vấn đề giáo dục từ mấy năm đầu trước và sau Cách mạng tháng Mười, viết cuốn Nhà trường lao động. Ông chịu ảnh hưởng rất sau của khoa giáo dục tiểu tư sản phương Tây. Sau công khai chuyển sang tuyên truyền cái khoa học giả ngụy "nhi đồng học".

Makarenkô đưa ra những tên đó để vạch rõ tính cách phi khoa học của khoa giáo dục học tư sản (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên)

[56] Pháp văn: những Tactuffơ. Tên một nhân vật giả đạo đức trong vở hài kịch Tactuffơ của Môlle.

[57] Pháp văn: dìm chết đuối.

[58] Zulu là một dân tộc ở Nam Phi châu (*Chú thích* của *Hứa Lỗi Nhiên*)

[59] Pháp văn: mù-tạc: tương hạt cải, dùng làm gia vị.

[60] Kasa: món ăn Nga, nấu bằng bột lúa mạch, kem và trứng.

[61] Tính cách, khuynh hướng của quốc gia Phổ-lỗ-sĩ (nước Đức cũ), do những kẻ quân phiệt cầm đầu. Ý nói sự giáo dục theo phương pháp áp chế tàn bạo.

[62] Araktsêiep (1769-1834), một quyền thần hống hách dưới các triều vua Nga Pôn đệ nhất và Alexandrơ đệ nhất. Trong lịch sử nước Nga, tên y biểu thị một chế độ chính trị rất hủ bại, chuyên chế và tàn bạo. (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên).

[63] Khoa học giả trá của giai cấp tư sản, phản động, nghiên cứu về trẻ em, cho rằng vận mệnh của một trẻ em là do ảnh hưởng những nhân tố sinh lý, tâm lý, xã hội, di truyền và những hoàn cảnh bất di bất dịch khác quyết định một cách không thể nào tránh được.

Thuyết này rất được lưu hành ở Liên-xô trong những năm 1920 - 1930. (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên.)

[64] Tseeka: tên gọi tắt của Ủy ban đặc biệt, phụ trách đấu tranh bằng mọi hình thức với những kẻ thù của cách mạng. Thành lập tháng 11 năm 1917, tổ chức đó có quân đội riêng, với nhiệm vụ thủ tiêu mọi âm mưu phản cách mạng, và có quyền hành động trên khắp nước Nga. Bị triệt bỏ năm 1922.

[65] Di-gan: tên gọi những người Bô-hê-miêng, nghệ sĩ giang hồ.

[66] Pháp văn: người nào biết tự trọng.

[67] Ý nói không thể ăn sống nuốt tươi như những người tiền sử chưa biết dùng lửa để nấu chín.

[68] Pháp văn: ngốc như cái lọ.

[69] Trò chơi có tính cách vui đùa, chỉ định người rút thăm phải làm những việc buồn cười, như: múa, hát, nhảy, hoặc hôn một người nào đó. Những việc đó đều ghi vào những mảnh giấy, ai rút được giấy ghi việc gì thì phải làm việc ấy (Chú thích của Hứa Lỗi Nhiên.)

[70] Pháp văn: phải làm việc như lũ quỷ.

[71] Pháp văn: như ở nhà một bà nội trợ giỏi.

[72] Pháp văn: như con mèo

[73] Xe ngựa không có thùng, hai bánh, rất nhẹ, chạy nhanh.

[74] Kiểu kiến trúc đời Đệ nhất Đế chính (Napôlêông đệ nhất), rất thịnh hành ở châu Âu và ở nước Nga hồi đó.

[75] Makhno, thủ lĩnh một bầy phản cách mạng hoạt động ở Ukren trong thời kỳ nội chiến. *(Chú thích của bản dịch Pháp)*.

[76] Theo dương lịch, mùa đông vào những tháng chạp, giêng và hai, mùa xuân vào những tháng ba, tư, năm. Ở đây nói mùa xuân, tức là sau mùa đông nói ở câu đầu chương này (*Chú thích của H.N.L.)*

[77] Pháp văn: rõ ràng như một cái cột dây thép.

[78] Lam và vàng là màu cờ của chính phủ Petllura. Trong thời kỳ nội chiến và nước ngoài vũ trang can thiệp ở nước Nga, y là kẻ cầm đầu phong trào phản cách mạng, có tính cách tư sản và dân tộc chủ nghĩa, thành lập chính quyền tàn bạo phản nhân dân tại Ukren. Sau bị Hồng quân đánh tan. Năm 1926, bị ám sát tại Pari.

[79] Septsenkô: nhà thơ Ukren, sinh ở tỉnh Kiep, mất ở Xanh Pêtecbua (1814-1861). Ông có tham gia phong trào cải cách quốc gia và xã hội.

[80] Người Côdắc xứ Ukren nổi loạn và bị nữ hoàng Catơrin II dời chuyển đến ở bờ sông Kuban (bề Azôp).

[81] Một điểm sơ ý của tác giả: ở trên vừa nói Rôđimtsik đưa bò về trại mới được "hai hôm".

[82] Pháp văn: Argonauters: Những anh hùng Hy-lạp, đi chiến thuyền *Argo*, độ năm chục người do Jadông cầm đầu, đến Consiđơ để chiếm lấy tấm lông cừu vàng, bị một con rồng canh giữ. Sau nhiều gian nan, các anh hùng đã thành công.

[83] Tác phẩm nổi tiếng của Meteclinh, nhà văn Bỉ (1862-1949).

[84] Đây là tên những nhà máy luyện kim lớn nhất, mà các công nhân được cả nước mến phục, vì quá trình tham gia phong trào cách mạng Nga và vai trò quyết định của họ trong sự thành lập chính quyền xô-viết. (Chú thích của bản dịch Pháp).

[85] Gêpêu: tên viết tắt (G.P.U) của Cục quốc gia chính trị bảo an, tổ chức trinh sát bí mật, thành lập năm 1921.

[86] Tseeka: tên gọi tắt của Ủy ban đặc biệt, phụ trách đấu tranh bằng mọi hình thức với những kẻ thù của cách mạng. Thành lập tháng 11 năm 1917, tổ chức đó có quân đội riêng, với nhiệm vụ thủ tiêu mọi âm mưu phản cách mạng, và có quyền hành động trên khắp nước Nga. Bị triệt bỏ năm 1922.

[87] Faust: Nhân vật chính trong vở kịch thơ *Faosto*, của Gơtơ.

[88] Pháp văn: Không còn tìm ra được lời nói trong một thứ tiếng nào nữa.

[89] Pháp văn: đổi vai vác súng.

[90] Ximmentan: lưu vực sông Xommơ, chi nhánh của sông Kangđe ở Thuỵ Sĩ, nơi chăn nuôi súc vật nổi tiếng.